# Chú giải Ngạ Quỷ Sự (Peter Masefield dịch Anh; TK Minh Huệ dịch)-

*Nikaya — bài lẻ & đối chiếu*

Chú Giải Ngạ Quỷ Sự

TK Minh Huệ dịch ---o0o---
Nguồn
Chuyển sang ebook 30-10-2015
Người thực hiện :
Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn
Nam Thiên - namthien@gmail.com
Mục Lục

LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ
CHÚ GIẢI VỀ NHỮNG CÂU CHUYỆN NGẠ QUỈ
CHƯƠNG I : XÀ PHẨM (URAGAVAGGA)
I.01 PHƯỚC ĐIỀN QUỈ SỰ
(KHETTUUPAMAAPETTAVATTHUVA.N.NANAA)
I.02 TRỦNG QUỈ SỰ (SUUKARA PETAVAT.THUVA.N.NANAA)
I.03 XÚ KHẨU QUỈ SỰ (PUUTIMUKKHA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
I.04 TÍCH TRUYỆN CÁI BÁNH ĐỒ CHƠI (PI.T.THADHIITALIKA)
I.05 HỘ NGOẠI QUỈ SỰ (TIROKU.D.DA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
I.06 THỰC NGŨ NHI QUỶ SỰ
I.07 THỰC THẤT NHI QUỈ SỰ
I.08 NGƯU QUỈ SỰ (GO.NA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
I.09 ĐẠI CHỨC VẬT SƯ QUỈ SỰ (MAHAAPESAKAARA
PETAVATTHUVA.N.NANAA)
I.10 NGỐC ĐẦU QUỈ SỰ (KHALLAATIYA
PETAVATTHUVA.N.NANAA)
I.11 TƯỢNG QUỶ SỰ (NAAGA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
I.12 XÀ QUỈ SỰ (URAGA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
CHƯƠNG II : UẤT BA LỢI PHẨM (UBBARIIVAGGA)
II.01 LY LUÂN HỒI QUỈ SỰ (SA.MSAARAMOCAKA
PETAVATTHUVA.N.NANAA)
II.02 XÁ LỢI PHẬT MẪU QUỶ SỰ (SAARIPUTTATHERAMAATU
PETAVATTHUVA.N.NAN)
II.03 MẪU QUỈ SỰ (MATTAA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
II.04 NAN ĐÀ QUỈ SỰ (NANDAA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
II.05 NHĨ HOÀN NỮ QUỶ SỰ
II.06 HẮC QUỶ SỰ (KA.NHA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

II.07 TÀI HỘ QUỈ SỰ (DHANAPAALA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
II.08 TIỂU THƯƠNG QUỈ SỰ (CUULASE.T.THIPITAVATTHUUVA.N.NANAA)
II.09 QUỈ SỰ VỀ ANKURA (A"NKURA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
II.10 UẤT ĐA LA MẪU QUỈ SỰ (UTTARAMAATU PETAVATTHUVA.N.NANAA)
II.11 TƯ NGẠ QUỈ SỰ (SUTTA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
II.12 VÔ NHĨ KHUYỂN CẨU QUỈ SỰ (KA.N.NAMU.N.DA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
II.13 UẤT BA LỢI QUỈ SỰ (UBBARII PETAVATTHUVA.N.NANAA)
CHƯƠNG III : TIỂU PHẨM (CUU.LAVAGGA)
III.01 BẤT ĐÁNG QUỈ SỰ (ABHIJJAAMANA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
III.02 QUỈ SỰ VỀ SAANUVAASI (SAANUVAASI PETAVATTHUVA.N.NANAA)
III.03 TẠO XA QUỈ SỰ (RATHAKAARA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
III.04 QUỈ SỰ VỀ TRẤU (BHUSAPETVATTHU)
III.05 TIỂU NHI QUỈ SỰ (KUMAARA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
III.06 QUỈ SỰ SERINII (SERINII PETAVATTHUVA.N.NANAA)
III.07 LIỆP LỘC QUỈ SỰ (MIGALUDDA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
III.08 ĐỆ NHỊ LIỆP LỘC QUỈ SỰ
III.09 TRÁ KHI QUỈ SỰ (KUUTAVINICCHAYIKA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
III.10 GIỚI BẤT KỈNH THẤP QUỈ SỰ (DHAATUVIVA.N.NA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
CHƯƠNG IV : ĐẠI PHẨM (MAHAAVAGGA)
IV.01 QUỈ SỰ AMBASAKKHARA (AMBASAKKHARA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
IV.02 QUỶ SỰ SERISSAKA (SERISSAKA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
IV.03 NAN ĐÀ QUỈ SỰ (NANDAKA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
IV.04 QUỈ SỰ REVATII (REVATII PETAVATTHUVA.N.NANAA)
IV.05 CAM GIÁ QUỈ SỰ (UCCHU PETAVATTHUVA.N.NANAA)
IV.06 TIỂU NHI QUỈ SỰ (KUMAARA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
IV.07 VƯƠNG NHI QUỈ SỰ (RAAJAPUTTA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
IV.08 PHẨN THỰC QUỶ SỰ (GUUTHAKHAADAKA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
IV.09 THỰC PHẨN QUỈ SỰ (GUUDHAKAADAKA PETAVATTHU VA.N.NANAA):

IV.10 QUẦN TẬP QUỈ SỰ (GA.NA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
IV.11 HOA TỬ QUỈ SỰ (PAA.TALIPUTTA
PETAVATTHUVA.N.NANAA)
IV.12 ÂM-BA QUỈ SỰ (AMBA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
IV.13 MỘC TRỤC QUỈ SỰ (AKKHARUKKHA
PETAVATTHUVA.N.NANAA)
IV.14 SÚC TÀI QUỈ SỰ (BHOGASA.MHARA.NA
PETAVATTHUVA.N.NANAA)
IV.15 THƯƠNG TỬ QUỈ SỰ (SE.T.THIPUTTA
PETAVATTHUVA.N.NANAA)
IV.16 QUỈ SỰ VỀ SÁU CHỤC NGÀN CÁI BÚA (SA.T.THIKUU.TA
SAHASSA PETAVATTHUVA.N.NANAA)
NHỮNG LỜI NHẬN XÉT ĐỂ KẾT LUẬN
---o0o---

LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Kính bạch chư Đại Đức Tăng.

Kính thưa quí Phật tử và quí độc giả uyên thâm.

Tập chú giải Ngạ quỉ sự này được khởi dịch vào khoảng sau mùa dâng y năm vừa rồi và hoàn mãn vào ngày 02, tháng 02, năm 1994. Qua bộ chú giải này, chúng tôi có một vài nhận xét như sau:

Những chúng sanh nào trong cõi người mà chưa chứng đắc các tầng thiền, nghĩa là tâm vẫn còn bị chi phối bởi ngũ dục: Đối với những người có Đức tin trong chánh Pháp thường gieo tạo nhiều việc phước như bố thí, trì giới v.v..., nhưng đôi khi vẫn còn phạm phải chút ít các nghiệp về thân, khẩu và ý; Do đó, sau khi chết đều tái sanh trong cõi Dục. Nếu vào lúc lâm chung mà thiện nghiệp được tích lũy mạnh hơn sanh lên trong tâm thời sẽ được sanh về một trong sáu tầng trời Dục giới hay cõi nhân loại. Tuy nhiên, nếu có ác nghiệp nào đó đã làm trong quá khứ sanh lên trong tâm vào lúc lâm chung thời người ấy phải tái sanh trong bốn khổ cảnh: Hoặc là địa ngục, Súc sanh, A tu la, hoặc là sanh làm Ngạ quỉ. Nếu ác nghiệp ấy quá nặng nề, thời phải trực tiếp sanh trong địa ngục, rồi sau đó sanh trong cõi Ngạ quỉ hoặc - Súc sanh v.v... Nhưng khi sanh làm người, sẽ chịu nhiều bất hạnh (đây là trường hợp chung chung chứ không tuyệt đối). Bằng ngược lại,nếu ác nghiệp yếu hơn và có tiềm ẩn trong tâm một số thiện nghiệp, nhưng vì lúc mạng chung tâm đi tái sanh là tâm bất thiện, nên người này có thể sanh vào cõi Ngạ quỉ, hoặc nửa Ngạ quỉ nửa chư Thiên, hoặc sanh trực tiếp vào cõi súc sanh.

Trong kinh có dạy rằng: "Giới ngăn ngừa cho chúng sanh không sanh vào các khổ cảnh". Nhưng cái gì khiến cho giới sanh lên trong tâm? Trong tạng luật có dạy rằng, tàm và quí - hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, là hai trạng thái của tâm thiện. Chúng như hai vị Kiện tướng hùng dũng dẫn đường cho Đạo quân thiện Pháp vươn tới để người ta thành tựu những việc phước. Chính bộ Ngạ quỉ này mà sau khi đọc xong, chắc chắn quí vị sẽ

không nhiều thì ít thấy rõ nỗi khổ cùng cực mà các Ngạ quỉ phải lãnh chịu trong khổ cảnh ấy. Và do đó, sẽ sanh tâm ghê sợ và hổ thẹn tội lỗi; nhờ vậy mà giới của quí vị sẽ được củng cố và trong sạch. Đó là lợi ích của việc thọ trì bộ chú giải Ngạ quỉ sự này.

Đức Phật có dạy rằng: Có những nghiệp ác mà do tác ý khéo léo của những thiện nhân khiến cho nó trở thành vô hiệu nghiệp, nghĩa là nó không thể cho quả được như hạt giống không có chỗ đất và những điều kiện thích hợp để cho nó nẩy mầm, đành phải khô héo và tiêu tan. Nhưng có những nghiệp mà dầu chư Thiên có Đại oai lực hay phạm thiên hay ngay cả Chư Phật trong kiếp chót của các Ngài cũng không thể tránh khỏi được. Do vậy, tôi xin lấy lời khuyên mình để thưa với quí vị rằng: Chúng ta không nên khinh thường một ác nghiệp nào cả, dầu nhỏ nhặt đến đâu, bởi vì khi nó cho quả thì sự thọ lãnh của nó thật là cay đắng và đau khổ. Tuy nhiên, cũng có những kẻ thiếu trí tự cho rằng mình đã làm quá nhiều thiện nghiệp, thì những điều ác nhỏ nhặt có thấm vào đâu, hoặc là nếu nó có cho quả thì ta cũng có thể chịu được, vì một việc thiện lớn. Nhưng đối với họ là nhỏ, còn những người có tàm có quí thì xem những ác nghiệp nhỏ tựa như núi Thái sơn. Ở đây tôi tán dương những người làm việc thiện dầu ở bất cứ tôn giáo nào! Nhưng tôi không khen ngợi và tán thành câu: "Sát nhất miêu cứu vạn thử", bởi vì đức Phật có dạy

rằng, "Điều nào đem lại lợi ích cho người và cho chính mình thì hãy làm, bằng ngược lại thì không nên làm." Do đó, khi làm việc thiện, ta nên rán tránh những điều ác có thể len lỏi vào.

Cha mẹ hay thân bằng quyến thuộc của chúng ta đã quá vãng thì ta nên làm phước về bốn món vật dụng như vật thực v.v... để hồi hướng cho những quyến thuộc ấy của chúng ta. Đó là cách báo đáp ân sâu đối với những bậc hữu ân đã quá vãng, biết đâu những quyến thuộc ấy đã sanh trong cõi Ngạ quỉ hay làm một Vimaana Peta, nghĩa là nửa chư thiên nửa Ngạ quỉ; Nếu không thì phước ấy cũng không vô ích cho chính ta. Ngoài cách cầu siêu ấy ra thì không còn cách nào hơn.

"Pháp thí thù thắng hơn tất cả các sự bố thí khác". (Phật ngôn).

Do phước báu của Sự phiên dịch bộ kinh này, xin hồi hướng đến chư Thiên ở khắp mười phương, nhất là Vua trời Đế Thích và Tứ Đại Thiên Vương, cầu mong các Ngài hoan hỷ thọ lãnh Pháp Thí ấy. Sau khi đã thọ lãnh rồi; xin hộ trì cho cha mẹ của chúng tôi được an vui, mạnh khỏe, tật bệnh tiêu trừ, tai qua nạn khỏi và được tiến hoá trên Đường Phật Đạo, xin hộ trì cho chư thí chủ cũng được thành tựu các quả lành như ý nguyện, và cho tất cả chúng sanh được thanh bình hạnh phúc, mưa thuận gió hoà, người người thương yêu lẫn nhau, dìu dắt nhau vươn tới hạnh phúc tối thượng.

Người ta nói rằng: Dịch là phản, nhưng với lòng tha thiết với giáo Pháp của Đức Phật mà trình độ phiên dịch thì có hạn, nên không thể tránh khỏi thiếu sót; mong chư Đại Đức Tăng và chư độc giả uyên thâm hãy niệm tình hỉ xã.

Nam mô bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Mong thay!

Tỳ kheo Minh Huệ.

-o0o-

CHÚ GIẢI VỀ NHỮNG CÂU CHUYỆN NGẠ QUỈ

Con xin thành kính tán dương Đức Thế Tôn, Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.

Lời Phi Lộ

1. Con xin đảnh lễ Đấng cứu tinh có lòng từ bi quảng đại, Bậc đã vượt qua Đại Dương của các Pháp có thể biết được, và bằng nhiều phương tiện đã thuyết giảng các pháp vi diệu và thâm sâu.

2. Con xin đảnh lễ Pháp cao thượng, được đức Chánh Biến Tri tôn trọng, nhờ đó mà những người có trí tuệ và giới đức đều được dẫn dắt ra khỏi thế gian này.

3. Con xin đảnh lễ Chư Thánh Tăng, là Phước điền vô thượng gồm những bậc có những đức tánh về giới đức v.v... đã đứng vững trong các thánh Đạo.

4. Do phước báu của sự làm lễ ba ngôi Tam Bảo, do hồng ân chói lọi của Tam Bảo, xin giúp con diệt trừ những chướng ngại ở khắp mọi nơi.

5. Chính do sự khác biệt về sự hưởng quả của nghiệp này hay nghiệp khác mà các Ngạ quỉ đã gieo tạo trong những kiếp quá khứ, khiến cho kiếp sống này hay kiếp sống nọ sanh làm một Ngạ quỉ đã xảy đến cho chúng.

6. Sự giải rõ điều này là giáo Pháp ấy của chư Phật, làm cho thấy rõ sự thọ lãnh quả của các nhiệp, đặc biệt khiến cho sự kinh cảm sanh lên.

7. Và điều ấy có cơ sở trên một sự hiểu biết hoàn toàn (Về chủ đề), tức là những câu chuyện Ngạ quỉ được trùng tuyên bởi những vị Thầy vĩ đại trong bộ Khuddaka-Nikaaya.

8. Hoàn toàn dựa vào đó theo cách chú giải cổ xưa về những câu chuyện Ngạ quỉ và giải thích chủ đề đặc biệt ở nhiều chỗ.

9. Giải rõ một cách rõ ràng và không có lộn xộn những ý nghĩa vi tế theo đúng với những quan điểm của người trú ngụ trong Tịnh xá Mahaavihaara,

10. Tôi sẽ trình bày bằng hết khả năng của mình một bài giải thích sáng chói về ý nghĩa của chúng. Với lòng tôn kính đúng mức, xin hãy chú tâm theo dõi điều mà tôi sẽ giải ra.

Ở đây câu chuyện Ngạ quỉ (kể) về điều này hay điều nọ là nghiệp làm nguyên nhân cho sự đạt đến kiếp sống sanh làm Ngạ quỉ của chúng, Bắt đầu bằng câu chuyện về đứa con trai của vị thương nhân giàu có. Do đó, những câu chuyện Ngạ quỉ từ bài kinh mà bắt đầu bằng câu kệ, "Những vị A la hán như một thửa ruộng". Diễn ra bằng lối giải thích rõ ràng ý nghĩa của chúng. Bây giờ những câu chuyện Ngạ quỉ này, được nói ra cho ai, được nói ở đâu, khi nào, và tại sao những câu chuyện ấy được nói ra? Tương truyền rằng những câu chuyện Ngạ quỉ này tiếp diễn trong hai

phần, do nhân cần thiết đã sanh lên và do những câu hỏi và những câu trả lời. Ở đây cái mà diễn ra do nhân cần thiết đã sanh lên, chừng này được nói ra bởi đức Thế Tôn, trong khi phần kia khi được hỏi bởi Trưởng lão Naarada và những vị khác, và được trả lời bởi Ngạ quỉ này hay Ngạ quỉ khác. Tuy nhiên, bởi vì phần này hay phần kia của những câu hỏi và những câu trả lời khi đã được nêu lên bởi Trưởng lão Naarada và những vị khác thì bậc Đạo sư sẽ lấy phần này hay phần nọ làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng giáo Pháp cho hội chúng đã hội họp ở đó; do đó toàn thể những câu chuyện Ngạ quỉ được xem là đã được nói ra bởi chính bậc Đạo sư. Khi bậc Đạo sư đã chuyển bánh xe của Giáo Pháp cao thượng và đang lưu trú ở chỗ này hay chỗ nọ, như ở Raajagaha và những nơi khác. Theo lệ thường, bài pháp nầy hay bài Pháp khác bao gồm một câu chuyện Ngạ quỉ đã xảy ra với mục đích làm cho thấy rõ sự thọ lãnh quả của nghiệp của những chúng sanh do bởi những câu hỏi và những câu trả lời mà điều này hay điều khác (đã tình cờ) sanh lên nguyên nhân cần thiết. Tới chừng mức như vậy, đây là câu trả lời chung cho những câu hỏi nói về "do ai mà chúng được nói ra" v.v... Tuy nhiên, vấn đề này sẽ xuất hiện đặc biệt trong bài giải thích về ý nghĩa của câu chuyện này hay câu chuyện khác.

Về Tam tạng Pi.taka, tức là Luật tạng, Kinh tạng, và tạng Abhidhamma, những câu chuyện Ngạ quỉ này được bao gồm trong Kinh tạng. Đối với năm bộ Nikaaya, tức là Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh, và Tiểu Bộ Kinh, chúng được bao gồm trong Tiểu Bộ Kinh. Về chín chi phần của giáo Pháp, tức là những bài pháp văn xuôi, văn xuôi và kệ, những bài thuyết giảng, những câu kệ, những câu kệ cảm hứng, Kinh Phật thuyết như vậy, những câu Chuyện Bổn sanh, những điều kỳ diệu, linh tinh, chúng được phân loại là những câu kệ. Về Tám Mươi Bốn Ngàn Pháp Môn của Giáo Pháp được thừa nhận bởi vị quan giữ kho Chánh Pháp như vầy:

"Tám Mươi Hai Ngàn tôi đã lãnh hội Từ Đức Phật, và Hai Ngàn từ vị Tỳ kheo, là Saariputta. Tám Mươi Bốn Ngàn Pháp Môn này là pháp luân chuyển". Chuyện Ngạ quỉ được phân loại là một số ít trong những pháp Môn này. Bằng những phần tụng đọc, có đến bốn phần tụng đọc. Về phẩm thì chúng được phân loại thành bốn phẩm: Xà Phẩm, Phẩm Ubbarii (Uất-ba-lợi), Tiểu Phẩm và Đại Phẩm. Về những phẩm này, có mười hai câu chuyện trong phẩm đầu, mười ba câu chuyện trong phẩm thứ hai, mười câu chuyện trong phẩm thứ ba, và mười sáu câu chuyện trong phẩm thứ tư. Như vậy, bộ kinh này được tô điểm bởi năm mươi mốt câu chuyện cả thảy. Ở đây về phẩm thì Xà phẩm là Phẩm thứ nhứt; về những câu chuyện thì chuyện Ngạ quỉ như thửa ruộng là câu chuyện thứ nhứt, hơn nữa, trong câu chuyện này câu kệ đầu tiên là: "Những vị A la hán giống như một thửa ruộng". Bây giờ, đây là câu chuyện ấy.

---o0o---

[1.1]

CHƯƠNG I : XÀ PHẨM (URAGAVAGGA)

I.01 PHƯỚC ĐIỀN QUỈ SỰ (KHETTUUPAMAAPETTAVATTHUVA.N.NANAA)

Đức Thế Tôn, khi đang ngụ ở chỗ nuôi ăn của những con sóc, trong khu rừng Trúc tại Raajagaha, đã kể lại câu chuyện này liên quan đến một Ngạ quỉ nọ mà trước kia là con trai của một vị thương Nhân giàu có.

Tương truyền rằng, tại Raajagaha có một vị Thương nhân giàu có nọ, có của cải lớn, vật sở hữu lớn, nhiều nguồn vật chất và vô số Ko.ti của cải tích lũy. Chính vì ông ta có của cải lớn mà ông ta đơn giản được nổi danh là Mahaa dhanasetthi (Đại Trưởng giả). Ông ta chỉ có một đứa con trai duy nhất, được ái nịch nhiều và được chiều chuộng. Khi cậu ta đến tuổi thành niên thì cha mẹ của cậu nghĩ rằng, "nếu con trai của chúng ta tiêu xài một ngàn đồng mỗi ngày trong một trăm năm thì cả số của cải này cũng không hết. Hãy cho nó hưởng tài sản này theo ý thích của nó với một thân và tâm không mỏi mệt, vì không cần phải học một nghề nào". Họ đã không để cho cậu ta học nghề và khi cậu đến tuổi thành niên, họ đem về cho cậu một nàng dâu thuộc một gia đình tốt, trẻ trung, xinh đẹp và duyên dáng, nhưng là người ưa khoái lạc nhục dục và không quan tâm đến lối sống tâm linh. Khi cậu ta hưởng những khoái lạc tình yêu với nàng, cậu chẳng hề có một ý nghĩ về chánh Pháp và trở nên bất kính với những vị Sa môn, Bà la môn và những bậc đáng kính, và lại được vây quanh những người ác. Và được bám sát như thế, cậu ta vui thích trong ngũ dục bằng tánh si mê của cậu, cậu mải mê đắm chìm trong khoái lạc và trải qua cuộc đời như thế.

Khi Cha mẹ qua đời, anh ta hoang phí của cải của mình, vung vải tiền bạc đến những vũ nữ những ca sĩ và những người khác theo ý thích của anh ta. Chỉ trong một thời gian ngắn, tất cả của cải của anh ta dần dần cạn hết, anh ta bắt đầu sống bằng cách cấn nợ vay tiền. Khi anh ta không thể kiếm thêm tiền vay và bị thúc ép bởi những chủ nợ, anh ta cho họ đất trồng trọt, nhà cửa và những thứ khác, rồi đến sống trong phước xá dành cho những người nghèo túng trong cùng thành Phố ấy, ăn (cái gì anh ta kiếm được) bằng cách đi lang thang cầm bát xin ăn.

Một hôm nọ, có một số tên cướp kéo đến và nói với anh ta rằng, "Hãy nhìn đây, này người kia, tại sao cuộc sống của anh lại vất vả đến như thế này? Anh còn trẻ

lại có sức mạnh, nhanh nhẹn và có khả năng. Tại sao phải sống như người mất tay mất chân vậy? Nào! Nhờ đi ăn cắp với chúng ta, anh có thể kiếm về của cải của những người khác và sống thoải mái!" "Tôi không biết cách ăn cắp". Anh ta đáp lại. "Chúng ta sẽ chỉ cách cho anh. Anh chỉ cần làm theo mọi điều mà chúng ta bảo," những tên cướp nói. "Thôi được", anh ta đồng ý và đi chung với chúng. Rồi những tên cướp đặt một cây gậy lớn vào tay anh ta rồi đột nhập vào nhà. Khi chúng đi vào, chúng để anh ta đứng ở cửa ngạch, dặn rằng, "nếu có ai khác đến đây thì cầm cây gậy này đánh vào người ấy một cú cho chết". Đầy si mê rồ dại và không biết cái gì là tốt hay xấu đối với anh ta, anh ta đứng ở đó, nhìn quanh chờ những người lạ đi đến, trong khi đó những tên cướp đi vào nhà lấy bất cứ cái gì chúng có thể rớ tới, và chạy đi loạn xạ ngay khi những người trong nhà biết được việc làm của chúng. Những người trong nhà đứng lên, chạy rất nhanh và lùng sục tìm kiếm chúng khắp mọi hướng, trông thấy người đàn ông đứng ở cửa, nơi mà chúng đã đột nhập vào. "Nó đó kìa, tên cướp." Họ nói, và rồi tóm lấy anh ta và đánh anh ta bằng cây gậy và những thứ khác trên hai tay và hai chân của anh ta. Họ

đưa anh ta đến trước đức vua và nói rằng "Tâu Bệ hạ", đây là tên cướp đã bị tóm bắt ở cửa miệng ngạch". "Truyền chém đầu nó!" Đức vua truyền lệnh cho đội binh bảo vệ thành phố. "Xin tuân lệnh, tâu bệ hạ", Đội lính canh Thành phố nói và sai trói chặt hai cánh tay của anh ta ra sau lưng. Với một tràng hoa Kanaviira màu đỏ được buộc quanh cổ của anh ta và cái đầu của anh ta bị làm vấy bẩn bởi bụi gạch, người ta đánh anh ta bằng roi trong khi dẫn anh ta đến pháp trường theo con đường đã được công bố bằng tiếng trống xử trảm. Họ dẫn anh ta đi từ con đường này đến con đường khác, và từ ngã tư đường này đến ngã tư đường khác, trong khi đó tiếng la ó từ hai bên đường vang lên rằng, "đây là tên cướp đã bị tóm bắt trong Thành Phố này!"

Bấy giờ trong Thành Phố ấy, vào trường hợp ấy, có cô gái điếm của Thành phố, tên là Sulasaa, đang đứng trong cung điện nhìn ra qua cửa sổ mắt cáo, và trông thấy anh ta bị dẫn đi như thế. Do đã làm quen với anh ta trong quá khứ, lòng thương xót đối với anh ta khởi lên trong nàng vì nàng nghĩ rằng: "Người đàn ông này mà đã thường thọ hưởng sự hưng thịnh lớn trong cùng thành phố này, nay phải rơi vào tình cảnh bất hạnh như thế, đi đến cảnh ngộ khốn đốn như vậy". Nàng gởi ra bốn loại đồ ngọt và một ít nước, và sai công bố với đội lính canh của Thành phố rằng, "Xin các ngài hãy tạm dừng một chút cho đến khi người đàn ông này đã ăn xong những thứ đồ ngọt này và uống nước này". Bấy giờ, trong khoảng thời gian xảy ra sự việc này, Đại đức Moggallaana trông thấy cảnh ngộ của anh ta khi Ngài dò xét thế gian bằng thiên Nhãn của Ngài, tâm của Ngài bị kích động bởi lòng bi mẫn và Ngài nghĩ rằng, "Người đàn ông này đã không làm những việc phước, anh ta chỉ gây ra những ác nghiệp mà thôi. Vì lý do này anh ta sẽ anh vào trong Địa Ngục. Nhưng nếu ta đi đến đó và anh ta chịu cho ta những thứ đồ ngọt và nước

uống, thời anh ta sẽ ra đi cọng trú với những vị chư Thiên địa cầu. Lành thay, nếu ta giúp đỡ người ấy", Và Ngài xuất hiện trước mặt người đàn ông khi những thứ đồ ngọt và nước uống đang được đem đến cho anh ta. Khi anh ta trông thấy Trưởng lão, với lòng tịnh tín, anh ta suy nghĩ rằng "Nếu ta ăn những thứ đồ ngọt này thì có ích gì cho người sắp bị giết chết? Nhưng chúng có thể làm hành trang cho người đi sang thế giới bên kia". Và anh ta nhờ người dâng những thứ đồ ngọt và nước uống đến Trưởng lão. Với mục đích làm gia tăng lòng tịnh tín của anh ta, Trưởng lão ngồi xuống ở một chỗ để anh ta có thể trông thấy Ngài, và ăn những thứ đồ ngọt và uống nước, rồi đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra đi. Người đàn ông bị những Đao Phủ thủ dẫn đến pháp trường và chém đầu. Dầu anh ta đáng được sanh vào cõi Devaloka thù thắng nhờ việc phước mà anh ta đã gieo tạo nơi Trưởng Lão Mahaa Moggallaana, là phước điền vô thượng, nhưng vì anh ta đã nghĩ rằng, "Chính nhờ ơn của Sulasaa nên ta có được phước này", nên những ý nghĩ vào lúc lâm chung của anh ta bị lấm nhơ bởi những cảm nghĩ về tình thương đối với Sulasaa, và vì thế anh ta sanh lên ở cấp độ thấp, làm một vị thọ Thần trong một cây đa lớn giữa một đám cây rừng có bóng mát dầy đặc.

Tương truyền rằng, Nếu trong thời thanh xuân của anh ta mà anh ta làm việc chăm chỉ và trông nom gia hệ, thời chắc chắn anh ta sẽ là một người tối thắng trong những vị thương nhân giàu có trong cùng thành phố ấy; nhưng trái lại, nếu khi ở tuổi trung

niên, thời anh ta sẽ là người tối thắng trong những vị thương nhân giàu có bực trung; và nếu ở tuổi già, thời anh ta sẽ là một trong những vị thương nhân bực thấp nhứt. Tuy nhiên, nếu trong thời thanh niên của anh ta mà anh ta đi xuất gia, thời anh ta sẽ trở thành một vị A la hán; nhưng trái lại, nếu trong thời trung niên, thời anh ta sẽ trở thành một vị Bất lai hay Nhất lai; và nếu trong tuổi già của anh ta, thì anh ta sẽ trở thành một vị Tu đà huờn (Sotaapanna). Nhưng người ta nói rằng, do sự kết hợp của anh ta với bạn ác, anh ta đã trở nên ngang ngạnh và xu hướng theo hạnh kiểm xấu, và chơi bời trụy lạc với những nữ nhân, uống rượu, và đến một lúc nào đó anh ta đã tiêu phí hết tất cả tài sản của mình và đi đến cảnh ngộ bi đát to lớn ấy.

Rồi về sau vị chư Thiên ấy trông thấy Sulasaa đang đi đến công viên. Đầy tham ái và dục vọng, vị ấy làm cho nàng mê mờ, rồi đưa nàng đến cõi của chính vị ấy, và sống gắn bó với nàng trong bảy ngày và rồi cho nàng trông thấy chơn tướng của mình. Mẹ của nàng, vì không thể trông thấy nàng ở đâu, bèn rảo đi khắp các nơi mà khóc lóc. Khi mọi người trông thấy bà ta, họ nói rằng: "Đức Mahaamoggallaana tôn quí là Người có đại thần thông và đại uy lực, sẽ biết được chỗ ở của nàng. Bà nên đi hỏi Ngài" "Tốt lắm, thưa các người", Bà ta nói, đoạn đi đến Trưởng lão và hỏi Ngài về vấn đề ấy. Trưởng lão nói rằng Bà sẽ trông thấy nàng ở mé góc của hội chúng khi Đức Thế Tôn đang thuyết Giảng Chánh Pháp ở

Mahaa vihaara, trong khu rừng trúc, trong bảy ngày kể từ hôm nay". Rồi Sulasaa nói với vị Devaputta rằng, "Thật không thích hợp để tôi sống trong trú xứ của ngài, ngày hôm nay là ngày thứ bảy, và mẹ của tôi vì không thể trông thấy tôi, sẽ rất nóng lòng và buồn khổ, xin hãy đưa tôi về lại chỗ đó, Deva ạ!" vị ấy đưa nàng đi khi đức Thế Tôn đang thuyết giảng Chánh Pháp ở khu rừng trúc, và đặt nàng ở mé góc của hội chúng, rồi đứng ẩn mình. Nhân đó mọi người, khi trông thấy Sulasaa, bèn nói rằng, "Sulasaa cưng, cô đã ở đâu trong nhiều ngày như vậy? Mẹ của cô, vì không thể trông thấy cô, đầy mong ngóng và buồn khổ như người đảng trí". Nàng kể cho mọi người biết biến cố đã xảy ra. Và khi mọi người hỏi rằng, "Làm sao mà người đàn ông ấy, là người đã đắm chìm trong những hành động ác như thế, và cũng là người chưa hề làm việc thiện nào, lại được sanh làm một vị Dava?" Salasaa đáp lại rằng: "Anh ta đã cho đến Trưởng lão cao quí Mahaa Moggallaana những loại đồ ngọt và nước uống mà tôi đã cho anh ta; chính do việc phước nầy mà anh ta được sanh làm một vị Deva ". Sau khi mọi người nghe được điều này thì họ lấy làm ngạc nhiên; và họ cảm thấy hoan hỷ lớn và thoả mãn khi nghĩ rằng: "Những bậc A-la-hán quả thật là phước điền vô thượng của thế gian - Ngay cả một việc thiện nhỏ nhất được làm đến cho các ngài cũng khiến cho những chúng sanh ấy được sanh làm chư thiên".

Các vị Tỳ kheo nêu lên vấn đề này với đức Thế Tôn; và do nhân cần thiết đã sanh lên, đức Thế Tôn bèn nói những câu kệ này:

1.

Thánh Tăng như ruộng tốt tươi,
Những kẻ dâng cúng như người trồng cây;

Hạt giống như phước thí đây:
Từ những nhân ấy quả này cho ra.
2.

Hạt này với thuở ruộng này,
Với công trồng trọt kết xây quả lành
Cho người quá vãng của mình
Và cho người đã tạo thành phước kia;
Ngạ quỉ hưởng phước được chia,
Người cho nhờ đó sanh về cõi vui.
3.

Ở đây khi phước tạo rồi,
Và cho Ngạ quỉ đứng ngồi chờ mong-
Phước lành khi đã tạo xong,
Người kia khi chết sanh trong cõi trời.
Chú giải:

1- Ở đây: "NHƯ RUỘNG TỐT TƯƠI (Khettaa Pamaa): Thửa ruộng là chỗ nuôi dưỡng những hạt giống đã được vãi ra và được gieo xuống trong đó, và là chỗ bảo vệ chúng bằng cách biến chúng thành quả lớn. Đó là chỗ dành cho những hạt lúa đang mọc lên v.v... "Như ruộng tốt tươi" Nghĩa là các Ngài tương tự như thửa ruộng đã được sửa soạn để cày. THÁNH TĂNG (Arahato): Những người đã đoạn trừ các lậu hoặc, các Ngài được gọi là "A-la-hán" bởi vì kẻ thù là ô nhiễm và những cái căm của bánh xe luân hồi đã bị các ngài phá nát rồi; vì các Ngài đã xa lìa chúng; bởi vì các Ngài thọ những món vật dụng; và vì các Ngài không làm những ác nghiệp, ngay trong chỗ những chỗ kín đáo. Về điều này, cũng như một thửa ruộng đã được khéo sửa soạn, vì nó không bị phá hoại bởi những cây cỏ, khi được gieo bởi những hạt giống thì cho ra kết quả lớn nhờ công chăm bón trồng trọt. Khi được gieo nghĩa là nó được tưới nước đúng thời và những điều kiện cần thiết khác cũng được làm xong. Cũng vậy, đối với người mà trong tâm người ấy các lậu hoặc đã được đoạn trừ, người đã chứng đắc rốt ráo và không còn ô nhiễm về tham -sân - si, khi được gieo bằng hạt giống phước thí, thì đem lại quả báu lớn cho người cúng dường, chỉ cần đúng thời và những điều kiện cần thiết khác có mặt. Vì lý do này mà Đức Thế Tôn nói rằng, "Các vị A-la-hán như một thuở ruộng". Đây là lời giải thích bằng lối đ?nh nghĩa rốt ráo, vì những người hữu học thì không được bao gồm trong thửa ruộng ấy. NHỮNG NGƯỜI CÚNG DƯỜNG (Daayakaa): Những người cúng dường là những người đã cho đi những vật dụng như y phục v.v... bằng sự bố thí rộng rãi của họ những người đã cho đi là những người dã cắt đứt lòng tham và những ô nhiễm khác trong tâm của chính họ, nghĩa là những người làm cho thanh tịnh và phòng hộ tâm của họ. NHƯ NHỮNG NGƯỜI NÔNG DÂN (Kasakaapamaa): Tương tự như người nông dân: Cũng y như người nông dân có được kết quả thù thắng và dồi dào về những vụ mùa của ông ta nếu ông ta cày xới những thuở ruộng của ông ta và chăm chỉ vun bón đều đặn, và thực hiện hệ thống tưới nước, sự cất vào kho và sự bảo vệ

v.v...; Cũng vậy, người mà cho ra cũng được quả báu dồi dào và thù thắng từ vật thí của người ấy, nếu người ấy siêng năng trong việc làm phước. Và bằng tánh rộng rãi về việc cúng dường đến những vị A- la- hán. Vì lý do này mà Ngài nói rằng: "Những người cúng dường giống như những người nông dân". SỰ LÀM PHƯỚC CÚNG DƯỜNG NHƯ HỘT GIỐNG (Biijuupama.m deyya dhamma.m): nghĩa là tương tự như hạt giống là thí vật, vì đây là tên đối với mười loại vật thí mà sẽ được cho ra, như đồ ăn thức uống v.v...

TỪ NHỮNG VẬT THÍ NẦY QUẢ TRỔ SANH (Etto Nibbattate Phala.m): nghĩa là từ những vật thí này, từ (Sự liên kết của người cho, sự cho lãnh và sự cho vật thí, quả của vật thí sanh ra, sanh lên và tiếp tục tồn tại bằng cách chúng được liên kết trong một thời gian rất lâu. Liên quan đến điều này, vì bản chất của các vật như đồ ăn và thức uống v.v... được sửa soạn bằng không gì khác ngoài tác ý bố thí chúng. Do đó, "sở thí vật như hạt giống " là cách mà vật thí được đem ra so sánh.

2. HẠT GIỐNG, MẢNH RUỘNG VÀ SỰ GIEO TRỒNG NÀY (Eta.m bija.m kaasiikhett.m): hạt giống đã được nói ở trên,mảnh ruộng và sự gieo trồng đã được nói ở trên. Điều được gọi như vậy có nghĩa là sự gieo hạt giống ấy trong mảnh ruộng ấy. Ba cái này khả ái với ai? Ngài nói rằng: "Cho những ngạ quỷ và người cho đi". Nếu người cho vật thí mà nhân danh Ngạ quỉ thì hạt giống này, sự gieo trồng và mảnh ruộng này sẽ có lợi ích cho cả những Ngạ quỉ ấy và những người cho ra. Trong khi đó, nếu người cho vật thí ấy mà không nhân danh Ngạ quỉ, thời chúng chỉ có lợi cho riêng người cho mà thôi- ý nghĩa là như vậy. Rồi để định rõ lợi ích này, "Những ngạ quỷ dùng phước được hồi hướng này, trong khi người cho nhờ phước ấy mà được sanh lên" được nói đến. Ở đây, NHỮNG NGẠ QUỈ DÙNG PHƯỚC ĐƯỢC CHO NÀY (Ta.m Petaa Paribhu~nnjanti): trong khi vật thí được cho ra nhân danh những Ngạ quỉ, do bởi những người cho, những Ngạ quỉ thọ hưởng quả của vật thí ấy mà có lợi cho những Ngạ quỉ do sự thành tựu về phước điền đã được nêu ra ở trên, sự gieo trồng và hạt giống được nêu ra ở trên, và do sự thọ hưởng (được cho thấy bởi những Ngạ quỉ). TRONG KHI NGƯỜI CHO NHỜ PHƯỚC ẤY MÀ SANH LÊN (Daataa Pu~n~nena Vaddhati): Tuy nhiên, trong khi người cho, do bởi việc phước về bố thí của người ấy, được hưng thịnh dồi dào về những dục lạc thù thắng v.v...trong cõi chư thiên và nhân loại. Vì quả của việc phước cũng có thể gọi là "Phước" như trong câu: "Chính do sự gieo tạo những thiện Pháp, này các Tỳ kheo, mà phước này tăng tiến" v.v...

3. KHI ĐÃ LÀM VIỆC THIỆN NGAY Ở ĐÂY (Idha' eva kusa.la.m katvaa): Khi đã tích lũy ngay ở đây, trong chính kiếp sống này, phước bao gồm sự bố thí bằng cách cho ra nhân danh những ngạ quỷ, và cái gọi là điều thiện mang ý nghĩa rằng lạc quả không tỳ vết. VÀ LÀM VẺ VANG NHỮNG NGẠ QUỈ (Pete ca pa.tipuujaya.m): Tôn kính bằng sự bố thí nhân danh những Ngạ quỉ và giải phóng họ ra khỏi nỗi thống khổ mà họ đang gánh chịu, vì lý do này, "vì sự tôn kính đã được đem lại cho chúng ta" và "và vinh dự cao tột đã được sanh đến cho những Ngạ quỉ" được nói đến. VÀ ĐÃ LÀM VẺ VANG NHỮNG NGẠ QUỈ (Pete ca): Chữ "vaa" bao gồm những lợi ích của việc bố thí (được hưởng) trong chính kiếp sống này, như là: Người ấy được thương mến và chìu chuộng nhiều, người ấy sẽ được mọi người đến gần và tin cậy, người ấy sẽ được tôn kính, và người ấy sẽ

được khen ngợi bởi các Bậc trí tuệ v.v.... khi đã làm việc lành ấy. NGƯỜI ẤY ĐI

ĐẾN CÕI TRỜI (Sagga~n ca Kamati .thaana.m ka.mma.m katvaana bhaddhaka.m): Khi đã làm việc thiện, khải ái và tốt đẹp ấy, người ấy đi đến bằng sự sanh vào trong cõi Devaloka, chỗ tái sanh dành cho những người đã làm những việc phước, nên có tên là "Thiện thú" (Sagga.m) vì nó có mười đặc tánh thù thăng như thọ mạng của chư Thiên v.v...

Vào lúc kết thúc Pháp thoại này, Tuệ quán sanh đến cho tám mươi bốn ngàn chúng sanh bắt đầu từ vị devaputta ấy và nàng Sulasaa

Bằng sự giải thích này về ý nghĩa bên trong, bằng sự trình bày này rõ câu chuyện Ngạ quỉ này, Phước điền Ngạ quỉ sự được kết thúc.

-o0o-

I.02 TRỦNG QUỈ SỰ (SUUKARA PETAVAT.THUVA.N.NANAA)

"Thân của ngươi hoàn toàn có màu vàng".

Pháp thoại nầy được bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở chỗ nuôi ăn của những con sóc trong khu rừng Trúc, gần Raajaagaha,liên quan đến một Ngạ quỉ nọ có mặt heo.

Tương truyền rằng, cách đây đã lâu, trong thời kỳ của Đức Thế Tôn Kassapa có một vị Tỳ kheo có thân được thu thúc, nhưng khẩu thì không được thu thúc và thường lăng mạ chửi mắng các vị Tỳ kheo. Khi vị ấy chết, tái sanh trong địa ngục; ở đó vị ấy bị thiêu đốt trong suốt thời gian giữa vị Phật, đến thời gian này vị ấy chết đi ở đó, như là kết quả dư báo của nghiệp ấy, sanh làm một Ngạ quỉ ở dưới chân núi Kỳ-Xà-Quật gần Raajagaha . Thân của nó có màu huỳnh kim, nhưng mặt của nó giống như mặt của con lợn. Vào thời ấy, Đại đức Naarada đang lưu trú ở núi Kỳ Xà Quật. Khi đã làm xong mọi nhu cầu về thân, vào lúc sáng sớm, trưởng lão mặc y và mang bát, và khi vị ấy đang đi vào thành Raajagaha để khất thực, trên đường đi trông thấy Ngạ quỉ ấy, trưởng lão bèn đọc lên câu kệ này để dò hỏi nhiệp mà nó đã tạo nên:

1.

"Thân ngươi mang sắc huỳnh kim,
Toả ra ánh sáng lung linh bốn bề;
Nhưng mặt ngươi giống lợn xề.
Nghiệp gì ngươi đã nặng nề tạo nên?"
Chú giải:

1. Ở ĐÂY, THÂN NGƯƠI MANG SẮC HUỲNH KIM (Kaayo te Sabbasova.n.no): Thân của ngươi, con người của ngươi, trên khắp đều có màu huỳnh kim giống như màu đỏ của vàng bị tan chảy. TOẢ RA ÁNH SÁNG LUNG LINH BỐN BỀ (Sabbaa Obhaasate Disaa): Nó toả sáng, nó chiếu ra khắp các hướng bằng hào quang của nó; hay nói cách khác câu nói: "nó trải ra ánh sáng" (Obhaasate) Có thể ngụ ý một ý nghĩa về thân, dầu điều này không được diễn đạt bằng hình thức văn phạm của nó, nghĩa là: "Thân của ngươi

hoàn toàn vàng; NÓ SÁNG LÊN (Obhaaseti), nó chiếu ra ở mọi hướng"- Đây là cách nên hiểu. TUY NHIÊN MẶT CỦA NGƯƠI LÀ MẶT CỦA CON LỢN (Mukha.nte-Suukarass'eva): Nhưng mặt của ngươi thì giống như mặt của con lợn, nghĩa là mặt của ngươi tương tự như mặt của con lợn. NGƯƠI ĐÃ LÀM NGHIỆP GÌ TRONG QUÁ KHỨ? (Ki.m ka.mma.m Akarii pure): Vị ấy hỏi nó đã tạo nghiệp nào trước kia trong kiếp quá khứ.

Ngạ quỉ ấy được hỏi như vậy bởi Trưởng lão về nghiệp mà nó đã tạo, bèn trả lời bằng cách thốt lên câu kệ này:

2. Tôi đã thu thúc về thân; về lời nói thì tôi không thu thúc. Vì lý do này, thưa Ngài (Naarada), sắc tướng của tôi như Ngài thấy đó."

Tôi đã thu thúc về thân,
Nhưng còn lời nói thì không hộ phòng;
Nên thân sáng đẹp vô ngần,
Còn mặt giống lợn muôn phần gớm ghê.
Chú giải:

Ở đây, TÔI ĐÃ THU THÚC VỀ THÂN (Kaayena Sa~n~nato aasi.m): Tôi đã thu thúc bằng sự thu thúc về thân, tôi đã kiểm soát bằng sự kiểm soát trong những vấn đề liên quan đến thân căn. VỀ LỜI NÓI THÌ TÔI KHÔNG THU THÚC (Vaacaayaasi.m asa~n~nato): Trong các điều liên quan đến lời nói thì tôi không có sự thu thúc, không có sự kiểm soát. VÌ LÝ DO NÀY (Tena): Do bởi sự thu thúc này và sự không thu thúc. SẮC TƯỚNG LÀ NHƯ THẾ (Taadiso va.n.no): là vậy như Ngài, thưa (Naarada), có thể thấy về chính tôi; tôi có sắc tướng là thân của tôi có hình người và màu huỳnh kim, nhưng mặt của tôi thì tương tự như con heo. Đây là cách mà nó nên được hiểu. Chữ "Sắc tướng" (Va.n.no) nên được xem ở đây là sự đề cập đến nước da và hình tướng của vị ấy.

Khi Ngạ quỉ đã trả lời như vậy vấn đề mà nó được hỏi đến bởi Trưởng lão, khi nương vào lý do này, nó thốt lên câu kệ này để khuyên Trưởng lão:

3. "Do đo tôi xin nói với Ngài, Thưa Ngài (Naarada), chính Ngài đã trông thấy điều này; đừng tạo nghiệp ác về khẩu, đừng kết thúc bằng cái mặt heo!"

Vậy, hỡi (Naarada):

Tôi xin được nói rằng
Điều này Ngài đã thấy,;
Ác khẩu chớ tạo ra,
Đừng để kiếp sau phải
Có mặt heo như ta!
Chú giải:

3. Ở đây, chữ DO ĐÓ: Ta.m=Tasmaa (...) hình thức văn phạm hoán chuyển (...). TÔI (NÓI) VỚI NGÀI: Taaha.m = Te aha.m (cách nối). NAARADA "Naarada":, Nó đang nói với Trưởng lão NÓI (Bruumi): Nói cho biết. CHÍNH NGÀI (Saama.m): Bởi chính Ngài. ĐIỀU

NÀY (Ida.m): nó nói liên quan đến thân của chính nó. Ở đây, ý nghĩa như thế này: "Bởi vì Ngài, thưa Ngài Naarada, khi chính Ngài đã trông thấy trạng thái mà thân của tôi có hình người từ cổ trở xuống và hình tướng con heo (Từ cố trở lên). Do đó, tôi xin nói để khuyên Ngài. Ngạ quỉ đã nói điều gì? "Đừng tạo ra ác nghiệp nào về lời nói, đừng kết thúc bằng cái mặt của con heo". Ở đây ĐỪNG (Maa): là một tiểu từ không biến đổi về sự cấm. VỀ KHẨU: Mukhasaa = Mukhena (Hình thức văn phạm hoán chuyển) Kho (không được dịch) Được dùng để nhấn mạnh. Đừng gieo tạo, đừng làm ác nghiệp nào về lời nói. ĐỪNG KẾT THÚC BẰNG CÁI MẶT CỦA CON HEO (maa kho suukaramu kho ahu): đừng kết thúc bằng cái mặt cuả con heo như tôi đã bị. Nhưng nếu Ngài lỗ mãng và phạm phải những ác nghiệp về lời nói thời chắc chắn Ngài sẽ bị kết thúc bằng cái mặt của heo. Do đó, nó khuyên vị ấy như vầy: "Đừng tạo ác nghiệp nào về lời nói cả", để ngăn đừng cho sanh quả là cái mặt ấy.

Rồi Trưởng lão Naarada đi tiếp đến Raajagaha để khất thực. Sau khi thọ thực xong, vị ấy trở về và nêu vấn đề với Bậc Đạo sư khi Ngài đang ngồi ở giữa tứ chúng. Bậc Đạo sư nói rằng: "Nầy Naarada Như Lai cũng đã trông thấy chúng sanh ấy trong quá khứ", và rồi thuyết Pháp khi giải thích bằng vô số cách về những quả liên quan đến ác hạnh . Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho hội chúng đã hội họp ở đó.

-o0o-

I.03 XÚ KHẨU QUỈ SỰ (PUUTIMUKKHA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Ngươi có nước da đẹp như chư Thiên".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở chỗ nuôi ăn của những con sóc trong khu rừng trúc, liên quan đến một Ngạ quỉ nọ có miệng thúi.

Tương truyền rằng cách đây đã lâu, trong thời của Đức Thế Tôn Kassapa,có hai chàng thanh niên thuộc gia đình danh giá, đã xuất gia theo giáo pháp của Ngài và có đầy đủ giới hạnh, sống cuộc đời khổ hạnh và trú ngụ với nhau trong sự hoà hợp ở trong một ngôi làng nọ. Rồi một vị Tỳ kheo nọ, có xu hướng theo những việc làm ác và thích đâm thọc, đã đến tại chỗ ngụ của họ. Hai vị Trưởng lão đã tiếp đón vị ấy một cách thân mật và lo cho vị ấy nơi ăn chốn ở. Vào ngày hôm sau, hai vị trưởng lão cùng với vị Tỳ kheo kia đi vào làng để khất thực. Khi trông thấy những vị này, dân chúng tỏ sự tôn kính tột bậc đến ba vị Trưởng lão và dâng cúng đến họ một bữa ăn bằng cơm dẻo và những thứ khác. Khi vị Tỳ kheo ấy đã đi vào Tịnh xá, vị ấy suy nghĩ, "Ngôi làng này là một nguồn vật thực hấp dẫn, vì những người của nó có đầy niềm tin, lại dâng cúng vật thực ngon, và tịnh xá nầy mát mẽ, lại có nước đầy đủ . Ta có thể sống hạnh phúc ở đây; Nhưng chừng nào hai vị Tỳ kheo này còn sống ở đây thì Tịnh xa này sẽ không đem lại cho ta sự thoả mái nào- Ta sẽ sống ở đây như một môn đệ thường trú. Thôi được, ta phải làm cho họ phải xa lìa nhau và làm theo cách nào để họ không thích sống ở đây nữa".

Bởi vậy vào hôm nọ, khi vị Trưởng lão lớn đã giáo giới hai vị kia rồi thì vị Tỳ kheo đâm thọc đi vào chỗ ngụ của vị ấy, ở lại đó một chốc lát và rồi đi đến vị Trưởng lão lớn ấy. Trưởng lão hỏi vị ấy rằng: "Này hiền giả, tại sao hiền giả đến vào lúc phi thời như thế?" " Thưa ngài, tôi có chuyện cần nói ra", (vị ấy đáp lại); Và khi Trưởng lão đã cho phép vị

ấy (nói) thì vị ấy nói rằng: "Thưa Ngài, vị Trưởng lão bạn này của Ngài khoe mình như một người bạn trước mặt của Ngài, nhưng sau lưng thì nói những chuyện về Ngài như là một địch thủ". Khi được hỏi đó là điều gì, vị ấy nói rằng: " Hãy lắng nghe, thưa Ngài, vị ấy nói về điều mang tai tiếng của Ngài, rằng: "Vị Trưởng lão lớn láo cá, xảo quyệt và gian dối; vị ấy kiếm sống bằng những phương tiện bất chánh". "Đừng nói như vậy, này hiền giả, vị Tỳ kheo này không nói những chuyện về tôi. Vị ấy đã biết tánh của tôi từ lúc chúng tôi còn là cư sĩ. Tôi luôn luôn có tánh thân ái và dễ thương". "Nếu Ngài nghĩ như vậy do bởi tấm lòng thanh tịnh của Ngài, thời điều ấy xem như xong đối với Ngài. Nhưng tôi thì không có cảm nghĩ xấu đối với vị ấy như vậy, thế thì tại sao tôi lại nói cho Ngài biết rằng vị ấy đã nói như vậy nếu vị ấy không nói điều đó? Tốt lắm, thưa Ngài, nhưng chính Ngài sẽ tự mình hiểu về điều ấy sau một thời gian", vị ấy

nói. Nhưng vị Trưởng lão ấy, vì vẫn còn là một Puthujjana, bị rung động, tự hỏi rằng' "Có đúng như vị ấy nói không?" Và sự ngờ vực khởi lên trong tâm của vị ấy, lòng tin cậy của vị ấy bị lay động một ít. Sau khi đã làm ly gián vị Trưởng lão lớn, kẻ ngu ấy cũng đưa vị Trưởng lão kia vào tình trạng như đã nói ở trên . Vào ngày hôm sau, vị trưởng lão lớn chẳng nói chuyện với vị Trưởng lão kia khi mang y và bát, và đi vào ngôi làng ấy để khất thực. Khi họ đem về vật thực khất thực của họ, mỗi người ăn nó trong chỗ ngụ riêng của mỗi người và không trao đổi một sự xã giao nào, dầu nhỏ nhặt nhất, trãi qua ngày ngay tại chỗ đó; Trong khi vào lúc rạng sáng, mỗi người đi đến bất cứ chỗ nào mà người ấy thấy thuận tiện và không báo cho vị kia biết. Khi họ trông thấy vị Tỳ kheo đâm thọc đã đi vào ngôi làng ấy, là nơi có thể làm thành tựu tất cả những ước muốn của vị ấy, mọi người hỏi rằng: "Thưa Ngài, các vị Trưởng lão đã đi đâu rồi?" "Họ cãi lộn nhau suốt đêm. Tôi đã khuyên họ đừng cãi cọ mà hãy sống trong sự hoà hợp và rằng sự cãi vã ấy dẫn đến sự bất hạnh, đem lại sự đau khổ trong tương lai và đưa đến những việc làm bất thiện; Hơn nữa, bấy nhiêu điều có lợi ích mà đã được làm rồi xem như bị tiêu tan bởi sự tranh cãi và những điều khác. Nhưng họ đã bỏ đi và không quan tâm đến những lời khuyên của tôi". Khi nghe điều này, dân chúng nài nỉ rằng: "Hãy để những vị Trưởng lão ấy đi, nếu họ muốn nhu vậy. Nhưng Ngài phải ở lại đây vì lòng bi mẫn đối với chúng tôi. Ngài sẽ không có sự hối tiếc nào!" "Tốt lắm" Vị ấy đồng ý. Khi đã ở lại đó trong vài ngày, vị ấy suy nghĩ, "ta đã gây bất hoà cho những vị Tỳ kheo có giới đức và có tánh dễ mến, do lòng ham hố trú xứ của ta. Chắc chắn ta sẽ làm một điều ác độc rồi!" Và bị dày vò bởi lương tâm khó chịu cùng cực, vị ấy nhuôm bịnh bởi sức nặng của sự sầu khổ của vị ấy; chẳng bao lâu vị Tỳ kheo đâm thọc mạng chung và tái sanh trong địa ngục Aviiji .

Khi hai vị Trưởng lão bạn kia đi lang thang quanh khắp vùng ấy, họ gặp nhau ở một chỗ ngụ nọ và trao đổi những lời chào hỏi thân thiện với nhau. Họ báo cho nhau biết về những lời ly gián mà vị Tỳ kheo kia đã nói; và khi họ khám phá rằng không có sự chơn thật trong đó, lại hoà hợp trở lại; và đúng lúc họ trở về lại chính chỗ ngụ ấy. Khi dân chúng trông thấy hai vị Trưởng lão ấy, họ vô cùng vui sướng, và đầy hạnh phúc, dâng cúng hai vị Trưởng lão bốn món vật dụng. Hai vị Trưởng lão ở lại đó, được cung cấp bởi đồ ăn thích hợp và đã phát triển tuệ quán do sự tập trung của tâm, và không bao lâu sau chứng đắt đạo quả A-la-hán.

Vị Tỳ kheo đâm thọc bị thiêu đốt trong địa ngục trong một trung gian Phật thời; và trong suốt thời gian của Đức Phật này, sanh lên không cách xa thành Vương xá làm một Ngạ quỉ có miệng hôi thối. Thân của nó có màu sắc huỳnh kim, nhưng có những con giòi bò ra từ miệng của nó và đục khoét chỗ này chỗ nọ trên mặt của nó. Nó toả ra mùi hôi thối, xông khắp cả không trung. Bấy giờ, khi Đại Đức Naarada

đi xuống từ ngọn núi Kỳ-Xà- Quật, vị ấy trông thấy nó và hỏi về nghiệp mà nó đã tạo bằng câu kệ này:

"Người có sắc đẹp của chư Thiên. Nhưng khi ngươi đứng trong không trung, trong bầu trời, thì những con giòi đục khoét cái miệng thối của ngươi. Ngươi đã làm nghiệp gì trong quá khứ?"

"Thân ngươi đẹp sắc chư Thiên
Nhưng khi ngươi đứng ở trên bầu trời,
Thì từ cái miệng của ngươi
Bị đục khoét bởi đám giòi thối tha.
Nghiệp gì ngươi đã tạo ra
Trong thời quá khứ nói ta nghe nào?"
Chú giải:

1. Ở đây, CHƯ THIÊN, THẦN TIÊN (Dibha.m): thường có nghĩa là: có đặc tánh của chư Thiên, khi đã đạt đến trạng thái của chư Thiên, "chư Thiên" nghĩa là " như chư Thiên". ĐẸP (Sabha.m): chiếu sáng hay ở trong một trạng thái thù thắng. SẮC, NƯỚC DA (Va.n.nadhaatu.m): màu của da. NGƯƠI CÓ (Dhaaresi): Ngươi mang vào . KHI NGƯƠI ĐỨNG TRONG KHÔNG TRUNG, TRONG BẦU TRỜI (Vehaayasan Ti.t.thasi antalikkhe): Ngươi đứng trong không trung làm sáng rực bầu trời. MIỆNG THỐI (Puutigandha.m): có mùi của xác chết sình thối, nghĩa là mùi thối tha. NGƯƠI ĐÃ TẠO NGHIỆP GÌ TRONG QUÁ KHỨ (Kim ka.mma.m aakaasi Pubbe): vị ấy hỏi "Những con dòi đục khoét cái miệng có mùi thối của ngươi, tuy nhiên thân của ngươi thì có màu huỳnh kim. Loại nghiệp nào mà ngươi đã làm trong quá khứ để có thể là nguyên nhân cho sắc tướng như vậy?"

Khi được hỏi bởi Trưởng lão về nghiệp mà nó đã làm, con Ngạ quỉ thốt lên câu kệ để giải thích vấn đề:

2. "Ta là một Sa môn có miệng ác và thối tha; Dầu mang lốt của một vị Sa môn, nhưng ta không thu thúc cái miệng. Do sự tinh tấn khổ hạnh của ta khiến ta nhận được màu sắc này, và do lời nói đâm thọc của ta khiến ta có miệng hôi thối."

"Tôi là một vị xuất gia.
Nói lời chia rẽ thối tha không chừng.
Dầu mang tướng một Sa môn,
Nhưng về khẩu nghiệp tôi không hộ phòng.
Do công tinh tấn tu hành,

Nên thân tôi có sắc vàng huỳnh kim, Và do đâm thọc xỏ xiên. Nên miệng tôi bị thối rình như ri."

Chú giải:

2. Ở đây, TÔI LÀ MỘT VỊ SA MÔN ÁC (Samano aha.m Paato): Tôi là một vị Sa môn đáng khinh, một vị Tỳ kheo ác. CÓ MIỆNG THỐI (Du.t.thavaaco): có lời nói dơ bẩn thối tha; Tôi sát phạt những kẻ khác, tôi cũng đi quá xa với cái miệng của tôi, nghĩa là tôi là người nói hạ thấp giới đức của những kẻ khác. Có cách đọc khác là CÓ MIỆNG VÔ CÙNG HÔI THỐI (Atitu.t.thavaaco): vô cùng ác khẩu, thích ác hạnh về lời nói như nói dối và nói lời nói đâm thọc v.v... TRONG HÌNH TƯỚNG CỦA MỘT VỊ SA MÔN (Tapassiiruupo): Mang lốt một vị Sa môn: BẰNG CÁI MIỆNG: Mukhasaa = Mukhena (thể văn phạm hoán chuyển), THỌ LÃNH (Laddhaa): có được, chữ "vaa" (ca) có ý nghĩa về sự kết hợp. TÔI: Me = Mayaa (Thể văn phạm hoán chuyển). DO SỰ KHỔ HẠNH CỦA TÔI (Tapasaa): Do phạm hạnh của tôi. DO LỜI NÓI ĐÂM THỌC CỦA TÔI (Pesuni yeịa): Do lời nói hiểm độc của tôi. THỐI (Puuti): mùi hôi thối.

Khi Ngạ quỉ ấy đã trình bày nghiệp mà nó đã tạo, sau đó nó nói lên câu kệ kết luận để khuyên Trưởng lão:

3. Chính Ngài đã trông thấy điều này, thưa ngài Naarada . Những người mà có lòng bi mẫn và có thiện tâm thường nói rằng: "Đừng nói đâm thọc cũng đừng nói dối - như thế người sẽ trở thành một Yakkha với tất cả những mong muốn của người được làm thoả mãn."

"Chính Ngài đã thấy điều này,
Những người tốt bụng và hay thương người
Khuyên "Đừng đâm thọc dối đời-
Nếu được như thế cõi trời chờ mong,
Làm chư Thiên hoặc Dạ Xoa,
Những điều mong muốn cho ta tức thì".
Chú giải:

Ở đây, ĐIỀU NẦY (Tayida.m): Sắc tướng này của tôi. NHỮNG NGƯỜI CÓ LÒNG BI MẪN VÀ CÓ TÁNH THIỆN THƯỜNG NÓI RẰNG: (Anuka.mpa kaaye kussalaa Vadeyyu.m): Những người mà có tánh thương người và có lòng bi mẫn là những người thiện, có trí tuệ trong việc làm lợi ích cho những người khác, như Đức Phật và những người khác, thường nói y như điều mà tôi đang nói- đây là

ý nghĩa cho thấy lời khuyên này. Rồi nó - nói rằng: "Đừng nói đâm thọc cũng đừng nói dối - thời người sẽ trở thành một Yakkha với tất cả những ước muốn của người được làm thoả mãn. Ý nghĩa là như thế này: Đừng nói ra lời nói có tánh chất đâm thọc cũng đừng nói dối: Nếu Ngài từ bỏ nói dối và lời đâm thọc hiểm ác, và có thu thúc về lời nói, thời Ngài sẽ trở thành một Yakkha hay một vị deva hay người trong tuỳ tùng của một vị Deva . Sau khi được sự ưu thắng thần tiên tốt đẹp nhất và bất cứ ước muốn nào mà có thể muốn, Ngài có thể thong dong từ chỗ này chỗ kia và được sung sướng bằng cách

làm thoả mãn các căn theo ý thích.

Khi đã nghe qua điều này, Trưởng lão đi tiếp đến thành Vương Xá để khất thực. Khi đã độ thực xong sau khi khất thực trở về, vị ấy nêu lên vấn đề với Bậc Đạo sư. Bậc Đạo sư lấy đó làm nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng chánh pháp. Thời Pháp ấy đem lại lợi ích cho hội chúng đã tụ họp ở đó.

-o0o-

I.04 TÍCH TRUYỆN CÁI BÁNH ĐỒ CHƠI (PI.T.THADHIITALIKA)

"Liên quan đến bất cứ ai!"

Bậc Đạo sư, khi đang ngụ trong Jetavana tại Saavatthi, đã kể lại câu chuyện này, liên quan đến sự bố thí vật thực của gia chủ Anaa.thapi.n.dika .

Tương truyền rằng, đứa cháu gái của gia chủ Anaathapi.n.dika, vẫn còn là một cô gái nhỏ, được vú nuôi cho một cái bánh đồ chơi, bà ta nói rằng, "Hãy lấy cái này mà chơi". Cô bé xem nó như đứa con gái của chính mình. Rồi một hôm, trong khi đang chơi với nó, cô bé bất cẩn để nó rơi xuống và bị vỡ. Khi thấy vậy, cô bé bậc khóc, nói rằng, "con gái của tôi đã chết!" Nhưng không có người hầu nào có thể làm vơi nước mắt của nó được.

Bấy giờ trong cùng thời gian ấy, Bậc Đạo sư đang ngồi trong chỗ ngồi đã được soạn sẵn trong nhà của gia chủ Anaathapi.n.dika, và vị Thương nhân rất giàu có ấy thì ngồi gần Đức Thế Tôn. Bà vú nuôi đi với cô gái đến trước vị Thương nhân. Khi ông ta trông thấy bà ta, ông ta nói rằng, "tại sao cháu bé này khóc?" Bà vú nuôi tường thuật lại biến cố đã xảy ra với vị phú thương, và ông ta để cô bé ngồi trên đùi của ông ta và an ủi nó: "ông sẽ cúng dường vật thực nhân danh con gái của cháu". Và rồi bạch với Bậc Đạo sư rằng: "Con muốn cúng dường vật thực nhân danh con gái cuả cháu gái con- là cái bánh đồ chơi này. Xin ngài hoan hỷ nhận lời mời của con, bạch Đức Thế Tôn, và năm trăm vị Tỳ kheo đến thọ thực vào ngày mai". Đức thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi vào ngày hôm sau, đức Thế Tôn đi với

Năm trăm vị Tỳ kheo, đến nhà của vị phú Thương ấy và, khi Ngài đã thọ thực xong, bèn nói những câu kệ này để nói lên lời tán dương của Ngài:

1. Liên quan đến bất cứ ai, những người không bỏn xẻn cho vật thực, dầu đối với những Ngạ quỉ trước kia, hay hơn nữa đến những vị chư Thiên trong nhà,

2. Và Tứ Đại Thiên Vương, là những kẻ hộ trì nổi tiếng của Thế gian; Đó là: Kuvera, Dhatara.n.nha, ViRuupakkha, Virulhaka. Khi những vị này được tôn kính thì những người cho không phải không có quả báu.

3. Dầu khóc lóc, sầu muộn hay ta thán đến bao nhiêu cũng không đem lại lợi ích gì cho những Ngạ quỉ, dầu những quyến thuộc của họ mãi theo sát bên họ.

4. Nhưng sự bố thí này mà sau khi đã được làm rồi, đã gieo trồng vững chắc trong chư Tăng, thì bằng kết quả tức thời sẽ đem lại lợi ích lâu dài cho chúng.

Những người không bỏn xẻn
Hằng cho ra vật thí,
Rồi cho bất cứ ai,
Hoặc Ngạ quỉ quá vãng,
Hay đến những chư Thiên,
Ở trong các tư gia.
Và Tứ Đại Thiên Vương,
Là những kẻ bảo vệ,
Nổi tiếng của thế gian -
Đó là Kú Vê Rá
Và Dhá-Tá-Rá-tha
Và Vi-ru-bắc-khá
Cùng Ví-run-há-cá.
Khi những thiên vương này
Được tôn kính như vậy,
Thì những người bố thí
Không phải không có quả.
Dầu khóc lóc buồn rầu,
Hay ta thán thế nào,
Cũng không đem lợi ích
Đến cho những Ngạ quỉ,
Dầu quyến thuộc của chúng
Cứ dai dẳng nhớ chúng.
Nhưng sự bố thí này
Mà đã được làm rồi,
Và đã trồng vững chắc
Trong chúng tăng của Phật
Thì hiệu quả tức thì
Sẽ làm lợi lâu dài
Cho những Ngạ quỉ ấy.
Chú giải:

1. Ở đây, LIÊN QUAN ĐẾN BẤT CỨ AI (Ya.m Ki~ncaara.mmana.m): Liên quan đến, nhân danh cho, bất cứ ai khác có (tham dự) trong những buổi lễ làm phước v.v... HẰNG CHO RA: (Dajjaa= Dadeyya) (thể văn phạm hoán chuyển). NHỮNG NGƯỜI KHÔNG BỎN XẺN (Amaccharii): Những người không bỏn xẻn là những người do sự vắng mặt của lòng bỏn xẻn có đặc tánh là không thể (chia) sự may mắn của chính họ cho những kẻ khác; Người có tánh rộng rãi. Họ thường cho ra sau khi họ đã tẩy sạch những bợn nhơ trong tâm như lòng bỏn xẻn và tham lam v.v... Đây là cách nên được hiểu. DẦU CHO NHỮNG NGẠ QUỈ TRƯỚC KIA (Pubbe pete ca aarabbha): Dầu nhân danh cho bất cứ những tổ

tiên nào đã quá vãng. NHỮNG VỊ CHƯ THIÊN TRONG NHÀ (vatthudevataa): liên quan đến những chư Thiên mà sống trong nhà hay trong những vùng đất của nhà v.v... Đây là cách nên được hiểu. HAY HƠN NỮA (atha vaa): Chỉ rõ rằng những người hằng cho những vật thí theo cách này, cũng cho đến bất cứ những vị chư Thiên nào khác hay người hay bất cứ ai.

2. Ở đây, sau khi định rõ "và Tứ Đại Thiên Vương". Trong chừng mức này chỉ về một số chư Thiên nổi tiếng trong những vị chư Thiên, Ngài lại nói, "Kuvera" và những vị khác để nói về tên của họ. Ở đây, Kuvera (Kuvera.m): (Vessavana). Dhata-ra.t.tha (Dhata-ra.t.tha.m) v.v... Là tên của những vị chư Thiên bảo vệ thế gian. Khi những vị này đã được tôn kính (te c'eva puujitaa honti): Khi bốn vị đại vương này, những thân nhân quá vãng và những vị chư Thiên trong nhà được tôn kính qua những việc phước thí nhân danh họ. NHỮNG NGƯỜI CHO KHÔNG PHẢI KHÔNG CÓ KẾT QUẢ (Daayakaa ca anpphalaa): Những người cho, những người mà cho những vật thí nhân danh những người khác, không phải hoàn toàn không có kết quả; Tương tự, họ cũng hưởng quả về những vật thí của chính họ. Rồi để cho thấy rằng những người mà khóc lóc, rên rỉ, ta thán với cái chết của những quyến thuộc của họ không làm lợi ích cho những quyến thuộc ấy, và chỉ làm khổ chính họ mà thôi, Ngài đọc lên câu kệ (bắt đầu) "Dầu khóc lóc bao nhiêu".

3. Ở đây, KHÓC LÓC (ru.n.na.m) = (Rudita.m) (hình thức văn phạm hoán chuyển): sự đổ lệ, sự chảy nước mắt. Những chữ còn lại giải thích rằng điều này

không nên làm. BUỒN RẦU (soko): Than thở, làm khổ tâm, nghĩa là làm đốt cháy ở bên trong. BẤT CỨ SỰ TA THÁN NÀO KHÁC (Yà c'a~n~na Paridevanaa): bất cứ sự ta thán nào ngoài sự khóc lóc và sầu muộn, như nói lầm bầm rằng, "Đứa con trai duy nhất của tôi đâu rồi?" v.v... Thì không nên, chữ "hay" (và) dưới mọi tình huống dùng để chỉ về một sự hoán chuyển: chẳng có sự khóc lóc nào đem lại lợi ích nào cho Ngạ quỷ quá cố. Do đó, họ không nên làm như vậy, cho dù những quyến thuộc ngu si của họ cứ dai dẳng bám theo họ - đây là ý nghĩa. Sau khi đã cho thấy sự vô ích của sự khóc lóc và ta thán như vậy rồi, Ngài đọc lên câu kệ (bắt đầu bằng): "Nhưng sự bố thí này" cho thấy sự hữu ích của việc bố thí cúng dường đến chư Tăng bởi Người cho dành cho những Ngạ quỉ và những người khác.

4. Ở ĐÂY (Aya.m): Ngài nói để chỉ về những vật thí trước mặt vị ấy mà được cho bởi thí chủ ấy. NHƯNG (Ca) là một chữ để định rõ một cái gì đó được thêm vào. Ngài làm sáng tỏ nét đặc biệt bằng cách nói rằng, chỉ vì khóc v.v... Không đem lợi ích cho Ngạ quỉ hoặc là bất cứ ai khác. Tuy nhiên, bằng sự bố thí này sẽ có lợi ích lâu dài cho họ. Kho (không được dịch) được dùng để nhấn mạnh. SỰ BỐ THÍ CÚNG DƯỜNG (Dakkhi.naa): Sự bố thí vật thực. ĐƯỢC TRỒNG VỮNG CHẮC TRONG CHƯ TĂNG, (Sa"ngha.mhi Suppati.t.thitaa): Được gieo trồng vững chắc trong Chư Tăng - là phước điền Vô thượng. SỰ LỢI ÍCH LÂU DÀI CỦA HỌ. (Diigharatta.m hitaa' Yassa): Điều tốt, lợi ích của Ngạ quỉ ấy trong thời gian lâu dài. SẼ ĐEM LẠI HIỆU QUẢ TỨC THỜI (.Thaanaso Upakappati): Nó có hiệu quả ngay, nghĩa là không có thời gian gián đoạn nào. Đây quả thật là quy luật: Những Ngạ quỉ bày tỏ sự tùy hỉ của chúng khi vật thí được cho nhân danh chúng,

thời ngay tức thì chúng được vơi đi những đau khổ do quả của sự tùy hỷ ấy.

Khi Đức Thế Tôn đã thuyết giảng chánh pháp như thế và đã làm cho người ấy vui thích trong sự bố thí nhân danh những Ngạ quỉ, Ngài đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra đi. Vào ngày hôm sau, người vợ của vị phú hộ ấy tổ chức một cuộc bố thí vật thực to lớn kéo dài đến một tháng. Rồi (Paasenadi) vua của nước (Kosala), đi đến Đức Thế Tôn và hỏi rằng, "Bạch Đức Thế Tôn, tại sao những vị Tỳ kheo không đến nhà của con cả tháng nay?". Khi Bậc Đạo sư báo cho vị ấy biết lý do thì Đức vua cũng vậy, noi theo gương của vị phú hộ ấy, tổ chức một cuộc lễ bố thí lớn đến chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu. Và khi trông thấy điều này thì những thần dân cũng noi theo gương của Đức Vua và tổ chức một cuộc Đại thí lớn kéo dài trong một tháng. Như vậy, họ đã tổ chức một cuộc đại thí kéo dài trong hai tháng, tất cả dều do cái bánh đồ chơi.

---o0o---

[1.2]

I.05 HỘ NGOẠI QUỈ SỰ (TIROKU.D.DA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Chúng đứng ở bên ngoài những vách nhà".

Bậc Đạo sư trong khi đang trú ngụ ở Raajagaha, đã kể lại câu chuyện này liên quan đến một số lớn Ngạ quỉ. Đây là câu chuyện ấy, được kể đầy đủ chi tiết.

Cách đây chín mươi hai Đại kiếp có một Thành phố tên là Kaasipurii . Tại đó có một vị vua tên là Jayasena, trị vì trong xứ ấy. Hoàng hậu của vị ấy tên là Sirimaa và bà mang thai Bồ tát Phussa, là người đã đến thời kỳ chứng đắc Nhất thiết Trí (của một vị Phật). Đức Vua jayasena ưa thích sở hữu, nghĩ rằng, "con trai của ta chính là người đã thực hiện sự từ bỏ vĩ Đại và đã trở thành một vị Phật. Đức Phật là riêng của ta, Đức Pháp là riêng của ta, đức Tăng là riêng của ta". và chính vị ấy đã hầu hạ các Ngài luôn khi, chẳng cho ai khác được một cơ hội nào. Ba anh em của đức Thế Tôn, là những người em trai của một người mẹ khác, suy nghĩ rằng, "Chư Phật quả thật sanh lên dành cho toàn thể thế gian, không chỉ vì một ai cả; Tuy nhiên, cha của chúng không cho một ai khác có được một cơ hội. Bây giờ làm sao chúng ta có thể hầu hạ chư tăng cho được?" Và rồi ý nghĩ này đến với họ, "nào chúng ta hãy bày ra một số cách nào đó!" bởi vậy họ làm ra vẻ như có một cuộc dấy loạn ở vùng biên giới. Khi Đức vua nghe tin về cuộc nổi loạn ở vùng biên giới này, vị ấy sai ba người con trai này đi dẹp yên vùng biên giới. Họ đi và làm yên ổn mọi chuyện. Và khi họ trở về, Đức vua lấy làm hoan hỷ và ban cho họ một đặc ân, nói rằng, "Hãy lấy bất cứ cái gì mà các con muốn". "Chúng con muốn hầu hạ đức Thế Tôn", họ nói. "Các con có thể lấy bất cứ cái gì ngoài vị ấy". Đức vua đáp lại. "Chúng con không màng điều gì khác", Họ nói. "Trong trường hợp ấy; hãy chọn một thời gian có giới hạn và thỉnh Ngài". Họ xin được bảy năm, nhưng đức Vua không đồng ý. Họ lại lần lượt xin sáu năm, bốn, hai, một năm; Trong bảy tháng, sáu, năm, bốn, ba tháng và cuối cùng đức vua nói rằng, "Hãy thỉnh Ngài đi!" Họ đi đến Đức Thế Tôn và bạch rằng, "Bạch đức Thế Tôn, chúng con muốn hầu hạ đức Thế Tôn trong ba tháng. Bạch đức Thế Tôn, Cầu xin Đức Thế Tôn nhận lời của chúng con trong ba tháng của mùa mưa này!" Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Ba người ấy gởi một bức thư đến sứ giả

của họ ở trong châu quận ấy (Nơi mà đức Thế Tôn sẽ trú ngụ), n?i dung nói rằng, "Đức Thế Tôn sẽ được hầu hạ bởi chúng ta trong ba tháng này. Trước nhất, hãy dựng lên một Tịnh xá và rồi kiếm mọi thứ cần đến để hầu hạ Đức Thế Tôn". Ông ta nhắn tin về lại khi ông ta đã kiếm mọi thứ. Họ mặc những y phục màu vàng và cùng với năm trăm nam hầu, đưa Đức Thế Tôn và chư Tăng đến vùng ấy, hầu hạ các Ngài một cách cung kính, và dâng Tịnh xá đến các Ngài và để các ngài an cư tại đó trong mùa mưa. Vị quan thủ quỉ là con

trai của một gia chủ, đã có vợ, có đức tin và lòng tịnh tín. Bằng sự chăm lo chu đáo, vị ấy cúng dường các thí vật để bố thí đến Chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu. Vị sứ giả trong vùng ấy nhận những thứ này và cùng với mười một ngàn người từ châu quận ấy tổ chức sự bố thí cúng dường bằng sự quan tâm chu đáo. Bấy giờ có một số người ở đó có tâm ô nhiễm. Chúng ngăn chặn những vật thí, chính chúng ăn những thí vật và châm lửa vào nhà ăn. Khi các Ngài đã tổ chức lễ tự tứ thì những đứa con trai của Đức vua đảnh lễ đức Thế Tôn và rồi trở về, cùng với Đức Thế tôn đi trước, họ đến trước mặt phụ vương của họ. Sau khi đức Thế Tôn đi đến đó, Ngài nhập Niết bàn.

Đến đúng thời kỳ, những đứa con trai của đức vua, vị sứ giả và vị Quan thủ qu~n của họ đều chết và sanh về Thiên giới cùng với hội chúng (Những người nam hầu ấy); Trong khi những người có tâm bất thiện thì sanh vào trong các địa ngục. Rôi trong suốt Hiền kiếp này, vào thời kỳ của Đức Thế Tôn Kassapa, những người có tâm bất thiện ấy sanh vào trong hội chúng Ngạ quỉ. Lúc bấy giờ, khi dân chúng cúng dường vật thực nhân danh những quyến thuộc sanh làm Ngạ quỷ của họ, hồi hướng cho chúng, khi nói rằng, "Xin cho Phước thí này thấu đến quyến thuộc của chúng tôi!" Nhân đó, chúng đạt được sự tối thắng. Bấy giờ, khi những Ngạ quỉ ấy trông thấy điều này, chúng đi đến Đức Thế Tôn Kassapa và hỏi rằng, "Bạch đức Thế Tôn, làm sao chúng con đạt được sự thù thắng như thế?" Đức Thế Tôn nói rằng, "Các ngươi sẽ không đạt được điều ấy bây giờ đâu. Tuy nhiên, trong tương lai sẽ có một vị Chánh Biến Tri tên là Gotama . Vào thời kỳ của đức Thế Tôn này sẽ có một vị vua tên là Bimbisara, là quyến thuộc của các ngươi cách đây chín mơi hai Đại kiếp. Vị ấy sẽ cúng dường vật thực đến vị Phật ấy và hồi hướng phước thí ấy cho các ngươi. Rồi các ngươi sẽ đạt được sự thù thắng như vậy". Tương truyền rằng, khi Ngài nói điều này thì xem ra đối với những Ngạ qũy ấy tựa như Ngài đã nói rằng họ sẽ đạt được nó trong ngày hôm sau.

Rồi khi một trung gian Phật thời đã trôi qua và Đức Thế Tôn của chúng ta đã sanh lên trong thế gian, thì ba người con trai ấy của đức vua, cùng với một ngàn người cũng đi xuống từ cõi cõi chư Thiên và sanh trong dòng Bà la môn, trong vương Quốc Magadha . Đến thời kỳ, họ xuất gia sống cuộc đời không nhà của Sa môn và trở thành Ba đạo sĩ tóc búi của xứ Gayaasiisa . Vị sứ giả của họ trong châu quận ấy trở thành Visaakhaa, có vợ tên là Dhammadi.n.naa - con gái của một vị Phú Hộ; Trong khi hội chúng còn lại thì sanh trong những tuỳ tùng của Đức vua.

Khi Đức Thế Tôn của chúng ta đã sanh lên trong thế gian và trải qua bảy tuần lễ (sau khi Ngài giác Ngộ), đến đúng thời kỳ, Ngài đi đến Ba La nại; Ở đó, Ngài chuyển Pháp luân và giáo hoá cho năm anh em Kiều Trần Như, rồi đến Ba vị Đạo sĩ tóc búi cùng với

một ngàn môn đệ của họ, và rồi đi đến Raajagaha . Ở đó, Ngài

an trú vào quả Thánh Tu Đà huờn cho đức vua Bimbisaara ..., là người đã đến để yết kiến Ngài trong chính ngày hôm ấy, cùng với một trăm mười ngàn gia chủ Bà là môn, là những dân cư của xứ A.nga-Magadha . Ngài chấp nhận lời mời của đức vua đến thọ thực vào ngày hôm sau - và ngày kế tiếp Ngài đi vào Raajagaha với Sakka, là chúa của chư Thiên, đã hoá ra làm một chàng trai Bà la môn, đi trước Ngài và tán dương Ngài bằng những câu kệ bắt đầu bằng:

"Những kẻ được điều ngự đi chung với Đấng Điều ngự, những kẻ được giải thoát đi chung với đấng giải thoát; Đức Thế Tôn, sáng chói như viên Ngọc Huỳnh kim, đi vào Raajagaha với Ba vị Đạo sĩ tóc búi trước kia".

Và trong chỗ ngụ của đức Vua, Ngài nhận được sự cúng dường vật thực vĩ đại. Bấy giờ những Ngạ quỉ mà đứng bao quanh ngôi nhà nghĩ rằng, "Bây giờ đức vua sẽ hồi hướng vật thí đến chúng ta". Nhưng khi cúng dường vật thực, đức vua chỉ nghĩ về khu vực dành cho Tính xá của Đức Thế Tôn mà thôi, khi tự nghĩ rằng, "giờ này Đức Thế Tôn trú ngụ ở đâu?" và vị ấy không hồi hướng phước thí đến cho ai cả. Vì không được vật thí theo cánh này, những Ngạ quỉ ấy thất vọng, và đêm hôm ấy kêu than trong nỗi thống khổ cay đắng và ghê sợ trong chỗ ngụ đức vua. Đức vua bị dao động, đầy sợ hãi và run rẫy. Vào lúc rạng sáng, vị ấy kể lại với Đức Thế Tôn rằng, "Bạch Đức Thế Tôn, suốt đêm con đã nghe một âm thanh rùng rợn như thế: Chuyện gì sẽ xảy đến cho con?" Đức thế Tôn nói rằng, "Đừng sợ, tâu Đại vương, không có điều xấu nào xảy đến cho Đại vương đâu; Bệ hạ sẽ hoàn toàn bình an, sự thật là những quyến thuộc trước kia của Đại vương mà đã sanh trong giới những Ngạ quỉ đã đi lang thang trong suốt một trung gian Phật thời, với lòng mong mỏi rằng Đại vương sẽ cúng dường vật thí đến một vị Phật và sẽ hồi hướng phước thí đến cho chúng. Nhưng khi Đại vương đã cúng dường vật thực ngày hôm qua, Đại vương đã không cho phước thí ấy, nên chúng đã thất vọng và kêu than trong nỗi đau đớn ghê sợ như thế" "Bạch Đức Thế Tôn, chúng có nhận được phước thí ấy không, nếu những vật thí ấy được cho đến chúng bây giờ?" (Đức vua hỏi) "Được, tâu Đại vương". "Thế thì xin Đức Thế Tôn hãy nhận lời mời của con vào ngày hôm nay và con sẽ hồi hướng những vật thí ấy đến cho chúng". Đức Thế Tôn im lặng nhận lời mời. Đức vua đi về chỗ ngụ của vị ấy và sai sửa soạn một cuộc bố thí to lớn, rồi sai công bố giờ giấc với Đức Thế Tôn. Ngài đi đến hoàng cung cùng với chư Tăng và ngồi xuống trên chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Những Ngạ quỉ suy nghĩ rằng, "Ngày hôm nay chúng ta có thể kiếm được một cái gì đó", và đi đến đứng ở bên ngoài những vách tường và những chỗ khác. Đức Thế Tôn khiến cho chúng hiện rõ trước mắt đức vua. Khi rót nước bố thí, đức vua nói hồi hướng rằng, "xin cho phước thí này thấu đến những quyến thuộc của tôi", và ngay khi ấy những hồ sen hiện ra dành cho những Ngạ quỉ, trên mặt hồ đầy những hoa sen và hoa súng xanh. Chúng tắm và uống nước trong những hồ sen ấy và nhờ vơi đi những

thống khổ, sự mỏi mệt và khát bỏng, chúng trở nên có sắc huỳnh kim. Đức vua cúng dường cơm dẽo và những vật thực loại cứng loại mềm và hồi hướng những vật thí này, và ngay tức thì món cơm dẻo của chư Thiên và những vật thực loại cứng loại mềm hiện

ra. Khi chúng đã ăn những thứ này thì các căn của chúng trở nên tươi tắn. Đức vua cúng dường y phục và chỗ ngụ, rồi hồi hướng những thứ này; Thế là y phục và những cung điện của chư Thiên, được trang bị đầy đủ bằng những chiếc trường kỷ và những tấm khăn trãi giường v.v..., hiện ra cho chúng. Tất cả sự thù thắng này của chúng khiến cho Đức vua thấy rõ ngay khi Đức Thế Tôn đã nguyện cho nó được như thế. Và khi đức vua trông thấy như vậy thì vị ấy hoàn toàn vui sướng. Rồi khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong và đã ăn no bụng, ngài kể cho đức vua nghe những câu chuyện về những Ngạ quỉ ở bên ngoài vách nhà, để thay lời phúc chúc của Ngài:

1. Chúng đứng ở bên ngoài những vách tường và ở những ngã tư đường; chúng đi đến nhà riêng của chúng và đứng ở những trụ cửa.

2. Mặc dầu có nhiều đồ ăn và thức uống, những vật thực loại cứng loại mềm được dọn ra, nhưng không có ai nhớ đến những chúng sanh ấy vì những nghiệp của chúng.

3. Bởi vậy, những người mà có lòng thương tưởng hãy cho những đồ ăn và thức uống đúng thời, thượng vị, thuần tịnh nhất để hồi hướng đến những quyến thuộc của họ, cầu nguyện rằng, "xin cho những phước thí này thấu đến những quyến thuộc của chúng tôi! Cầu xin cho những quyến thuộc của chúng tôi được hạnh phúc!"

4. Và những quyến thuộc sanh làm Ngạ quỉ ấy đã tụ họp ở đó sẽ tỏ sự tuỳ hỷ của chúng đối với đồ ăn và thức dồi dào ấy, nói rằng:

5. "Sự trường thọ hãy đến với quyến thuộc của chúng ta; nhờ họ mà chúng đã có được (tất cả) điều này vì sự tôn trọng đã được thể hiện đến với chúng ta. Và những người cho ra không phải không có những kết quả!"

6. Vì ở đó không có sự trồng trọt cấy cày, cũng không có sự chăn nuôi gia súc; không có những điều như sự làm nghề kiếm ăn và sự mua bán bằng vàng. Những Ngạ quỉ, những kẻ đã quá vãng ở đó chỉ được nuôi sống bằng cái gì được cho đến từ đây.

7. Như mưa rơi trên những vùng đất cao chảy xuống những vùng đất thấp; cũng vậy, những gì được cho đi từ đây sẽ đem đến lợi ích cho những Ngạ quỉ.

8. Cũng như những sông rạch được làm đầy sẽ làm đầy đại dương; cũng vậy, những gì được cho đi từ đây sẽ đem lại lợi ích cho những Ngạ quỉ.

9. "Người ấy đã cho đến tôi, người ấy đã làm cho tôi, người ấy là quyến thuộc của tôi, là bạn bè và người thân quen của tôi"; (như vậy) khi nhớ đến những gì mà họ thường làm, người nên cho những Phước thí đến những Ngạ quỉ.

10. Dầu khóc lóc đến mấy, sầu muộn hay ta thán cách nào cũng không đem lại lợi ích cho Ngạ quỉ đâu, dầu những quyến thuộc của họ có khăng khăng theo họ.

11. Nhưng phước thí này mà sau khi đã được làm và được gieo trồng vững chắc trong chư Tăng, thì bằng hiệu quả tức thời, sẽ đem lại lợi ích lâu dài cho chúng.

12. Bây giờ điều này, là phận sự đối với những quyến thuộc của người, đã được chỉ ra rồi và sự tôn kính cao tột đã được thể hiện đến những Ngạ quỉ; Sức lực đã được cung cấp đến các vị Tỳ kheo và việc phước mà người đã làm không phải là nhỏ.

Chú giải:

1. Ở đây, Ở NGOÀI NHỮNG VÁCH TƯỜNG (Tiroku.d.desu) ở phía bên kia của những vách tường. CHÚNG ĐỨNG (Ti.t.thanti): Câu nói này xác định cách đứng của chúng, tương phản với (những tư thế khác) như ngồi v.v... Nghĩa là chúng đứng ở bên ngoài như vậy, ở bên kia những hàng rào mà bao quanh những ngôi nhà. VÀ Ở GIAO LỘ VÀ CÁC NGÃ TƯ ĐƯỜNG: (Sandhisi"nghaa.takesu ca = sandhiisu ca singhaa.takesu ca) (phối hợp cách); những chỗ mà bốn con đường gặp nhau, chỗ giao nhau của các căn nhà, chỗ giao nhau của các vách tường, được gọi là những giao điểm; trong khi ngã tư đường là những chỗ mà ba bốn con đường gặp nhau. ĐỨNG Ở NHỮNG TRỤ CỬA (Dvaarabaahaasu ti.t.thanti): Đứng dựa vào các trụ cột của các cổng thành phố và của các cửa nhà. CHÚNG ĐI ĐẾN NGÔI NHÀ RIÊNG CỦA CHÚNG (aagantvaana saka.m ghara.m): ngôi nhà riêng của chúng có thể là nhà của một quyến thuộc trước kia, cũng như nhà của chính chúng mà ở đó chúng sống như những người chủ. Vì chúng xem những chỗ này là nhà riêng của chúng, Nên ngài nói rằng, "chúng đi đến nhà riêng của chúng". Đức Thế Tôn nói câu kệ bắt đầu rằng: "Chúng đứng ở bên ngoài những bức vách", để chỉ cho đức vua trông thấy nhiều Ngạ quỉ mà vô cùng xấu xí, dị tướng và kinh khủng, đang lãnh chịu quả của lòng ganh tỵ và bỏn sẻn, và là những kẻ bị đứng ở bên ngoài những bức vách và những chỗ khác, đang đi đến chỗ ngụ của đức vua khi xem đó là nhà riêng của chúng, vì đó chính là nhà của người quyến thuộc trước

kia, dầu trước kia trong quá khứ chúng không sống ở đó. Rồi Ngài nói lên câu kệ thứ hai (bắt đầu là): "Dầu nhiều đồ ăn và thức uống" để cho thấy tánh chất đáng sợ của nghiệp mà chúng đã tạo nên.

2. Ở đây NHIỀU (Pahute) nhiều, số nhiều, nghĩa là nhiều đủ cho nhu cầu. Có thể được phép để thay thế chữ Ba bằng chữ Pa (như vậy chuyển chữ Bahu đổi thành chữ Pahu của bài kinh) như trong những đoạn văn "Dầu khi có nhiều, vị ấy không nuôi sống..." (Pahu santo Narati). Tuy nhiên có một số người học chữ nhiều là (Bahuke) nhưng đây là một cách đọc thiếu thận trọng. ĐỒ ĂN VÀ THỨC UỐNG: (Annapaanamhi = anne ca paane ca) (cách nối liền trong hình thức văn phạm hoán chuyển). NHỮNG VẬT THỰC LOẠI CỨNG LOẠI MỀM (Khajjabhojje = Khajje ca bhojje ca): (Cách nối liền) Ngài chỉ ra bốn loại vật thựcc: loại để ăn, uống nhai và nếm. KHÔNG AI NHỚ ĐẾN NHỮNG CHÚNG SANH ẤY (Na tesa.m Koci sarati sattaana.m): Không người nào, cha hay mẹ hay con cái hay cháu chắc cũng không nhớ đến những chúng sanh mà đã sanh trong cõi Ngạ quỷ. vì lý do gì? vì những nghiệp của chúng. Do bởi hành động keo kiệt ấy mà chính chúng đã làm, gồm có sự không cho ra và ngăn cản sự cho ra ấy và những việc ác khác nữa- Đây chính là nghiệp của chúng khiến cho những quyến thuộc của chúng không tưởng nhớ đến chúng. Khi Ngài đã cho thấy cách mà trong đó bất chấp sự hiện diện của nhiều đồ ăn và thức uống và những thứ khác, do ác nghiệp ấy nên dầu một chút tưởng nhớ của những quyến thuộc ấy của những Ngạ quỉ mà đang mỏi mòn trong chờ phước thí từ những quyến thuộc của họ cũng không có. Rồi đức Thế Tôn đọc lên câu kệ thứ ba bắt đầu bằng: "(bởi vậy những người có lòng thương tưởng) hãy bố thí vì những quyến thuộc của họ": Ngài nói như vậy để khen ngợi những vật thí được cho đến nhân danh

những quy?n thuộc mà sanh trong cõi Ngạ quỉ.

3. Ở đây, NHƯ VẬY (Eva.m) là một từ chỉ sự so sánh. Nó có thể được hiểu theo hai cách: dầu họ không tưởng nhớ đến chúng sanh ấy vì những nghiệp xưa của chúng, một số bố thí dành cho những quyến thuộc của họ như vậy, họ có lòng thương tưởng; Và những ngừơ có lòng thương tưởng vì những quyến thuộc mà họ, đã cho những đồ ăn và thức uống thích hợp, đúng thời, thượng vị và thuần khiết nhất giống như được cho như vậy theo cách ấy bởi bệ hạ, Tâu Đại vương. Ở đây CHO (Dada.nti): hồi hướng NHỮNG AI (ye): Bất cứ những đứa con trai nào v.v... BẤT CỨ AI Honti=Bhavanti (Thể văn phạm hoán chuyển) CÓ LÒNG BI MẪN (Anuka.mpakaa): Muốn cho chúng được lợi ích, là những người mong mỏi lợi ích cho chúng. TRONG SẠCH (Suci.m) Sạch sẽ, quyến rủ và hợp với lẻ đạo. THƯỢNG VỊ (Paniita.m): Tốt nhất. ĐÚNG THỜI (Kaalena): Vào thời gian thích hợp dành cho những bậc Đáng thọ lãnh những vật thí hay vào lúc những quyến thuộc của họ đã đến ở ngoài những bức vách. THÍCH HỢP (Kapiya.m) thích ứng, xem ra đáng đuợc thọ lãnh bởi những vị (Ariya). ĐỒ ĂN VÀ THỨC UỐNG:

Paanabhonana.m= Paana~ncaBhoja~nja (Cách nối liền): Ngài nói ở đây về tất cả những phước thí. Rồi để chỉ cho thấy cách mà trong đó những thứ này phải được cho đến những Ngạ quỉ, Ngài nói rằng, "Xin cho phước thí này thấu đến những quyến thuộc của tôi! xin cho quyến thuộc của chúng tôi được hạnh phúc!" Câu này nên được hiểu bởi nửa phần đầu của câu kệ thứ ba như vầy: "Bởi vậy, những người có lòng bi mẫn hãy bố thí dành cho những quyến thuộc của họ khi nói rằng, "Xin cho phước báu này thấu đến những quyến thuộc của chúng tôi. Cầu xin cho những quyến thuộc của chúng tôi được hạnh phúc" Theo cách này, Ngài đưa ra một sự giải thích về cách mà trong đó những vật thí sẽ được cho ra. XIN CHO PHƯỚC THÍ NÀY HÃY DÀNH CHO NHỮNG QUYẾN THUỘC CỦA CHÚNG TÔI! (~Natina.m hotu): Xin cho những phước thí này dành cho những quyến thuộc của tôi, là những kẻ đã sanh trong cõi Ngạ quỉ! CẦU XIN CHO NHỮNG QUYẾN THUỘC CỦA CHÚNG TÔI ĐƯỢC HẠNH PHÚC! (Sukhitaa hotu naatayo): Cầu xin cho những quyến thuộc của chúng tôi, là những kẻ sanh trong cõi Ngạ quỉ, được hạnh phúc, đạt được hạnh phúc nhờ thọ hưởng quả của việc phước thí này! Mặc dầu nó được nói rằng, "xin cho điều dành cho những quyến thuộc của chúng tôi". Đó không phải là trường hợp của việc làm được làm bởi người cho quả đến một người khác, mà đơn giản là những vật mà đang được cho ra nhân danh chúng theo cách này trở thành nhân duyên để những quyến thuộc Ngạ quỉ ấy làm một việc thiện. Do đó, chính do việc thiện này tạo ra quả của nó dành cho chúng ngay khi ấy, phù hợp với những vật thí ấy. Để cho thấy điều này Ngài đọc lên câu kệ này bắt đầu là: "Và những Ngạ quỉ ấy đã kéo đến và đã tụ họp ở đó".

4. Ở đây chữ NHỮNG KẺ ẤY (Te): Những quyến thuộc Ngạ quỉ ấy. Ở ĐÓ (Tattha): Ở đó, nơi mà những vật thí được cho ra. ĐÃ KÉO ĐẾN RỒI (Samaagaantvaa): đã tụ họp ở đó để tỏ sự tuỳ hỷ của chúng khi nghĩ rằng, "những quyến thuộc này của chúng ta sẽ hồi hướng những phước thí đến chúng ta". ĐỐI VỚI NHIỀU ĐỒ ĂN VÀ THỨC UỐNG ẤY (Pahuute annapaana.mhi): Đối với đồ ăn và thức uống ấy, đối với những vật mà đang được cho nhân danh họ. CUNG KÍNH BÀY TỎ SỰ TUỲ HỶ CỦA HỌ (Sakkhacca.m

Anumodare): Có sự tin tưởng vào quả của những nghiệp, không có sự từ bỏ lòng tôn kính của chúng và không có sự xáo trộn trong tâm chúng khi tuỳ hỉ. Chúng bày tỏ sự tuỳ hỉ và đầy hỉ lạc và hạnh phúc khi nghĩ rằng, "Mong rằng những phước thí này trở thành sự hạnh phúc và lợi lạc cho chúng ta!"

5. SỰ TRƯỜNG THỌ (Cira.m): Cầu xin cho họ được sự trường thọ, cầu xin cho họ được sống lâu! ĐẾN NHỮNG QUYẾN THUỘC CỦA CHÚNG TÔI (No ïaatii). Đến những thân bằng quyến thuộc đã quá vãng của chúng tôi. Do bởi những người ấy. (Yesa.m hetu): Bởi những người ấy, nhờ vào những người ấy. CHÚNG TA ĐƯỢC (Labhaamase): Chúng ta đã được sự tối thắng như vậy. Điều này cho

thấy cách khen ngợi đối với những quyến thuộc của họ, được thể hiện bởi những Ngạ quỉ mà đang hưởng sự thù thắng, có được do bởi sự tuỳ hỉ của chúng. Sự bố thí cho quả của nó ngay tức thì khi ba yếu tố có mặt: Có được những bậc đáng bậc lãnh những vật thí, sự hồi hướng bởi những người cho và sự tuỳ hỉ của những Ngạ quỉ. Trong ba nhân này người cho là nhân đặc biệt; vì lý do này khiến họ nói rằng. "Do bởi những người ấy khiến chúng ta có được tất cả những điều này" VÌ SỰ TÔN KÍNH ĐÃ ĐƯỢC THỂ HIỆN ĐỐI VỚI CHÚNG TA (Amhaaka~n ca kataa Puujaa): Vì sự cúng dường đã được cho đến chúng ta bởi những người hồi hướng những vật thí ấy như vầy: "Hãy cho cái này thấu đến những quyến thuộc của chúng tôi". VÀ NHỮNG NGƯỜI CHO KHÔNG PHẢI KHÔNG CÓ QUẢ BÁU (Daayakaa ca anipphalaa). Bởi vì việc làm ấy (bao gồm sự bố thí) cho kết quả của nó ở chỗ này chỗ kia, vì việc phước ấy đã nằm trong tâm của người cho rồi. Ở đây người ta có thể hỏi rằng: "Làm sao mà chỉ những kẻ sanh trong Ngạ quỉ mới nhận được sự thù thắng này do nhờ những quyến thuộc của chúng, hay những Ngạ quỉ khác cũng lãnh được nó? Không có điều gì cần thiết được nói ra bởi chúng ta ở đây cả, vì điều này đã được giải thích bởi Đức Thế Tôn như vầy:

"Thưa thầy Gotama, những vị Bà la môn chúng tôi bố thí vật thực và làm những việc làm cúng tế khác khi nói rằng, "cầu mong những vật thí này đem lại những lợi ích cho Ngạ quỉ, là những quyến thuộc của chúng tôi, là những bà con ruột thịt của chúng tôi! Xin cho những quyến thuộc Ngạ quỉ của chúng tôi và những bà con ruột thịt của chúng tôi hưởng vật thí này!" Thưa Sa môn Gotama, có phải những vật thí ấy đem lại lợi ích cho những Ngạ quỉ ấy, là những quyến thuộc và là những người thân thích của chúng tôi chăng? Những quyến thuộc Ngạ quỉ và những người bà con thân thích của chúng tôi có thật sự hưởng được những vật thí ấy không?".

"Này Bà-la-môn, nếu chúng ở đúng chỗ thì chúng sẽ được lợi ích; Nếu chúng ở chỗ không thích hợp thì không được lợi ích". "Nhưng chỗ nào là chỗ thích hợp, thưa Thầy Gotama, và chỗ nào là chỗ không thích hợp?".

"Này Bà-la-môn, ở đây có một người nọ sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói đâm thọc, nói lời thô lỗ, nói lời phù phiếm, tham lam, hiểm ác trong tâm và có tà kiến". Vào lúc thân hoại mạng chung, kẻ ấy sanh trong địa ngục. Vị ấy chống chỏi ở đó, vị ấy tồn tại ở đó bằng bất cứ cái gì gọi là vật thực của những chúng sanh ở trong địa ngục. Này ông bà-la-môn, đây là chỗ không thích hợp. Những vật thí ấy không có lợi ích cho

chúng sanh nào ở trong đó.

"Ở đây, này ông Bà-la-môn, có người sát sanh... Có tà kiến. Vào lúc thân hoại mạng chung, người ấy sanh trong bào thai của loài thú. Chúng sanh ấy tự nuôi sống ở đó, lưu lại ở đó bằng bất cứ cái gì gọi là vật thực dành cho súc sanh. Này

ông Bà-la-môn, đây là chỗ không thích hợp; những vật thí ấy không có lợi ích cho những kẻ ở trong cõi ấy.

"Này ông Bà-la-môn, ở đây có người tránh xa sát sanh, tránh xa trộm cắp, tránh xa tà hạnh, tránh xa sự nói dối, tránh xa sự nói đâm thọc, tránh xa sự nói cộc cằn, tránh xa sự nói phù phiếm, không tham lam, không ác tâm và không có tà kiến. Sau khi thân hoại mạng chung người ấy sanh trong cõi người. Người ấy sinh sống và duy trì mạng sống bằng vật thực của loài người, Nầy ông Bà-la-môn, đây là chỗ không thích hợp; những vật thí không có lợi ích cho những người nào sống ở đó cả.

"Này ông Bà-la-môn, ở đây có người từ bỏ sát sanh... Có chánh kiến. Vào lúc thân hoại mạng chung, người ấy sanh trong hội chúng của những vị chư Thiên. Người ấy tự nuôi sống ở đó, người ấy duy trì mạng sống ở đó, bằng bất cứ cái gì gọi là vật thực của chư Thiên. Này ông Bà-la-môn, đây là chỗ không thích hợp; những vật thí ấy không đem lợi ích cho chúng sanh nào ở trong đó.

"Ở đây, Này ông Bà-la-môn, có người sát sanh... Có tà kiến. Vào lúc thân hoại mạng chung người ấy sanh trong cõi Ngạ quỉ. Chúng sanh ấy tự nuôi sống ở đó, sanh tồn ở đó, bằng bất cứ cái gì gọi là vật thực của những chúng sanh trong cõi Ngạ quỉ. Hay kẻ ấy nuôi sống ở đó, kẻ ấy sanh tồn ở đó, bằng bất cứ cái gì mà những bạn bè, những người thân quen hay những quyến thuộc và những người thân thích hồi hướng đến từ đây. Này ông Bà la môn, đây là chỗ thích hợp, những vật thí đem lại lợi ích cho chúng sanh nào sống ở đó".

"Nhưng, thưa Sa môn Gotama, nếu kẻ quá vãng ấy là người quyến thuộc và là người thân thích của chúng con mà chưa sanh trong cõi ấy, thì ai thọ lãnh những vật thực ấy?"

"Này ông Bà-la-môn, những Ngạ quỉ khác là những quyến thuộc và là những kẻ thân thích của ngươi mà đã sanh trong cõi ấy - Những kẻ này thọ hưởng những vật thí."

"Nhưng, thưa Sa môn (Gotama), nếu những Ngạ quỉ ấy là người quyến thuộc và là người thân thích của chúng con chưa sanh trong cõi ấy và những Ngạ quỉ khác là những quyến thuộc và là những kẻ thân thích của chúng con cũng chưa sanh trong cõi ấy-thì ai hưởng những vật thí ấy?"

"Nhưng điều này không thể xảy ra, này ông Bà-la-môn, điều này không thể có, rằng chỗ ấy trong một thời gian rất lâu lại trống rỗng, không có những Ngạ quỉ là

những quyến thuộc và là những kẻ thân thích của ngươi; và dù sao chăng nữa, này ông Bà-la-môn, những người mà có bố thí không phải không có kết quả".

Rồi để cho thấy rằng, những kẻ mà đã sanh trong cõi Ngạ quỉ chỉ được nuôi sống bằng cái gì được cho đến từ đây, ngoài ra không có một nguồn nào khác như sự gieo trồng và sự chăn nuôi gia súc v.v... mà có thể là nguyên nhân để chúng có được sự thù thắng, "những câu kệ bắt đầu là: "Vì không có" được nói đến.

6. Ở đây, câu VÌ KHÔNG CÓ SỰ GIEO TRỒNG Ở ĐÓ (na hi tattha kasii atthi )nghĩa là không có sự gieo trồng ở cõi Ngạ quỉ ấy để những Ngạ quỉ có thể sống thanh thản. Ở đây CŨNG KHÔNG CÓ SỰ CHĂN NUÔI GIA SÚC NÀO ĐƯỢC BIẾT ĐẾN. (Go rakkh'ettha na vijjati): Ở đây, nơi cõi Ngạ quỉ này, không những không có sự gieo trồng, mà cũng không có sự chăn nuôi gia súc được biết đến mà nhờ đó chúng có thể sống thoải mái.

CŨNG KHÔNG CÓ NHỮNG SINH HOẠT NHƯ SỰ BUÔN BÁN (Vanjjaa Taadisii n'atthi): cũng không có ngay cả những sinh hoạt như sự buôn bán trao đổi mậu dịch mà có thể là nguyên nhân khiến chúng có được sự thù thắng. VÀ SỰ MUA BÁN BẰNG VÀNG (hira~n~nena kayakakaya.m): cũng không có ngay cả sự mua và bán bằng vàng mà CÓ THỂ LÀ NGUYÊN NHÂN ĐEM LẠI SỰ THÙ THẮNG CHO CHÚNG, những Ngạ quỉ những kẻ mà đã quá vãng ĐƯỢC NUÔI DƯỠNG Ở ĐÓ BẰNG CÁI GÌ ĐƯỢC CHO ĐẾN TỪ ĐÂY (ito dinnena yaapenti Petaa kaalagataa hahim ): Chúng được nuôi dưỡng, chúng tiếp tục sống hoàn toàn bằng cái gì được cho đến từ đây bởi những quyến thuộc của chúng, hay bởi những bạn bè và những người thân quen của chúng NHỮNG NGẠ QUỈ (Petaa): Những chúng sanh mà đã sanh trong cõi Ngạ quỉ. NHỮNG KẺ MÀ ĐÃ CHẾT (Kaalakataa): Những kẻ mà đã hết thời gian về nghiệp của chúng, những kẻ mà đã làm sự lâm chung của chúng, những kẻ mà đã đi đến trạng thái tử vong của chúng. Ở ĐÓ (tahim): Ở cõi Ngạ quỉ ấy. Rồi Ngài nói lên hai câu kệ bắt đầu là: "Như nước mưa rơi trên những vùng đất khô" để chứng minh bằng lối so sánh ý nghĩa của điều mới được nói.

7-8. Đây là ý nghĩa: cũng như nước đổ xuống bởi những trận mưa trên đất khô, trên vùng đất cao, chảy xuống những chỗ đất thấp, đi xuống những chỗ trũng, đến phần đất mà nằm ở dưới thấp; Cũng vậy, theo cùng cách ấy, những vật thí được cho ra từ đây cũng đem lại lợi ích cho những Ngạ quỉ, phát sanh đến chúng nhờ sự xuất hiện quả báu của chúng. Thế giới Ngạ quỉ là chỗ mà những vật thí đem lại lợi ích, là chỗ giống như chỗ đất thấp mà nước chảy xuống đó. Do đó Ngài nói rằng "Này ông Bà-la-môn, đây là chỗ thích hợp; những vật thí ấy có lợi ích cho kẻ nào đang sống ở đó..." Và cũng như những con sông rạch, những con sông lớn, mà

được làm đầy bởi nước chảy xuống từ những kẽ núi và những con suối, từ những con rạch và những khe núi, từ những ao hồ lớn, làm đầy Đại dương; Cũng vậy, những vật thí được cho ra từ đây đem lại lợi ích cho những Ngạ quỉ theo cách như đã nói ở trên. Vì những Ngạ quỉ đã đi đến nhà những quyến thuộc của chúng, hy vọng rằng chúng thể kiếm được cái gì đó từ nơi đó, không thể nài xin rằng, "Xin hãy - cho tôi con này?" Do đó, Ngài nói lên câu kệ, bắt đầu: "Người ấy đã cho tôi" để cho thấy rằng người con trai trong gia đình nên làm việc phước, khi nhớ đến, tại những trường hợp đáng ghi nhớ liên quan đến chúng.

9. Đây là ý nghĩa: Người ấy cho đến ta những của cải ấy hay ngũ cốc ấy; Người ấy đã làm cho ta khi người đã hoàn toàn làm đầy đủ điều mà phải được làm; vì người đó đó có quan hệ về bên cha hay bên mẹ, nên người ấy là một quyến thuộc; vì người ấy có khả năng làm nơi nương tựa của ta do bởi tình thương của người ấy, nên người ấy là một người bạn; Trong khi vì người ấy là bạn chơi chung với ta khi làm những cái bánh bằng bùn, nên người ấy là người chơi chung: Khi nhớ đến tất cả điều này, người nên cho ra những phước thí dành cho những Ngạ quỉ, người nên hồi hướng những vật thí đến chúng.

10. 11. Ngài nói lên câu kệ rằng: "Dầu khóc lóc bao nhiêu", để cho thấy rằng trong khi cứ khăng khăng khóc lóc hoài và sầu muộn ta thán cho cái chết của những quyến thuộc thì họ chẳng làm gì đem lại lợi ích cho những quyến thuộc ấy cả; và sự khóc lóc sầu muộn ta thán này chỉ là hoàn toàn dẫn đến việc làm khổ chính họ mà thôi; điều ấy không đem lại lợi ích cho Ngạ quỉ. Rồi Ngài nói thêm một câu kệ nữa: "Nhưng điều này" để chỉ rõ tánh chất có lợi của sự bố thí được cho bởi vua nước (Magadha). Ý nghĩa của những lời này cũng giống như ý nghĩa của câu nói đã được nêu ra ở trên.

12. Rồi Đức Thế Tôn nói lên câu kệ kết thúc rằng: "Bây giờ (điều này), là phận sự đối với những quyến thuộc cuả mình", để tán dương đức vua vì những đặc tính chân thực này, nghĩa là, bởi vì do đức vua cho ra phước thí ấy, do vị ấy làm điều nên được làm bởi một quyến thuộc đối với một quyến thuộc khác; Phận sự đối với những quyến thuộc của mình đã được chỉ ra, nó được làm cho mọi người biết đến, khi chỉ cho thấy, khi chỉ cho biết rằng họ cũng nên làm tròn phận sự của họ đối với những quyến thuộc của họ theo cùng cách ấy; và nhờ khiến cho những Ngạ quỉ có được thù thắng của chư Thiên, nên sự tôn trọng cao cả nhất gọi là đã được thể hiện đến những Ngạ quỉ, do vị ấy làm thoả mãn bằng đồ ăn và thức uống đến chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu, nên sức mạnh được cho đến chư Tăng; và bằng sự bố thí làm sanh lên lòng quảng đại cùng với đức tính Từ bi, nên việc phước đi theo không phải nhỏ. Ở đây, PHẬN SỰ ĐỐI VỚI NHỮNG QUYẾN THUỘC CỦA NGƯỜI (~naatidhammo); sự thực hành nên được làm bởi người thân đối với người thân.

CAO CẢ (U.laaraa): tốt rất đẹp SỨC MẠNH (bala.m) sức mạnh về thể lực. ĐƯỢC BÁM THEO (pasuta.m): được tích lũy. Bây giờ ở đây, do bởi câu nói: " Bây giờ điều này, phận sự đối với những quyến thuộc của mình, đã được chỉ ra" Đức Thế Tôn giáo giới cho đức vua bằng thời pháp thoại, để chỉ cho vị ấy thấy phận sự đối với những quyến thuộc của mình. Ở đây là một lời giáo giới. Do bởi câu nói: "và sự tôn kính cao cả nhất đã được thể hiện đến những Ngạ quỉ" Ngài thức tỉnh vị ấy, vì sự tán dương vị ấy là " Cao cả nhất" ở đây là sự thức tỉnh về cách tỏ sự cung kính của vị ấy nhiều lần". Do bởi câu nói "sức mạnh đã cung cấp đến các vị Tỳ kheo", Ngài cho đức vua thấy sự cung cấp sức mạnh để làm gia tăng sự tinh tấn của vị ấy trong việc cung cấp sức mạnh theo cách đặc biệt ấy. Do câu nói "và phước được tính lũy bởi Đại Vương không phải là ít". Ngài đã làm cho vị ấy khởi lên lòng hoan hỉ. Với việc phước mà vị ấy đã làm.

Vào lúc kết thúc các thời pháp thoại, tuệ quán sanh lên trong tám mươi bốn ngàn chúng sanh nhờ bài mô tả về những hoàn cảnh trong cõi Ngạ quỉ. Vào những ngày tiếp

theo, Ngài cũng dạy câu chuyện ngoài bức tường này để giáo hoá chư Thiên và nhân loại trong bảy ngày, và chính tuệ quán này cũng sanh lên.

---o0o---

I.06 THỰC NGŨ NHI QUỶ SỰ

"Ngươi trần truồng và có tướng mạo gớm guốc".

Pháp thoại này được Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Saavatthi, liên quan đến một Petii (nữ Ngạ quỉ), là kẻ ăn thịt năm đứa con của nàng.

Tương truyền rằng: ở trong một ngôi làng nọ không cách xa thành Saavatthi, có một người vợ của một người đàn ông giàu có. Những quyến thuộc của người chồng nói rằng; "Bà vợ chánh của anh vô tử, chúng ta phải kiếm cho anh một nàng dâu khác." Nhưng anh ta không chịu vì tình thương của anh ta đối với vợ. Bấy giờ khi người vợ của anh ta nghe tin ấy, nàng nói vơi chồng rằng, "Thưa chồng, em là người không có con; Nên kiếm về một người vợ khác đi - đừng làm tuyệt dòng", và bị hối thúc bởi nàng, người chồng lấy một người vợ khác mà đến đúng thời kỳ đã có thai. Người vợ không con suy nghĩa rằng, "Khi nó đã có đứa con trai thì nó trở thành bà chủ trong ngôi nhà này", và khởi lên lòng ganh tị, bèn tìm cách để làm cho nàng kia bị hư thai, nàng cho người đàn bà kia đồ ăn và thức uống khiến cho nàng bị hư thai. Khi người vợ thứ hai bị sẩy thai, nàng báo tin cho mẹ của nàng biết và mẹ nàng tập hợp những quyến thuộc của bà ta. Và cho họ biết vấn đề. Họ tố cáo người vợ không có con phải chịu trách nhiệm về sự sẩy thai của người vợ thứ, nhưng nàng phủ nhận điều ấy, nói rằng, " Tôi không chịu trách nhiệm". Họ đáp

rằng, "Nếu cô không chịu trách nhiệm trong việc sẩy thai thì hãy thề đi!" Nàng thề dối rằng. "Nếu tôi có trách nhiệm trong việc xảy thai tôi sẽ sanh ra mỗi buổi sáng và chiều năm đứa con trai và ăn thịt chúng, tuy nhiên vẫn không thấy thoả mãn; hơn nữa, xin cho tôi luôn luôn có mùi hôi thối và bị những đàn ruồi bu quanh". Chẳng bao lâu, nàng chết và sanh làm Petii có hình tướng ghê tởm không cách xa ngôi làng ấy. Vào thời ấy có tám vị Trưởng lão, đã trải qua mùa mưa trong vùng ấy và trên đường đi đến Saavatthi để yết kiến bậc Đạo sư. các Ngài đi đến nghỉ dưới một bóng cây ở một chỗ có nước trong rừng không cách xa ngôi làng ấy. Nữ quỉ khi ấy hiện ra cho các Trưởng lão trông thấy và Trưởng lão lớn nhất nhóm hỏi Nữ quỉ ấy bằng câu kệ này:

"Người trần truồng và có tướng mạo gớm guốc; ngươi toả ra mùi xú uế, ngươi bị bao quanh bởi những đàn ruồi - bây giờ người là ai mà đứng ở đây"

Chú giải:

Ở đây TRẦN TRUỒNG (Naggaa): là không mặc áo quần CÓ TƯỚNG MẠO GỚM GUỐC (Lubba.n.na ruupasii): Ngươi vô cùng xấu xí, tướng mạo của ngươi là một cảnh tượng rất ghê tởm. MÙI HÔI THỐI (Duggandhaa) mùi khó chịu. NGƯƠI TOẢ RA MÙI THỐI THA (Putivaayasi): Ngươi toả ra mùi của con cá chết thối rữa từ thân của ngươi. NGƯƠI BỊ VÂY QUANH BỞI NHỮNG CON RUỒI (Makkhikaa Pariki.nnà'va ): Ngươi hoàn toàn bị vây quanh bởi những con ruồi xanh. BÂY GIỜ NGƯƠI LÀ AI MÀ ĐỨNG Ở ĐÂY? (Kaa Nu

Tva.m idha titthaasi) quả thật, ngươi là ai mà đứng ở đây tại chỗ này, trông như thế này và đi lang thang chỗ này lối nọ?

Khi được hỏi bởi Trưởng lão, nữ quỉ nói lên câu kệ này để giải thích nàng là ai, để làm cho chúng sanh khởi lên lòng kinh cảm:

2. Thưa Ngài, con là một Petii, đã đi đến kiếp sống đau khổ trong cõi Yama ; sau khi đã làm ác nghiệp, con đã ra đi từ đây đến cõi Ngạ quỉ.

3. Vào lúc sáng, con sanh ra năm đứa con, và đến chiều lại con sanh ra năm đứa con khác; dầu con ăn thịt hết tất cả chúng, Ngay cả nhiều như vậy cũng không đủ đối với con.

4. Tim của con sôi sục và bị thiêu đốt bởi cơn đói, và con không thể kiếm ra được nước để uống! Hãy xem cảnh ngộ giáng xuống cho con!

Chú giải:

2. Ở đây chữ (Bhaddhante) THƯA NGÀI: Nàng nói với Trưởng lão do bởi lòng tôn kính. ĐÃ ĐI ĐẾN KHỔ CẢNH: (Duggataa): đã đến trạng thái đau khổ. TRONG CÕI YAMA (Yamalokikaa): Trong cõi Ngạ quỉ mà được biết đến bởi cái tên là cõi Yama . ĐÃ RA ĐI TỪ ĐẤY. (Ito Gataa): Con đã ra đi từ đây, từ cõi người đi đến cõi Ngạ quỉ, do sự tái sanh: Nghĩa là con đã sanh lên sau khi chết.

3. VÀO BUỔI SÁNG (Kaalena): vào lúc rạng sáng. NĂM ĐỨA CON TRAI: (Pa~nca-Puttaani= Pa~nca putte); điều này được nói bởi sự bóp méo về giống tánh. VÀO BUỔI CHIỀU LẠI SANH THÊM NĂM ĐỨA CON (Saaya.m Pa~nca Punaapare) vào buổi chiều con lại ăn thịt thêm năm đứa con trai nữa) - đây là cách nên được hiểu. CON ĐẺ (Vijyitvaana): Ngày lại ngày con đẻ ra mười đứa con. NGAY CẢ NHỮNG ĐỨA NÀY CŨNG KHÔNG ĐỦ CHO CON (Te pi naa Honti me ala.m) ngay cả mười đứa con này cũng không đủ cho con để làm vơi cơn đói trong ngày; Na ở đây được kéo dài thành Nà.

4. TIM CỦA CON SÔI SỤC VÀ BỊ THIÊU ĐỐT BỞI CƠN ĐÓI (pariḍayhati dhuumaayati khudaayaa hadaya.m mama): Do bị đói, tim con sôi sục, cháy bỏng, bị làm khổ khắp châu thân bởi cơn đau đói. Và con không thể kiếm nước để uống khi đi lang thang chỗ này chỗ kia vì cơn khát. HÃY XEM CẢNH NGỘ ĐÃ GIÁNG XUỐNG CHO CON, (Passa ma.m vyasana.m gata.m): Nàng cho Trưởng lão biết rằng nỗi thống khổ mà nàng trải qua, khi nói rằng. "Bạch Đại đức, hãy xem loại cảnh ngộ đã giáng xuống cho con, nói chung và nói riêng, do vì đã sanh vào trong cõi Ngạ quỉ".

Khi nghe qua điều này Trưởng lão bèn hỏi nàng về nghiệp quá khứ mà nàng đã làm:

5. "Hãy cho ta biết ác nghiệp nào được làm bởi thân, khẩu và ý của ngươi? do kết quả của nghiệp nào khiến người ăn thịt những đứa con của ngươi?

Chú giải:

5. Ở đây, chữ ÁC NGHIỆP (Dukkhata.m): ác hạnh. DO KẾT QUẢ CỦA NGHIỆP NÀO? (Kissa kammavipaa kena): Do kết quả của loại nghiệp nào, nghĩa là ngươi đã sát sanh hay làm một nghiệp nào khác như trộm cắp v.v...?

Rồi quỉ nữ ấy kể lại cho Trưởng lão nghe về nghiệp của nàng đã làm:

6. Người vợ chung chồng của con đã có thai và con đã âm mưu làm việc ác để hại nàng. Bị ô nhiễm trong tâm, con đã làm cho nàng sẩy thai.

7. Cái bào thai được hai tháng của nàng đã tuôn ra như máu. Rồi mẹ của nàng tức giận và tập họp những quyến thuộc của bà ta lại; bà ta bắt con phải thề và khiến họ nguyền rủa con.

8. Con đã nói một lời dối trá kinh khủng khi nói lên lời thề ấy rằng: "Nếu điều ấy do tôi làm thì xin cho tôi phải ăn thịt những đứa con trai của tôi".

9. Chính do kết quả của ác nghiệp ấy và do con đã nói dối, nên con đã ăn thịt những đứa con trai của con và bị lấm nhơ bởi máu và vật nhơ.

Chú giải:

6. Ở đây, NGƯỜI VỢ CHUNG CHỒNG (Sapatii): nói về người đàn bà có chung một ông chồng. Và con âm mưu gây ra ác nghiệp chống lại nàng, chống lại người vợ chung chồng ấy. BỊ Ô NHIỄM TRONG TÂM (Padu.t.thamanasaa): Với ý định xấu hay với tâm ô nhiễm.

7. HAI THÁNG TUỔI (Dvemaasiko): khi đã được an trú trong bào thai được hai tháng, chính là hai tháng tuổi. CHẢY RA Y NHƯ MÁU (Lohita~n~neva Paggharii): Khi nó bị hư nó trở nên y như máu và bị trôi ra. RỒI MẸ CỦA NÀNG NỔI GIẬN ĐỐI VỚI CON VÀ TẬP HỌP BÀ CON CỦA BÀ TA LẠI (Tad assà maataa Kupitaa Mayaha.m~naatii Samaanayi): Rồi mẹ của người vợ thứ tức giận và mời những quyến thuộc của bà ta lại. Một cách đọc chuyển đổi là Tad'assaa mà chia ra thành hai chữ là Tato-Assaa (nhân đó... của nàng). VÀ KHIẾN HỌ CHỬI MẮNG (Paribhaasaapayi ca ): Và khiến họ đe doạ con.

8. CON ĐÃ NÓI DỐI KHI CON NÓI LỜI THỀ ẤY (Sapatha.m Musaavaada.m Abhaasissa.m): con đã nói dối khi nói lời thề ấy, nghĩa là không có sự chân thật trong sự nói ra của con, con đã không nói đúng điều mà con thực sự đã làm, khi nói rằng, " Nếu điều này do tôi làm thì xin cho tôi có thể như thế như thế." NẾU ĐIỀU NÀY DO TÔI LÀM THÌ XIN CHO TÔI CÓ THỂ ĂN THỊT NĂM ĐỨA CON CỦA TÔI (Puttama.m saani khaadaami sac'eta.m pakata.m mayaa): Như vậy điều này cho thấy tánh chất của lời thề được nói ra, nghĩa là nếu điều ác này, sự sẩy thai này, được làm bởi tôi, thì tôi có thể ăn thịt không gì khác ngoài thịt của những đứa con trai của tôi, trong kiếp sống tương lai của tôi.

9. CỦA CÁI ĐÓ (Tassaa): của nghiệp sát sanh được gieo tạo bằng sự làm sẩy thai ấy. VÀ DO VÌ TÔI ĐÃ NÓI DỐI (Musaavaadassa ca ): và do hành động nói dối ấy. TÔI BỊ LÀM BẨN BỞI MÁU VÀ VẬT NHƠ (Pubbalohitamakkhitaa): Tôi ăn thịt những con trai của tôi sau khi tôi đã trở nên nhơ bẩn bởi máu và vật nhơ, do sanh đẻ và hành động xé xát những đứa con - đây là cách nên được hiểu.

Khi Ngạ quỉ nữ đã nói rõ những nghiệp của nàng, nàng bèn nói một lần nữa rằng: "Bạch Đại Đức, con đã từng là vợ của người đàn ông có của cải đó trong chính ngôi làng

này, nhưng con đã sanh lòng ganh tỵ, đã làm điều ác và đã sanh trong cõi Ngạ quỉ. Bạch Đại đức, xin ngài hoan hỷ đi về nhà của người đàn ông có của cải ấy. Người ấy sẽ dâng cúng đến Ngài những vật thí. Rồi bảo người ấy hồi hướng phước thí cho con. Nhờ cách này, con sẽ được thoát khỏi đây, khỏi cõi Ngạ quỉ này". Khi những vị Trưởng lão nghe qua điều này, họ đi vì thương hại cho nàng và có lòng bi mẫn, và đi vào nhà của người đàn ông có của cải ấy để khất thực. Khi người đàn ông có của cải ấy trông thấy các vị Trưởng lão đầy tịnh tín, ông ta đi ra để đón tiếp các Ngài, cầm bát của các Ngài, mời các Ngài ngồi và dâng đến các Ngài vật thực thượng vị. Những vị Trưởng lão thuật lại biến cố đã xảy ra cho người đàn ông biết và bảo ông ta hồi hướng phước thí ấy đến Ngạ quỉ nữ. Ngay khi ấy Ngạ quỉ nữ hết đau khổ. Khi được sự thù thắng cao tột, nàng hiện ra trong đêm ấy cho người đàn ông có tài sản trông thấy. Những Trưởng lão sau khi đã đi đến Saavatthi, nêu ra vấn đề ấy với đức Thế tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng chánh pháp cho hội chúng đã tụ hợp ở đó. Thời pháp ấy đem lợi ich cho những người ấy.

---o0o---

I.07 THỰC THẤT NHI QUỈ SỰ

"Ngươi trần truồng và có hình tướng ghê tởm".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ tại Saavatthi, liên quan đến một Ngạ quỉ nữ ăn thịt bảy đứa con trai của nàng.

Tương truyền rằng, trong một ngôi làng nọ không cách xa thành Saavatthi, có một tín nữ có hai đứa con trai đều trẻ trung, xinh đẹp, có đạo đức có hạnh kiểm tốt. Người mẹ của hai đứa con coi thường người chồng vì ỷ về những đứa con trai của nàng, khi nghĩ rằng. "Ta được sở hữu những đứa con trai". và ông ta, sau khi bị bà ta coi thường nhiều, bèn dẫn về một người vợ khác mà không bao lâu sau cũng có thai. Người vợ trước sanh lòng ganh tỵ và thuyết phục một vị y sĩ nọ, bằng cách trả một món tiền hối lộ, để gây ra sự sẩy thai cho cái phôi được ba tháng tuổi nơi người vợ kế. Bấy giờ, khi được hỏi bởi người chồng của nàng và những quyến thuộc rằng liệu nàng có chịu trách nhiệm về cái thai của người đàn bà kia không, nàng bèn nói dối và phủ nhận việc đó rằng: "Tôi không chịu trách nhiệm". Họ tin nàng và nói rằng, "Thế thì hãy thề đi!" Nàng thốt lên lời thề: "Nếu tôi có làm như vậy xin, cho tôi sanh mỗi buổi sáng và chiều bảy đứa con trai, và tôi sẽ ăn thịt những đứa con ấy; Xin cho tôi luôn luôn có mùi thối tha và bị vây quanh bởi

những con ruồi!" Đến đúng thời kỳ, nàng chết và sanh trong cõi Ngạ quỉ do quả của nàng về việc làm sẩy thai và do sự nói dối của nàng. Nữ quỉ đi lang thang không cách xa chính ngôi làng ấy, ăn thịt những đứa con trai của nàng theo cách như đã nói trước. Bấy giờ trong cùng thời gian ấy, những vị Trưởng lão mà đã an cư trong mùa mưa ở trong cùng ngôi làng ấy và đang trên đường đi đến Saavatthi để yết kiến Bậc Đạo sư, đến nghỉ đêm tại một chỗ không cách xa chính ngôi làng ấy. Ngạ quỉ nữ hiện hình trước các vị Trưởng lão và vị Trưởng lão lớn nhất hỏi nàng bằng câu kệ này:

1. "Ngươi trần truồng và có hình tướng gớm ghê; ngươi toả ra mùi xú uế. Ngươi bị bu quanh bởi những con ruồi - Bây giờ người là ai, ngươi là ai mà đang đứng ở đây?

Khi được hỏi bởi Trưởng lão, nàng trả lời vị ấy bằng ba câu kệ:

2. Bạch Ngài, Con là một Ngạ quỉ nữ, đã đi đến khổ cảnh trong cõi yama. Con đã ra đi từ đây đến cõi Ngạ quỉ.

3. Vào lúc sáng sớm con sanh ra bảy đứa con trai và vào lúc chiều lại con sanh thêm bảy đứa khác nữa- Dầu con đã ăn thịt tất cả chúng, ngay cả những đứa này cũng không đủ cho con.

4. Tim của con sôi sục, bị thiêu đốt bởi cơn đói và con không thể có được sự nguôi ngoai; con bị hành hạ tựa như bị đốt cháy bởi lửa.

Chú giải:

Ở đây, SỰ NGUÔI NGOAI (Nibbutim): sự làm vơi giảm đau khổ của cơn đói và khát. CON KHÔNG THỂ KIẾM naadhigacchaami: con không thể được cái gì, con bị hành hạ tựa như bị đốt cháy bởi NGỌN LỬA (aggida.d.dhaa va atape): Con bị hành hạ bởi sức nóng cùng cực tựa như con đang bị đốt cháy bởi lửa (Bởi vì) con không thể có được sự nguôi mgoai - đây là cách nên được hiểu.

Khi nghe qua điều này, Trưởng lão thốt lên câu kệ này để hỏi nàng về nghiệp mà nàng đã làm:

5. "Bây giờ ác nghiệp nào được làm bởi ngươi bằng thân, khẩu và ý? Do kết quả của nghiệp nào khiến ngươi ăn thịt những đứa con của ngươi?"

Rồi nữ ngạ qủi ấy nói lên những câu kệ này để kể lại cách mà nàng đã tái sanh trong cõi ngạ qủi và lý do khiến nàng ăn thịt những đứa con:

6. "Con có hai đứa con trai mà cả hai đều đến tuổi thành niên; vì ỷ vào quyền uy của những đứa con trai, con đã coi thường chồng của con.

7. Nhân đó chồng của con tức giận và lấy một người khác làm vợ hầu; khi nàng có thai, con đã âm mưu gây ra một ác nghiệp để hại nàng.

8. Bị ô nhiễm trong tâm, con khiến cho nàng sẩy thai và cái phôi ba tháng của nàng rơi xuống như máu tanh.

9. Rồi mẹ của nàng tức giận trước cảnh này và hội họp những quyến thuộc của bà ta lại; bà ta bắt con phải thề và khiến họ chửi mắng con.

10. Con đã nói một lời dối trá kinh khủng khi con nói lời thế ấy rằng, nếu điều này được làm bởi con thì xin cho con ăn thịt những đứa con trai của con.

11. Chính do cả kết quả của việc làm ấy và do bởi sự kiện rằng con đã nói dối khiến con ăn thịt những đứa con trai của con và con bị lấm nhơ bởi máu và vật nhơ.

Chú giải:

6. Ở đây CÓ ĐƯỢC UY QUYỀN CỦA NHỮNG CON TRAI CỦA CON: puttabaluupetaa = puttabalena upeta (cách kết hợp): uy quyền do những đứa con của nàng mà có. CON BÀY MƯU (atima~n~nissa.m): Con đã nói chống lại, con đã miệt thị.

8. RƠI XUỐNG NHƯ MÁU TANH HÔI (Puutilohitako pati): Cái phôi rơi xuống sau khi trở thành cái xác chết đầy máu.

Tất cả phần còn lại cũng giống như phần trước, chỉ có điều khác biệt là có Tám Trưởng lão trong khi ở đây thì có nhiều vị Trưởng lão; và câu chuyện trước thì có năm đứa con trai trong khi ở đây thì có đến bảy đứa.

---o0o---

[1.3]

I.08 NGƯU QUỈ SỰ (GO.NA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Tại sao ngươi như một người điên".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Jetavana, liên quan đến một vị phú hộ có cha chết.

Tương truyền rằng, tại Saavatthi người cha của một người đàn ông giàu có nọ đã chết. Tâm của ông ta bị sầu khổ tiếc thương cho cái chết của cha mình và ông ta thường đi lang thang như một người điên với tâm than thở khi hỏi bất cứ ai mà ông ta trông thấy, "ông đã thấy cha của tôi phải không?" Nhưng không ai có thể xua tan nỗi sầu khổ của ông ta cả. Tuy nhiên khả năng chứng đắc quả thánh Tu- Đà- hườn chiếu sáng trong tâm của ông ta như ngọn đèn trong một cái lọ. Bậc Đạo sư, khi đang dò xét thế gian vào lúc hừng đông, trông thấy khả năng chứng ngộ quả Thánh Tu- Đà- hườn của ông ta và nghĩ rằng, "Khi ta đã kể ra những nghiệp quá khứ của vị ấy và làm lắng dịu cơn sầu khổ của vị ấy thì sẽ thích hợp để cho vị ấy quả thánh Tu- Đà- hườn". Vào ngày hôm sau, trong khi khất thực trở về sau khi độ thực, Ngài dẫn theo vị thị giả của Ngài và đến cửa nhà của ông ta. Khi ông ta nghe tin rằng ngài đã đến, bèn đi ra tiếp đón Ngài và thỉnh Ngài đi vào nhà. Khi Bậc Đạo sư đã ngồi trên chỗ ngồi được soạn sẵn, chính ông ta đảnh lễ Bậc Đạo sư. Ngồi xuống một bên và hỏi rằng, "Bạch Đức Thế Tôn, Ngài có biết chỗ mà cha của con đã ra đi không?" Rồi Bậc Đạo sư đáp lại rằng, "Này Thiện nam, ngươi hỏi cha của ngươi trong kiếp sống này hay trong kiếp sống quá khứ?" Khi ông ta nghe những lời này, ông ta bèn suy nghĩ, "Ta đã có những người cha, nhờ vậy nỗi sầu khổ của ông ta được lắng dịu và ông ta được một ít bình thản. Rồi Bậc Đạo sư cho ông ta một thời pháp để diệt trừ nỗi sầu khổ của ông ta, và khi Ngài biết rằng nổi sầu khổ của ông ta đã xa lìa và tâm của ông ta đã sẵn sàng, bằng sự thuyết giảng Chánh Pháp ấy mà chính chư Phật đã giác Ngộ (Khổ, Tập, Diệt, và Đạo), Ngài an trú ông ta trong quả thánh Tu-Đà-hườn và rồi đi về tính Xá của Ngài. Các vị Tỳ kheo bắt đầu bàn luận với nhau trong Giảng Đường chánh pháp nằng, "Hãy xem, thưa các tôn giả, năng lực vĩ đại của Đức Phật mà trong đó vị thiện nam đã bị sầu khổ lớn, được dẫn dắt bởi Đức Thế Tôn vào quả Thánh Tu-Đà-hườn chỉ trong giây lát". Bậc Đạo sư đi đến đó và ngồi trên chỗ ngồi đã được soạn sẵn dành cho Ngài và hỏi rằng, "Này các Tỳ kheo, vì mục đích của

cuộc bàn luận nào khiến các ngươi đang ngồi ở đây?" Các vị Tỳ kheo, bạch lại đề tài của cuộc bàn luận của họ với Đức Thế Tôn. Khi Bậc Đạo sư nói rằng, "Này các Tỳ kheo, không phải chỉ trong trường hợp này thôi đâu mà Như Lai đoạn trừ nỗi sầu khổ của ông ta; Tương tự như thế, Như Lai cũng đã đoạn trừ nó trong một kiếp quá khứ rồi". Các vị Tỳ kheo bèn thỉnh Đức Thế Tôn kể lại biến cố xa xưa ấy.

Cách đây đã lâu, tại Ba la nại, người cha của một gia chủ nọ đã chết. Ông ta bị sầu khổ và ta thán cho cái chết của người cha; và với mặt đầy nước mắt, ông ta kêu than và đấm ngực khi ông ta đi vòng quanh cái mộ của người cha theo chiều bên phải. Đứa con trai của ông ta, là Sujaata, là một chàng trai thông minh và uyên bác

và đầy trí tuệ, trong khi tìm cách để diệt trừ nỗi sầu muộn của cha mình, vào một ngày nọ cậu ta trông thấy một con bò chết ở bên ngoài cửa thành phố. Cậu ta đem đến một ít cỏ và nước rồi đặt chúng ở trước con bò chết ấy. Khi cho nó một miếng, chàng trai đứng ở đó ra lệnh cho nó tựa như nó còn đang sống vậy, khi nói rằng, "hãy ăn đi, hãy ăn đi, hãy uống đi, hãy uống đi"; Những người qua đường trông thấy cậu ta và nói rằng, "Này anh bạn Sujaata, có phải anh đã hoàn toàn điên loạn rồi chăng? Cớ sao anh cho cỏ và nước đến con bò đã chết rồi?" Nhưng cậu ta chẳng nói lời đáp lại. Mọi người đi đến người cha của cậu ta và nói rằng, "Con trai của ông đã điên loạn và đã cho cỏ và nước đến một con bò đã chết." Khi ông ta nghe qua điều này thì nỗi sầu khổ của người đàn ông có tài sản ấy đối với người cha được cách ly. Xúc động với ý nghĩ rằng, "Người ta nói rằng, con trai của ta đã bị điên", ông ta phóng nhanh đến đó và khiển trách cậu ta: "Này Sujaata, chẳng hay con đã mất hết sáng suốt thông minh và trí tuệ rồi chăng? Tại sao con cho cỏ và nước đến một con bò đã bị chết?" Và thốt lên hai câu kệ này:

1. "Tại Sao con, như một người điên, lại cắt cỏ và nói lầm bầm, hãy ăn, hãy ăn, với một con bò mà mạng sống của nó đã xa lìa?

2. Vì không phải do đồ ăn và thức uống khiến con bò chết sống lại được; con là một thằng ngu, một đứa bé đần độn, và là một thằng khùng như bất cứ thằng khùng nào khác."

Giống như một thằng điên,
Tại sao con đút cỏ?
Tại sao nói lầm bầm:
"Ăn đi, hãy ăn đi"
Đến một con bò già
Mà mạng sống không còn.
Bởi vì chẳng phải do
Đồ ăn hay thức uống
Khiến con bò chết này
Có thể sống lại được;
Ngươi là một thằng ngốc,
Là đứa bé dại khờ,

Và là một thằng khùng
Như bất cứ ai khác;
Chú giải:

1. Ở đây, TẠI SAO (Kin nu) là một nghi vấn từ. NHƯ MỘT NGƯỜI ĐIÊN (ummattaruupo va) như người mà có tánh điên, như người bị loạn tâm thần. Cắt (laayatvaa= Laavitvaa) (hình thức văn phạm hoán chuyển) CỎ XANH (harita.m ti.na.m): Cỏ tươi. NÓI LẦM BẦM (Lapasi) nói nhảm. CÓ MẠNG SỐNG ĐÃ HẾT (Gatasatta.m): Không có mạng sống. CON BÒ GIÀ (Jaraggava.m): Con bò yếu đuối, con bò mà đã được dùng để cày lâu năm rồi.

2. BẰNG ĐỒ ĂN VÀ THỨC UỐNG (Annena paanena): Bằng cỏ xanh này hoặc bằng nước mà còn đã cho. CON BÒ CHẾT NÀY SẼ SỐNG LẠI (mato go.no samu.t.thale): Cho dù con bò chết này mà sống được, cũng không dậy nổi. NGƯƠI LÀ MỘT THẰNG NGỐC (tva.m'si baalo ca dummedho): Ngươi là một thằng ngốc vì ngươi đeo níu vào sự điên rồ, là một đứa bé khờ dại vì ngươi thiếu trí quán xét là trí tuệ. VÀ LÀ MỘT THẰNG KHÙNG NHƯ BẤT CỨ THẰNG KHÙNG NÀO KHÁC (Yathaa t'a~n~n'eva dummati): nghĩa là người ta thán như vậy không đem đến một mục đích nào, cũng như bất cứ một người nào khác mà thiếu khả năng về lí trí. CŨNG NHƯ BẤT CỨ AI KHÁC (a~n~n'eva): mặc dầu ngươi có lý trí, nhưng ngươi đã trở nên khờ dại như bất cứ người khờ dại nào khác và, đã nói một cách lộn xộn.

Khi nghe qua điều này, Sujaata bèn nói lên hai câu kệ này để nói rõ ý định của mình đến người cha;

3. Những cái chân này, cái đầu này, cái than này với cái đuôi và hai mắt của nó vẫn còn như thế: Con bò này có thể dậy được.

4. Nhưng hai chân, hai tay, thân thể và cái đầu của ông nội thì không được trông thấy- không phải đúng hơn cha là người ngốc khi khóc lóc với nắm đất của người sao?

Chú giải:

3. Đây là nghĩa: Bốn cái chân này, cái đầu như cái trống này cùng với cái đuôi này của con bò vẫn còn đó. Cái thân này với cái đuôi của nó và hai con mắt vẫn còn đó, y như trước khi chết và không có dấu hiệu nào là đã chết cả. CON BÒ NÀY CÓ THỂ ĐỨNG DẬY (Aya.m gono samu.t.thale): Do bởi lý do này, ý nghĩ nảy lên trong con rằng con bò này có thể đứng dậy được. Một số người đọc là con nghĩ con bò có thể thình lình đưa cái thân của nó dậy được: Quan điểm như vậy có thể tự nó hiện diện đối với con- Đây là ý nghĩa.

4. Rồi chàng trai giáo giới cho cha mình rằng, "Những tay, chân, đầu và thân của ông nội, của ông cố, không còn được trông thấy. Không phải đúng hơn rằng riêng

cha, thưa cha, mới là người khờ dại, là người không có lý trí hơn cả một trăm một ngàn lần, khi cha khóc nơi cái mộ được làm bằng đất sau khi phủ lấy những đốt xương của người ở trong đó? các pháp hữu vi có tánh chất dễ hoại diệt và hoại diệt; Cha biết điều này, tại sao cha phải ta thán?" Khi nghe qua điều này, cha của Bồ tát suy nghĩ rằng,

"con của ta có trí tuệ; Nó đã làm hành động này để khuyên dạy ta". Và nói rằng. "Này con thân Sujaata, thật rất rõ rằng tất cả chúng sanh đều phải chịu chết đều nhau cả. Từ nay trở đi ta sẽ không ta thán nữa: Như vậy lời khyên ấy nên được áp dụng cho những người có thể diệt trừ ưu bi của họ", và vị ấy nói lên bốn câu kệ để khen ngợi đứa con trai của ông ta:

5. "Quả thực ta rực cháy, như lửa được châm bằng thục tô; Nhưng bây giờ tất cả sầu muộn của ta đã được dập tắt tựa như ta được tưới nước.

6. Thật vậy, cây tên là ưu bi, mà đã xuyên thủng tim ta, đã được nhổ ra. Ngươi đã diệt trừ ưu bi ấy, là ưu bi đối với cha của ta, đã giáng xuống ta.

7. Nhờ cây tên được rút ra, ta được an tịnh và mát mẻ; từ khi nghe ngươi nói, hỡi chàng trai trẻ, ta không còn ưu bi hay khóc than nữa."

8. Cũng như Sujaata đã làm cho cha của vị ấy quên đi ưu bi ấy - Bậc Trí tuệ, là người có hành động bi mẫn, cũng hành động như thế.

Chú giải:

5. TA BỊ THIÊU ĐỐT (aditta.m): Ta đã bị đốt cháy và đang cháy bằng ngọn lửa của sầu muộn. CŨNG NHU (Santa.m= samaana.m): hình thức văn phạm chuyển đổi). LỬA (paavaka.m) lửa. TỰA NHƯ TA ĐÃ ĐƯỢC TƯỚI VÀO BỞI NƯỚC (Vaarinà viya osi~nca.m) tựa như ta đang được tưới vào bằng nước. NHƯNG BÂY GIỜ TẤT CẢ SẦU MUỘN CỦA TA ĐÃ ĐƯỢC DẬP TẮT (Sabbam nibbaapaya dara.m): Nhưng bây giờ tất cả đau khổ trong tâm của ta đã được dập tắt.

6. THẬT VẬY TA ĐÃ ĐƯỢC RÚT RA (aabhu"nha vata): Thật vậy ta đã được kéo ra. CÂY TÊN (Salla.m): Cây tên ưu bi. MÀ ĐÃ ĐÂM THỦNG TIM TA (hadayanissita.m): Cây tên mà đã ở trong tâm của ta. ƯU BI MÀ ĐÃ ĐÈ NẶNG (Sokaparetasa): ưu bi mà đã chế ngự. ƯU BI ĐỐI VỚI CHA CỦA TA (Pitusoka.m): ưu bi mà đã sanh lên đối với cha của ta. NGƯƠI ĐÃ ĐUỔI ĐI (apaanudi): Ngươi đã đoạn trừ.

7. TỪ KHI NGHE NGƯƠI, HỠI CHÀNG TRAI TRẺ (Tava sutvaaana Maanava): Tuy nhiên, từ khi nghe những lời của ngươi, này con, bây giờ ta không còn ưu bi hay khóc than.

8. CŨNG NHƯ (SUJAATA) LÀM CHO CHA CỦA VỊ ẤY QUÊN ĐI (Sujaato Pitara.m yathaa): Cũng như chàng trai Sujaata này đã làm cho cha của vị ấy quên đi sầu khổ, cũng vậy những người có trí tuệ khác có lòng bi mẫn cũng làm như thế, họ là những người có tánh hay giúp đỡ, hành động theo cách như thế, nghĩa là họ hành động vì lợi ích của cha của họ và những người khác nữa.

Khi đã nghe qua những lời của chàng trai, người cha hết sầu muộn. Ông ta gội đầu, ăn uống trở lại và điều khiển công việc của ông ta. Vào cuối cuộc đời, ông ta chết sanh vào thiên giới.

Khi Bậc Đạo sư đã kể lại Pháp thoại này, Ngài thuyết giảng Tứ Đế cho những Tỳ kheo ấy. Vào lúc kết thúc của thời Pháp, nhiều người được an trú trong quả thánh Tu-Đà-hườn.

Lúc bấy giờ Sujaata chính là Đấng hộ trì thế gian của chúng ta.

---o0o---

I.09 ĐẠI CHỨC VẬT SƯ QUỈ SỰ (MAHAAPESAKAARA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Phẩn và nước tiểu, máu và mủ".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi đang ngụ ở Saavatthi, liên quan đến một nữ Ngạ quỉ mà đã từng là một nữ thợ dệt.

Tương truyền rằng có đến mười hai vị Tỳ kheo đã nhận đề mục thiền định trước mặt Bậc Đạo sư, và trong khi tìm kiếm chỗ ngụ khi mùa mưa sắp đến, trông thấy một chỗ khả ái, có bóng mát và có nước ở trong khu rừng, với một ngôi làng để cung cấp vật thực mà chẳng xa cũng chẳng gần. Họ nghỉ đêm ở trong đó, vào ngày hôm sau đi vào làng để khất thực. Mười một người thợ dệt trú ngụ ở đó. Khi họ trông thấy những vị Tỳ kheo, họ khởi tâm hoan hỉ và dẫn các Ngài vào nhà riêng của họ. Khi họ đã hầu hạ các Ngài bằng đồ ăn và thức uống, họ hỏi rằng, "bạch các ngài, các ngài đang đi đâu thế?" "chúng tôi đang đi đến bất cứ chỗ nào mà tỏ ra thuận tiện đối với chúng tôi", Họ đáp lại. "Nếu là như thế, thưa chư Đại Đức, Thời các ngài nên ở lại ngay tại chỗ này", Họ nói và thỉnh các Ngài an cư trong mùa mưa cùng với họ, và các vị Tỳ kheo đã nhận lời. Những Thiện nam cho dựng lên

các thảo am cho các Ngài trong rừng và dâng chúng đến các vị Tỳ kheo mà an cư trong mùa mưa tại đó. Tại đó người thợ dệt bậc thầy, bằng sự chăm sóc chu đáo, đã hầu hai vị Tỳ kheo bằng bốn món vật dụng; và những người khác mỗi người hầu hạ một vị Tỳ kheo. Người vợ của vị thầy thợ dệt ấy chẳng có đức tin và cũng chẳng có lòng tịnh tín, nhưng có tánh ti tiện và có tà kiến, và không hầu hạ các vị Tỳ kheo bằng sự chăm sóc chu đáo. Khi nhận ra điều này, người thợ dệt ấy đem về đứa em gái của ông ta và giao phó cho nàng làm nữ chủ ngôi nhà của ông ta. Nàng có đức tin và lòng sùng đạo, chăm sóc các vị Tỳ kheo với sự chăm sóc chu đáo. Tất cả những người thợ dệt ấy, mỗi người dâng một chiếc y đến một vị Tỳ kheo mà đã an cư kiết hạ, nhân đó người vợ đê tiện của người thầy thợ dệt, có tâm bất thiện, đã nguyền rủa chồng của bà ta rằng, "Bất cứ đồ ăn và thức uống nào mà ông đã cho làm vật thí đến những vị Sa môn, là những đứa con trai của vị sakya, cầu mong rằng trong kiếp sau nó sẽ biến thành phẩn và nước tiểu, máu và mủ dành cho ông; và những chiếc y ấy trở thành những cái đĩa sắt nóng đỏ". Rồi đến đúng thời, vị thầy thợ dệt ấy chết và sanh làm vị thọ thần trong khu rừng Vi~njha, có đại oai thần lực. Nhưng khi người vợ keo kiệt của ông ta chết, bà ta sanh làm một Ngạ quỉ nữ không cách xa ngôi làng ấy. Bà ta trần truồng và có hình tướng ghê tởm; và bị hành hạ bởi đói và khát, bà ta đi đến vị chư Thiên địa cầu ấy và nói rằng, "Chồng ơi, tôi không được mặc áo quần và đi lang thang, bị dày vò bởi cơn đói và khát cùng cực; Xin hãy cho tôi một ít y phục, đồ ăn và thức uống". Ông ta cho nữ ngạ qủy đồ ăn và thức uống thượng vị của chư Thiên. Nhưng khi Bà ta càng chạm vào chúng nhiều chừng nào thì chúng càng biến thành phẩn và nước tiểu, máu và mủ nhiều chừng đó, và khi bà mặc vào y phục thì nó biến thành cái đĩa sắt nóng đỏ; Bị đau đớn khốc liệt, bà ta quăng chúng và đi lang thang kêu khóc.

Vào lúc ấy có một vị Tỳ kheo nọ đã trải qua mùa mưa, đang trên đường đến đảnh lễ Bậc Đạo sư và đã đi vào khu rừng Vi~njha cùng với một đoàn thương nhân đông đảo. Đoàn thương nhân đi tiếp trong chuyến đi xa của họ vào lúc ban đêm, và ban ngày trông thấy một chỗ có nước, có bóng mát dày đặc; Họ tháo ách cho những con bò, rồi nghỉ một lát. Tuy nhiên, vị Tỳ kheo muốn yên ổn, bèn đi tiếp một quãng đường ngắn. Vị ấy đặt chiếc y vai trái ở dưới gốc cây, là một lùm cây không thể đi xuyên qua được và có bóng mát dầy đặc và, bị kiệt lực vì đi đường xa, bèn đặt mình xuống và ngủ thiếp đi. Đoàn thương nhân, khi đã nghỉ xong, lại tiếp tục đi, nhưng vị Tỳ kheo thì không hay biết. Vị ấy thức dậy vào lúc chiều và, không thể trông thấy đoàn thương nhân, bèn bỏ đi theo hướng bị lạc và đến đúng lúc đi ngang qua chỗ của vị thọ thần ấy. Khi vị Thọ thần trông thấy vị Tỳ kheo, vị ấy bèn đi đến trong hình tướng của loài người và chào hỏi thân mật, mời vị Tỳ kheo vào trong cung điện của vị ấy, cho vị Tỳ kheo một ít dầu để thoa chân và những thứ khác, rồi ngồi xuống để hầu hạ. Vào lúc này Ngạ quỉ đến, nói rằng, "Thưa chồng, hãy cho tôi đồ ăn và thức uống và y phục." Vị ấy cho những thứ này đến nàng,

nhưng khi nàng chạm vào chúng chừng nào thì chúng lại trở thành phẩn và nước tiểu, máu và mủ, và những đĩa sắt nóng đỏ. Khi trông thấy cảnh này, đầy xúc động, vị Tỳ kheo bèn hỏi vị chư Thiên ấy bằng hai câu kệ này:

1. Nàng ấy ăn phẩn và nước tiểu, máu và mủ - đây là kết quả của nghiệp gì, bây giờ nghiệp gì mà người đàn bà đã làm khiến cho nàng luôn luôn ăn máu và mủ?

2. Những y phục mới, đẹp, mềm, sạch và như lông tơ, khi được cho đến nàng lại trở thành như những tấm kim loại; Người đàn bà này đã làm nghiệp gì?

1. Nàng ta ăn toàn phẩn,
Nước tiểu, mủ và máu-
Đây là quả nghiệp nào?
Nghiệp gì nàng đã làm
Khiến nàng luôn luôn ăn
Những khối máu và mủ;
2. Những y phục mới mẻ,
Xinh đẹp và mềm mại,
Sạch bóng và như tơ
Nhưng khi cho đến nàng
Thì như những tấm sắt-
Người đàn bà này đã
Làm những ác nghiệp nào?
Chú giải:

1. Ở đây câu ĐÂY LÀ KẾT QUẢ CỦA NGHIỆP GÌ? (Kissa aya.m Vipaako): Đây là kết quả của loại nghiệp nào khiến bây giờ nàng lãnh chịu như thế? BÂY GIỜ NGHIỆP GÌ MÀ NGƯỜI ĐÀN BÀ NÀY ĐÃ LÀM? (Aya nu kim kamma.m akaasi naarii): Bây giờ nghiệp

nào mà người đàn bà này đã làm trong quá khứ? ĐẾN NỖI NÀNG LUÔN LUÔN ĂN BẰNG NƯỚC MÁU VÀ MỦ. (Yaa ca sabbadaa lohitapubbabhakkhaa): Rằng nàng luôn luôn kiếm ăn bằng, ăn toàn là máu và mủ.

2. MỚI (Mavaani): Khi đã hiện ra ngay lúc ấy. XINH ĐẸP (Subhaani): Trông duyên dáng và xinh đẹp. MỀM (Muduumi): Rờ êm tay. SẠCH (Suddhaani): Có vẻ ngoài rất sạch. NHƯ LÔNG TƠ (Lomasaani): Vơí một đống mà rờ êm tay, nghĩa là khả ái. KHI ĐƯỢC CHO ĐẾN NÀNG THÌ TRỞ THÀNH NHỮNG TẤM SẮT (Dinna.m'imissà pi.takaa va Bhavanti): trở thànhgiống như những tấm sắt có gai

nhọn, giống như những cái đĩa bằng đồng. Cách đọc chuyển đổi là: "trở thành những con sâu (Kiitakaa Bhavanti), nghĩa là chúng trở nên giống như những con côn trùng cắn vào.

Khi được hỏi như vậy bởi vị Tỳ kheo, vị thọ thần bèn nói hai câu kệ để giải thích nghiệp mà nàng đã làm trong quá khứ:

3. Nàng là vợ của tôi, thưa Ngài, không có lòng nhân từ, hà tiện và keo kiệt; khi tôi cho đến các vị Sa môn và các Bà la môn, thì nàng lăng mạ tôi và chửi mắng tôi, nói là,

4. "Phẩn và nước tiểu, máu và mủ - cầu cho ông luôn luôn ăn cái gì là bất tịnh! cầu cho điều này hãy là số phần định sẵn cho ông trong kiếp sau và cầu cho những y phục của ông trở thành những tấm sắt!" Sau khi đã có ác hạnh như thế, nàng đã đến đây để phải ăn những thứ nhơ uế trong một thời gian dài.

3.

Nàng là vợ của tôi,
Bất nhân và keo kiệt,
Khi tôi cúng dường đến
Những Sa môn, bàn môn,
Bà ta lăng mạ tôi,
Bà ta chửi mắng tôi:
4.

"Phẩn nhơ và nước tiểu
Cùng với máu và mủ-
Cầu cho ông luôn luôn
Ăn cái gì nhơ uế,
Cầu cho điều này hãy
Là số phận của ông
Ở trong kiếp sống sau;
Và áo quần của ông,
Hãy thành những tấm sắt!"
Khi có ác hạnh ấy,
Bà ta đã đến đây

Để phải ăn đồ nhơ
Trong một thời gian dài.
Chú giải:

3. Ở đây, KHÔNG CÓ LÒNG NHÂN TỪ (adaayikaa): Bà ta chẳng cho gì đến ai cả. Bà ta thiếu đức Bố thí. BẦN TIỆN VÀ BỎN XẺN (Maccharinii Kadariyaa): Lúc đầu bà ta bần tiện do tánh của bà ta (do bị lấm nhơ) bởi bợn nhơ của lòng keo kiệt; do đi sâu vào tánh nết như vậy, bà ta trở nên cực kỳ bần tiện, (và trong lúc cuối bà ta keo kiệt - đây là cách nên được hiểu). Rồi vị ấy nói rằng, "Khi tôi cho đến các vị Sa môn và Bà la môn thì bà ta lăng mạ tôi" để cho thấy tánh keo kiệt của bà ta.

4. NHƯ THẾ (etaadida.m): Khi đã có ác hạnh về khẩu v.v... Thuộc loại như đã được nói ? trên. BÀ TA ĐÃ ĐẾN ĐÂY (idhaagataa): Bà ta đã đến cõi Ngạ quỉ này, bà ta đã sanh ra làm một Ngạ quỉ nữ. ĐỂ PHẢI ĂN (NHỮNG VẬT NHƠ) TRONG MỘT THỜI GIAN DÀI (cirattaaya khaadati): Để phải ăn toàn phẩn v.v.. Trong một thời gian dài. Cách lăng mạ của bà ta về bất cứ điều gì, thì trong cùng cách ấy quả của nó cũng như thế. Sự lăng mạ rơi trở lại trên chính mình, không phải trên người vô tội bị lăng mạ.

Khi đã kể lại như vậy về nghiệp mà nàng đã làm trong quá khứ, sau đó vị chư Thiên lại nói với vị Tỳ kheo rằng, "Bạch Đại Đức, có cách nào để nàng thoát khỏi cảnh Ngạ quỉ này không?" Khi vị Tỳ kheo nói rằng có, thì vị ấy nói rằng, "bạch Đại Đức, xin hãy nói cho con biết điều ấy." "Nếu những vật thí được cho đến một vị Tỳ kheo hay một người trong chư Thánh tăng của Đức Thế Tôn và rồi hồi hướng đến nàng và Ngạ quỷ bày tỏ sự tuỳ hỉ của nàng, thời như vậy sẽ có sự giải thoát dành cho nàng khỏi cảnh khốn cùng ở đây". Khi đã nghe qua điều này, vị chư Thiên bèn cúng dường đến vị Tỳ kheo đồ ăn và thức uống thượng vị, và hồi hướng phước thí ấy đến nữ Ngạ quỉ. Và ngay tức thì Nữ Ngạ quỉ ấy trở nên tươi sáng trở lại và làm thoả mãn các căn của nàng và được thoả mãn bởi vật thực chư Thiên. Rồi vị chư Thiên ấy lại cúng dường vào tay của vị Tỳ kheo ấy một cặp y của chư Thiên đặc biệt dành cho Đức Thế Tôn và hồi hướng phước thí ấy đến nữ Ngạ quỉ. Ngay tức thì nàng được mặc y phục của chư Thiên và được trang sức bằng những vật trang sức của chư Thiên và, có đầy đủ tất cả gì mà nàng muốn, nàng giống như một tiên nữ, và vị Tỳ kheo ấy thì đi đến Saavathi trong chính ngày hôm ấy bằng năng lực thần thông của vị chư Thiên ấy. Vị ấy đi vào Jetavana, đi đến trước mặt Đức Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và rồi cúng dường đến Ngài cặp y. Rồi vị ấy nêu lên vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng chánh pháp đến hội chúng đã tụ họp ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho những người ấy.

---o0o---

I.10 NGỐC ĐẦU QUỈ SỰ (KHALLAATIYA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

- "Ngươi là ai mà ở bên trong cung điện của ngươi?"

- Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngu ở Saavatthi, liên quan đến một Ngạ quỉ nọ có đầu hói.

Tương truyền rằng, cách đây đã lâu, tại Ba la nại có một cô gái điếm nọ trông rất xinh đẹp và diễm lệ, duyên dáng và có nước da hấp dẫn tuyệt vời, và có những bím tóc quyến rũ lạ kỳ. Tóc đen dài của nàng mềm mại, mịn mượt và xoắn cong ở đuôi. Nó được buộc thành hai chùm, và khi được thả lỏng, những bím tóc thòng xuống đến thắt lưng của nàng. Khi trông thấy mái tóc xinh đẹp của nàng, hầu như tất cả những chàng trai đều say đắm yêu thương nàng. Vì không thể chịu đựng mái tóc xinh đẹp của nàng, một số phụ nữ, đầy lòng ganh tỵ, bàn tán với nhau và rồi mua chuột nàng tớ gái của nàng để cho nàng một liều thuốc độc, khiến cho tóc của nàng rơi rụng. Tương truyền rằng người hầu của nàng đã trộn chung thuốc rụng tóc với bột tắm và đưa nó cho nàng vào lúc nàng đang tắm gội ở sông Hằng. Nàng tẩm ướt tóc của nàng đến chân tóc và nhúng nó vào trong nước. Ngay khi nàng nhúng nó xuống nước thì tóc của nàng rụng ra ở chân tóc và cái đầu của nàng giống như một trái bầu đắng. Rồi hoàn toàn bị hết tóc và xấu xí như con chim bồ câu có cái đầu bị nhổ sạch lông, do xấu hổ, không thể đi vào thành phố, nàng trùm một tấm khăn quanh đầu của nàng và làm chỗ ngụ của nàng tại một chỗ nọ ở thành phố. Sau một thời gian khoảng vài ngày, nàng hết thấy xấu hổ và nàng ép một số mè và kiếm sống bằng nghề buôn dầu và rượu. Một hôm, khi hai hoặc ba người say rượu đã ngủ mê, nàng đánh cắp y phục của họ mà đang treo thòng. Rồi một ngày nọ, nàng trông thấy một vị Trưởng lão đã đoạn trừ các lậu hoặc đang đi khất thực; với lòng tịnh tín trong tâm, nàng dẫn Ngài về nhà của nàng, mời Ngài ngồi trên chỗ ngồi đã được soạn sẵn và rồi dâng đến Ngài cái bánh dầu được làm bằng mè xay và được nhúng trong dầu. Trưởng lão, vì lòng bi mẫn đối với nàng, bèn thọ lãnh và ăn cái bánh ấy trong khi nàng đứng với lòng sùng đạo tín thành, đang cầm cái dù che cho Trưởng lão. Trưởng lão bày tỏ sự tuỳ hỉ của Ngài khiến cho tâm của nàng hoan hỷ và Ngài ra đi. Ngay khi Trưởng lão tỏ sự tuỳ hỉ của Ngài thì người con gái kia phát nguyện rằng, "Cầu xin cho tóc của con được dài, mềm mại, mượt mà, mịn và xoắn ở đuôi tóc". Đến đúng thời kỳ, nàng chết, và do kết quả của những việc phước và tội của nàng, nàng sanh một mình trong cung điện bằng vàng ở giữa Đại dương. Tóc của nàng trải ra y như nàng đã ước nguyện, nhưng nàng bị trần truồng vì đã ăn cắp những áo quần của người đàn ông. Nàng đã sanh nhiều lần trong cung điện bằng vàng ấy, và trần truồng, nàng trải qua một trung gian Phật thời tại đó. Rồi khi Đức Thế Tôn của chúng ta đã sanh lên trong thế gian và lăn bánh xe diệu pháp, và đến đúng thời kỳ đang trú ngụ tại Saavatthi, có đến nhiều trăm thương nhân, là

những dân cư của thành Saavatthi, khởi sự lên đường xuyên qua Đại dương hướng đến Suva.n.na bhuumi . Chiếc thuyền mà họ đã bước vào bị tròng trành do bởi sức của những cơn gió mạnh, trôi dạt bồng bềnh đến tại chỗ ấy; Nhân đó, Thiên cung nữ quỉ hiện ra hình tướng của nàng và thiên cung của nàng cũng hiện ra trước mặt họ. Khi trông thấy nàng, vị thương nhân Trưởng đoàn đọc lên câu kệ này để dò hỏi:

1. "Nàng là ai mà cứ ở trong cung điện của nàng, không đi ra ngoài? Hãy ra ngoài, hỡi nàng, hãy cho chúng ta thấy rõ hơn khi nàng đang đứng ở bên ngoài".

Ô kìa nàng là ai
Mà ở mãi trong cung điện,

Không bước ra bên ngoài?
Hãy ra ngoài, hỡi nàng,
Để chúng ta thấy nàng
Khi đang đứng bên ngoài
Chú giải:

1. Ở đây, NGƯƠI LÀ AI MÀ ĐANG Ở TRONG CUNG ĐIỆN CỦA NGƯỜI? (Kaa nu anto vimaanasmi.m ti.t.thantii): Vị ấy hỏi, Ngươi là ai mà ở bên trong cung điện của ngươi? "Là người nữ hay phi nhân chăng?" KHÔNG ĐI RA NGOÀI (Na upanikkhami): Không rời khỏi cung điện của nàng. HÃY ĐI RA, HỠI NÀNG, ĐỂ CHÚNG TA TRÔNG THẤY NÀNG KHI ĐANG ĐỨNG BÊN NGOÀI (upanikkamass bhadde tva.m passaama ta.m bahi.t.thita.m): Hỡi nàng, hãy để chúng ta trông thấy nàng, chúng ta muốn thấy nàng, khi đang đứng ở bên ngoài, bởi vậy xin hãy rời khỏi cung điện của nàng đi.

Rồi nàng đọc lên câu kệ này để giải thích sự bất lực của nàng là không thể ra ngoài được:

2. "Bị trần truồng, tôi cũng khổ tâm và lúng túng, không thể ra ngoài được;

Tôi chỉ được che phủ bằng tóc của tôi mà thôi - Là kết quả của một ít phước mà tôi đã làm".

Thân thể bị loã lồ,
Tôi cũng khổ lúng túng,
Không thể ra ngoài được;
Tôi chỉ được che phủ
Bằng tóc của tôi thôi Là do chút ít phước Mà tôi đã gieo tạo.

Chú giải:

2. Ở đây, TÔI CŨNG KHỔ TÂM (A.t.tiyaami): Khi bị trần truồng, tôi cũng buồn rầu và khổ tâm, không thể đi ra ngoài được. LÚNG TÚNG (Haraayaami): Hổ thẹn. TÔI CHỈ ĐƯỢC CHE PHỦ BỞI TÓC CỦA TÔI MÀ THÔI (Keseh'amhi pa.ticchannaa): Tôi được che phủ, thân của tôi được che đậy chỉ bằng tóc của tôi mà thôi. LÀ MỘT ÍT PHƯỚC MÀ TÔI ĐÃ LÀM (Pu~n~na.m me appaka.m kata.m): Một ít, nhỏ nhặt, là những việc thiện mà tôi đã làm, là sự bố thí chỉ bằng cái bánh làm bằng mè xay- Đây là ý nghĩa.

Rồi vị thương nhân, khi muốn cho nàng chiếc áo của ông ta, bèn nói lên câu kệ này:

3. "Đây này, tôi sẽ cho nàng chiếc áo khoác của tôi - Hãy mặc vào chiếc áo này. Khi nàng đã mặc vào chiếc áo này rồi, thời hãy đi ra, hỡi người đẹp của ta. Hãy đi ra, này cưng, hãy cho chúng ta trông thấy nàng khi đang đứng ở bên ngoài";

Ta sẽ cho đến nàng
Chiếc áo khoác của ta.
Khi nàng đã mặc vào
Chiếc áo khoác này rồi,

Thời hãy bước ra ngoài,
Hỡi người đẹp của ta,
Hãy ra này em yêu
Khi đang đứng bên ngoài
Hãy cho ta thấy nàng.
Chú giải:

3. ĐÂY (handa): Hãy lấy cái này. CHIẾC ÁO KHOÁC (uttariiya.m): Chiếc áo khoác mặc ở trên, nghĩa là chiếc áo đắp ngoài. HÃY MẶC VÀO CHIẾC ÁO KHOÁC NÀY (ima.m dussa.m nivaasaya): Hãy mặc vào chiếc áo khoác này của ta.

Khi nói vậy, vị ấy trao cho nàng chiếc áo khoác của mình. Nàng bèn nói lên hai câu kệ để cho thấy rằng: cái mà được cho theo cách ấy không đem lại lợi ích cho nàng, và cách mà những vật được cho sẽ đem lại lợi ích cho nàng:

4. "Cái gì được cho ra từ tay của người vào trong tay của tôi thì không đem lại lợi ích cho tôi. Nhưng người Thiện nam ở đây có lòng tịnh tín và là một vị Thinh văn đệ tử của Đức Phật Toàn Giác

5. Khi đã mặc vào cho vị ấy, hãy hồi hướng phước thí ấy đến cho tôi, thời tôi sẽ được hạnh phúc và có đầy đủ tất cả điều gì mà tôi ưa thích".

4.

Cái gì được cho ra
Từ trong tay của Người,
Vào trong tay của tôi,
Thì chẳng lợi ích gì
Đến cho tôi chút nào,
Nhưng vị Thiện nam này
Ở đây có đức tin
Là thinh văn đệ tử
Của Đức Phật Toàn Giác;
5.

Khi đã mặc y phục
Vào người của vị ấy,
Hãy cho phước đến tôi,
Thời tôi sẽ hạnh phúc.
Và có đủ tất cả
Điều gì tôi mong muốn.
Chú giải:

4. Ở đây, CÁI GÌ ĐƯỢC CHO RA TỪ TAY CỦA NGƯỜI VÀO TRONG TAY CỦA TÔI THÌ KHÔNG CÓ LỢI ÍCH ĐẾN CHO TÔI (Hatthena hatthe te dinna.m na mayha.m

upakappati): Cái gì được cho ra bởi người, thưa Ngài, bởi tay của người vào trong tay của tôi thì không có lợi ích cho tôi, không phát sanh đến cho tôi, nghĩa là không thích hợp để tôi dùng. NHƯNG NGƯỜI THIỆN NAM Ở ĐÂY CÓ ĐỨC TIN (es'etth' upaasako saddho): Nhưng ở đây trong tập thể những người

này, có vị thiện nam này là người đã qui y nơi Tam Bảo và có niềm tin, vì người ấy có niềm tin trong quả của các nghiệp.

5. KHI ĐÃ MẶC Y PHỤC CHO VỊ ẤY RỒI, HÃY HỒI HƯỚNG PHƯỚC THÍ ĐẾN CHO TÔI (eta.m acchaadayitvaana mama dakkhina.m aadisa): Khi đã khiến cho vị Thiện nam này mặc vào chiếc áo khoác mà ngài muốn cho đến tôi và hồi hướng phước thí ấy đến cho tôi. Hãy cho nhân danh tôi vật thí được hồi hướng. THỜI TÔI SẼ ĐƯỢC HẠNH PHÚC (tadaaha.m sukhitaa hessa.m): Khi điều ấy được làm rồi thì tôi sẽ đạt đến hạnh phúc và sẽ được mặc vào áo của chư Thiên.

Khi nghe qua điều này, những vị thương nhân tắm và thoa dầu cho vị thiện nam và rồi mặc vào cho vị ấy một cặp y phục. Những người kiết tập Tam tạng nói những câu kệ này để làm sáng tỏ điều này:

6. Những vị thương nhân ấy tắm và thoa dầu cho vị ấy và mặc vào cho vị ấy những y phục, và rồi hồi hướng phước thí đến cho nàng.

7. Ngay khi họ hồi hướng phước thí này thì kết quả hiện ra: vật thực, y phục và thức uống - là quả của phước thí này.

8. Nhân đó, nàng trở nên thanh tịnh, được mặc vào y phục sạch sẽ và tươi sáng, mặc những y phục mịn hơn những y phục bằng vải Kaasi, rồi rời khỏi cung điện của nàng, mỉm cười (để cho thấy rằng) "đây là kết quả phước thí của người".

6.

Những thương nhân ấy tắm,
Thoa dầu cho vị ấy
Và khoác những y phục
Vào người của vị ấy,
Rồi cho phước đến Nàng.
7.

Ngay khi họ hồi hướng,
Thì kết quả hiện ra:
Là vật thực, y phục
Và thức uống, là quả
Của sự bố thí này.
8.

Nhờ đó nàng thanh tịnh,
Được mặc những y phục

Tươi sáng và sạch sẽ,
Lại mang những tấm vải
Mịn hơn của Kaasi;
Và rời khỏi cung điện,
Mỉm cười để cho biết
"Đây là quả phước thí
Của người cho đến tôi".
Chú giải:

6. Ở đây, VỊ ẤY (Tạm): Vị Thiện nam ấy, chữ Ca (Không được dịch) chỉ là một mạo từ. Những người ấy (te) sẽ được dịch là "Những thương nhân". Xức dầu (Vilimpitvaana): Xức bằng vật thơm hảo hạng nhất. MẶC VÀO CHO VỊ ẤY NHỮNG Y PHỤC (vatthen'acchaadayitvaana): Khi đã cho vị ấy ăn những vật thực có cà ri thuộc đ? các loại, có mùi thơm và hương vị tốt, họ mặc vào cho vị ấy hai tấm y phục: Một chiếc y nội và một chiếc áo khoác, nghĩa là họ cho vị ấy hai món y phục. HỒI HƯỚNG PHƯỚC THÍ ĐẾN CHO NÀNG (Tassà dakkhina.m aadisu.m): Cho phước thí đến nữ quỉ ấy.

7. NGAY KHI HỌ HỒI HƯỚNG CÁI NÀY (Samanantaraarudi.t.the): Anu (không dịch) chỉ là một mạo từ; ngay khi họ cho phước thí này đến nàng. KẾT QUẢ HIỆN RA (Vipaakouppajjatha): Kết quả dành cho nữ quỉ, nghĩa là kết quả của phước thí này sẽ sanh lên. Loại kết quả nào? Nữ quỉ nói: Vật thực, y phục và thức uống (Bhojanacchaadaanapaaniiya.m) nhiều loại vật thực giống như vật thực của chư Thiên, nhiều loại y phục được nhuộm, chiếu ra những màu sắc giống như những y phục của chư Thiên, và vô số loại thức uống- đó là quả của phước thí ấy mà đã sanh lên - đây là cách nên được hiểu.

8. NHÂN ĐÓ (Tato): Sau khi nhận được vật thực và những thứ khác như đã nói ở trên. NÀNG TRỞ NÊN THANH TỊNH (Suddhaa): Thân của nàng thanh tịnh nhờ tắm xong. MẶC VÀO NHỮNG Y PHỤC TƯƠI SÁNG VÀ SẠCH SẼ (Sucivasanaa): mặc y phục rực rỡ, sạch sẽ. KHI MANG NHỮNG THỨ ẤY MỊN HƠN NHỮNG THỨ CỦA (Kaasi) (Kaasikuttamadhaarinii): Khi mặc những thứ ấy mịn hơn những thứ được làm bằng vải (Kaasi). MỈM CƯỜI (Hasantii): Nàng rời khỏi cung điện của nàng khi mỉm cười để cho thấy rõ rằng: "hãy xem, này các bạn, kết quả tuyệt diệu này từ phước thí của các bạn".

Khi chính các vị thương nhân đã trông thấy như vậy quả của việc phước của họ, thì tâm của họ đầy ngạc nhiên và họ có đầy lòng kính trọng đối với vị Thiện nam, tôn kính vị ấy bằng sự chắp tay tác lễ. Vị ấy lại còn làm cho họ tín thành nhiều hơn bằng một thời pháp thoại và an trú họ trong tam qui và ngũ giới. Họ hỏi nàng Vimaanapetii về nghiệp mà nàng đã làm, bằng câu kệ này:

9. "Cung điện nguy nga, rực rỡ của nàng đang chiếu sáng; Này tiên nữ, chúng ta yêu cầu nàng hãy cho chúng ta biết rằng đây là quả của nghiệp gì".

9.

Cung điện đầy hoa mỹ
Và nguy nga của nàng
Đang chiếu sáng rực rỡ;
Này hỡi nàng tiên nữ,
Hãy cho chúng ta biết,
Đây là quả nghiệp nào.
Chú giải:

9. Ở đây, ĐƯỢC SƠN PHẾT XINH ĐẸP (sucittaruupa.m): được trang hoàng xinh xắn bằng những bức tranh về những con voi, những con ngựa, những người đàn ông và đàn bà v.v..., cũng như những tràng hoa và những cây leo. LẤP LÁNH (Rucira.m): Trông dễ thương và khả ái. ĐÂY LÀ QUẢ CỦA NGHIỆP NÀO. (Kissa kammass'ida.m phala.m): Thuộc loại nghiệp nào, nghĩa là có phải đó là quả của nghiệp về bố thí hay về giới hạnh?

Khi được hỏi như vậy bởi họ, nàng bèn nói lên những câu kệ này để báo cho họ biết rằng cung điện ấy là kết quả của nghiệp thiện nhỏ mà nàng đã làm; tuy nhiên, trong tương lai sẽ có quả nghiệp bất thiện như nghiệp được thấy trong địa Ngục.

10. Đến một vị Sa môn du phương, chánh trực, tôi, với tâm tịnh tín, đã cúng dường cái bánh dầu.

11. Do kết quả của nghiệp thiện ấy, tôi đã vui hưởng khoái lạc trong một thời gian dài trong cung điện này, còn bây giờ chỉ có chút ít.

12. Sau bốn tháng, cái chết sẽ đến và tôi sẽ rơi xuống địa ngục vô cùng kinh khủng và đau đớn.

13. Có bốn góc với bốn cổng, nó được chia thành những phần bằng nhau, được bao quanh bởi bức tường sắt và có mái bằng sắt ở bên trên;

14. cái nền nóng sáng của nó được làm bằng sắt cháy đỏ - nó trải rộng khắp quanh một trăm do tuần, đứng mãi mãi.

15. Tôi sẽ trải qua những cảm thọ đau đớn ở đó trong một thời gian dài, do quả của ác nghiệp của tôi- vì lý do này tôi vô cùng sầu khổ.

Chú giải:

10. Ở đây, ĐẾN MỘT VỊ TỲ KHƯU DU PHƯƠNG (Bhikkhuno caramaanassa): Đến một vị Tỳ kheo nọ đã đoạn trừ các lậu hoặc và đang đi rảo quanh để khất thực. MỘT CÁI BÁNH DẦU (doninimmajjana.m): Mè xay có rịn dầu. CHÁNH TRỰC (Ujubhuutassa): Là người đã đạt đến tánh chân trực do không còn những ô nhiễm - là pháp tạo ra tánh không thực thà, tánh dang dối và tánh bất lương ở trong tâm. VỚI TÂM ĐẠO NHIỆT THÀNH (Vippasannena cetasaa): với tâm Đạo nhiệt thành do bởi niềm tin trong quả của các nghiệp.

11. TRONG MỘT THỜI GIAN DÀI (diigha.m antara.m): những chữ (diigha.m) và (antara.m) được kết hợp cho dễ nghe bởi chữ ma, nghĩa là trong một thời gian dài. Nhưng bây giờ chỉ có một ít thôi. Nhưng chỉ còn lại một ít của nghiệp ấy - Quả của nghiệp phước ấy đã chín hoàn toàn và đã đến trạng thái thuần thục, nghĩa là không bao lâu tôi sẽ rời khỏi đây, vì lý do này nàng nói rằng:

12. SAU BỐN THÁNH NỮA CÁI CHẾT SẼ ĐẾN (uddha~n catuuhi maasehi kaalakiriyaa bhavissati): Nàng chỉ rõ rằng, sau bốn tháng nữa, thêm bốn tháng nữa, trong tháng thứ năm kể từ hôm nay, thời cái chết của nàng sẽ đến, SỰ ĐAU ĐỚN DỮ DỘI (ekanta.m katukna.m): Khó chịu cùng cực, nghĩa là đau đớn vô cùng vì sự tác động vào các căn của nó. KINH KHỦNG (ghora.m): Tàn bạo. ĐỊA NGỤC (niraya.m): Địa ngục được gọi là nir-aya.m vì không có gì ở đây cả để tạo ra sự dễ chịu, sự thoải mái. SẼ RƠI XUỐNG: (Papatise aha.m= papatisaami aha.m) (Cách nối kết). Và vì chữ Địa ngục ở đây nên được hiểu là Đại Địa Ngục Vô gián, nên nàng đọc lên những câu kệ bắt đầu là, "có bốn góc" cho thấy rằng nó có hình dạng như địa ngục a tỳ.

13. Ở ĐÂY CÓ BỐN GÓC (Catukkna.n.na.m): Với bốn góc. CÓ BỐN CỔNG (catudvaara.m): Có trang bị bốn cổng với một cổng ở một trong bốn hướng. ĐƯỢC CHIA (vibhatta.m) được chia đều đặn. THÀNH NHỮNG PHẦN: Bhaagaso= Bhaagato (hình thức văn phạm chuyển đổi). BẰNG NHAU (mita.m): Tương hợp. ĐƯỢC BAO QUANH BỞI BỨC TƯỜNG SẮT,

(ayopaakaarapariyanta.m): được bao quanh bởi bức tường được làm bằng sắt. VỚI MỘT MÁI BẰNG SẮT Ở TRÊN (ayasaapa.tikujjita.m): được che phủ ở trên bằng một cái trần nhà bằng sắt.

14. SÁNG NÓNG (tejasaayutaa): những ngọn lửa được nối tiếp liên tục trong một ngọn lửa lớn đang cháy lên ở khắp quanh. KHẮP QUANH MỘT TRĂM DO TUẦN (samantàyojanasata.m): trong khi ở khắp quanh bên ngoài nó cũng như vậy, trong tất cả các hướng xa một trăm do tuần, xa một trăm về đơn vị tính bằng do tuần. MÃI MÃI (sabbadaa): Luôn luôn. NÓ TRẢI RA (Bharitvaa): nó đứng trải ra:

15. Ở ĐÓ (tattha): Trong Đại Đại ngục ấy. TÔI SẼ TRẢI QUA: Vedissa.m=Vedissami (hình thức văn phạm chuyển đổi). Tôi sẽ chịu đựng. DO QUẢ CỦA NHỮNG HÀNH ĐỘNG ÁC CỦA TÔI (Phala~n ca papaka.mmassa): nghĩa là sự chịu đựng những cảm thọ đau đớn này thuộc loại như vậy sẽ là quả của những ác nghiệp được làm bởi riêng tôi.

Khi nàng đã cho biết như vậy về quả nghiệp của nàng và kiếp sống tương lai của nàng trong đại ngục, thì tâm của người Thiện nam ấy bị xúc động bởi lòng bi mẫn và, khi nghĩ rằng vị ấy có thể làm phương tiện để nâng đỡ nàng, bèn nói rằng, "bằng chỉ một vật thí đến tôi, hỡi tiên nữ, nàng đã có đủ tất cả những gì nàng muốn và tiếp xúc với sự thù thắng cao cả này. Nếu bây giờ nàng cho ra vật thí đến những Thiện nam này và tưởng niệm những ân đức của Bậc Đạo sư, thời nàng sẽ khỏi phải tái sanh trong địa ngục". Nàng Petii vô cùng sung sướng và nói rằng, 'tốt lắm', và làm thoả mãn họ bằng đồ ăn và thức uống của chư Thiên, cho họ những y phục và châu báu đủ loại của chư Thiên. Rồi nàng trao vào tay của họ một cặp y phục của chư Thiên, đặc biệt dành cho

Đức Thế Tôn và gởi lời chào hỏi này:

"Khi các người đã đi đến Saavatthi, hãy đảnh lễ Đức Thế Tôn với lời nhắn gởi này của tôi: "Bạch Đức Thế Tôn, một vị Vimaanapetii nọ xin đảnh lễ Đức Thế Tôn với đầu của nàng dưới chân của Ngài". Nàng đưa chiếc thuyền của họ đến cảng mà họ muốn đến trong cùng ngày ấy, bằng năng lực thần thông và oai lực của nàng. Bấy giờ, những thương nhân ấy đi đến Saavatthi từ cảng ấy đến đúng lúc và đi vào Jetavana . Họ dâng đến Bậc Đạo sư một cặp y phục, và khi họ đã khuyển lời chào hỏi của nàng, họ nêu lên toàn thể vấn đề ấy ngay từ đầu. Bậc Đạo sư lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết và thuyết pháp đầy đủ chi tiết cho hội chúng đã hội họp đầy đủ ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho hội chúng ở đó. Vào ngày hôm sau, những Thiện nam ấy tổ chức một cuộc Bố thí vật thực lớn đến Chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu và hồi hướng phước thí đến cho nàng. Khi nàng rời khỏi cõi Ngạ quỉ, nàng sanh vào trong một cung điện bằng vàng trong cõi trời ba mươi ba, rực rỡ với nhiều loại châu báu, và có một đoàn tuỳ tùng gồm một ngàn tiên nữ.

---o0o---

[1.4]

I.11 TƯỢNG QUỶ SỰ (NAAGA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Người đi ở trước trên một con voi trắng."

Pháp thoại này được bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngự ở Jetavana, liên quan đến hai Ngạ quỉ mà đã từng là những vị Bà la môn.

Tương truyền rằng, vị Đại Đức bảy tuổi sa.mkicca đã chứng đắc đạo quả A la hán trong khi vẫn còn ở trong nhà cạo tóc và đang sống như một vị Sa Di với ba mươi vị Tỳ kheo trong một khu rừng. Sau khi vị ấy đã bảo vệ các vị Tỳ kheo ấy thoát khỏi cái chết gần kề từ tay của năm trăm tên cướp và đã thuần phục những tên cướp, truyền phép xuất gia cho chúng, vị ấy đi đến trước mặt Bậc Đạo sư.

Bậc Đạo sư thuyết pháp đến các Tỳ kheo và vào lúc kết thúc thời pháp ấy, họ chứng đắc đạo quả A la hán. Rồi khi Đại Đức sa.mkicca đã đủ tuổi và đã thọ cụ túc, vị ấy đi đến Ba la nại với năm trăm vị Tỳ kheo và trú ngụ ở Isipatana . Dân chúng đi đến trước mặt Trưởng lão để nghe pháp, và tự sắp thành những nhóm dọc theo những con đường, bố thí những vật thực đến những người mới đến. Một vị Thiện nam nọ ở đó ra sức thuyết phục mọi người cung cấp thường xuyên vật thực, và họ cung cấp vật thực thường xuyên này theo khả năng của họ.

Bấy giờ tại Ba la nại có một vị Bà la môn có tà kiến, có hai đứa con trai và một đứa một đứa con gái. Đứa con trai lớn trong ba đứa này là một người bạn của vị Thiện nam ấy. Vị ấy dẫn anh ta đến trước mặt Đại Đức sa.mkicca, và Đại Đức Sa.mkicca thuyết pháp cho anh ta, nhờ đó tâm của anh ta trở nên mềm mại; Rồi vị Thiện nam nói với anh ta rằng, "bạn nên bố thí vật thực thường xuyên đến một vị Tỳ kheo". "Tục lệ dành cho những vị Bà la môn là không cho vật thực thường xuyên đến những vị Sa môn nào trong những con trai của dòng thích ca, bởi vậy tôi sẽ không cho đâu". "Ngay cả tôi ông

cũng không cho vật thực sao? Vị ấy hỏi. "Làm sao tôi không thể cho nó được", anh ta đáp lại. "Trong trường hợp ấy, hãy cho đến một vị Tỳ kheo cái gì mà anh định cho đến tôi". "Tốt lắm", Anh ta đồng ý và vào ngày hôm sau, trong khi trời vẫn còn rất sớm, anh ta đi đến tịnh xá, kiếm về một vị Tỳ kheo và cúng dường vật thực đến vị ấy. Trải qua một thời gian như thế, người em trai và em gái trông thấy những hạnh kiểm của Tỳ kheo và nghe pháp và, khi tìm thấy đức tin trong giáo Pháp, lấy làm thoả mãn trong những việc phước. Như vậy ba người này, khi cúng dường vật thực theo khả năng của họ, tôn kính, sùng mộ, và tôn trọng các vị Tỳ kheo, và tôn trọng các vị Bà la môn trẻ. Tuy nhiên, cha mẹ của

họ chẳng có niềm tin, cũng chẳng có tâm đạo, không có lòng tôn kính đến các vị Sa môn và Bà la môn, và không quan tâm đến sự thực hành những việc phước. Những quyến thuộc yêu cầu rằng, đứa con gái trẻ của họ nên gả cho người bà con bên mẹ của nàng. Nhưng người ấy nghe pháp trước mặt Đại Đức Samkicca, và đầy xúc động, thường xuyên mang bát đến nhà của mẹ để ăn cơm. Mẹ của vị ấy ra sức dụ dỗ vị ấy lấy người em gái bà con bên mẹ. Do bởi điều này, vị ấy trở nên bất mãn và đi đến ông thầy của vị ấy và nói rằng, "Bạch Ngài, con muốn hoàn tục, xin hãy chấp thuận cho con". Thầy hoà thượng của vị ấy, khi thấy rằng vị ấy có khả năng để trở thành một vị saavaka, bèn nói rằng, "Hãy đợi chỉ trong một tháng thôi, này ông Sa Di". "Lành thay", vị ấy đồng ý và, khi một tháng đã trôi qua, vị ấy lại nói với thầy hoà Thượng theo cùng cách ấy. Thầy hoà thượng lại nói rằng: "Hãy đợi thêm nửa tháng nữa" khi nửa tháng đã trôi qua và ông thầy Hoà thượng lại được nói như vậy, và vị ấy nói rằng, "hãy chờ một tuần". "Lành thay", người kia đồng ý. Trong một tuần ấy nhà của người cô của vị Sa Di bị sập vì cái mái hư của nó và những bức vách cũ kỹ yếu ớt của nó bị gió và mưa thổi vào, và Vị Bà la môn cùng vợ của ông ta, hai đứa con trai và con gái của họ bị chết khi bị nhà sập đè xuống. Trong những người này, vị Bà la môn và vợ của ông ta sanh trong cõi Ngạ quỉ, trong khi hai đứa con trai và con gái của họ sanh trong cõi chư Thiên địa cầu. Trong những vị chư Thiên này, đứa con trai lớn sanh ra cỡi trên một con voi, đứa em trai thì sanh ra trong một chiếc xe được kéo bởi một con lừa và đứa em gái thì ở trong một cái kiệu bằng vàng. Vị Bà la môn và vợ ông ta, mỗi người cầm những cái búa tạ bằng sắt khổng lồ và đánh vào nhau, và những vết sưng phồng, mỗi vết bằng cái lu nước khổng lồ lại sanh lên ở những chỗ mà họ bị đánh, lâm vào cơn khủng hoãn trong một tình trạng nghi nghi hoặc hoặc và rồi thình lình hiện ra. Họ lại làm vỡ những vết bầm của nhau, giận dữ và nguyền rủa lẫn nhau bằng những lời thô lỗ, uống máu và mủ, tuy nhiên vẫn không thấy thoả mãn.

Rồi vị Sa Di vẫn bị chế ngự bởi lòng bất mãn, đi đến thầy hoà Thượng của vị ấy và nói rằng, "Bạch Ngài, con đã đợi sự đồng ý trong nhiều ngày; Nay con muốn về nhà, xin ngài hãy đồng ý cho con". Rồi thầy Hoà Thượng của vị ấy nói rằng, "Hãy đến đây vào lúc mặt trời lặn, khi đ?n ngày thứ mười bốn của tháng hạ huyền", và đi đến đứng một lát ở đằng sau của tịnh xá Isipatana . Lúc bấy giờ hai vị chư Thiên ấy đang đi, cùng với đứa em gái của họ, dọc theo cùng con đường ấy, để tham dự vào cuộc họp của dạ xoa. Mẹ và cha của họ đã theo họ với những cây gậy trong tay và với những lời nói thô lỗ. Họ có tướng mạo tối đen, bị đè nặng bởi những mớ tóc rối bù gớm guốc và tung bay, và

giống như những thân cây thốt nốt bị đốt cháy do bị tia chớp giáng xuống. Họ bị chảy máu, mủ nhỏ giọt và thân của họ nhăn nheo, trông họ như một cảnh tượng gớm guốc và ghê rợn. Rồi Đại Đức Sa.mkicca thị hiện thần thông để vị Sa Di có thể trông thấy tất cả họ đang đi và, khi vị ấy đã làm như thế bèn nói rằng, "Này ông Sa Di, ngươi có trông thấy họ đang đi không?"

"Thưa vâng, bạch Ngài, con trông thấy họ". "Thôi được, hãy hỏi họ về những nghiệp mà họ đã làm". Vị ấy lần lượt hỏi những người đang đi như thế, bắt đầu từ người đang cỡi trên con voi. "Ngài nên hỏi những Ngạ quỉ đang đi theo ở đằng sau", họ nói. Và vị Sa Di nói với những Ngạ quỉ bằng những câu kệ này:

1. Người đi trước trên một con voi trắng, tuy nhiên người đi giữa thì ở trong một chiếc xe được kéo bởi một con lừa, ở đằng sau là một thiếu nữ được khiêng đi trong một chiếc kiệu bằng vàng, hoàn toàn chiếu sáng cả trong mười phương.

2. Nhưng các người, với cái búa tạ trong tay, với những khuôn mặt đầy nước mắt và thân bị nứt nẻ và xây sát, ác nghiệp nào các ngươi đã làm trong khi các ngươi còn ở trong cõi người, mà do đó các ngươi phải uống máu lẫn nhau?

Chú giải:

1. Ở đây, chữ Ở TRƯỚC (Purato): ở trước tất cả. Trắng (Setena): Có màu sắc nhạt. NGƯỜI ĐI TỚI, (Paleti): Người đi. TUY NHIÊN Ở GIỮA (Majjhe pana): ở giữa là người cỡi trên con voi và người trong chiếc kiệu. TRONG CHIẾC XE ĐƯỢC KÉO BỞI CON LỪA (assatariirathena): Người đi bằng chiếc xe được thắng ách bằng những con lừa cái. - Đây là cách nên được hiểu. ĐƯỢC DẪN ĐI (Niiyati): được chở đi. HOÀN TOÀN RỰC SÁNG TRONG MƯỜI PHƯƠNG (obhaasayantii dasa sabbato disaa): Chiếu sáng ra trong khắp cả mười phương với hào quang từ thân của nàng, từ y phục và những nữ trang của nàng v.v... VỚI THÂN THỂ BỊ NỨT NẺ VÀ XÂY XÁT (Bhinnapabhinnagattaa): với những tấm thân bị nứt nẻ và xây xát khắp cả bởi những nhát búa đánh vào.

Khi được hỏi như vậy bởi vị Sa di, những Ngạ quỉ đáp lại bằng bốn câu kệ, để kể lại toàn thể câu chuyện:

3. "Người mà đi trước trên một con voi, trên con bạch trượng có bốn chân, người ấy là đứa con trai của chúng tôi. Sau khi đã bố thí vật thực, bây giờ vị ấy được hạnh phúc và vui sướng.

4. Người mà đi ở giữa trong một chiếc xe được kéo bởi lừa có thắng bốn ách, đang phi nước đại, vị ấy là đứa con trai thứ hai của chúng tôi. Là người không bỏn xẻn và là bậc thầy trong việc thực hành bố thí, bây giờ vị ấy chiếu sáng rực rỡ.

5. Cô gái ở đằng sau được khiêng đi trong một chiếc kiệu, cô thiếu nữ với đôi mắt dịu dàng của con nai, nàng là con gái của chúng tôi và là đứa sanh chót. Nhờ đã làm thoả mãn bởi nửa phần ăn của nàng, bây giờ nàng hạnh phúc và vui sướng.

6. Như vậy trong quá khứ, họ đã cúng dường vật thực, với lòng tịnh tín trong tâm của họ, đến các vị Sa môn và Bà là môn. Tuy nhiên, chúng tôi thì ích kỷ và hay lăng mạ các

vị Sa môn và Bà la môn. Họ đã bố thí và bây giờ làm hài lòng chính họ, trong khi chúng con thì bị héo úa như cây sậy bị đốn ngã.

Chú giải:

3. Ở đây NGƯỜI MÀ ĐI Ở ĐÀNG TRƯỚC (Pu rato' vu yo gacchati) người đi ở đằng trước của những người đang lũ lượt đi. TRÊN MỘT CON VOI (Ku.narena): trên một con voi (Hatthinaa, mà đã có nói trên tên là (Ku~njara) bởi vì nó mang đến địa hình, quả đất, s? tiêu diệt, (Ciirayati hay thay vào đó vì nó ở trong những thung lũng (Ku~njesu) nên nó vui sướng, (Ramati) nên nó đi rảo quanh. TRÊN MỘT CON VOI (Naagena): con voi ấy, con (Naaga) mà không có chỗ nào có thể đến gần nó được và đối với nó không có điều gì mà nó không thể chinh phục được. BỐN CHÂN (Catukkamena): Có bốn chân cả thảy, NGƯỜI CÓ TRƯỚC (Getthako): Người sanh trước.

4. CÓ BỐN CÁI ÁCH (Catubbhii): được thắng ách bởi bốn con lừa cái. PHI NƯỚC ĐẠI (Suvaggitena) di chuyển đẹp mắt, di chuyển nhanh chóng.

5. VỚI ĐÔI MẮT DỊU DÀNG CỦA MỘT CON NAI (Migamandalocanaa): mắt nhìn ra một cách dịu dàng như đôi mắt của con nai cái, BẰNG NỬA PHẦN ĂN CỦA NÀNG: Bhaaga.d.dhabhaagena = bhaagassa a.d.dhabhaagena (Cách nối kết): lý do là nàng đã cho đi nửa phần ăn đã nhận lãnh cho chính nàng. HẠNH PHÚC: (Sukhii = Sukhinii): điều này được nêu ra ở đây có sự méo mó về giới tính.

6. HAY CHỬI MẮNG (paribhaasakaa) hay lăng mạ. BÂY GIỜ CHÚNG TỰ LÀM HÀI LÒNG (paricaarayanti) Chúng làm thoả mãn các căn của chúng theo ý thích, bất cứ chỗ nào chúng muốn, bằng những dục lạc của chư Thiên, hay chúng vui chơi (Paricariya.m kaarenti) với những tuỳ tùng của chúng do bởi quả thù thắng về những thiện nghiệp của chúng. TRONG KHI CHÚNG TÔI THÌ BỊ HÉO ÚA NHƯ CÂY SẬY BỊ ĐỐN HẠ (Maya~nca sussaama na.lo va chinno): nhưng chúng tôi thì tàn tạ như cây sậy đã bị đốn hạ và bị đặt xuống trong ánh nắng của mặt trời, chúng tôi bị thiêu đốt và bị khô héo bởi cơn đói và khát, do bởi những cú đánh nhừ tử (mà chúng tôi nhận lãnh của nhau).

Khi họ đã làm sáng tỏ những ác nghiệp của họ như vậy, sau đó họ nói cho vị ấy biết rằng họ là dì và dượng của vị Sa di ấy. Khi nghe qua điều này, đầy xúc động, vị sa di bèn thốt lên câu kệ này để hỏi cách làm sao vật thực có thể được làm để có thể dùng được đối với những người làm ác:

7. Vật thực của các người là gì? giường ngủ của người như thế nào? Các người tự nuôi sống bằng cách nào, các người là người có tánh rất ác, dầu sống giữa nhiều của cải, lại bỏ qua cơ hội hạnh phúc của các ngươi, và ngày hôm nay phải đi đến chỗ đau đớn?

Chú giải:

7. Ở đây VẬT THỰC CỦA CÁC NGƯỜI LÀ GÌ? (Kim tumhaaka.m bhojana.m): vật thực của các người thuộc loại nào? GIƯỜNG NGỦ CỦA CÁC NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO? (Ki.m Saayaana.m): giường ngủ của các ngươi thuộc loại nào? một số người đọc là: sự ngủ nghỉ của các người như thế nào? (Ki.m Saayaana.m): loại giấc ngủ nào của các ngươi,

nghĩa là các ngươi ngủ bằng loại giường nào? CÁC NGƯƠI TỰ NUÔI SỐNG BẰNG CÁCH NÀO? (Katha.m su yaapetha): các ngươi tự nuôi sống bằng cách nào? CÁC NGƯƠI LÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ TÁNH RẤT ÁC (Supaapadhammino): Các ngươi là những người có tánh ác vô cùng. DẦU SỐNG GIỮA NHIỀU CỦA CẢI (Pahuutabhogesu): Dầu sống trong nhiều của cải. Dầu ở trong vô số của cải.

Khi được hỏi như vậy bởi vị Sa di, những Ngạ quỉ ấy nói lên những câu kệ này để trả lời những vấn đề mà vị ấy hỏi về:

8. "Khi chúng tôi đã đánh nhau rồi, thì chúng tôi sẽ uống máu và mủ; chúng tôi uống nhiều nhưng chúng tôi không được no đủ, chúng tôi không được hài lòng.

9. Thực ra, những kẻ phàm phu không có lòng bố thí cũng ta thán sau khi chết- chúng trở thành những tội đồ của Yama (Diêm Vương); những người mà đã biết và đã dành được của cải rồi, nhưng lại không sử dụng nó, thậm chí cũng không làm những việc phước.

10. Về sau những người này chịu đói và khát; những Ngạ quỉ ấy cháy nóng, bị thiêu đốt trong một thời gian dài. Sau khi đã tạo những nghiệp dẫn đến quả đau khổ, quả cay đắng, chúng chịu đau khổ".

11. Quả thật vậy, những của cải và những ngũ cốc tồn tại thật ngắn ngủi và đời sống của người ta ở đây cũng trôi qua nhanh; khi biết những pháp có tánh chất thay đổi là vô thường, Bậc Trí Tuệ nên tạo ra một chỗ nương tựa.

12. Những người mà hiểu được điều này là những người thông hiểu giáo Pháp; khi đã nghe những lời vàng ngọc của các vị A la hán, họ không coi thường việc bố thí vật thực.

Chú giải:

8. Ở đây, CHÚNG TÔI KHÔNG ĐƯỢC NUÔI DƯỠNG (Na dhaataa homa): Chúng tôi không được nuôi dưỡng, không được thoả mãn, không vừa lòng. KHÔNG ĐƯỢC THÍCH THÚ: Naruccaadimhase = Na ruccaama (hình thức văn phạm chuyển đổi); Chúng tôi không có được sự an lạc, nghĩa là chúng tôi không uống nó cho thoả thích.

9. BỞI VẬY, THỰC RA (icc'eva) bằng chính cách này. NHỮNG KẺ PHẢI CHẾT CŨNG TA THÁN (Maccaa paridevayanti): Những người khác cũng vậy, là những người, như chúng tôi, cũng đã làm những điều bất chánh, cũng ta thán và kêu gào. KHÔNG CÓ LÒNG BỐ THÍ (Adaayakaa): ích kỷ, không có đức quảng đại. CHÚNG TRỞ THÀNH NHỮNG THẦN DÂN CỦA Yama (Yamassa .thàyino): Bản tánh của chúng là phải ở trong cõi Ngạ quỉ, chỗ ngụ của Yama (Diêm Vương), được mệnh danh là cõi của Yama . NHỮNG NGƯỜI MÀ ĐÃ BIẾT VÀ ĐÃ CÓ ĐƯỢC CỦA CẢI (Ye te viditvaa adhiga.mma bhoge): Những người đã biết và đã có của cải để đem lại hạnh phúc phi thường, cả bây giờ lẫn mai sau. NHƯNG LẠI KHÔNG DÙNG ĐẾN NÓ, THẬM CHÍ CŨNG KHÔNG LÀM NHỮNG VIỆC PHƯỚC (Na bhu~njare nà'pi'karontipu~n~na.m): Nhưng là người, như chúng tôi, không tự mình dùng nó, thậm chí cũng không làm những việc phước về sự bố thí vật thực bằng cách cho đến những người khác.

10. VỀ SAU NHỮNG NGƯỜI NÀY CHỊU ĐÓI VÀ KHÁT (Te khuppipaasuupagataa parattha): những chúng sanh này bị chế ngự bởi sự muốn ăn và bởi sự khát về sau, ở cõi Ngạ quỉ, trong kiếp sau. NHỮNG NGẠ QUỈ ẤY NÓNG CHÁY, BỊ THIÊU ĐỐT TRONG MỘT THỜI GIAN DÀI (Cira.m jhaayare dayhamaanaa): Nghĩa là những Ngạ quỉ ấy, bị đốt cháy, chúng than khóc, bị thiêu đốt liên tục bởi ngọn lửa của lương tâm bất an, khi nghĩ rằng "than ôi! Chúng ta đã không làm những việc thiện, chúng ta chỉ làm những việc ác mà thôi" và bởi ngọn lửa đau khổ do bởi cơn đói của chúng gây ra. ĐEM LẠI ĐAU KHỔ (anubhonti dukkha.m katukapphalaani): Sau khi đã làm việc ác đem lại quả cay

đắng, chúng chịu đau khổ, chúng chịu trạng thái đau khổ trong cõi khổ, trong một thời gian dài.

11. CÓ ĐỜI SỐNG NGẮN NGỦI (ittara.m): không tồn tại lâu, vô thường, chịu sự thay đổi; MẠNG SỐNG CỦA CON NGƯỜI TRÔI QUA NHANH Ở ĐÂY (ittara.m idha jiivita.m): Mạng sống của chúng sanh ở đây, trong cõi người này, đang trôi nhanh, Có hạn kỳ, ngắn ngủi. Vì lý do này mà Đức Thế Tôn nói rằng. "Người mà sống lâu, chỉ sống một trăm năm hoặc lâu hơn một chút." KHI BIẾT CÁC PHÁP CÓ TÁNH CHẤT THAY ĐỔI LÀ VÔ THƯỜNG (Ittara.m ittaro ĩaatvaa): Khi biết chắc bằng trí tuệ rằng, các pháp hữu vi như của cải và ngũ cốc v.v... Và mạng sống của con người là đang trôi nhanh, hữu hạn, ngắn ngủi, và không tồn tại lâu dài. NGƯỜI CÓ TRÍ TUỆ NÊN TẠO RA MỘT CHỖ NƯƠNG TỰA (diipa.m Kariyaatha pa.n.dito): Người có trí tuệ nên tạo ra một chỗ nương tựa, một chỗ chống đỡ, đó sẽ là nền tảng hạnh phúc và lợi ích trong đời sau.

12. NHỮNG NGƯỜI HIỂU BIẾT ĐIỀU NÀY (ye te eva.m pa jaananti) những người mà thật sự giác ngộ tánh chất thay đổi của đời người và của cải, họ không nên dễ duôi trong việc bố thí luôn khi. KHI ĐÃ NGHE NHỮNG LỜI VÀNG CỦA CÁC BẬC A LA HÁN (Sutvaa arahata.m vaco): nghĩa là khi đã nghe những lời của các vị A la hán, của các bậc thánh nhân như chư Phật v.v... Phần còn lại quá rõ rồi.

Khi những Ngạ quỉ ấy đã giải thích những vấn đề mà chúng đã được hỏi bởi vị Sa di, chúng nói rằng. "Chúng tôi là dượng và dì của ngài". Khi vị ấy nghe qua điều này, vị Sa di đầy xúc động, di?t trừ tâm thối thất của vị ấy và gục đầu dưới chân thầy hoà thượng mà nói rằng, "Bạch Ngài, bất cứ lòng thương tưởng nào nên được cho đến do bởi lòng bi mẫn, đã được Ngài cho đến con, thì chắc chắn con được bảo vệ không bị rơi vào trong nỗi bất hạnh lớn. Bây giờ, con không còn thích thú trong đời sống gia đình và sẽ thấy vui thích trong đời sống phạm hạnh". Đại đức Sa.mkicca cho người đệ tử một đề mục thiền định thích hợp với tâm tánh của vị ấy. Nhờ chuyên tâm với đề mục thiền định ấy, không bao lâu vị Sa di chứng đắc Đạo quả A la hán. Đại đức Sa.mkicca nêu lên vấn đề ấy với đức Thế Tôn. Bậc Đạo sư lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng chánh pháp một cách tỉ mỉ đến hội chúng hội họp ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho những người hội họp ở đó.

---o0o---

I.12 XÀ QUỈ SỰ (URAGA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Cũng như con rắn sau khi quăng bỏ cái vỏ cũ kỹ của nó"

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Jetavana, liên quan đến một thiện Nam nọ.

Tương truyền rằng, tại Savatthi đứa con trai của một vị thiện nam nọ đã chết. Đầy ưu bi, ông ta ta thán về cái chết của đứa con trai; Ông ta chỉ ở trong nhà, chẳng đi ra ngoài cũng không thể làm công việc gì. Rồi khi vào lúc hừng sáng, Bậc Đạo sư đã xuất khỏi đại bi định và đang dò xét thế gian bằng Phật nhãn của Ngài, trông thấy vị thiện nam ấy. Ngài mặc y vào lúc sáng và khi mang y Tăng-Già-Lê và bát, đi đến đứng cửa nhà của ông ta. Khi vị Thiện nam nghe tin Bậc Đạo sư đã đến, ông ta vội vàng đứng dậy và đi ra đón Ngài. Ông ta lấy bát từ tay của Ngài, thỉnh Ngài vào nhà và dâng đến Ngài chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Đức Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã được soạn sẵn và vị thiện nam ngồi đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn nói rằng: "Này ông thiện nam, tại sao ông trông có vẻ như người bị ưu bi vậy". "Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn, đứa con trai yêu quí của con đã chết. Vì lý do này khiến con ưu bi" ông ta đáp lại. Rồi đức Thế Tôn đọc bài kinh Xà Bổn sanh với mục đích diệt trừ nỗi ưu bi của ông ta.

Cách đây đã lâu, tại Ba-la-nại trong vương quốc Kaa si, có một gia đình của một Bà-la-môn nọ tên là Dhammapaala, tất cả những người trong gia đình gồm có: Vị Bà-la-môn, vợ của ông ta, đứa con trai và con gái của ông ta, nàng dâu và cô tớ gái. Tất cả đều có thói quen niệm về cái chết. Bất cứ khi nào có người nào trong bọn họ đi ra ngoài, thì người ấy khuyên những người còn lại trong gia đình và rồi ra đi mà không có sự vướng bận gì. Rồi một ngày nọ, vị Bà-la-môn với đứa con trai của ông ta đi ra đồng để cày trong khi đứa con trai của ông ta châm lửa vào mớ củi và cỏ khô. Khi thấy đống lửa này, một con rắn đen rất độc, do sợ bị cháy, bèn rời khỏi bộng cây và cắn vào đứa con trai của ông Bà-la-môn. Cậu ta té xỉu, do hiệu lực của nọc độc, ngã xuống ngay tại đó và chết ngay sau đó, tái sanh làm Sakka, vua của chư Thiên. Khi vị Bà-la-môn trông thấy đứa con trai đã chết của ông ta, vị ấy nói với người đàn ông mà vị ấy trông thấy đang đi qua gần chỗ mà vị ấy đang làm việc: "Này ông, xin ông làm ơn đi về nhà của tôi và báo cho vợ của tôi biết rằng, bà ta nên tắm rửa và mặc y phục cho sạch sẽ, rồi đến đây với vật thực dành cho một người, và mang theo tràng hoa, vật thơm v.v..." Người đàn ông kia đi đến đó và báo cho bà biết tin, và những người trong gia đình đã làm như ông ta nói. Vị Bà-la-môn tắm, độ thực và sức dầu vào người và được vây quanh bởi những người hầu, ông ta đặt xác của đứa con trai trên giàn hoả và châm lửa vào đó, rồi đứng ở đó tựa như ông ta chỉ đốt một đống củi mà thôi, chẳng có ưu bi hay sầu khổ gì, chỉ bằng tâm chuyên chú vào ý nghĩ về vô thường.

Bấy giờ chính Bồ tát của chúng ta lúc bấy giờ là con trai của ông Bà-la-môn, đã sanh làm Sakka . Khi vị ấy quán niệm về những việc phước mà vị ấy đã làm trong

kiếp quá khứ của mình, vì cảm thấy thương hại cho người cha của mình và những quyên thuộc, bèn đi đến đó cải trang làm một vị Bà-la-môn. Vì thấy quyế thuộc chẳng có người nào khóc than cho mình cả, vị ấy bèn nói rằng, "Này các người, các người đang nướng món thịt nai gì đấy. Xin làm ơn cho tôi một ít thịt nhé; Tôi đói bụng lắm..."

"chẳng phải thịt nai nướng đâu, thưa ông Bà-la-môn, đó xác của một người đấy," ông ta đáp lại. "Có phải là kẻ thù của các người không?" "Người ấy không phải là kẻ thù của tôi mà là ruột thịt máu mủ của chính tôi, là đứa con trai còn trẻ có giơi đức của tôi". "Tại sao ông không khóc than khi đứa con trai còn trẻ có giới đức như vậy bị chết?" Khi nghe qua điều này, vị Bà-la-môn thốt lên hai câu kệ này để cho biết lý do khiến ông ta không khóc:

1. Như rắn bỏ đi lớp vỏ già nua của nó, là thân của nó, và rồi tiếp tục đi, vào lúc chết thì cái Peta, cái thân vô dụng của nó cũng vậy.

2. Cái mà đang cháy thì không hay biết những lời ta thán của những quyến thuộc. Do vậy tôi không khóc than cho nó; nó đã đi đến bất cứ chỗ nào gọi là định nghiệp của nó".

1.

Như rắn lột bỏ vỏ già,
Vỏ ấy cũng ví như là xác thân,
Và rồi tiếp tục du phương
Lúc chết cũng vậy, nắm xương ích gì!"
2.

Cái mà đang cháy hoại đi,
Thì không hay biết lời gì thở than.
Do vậy tôi chẳng kêu oan,
Khóc cho cái nắm tro tàn con tôi.
Nó đã đi khỏi đây rồi.
Đến nơi đã định cho đời mai sau".
Chú giải:

1. Ở đây CON RẮN (Urago): Uraga là một từ mô tả dành cho loài rắn. CÁI VỎ GIÀ NUA CỦA NÓ (Taca.m ji.n.na.m): da của nó, xác rắn lột của nó, đã già, cũ hư, do bởi tình trạng lão hoá của nó. BỎ ĐI CÁI VỎ CỦA NÓ VÀ RỒI ĐI TIẾP (hitvaa gacchati santanu.m): cũng như con rắn bò qua giữa hai cây, hai nhánh, những rễ hoặc những tảng đá, bỏ đi lớp vỏ già nua từ thân của nó mà đang làm cho

nó đau khổ, tựa như bỏ đi một cái áo chật sát, và khi đã bỏ nó rồi và quăng qua một bên, rồi đi tiếp theo ý thích; Cũng vậy chúng sanh trôi lăn trong vòng luân hồi, bỏ đi tấm thân què quặc của người ấy, thân của các người ấy, do hết nghiệp quá khứ của người ấy, và rồi đi tiếp theo nghiệp của người ấy, nghĩa là người ấy sanh trong một kiếp sống mới. CŨNG VẬY (eva.m): Ông ta nói điều này để chỉ về xác thân đang cháy của đứa con trai. XÁC THÂN VÔ ÍCH CỦA NÓ (Sariire nibbhoge): thân của nó mà đã mất sự lợi ích của nó, nghĩa là không dùng được, cho người ấy, cũng vậy nó cũng không có lợi ích cho những người khác. CÁI PETA (Pete): Khi mạng quyền, hơi nóng và tâm thức đã đi rồi, đã rời khỏi tấm thân rồi. VÀO LÚC CHẾT (Kaalakate sati) khi người đã chết.

2. DO ĐÓ (tasmaa): Bởi sự ra đi của tâm thức, tấm thân mà đang cháy không biết sự đau đớn bị cháy và cũng vậy, sự khóc lóc và ta thán của những quyến thuộc thân yêu. Do vậy, tôi không khóc để tạo ra một cớ không đúng về đứa con trai của tôi. NÓ ĐÃ ĐI ĐẾN BẤT CỨ CHỖ NÀO ĐÃ ĐỊNH SẴN CHO NÓ (gato so tassa yaa gati): Tuy nhiên, những chúng sanh đã chết không phải là không còn mạng sống; Nói đúng hơn, ngay sau khi chết, người ấy đi đến bất cứ chỗ nào mà nghiệp của người đã chết ấy tìm thấy cơ hội của nó. Người ấy không mong chờ sự khóc lóc ta thán của những quyến thuộc trước kia của người ấy, sự khóc lóc của những quyến thuộc trước kia nói chung cũng chẳng đến đâu vào đâu cả - đây là ý nghĩa.

Khi vị Bà-la-môn đã cho thấy tánh thuần thục của mình trong việc chú tâm hoàn toàn về ý niệm vô thường như vậy, thì Sakka, trong lốt một vị Bà-la-môn, nói với người vợ của vị Bà-la-môn rằng, "Thưa bà, người chết là gì đối với bà?" "Nó là đứa con trai đã lớn của tôi, thưa ông, là người mà tôi đã cưu mang trong mười tháng, cho bú mớm và dạy cho nó bò." "Cho dù cha của người ấy không khóc, chẳng qua là bản tánh của người đàn ông, chắc chắn tấm lòng của người mẹ thì mềm mỏng; Thế thì tại sao bà không khóc?" Khi Bà ta nghe qua điều này, Bà ta bèn thốt lên hai câu kệ để cho biết lý do của Bà ta tại sao không khóc:

3. "Nó đến từ đó cũng không có sự mời mọc và đi khỏi đây cũng chẳng có sự cho phép. Nó đến như thế nào thì nó đi cũng như thế. Trong những hoàn cảnh như vậy, ta thán có lợi ích gì?

4. Cái mà đang cháy thì không hay biết những lời ta thán của quyến thuộc, do vậy tôi không than khóc cho nó. Nó đã đi đến bất cứ chỗ nào đã định phần cho nó.

3.

"Đến đây chẳng được ai mời,
Ra đi chẳng được một lời thuận ưng.
Đến đi bất định bất phân,
Ích gì mà khóc mỗi lần ra đi?
4.

Cái mà đang cháy đen xì
Làm sao biết được những gì thở than.
Nên tôi chẳng khóc chẳng than;
Con tôi nó đã đi sang cõi nào.
Chú giải:

3. Ở đây KHÔNG CÓ LỜI MỜI (Anabbhito): không được gọi đến, nó không được mời đến, khi nói rằng, "Nào, hãy trở thành một đứa con trai cho ta!" TỪ ĐÓ (Tato): Từ chỗ mà nó đã sống trước kia, từ thế giới kia. NÓ ĐẾN: aagaa=aagacchi (hình thức văn phạm chuyển đổi). KHÔNG ĐƯỢC PHÉP (naamu~nnaato) không có sự cáo từ; nó không được cho đi bởi chúng tôi, khi nói rằng. "Hãy đi đến thế giới khác, này con!" KHỎI ĐÂY (ito): từ thế giới này. ĐI (gato): Rời khỏi. NÓ ĐẾN NHƯ THẾ NÀO (yathaa gato): cách mà nó

đã đi đến, nghĩa là nó đến lặng lẽ mà không có lời mời của chúng tôi. NÓ ĐI CŨNG VẬY (Tathaa gato): trong cùng cách ấy nó đã ra đi. Nó đến như thế do nghiệp của chính nó, bởi vậy nó đi cũng vì nghiệp của chính nó; theo cách này sự vận hành của nghiệp được cho thấy. TRONG NHỮNG HOÀN CẢNH NHƯ VẬY, SỰ TA THÁN CÓ LỢI ÍCH GÌ: (tattha kaa paridevanaa): Bởi vì vòng luân hồi trôi lăn như vậy mà không có sự kiểm soát của con người, quả thật vậy, khóc cho cái chết có ích gì? Điều ấy cho thấy rằng điều ấy chẳng thích hợp và không nên được làm bởi người có trí.

Khi vị ấy nghe qua điều mà người vợ của vị Bà-la-môn đã phải nói như thế, vị ấy bèn hỏi đứa em gái của người chết, "Người ấy là gì đối với cô, này cô gái?" "Thưa Ngài, người ấy là anh của tôi", "Này cô, chắc chắn những người em gái đều thương yêu những người anh của họ; thế thì tại sao cô không khóc?" Nàng đọc lên những câu kệ này để cho biết lý do khiến nàng không khóc:

5. "Nếu tôi khóc thì tôi trở nên tiều tụy. Khóc như thế sẽ có kết quả gì cho tôi?. Tuy nhiên, nó sẽ làm cho những quyến thuộc của tôi và những người cầu phúc cho chúng tôi thêm ưu bi mà thôi.

6. Cái mà đang cháy thì không hay biết những lời ta thán của những quyến thuộc.

Do đó, tôi không khóc than cho vị ấy; người ấy đã ra đi đến chỗ định phần cho người ấy rồi".

5.

Nếu tôi khóc lóc thở than,
Thì tôi sẽ ốm gầy mòn xanh xao,
Làm vậy sẽ được gì nào?
Lại đem khổ lụy đến bao nhiêu người.
6.

Cái mà đang cháy rả rời,
Chẳng hay biết được những lời kêu than.
Nên tôi chẳng khóc than van,
Anh tôi đã chuyển sanh sang cõi nào.
Chú giải:

5. NẾU TÔI KHÓC THÌ TÔI TRỞ NÊN GẦY YẾU (Sace rode kisaa assa.m): Nếu tôi khóc thì tôi trở nên tiều tụy và thân của tôi sẽ kiệt quệ. SẼ CÓ KẾT QUẢ GÌ CHO TÔI TRONG ĐIỀU ẤY? (Tattha me ki.m Phala.m siyaa): Thật vậy, có kết quả gì, lợi ích gì, cho tôi trong điều ấy, trong việc khóc lóc cho cái chết của anh tôi? Anh tôi sẽ không sống lại do sự khóc lóc ấy, thậm chí cũng không nhờ đó mà đi đến cõi an vui. Đây là ý nghĩa. TUY NHIÊN CÒN GÂY RA NHIỀU KHỔ LUỴ HƠN CHO NHỮNG QUYẾN THUỘC VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LÒNG TỐT CỦA CHÚNG TÔI MÀ THÔI (~naatimittasubhajjaana.m bhiiyo no arati siyaa ): Vì sự khóc lóc cho người ấy chỉ khiến cho quyến thuộc, bạn bè và những người có thiện ý của chúng tôi thêm đau khổ nhiều hơn mà thôi.

Khi nghe qua điều mà người em gái đã phải nói, vị ấy bèn hỏi người vợ của người chết rằng, "Người ấy là gì đối với cô?" "Thưa ông, người ấy là chồng của tôi". "Này cô, chắc chắn đàn bà đa số đều yêu thương người chồng của họ, và khi những người chồng ấy chết thì những thiếu phụ phải chịu quạnh hiu. Thế thì tại sao cô không khóc?" Nàng đọc lên hai câu kệ để cho biết ý lý do khiến nàng không khóc:

7. "Cũng như đứa bé khóc đòi mặt trăng, người khóc lóc cho kẻ đã quá vãng cũng như thế.

8. Cái mà đang cháy thì không hay biết những lời thở than của những quyến thuộc.

Do đó, tôi không khóc cho vị ấy; Người ấy đã ra đi đến bất cứ chỗ nào đã định rồi.

7.

Cũng như đứa bé khóc lăn,
Đòi cho bằng được mặt trăng trên trời,
Người khóc cho kẻ chết rồi,
Cũng dường thế ấy chỉ hoài công thôi.
8.

Cái mà đang cháy rã rời,
Làm sao hay biết những lời kêu than.
Nên tôi chẳng khóc than van.
Chồng tôi nay đã sanh sang cõi nào.
Chú giải:

7. ĐỨA BÉ (Daarako): một đứa bé ngu đần. ĐÒI MẶT TRĂNG (Canda.m). Đòi cái đĩa mặt trăng. ĐANG MỌC LÊN (Gacchanta.m): Đang đi lên trong bầu trời. KHÓC (Anurodati): Kêu khóc khi nói rằng, "Hãy bắt lấy bánh xe và cho nó đến con!" CŨNG VẬY VỚI KẾT QUẢ NHƯ THẾ (eva.m sampada.m ev'eta.m): Sự kêu khóc về người ấy, là người khóc cho kẻ đã quá vãng, người đã chết, thì cũng chỉ đem lại kết quả, và tương tự như ước muốn bắt được mặt trăng khi nó mọc lên trong bầu trời, vì là ước muốn được một vật mà không thể có được. Đây là ý nghĩa.

Khi nghe qua điều mà người vợ của người chết đã phải nói, vị ấy bèn hỏi người đầy tớ gái, "Này cô, người ấy là gì đối với cô?" "Thưa Ngài, Người ấy chủ của tôi" "Nếu vậy, có lẽ cô đã từng làm công việc của cô một cách miễn cưỡng sau khi vị ấy đánh đòn. Do đó, ta nghĩ rằng ngươi mới không khóc khi ngươi nghĩ rằng, do cái chết của người ấy mà ngươi sẽ được thoát khỏi người ấy." "Đừng nói với tôi như thế, thưa Ngài, điều ấy không đúng đâu. Đứa con trai của chủ tôi đã hành đúng pháp và có sự nhẫn nại vô cùng, có lòng từ ái và thân thiết. Người ấy như đứa con đã lớn lên từ cái vú của tôi". "Thế thì tại sao cô không khóc?" Nàng cũng nói lên hai câu kệ để nói rõ lý do khiến nàng không khóc:

9. "Thưa ông Bà-la-môn, cũng như cái bình nước đã bị vỡ tan, không thể ráp lại với nhau được, cũng vậy người khóc cho kẻ đã quá vãng, kết quả cũng như thế thôi.

10. Cái mà đang cháy thì không thể hay biết những lời thở than của những quyến thuộc.

Do vậy, tôi không khóc cho người; Người ấy đã đi đến bất cứ chỗ nào đã định phần."

9.

Dạ thưa ông Bà-la-môn,
Cũng như bình vỡ không còn hồi nguyên,
Khóc cho người đã qui thiên,
Cũng như bình vỡ nối liền được chi.
10.

Cái mà đang cháy đen xì,
Làm sao biết được những gì thở than,
Nên tôi chẳng khóc than van,
Chủ tôi nay đã sanh sang cõi nào.
Chú giải:

9. THƯA ÔNG BÀ-LA-MÔN, CŨNG NHƯ CÁI BÌNH NƯỚC ĐÃ VỠ TAN, KHÔNG THỂ GẮN LẠI VỚI NHAU ĐƯỢC (Yaathaa pi brahme, udakumbho bhinno appatisandhiyo): Quả thật vậy, thưa ông Bà-la-môn, cũng như cái bình nước mà đã bị vỡ tan bởi những nhát búa không thể gắn lại với nhau, không thể phục hồi lại trạng thái đầu tiên của nó. Phần còn lại thì hoàn toàn rõ ràng như đã được giải thích ở trên.

Khi Sakka nghe qua Pháp thoại này từ họ, vị ấy với lòng mộ đạo, nói rằng "Các ngươi đã hoàn toàn tu tập pháp niệm về sự chết. Từ ngày hôm nay trở đi, sẽ không cần thiết để các ngươi phải lao động với công việc cày cấy nữa". Vị ấy bỏ vào đầy nhà của họ bảy loại châu báu và khích lệ họ rằng, "Đừng dễ duôi trong việc bố thí. Hãy thọ trì ngũ giới và Bát Quan Trai giới", và, sau khi lộ diện chân tướng của vị ấy cho họ trông thấy, vị ấy trở về lại chỗ ngụ riêng của mình. Và vị Bà la môn ấy cùng những người khác làm những việc phước về Bố thí v.v.. Và sau khi sống hết thọ mạng của họ, được tái sanh trong cõi Devaloka (Cõi chư Thiên).

Khi Bậc Đạo sư đã kể lại bổn sanh này và đã rút ra cây tên sầu muộn từ người Thiện nam ấy, sau đó Ngài thuyết giảng Tứ đế. Vào lúc kết thúc thời pháp, vị Thiện nam được an trú trong quả thánh Tu-đà-hườn.

Xà quỉ sự đã kết thúc. Như vậy sự trình bày ý nghĩa của phẩm đầu, Xà phẩm, được tô điểm bằng mười hai câu chuyện trong những câu chuyện Ngạ quỉ này của bộ Khuddaka Nikaaya (Tiểu Bộ) đã kết thúc.

---o0o---

[2.1]

CHƯƠNG II : UẤT BA LỢI PHẨM (UBBARIIVAGGA)

II.01 LY LUÂN HỒI QUỈ SỰ (SA.MSAARAMOCAKA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Người trần truồng và có hình tướng thô xấu".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Trúc Lâm viên, liên quan đến một nữ Ngạ quỉ nọ trong ngôi làng tên là I.t.thakaarati, thuộc vương quốc Magadha.

Tương truyền rằng, trong vương quốc Magadha có hai ngôi làng, I.t.thakaavatii và Diigharaajii, ở đó có nhiều Đạo sĩ sa.msaaramocaka trú ngụ. Cách đây đã lâu, khoảng năm trăm năm về trước, một nữ nhân nọ sanh trong gia đình samsaaramocaka ngay tại đó ở I.t.thakaavatii, và do bởi những tà kiến của nàng, nàng đã giết hại nhiều côn trùng và châu chấu và tái sanh trong cõi Ngạ quỉ; Ở đó, nàng chịu khổ đói và khổ khát trong năm trăm năm. Rồi khi Đức Thế Tôn của chúng ta đã sanh ra trong thế gian và đã lăn bánh xe diệu pháp, và đến đúng thời kỳ đến trú ngụ tại trúc lâm viên, gần Raajagaha, nàng lại sanh trở lại trong cùng gia đình samsaaramocaka ấy trong cùng ngôi làng I.t.thakaavatii ấy. Rồi một hôm nọ, khi nàng đã được bảy hoặc tám tuổi và đang mãi vui chơi với những cô gái trên con đường lớn, Đại Đức Trưởng lão Saariputta, khi đang ngụ tại tịnh xá anuravatii gần ngôi làng ấy, đi qua chính con đường gần cổng làng ấy, được tháp tùng bởi mười hai vị Tỳ kheo. Ngay lúc ấy, nhiều cô gái của ngôi làng ấy, sau khi đã rời khỏi ngôi làng, đang chơi gần cổng làng, theo phong tục của cha mẹ chúng, chúng bèn nhanh chóng đi đến với tâm Đạo nhiệt thành, và đảnh lễ Trưởng lão và những vị Tỳ kheo khác với năm điểm chạm đất. Tuy nhiên, cô gái trong gia đình của những người không có đức tin ấy, lại tỏ ra bất kính và thiếu những tánh tốt của những người có giới đức, lại tỏ ra vô học. Do nàng đã không tích lũy những thiện nghiệp trong một thời gian dài, vẫn đứng như người thất học. Trưởng lão thấy rõ tánh hạnh trong quá khứ của nàng, sự tái sanh hiện tại của nàng trong gia đình samaaramocaka, và thấy rằng nàng đáng bị sanh trong địa ngục trong tương lai. Trưởng lão biết rằng: nếu nàng đảnh lễ Ngài thời nàng sẽ không tái sanh trong địa

địa ngục, dầu nàng có sanh trong cõi Ngạ quỉ nàng cũng được sự thù thắng do ngài, Trưởng lão nói với những cô ấy rằng, "các con thì đảnh lễ những vị Tỳ kheo, nhưng cô gái này thì vẫn đứng như người không được giáo dục vậy". Rồi những cô gái ấy túm lấy hai tay của cô gái, kéo nàng tới và bằng sự thúc ép, khiến nàng đảnh lễ dưới chân của Trưởng lão. Đến đúng thời, nàng đến tuổi thanh xuân và được gả cho một chàng trai nọ thuộc một gia đình Samsaaramocaka trong ngôi làng Diigharaajii . Khi nàng sắp sanh,thì nàng chết và sanh trong cõi Ngạ quỉ, trần truồng, và có hình tướng gớm guốc, trông thật ghê tởm; khi đi lang thang vào lúc đêm tối, nàng hiện ra trước mặt Trưởng lão Saariputta và rồi đứng ở một bên. Khi trông thấy nàng, Trưởng lão bèn hỏi nàng bằng câu kệ này:

1. "Nàng trần truồng và có hình tướng gớm guốc, gầy mòn với những đường gân lồ lộ. Nàng là một kẻ gầy ốm, với những xương sườn lộ ra, bây giờ, nàng là ai mà đứng ở đây?"

Chú giải:

1. VỚI NHỮNG ĐƯỜNG GÂN LỒ LỘ (Dhamanisanthataa): với tấm thân được phơi bày ra bằng tấm lưới gân do không có thịt và máu. VỚI NHỮNG XƯƠNG SƯỜN LỘ RA (Upphaasulike): với những xương sườn lồi ra. NGƯƠI LÀ NGƯỜI ỐM O (Kisike): ngươi với tấm thân gầy mòn; Sau khi đã nói ở trên "gầy mòn" Những chữ: "Ngươi là người ốm o" được lập lại nhằm mục đích cho thấy sự gầy ốm quá mức của nàng mà trong đó tấm thân ấy chỉ có da, xương và gân mà thôi.

Khi nghe qua điều này, nữ Ngạ quỉ ấy nói lên câu kệ này để cho biết về chính nàng:

2. Thưa Ngài, tôi là một nữ Ngạ quỉ, đã đi đến cõi Ngạ quỉ trong thế giới của Yama; Khi đã làm ác nghiệp, tôi đã đi từ đây đến cõi Ngạ quỉ.

Được hỏi thêm một lần nữa bởi Trưởng lão về nghiệp mà nàng đã làm:

3. "Bây giờ ác nghiệp nào mà ngươi đã làm bằng thân, khẩu và ý? do kết quả của nghiệp nào khiến ngươi ra đi từ đây đến cõi của những Ngạ quỉ?"

Nàng nói lên ba câu kệ để cho thấy rằng vì đã sống với lòng bỏn sẻn và thiếu đức bố thí, nàng đã phải sanh trong Ngạ quỉ và chịu nhiều thống khổ như vậy:

4. "Thưa Ngài, trước kia tôi không có cha mẹ, hay những quyến thuộc khác, thậm chí cũng không có những người mà có lòng thương xót tôi, để khuyên rằng, "Hãy bố thí với tâm đạo nhiệt thành đến các vị Sa môn, Bà la môn".

5. Từ nay trở đi, trong năm trăm năm, tôi phải đi lang thang trần truồng như thế này, bị đốt cháy bởi cơn đói và khát dục. Đây là quả về ác nghiệp của tôi.

6. Con xin đảnh lễ Ngài, thưa bậc ứng cúng, bằng tâm đạo tín thành; xin hãy thương xót con, hỡi Bậc vĩ Đại và kiên quyết. Xin hãy bố thí một cái gì đó và hồi hướng phước thí ấy đến cho con; xin hãy giải thoát cho con ra khỏi cảnh khổ này, thưa Ngài.

Chú giải:

4. CÓ LÒNG THƯƠNG XÓT (Anuka.mpakaa): Có lợi đối với hạnh phúc trong kiếp sau của nàng. BẠCH NGÀI (Bhante): Nàng đang nói với Trưởng lão. LÀ NHỮNG KẺ HẰNG KHUYẾN KHÍCH CON (ye ma.m niyojeyyu.m): con đã không có mẹ hay cha hay những người quyến thuộc khác mà có lòng thương tưởng con, khuyên nhủ con rằng: "Với lòng tịnh tín, ngươi hãy cho ra những vật thí đến các vị Sa môn hay Bà la môn" - Đây là cách nên được hiểu.

5. TỪ NAY TRỞ ĐI TRONG NĂM TRĂM NĂM NỮA, CON PHẢI ĐI LANG THANG TRẦN TRUỒNG NHƯ THẾ NÀY (Ito aha.m vassasataani pa~nca ya.m evaruupaa vicaraami naggaa): Sau khi nhớ lại kiếp sống sanh làm Ngạ quỉ trong kiếp quá khứ của nàng trước đó hai kiếp, nữ Ngạ quỉ nói điều này để xác nhận rằng, bây giờ nàng cũng phải đi lang thang theo cách ấy trong năm trăm năm. Ya.m (không được dịch): = Yasmaa (Hình thức văn phạm chuyển đổi); Bởi vì con không làm việc phước nào về Bố thí v.v.. Nên con đã trở thành một Ngạ quỉ trần truồng như thế này, và từ nay trở đi con phải đi lang thang trong năm trăm kiếp - Đây là cách nên được hiểu; BỞI KHÁT ÁI (Ta.nhaaya): Bởi sự khao khát. BỊ THIÊU ĐỐT: Khajjamaanaa = Khaadiyamaanaa (hình thức văn phạm

chuyển đổi), nghĩa là bị hành hạ.

6. CON XIN ĐẢNH LỄ NGÀI, THƯA BẬC ỨNG CÚNG, BẰNG TÂM TỊNH TÍN (vandaami ta.m ayyapasannacittaa): Với lòng tịnh tín, con xin đảnh lễ Ngài, thưa Bậc ứng cúng. Điều này cho thấy chỉ chút ít phước mà con có thể làm được bây giờ. XIN HÃY THƯƠNG TƯỞNG ĐẾN CON (anukampa ma.m): Xin hãy giúp đỡ, xin hãy nhủ lòng bi mẫn đến con. XIN HÃY BỐ THÍ MỘT CÁI GÌ ĐÓ VÀ HỒI HƯỚNG PHƯỚC THÍ ẤY ĐẾN CHO CON, (datvaa ca me aadissa ya.m hi ki~nci): Nàng nói lời khẳng định rằng, khi vị ấy đã bố thí vật nào đó và đã hồi hướng phước thí ấy đến cho nàng, thời nhờ đó sẽ có sự giải thoát cho nàng thoát khỏi cõi Ngạ quỉ ấy. Vì lý do này khiến nàng nói rằng: "Hãy giải thoát con ra khỏi khổ cảnh này, thưa Ngài".

Ba câu kệ này được nói bởi những vị kiết tập Tam tạng, để cho thấy tánh cách mà Trưởng lão thực hiện khi nữ Ngạ quỉ ấy đã nói như vậy:

7. "Tốt lắm, "Trưởng lão Saariiputta đồng ý, người có lòng bi mẫn, và đã cho đến các vị Tỳ kheo một miếng vật thực, một miếng vải có kích thước một gang tay và một bát nước, và hồi hướng phước thí này đến cho nàng.

8. Ngay khi vị ấy hồi hướng phước thí này thì kết quả hiện ra: vật thực, y phục, thức uống - là kết quả của phước thí này.

9. Nhân đó, nàng được thanh tịnh, mặc y phục sạch sẽ và tươi sáng, là loại vải mịn hơn những thứ của xứ Kaasi; Và được trang sức bằng nhiều loại y phục và vật trang sức, nàng đi đến Trưởng lão Saariputta .

Chú giải:

7. ĐẾN CÁC VỊ TỲ KHƯU (Bhikkhuuna.m): Đến một vị Tỳ kheo: điều này được nói bằng sự méo mó về số lượng. Một số đọc là: Cho đến một vị Tỳ kheo một miếng (aalopa.m bhikkhuno datvaa). MỘT MIẾNG (aalopa.m): Một miếng vật thực, nghĩa là chỉ một miếng vật thực. Một mảnh vải có kích thước một gang tay (Paanimatta~nca co.laka.m): Kích thước một bàn tay, nghĩa là một miếng vải. VÀ MỘT BÁT NƯỚC (Thaalakassa ca paaniiya.m): chỉ một bát nước.

Phần còn lại cũng giống như đã được nêu ra ở Ngốc đầu quỉ sự.

Rồi khi Đại Đức Saariputta trông thấy nữ Ngạ quỉ ấy sau khi đã đến trước mặt Ngài, đứng với các căn đã được làm cho tươi sáng, có nước da hoàn toàn thuần tịnh và được trang sức bằng những y phục và những vật trang sức của chư Thiên, và làm sáng lên mọi thứ quanh nàng bằng hào quang của chính nàng, vị ấy nói ba câu kệ này khi muốn nàng giải thích kết quả của những nghiệp mà nàng đang thọ hưởng:

10. Ai mà đứng với sắc đẹp tuyệt trần, này tiên nữ, chiếu sáng khắp các hướng như được Vương Tinh.

11. Sắc đẹp của nàng như vậy là do cái gì? Do cái gì mà điều này được thành tựu bởi nàng ở đây và có sanh lên bất cứ dục lạc nào mà nàng ưa thích?

12. Ta hỏi nàng, này Devii có đại oai lực, việc phước gì mà ngươi đã làm khi ngươi còn làm người? Do điều gì mà oai lực của ngươi sáng chói như vậy và sắc đẹp của ngươi chiếu sáng khắp mười phương?

Chú giải:

10. TUYỆT TRẦN (abhikkantena): Vô cùng khả ái, nghĩa là rất xinh đẹp. BẰNG SẮC ĐẸP (va.n.nena): Với nước da. SÁNG RỰC LÊN KHẮP MƯỜI PHƯƠNG (Obhaasentii disaa sabbaa): Chiếu sáng trong khắp mười phương với chỉ một vầng ánh sáng. Như thế nào? Vị ấy nói, "Như được Vương Tinh". Ngôi sao này có cái tên là (Osadhii), bởi vì hào quang chói lọi (Ussanna) được chứa (dhiiyati) bởi nó hay là vì nó cho công năng đến các loại thuốc (Osadhiina.m): Cũng như nó đứng toả ra ánh sáng khắp quanh nó, cũng vậy ngươi đang đứng chiếu sáng khắp mười phương - đây là ý nghĩa.

11. DO CÁI GÌ? (Kena): Chữ cái gì (Ki.m) trong hình thức nghi vấn của nó; Đây là công cụ cách có ý nghĩa hỏi về nguyên nhân, nghĩa là do nguyên nhân nào? CỦA NGƯƠI: te = tava (hình thức văn phạm chuyển đổi). NHƯ VẬY (Etaadiso): Điều này được nói liên quan đến cách mà nó xuất hiện lúc ấy. ĐIỀU NÀY ĐƯỢC THÀNH TỰU BỞI NGƯƠI DO BỞI CÁI GÌ Ở ĐÂY? (kena te idha - m - ijjhati): Quả của thiện sự này là do phước đặc biệt nào mà đang được thọ lãnh bởi ngươi, được thành tựu, được tạo ra ở đây, tại chỗ này. SẼ CÓ SANH LÊN (uppajjanti): Sẽ có hiện ra. NHỮNG DỤC LẠC (Bhogaa): Những vật sở hữu và những phương tiện thù thắng như y phục và những vật trang sức v.v.. Mà có được cái tên là "Những dục lạc" (Bhogaa) Vì đáng được thọ hưởng (Paribhu~njitabbatena). BẤT CỨ CÁI GÌ (Ye keci): Nghĩa là tất cả những dục lạc được bao gồm, không có cái dư sót, vì đây là một câu nói bao hàm mọi thứ không có dư sót, TÂM CỦA NGƯƠI ÁI HẢO (manaso piyaa): Cái được ưa thích, khả ái với tâm của ngươi, nghĩa là thân ái với tâm của ngươi.

12. TA HỎI (Pucchaami): Ta đặt câu hỏi, nghĩa là ta muốn biết. Ngươi: ya.m=tva.m (Hình thức văn phạm chuyển đổi). Devii (Devi): Nàng là một (Devii) do vì nàng có oai lực của chư Thiên. Vì lý do này mà vị ấy nói rằng, "Có oai lực lớn". KHI NGƯƠI CÒN LÀ NGƯỜI (Manussabhuutaa): Khi ngươi sanh trong cõi nhân loại và đạt đến địa vị làm người. Điều này được nói theo đúng với quy luật chung là: chúng sanh làm những việc phước trong khi họ ở trong kiếp người. Đây là ý nghĩa của những câu kệ vắn tắt thôi. Tuy nhiên, điều ấy nên hiểu đúng như đã nêu ra đầy đủ chi tiết trong bộ chú giải thiên cung sự, trong phần giải thích này về ý nghĩa bên trong.

Nữ Ngạ quỉ ấy, khi được hỏi bởi Trưởng lão, bèn nói lên những câu kệ còn lại để làm sáng tỏ lý do về cách mà sự thù thắng này của nàng đã được nhận lãnh:

13. Vị thánh đầy lòng bi mẫn đối với thế gian trông thấy con đã đi vào kiếp sống đau khổ - vàng vỏ, gầy ốm, đói khát, trần truồng, với da nhăn nheo.

14. Vị ấy đã cho đến các vị Tỳ kheo một miếng vật thực, một mảnh vải có kích thước một gang tay và một bát nước, và hồi hướng phước ấy cho con.

15. Hãy xem quả của miếng cơm ấy: Trong một ngàn năm con đẽ ăn vật thực được gia vào nhiều gia vị, vui hưởng với tất cả những gì đem lại sự thỏa mãn cho những ước muốn của con.

16. Hãy xem loại kết quả có được của một mảnh vải chỉ bằng gang tay: Nhiều y phục như trong khắp cõi của vua Nanda.

17. Còn hơn thế nữa, thưa Ngài, là những y phục và những đồ trải bằng lụa và bằng vải len, vải lanh và vải sợi của con.

18. Chúng có nhiều và đắt quí - Chúng còn thòng xuống từ bầu trời; Và con chỉ mặc vào bất cứ cái gì mà con thấy thích.

19. Hãy xem loại kết quả có được từ một bát nước: những hồ sen được khéo bố trí ở ngoài và có bốn góc.

20. Với nước trong và những bờ hồ xinh đẹp, mát và thơm, được phủ lên bằng những hoa sen và hoa súng, nước đầy những nhụy sen.

21. Và con vui thích, chơi giỡn và vui sướng, chẳng có gì để sợ từ bất cứ hướng nào. Bạch Ngài, con đến đây để đảnh lễ Bậc hiền trí có lòng bi mẫn đối với thế gian.

Chú giải:

13. VÀNG VỠ (uppannuki.m): Đã trở nên hơi vàng. BỊ ĐÓI (Chaata.m): muốn ăn, bị cơn đói hành hạ. VỚI DA NHĂN NHEO (Sampatitacchavi.m): với da nơi thân của con bị nứt nẻ. ĐỐI VỚI THẾ GIAN (Loke): Điều này cho thấy phạm vi của lòng bi mẫn của người ở đây được xem là "đầy lòng bi mẫn". CON (Ta.m ma.m): Con trong điều kiện ấy, con trong một trạng thái mà chắc chắn cần có lòng bi mẫn như đã được nêu ra ở trên. ĐI ĐẾN KHỔ CẢNH (Duggata.m): Đã đi đến trạng thái đau khổ.

14. VỊ ẤY CHO ĐẾN CÁC VỊ TỲ KHƯU MỘT MIẾNG (Bhikkhuuna.m aalopa.m datvaa): Định rõ cách mà Trưởng lão hành động do lòng bi mẫn.

15. VẬT THỰC (Bhatta.m): Cơm, nghĩa là vật thực của chư Thiên. TRONG MỘT NGÀN NĂM (Vassasata.m dasa): trong mười lần một trăm năm được xem là một ngàn năm; đây là đối cách mang ý nghĩa một thời gian kéo dài liên tục. THÊM NHIỀU HƯƠNG VỊ, KHI THỌ HƯỞNG SỰ LÀM CHO VỪA LÒNG TẤT CẢ NHỮNG ƯỚC MUỐN CỦA CON (Kaama kaaminii anekarasa vya~njana.m): Con sẽ ăn vật thực với nhiều loại hương vị, lại có những dục lạc khác nữa - đây là cách nên được hiểu.

16. MỘT MẢNH VẢI (colassa): Điều này chỉ rõ việc phước bao gồm sự bố thí với cái này là vật có tên gọi chung là vật thí. HÃY XEM LOẠI QUẢ BÁU (Vipaakaampassayaadisa.m): Hãy xem quả, cái được gọi là kết quả, của vật thí về mảnh vải, thưa Ngài. Trong trường hợp ấy người nên hỏi cái gì? nữ Ngạ quỉ nói, "Nhiều y phục như trong khắp cõi của vua Nanda v.v..." Bây giờ về điều này, vua Nanda là ai?

Tương truyền rằng cách đây đã lâu, khi thọ mạng của loài người là mười ngàn năm, một người có của cải, là thường dân của xứ Ba la nại, trông thấy một vị Phật Độc Giác nọ trong khu rừng của ông ta khi đang đi bộ trong rừng. Đức Phật Độc Giác đang làm

một chiếc y tại đó, nhưng đã gấp nó lại và bắt đầu đem cất, vì phần nối bị thiếu. Khi người đàn ông có của cải trông thấy cảnh này, ông ta nói rằng, "Bạch Ngài, Ngài đang làm gì thế? Dầu Ngài chẳng nói gì do lòng tri túc của Ngài, ông ta vẫn biết rằng vật liệu làm y bị thiếu, bèn đặt chiếc áo choàng của ông ta dưới chân của Đức Phật Độc Giác. Đức Phật Độc Giác nhặt lấy nó và, khi thêm nó vào chỗ vá, làm thành chiếc y và mặc nó vào. Vào lúc thân hoại mạng chung, người đàn ông có của cải ấy chết và tái sanh trong cõi trời Ba mươi ba. Vị ấy thọ hưởng sự vinh quang của chư Thiên ở đó đến hết thọ mạng của mình, và khi mạng chung từ cõi ấy, sanh vào trong gia đình của một vị Tư tế quan trong một ngôi làng nọ cách Ba la nại một do Tuần. Vào lúc vị ấy đến tuổi thành niên, thì lễ hội ăn mừng tháng mới được công bố trong ngôi làng đó. Chàng trai nói với mẹ của mình rằng, "thưa mẹ, hãy cho con một chiếc áo choàng để con có thể đi dự hội ăn mừng tháng mới". Bà ta lấy ra một chiếc áo mới và trao cho cậu. "Thưa mẹ, chiếc áo này thô quá". Chàng trai nói. Bà ta lấy ra một chiếc áo khác và trao nó cho cậu, nhưng cậu ta cũng từ chối chiếc áo này. Rồi người mẹ nói với cậu ta rằng, "này con, từ khi chúng ta sanh vào trong gia đình này, chúng ta không tạo những phước nào để có những y phục tốt hơn những thứ này nữa". "con sẽ đi đến một chỗ để kiếm ra nó, thưa mẹ". "Thế thì hãy đi đi, này con, mẹ muốn rằng chính ngày hôm nay con có thể có được quyền cai trị vương quốc Ba la nại này". "Tốt lắm, thưa mẹ" cậu ta đáp lại. Chàng trai cúi chào mẹ, đi vòng quanh bà ta về hướng phải và nói rằng, "xin chào mẹ". "Chào con". Tương truyền rằng ý nghĩ xảy đến với bà ta rằng, "nó có thể đi đâu? nó chỉ có thể ngồi chỗ này chỗ kia quanh ngôi nhà này mà thôi".

Nhưng bị thôi thúc bởi những việc phước của mình, cậu ta rời khỏi ngôi làng và đi đến Ba la nại; ở đó cậu ta nằm xuống trên một tảng đá có điềm may sau khi che người từ đầu trở xuống. Lúc bấy giờ là ngày thứ bảy sau khi đức vua băng hà. Khi những vị quan cố vấn đặc biệt của đức vua và vị tư tế quan đã làm lễ mai táng rồi, họ ngồi trong sân triều và bàn luận với nhau rằng, "Có một đứa con gái của đức vua, nhưng không có đứa con trai nào cả; Một vương quốc mà không có vua thì không tồn tại được. Chúng ta phải gởi đi một chiếc xe hoa". Họ thắng ách bốn con ngựa có màu hoa sen trắng và để vào trong chiếc xe năm biểu tượng của đức vua, đứng đầu là cái lọng trắng. Rồi họ cho chiếc xe đi và cho trổi nhạc ở đằng sau. Chiếc xe đi về cổng đông và hướng về vườn ngự uyển. Một số người nói rằng, "Chiếc xe đang đi về vườn ngự uyển theo thói quen, hãy quay nó lui". Nhưng vị tư tế quan nói rằng, "đừng quay nó lui". Chiếc xe đi vòng quanh chàng trai về hướng phải và rồi đứng chờ sẵn để người ấy leo lên. Vị Tư tế quan dỡ lên một góc của tấm chăn, quan sát hai lòng bàn chân của vị ấy và nói rằng, "Hãy để chàng trai này làm nơi nương tựa của chúng ta- vị ấy có thể tạo ra độc nhất một vương quốc gồm cả bốn châu và hai ngàn đảo vây quanh", và rồi sai trổi nhạc ba lần khi nói rằng, "Hãy trổi nhạc lên, hãy trổi nhạc lên nữa đi!" chàng trai mở tấm chăn trên mặt ra, nhìn quanh người của vị ấy và nói rằng, "này ông bạn, ông đến đây có chuyện gì thế?" "Tâu bệ hạ, vương quốc đã đến với bệ hạ". "Vua của các ngươi đâu?" "Vị ấy đã thăng hà rồi, tâu chúa thượng". "Bao nhiêu ngày rồi?" "Hôm nay là ngày thứ bảy rồi". "Không có con trai hay con gái nào à?" "Chỉ có một đứa con gái, tâu bệ hạ, nhưng không có con trai". "Thôi được, nếu vậy thì ta sẽ cai trị". Ngay tức thì họ dựng lên một nhà mát để phong

vương cho vị ấy, trang sức cho đứa con gái của đức vua bằng tất cả những vật trang sức của nàng, dẫn nàng đến vườn ngự uyển và phong vương cho chàng thanh niên. Khi vị ấy đã được phong vương, họ dâng đến cho vị ấy những tấm vải trị giá một trăm ngàn đồng, "Đây là cái gì, này các bạn". Vị ấy hỏi, "những chiếc y của bệ hạ, tâu bệ hạ". "Chúng không thô, phải không các bạn?" "không có những thứ nào tốt hơn những thứ này trong bất cứ những y phục nào được dùng bởi loài người, tâu bệ hạ". "Vua của các ngươi có mặc giống như thế này không?" "thưa có, tâu bệ hạ". "Ta không nghĩ rằng vua của các ngươi có phước. Hãy đem đến cho ta một cái bình nước bằng vàng và ta sẽ kiếm một số y phục". Họ đem đến cái bình bằng vàng. Vị ấy đứng lên, rửa tay, súc miệng và, khi cầm một ít nước trong tay, rảy nó vào hướng đông, nhân đó tám cây như ý rễ đất mọc lên. Vị ấy lại lấy một ít nước và rảy nó vào hướng nam, hướng tây và hướng bắc, khi rảy nước như vậy vào các hướng, thời mỗi nơi trong tất cả các hướng ấy vị ấy đã tạo ra tám cây để có ba mươi hai cây như ý mọc lên tất cả. Một số người nói rằng trong mỗi hướng, vị ấy tạo ra mười sáu cây để có tất cả sáu mươi bốn cây. Chàng trai mặc vào một chiếc của chư Thiên, đắp quanh người và nói rằng, "hãy cho đánh trống rao truyền rằng trong mỗi lãnh thổ của vua Nanda, người đàn bà làm nghề xe chỉ không cần xe chỉ nữa".

Vị ấy bảo họ trương lên chiếc lọng và, khi đã mặc y phục, trang sức và cỡi trên con voi oai phong nhất, đi vào thành phố, đi lên cung điện và thọ hưởng sự vinh quang vĩ đại.

Thắm thoát một thời gian, đến một hôm nọ, hoàng hậu khi trông thấy sự vinh quang của đức vua, đã tỏ tình thương của nàng bằng cách nói rằng, "chắc chắn bệ hạ cần tỏ nhiều tiết chế hơn". Khi được hỏi, "nàng muốn ám chỉ gì, này ái khanh?" nàng bèn nói rằng, "Ngài có sự vinh quang tột độ, tâu bệ hạ. Có một thời nào đó trong quá khứ, chắc bệ hạ đã làm những việc thiện, nhưng bây giờ, bệ hạ không làm những việc thiện vì hạnh phúc trong tương lai của bệ hạ". "Chúng ta có thể bố thí đến cho ai? không có những bậc giới đức". "Tâu bệ hạ, cõi Jambudiipa này không thiếu những vị A la hán. Bệ hạ chỉ cần sửa soạn những vật thực và thiếp sẽ thỉnh những vị A la hán", nàng nói. Vào ngày hôm sau, đức vua sai sửa soạn một cuộc bố thí vĩ đại. Hoàng Hậu khấn nguyện rằng, "nếu có những vị A la hán trong hướng này, thì xin các Ngài hãy đến đây và thọ lãnh những vật thí từ chúng con!" và nằm sấp xoay mặt về hướng bắc. Ngay khi hoàng hậu đang nằm thì Đức Phật Độc Giác Paduma, là vị cao hạ nhất trong năm trăm vị Phật Độc Giác, là những đứa con trai của hoàng hậu Padumavatii và đang trú ngụ trong vùng Hy Mã Lạp Sơn, nói với huynh đệ của vị ấy: "Vua Nanda đang thỉnh các tôn giả, thưa chư tôn giả - chư tôn giả nên nhận lời của vị ấy". Họ đồng ý và ngay tức thì đi xuyên qua hư không và đáp xuống ở cổng bắc. Dân chúng báo tin với đức vua rằng, "Tâu bệ hạ, năm trăm vị Phật Độc Giác đã đến". Đức vua đi cùng với hoàng hậu ra đảnh lễ các Ngài, lãnh bát của các Ngài và mời các Ngài vào trong hoàng cung; Ở đó, vị ấy cúng dường những vật thí đến các Ngài. Khi bữa ăn đã kết thúc, họ bèn quì xuống, đức vua ở dưới chân của vị cao hạ nhất và hoàng hậu ở dưới chân của những vị nhỏ hạ hơn, họ bạch rằng, "Các bậc ứng cúng sẽ sống không thiếu những vật dụng; Những việc phước của chúng con sẽ không suy giảm. Xin hãy cho chúng con lời đồng ý của các Ngài mà ở lại đây". Khi đã được sự đồng ý của các Ngài, vị ấy sai dựng lên những chỗ

ngụ trong vườn ngự uyển và hầu hạ chư Phật Độc Giác suốt cuộc đời còn lại của họ. Khi các Ngài nhập Niết bàn, đức vua sai tổ chức những buổi lễ thiêng và tổ chức những nghi lễ mai táng bằng gỗ chiên đàn và những thứ khác, và rồi lấy xá lợi của các Ngài và tôn trí những xá lợi ấy trong một bảo tháp. Đầy xúc động khi nghĩ rằng, "nếu cái phải đến với ngay cả những vị ẩn sĩ có đại oai lực này, thì có lời nào có thể được nói về những người như ta?" Vị ấy phong vương cho đứa con trai đầu của mình, rồi chính vị ấy ra đi, sống đời không nhà của một vị ẩn sĩ. Hoàng hậu, khi tự hỏi nàng có thể làm gì khi xét thấy đức vua đã xuất gia rồi, cũng đi xuất gia. Khi trú ngụ trong vườn ngự uyển, hai vị đạo sĩ này đã khiến cho những tầng thiền sanh lên và trải qua thời gian của họ trong pháp an lạc của thiền định. Vào lúc kết thúc thọ mạng của họ, họ sanh trong cõi phạm thiên. Tương truyền rằng Trưởng lão Mahaakassapa, một đại Thinh văn của Bậc Đạo sư

của chúng ta, là đức vua Nanda ấy; và Bhaddaa Kapilaanii là hoàng hậu của vị ấy. Trong mười ngàn năm, chính vua Nanda này đã mặc những y phục của chư Thiên, vị ấy đã khiến cho toàn thể lãnh thổ của vị ấy giống như Uttarakuru và đã bố thí những y phục của chư Thiên đến các bậc ứng cúng. Bấy giờ khi đề cấp đến sự vinh quang này, Nữ Petii nói rằng, "có nhiều y phục như trong khắp lãnh thổ của vua Nanda ".

Ở đây, TRONG LÃNH THỔ (Vijitassmi.m): Trong vương quốc. Y PHỤC (Paticchadaa): Vải vóc vatthaani: Chúng được gọi là, "y phục" pa.ticchadaa vì người ta mặc (Pa.ticchaadenti) chúng.

Bấy giờ để cho thấy sự vinh quang của nàng lúc bấy giờ còn lớn hơn sự vinh quang của vua (Nanda); nữ (Petii) bèn nói rằng, "Còn nhiều hơn thế nữa, thưa Ngài, là những y phục và những đồ trải giường của con v.v..."

17. HƠN THẾ NỮA (Tato): Còn nhiều hơn những y phục của vua Nanda là những y phục của con. NHỮNG TÂM VẢI VÀ NHỮNG TẤM KHĂN TRẢI GIƯỜNG (Vatthaani'cchaadanaani): những áo choàng và những chiếc y lót. BẰNG LỤA VÀ LEN: Koseyyaka.mbaliyaani = ko seyyaani c'eva Kambalaani ca (Phối hợp cách). VẢI LANH VÀ VẢI SỢI (Khomakappaa sikaani ca): Những y phục làm bằng vải lanh và vải sợi.

18. NHIỀU (vipulaa): Nhiều và to lớn về bề dài và bề rộng. ĐẮT GIÁ (Mahaggahaa): Có giá trị rất to lớn vì đắt giá. THÒNG XUỐNG TỪ BẦU TRỜI (aakaase'vala.mbare): Nằm thòng xuống trong bầu trời. BẤT CỨ CÁI GÌ CON THÍCH (ya.m ya.m hi manaso piya.m): Và con chỉ lấy bất cứ cái nào mà con thích để mặc nó và đắp quanh người của con - Đây là cách nên được hiểu.

19. HÃY XEM LOẠI KẾT QUẢ CÓ ĐƯỢC TỪ MỘT BÁT NƯỚC (thaalakassa ca paaniiya.m Vipaaka.m Passa Yaadisa.m): Hãy xem loại và tánh chất vĩ đại về kết quả của điều này, chỉ một bát nước được cho ra và được tuỳ hỉ. Để chỉ rõ điều này, nàng nói rằng, "Sâu, có bốn góc" v.v... Ở đây SÂU (Ga.mbhiiraa): Khó dò. CÓ BỐN GÓC (Caturassaa): có hình chữ nhật. NHỮNG HỒ SEN Pokkhara~n~no= pokkharaniyo (Hình thức văn phạm chuyển đổi). KHÉO HIỆN RA. (Sunimmitaa): khéo hiện ra theo đúng với nghiệp của nàng.

20. CÓ NƯỚC TRONG: setodakaa =seta-Udakaa, (Phối hợp cách); và được trãi bằng cát trắng. VỚI NHỮNG BỜ HỒ XINH ĐẸP (Supatitthaa): Với những chỗ tắm xinh đẹp. MÁT (siitaa): với nước mát. THƠM NGÁT (Appa.tigandhiyaa): Với hương thơm làm mê mẫn, không có mùi hôi khó chịu. MẶT NƯỚC ĐẦY

NHỮNG NHỊ SEN (vaariki~njakkhapuuritaa): nước được phủ bằng những nhụy sen lăn tăng và những nhị của hoa súng xanh v.v..

21. CON: Saaha.m= Sà aha.m (Phối hợp cách). Vui chơi (Namati): thấy vui thích. CHƠI (Ki.laami): làm thoả mãn các căn của con. KHOÁI CẢM (Modaami): Vui thích với sự vinh quang về ái lạc của con. CHẲNG CÓ GÌ ĐỂ SỢ TỪ BẤT CỨ HƯƠNG NÀO (akutobhayaa): Con sống thoải mái và thỏa thích mà chẳng có sợ hãi từ bất cứ hướng nào. BẠCH NGÀI, CON ĐẾN ĐỂ ĐẢNH LỄ NGÀI (bhante vanditum aagataa): Bạch Ngài, con đã đến để đảnh lễ Ngài, vì Ngài là phương tiện để con đạt đến sự vinh quang thần tiên này.

Cái mà không được phân tích ở đây về ý nghĩa của nó thì đã được nêu ra ở chỗ khác. Khi điều này được nói bởi nữ Petii ?y, Đại đức Saariputta bèn kể lại đầy đủ chi tiết của câu chuyện đến mọi người - là những dân cư của hai ngôi làng itthakaavatii và diigharaajii mà đã đến yết kiến trưởng lão - đã khiến cho họ xúc động và diệt trừ tà kiến Samsaaramocaka của họ, và rồi an trú họ thành những thiện tín. Vấn đề này được các vị Tỳ kheo biết đến và họ nêu lên vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết Pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó. Thời Pháp đem lại lợi ích cho nhiều Người ở đó.

---o0o---

II.02 XÁ LỢI PHẬT MẪU QUỶ SỰ (SAARIPUTTATHERAMAATU PETAVATTHUVA.N.NAN)

"Người trần truồng và có hình tướng ghê tởm".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Trúc Lâm viên, liên quan đến một Nữ Ngạ quỉ mà đã từng làm Mẹ của Trưởng lão Saariiputta trong bốn kiếp về trước.

Một hôm Đại Đức Saariiputta, Đại Đức Moggallaana, Đại Đức Anurudha và Đại Đức Kappina đang trú ngụ ở một khu rừng nọ không cách xa thành Vương Xá. Lúc bấy giờ, tại Ba-la-nại có một vị Bà-la-môn có của cải lớn, đầy những kho chứa vàng và bạc. Ông ta là người hay bố thí đồ ăn, thức uống, y phục, và giường nằm và những thứ khác đến các vị Sa môn, Bà-la-môn, những người nghèo khổ, người lang thang, người đi đường xa và người ăn xin, như một cái giếng cho nước vậy. Vị ấy bố thí đến các vị A-la-hán theo đúng nhu cầu của các ngài, cung cấp mọi vật thí cần được cho ra như nước để rửa chân, những loại dầu xức để thoa chân v.v... Cũng như chăm sóc các vị Sa môn hết mức bằng đồ ăn và thức uống v.v... cho bữa

phạn thực của các Ngài. Khi đi đến những vùng khác, ông ta thường nói với vợ rằng "Này hiên thê, hãy tiếp tục chăm lo hình thức bố thí vật thực này như tôi đã sắp xếp nó, đừng để cho nó suy giảm." "Tốt lắm", bà ta đồng ý, nhưng khi ông ta đã đi khỏi rồi thì

bà ta chấm dứt hình thức bố thí mà ông ta đã sắp xếp cho các vị Tỳ kheo. Bà ta thường chỉ cho những người đi đường xa, đến để xin chỗ trú ngụ, một cái láng cũ kỹ đã bị bỏ đi ở sau hè nhà, khi nói rằng, "Các ngươi có thể ở đây". Đối với những người khách lữ hành đi đến đó để xin vật thực và thức uống v.v.. thì bà ta lại nói rằng, "Hãy ăn phẩn, uống nước đái, uống máu; Hãy ăn óc não của mẹ các ngươi!" và nguyền rủa họ bằng tên của bất cứ cái gì nhơ nhuốc và bất tịnh.

Đến đúng thời kì, bà ta chết và bị kéo đi bởi nghiệp lực của bà ta, bà ta tái sanh trong cõi Ngạ quỉ, chịu sự thống khổ tương ứng với ác hạnh về lời nói của bà ta. Khi nhớ đến mối liên quan của chúng trong kiếp trước và muốn đi đến yết kiến Đại Đức Saariiputta, nữ ngạ quỷ đi đến tinh xá của vị ấy, nhưng vị chư Thiên bảo vệ của tinh xá ấy không chịu cho nàng vào tịnh xá. Tương truyền rằng nàng đã từng làm mẹ của Trưởng lão trong kiếp quá khứ cách bốn kiếp về trước. Do đó, nàng bèn nói rằng, "trong kiếp quá khứ của tôi, tôi là mẹ của Trưởng lão Cao quí Saariputta ; xin hãy cho phép tôi đi qua cổng để thăm Trưởng lão." khi nghe qua lời này, những vị chư Thiên bèn cho phép nàng. Khi nàng đã đi vào, đứng ở cuối của con đường kinh hành và hiện ra trước mặt Trưởng lão. Trưởng lão trông thấy nàng, tâm của vị ấy vị rung động bởi lòng bi mẫn và hỏi nàng bằng câu kệ này:

1. "Người trần truồng và có hình tướng ghê tởm, gầy ốm với những đường gân lộ ra. Ngươi là con người gầy ốm, với những xương sườn lồi ra. Bây giờ ngươi là ai, ngươi là ai mà đứng ở đây?

Khi được hỏi bởi Trưởng lão, nàng bèn nói năm câu kệ này để đáp lại:

2. "Tôi chính là mẹ của Ngài trong những kiếp quá khứ khác, nhưng bây giờ tôi đã sanh trong cõi Ngạ quỷ, bị đói và khát.

3. Những thứ quăng bỏ, những đồ khạt nhổ, nước dãi, nước mũi, đờm, mỡ của những xác người đang bị đốt cháy và máu của những người đàn bà đẻ,

4. Và máu từ những vết thương và từ những cái mũi và đầu bị cắt: Do bị đói, tôi đã ăn cái gì dính theo những đàn ông và đàn bà.

5. Tôi ăn mủ máu của gia súc và của loài người, lại không có vật che thân và nhà cửa, phải nằm trên cái giường than.

6. Này con thân, hãy cho giùm mẹ một vật thí, và khi con đã cho rồi, hãy hồi hướng nó đến cho mẹ- chắc vậy, khi ấy mẹ sẽ được tự do, không còn ăn máu và mủ nữa.

Chú giải:

2. Tôi chính là mẹ của Ngài (Ahan te sakiyaa maataa): Tôi chính là mẹ của Ngài, là kẻ đã sanh ra Ngài. TRONG NHỮNG KIẾP QUÁ KHỨ(Pubbe a~n~naasu jaatisu): dầu là mẹ của Ngài nhưng không phải trong kiếp này, mà trong những kiếp quá khứ, trong kiếp trước cách đây bốn kiếp. Đây là cách nên được hiểu, NHƯNG BÂY GIỜ TÔI ĐÃ SANH TRONG CÕI NGẠ QUỶ (Uppannà pettivisaya.m): Nhưng bây giờ tôi đã đi đến cõi Ngạ quỷ do sự tái sanh . CHỊU ĐÓI VÀ KHÁT (Khuppipaasaasamappitaa):bị hành hạ. bởi

cơn đói và khát, nghĩa là bị dày vò bởi ước muốn được ăn và uống không nguôi.

3. ĐỒ ĐƯỢC NÉM RA (Ka.nika.m cha.d.dita.m): đồ được nhổ ra, nôn ra, có nghĩa là đồ ói mửa. ĐỒ KHẠT NHỔ (Khipita.m): Những đồ nhơ uế, đi ra từ cái miệng, bằng sự khạt nhổ. NƯỚC MIẾNG (Khela.m): Nước dãi, NƯỚC MŨI (Siíghaa.nika.m): Những đồ nhơ uế rời khỏi mũi sau khi chảy xuống từ não. ĐỜM: Silesuma.m = Semha.m (thể văn phạm chuyển đổi). MỠ CỦA NHỮNG KẺ BỊ ĐỐT CHÁY:(Vasa~n ca deyhamaanaana.m): Mỡ và dầu của những xác chết đang bị đốt cháy ở trên giàn hoả. VÀ MÁU CỦA ĐÀN BÀ ĐẺ (Vijitaana~n ca lohita.m).:Máu của những người đàn bà đã sanh đẻ, những chất nhơ của cái bào thai được bao gồm bởi chữ "Và"

6. TỪ NHỮNG VẾT THƯƠNG (Vanitaana.m): từ những vết thương mà đã sanh lên. CÁI ĐÓ (Ya.m): Máu - Đây là chữ mà có liên quan đến. TỪ NHỮNG CÁI MŨI VÀ CÁI ĐẦU BỊ CẮT (Ghaana siisacchinna.m): Tôi ăn máu từ những cái mũi và cái đầu bị cắt; Vì tôi cũng ăn máu từ những cánh tay và chân bị cắt v.v..., máu từ những cái nầy cũng được xem là được bao gồm bởi những câu nói "từ những vết thương". BỊ GIÀY VÒ BỞI CƠN ĐÓI (Khudarapataa): bị chế ngự bởi ước muốn được ăn. CÁI GÌ DÍNH THEO NHỮNG NGƯỜI ĐÀN ÔNG VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ (Itthipurisanissita.m): Điều này định rõ rằng nàng ăn cái gì dính theo những thân xác của người đàn ông và của những đàn bà và những vật khác như da, thịt, gân, mủ vv....

5. CỦA SÚC VẬT (Pasuuna.m): của những con dê (Bò, trâu v.v...) KHÔNG CÓ CHỖ CHE THÂN (alenaa): Không có chỗ nương náu. KHÔNG CÓ NHÀ CỬA (Anagaaraa): Không có chỗ trú ngụ. NẰM TRÊN CHIẾC GIƯỜNG ĐEN (nìlama~ncaparaayanaa) nằm trên chiếc giường chứa những vật nhơ bẩn mà đã bị

bỏ đi ở bãi tha ma. Hay, nói cách khác, "đen" (Nìla): chỉ về bãi tha ma có nhiều tro và than cháy đỏ, nghĩa là nằm trên những cái này tựa như là chiếc giường.

6. HÃY HỒI HƯỚNG ĐẾN CHO MẸ (anvaadisaahi me): Hãy cho vật thí rồi hồi hướng nó, bằng cách như vậy, sẽ đem lại lợi ích cho mẹ. CHẮC VẬY, KHI ẤY MẸ SẼ ĐƯỢC THOÁT KHỎI SỰ ĂN MÁU VÀ MỦ (App'eva mama mu~njeyya.m pubbalohitabho janaa): Chắc mẹ sẽ được thoát khỏi kiếp sống sanh làm Ngạ quỉ này, không còn ăn máu và mủ nhờ sự hồi hướng của con.

Khi đã nghe qua điều này, vào ngày hôm sau, Đại đức Saariputta bàn bạt với ba vị Trưởng lão, là Trưởng lão Mahaamoggallaana v.v... Và khi đang đi chung với họ đến thành Vương xá để khất thực, bèn đi đến chỗ ngụ của vua Bimbisaara . Khi đức vua trông thấy Trưởng lão, vua đảnh lễ Trưởng lão và hỏi Trưởng lão về lý do của chuyến viếng thăm: "Bạch Đại Đức, Ngài đến đây có mục đích gì?" Đại đức Mahaamoggallaana báo tin cho đức vua biết về biến cố ấy. Đức vua nói rằng, "Trẫm cho phép Ngài", và rồi tiễn đưa các vị Trưởng lão ra về. Đức vua bảo vị quan của mình lo mọi chuyện và truyền lệnh rằng, "Hãy xây dựng bốn cái cốc gần thành phố, trong một khu rừng, có bóng mát và có nước". Vị ấy chia nhóm thợ trong nội thành ra ba nhóm theo đúng với nghề nghiệp chuyên môn của họ, sai che mái trên Phước xá, rồi tự thân đi đến đó và làm điều gì cần phải làm. Khi những ẩn xá đã hoàn thành, vị ấy sai sửa soạn tất cả

những vật thí cúng dường và tất cả những vật dụng thích hợp như vậy, những thức uống và y phục v.v... Cũng sai chuẩn bị sẳn để mời chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu và rồi trao tất cả phần việc này cho Đại Đức Saariputta. Rồi Đại Đức Saariputta bố thí những thứ này nhân danh Ngạ quỉ ấy, đến chư Tăng từ bốn phương có đức Phật dẫn đầu. Nữ Ngạ quỉ ấy bày tỏ tuỳ hỉ của nàng đến vị ấy và được sanh trong cõi Devaloka (Cõi chư Thiên), có đầy đủ tất cả những gì mà nàng muốn. Vào ngày sau, nàng đi đến Trưởng lão Maahmoggallaana, đảnh lễ Ngài và rồi đứng yên trong khi Trưởng lão hỏi nàng. Nàng bèn kể cho Trưởng lão nghe đầy đủ chi tiếc về cách mà nàng đã sanh làm một Nữ Ngạ quỷ và làm một vị Nữ thần. Vì lý do này có lời nói rằng:

7. "Khi vị ấy đã nghe qua những lời mà mẹ của vị ấy đã phải nói, Upatissa, đầy lòng thương xót, bèn hỏi ý kiến Moggallaana, Anuruddha vaa Kappinà.

8. Vị ấy dựng lên bốn phước xá, rồi cho những phước xá ấy cùng vật thực và thức uống đến Tứ phương Tăng, rồi hồi hướng phước thí ấy đến cho mẹ của Ngài.

9. Ngay khi vị ấy hồi hướng phước thí này thì kết quả hiện ra: vật thực, thức uống và y phục, là quả của Phước thí này.

10. Nhân đó, nàng trở nên thanh tịnh, mặc những y phục tươi sáng và sạch sẽ, mặc những thứ còn mịn hơn vải lụa Kaasi, và được trang sức bằng nhiều loại y phục và những vật trang sức, Nàng đi đến Kolita ."

Chú giải:

8. VỊ ẤY CHO TỨ PHƯƠNG TĂNG: Sa"nghe caatuddise adaa= Caatuddisassa Sa"nghassa adaasi (Thể văn phạm chuyển đổi), nghĩa là vị ấy trao đến cho họ.

Phần còn lại có ý nghĩa đúng như đã được giải rõ rồi.

Rồi Đại Đức Moggallaana hỏi Pèti đó rằng:

11. "Ngươi là người đang đứng với sắc đẹp tuyệt trần, này Devataa, sáng rực lên khắp các hướng như Dược Vương Tinh.

12. Sắc đẹp của ngươi như vậy là do cái gì? Do cái gì mà điều này được thành tựu bởi ngươi ở đây? Và có sanh lên bất cứ dục lạc nào mà ngươi ưa thích?

13. Ta hỏi ngươi, này devì có oai lực lớn, ngươi đã làm việc phước nào khi ngươi còn làm người? do cái gì khiến oai lực của ngươi chiếu sáng như vậy và sắc đẹp của ngươi chói lọi trong các hướng?

Rồi nàng trả lời, khi nói rằng, "Con là mẹ của Saariputta v.v...

Phần còn lại có ý nghĩa đã được giải rõ rồi.

Rồi Đại Đức Moggalaana nêu vấn đề ấy với Đức Thế Tôn Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho những người ấy.

---o0o---

[2.2]

II.03 MẪU QUỈ SỰ (MATTAA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Người trần truồng và có hình tướng thô xấu".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Trúc lâm Viên, liên quan đến một nữ Ngạ quỉ nọ có tên là Mattaa .

Tương truyền rằng, tại Saavatthi có một vị trưởng giả nọ có đức tin và lòng tịnh tín. Vợ của ông ta, là người được biết đến bởi cái tên là Mattaa, không có đức tin cũng không có lòng tịnh tín, lại hay sân hận và không có con. Bấy giờ vị Phú hộ ấy, vì sợ dòng dõi của gia đình sẽ bị tuyệt dứt, bèn lấy một cô vợ khác tên là Tissaa từ một bộ tộc ngang hàng. Nàng có niềm tin và lòng tịnh tín, lại khả ái và hấp dẫn đối với chồng của nàng. Chẳng bao lâu nàng có thai và sau mười tháng hạ sanh một đứa con trai. Tên của nó là Bhuuta . Nàng trở thành nữ chủ của gia đình và hộ độ cho bốn vị Tỳ kheo một cách chu đáo. Người vợ không có con đem lòng ganh tỵ nàng. Một hôm nọ, cả hai cùng gội đầu và đang đứng với tóc ướt. Vị phú hộ đem lòng yêu thương Tissaa vì nàng có những đức tính, và thường đứng nói chuyện với nàng một cách thoải mái. Vì không thể chịu được điều này và đã có lòng ganh tỵ Mattaa, bèn quét nhà và đổ rác mà nàng đã gom lại lên đầu của Tissaa . Đến đúng thời kỳ, nàng chết và sanh trong cõi ngạ quỷ, chịu đau khổ do nghiệp lực của nàng. Sự thống khổ này được biết đến qua bài kinh. Rồi một hôm nọ khi chiều tối, nàng hiện ra trước mặt Tissaa khi nàng đang tắm ở sau nhà. Khi trông thấy Nữ Ngạ quỉ, Tissaa bèn hỏi nàng câu kệ này:

1. "Ngươi trần truồng và có hình tướng thô xấu, gầy ôm với những đường gân lộ ra. Này con người ốm yếu, với những xương sườn lộ ra, bây giờ người là ai, người là ai mà đứng ở đây?

Ngạ quỉ trả lời bằng câu kệ này:

2. Tôi là Mattaa, nàng là Tissà. Tôi là vợ chung chồng với nàng trong kiếp quá khứ. Khi đã làm ác nghiệp, tôi đã ra đi từ đây đến cõi Ngạ quỉ.

Chú giải:

2. Tôi là Mattaa, Nàng là Tissaa (Aha.m mattaa tuva.m Tissaa): Nàng có tên là Tissaa trong khi tôi có tên là Mattaa .

Tissaa hỏi nàng một lần nữa về nghiệp mà nàng đã tạo bằng câu kệ này:

3. Vậy nhiệp gì được làm bởi nàng bằng thân, khẩu hay ý? Do kết quả của nghiệp nào khiến nàng đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ?"

Ngạ quỉ giải thích nghiệp mà nàng đã tạo bằng câu kệ này:

4. Tôi có tánh hung dữ và thô bạo, hay ganh tỵ, hèn hạ và xảo trá. Sau khi đã nói những lời ác về nàng, tôi đã đi từ đây đến cõi Ngạ quỉ."

Chú giải:

4. HUNG DỮ (Ca.n.dii): Có tính sân hận. THÔ LỖ (Pharusaa): Nói lời thô lỗ. NHỮNG LỜI NÓI ÁC (Duruta.m): ác ngữ, ỷ ngữ.

Từ đây trở đi, họ tiếp tục nói chuyện qua lại với nhau bằng những câu kệ này:

5. "Tất cả điều này tôi cũng biết, nàng có sân hận như thế; nhưng có điều khác mà tôi muốn hỏi nàng: Tại sao thân nàng đầy bụi đất?"

6. "Cô đã tắm gội đầu của cô và đã ăn mặc và trang điểm sạch sẽ; tuy nhiên tôi vẫn còn nhiều hơn thế nữa, còn trang điểm nhiều hơn cô.

7. Trong khi tôi nhìn cô nói chuyện với chồng của chúng ta, nhân đó cô đã khiến lòng ganh tỵ mãnh liệt và sân hận sanh đến trong tôi.

8. Khi trông thấy cảnh này, tôi lấy một ít bụi và tung bụi ấy lên người của cô. Chính do kết quả của nghiệp ấy khiến tôi bị phủ đầy bụi".

9. "Tất cả điều này tôi cũng biết, về cách mà nàng đã đổ bụi lên tôi; nhưng có điều khác mà tôi muốn hỏi nàng: Tại sao nàng bị ăn mòn bởi bệnh ghẻ?"

10. "Cả hai chúng ta đều đi đến ven rừng để kiếm những cây thuốc. Cô thì mang về những cây thuốc trong khi tôi mang về cây Kapi kacchu .

11. Rồi chẳng có sự hay biết của cô về nó, tôi đã rải chúng lên giường của cô; chính do kết quả của nghiệp ấy khiến tôi bị ăn mòn bởi bệnh ghẻ ngứa".

12. "Tất cả điều này tôi cũng biết về cách mà nàng đã rải chúng lên giường của tôi. Nhưng có điều khác tôi muốn hỏi nàng: Tại sao nàng bị trần truồng?"

13. "Có một cuộc họp gồm bạn bè, cuộc hội họp của những quyến thuộc; và cô được yêu cầu đi chung với chồng của chúng ta, còn tôi thì không.

14. Rồi lợi dụng khi cô không biết đến, tôi đã lấy đi những y phục của cô. Chính do kết quả của nghiệp ấy khiến tôi bị trần truồng".

15. "Tất cả đều này tôi cũng biết, về chuyện nàng lấy y phục của tôi, nhưng có điều khác tôi muốn hỏi nàng: Tại sao nàng có mùi phẩn?"

16. "Tôi đã quăng những vật thơm, những tràng hoa và những loại dầu đắt giá vào trong nhà xí - ác nghiệp ấy được làm bởi tôi. Chính do quả của nghiệp ấy tôi có mùi phẩn".

17. "Tất cả điều này tôi cũng biết, về ác nghiệp ấy được làm bởi nàng; nhưng có điều khác mà tôi muốn hỏi nàng: Tại sao nàng có kiếp sống đau khổ?"

18. "Bất cứ của cải nào được tìm thấy trong nhà của chúng ta đều thuộc về của hai chúng ta đồng đều nhau. Tuy nhiên dầu những vật thí ở trong tầm tay của tôi, tôi lại không làm nơi nương tựa cho chính tôi. Chính do kết quả nghiệp ấy khiến tôi chịu kiếp sống đau khổ.

19. Rồi ngay cả khi cô nói với tôi rằng: "Chị đang đeo đuổi những ác nghiệp; chắc chắn chẳng phải do những ác nghiệp mà một kiếp sống hạnh phúc dễ dàng đạt đến?"

20. "Nàng đã đến với tôi từ bên trái, và điều tệ hại hơn nữa là nàng đã ganh tỵ với tôi. Hãy xem loại kết quả có được từ những ác nghiệp.

21. Nàng có nhà, có những người hầu và những nữ trang này. Bây giờ những thứ này đã bị những người khác hưởng. Những vật sở hữu không tồn tại mãi mãi.

22. "Cha của Bhuuta bấy giờ đang từ chợ về nhà. Có lẽ ông ta sẽ cho nàng một ít gì đó. Hãy đợi cho đến lúc ấy, đừng đi khỏi đây."

23. "Tôi trần truồng và có hình tướng thô xấu, gầy ốm với những đường gân lộ ra. Điều này sẽ làm xấu hổ cho những người nữ. Đừng để cha của Bhuuta trông thấy tôi".

24. "Thôi được, tôi có thể cho nàng cái gì đây, hoặc tôi có thể làm gì cho nàng để nàng có thể được hạnh phúc và có đầy đủ tất cả những gì nàng muốn?".

25. "Bốn Tỳ kheo là Chư Tăng, và bốn vị là bốn bậc - Hãy tiếp đãi tám vị Tỳ kheo này và hồi hướng phước thí ấy đến cho tôi. Rồi tôi sẽ được hạnh phúc và có đầy đủ tất cả những gì mà tôi muốn".

26. "Tốt lắm!" Nàng đồng ý. Nàng cúng dường vật thực đến tám vị Tỳ kheo, mặc y phục cho họ và hồi hướng phước thí ấy đến cho nàng.

27. Ngay khi Tiissaa hồi hướng phước thí này thì kết quả hiện ra: vật thực, y phục, và thức uống, là kết quả của phước thí này.

28. Nhân đó nàng trở nên thanh tịnh, mặc y phục sạch sẽ và tươi sáng, mặc những thứ tốt hơn vải Kaasi và, được trang sức bằng nhiều loại y phục và những vật trang sức, nàng đi đến người vợ chung chồng với nàng.

29. "Ngươi là người đứng với sắc đẹp tuyệt trần, Này Devataa, khi chiếu sáng khắp các hướng như Dược vương tinh.

30. Sắc đẹp của ngươi như vậy là do cái gì? Do cái gì mà điều này được thành tựu cho ngươi ở đây và sẽ có sanh lên bất cứ cái gì mà tâm của ngươi quá thích?

31. Ta hỏi ngươi, này Devata, có đại oai lực, ngươi đã làm việc phước nào khi ngươi còn làm người? Oai lực sáng chói của ngươi như vậy là do cái gì và sắc đẹp của ngươi chiếu sáng khắp các hưởng?"

32. "Tôi là Mattaa, cô là Tissaa. Tôi là người vợ chung chồng của cô trong quá khứ. Sau khi đã làm ác nghiệp tôi đã đi từ đây đến cõi Ngạ quỉ; Nhưng bây giờ, do vật thí được cho bởi cô, tôi được an lạc, chẳng có gì để sợ từ bất cứ hướng nào.

33. Này em gái, cầu chúc em được trường thọ, cùng với tất cả những quyến thuộc của em, và cầu chúc em đạt đến thế giới của những vị Vasavatti, là chỗ mà không có sầu muộn và ô nhiễm.

34. Hãy xử sự ở đây cho đúng chánh pháp và hãy cho ra những vật thí, hỡi cô gái xinh đẹp; Hãy đoạn trừ bợn nhơ của lòng ích kỷ cùng với cội rễ của nó và đi về cõi chư Thiên mà không mang theo tội gì".

Chú giải:

5. TẤT CẢ ĐIỀU NÀY TÔI CŨNG BIẾT RẰNG NÀNG ĐÃ NÓNG GIẬN NHƯ THẾ NÀO (Sabba.m aha.m pi jaanaami yathaa tva.m ca.n.dikaa ahu): "Tôi là người có tánh sân hận và cộc cằn thô lỗ", đó là câu mà nàng đã nói, tôi cũng biết tất cả những điều này - rằng nàng sân hận như thế nào, có tánh nóng giận, nói lời thô lỗ, ganh tỵ, hèn hạ và xảo trá. NHƯNG CÓ ĐIỀU KHÁC MÀ TÔI MUỐN HỎI NÀNG (a~n~na~n ca kho tva.m pucchaami): Nhưng bây giờ có điều khác mà tôi muốn hỏi nàng. TẠI SAO NÀNG BỊ LẤM ĐẦY BỤI NHƯ THẾ (Kenaasii Pa.msugu.n.thitaa). Do nghiệp nào nghiệp nào khiến nàng bị phủ đầy bụi và rác

rưởi như thế, nghĩa là do nghiệp gì mà bụi và rác phủ đầy trên khắp thân thể của Nàng?

6. CÔ ĐÃ GỘI ĐẦU (Siisa.mnahaataa): Cô đã tắm từ đầu xuống. CÒN NHIỀU HƠN THẾ NỮA (adhimatta.m): Nhiều hơn vô chừng. ĐƯỢC TRANG SỨC CÒN NHIỀU HƠN (Sa mala.nkataraa): Được trang sức hoàn toàn và rất lộng lẫy. Một cách đọc hoán chuyển là vô cùng (Adhimattaa): Say đắm cực kỳ, say đắm trong xảo trá và ngã mạn, nghĩa là nói xiêng nói xỏ. HƠN CÔ (Tayaa): Hơn cô, cô em ạ.

7. CÔ NÓI CHUYỆN VỚI CHỒNG CỦA CHÚNG TA (Saamikena samantayi): Cô nói với chồng của chúng ta, nghĩa là nói với một người khác.

9. BỊ ĂN MÒN BỞI BỆNH GHẺ NGỨA (Khajjaasi kacchuyaa): Bị gặm r.ta bởi bệnh ghẻ ngứa, bị hành hạ bởi nó.

10. KIẾM NHỮNG CÂY THUỐC; Bhesajjahaarii= Bhesajjahaariniyo (Thể văn phạm hoán chuyển); Đi hái thuốc. CẢ HAI CHÚNG TA (Ubhayo): Hai người chúng ta, nghĩa là tôi và cô. ĐẾN VEN RỪNG (Vananta.m): Đến KHU rừng. CÔ ĐEM VỀ NHỮNG CÂY THUỐC (Tva~n ca Bhesajja.m aahari): Cô đem về những cây thuốc mà sẽ có lợi cho cô, đúng như đơn kê của thầy thuốc TRONG KHI ĐÓ TÔI ĐEM VỀ NHỮNG CÂY Kapikacchu (aha~nca kapikacchuno): Trong khi đó tôi đem về những trái mà ai chạm vào thì bị ngứa ngáy. Kapikacchu được gọi theo cách khác là, "Saya.mguttaa ", trong trường hợp đó, nó có ý nghĩa là tôi đem về những lá và trái Saya.mgutta .

11. TÔI RẢI CHÚNG TRÊN GIƯỜNG CỦA CÔ (Sayya.m ty aaha.m samokiri.m): Tôi Rải khắp trên giường của cô những lá và trái Kapikacchu .

13. CỦA NHỮNG BẠN BÈ (Sahaayaana.m): của những người bạn. MỘT CUỘC HỘI HỌP (Samayo): Một cuộc họp. CỦA NHỮNG QUYẾN THUỘC (~Natiina.m): của những người bà con. MỘT CUỘC TỤ HỌP VỚI NHAU (Samitii). Một cuộc quay quần. YÊU CẦU (aamantitaa): Được mời đến dự hội. THEO CÙNG VỚI CHỒNG CỦA CHÚNG TA (Samaaminii): Cùng với chúa của chúng ta, nghĩa là cùng với người mà bảo dưỡng chúng ta. NHƯNG TÔI THÌ KHÔNG (No ca kho' ha.m): Nhưng tôi thì không được mời - Đây là cách nên được hiểu.

14. TÔI... Y PHỤC CỦA CÔ: Dussa.m ty aaha.m = Dussa.m te aha.m (Phối hợp cách). LẤY ĐI (apaanudi.m) chộp lấy, lấy đem đi bằng sự trộm cắp.

16. ĐẮT GIÁ (Paccaggha.m): Tốt, rất đắt giá. TÔI NÉM (Athaaresi.m): Tôi quăng, MÙI CỦA PHÂN (Guudhagandhinii): Có mùi phân, bốc lên mùi phân.

18. BẤT CỨ CỦA CẢI NÀO SẼ ĐƯỢC TÌM THẤY TRONG NHÀ CỦA CHÚNG TA (Ya.m Gehe vijjite dha na.m): Bất cứ tài sản nào có được trong nhà của chúng ta đều thuộc về cả hai chúng ta như là những người quyến thuộc, thuộc về cô và tôi ngang nhau. Ở TRONG TẦM TAY (Santesu): Được biết đến.

19. Khi Peti ấy đã giải thích những điểm về những điều mà nàng được hỏi đến bởi Tissaa, nàng bèn nói thêm một lần nữa rằng. "Ngay cả khi ấy cô nói với tôi" v.v... để thú nhận lỗi lầm mà nàng đã cảm thấy do trước kia không nghe những lời khuyên của Tissaa . Ở đây, NGAY CẢ KHI ẤY (Tad'eva): Ngay cả khi ấy, trong thời gian mà tôi còn là người. VỚI TÔI (Ma.m): Nàng chỉ về chính nàng. CÔ (Tva.m): Tissaa . ĐÃ NÓI (avaca): Đã bảo, "Chị đang đeo đuổi những ác nghiệp" được nói ra để cho thấy cách mà nàng đã nói. Bài kinh có đoạn, "Những ác nghiệp". Nàng chỉ làm những ác nghiệp nên một kiếp sống hạnh phúc không dễ gì đạt được bởi những ác nghiệp ấy, một kiếp sống đau khổ dễ dàng đạt được thì đúng hơn. Nàng nói rằng, bây giờ điều ấy đã xảy ra đúng như cách mà trước kia người bạn chung chồng của nàng đã khuyên nàng.

Khi nghe qua điều này, Tissaa bèn nói lên ba câu kệ bắt đầu rằng, "Nàng đến với tôi từ phía bên trái".

20. Ở đây - NÀNG ĐẾN VỚI TÔI TỪ PHÍA BÊN TRÁI (Vaamato ma.m tva.m paccesi): Nàng đã có quan niệm sai trái về tôi. Dầu tôi muốn nàng được hạnh phúc, nhưng nàng vẫn cho tôi là hành động một cách thù địch. NÀNG CÓ LÒNG GANH GHÉT TÔI: Ma.m usuyyasi = Mayha.m usuyyati (Thể văn phạm chuyển đổi), Nàng ganh tỵ tôi. HÃY XEM LOẠI KẾT QUẢ CÓ ĐƯỢC TỪ NHỮNG ÁC NGHIỆP (passa paapaana.m kammaana.m vipaako hoti yaadiso): Cô ta nói rằng, "Chính nàng hãy xem loại kết quả có được từ những ác nghiệp, và sự kinh khủng của nó".

21. BÂY GIỜ NHỮNG THỨ NÀY ĐƯỢC HƯỞNG BỞI NHỮNG NGƯỜI KHÁC (Te a~n~ne Paricaarenti): Những căn nhà này, những người hầu và những tư trang này mà trước kia nàng đã sở hữu, bây giờ được hưởng được dùng bởi những người khác. NHỮNG THỨ NÀY (Ime) được nêu ra bằng sự méo mó về giống tánh. NHỮNG VẬT SỞ HỮU KHÔNG MÃI TỒN TẠI (Na bhogaa honti sassataa): Những vật sở hữu này quả thật không tồn tại mãi mãi, không bền vững, chỉ tồn tại lâu bằng thời gian của một người trong một kiếp sống và phải bị bỏ lại

khi đi sang một kiếp sống mới. Do đó, vì điều này, không nên nuôi dưỡng lòng ganh tỵ và bỏn xẻn - Đây là ý nghĩa.

22. CHA CỦA BHUUTA BÂY GIỜ THÌ (Idaanii Bhuutassa pitaa): Cha của (Bhuuta), của con trai tôi, là người đàn ông giàu có, bây giờ. TỪ CHỢ VỀ: aapa.naa = aapa.nato (thể văn phạm hoán chuyển); đang đến, đang trở về ngôi nhà này. CÓ LẼ ÔNG TA SẼ CHO NÀNG MỘT CÁI GÌ ĐÓ (App'eva te dade ki~nci): Khi vị phú hộ đã về nhà thì có thể ông ta sẽ cho nàng một cái gì đó đáng được cho như một phước thí. Đừng đi khỏi đây. CHO ĐẾN KHI ẤY (Maasu taava ito agaa): Nàng nói do lòng bi mẫn, "Đừng đi khỏi đây, khỏi

hè nhà này, cho đến khi ấy."

23. Khi đã nghe qua điều này, Nữ Ngạ quỷ ấy bèn nói lên câu kệ bắt đầu rằng, "Tôi trần truồng và có hình tướng thô xấu", để cho biết rằng nàng đã cảm thấy có trắc ẩn trong lòng. Ở đây, ĐIỀU NÀY THẬT XẤU HỔ CHO NHỮNG ĐÀN BÀ (Koniinam eta.m itthiina.m): Sự trần truồng và xấu xí này mà làm xấu hổ cho những người đàn bà cần phải được tránh xa, bởi vì nó cần được che đậy. ĐỪNG ĐỂ CHA CỦA BHUUTA TRÔNG THẤY TÔI (Maa maa.m Bhuutapitaaddassa): "Do đó, đừng để cha của Bhuuta, người đàn ông giàu có ấy, thấy tôi", nàng nói một cách hổ thẹn.

24. Khi đã nghe điều này, Tissaa đầy ước muốn giúp đỡ và đọc lên câu kệ bắt đầu bằng, "Thôi được, tôi có thể giúp nàng cái gì đây?" "Ở đây THÔI ĐƯỢC (Handa): là một mạo tự được đặt trong Metri causaa . TÔI CÓ THỂ CHO NÀNG CÁI GÌ? kin t'aha.m dammi=kin te aha.m dammi (Cách phối hợp); tôi sẽ cho nàng vật thực hay y phục? HAY TÔI CÓ THỂ LÀM GÌ CHO NÀNG? (kin vaa ca te karom 'aha.m): Hay tôi có thể giúp đỡ gì khác cho nàng ở đây vào lúc này?

25. Khi nghe qua điều này, Petii bèn nói lên câu kệ rằng. "Bốn vị Tỳ kheo là của Tăng". Ở đây, BỐN VỊ TỲ KHƯU LÀ CỦA TĂNG VÀ BỐN VỊ LÀ BỐN BẬC (Cattaaro Bhikkhuu Sanghato cattaaro pana puggale). Hãy tiếp đãi tám vị Tỳ kheo như thế một cách đầy đủ và hồi hương phước thí ấy đến cho tôi, xin hãy bố thí giùm cho tôi vật thí rồi hãy hồi hướng. Rồi tôi sẽ được hạnh phúc và sẽ có dồi dào tất cả cái gì mà tôi muốn.

Khi nghe qua điều này, Tissaa bèn báo tin cho chồng của nàng biết vấn đề ấy, và vào ngày hôm sau vị ấy cúng dường vật thực đến tám vị Tỳ kheo và hồi hướng phước thí đến cho nàng, Ngay tức thì nàng đạt được sự vinh quang của cõi trời và lại đi đến Tissaa một lần nữa. Để chứng minh vấn đề này, những vị kiết tập Tam Tạng đã lồng vào ba câu kệ, bắt đầu bằng: "Tốt lắm, nàng đồng ý". Khi nàng đứng

ở đó sau khi đã đến, Tissaa bèn hỏi nàng ba câu kệ như sau, "Nàng là người đứng đó với sắc đẹp siêu phàm". Người kia bèn cho nàng thấy chân tướng của mình bằng câu kệ rằng, " Tôi là Mattaa ", và bày tỏ sự tuỳ hỷ của nàng bằng câu kệ rằng, "Cầu chúc cho cô được sống lâu", sau đó sách tấn nàng bằng câu kệ rằng, "Hãy xử sự ở đây theo đúng với chánh pháp".

32. Ở đây, ĐƯỢC CHO BỞI NÀNG: Tava di.n.nena = Tayaa dinnena (Thể văn phạm chuyển đổi).

33. CHỖ MÀ KHÔNG CÓ SẦU KHỔ HAY Ô NHIỄM (Asoka.m viraja.m .thaana.m): Cõi trời là chỗ không sầu khổ do không có sự sầu khổ và ô nhiễm, vì sự vắng mặt của mồ hôi và bụi bặm. Nàng nói tất cả điều này liên quan đến cõi Devaloka . CHỖ Ở CỦA NHỮNG VỊ VASAVATTI (Vasavattina.m): Trong những người vận dụng năng lực của họ (Vattaana.m) bằng quyền lực của chư Thiên.

34. CÙNG VỚI CỘI RỄ CỦA NÓ (Samuula.m): cùng bợn nhơ của tham, vì bợn nhơ của tham quả thật là căn cội của lòng ích kỷ. KHÔNG CHÊ TRÁCH (Aninditaa): không có sự quở trách, đáng khen ngợi. ĐI ĐẾN NƠI THIÊN GIỚI (Sagga.m upehi .thaana.m): Cầu

chúc cho nàng đạt được thiên giới (Sagga.m), vì nó là tối cao về các dục trần của nó, là những cái mà có thể thấy được v.v... Phần còn lại thì tự nó đã rõ ràng rồi.

Rồi Tissaa nêu lên vấn đề ấy với người đàn ông giàu có. Người đàn ông giàu có ấy nêu vấn đề với các vị Tỳ kheo và các vị Tỳ kheo nêu vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy đó làm vấn đề cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp cho hội chúng đã hội họp ở đó. Khi họ đã nghe thời pháp này, thì những người ấy, khi đã có sự động tâm, bèn đoạn trừ bợn nhơ về lòng bỏn xẻn v.v... Và thiên về giới đức, sự bố thí v.v... và được quyết định sanh về thiên giới.

---o0o---

II.04 NAN ĐÀ QUỈ SỰ (NANDAA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Ngươi có sắc tướng nám đen và thô xấu".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Jetavana, liên quan đến một nữ Ngạ quỉ tên là Nandaa .

Tương truyền rằng, trong một ngôi làng nọ không cách xa thành Saavatthi có một vị thiện nam tên là Nandasena, có đức tin và lòng tịnh tín. Tuy nhiên, vợ của ông ta

tên là Nandaa, không có đức tin cũng không có lòng tịnh tín, thấp hèn, có tánh nóng nảy và hay nói lời thô lỗ; Nàng bất kính và không tuân phục chồng của nàng, lại còn lăng mạ chửi mắng mẹ chồng bằng giọng oang oang như cái trống ch?u. Đến đúng thời kỳ, nàng chết và tái sanh trong cõi Ngạ quỉ ở chỗ không xa ngôi làng ấy. Và một hôm, nàng hiện ra không cách xa vị Thiện Nam Nadasena trong khi ông ta đang rời khỏi ngôi làng ấy. Khi ông ta trông thấy nàng, bèn nói với nàng câu kệ này:

1. Nàng có hình tướng nám đen và thô xấu, trông xấu xí và dữ dằn, có mắt đỏ và răng dài lồi ra. Ta không nghĩ rằng nàng có thể là người được.

Chú giải:

1. Ở đây, NÁM ĐEN (Kaa"nii): Có sắc tối; giống như những cục than đã bị đốt cháy. THÔ XẤU (Pharusaa): Thô thiển. TRÔNG DỮ DẰN (Bhiirudassanaa): Trông kinh khiếp, dễ sợ. Một cách đọc hoán chuyển khác là Bhaarudassanaa, trông tối đen, nghĩa là khó nhìn do sự thô xấu của nàng v.v... ĐỎ (Pingala): Có mắt đỏ. DÀI LỒI RA (Kalaaraa): Những cái răng dài, lồi ra. Ta nghĩ rằng nàng chỉ là một Ngạ quỷ. Đây là ý nghĩa.

Khi nghe qua điều này, Ngạ quỷ bèn nói lên câu kệ để giải thích rằng nàng là ai:

2. "Tôi là Nandaa, này Nandasena, tôi là vợ của anh trong quá khứ. Sau khi đã làm ác nghiệp, tôi đã ra đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ."

Chú giải:

2. TÔI LÀ NANDAA, NÀY NANDASENA (aha.m nandaa nandasena): Thưa chồng Nandasena, Tôi tên là Nandaa . TÔI LÀ VỢ CỦA ANH TRONG QUÁ KHỨ (Bhariyaa te pure ahu.m): Tôi là vợ anh của anh trong kiếp quá khứ.

Sau câu kệ này là câu hỏi của vị Thiện Nam:

3. "Bây giờ ác nghiệp nào được làm bởi nàng từ thân, khẩu hoặc ý. Do kết quả của nghiệp nào khiến nàng phải ra đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ?"

Rồi nàng trả lời vị ấy, khi nói rằng:

4. Tôi có tánh nóng nảy, thô bạo, và cũng không có lòng tôn kính đối với ông. Sau khi đã nói những lời ác về ông, tôi đã đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ."

Vị Thiện Nam lại nói rằng:

5. "Ở đây, ta sẽ cho nàng chiếc áo choàng của ta: Hãy mặc vào chiếc áo choàng này. Khi đã mặc chiếc áo choàng này rồi, thời hãy đến và ta sẽ dẫn nàng về nhà.

6. Những y phục, đồ ăn và thức uống nàng sẽ có được khi nàng đã đi về nhà. Và nàng sẽ nhìn thấy những đứa con trai của nàng và thăm những nàng dâu của nàng".

Rồi nàng nói hai câu kệ này với vị ấy:

7-8. "Cái gì được cho từ tay của ông vào trong tay của tôi thì không có ích lợi gì cho tôi. Nhưng hãy làm thoả mãn bằng đồ ăn và thức uống đến các vị Tỳ kheo có giới đức, đã thoát khỏi tham, và hãy bố thí đến những kẻ nghe nhiều, rồi hồi hướng phước thí ấy đến cho tôi. Thời tôi sẽ được hạnh phúc và có dồi dào những gì tôi muốn".

Ba câu kệ này được nói bởi những vị kiết tập Tam tạng:

9. "Tốt lắm!" Vị ấy đồng ý và phân phát nhiều vật thí - đồ ăn, thức uống, Vật thực cứng, y phục và chỗ ngụ, dù che, những vật thơm và những tràng hoa, và nhiều loại trầm hương khác đến các vị Tỳ kheo có giới đức, không có tham, và đến những Bậc Đa văn. Sau khi đã làm thoả mãn họ bằng đồ ăn và thức uống, ông ta hồi hướng phước thí đến cho nàng.

10. Ngay khi vị ấy hồi hướng phước thí này thì kết quả hiện ra, vật thực, y phục và thức uống là kết quả của việc bố thí này.

11. Nhân đó, nàng trở nên thanh tịnh, được mặc y phục sạch sẽ và tươi sáng, mang những thứ tốt hơn vải Kasii và, được trang sức bằng nhiều loại y phục và những vật trang sức, nàng đi đến chồng của nàng".

Từ đây trở đi là những câu kệ về sự trao đổi chuyện trò giữa vị Thiện Nam và Ngạ quỷ.

12. Nàng là người đứng với sắc đẹp tuyệt trần, này Devataa, chiếu sáng rực lên khắp các hướng như Dược Vương Tinh.

13. Sắc đẹp của nàng như vậy là do cái gì? Do cái gì mà điều này được thành tựu bởi nàng ở đây và sẽ còn sanh lên bất cứ lạc thú nào mà tâm của nàng ưa thích?

14. Ta hỏi nàng, này Devii có đại oai lực, nàng đã làm việc phước nào khi còn làm người? Do cái gì khiến oai lực của nàng sáng chói như vậy và sắc đẹp của nàng chiếu sáng khắp các hướng?"

15. "Tôi là Nandaa, thưa ông Nandasena, tôi là vợ của ông trong quá khứ. Sau khi làm việc ác, tôi đã đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ. Nhưng bây giờ, do vật thí được cho đến bởi ông, tôi được sung sướng, chẳng có gì để sợ từ bất cứ hướng nào.

16. Cầu chúc cho ông được sống lâu, cùng với tất cả những quyến thuộc của ông, và cầu chúc ông đạt đến chỗ ở của những vị Vasavatti, chỗ mà không sầu muộn và ô nhiễm.

17. Hãy xử sự ở đây theo đúng với chánh pháp và cho ra những vật thí, này gia chủ; hãy đoạn trừ bợn nhơ của lòng ích kỷ cùng với căn cội của nó, và đi đến thiên giới mà không mang theo tội lỗi gì?

Chú giải:

9. PHÂN PHÁT NHIỀU VẬT THÍ (Daana.m vipula.m aakiri): Mở ra một cuộc bố thí vĩ đại tựa như rải ra những hạt giống phước thí trên mảnh ruộng của những người đáng thọ lãnh những vật cúng dường.

Phần còn lại giống như câu chuyện ngay ở trước.

Khi nàng đã giải thích như vậy với Nandasena về sự vinh quang thần thiên của nàng và nguyên nhân của nó, nàng bèn đi đến chỗ ngụ của chính nàng. Vị Thiện Nam nêu ra vấn đề ấy với các vị Tỳ kheo và các vị Tỳ kheo nêu vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấylàm nguyên nhân cần thiết đã sanh khởi và thuyết pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó. Thời pháp đem lại lợi ích cho những người ấy.

---o0o---

II.05 NHĨ HOÀN NỮ QUỶ SỰ

"Trên người có trang sức, mang những vòng tai sáng bóng".

Pháp thoại nàng được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Jetavana, liên quan đến DevaPutta MatthaKu.n.dali . Ở đây bất cứ điều gì được nói đến đều đã được nêu ra trong thiên cung sự về Matthaku.n.dali, trong bộ thiên cung sự thuộc phần chú giải nội dung ý nghĩa; và do đó nên được hiểu đúng như đã được trình bày ở đó.

Trong trường hợp này, đó chính là câu chuyện về Devaputta Matthaku.n.dali từ khi vị ấy trở thành một Vimaana Devataa trở đi. Cha của vị ấy là một Bà la môn Adinnapubbaka, đã đi đến bãi tha ma do nỗi ưu bi vì bị mất đứa con trai của ông ta, và đang đi quanh chỗ thiêu xác đứa con mà khóc lóc trong khi vị thiên tử, với mục đích làm vơi đi nỗi ưu bi của người cha, bèn bỏ đi cái lốt chư Thiên của vị ấy và hiện ra làm một Petaa đầy đau khổ, và với hai cánh tay được xiết lại trong nỗi sầu muộn, đang và kêu khóc, "ôi, mặt trăng ôi mặt trời!" Cho dù nó được bao gồm trong bộ kinh thiên cung sự, nhưng câu chuyện về vị ấy phải được xem là cũng được bao gồm trong bộ kinh Ngạ quỷ sự; lý do là bất cứ ai mà từ bỏ kiếp sống làm người cũng có thể được đề cập qua tên gọi là Peta .

---o0o---

II.06 HẮC QUỶ SỰ (KA.NHA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Hãy dậy, thưa Ka.nha, tại sao ngài nằm như thế?"

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Jetavana, liên quan đến một vị Thiện Nam có đứa con trai đã chết.

Tương truyền rằng, tại Saavatthi, đứa con trai của một vị Thiện Nam nọ đã chết. Bị đâm thủng bởi cây tên sầu muộn, ông ta không tắm, không ăn, không làm việc, không đi hầu Đức Phật, chỉ nói lảm nhảm mà thôi, khi nói rằng, "con đâu rồi, này con trai bé bỏng yêu quí của cha? con đã vội vàng đi đâu mà bỏ lại ta?" v.v... Bậc Đạo sư khi đang dò xét thế gian vào lúc hừng sáng, trông thấy khả năng của ông ta có thể chứng đắc quả Thánh Tu-Đà-Hườn. Và vào ngày hôm sau, Ngài đi đến Saavatthi để khất thực, được vây quanh bởi chúng Tỳ kheo. Khi Ngài đã thọ thực xong, Ngài cho các vị Tỳ kheo ra về, rồi đi với người thị giả, là Trưởng lão Aanada, đến cửa nhà của ông ta. Những người hầu báo tin cho vị thiện nam biết rằng Bậc Đạo sư đã đến, và rồi thỉnh Bậc Đạo sư ngồi trên chỗ ngồi mà họ đã soạn sẵn. Rồi họ đi tìm vị Thiện Nam và dẫn ông ta đến trước Bậc Đạo sư. Khi ông ta trông thấy Ngài, bèn ngồi xuống một bên. Ngài hỏi rằng, "Này Thiện Nam, chuyện gì thế, có phải ngươi đang than khóc đó chăng?" Khi ông ta nói rằng, "Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn"; Ngài bèn nói rằng, "Này ông Thiện Nam, các bậc trí tuệ ngày xưa đã nghe một câu chuyện từ các bậc Trí tuệ và không khóc than cho đứa con

trai đã chết". Và khi được thỉnh cầu bởi ông ta, Ngài bèn kể lại câu chuyện xa xưa ấy.

Tương truyền rằng, đã lâu, trong thành phố Dvaaravatii có mười vị hoàng tử - Vaasudeva, Baladeva, candadeva, Suriyadeva, Aggideva, Varunadeva, Ajjuna, Pajjuna.m, Gha.tapa.n.dita và A"nkura . Trong những vị hoàng tử này, đứa con yêu dấu của Đại vương Vaasudeva đã chết. Đức vua sầu khổ trước biến cố này; Vua bỏ bê tất cả mọi phận sự của mình, ôm ghì lấy chiếc giường của vị ấy và rồi nằm nói chuyện lảm nhảm. Lúc bấy giờ, Ghatapa.n.dita suy nghĩ rằng, "Ngoài ta ra, không ai có thể diệt trừ nỗi ưu bi của anh ta được. Ta sẽ diệt trừ nỗi ưu bi của anh ta bằng một mẹo." Bởi vậy, vị ấy giả làm một người điên, và khi nhìn lên bầu trời, đi rảo khắp thành phố mà nói rằng, "Hãy cho tôi con thỏ! Hãy cho tôi con thỏ!", và toàn thể thành phố đã dao động khi nghe tin rằng Gha.tapa.n.dita đã điên loạn. Lúc bấy giờ, vị quan cố vấn đặc biệt của Đức Vua, có tên là Rohineyya, đi đến vua Vaasudeva và nói lên câu kệ này để khởi chuyện với Đức vua:

1. "Hãy dậy, thưa Ka.nha, tại sao ngài nằm đó? Sự mơ tưởng đem lại lợi ích gì cho ngài? Người mà là em trai của ngài, là quả tim của ngài, là con mắt phải của ngài, đã bị áp đảo bởi những cơn gió -vị ấy đang khao khát một con thỏ, thưa Kesava!"

Chú giải:

1. KA.NHA (Kanha) : Vị ấy gọi Vaasuladeva bằng tên họ. MƠ TƯỞNG CÓ LỢI ÍCH GÌ CHO NGÀI? (Ko attho supinena te): quả thật vậy, bằng sự mơ tưởng có lợi ích gì cho Ngài? NGƯỜI EM RUỘT (Sakobhaataa): Đứa em cùng một mẹ. QUẢ TIM CỦA NGÀI VÀ LÀ CON MẮT PHẢI CỦA NGÀI (Hadaya.m cakkhun ca Dakkhi.na.m): Nghĩa là người mà giống y như quả tim và con mắt của Ngài. ĐÃ BỊ ÁP ĐẢO BỞI NHỮNG TRẬN GIÓ (Tassa

vaataa, baliiyanti): Những cơn gió điên cuồng, tiếp tục sanh khởi trong người của vị ấy, đã mạnh lên, gia tăng và áp đảo vị ấy. VỊ ẤY ĐANG KHAO KHÁT (Jappati): Vị ấy đang nói lảm nhảm rằng. "hãy cho tôi con thỏ!" KESAVA (kesava): Tương truyền rằng vị ấy được gọi là Kesava vì mái tóc xinh đẹp của vị ấy; vị quan kia đang gọi là vị ấy bằng cái tên này.

Bậc Đạo sư, là người đã trở thành Bậc Chánh Đẳng giác, khi ấy nói lên câu kệ này để làm sáng tỏ tánh cách mà vị ấy ngồi dậy khỏi chiếc giường khi nghe qua những lời này:

2. "Khi nghe qua những lời của Rohineyya, Kesava vội vã đứng dậy, vì ưu bi cho em trai của vị ấy!"

Đức vua đứng dậy và vội vàng đi xuống hoàng cung và rồi đi đến trước mặt của Cha.tapa.n.dita, nắm chắc vị ấy bằng cả hai tay, và khi nói chuyện với vị ấy, đã nói lên ba câu kệ này:

3. "Tại sao em, như một người điên, nói nhảm rằng, "con thỏ, con thỏ!" quanh khắp cả Dvaaraka này? Em muốn loại thỏ nào?

4. Thỏ bằng vàng? bằng ngọc? thỏ bằng đồng? ngay cả thỏ làm bằng bạc? hay thỏ làm bằng những loại đá quí? Chẳng hề gì, anh sẽ sai làm con thỏ ấy để cho em.

5. Cũng có những con thỏ bé nhỏ khác mà rảo đi trong những khu rừng. Anh cũng sẽ mang về cho em những con thỏ này. Em muốn loại thỏ nào?

Chú giải:

3. NHƯ MỘT NGƯỜI ĐIÊN (Ummattaruupo): Như người bị điên. KHẮP (Kevala.m): Toàn thể. DVAARAKA (dvaaraka.m): Dạo đi quanh thành phố Dvaaraka này. NÓI LẨM BẨM RẰNG, "THỎ, THỎ!" (Saso saso ti lapasi): Nói lẩm bẩm "Thỏ, thỏ!"

4. CON THỎ BẰNG VÀNG: Sova.n.namaya.m = Suva.n.namaya.m (Thể văn phạm hoán chuyển). CON THỎ BẰNG ĐỒNG (Lohamaya.m): Con làm bằng đồng đỏ. CON BẰNG BẠC (Ruupiyamaya.m): Con làm bằng loại đồng tiền bằng bạc.

5. Vị ấy dỗ ngọt Chatapa.n.dita bằng con thỏ, với ý định khám phá nhu cầu cần con thỏ của người kia, khi nói rằng. "Hãy nói cái gì mà em muốn. Tại sao ưu bi? Cũng có những con thỏ bé nhỏ khác rảo đi ở những đám cây trong rừng. Anh sẽ đem về cho em những thứ này, nếu em chỉ cần nói ra, Hỡi người bạn đáng kính, em cần loại thỏ nào?"

Khi nghe qua điều này, Gha.tapa.n.dita nói lên câu kệ này:

6. "Em không muốn con thỏ ấy, là những con thỏ mà ở trên đất. Em muốn con thỏ từ mặt trăng. Hãy đem con thỏ ấy xuống cho em này Kesava !"

Chú giải:

6. Ở đây, ĐEM XUỐNG: ohara= ohaarehi (Thể văn phạm chuyển đổi). Khi đức vua nghe điều này, vị ấy trở nên thất vọng, khi nghĩ rằng, "Không nghi ngờ gì em của ta đã trở thành như một người điên", và nói lên câu kệ này:

7. Bây giờ! Này người thân của ta, chắc chắn em đã quăng đi đời sống ngọt ngào của em rồi. Em khao khát cái mà không nên khao khát khi em muốn con thỏ từ mặt trăng".

Chú giải:

7. NGƯỜI QUYẾN THUỘC CỦA TA (~naati): Vị ấy nói với đứa em trai. Bây giờ ý nghĩa ở đây là như thế này: "Này người quyến thuộc thân yêu của ta, ta nghĩ rằng em đã quăng bỏ đời sống ngọt ngào của em vì em đã ao ước cái mà không nên ao ước".

Khi Cha.tapa.n.dita nghe điều mà Đức vua đã phải nói, vị ấy đứng bất động ở đó và nói rằng: "Thưa anh, như anh biết rằng sẽ có mất mát đời sống cho một người mà khao khát con thỏ từ mặt trăng, không thể có được nó, Tại sao anh cứ kêu than về một đứa con trai đã chết, là kẻ mà anh không thể có được?" Và nói lên câu kệ để giải thích quan điểm này:

8. Này Ka~nha, nếu anh biết cách mà anh dùng để khuyên những người khác như vậy; Tại sao chính ngày hôm nay, anh lại than vãn cho một đứa con trai đã chết trong quá khứ rồi?"

Chú giải:

8. Ở đây, NẾU ANH BI?T NHƯ VẬY, NÀY KA.NHA (Eva.m ca ka.nha jaanaasi) Nếu anh biết như vậy, này anh, hỡi Đại vương Ka.nha, rằng một điều mà không thể được thì không nên khao khát. CÁCH MÀ ANH KHUYÊN NHỮNG NGƯỜI KHÁC (Yath' a~n~na.m): Và dầu đã biết rõ điều này, tuy thế anh lại không hành động theo cách mà anh khuyên những người khác. Tại sao anh than vãn cho một đứa con trai mà đã chết từ hơn bốn tháng rồi? Như vậy, trong khi đứng ở giữa con đường, vị ấy nói rằng, "ít ra tôi chỉ có thể ao ước cái mà có thể thấy được, còn anh thì thương tiếc cho người mà không còn có thể trông thấy nữa." và rồi nói lên hai câu kệ để dạy đạo cho vị ấy.

9. "Nhưng điều này không thể có được, dầu bởi người hay bởi phi nhân, rằng, "Một đứa con sanh đến cho ta thì không nên chết." Cái mà không có được thì có thể kiếm ở đâu?

10. Chẳng phải do Mantra, rễ của cây thuốc, những loại thuốc, cũng chẳng phải do của cải mà có thể đem về kẻ quá cố mà anh kêu khóc đến, Này Ka.nha ạ!"

Chú giải:

9. Ở đây CÁI MÀ (Ya.m): nghĩa là chỉ cái này mà anh khao khát đến là; "một đứa con trai đã sanh đến cho anh ta không được chết", điều ấy không thể có được điều này, dầu bởi người hay chư Thiên, này anh ạ! Như vậy điều này có thể có được từ đâu, bằng cách nào có thể có được điều này, vì điều này mà không thể có được thì không làm sao có được.

10. BẰNG MANTRA (MANTAA): Do bởi Mantra . Do bởi RỄ CỦA CÂY THUỐC: Muulabhesajjaa = muulabhesajjena (Thể văn phạm hoán chuyển). CŨNG CHẲNG PHẢI BẰNG CỦA CẢI (dhanena vaa) cũng chẳng phải bằng của cải đến một trăm Ko.ti . Đây là điều được nói đến: "Không thể dùng Mantra để mang về kẻ quá vãng mà anh than khóc đến".

Rồi để chỉ cho người anh của vị ấy thấy rằng, không thể ngăn cản cái được gọi sự chết này được, dầu bằng của cải hay dòng tộc hay kiến thức, giới đức hay thiền định. Cha.tapa.n.dita đã thuyết pháp cho Đức vua bằng năm câu kệ này.

11. Những người có của cải lớn, có những vật sở hữu lớn, dầu là những vị Sát đế lỵ có những vương quốc - cho dù những kẻ này, có nhiều của cải và ngũ cốc, cũng không thoát khỏi già và chết được.

12. Những vị Sát đế lỵ, Bà la môn, Vệ sá, Thủ đà, Chiên đà la và Pukkusa - ngay cả những người này và những người khác, bằng dòng tộc của họ, cũng không thoát khỏi già và chết.

13. Những kẻ tụng đọc Mantra bao gồm sáu chương, được soạn ra bởi Phạm thiên Brahma - ngay cả những người này và những người khác, qua kiến thức ấy, cũng không thoát khỏi già và chết được.

14. Và ngay cả những vị ẩn sĩ, những đạo sĩ đã được an tịnh và đã tự chế - ngay cả những vị đạo sĩ này cũng phải rời bỏ thân xác của họ khi thời gian đến.

15. Những vị A la hán, những bậc đã tu tiến, đã làm điều cần được làm và đã thoát khỏi các lậu hoặc - Ngay cả họ cũng phải để xuống tấm thân này khi đã hết nghiệp thiện và bất thiện của họ.

Chú giải:

11. Ở đây, NHỮNG NGƯỜI CÓ CỦA CẢI LỚN (Mahaddhanaa) Rất giàu có vì của cải mà họ đã tích trữ. NHỮNG NGƯỜI CÓ NHỮNG VẬT SỞ HỮU LỚN (Mahaabhogaa): Có sự thù thắng lớn về những vật sở hữu tương tự như những vật sở hữu của những vị chư Thiên. CÓ NHỮNG VƯƠNG QUỐC (Rattha vanto): Có toàn thể những vương quốc. CÓ NHIỀU VỀ CỦA CẢI VÀ NGŨ CỐC (Pahuutadhanadha~n~naase): Chúng có những của cải và ngũ cốc vô hạn, do nhờ những của cải và ngũ cốc mà chúng đã cất lại để dùng hằng ngày sau khi bỏ ra đủ để trang trải những nhu cầu của chúng trong ba hoặc bốn năm. NGAY CẢ NHỮNG NGƯỜI NÀY CŨNG KHÔNG THOÁT GIÀ VÀ CHẾT (Te pi no ajaaraamaraa): Ngay cả những vị Sát đế lỵ ấy có của cải lớn như Mahaamandhaatu và Mahaasudassana v.v... Cũng không thoát khỏi già và chết, nghĩa là chắc chắn họ đã phải đi vào miệng của tử thần.

12. NHỮNG NGƯỜI NÀY (ete): là những vị sát đế lỵ v.v... Đã nêu ra trước. NHỮNG NGƯỜI KHÁC (a~n~ne): Những người mà trực tiếp thuộc về giai cấp nối theo sau như Amba.t.tha v.v... QUA DÒNG GIỐNG CỦA HỌ (Jaatiyaa): nghĩa là họ không thoát khỏi già và chết dù bằng dòng giống của họ.

13. Những MAN TRA (Manta.m): Những bộ kinh Phệ đà tụng đọc (Parivattenti): tụng và ngâm nga; hay nói cách khác. Đọc (Parivattenti): niệm lâm râm trong khi thực hành những nghi lễ cúng tế (anuparipatentaa). GỒM SÁU BỘ KINH (Cha.la"nga.m): liên hệ đến sáu phần nhỏ được kể đến như Ngữ Âm học, những luật lệ mô tả về nghi lễ cúng tế, từ nguyên học, văn phạm, Thiên văn, phép làm thơ v.v... DO BRAHMAA SOẠN RA (Brahmacintita.m): Được nghĩ ra, nói ra, bởi Brahmaa dành cho các vị Bà la môn. QUA

KIẾN THỨC ẤY (vijjaaya) nghĩa là họ không thoát được già chết cho dù họ có kiến thức giống như kiến thức của Brahmaa .

14. NHỮNG ĐẠO SĨ (isayo): Họ là những ẩn sĩ vì họ cố gắng thu thúc và tự chế, v.v... AN TỊNH (Santaa): Có tánh an tịnh về thân và khẩu. LÀ NHỮNG BẬC ĐÃ TỰ CHẾ (Sa~n~natattaa): là những kẻ có tâm được kiểm soát bởi sự thu thúc về tham v.v... NHỮNG ĐẠO SĨ (Tapssino): Họ thực hành pháp khổ hạnh về thân . Lại nữa các Đạo sĩ (Tapassino): những người đã có pháp chế ngự. Điều này cho thấy rằng dầu họ trở thành những người dựa vào sự khổ hạnh theo cách này và muốn chứng đạt sự giải thoát bằng phương tiện về thân, cũng phải rời bỏ cái thân này. Hay nói cách khác, những vị ẩn sĩ (Isayo): họ là những ẩn sĩ (Isayo) vì họ cố gắng (Esanaa) Để đạt được giới cao thượng và các điều học v.v... Bằng ý nghĩa này, họ được thanh tịnh do sự gom tâm vào riêng một đối tượng. Họ là những đạo

sĩ vì sự tinh tấn thiêu đốt mà họ áp dụng vào bốn pháp Chánh tinh tấn. Họ là những Đạo sĩ vì họ đốt cháy tham v.v... Qua sự thực hành đúng. Đây là cách nên được hiểu.

15. NHỮNG NGƯỜI TỰ TU TIẾN (Bhaavitattaa): Những người có tâm được tu tập do pháp thiền quán về tứ diệu đế như là một đề mục thiền định.

Khi nghe qua pháp thoại này do Gha.tapa.n.dita nói ra, Đức vua, tựa như được người ta rút ra cây tên ưu bi,và với lòng tịnh tín trong tâm, khi ấy bèn nói lên những câu kệ còn lại để tán dương Chaỉpa.n.dita

16. "Ta quả thật đang cháy nóng, như ngọn lửa cháy bằng thục tô; Nhưng bây giờ, tất cả những sầu muộn của ta đã được dập tắt tựa như ta được tưới lên người bằng nước mát.

17. Cây tên, quả thật vậy, là nỗi ưu bi, mà đâm xuyên qua tim của ta, nay đã được rút ra rồi. Ngươi đã đoạn trừ ưu bi ấy, ưu bi về đứa con trai của ta mà đã đè nặng lên ta.

18. Nhờ rút ra được cây tên, ta trở nên an tịnh và mát mẻ; từ khi nghe những lời của ngươi, ta không còn ưu bi hay than khóc nữa.

19. Cũng như Ghata đã làm cho anh của mình vơi đi nỗi ưu bi. Những bậc trí tuệ có lòng bi mẫn cũng hành động như thế ấy.

20. Như Ghata đi theo anh của mình với lời khuyên tốt; Cũng vậy, người mà có những người cố vấn và những người hầu như vậy cũng được đi theo (với lời khuyên tốt) như thế.

Chú giải:

19. NHƯ GHATA LÀM CHO ANH CỦA MÌNH QUÊN ĐI (Cha.to jettha.m va bhaatara.m) nghĩa là cũng như Ghatapa.n.dita, bằng phương tiện thiện xảo và bằng thời pháp thoại, đã làm cho anh của vị ấy nguôi ngoai, là người bị chế ngự bởi nỗi ưu bi về đứa con trai đã chết của vị ấy, khỏi nỗi ưu bi về đứa con trai ấy. Cũng vậy những người có trí tuệ khác mà có lòng bi mẫn cũng hành động vì sự lợi ích cho những quyến thuộc của họ.

20. NGƯỜI MÀ CÓ NHƯ VẬY (yassa etaadisaa honti): Đây là câu kệ từ Đức Phật Toàn Giác. Đây là ý nghĩa của nó: Cũng như, theo cách mà nhờ đó Chatapa.n.dita đi theo vua

Vaasudeva, là người bị đau khổ vì nỗi sầu muộn cho

đứa con trai của ông ta, bằng lời khuyên tốt với mục đích làm tiêu tan nỗi ưu bi ấy, cũng vậy bất cứ ai khác mà có được những người cố vấn có trí tuệ như thế cũng đi theo như vậy! làm sao có thể có ưu bi về người ấy được?

Những câu kệ còn lại có ý nghĩa giống như đã được nêu ra ở trên.

Khi Bậc Đạo sư đã kể lại pháp thoại này, Ngài bèn nói rằng, "Như vậy, này ông Thiện Nam, chính những bậc Trí tuệ thuở xưa đã diệt trừ nỗi ưu bi của họ về đứa con trai đã chết của họ khi họ nghe một câu chuyện từ những Bậc trí tuệ. Rồi Ngài thuyết giảng tứ đế và thêm vào bổn sanh, lúc kết thúc thời pháp ấy, vị Thiện Nam ấy được an trú trong quả Thánh Tu đà huờn.

---o0o---

[2.3]

II.07 TÀI HỘ QUỈ SỰ (DHANAPAALA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Người trần truồng và có hình tướng thô xấu."

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi ngài đang ngụ ở Jetavana, liên quan đến Ngạ quỷ Dhanapaala (Tài Hộ).

Tương truyền rằng trước khi Đức Phật xuất hiện tại Kinh đô Erakaccha trong Vương quốc của những vị Dasa.n.na, có một vị thương nhân giàu có tên là Dhanapaalaka, là kẻ không có đức tin cũng không có lòng tịnh tín và keo kiệt, lại chấp theo tà kiến Natthika. Những hoạt động của ông ta được biết đến qua kinh tạng. Khi ông ta chết, ông ta sanh làm một Ngạ quỷ trong vùng hoang vắng. Thân của ông ta lớn bằng thân của cây thốt nốt. Da thì nổi u lồi, thô thiển và trông kinh khiếp, xấu xí và dị hợm - Trông thật ghê tởm. Bị chế ngự bởi cơn đói và khát và cái lưỡi của nó thè ra khỏi cái cuống họng khô cháy của nó, nó đi lang thang chỗ này chỗ nọ trong năm mươi lăm năm là không kiếm được một chút gì, dầu là một hột cơm hay một giọt nước. Rồi khi Đức Thế Tôn của chúng ta xuất hiện trong thế gian và đã lăn Bánh xe Diệu Pháp, và đến đúng lúc đang cư trú tại Saavatthi, một số thương nhân là những dân cư của thành Saavatthi, chất đầy hàng hoá trong năm trăm cỗ xe, đi đến xứ Uttaraapatha, bán hàng hoá của họ ở đó, và lại chất đầy những hàng hoá nhận được vào những cỗ xe của họ. Khi họ đang trở về vào lúc chiều tối, họ đi đến một con sông bị khô nước nọ. Họ tháo ách cho những con bò ở đó và cấm trại qua đêm. Rồi con Ngạ quỷ ấy bị khát, đi đến tìm kiếm một cái gì đó

để uống. Vì không kiếm được gì dầu một giọt nước ở đó, nó ngã sấp, thất vọng, như cây thốt nốt bị đốn hạ đến gốc rễ. Khi trông thấy nó, những thương nhân bèn hỏi nó bằng câu kệ này:

1. "Ngươi trần truồng và có hình tướng thô xấu, gầy ốm với những đường gân lộ ra. Ngươi là kẻ ốm yếu, với những xương sườn lộ ra, bây giờ người là ai?"

Nhân đó Ngạ quỷ nói rõ gốc gác của nó.

2. "Thưa Ngài, tôi là một Ngạ quỷ, đã đi đến kiếp sống đau khổ trong cõi của Yama; Sau khi đã làm ác nghiệp, tôi đã đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ". Một lần nữa các thương nhân lại hỏi Ngạ quỷ về nghiệp mà nó đã tạo:

"Vậy ngươi đã làm ác nghiệp nào bằng thân khẩu hoặc ý? Do kết quả của nghiệp nào khiến ngươi ra đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ?"

Nó bèn nói những câu kệ này để kể về những hoàn cảnh về quá khứ, hiện tại và tương lai của nó, từ chỗ sanh lên trước kia của nó trở đi, và cho họ một lời sách tấn:

4. "Tại thành phố của những người Dasa.n.na, là Erakaccha nổi tiếng. Trong quá khứ tôi là một thương nhân ở đó - được biết đến qua cái tên là Dhanapaala (Người giữ của)

5. Tám mươi cỗ xe chất đầy vàng là của tôi; tôi cũng có nhiều vàng và nhiều ngọc trai và những loại đá quí.

6. Dầu có của cải to lớn như vậy, nhưng tôi lại không thích bố thí. Tôi đóng cửa trước khi ăn vì sợ những người ăn xin sẽ thấy tôi.

7. Tôi không có niềm tin, hèn hạ, keo kiệt và hay chửi mắng. Tôi có thói quen ngăn cản nhiều người trong khi họ đang bố thí và làm các thiện sự.

8. Khi nói rằng, "không có kết quả nào từ sự bố thí cả, kết quả của sự tự chế sẽ đến từ đâu?" Tôi phá huỷ những hồ sen và những chỗ uống nước khác, những khu huê viên, những chỗ dẫn nước ở bên đường và những chiếc cầu tại những chỗ khó băng qua.

9. Tôi đã không làm việc làm phước thiện. Tôi chỉ làm những việc ác. Khi rời khỏi cõi ấy, tôi sanh vào trong cõi Ngạ quỷ, bị hành hạ bởi cơn đói và khát. Trong năm mười lăm năm kể từ khi tôi chết.

10. Tôi không biết rõ về ăn hay uống nước. Người bị cản trở đi đến chỗ hư hoại, người đi đến chỗ hư hoại bị cản trở. Tương truyền rằng những Ngạ quỷ quả thật biết rằng người mà bị cản trở đi đến chỗ hư hoại.

11. Trong quá khứ tôi cũng bị cản trở như thế. Tôi đã không bố thí dầu có nhiều cảu cải tồn đọng. Dầu những vật thí nằm trong tay, tôi cũng chẳng làm chỗ nương tựa cho chính tôi.

12. Về sau tôi cảm thấy ăn năn khi những nghiệp của chính tôi bắt đầu cho quả. Sau bốn tháng cái chết sẽ đến với tôi.

13. Và tôi sẽ rơi xuống địa ngục kinh khiếp và ác nghiệt: có bốn góc với bốn cổng, nó được chia thành những phần bằng nhau, được bao quanh bởi một bức tường sắt, có mái bằng sắt ở trên.

14. Cái nền nóng rực sáng của nó làm bằng sắt cháy đỏ: Nó trải rộng khắp quanh một trăm do tuần, đứng mãi mãi như thế.

15. Ở đó, trong một thời gian dài tôi sẽ trải qua những cảm thọ đau đớn do quả của những ác nghiệp của tôi. Vì lý do này tôi vô cùng sầu khổ.

16. Do đó tôi xin nói với các người rằng, "Tôi xin chúc lành đến các người, mỗi người trong các vị đã hội họp ở đây. Đừng gieo tạo một ác nghiệp nào dầu công khai hay bí mật.

17. Vì nếu quý vị làm hoặc sẽ làm một ác nghiệp nào đó thời sẽ không có con đường trốn thoát khỏi đau khổ dành cho các người đâu, cho dù các người có bay lên trời và chạy đi xa khuất chỗ nào.

18. Hãy tôn kính mẹ, hãy tôn kính cha; Hãy tôn kính các bậc trưởng thượng trong gia đình. Hãy tỏ sự sùng kính đến các vị Sa môn và Bà la môn - bằng cách này các người sẽ đi đến cõi trời."

Chú giải:

4. Ở đây, CỦA NHỮNG VỊ DASA.N.NA: Trong vương quốc của những người Dasa.n.na hay của những vị vua có tên ấy. ERAKACCHA (Erakaccha.m): là tên của thành phố ấy. Ở ĐÓ (Tattha): Trong thành phố ấy. TRONG QUÁ KHỨ (Pure): Trước kia, trong kiếp quá khứ. TÔI ĐƯỢC BIẾT ĐẾN LÀ DHANAPAALA (Dhanapaalo ti ma.m vidu): người ta biết tôi là phú hộ

Dhaanapaala . Vị ấy thốt lên câu kệ này, bắt đầu là, "tám mươi" để cho thấy tại sao cái tên đặc biệt ấy lại được cho đến vị ấy vào lúc bấy giờ.

5. Ở đây, TÁM MƯƠI CỖ XE (Asiiti saka .tavaahaana.m): hai mươi Khaarii lố hàng được kể là bằng một cỗ xe hàng. Tám mươi cỗ xe chất đầy vàng này và cũng vậy những kahapa"na thực ra là của tôi - Đây là cách nên được hiểu. VÀNG CỦA TÔI CÓ NHIỀU (Pathuuta.m me jaataruupa.m): Nhiều vàng đến vô số Bhaara .

6. TÔI KHÔNG THÍCH BỐ THÍ (Na me daatu"m piya.m ahu): Tôi không thích cho ra những vật thí. E RẰNG NHỮNG NGƯỜI ĂN XIN SẼ TRÔNG TH?Y TÔI (Maa ma.m yaacanakaaddasum): Tôi đóng cửa nhà trước khi tôi ăn, vì nghĩ rằng những người ăn xin sẽ không được trông thấy tôi".

7. KEO KIỆT (Kadariyo): vô cùng bần tiện. THÍCH CHỬI MẮNG (Paribhaasako): Khi ông ta trông thấy mọi người bố thí vật thực thì ông ta đe doạ. TRONG KHI HỌ ĐANG BỐ THÍ VÀ ĐANG THỰC HÀNH (Dadantaana.m karontaana.m): Đây là sở hữu cách mang ý nghĩa về đối cách. Khi họ đang bố thí những vật thực và thực hành những việc phước. NHIỀU NGƯỜI (Bahujana.m): nhiều chúng sanh. Trong khi họ đang bố thí và làm phước, thì tôi có thói quen ngăn cản, tôi làm cản trở nhiều người, đông đảo những chúng sanh, không cho làm việc phước ấy.

8. "Không có kết quả từ sự bố thí v.v..- Đây là câu giải thích những lý do của ông ta về việc ông ta ngăn cản những vật thí... Ở đây không có kết quả từ sự bố thí (Vipaako n'atthi daanassa): quả thật không có kết quả của sự bố thí. Ông ta giải thích rằng riêng phước là phước thôi và bố thí chỉ là sự mất mát của cải mà thôi. CỦA TỰ CHẾ (Samya nassa): tự chết trong điều học. KẾT QUẢ SẼ ĐẾN TỪ ĐÂU? (Kuto phala.m): quả thật vậy, kết quả sẽ có được từ đâu. Thọ trì những giới cấm là hoàn toàn vô ích. Đây là ý nghĩa. NHỮNG HUÊ VIÊN (aaraamaani): Những rừng cây và những khu vườn khả ái. NHỮNG

CHỖ CÓ NƯỚC Ở BÊN VỆ ĐƯỜNG (Papaayo): Những cái láng có nước uống. TẠI NHỮNG CHỖ MÀ KHÓ ĐI QUA (Dugge): Tại những chỗ mà khó đi tiếp do bởi nước và những vũng sình. NHỮNG CHIẾC CẦU (Sa.nkamanaani): Những con đường đắp cao.

9. "KHI TÔI MẠNG CHUNG TỪ CÕI ẤY (Tato Cuto): khi tôi mạng chung khỏi thế giới của loài người. NĂM MƯƠI LĂM: Pa~ncapa.n.naasa= Pa~ncapa~n~naasa (thể văn phạm hoán chuyển), từ khi tôi chết (Yato kaala"nkato aha.m ) từ khi tôi chết trở đi.

10. TÔI KHÔNG Ý THỨC ĐƯỢC (Nàbhijaanaami): Suốt thời gian ấy tôi không biết ăn và uống là gì cả. NGƯỜI MÀ BỊ KỀM HÃM ĐI ĐẾN CHỖ TIÊU HOẠI

(Yo samyamo so vinaa so) bị kềm hãm bằng lối sống tham lam v.v... Bởi không bố thí đến ai cả - Điều ấy quả thật là sự tiêu hoại cho những chúng sanh như vậy mà trong đó, nó là nguyên sanh lên cảnh ngộ bi thảm lớn, phải sanh làm Ngạ quỷ trong cõi Ngạ quỷ. NGƯỜI MÀ ĐI ĐẾN CHỖ TÀN RỤI ĐÃ BỊ KỀM HÃM (Yo vinaaso sa.myamo): Bằng lời nói này, nó nói về tánh cách chắc chắn của sự kiện đã được nêu ra ở trên. TƯƠNG TRUYỀN RẰNG NHỮNG NGẠ QUỶ THẬT SỰ BIẾT RẰNG (Petaa hi kira jaananti): Chữ quả thật (hi) ở đây được dùng để nhấn mạnh, và những chữ "Tương truyền rằng", (Ki ra) chỉ rõ rằng nó xuất phát từ tin đồn; kềm hãm, thiếu lòng quãng đại với những vật thí, là nguyên nhân gây ra sự suy sụp. Tương truyền rằng chỉ những Ngạ quỷ mới biết sự thật này vì chúng bị chế ngự bởi điều ấy. Chẳng phải loài người như vậy. Không thể xảy ra đối với ngay cả loài người, như những Ngạ quỷ, là được trông thấy bị chế ngự bởi cơn đói, và khát v.v... Tuy nhiên những Ngạ quỷ thì biết khá rõ về sự thật này vì chúng đã quen với những nghiệp mà chúng đã làm trong kiếp quá khứ. Vì lý do này chúng nói lên câu kệ này bắt đầu bằng: "Trong quá khứ tôi đã bị kềm hãm như vậy"

11. Ở đây, TÔI BỊ KỀM HÃM NHƯ VẬY (Sa.myamissa.m): Chính tôi cũng đã thực hành sự thu lại, co lại, đối với việc làm phước, bố thí v.v... DẦU NHIỀU CỦA CẢI (Bahuke dhane): dầu nhiều của cải được biết đến.

16. Do Đó: Ta.m= Tasmaa (thể văn phạm hoán chuyển) ĐẾN CÁC NGƯỜI: Vo = Tumhe (Thể văn phạm hoán chuyển). NHỮNG LỜI CỦA TÔI ĐẾN CÁC NGƯỜI (Bhaddam vo): Những lời chúc lành, những mong ước tốt lành nhất của tôi và những may mắn tốt đẹp đến cho các người. Đây là những chữ còn lại. MỖI NGƯỜI TRONG CÁC VỊ ĐÃ HỘI HỌP Ở ĐÂY (Yaavant' ettha samaagataa): Mỗi người trong các ông, hết thảy những người đã cùng nhau đến đây, tất cả đều phải nghe điều mà tôi đã phải nói - đây là ý nghĩa. CÔNG KHAI (aavi). Ngoài trời, những người khác có thể trông thấy. KÍN ĐÁO (Raho): Che đậy, không thể thấy được như vậy. Đừng phạm vào, đừng làm, một điều ác nào, điều đáng khinh, bất thiện dầu công khai bằng thân khẩu, như sát sanh nói dối v.v.., hay kín đáo bằng lòng tham lam v.v...

17. VÌ NẾU MỘT ĐIỀU ÁC (Sace ta.m paapaka.m ka.mma.m): vì nếu các bạn làm điều ác bây giờ, hay nếu các bạn làm điều ác trong tương lai, thời quả thật không có con đường trốn thoát, không có sự giải thoát khỏi đau khổ mà là quả của nó, như là những người mà sanh trong cõi khổ như Địa ngục v.v... Hay nếu ở trong cõi nhân loại, thì bị yểu thọ. CHO DÙ CÁC NGƯỜI CÓ BAY LÊN VÀ BỎ CHẠY (Upaccaa 'pi palaayita.m): nghĩa là hiển

nhiên không có con đường thoát khỏi cảnh khổ ấy dành cho các bạn đâu, ngay cả những người bay lên và đi xuyên qua hư không. Một số bài kinh cũng đọc là giải thoát (Upecca): vì nghiệp đã đến

hồi trả quả khiến nó hằng đeo đuổi các bạn, dầu các bạn có trốn chạy bằng cách này hay cách khác cũng không có lối thoát khỏi trạng thái ấy dành cho các bạn, cho dù các bạn có cố ý muốn chạy trốn, nghĩa là điều ấy đơn giản là sẽ chín mùi khi có một sự kết hợp giữa những điều kiện cần thiết khác về nơi tái sanh và thời gian v.v... Sự kiện này cũng được giải rõ bằng câu kệ này: "Chẳng phải trên trời cao hay giữa biển sâu hay đi vào những hẻm núi đá, để trú thân mà có thể thoát khỏi hậu quả của những nghiệp bất thiện".

18. HÃY TÔN KÍNH MẸ, (Mateyyaa): Vì lợi ích của mẹ mình. HÃY (Hotha): Hãy làm những công việc phụng dưỡng v.v... Đến họ. HÃY TÔN KÍNH CHA (Petteyya): điều này nên hiểu giống như thế. HÃY TÔN TRỌNG CÁC VỊ TRƯỞNG THƯỢNG TRONG GIA ĐÌNH (Kule ja.t.thaapacaayikaa=Kule je.t.thakaana.m apacaayanataraa (Phối hợp cách). NHỮNG VỊ ẨN S~N (Saana~n~naa): Hãy tôn trọng những vị ẩn sĩ. Theo cách như thế CÁC BÀ LA MÔN (Brahma~n~naa): nghĩa là hãy tôn trọng những vị đã quăng bỏ những ác nghiệp. BẰNG CÁCH NÀY CÁC BẠN SẼ ĐI ĐẾN CÕI TRỜI (Eva.m sagga.m gamissatha): nghĩa là sau khi thực hành những việc phước ấy theo cách mà tôi đã giải thích thì các bạn sẽ sanh vào trong cõi Devaloka .

Bất cứ điều gì mà chưa giải rõ ý về ý nghĩa của nó ở đây thì nên hiểu đúng như đã được nêu ra ở Ngốc đầu quỷ sự v.v...

Sau khi nghe qua điều mà Ngạ quỷ đã phải nói, những thương nhân ấy, đầy xúc động và thương hại cho nó, bèn lấy một bát nước, bảo nó nằm xuống và rồi đổ nước vào miệng của nó. Sau đó, mọi người đã làm điều này nhiều lần, nhưng nước mà nó thèm khát không đi xuống được cuống họng của nó do vì quả của những ác nghiệp của Ngạ quỷ ấy. Như vậy làm sao để nỗi khao khát của nó được dập tắt? Họ hỏi nói xem liệu nó có được nguôi ngoai chút ít hay không. "Cho dù có nhiều người đổ nhiều lần vào miệng của tôi nhiều giọt nước, tuy nhiên vẫn sẽ không có lối thoát khỏi cõi Ngạ quỷ này được". Nó nói. Khi những thương nhân nghe qua điều này, họ đầy xúc động và nói rằng, "Nhưng có cách gì khiến cơn khát của ngươi được được dập tắt không?" Ngạ quỷ nói rằng, "Khi ác nghiệp này gần hết và những vật thí đã được cúng dường đến Đức Tathaagata hay những vị Saavaka của Đức Tathaagata, và người ta hồi hướng phước thí ấy đến cho tôi, thời tôi sẽ được thoát khỏi cảnh Ngạ quỷ này". Khi nghe qua điều này, những thương nhân ấy bèn đi đến Saavatthi, đi đến Đức Thế Tôn và nêu vấn đề ấy với Ngài. Họ qui y Tam bảo và thọ trì ngũ giới, và trong bảy ngày dâng cúng vật thực cúng dường to lớn đến Chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu và hồi hướng phước thí đến Ngạ quỷ ấy. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh khởi và thuyết Pháp đến

tứ chúng và nhờ thời pháp ấy mọi người từ bỏ bợn nhơ của lòng bỏn xẻn và tham lam v.v... Và lấy làm thoả thích trong những việc phước như bố thí v.v...

---o0o---

II.08 TIỂU THƯƠNG QUỈ SỰ (CUULASE.T.THIPITAVATTHUUVA.N.NANAA)

"Thưa ông, ông là người mà đã xuất gia, bị trần truồng và gầy ốm".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở trúc Lâm viên, liên quan đến Ngạ quỷ Cuu.lase.t.thi .

Tương truyền rằng, tại Ba la nại có một vị Gia chủ tên là Cuulase.t.thi, là người chẳng có niềm tin cũng không có lòng tịnh tín, lại là người bần tiện và keo kiệt và không có sự kính trọng trong việc thực hành những việc Phước. Khi chết, ông ta tái sanh trong cõi Ngạ quỷ, đầu của ông ta trọc lóc, không có y phục và, thân thể thì không có thịt và máu đến nỗi chỉ còn da bọc xương và gân mà thôi. Tuy nhiên, đứa con gái aanulaa của ông ta, đang ở trong nhà của chồng nàng tại Andhakavinda, sửa soạn một số vật thí như cơm v.v... Với ước muốn tiếp đãi một số Bà la môn để cầu siêu cho cha của nàng. Khi ông ta biết được việc này, Ngạ quỷ ấy, đầy mong ước, bèn đi đến đó xuyên qua hư không, đến Raajagaha vào lúc mà vua Ajaatasattu đang đi tới đi lui ở tầng trên của cung điện, không thể ngủ được bởi vì lương tâm khó chịu do những cơn ác mộng, do sự xúi dục của Devadatta, sau khi giết chết phụ vương của vị ấy. Khi trông thấy con Ngạ quỷ ấy đi xuyên qua hư không, đức vua bèn hỏi nói bằng câu kệ này:

1. "Ngươi là kẻ đã xuất gia, bị trần truồng và gầy ốm, ngươi đang đi đâu vào lúc ban đêm và vì lý do gì? Hãy nói cho ta biết điều này- Chúng ta, nếu có khả năng, có thể tặng cho ngươi những vật sỡ hữu cùng với tất cả mọi thứ".

Chú giải:

1. Ở đây, LÀ NGƯỜI ĐÃ XUẤT GIA (Pabbajito): là một Sa môn. Tương truyền rằng Đức Vua đã nói rằng, "Ngươi là người đã xuất gia mà lại trần truồng và gầy ốm," v.v... Khi cho rằng vị ấy là một Sa môn loã thể vì trạng thái trần truồng và cái đầu trọc lóc của nó. Ở đây, vì lý do gì? (Kissa hetu): vì sao? TA CÓ THỂ TẶNG CHO NGƯƠI HẾT THẢY VẬT SỞ HỮU (Sabba.m vitta.m patipaadaya tuva.m): ta có thể tặng cho ngươi, ta có thể kiếm cho ngươi, theo đúng với ước muốn của ngươi, những vật sở hữu, là những phương tiện nuôi sống để ngươi được thoải mái, cùng với tất cả những thứ có thể dùng được, hay nói cách khác, bằng tất cả thiết

tha khả dĩ có được của ta, chắc chắn chúng ta có thể hành động theo cách này. Do đó, HÃY NÓI CHO TA BIẾT RÕ ĐIỀU NÀY (aacikkha me ta.m): nghĩa là hãy giải thích cho ta biết lý do tại sao ngươi đến.

Được hỏi như vậy bởi đức vua, Ngạ quỷ nói lên ba câu kệ giải thích tình cảnh của nó:

2. "Thành Ba la nại nổi tiếng ở từ đằng xa; và tôi là một gia chủ ở đó, thịnh vượng nhưng bần tiện. Tôi đã không bố thí, lại có tâm hưởng lạc. Do bởi ác hạnh khiến tôi phải đi đến cõi Yama.

3. Tôi bị kiệt quệ đến như cây kim do bởi những điều này; Vì chính lý do này, tôi đi đến những quyến thuộc của tôi để kiếm một cái gì đó để ăn, nhưng họ thiếu đức bố thí và

không tin rằng có quả của sự bố thí trong kiếp sau.

4. Tuy nhiên, đứa con gái của tôi thường xuyên lẫm bẩm rằng, "Tôi sẽ cho những vật thí nhân danh cha và ông của tôi". Những vị Bà-la-môn thì được hầu hạ sẵn cái mà nàng đã sửa soạn và tôi đang đi đến Andhakavinda để kiếm ăn.

Chú giải:

2. Ở đây, NỔI TIẾNG TỪ XA (Duuraghu.t.tha.m): Được tôn lên từ đằng xa bằng sự khen ngợi về những đặc tánh của nó, nghĩa là nổi danh khắp mọi nơi. THỊNH VƯỢNG (A.dhako = a.dho) (Thể văn phạm hoán chuyển), nghĩa là có sự thịnh vượng lớn. BẦN TIỆN (Diino): có tâm hẹp hòi, có tánh không bố thí. Vì lý do này mà nó nói rằng "Tôi đã không bố thí". TÔI CÓ TÂM SAY MÊ ÁI LẠC (Gedhitamano aamisasmi.m): Tôi có khuynh hướng khao khát với tâm hay nghĩ đến sự thọ hưởng dục lạc. DO ÁC HẠNH ĐƯỢC LÀM, TÔI ĐÃ ĐẾN CÕI YAMA (Dussìlena yamavisaya.mhi patto). Do những hành động về ác hạnh được làm bởi tôi khiến tôi đến cõi yama, là cõi Ngạ quỷ.

3. TÔI BỊ KIỆT QUỆ ĐẾN BẰNG CÂY KIM (So suucikaaya kilamito): Tôi bị kiệt quệ, Tôi bị đâm chích liên tục, bởi cơn đói mà có tên gọi là "cây kim", Về tánh chất, nó giống hệt như cây kim đâm chích vào người tôi. Thật ra cách đọc khác là sự kiệt quệ (Kilamatho). BỞI VÌ NHỮNG ĐIỀU NÀY (Tehi): do bởi những ác nghiệp nói trên là có tánh bần tiện v.v... Khi Ngạ quỷ nhớ lại những ác nghiệp ấy, nó trở nên vô cùng thất vọng và do đó nó nói như thế này: VÌ CHÍNH LÝ DO NÀY (Ten'eva): Do bởi sự đói khát này. TÔI ĐI ĐẾN NHỮNG QUYẾN THUỘC CỦA TÔI (~naatiiisu yaami): Tôi đi, tôi lên đường, đến trước mặt những quyến thuộc của tôi. ĐỂ KIẾM MỘT ÍT GÌ ĐÓ ĐỂ ĂN (aamisakincihetu): Vì một lượng

nhỏ vật thực, nghĩa là khao khát một ít vật thực. Nhưng họ thiếu đức quảng đại và không tin rằng có qủa phước nào đó của sự bố thí trong cõi kế đến (adaanasiilà na ca saddahanti, 'Daanapphala.m hoti para.mhi loke"): Như đối với tôi, cũng vậy trong cùng cách ấy, những người khác cũng thiếu đức quảng đại và không tin rằng chắc chắn có quả phước nào đó của sự bố thí trong thế giới sau. Do bởi điều này, như tôi, họ cũng sẽ trở thành những Ngạ quỷ và sẽ trải qua đau khổ lớn - Đây là ý nghĩa.

4. Lẩm bẩm (Lapate): Nói chuyện. THƯỜNG XUYÊN: Abhikkhana.m = Abhi.nha.m (Thể văn phạm hoán chuyển), lập đi lập lại. Nàng lẩm bẩm cái gì? Nàng nói rằng, "Tôi sẽ cho những vật thí dành cho những người cha và ông của tôi." ở đây ĐẾN NHỮNG NGƯỜI CHA (Piitunna.m): Đến cho cha mẹ của tôi, hay đến cho những người anh hay em của cha tôi. Đến những người ông. (Pitaamahaana.m): Đến những người ông và những người cố của tôi. ĐANG ĐƯỢC DÂNG ĐẾN (Pavivisayanti): Được cho ăn. ĐẾN ANDHAKAVINDA (Andhakavinda.m): Đến thành phố có tên ấy. ĐỂ ĂN: Bhottu"m = Bhuu~njitu"m (Thể văn phạm hoán chuyển).

Từ đây trở đi là những câu kệ được nói bởi những vị kiết tập Tam Tạng..

5. Đức vua nói với nó rằng: " Sau khi ngươi đã ăn cái đó, ngươi hãy trở lại đây nhanh; ta cũng sẽ cúng dường. Hãy nói cho ta biết liệu có điều kiện nào vì chúng ta muốn lắng

nghe một câu nói nào đó về những điều kiện mà có thể tin được!"

6. "Chắc vậy", nó nói và ra đi. Nhưng những người ăn vật thực ở đó thì không xứng đáng thọ lãnh những vật thực cúng dường. Bởi vậy một lần nữa nó trở lại Rà jagaha và xuất hiện trước mặt chúa của loài người.

7. Khi thấy rằng Ngạ quỷ ấy đã trở lại, đức vua bèn nói rằng, "Ta sẽ cho cái gì? Hãy nói cho ta biết liệu có điều kiện nảo khả dĩ ngươi có thể được hạnh phúc trong một thời gian dài về sau".

8. "Khi Đại vương đã dâng cúng đến Đức Phật và Chư Tăng vật thực cùng với thức uống và y phục, tâu bệ hạ, thời hãy hồi hướng phước thí ấy vì lợi ích của tôi. Bằng cách này, tôi có thể được hạnh phúc trong một thời gian dài trong tương lai".

9. Do đó, đức vua đi xuống và ngay tức thì tự tay dâng cúng những vật thí vô song đến chư Tăng; vị ấy thuật lại sự việc ấy đến đức Tathaagata và hồi hướng phước thí ấy đến cho Ngạ quỷ.

10. Được tôn trọng như vậy và với tướng mạo sáng chói vô cùng, nó xuất hiện trước mặt chúa của loài người và nói rằng, "Bây giờ tôi là một Yakkha có thần thông cao cả nhất. Không có những kẻ nào giống hay bằng tôi về năng lực hay thần thông.

11. Hãy xem sự vinh quang vô hạn này của tôi được hồi hướng đến bởi Đại vương, sau khi Đại vương đã cúng dường vô song thí đến chư Tăng. Tôi sẽ được thoả mãn, tiếp tục và luôn luôn dồi dào và sẽ sống hạnh phúc, hỡi Deva của loài người!"

Chú giải:

5. Ở đây, ĐỨC VUA NÓI VỚI VỊ ẤY (Ta.m avoca raajaa): Vua Ajaatasattu nói với Ngạ quỷ lúc nó vẫn còn đứng sau khi nói theo cách ấy: SAU KHI NGƯƠI ĐÃ THỌ LÃNH CÁI ĐÓ (Anubhaviyaana Tam pi). Sau khi ngươi đã thọ lãnh những vật thí mà đã được sửa soạn sẵn bởi con gái của ngươi. NGƯƠI NÊN TRỞ LẠI (Eyyaasi) ngươi nên trở lại. SẼ LÀM: Karissa.m = Karissaami (Thể văn phạm hoán chuyển). HÃY NÓI CHO TA BIẾT XEM CÓ ĐIỀU KIỆN NÀO (aacikkha me ta.m yadi atthi hetu): Hãy nói cho ta biết, hãy giải thích cho ta nghe, xem có cách nào không. MÀ CÓ THỂ TIN ĐƯỢC (Sadhaayita.m) nghĩa là phải phải tin . BẤT CỨ CÂU NÓI NÀO VỀ NHỮNG ĐIỀU KIỆN (Hetuvaco) Bất cứ câu nói nào liên quan đến nguyên nhân, hãy lập lại một câu nói cùng với những phương tiện của nó, như "Cái đó sẽ có lợi ích cho tôi khi một vật thí được thực hiện ở một chỗ đó đó và bằng cách như thế như thế."

6. "CHẮC VẬY", VỊ ẤY NÓI (Tathaati vatvaa): "Tốt lắm", vị ấy nói. Ở ĐÓ (Tattha): Tại andhakavinda, chỗ mà vật thực đang được cúng dường. NHƯNG NHỮNG NGƯỜI MÀ ĂN NHỮNG VẬT THỰC THÌ KHÔNG XỨNG ĐÁNG THỌ LÃNH SỰ CÚNG DƯỜNG ẤY (Bhu~njimsu bhatta.m Na ca pana dakkhinaarahaa): Những người mà ăn vật thực là những vị Bà la môn có ác hạnh, nghĩa là những người mà ăn nó thì không có giới đức và không xứng đáng thọ lãnh sự cúng dường. MỘT LẦN NỮA: Punaapara.m=Puna apara.m (phối hợp cách), nó liền trở lại Raajagaha một lần nữa

7. TA NÊN CHO CÁI GÌ? (Kim dadaami): Đức vua hỏi Ngạ quỉ, "Ta nên cho ngươi loại vật thí nào?" NHỜ ĐÓ NGƯƠI (Yena tuva.m): Bằng cách đó, ngươi. TRONG MỘT THỜI GIAN DÀI VỀ SAU (ciratara.m): Trong một thời gian lâu. HẠNH PHÚC (Pìnito): làm sao ngươi có thể được vừa lòng, nghĩa là hãy giải thích điều này.

8. KHI ĐẠI VƯƠNG DÂNG CÚNG (Parivisayaana): Khi bệ hạ đã cho ăn. TÂU BỆ HẠ (Raaja): Nó nói với Ajaatasattu . VÌ LỢI ÍCH ĐẾN CHO TÔI (Me hitaaya): Vì lợi ích của tôi, vì sự giải thoát khỏi trạng thái sanh làm Ngạ quỉ của tôi.

9. DO ĐÓ (tato): Vì lý do này, do bởi câu nói ấy; hay nói cách khác, từ đó (tato): Từ chỗ đó. ĐI XUỐNG (Nipatitvaa): Đi ra, NGAY TỨC THÌ (taava - d- eva) Ngay khi ấy, ngay lúc mà mặt trời đang mọc. Đức vua cúng dường vật thực trong cùng buổi sáng mà Ngạ quỉ trở lại và hiện ra trước mặt đức vua. BẰNG CHÍNH TAY CỦA VỊ ẤY: sahatthaa = sahatthena (thể văn phạm hoán chuyển). VÔ SONG (Atula.m): không thể đo lường được, tốt nhất, hảo hạng. CHO ĐẾN CHƯ TĂNG: daditvaa sa.nghe = sa.nghassa datvaa (Thể văn phạm hoán chuyển). VỊ ẤY KỂ LẠI SỰ KIỆN VỚI ĐỨC TATHÀGATA (aarocayi pakati.m tathaagatassa): Vị ấy thuật lại tin về sự kiện ấy với Đức Thế Tôn khi nói rằng, "bạch Đức Thế Tôn, vật thí này được làm kiên quan đến một Ngạ quỉ nọ". VÀ KHI VỊ ẤY ĐÃ KỂ LẠI ĐIỀU NÀY, VỊ ẤY HỒI HƯỚNG (aadisiddha=aadisi) Thể văn phạm hoán chuyển) sự cho đến Ngạ quỉ ấy bằng chính cách mà vật thí ấy có lợi cho nó.

10. NÓ (so): Ngạ quỉ. TÔN TRỌNG (puujito): Cúng dường bằng vật thí đã được cho. VÔ CÙNG SÁNG CHÓI (Ataviya sobhamaano): Vô cùng rực rỡ với hào quang của chư Thiên. NÓ XUẤT HIỆN (paaturahosi= Paatubhavi) (thể văn phạm hoán chuyển): Nó hiện ra trước đức vua. BÂY GIỜ TÔI LÀ YAKKHA (yakkho'ham asmi): Sau khi đã thóat khỏi kiếp sống ngạ qủy, tôi đã trở thành một vị Yakkha, Tôi đã đạt đến trạng thái Devataa KHÔNG CÓ NGƯỜI NÀO GIỐNG HAY BẰNG TÔI VỀ NĂNG LỰC HAY THẦN THÔNG (Na mayha.m iddhisa masadisaa manussaa): Không có những người nào mà giống như tôi về sự thù thắng này trong những vật sở hữu hay bằng tôi về sự vinh quang thù thắng này.

11. HÃY XEM OAI LỰC VÔ HẠN NÀY CỦA TÔI (Passaanubhaava.m aparimita.m mamayida.m): khi cho đức vua trông thấy sự vinh quang của chính nó, nó nói rằng, "Hãy xem oai lực chư Thiên vô hạn này của tôi. ĐƯỢC HỒI HƯỚNG BỞI BỆ HẠ SAU KHI BỆ HẠ ĐÃ CÚNG DƯỜNG VÔ SONG THÍ ĐẾN CHƯ TĂNG (tayaa nudittha.m atula.m daditvaa sa.nghe): Sau khi bệ hạ đã cúng dường những vật thí thượng vị vô song đến chư Thánh tăng, chúng được hồi hướng bởi Ngài, vì lòng bi mẫn đối với tôi. TÔI SẼ ĐƯỢC THOẢ MÃN, TIẾP TỤC VÀ LUÔN LUÔN, DỒI DÀO (Santappito satata.m sadaa bahuuhi): Tôi sẽ được thoả mãn, tôi sẽ được hạnh phúc, liên tục không gián đoạn, và luôn khi, suốt mọi khi, chừng nào đời sống của tôi còn tồn tại ngay tại đó, vì ngài đã làm thoả mãn những vị Thánh tăng bằng nhiều vật thực cúng dường như vật thực, thức uống và y phục v.v... TÔI SẼ SỐNG HẠNH PHÚC, HỠI DEVA CỦA LOÀI NGƯỜI (yaami

aha.m sukhito manussadeva): Nó cáo từ đức vua khi nói rằng, "do đó, bây giờ tôi được hạnh phúc, hỡi vị deva trong nhân loại, hỡi đại vương, và tôi sẽ .....thích" tôi sẽ đi đến bất cứ chỗ nào mà tôi thích.

Khi Ngạ quỉ đã ra đi sau khi cáo từ như vậy, vua Ajaatasattu nêu lên vấn đề ấy với các vị Tỳ kheo. Các vị Tỳ kheo đi đến Đức Thế Tôn và nêu vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh khởi và thuyết pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó. Khi họ đã nghe qua thời pháp này, thì họ từ bỏ bợn nhơ của lòng bỏn sẻn và thoả thích trong những việc phước như bố thí v.v...

---o0o---

[2.4]

II.09 QUỈ SỰ VỀ ANKURA (A"NKURA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Chính mục đích ấy mà chúng tôi đang đi".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Saavatthi, liên quan đến một peta tên là A"nkura . Trong trường hợp này, A"nkura đúng ra không phải là một Peta, nhưng vì những việc làm của vị ấy liên quan đến một Peta; Do đó câu chuyện này được gọi là A"nkura quỉ sự. Đây là câu chuyện tóm tắt.

Trong thành phố Asita~njana ở vùng Ka.msabhoga thuộc xứ Uttaraapatha, có sanh đến cho upasaagara, đứa con trai của vua Mahaasaagara, là người cai trị vương quốc Uttaramadhuraa, và đến cho Devagabbhaa, đứa con gái của Mahaaka.msaka (những đứa bé sau đây:) một đứa con gái là A"njanadevii và mười người anh của nàng là Vaasudeva, Baladeva, candadeva, suriyadeva, Aggideva, varunadeva, Pajjuna, Ajjuna, gha.tapa.n.dita và A"nkura - Cả thảy là mười một vị Sát Đế Lỵ. Bắt đầu từ kinh đô Asita~njana, Vaasudeva và những người em của vị ấy, bằng những cái đĩa, đã tiêu diệt các vị vua trong sáu mươi ba ngàn thành phố của tòan cõi Diêm Phù Đề, kết thúc tại Dvaaravatii . trong khi đang trú ngụ tại Dvaaravatii, họ chia vương quốc ra thành mười phần. Tuy nhiên họ đã quên phần cho đứa em gái A~njanadevii của họ, và khi sực nhớ đến nàng, họ bèn nói rằng, "chúng ta sẽ chia nó thành mười một phần", nhưng A"nkura, là đứa con trai nhỏ nhất nói rằng, "Các anh có thể cho nàng phần của tôi. Tôi sẽ kiếm sống bằng nghề buôn bán, và các anh có thể gởi đến cho tôi những món tiền thuế thu được từ những vùng của các anh". "tốt lắm", họ đồng ý và sau khi đã cho phần chia của A"nkura đến em gái của họ, thì chín vị Vua cùng sống chung tại Dvaaravatii . Tuy nhiên A"nkura thì mãi mê trong việc buôn bán và thường xuyên tổ chức những cuộc bố thí lớn. Bấy giờ, vị ấy có một người nô lệ làm viên giữ kho của vị ấy và là người có sự vui thích

trong tâm. Với lòng tịnh tín trong tâm, A"nkura kiếm về một người con gái của một gia đình tốt và gả nàng cho vị ấy. Vị ấy chết ngay khi đứa con trai của vị ấy đang sanh ra và A"nkura, vào lúc sanh, đã cho cậu bé vật thực và sự hưởng công mà vị ấy đáng ra phải trả cho cha của nó. Rồi khi cậu bé đến tuổi trưởng thành, vấn đề sanh lên trong hoàng gia rằng, liệu cậu ta có phải là một nô lệ hay không. Khi A~njanadevii nghe tin này,

nàng nêu gương con bò cái và giải thoát cho anh ta khỏi tình trạng nô lệ khi nói rằng, "Đứa con trai của một người đàn bà tự do thì chính người ấy cũng là người tự do". Nhưng chàng trai vì xấu hổ, không thể cam tâm sống ở đó được, bèn đi đến kinh đô Bheruva, là nơi mà anh ta kết hôn với đứa con gái của một người thợ may, và kiếm sống bằng nghề thợ may. Lúc bấy giờ, trong kinh đô Bheruva có một thương nhân giàu có tên là Asayhamahaase.t.thi, là người cúng dường những vật thực to lớn đến các Sa môn và Bà la môn, những người nghèo khổ, những người sống lang thang, những người lữ hành và những người ăn xin. Người thợ may đầy hoan hỷ và hạnh phúc, thường đưa lên cánh tay phải của ông ta và chỉ về chỗ ngụ của Asayhamahaase.t.thi cho những người mà không biết ngôi nhà của vị thương nhân giàu có, khi nói rằng, "Hãy đi đến đó và kiếm bất cứ cái gì có thể dùng được".

Những việc làm của ông ta được ghi lại trong kinh tạng. Trải qua một thời gian dài, ông ta chết và sanh trong một khu rừng hoang, làm một vị Devataa trong một cây đa, có cánh tay phải cho ra những ước muốn. Bấy giờ cũng tại Bheruva, có một người đàn ông chuyên trông coi những vật thí của Asayhase.t.thi, nhưng chính ông ta thì không có niềm tin cũng không có lòng tịnh tín, có tà kiến và không có lòng kính trọng trong việc phước. Khi ông ta chết ông ta sanh làm một Ngạ quỉ không cách xa chỗ ngụ của vị devaputta ấy. Những việc mà ông ta đã làm được ghi lại trong kinh tạng. Khi Asayhaase.t.thi chết ông ta ra đi cọng trú với sakka, vua của chư Thiên, trong cõi ba mươi ba.

Bấy giờ sau một thời gian, a.nkura mang những hàng hoá của ông ta trên năm trăm cỗ xe, một vị Bà la môn nọ cũng mang theo hàng hoá của ông ta trên năm trăm cỗ xe. V?i một ngàn cỗ xe này, hai người đi vào con đường trong một khu rừng hoang và bị lạc đường. Sau khi đi lang thang quanh quẩn ở đó trong nhiều ngày, họ hết cỏ, nước và vật thực. A"nkura sai những sứ giả cỡi ngựa đi tìm nước trong bốn hướng. Rồi vị yakkha ấy, với cánh tay mà có thể ban ra những ước muốn, trông thấy cảnh ngộ mà họ đã lâm vào và khi nhớ đến một vài sự giúp đỡ mà A"nkura đã làm cho vị ấy trong những ngày trước kia, bèn nghĩ rằng, "À được, ta phải giúp vị ấy?" và chỉ cho vị ấy trông thấy cây đa, nơi mà vị chư Thiên ấy sống. Tương truyền rằng, cây đa ấy có nhiều nhánh và lá sum suê, với những tàn lá dày đặc cho bóng mát và có vô số ngàn chồi non dài một do tuần, bề rộng và bề cao cũng vậy. A"nkura vô cùng sung sướng khi trông thấy nó và cắm trại ở dưới gốc cây ấy. Vị

Yakkha đưa lên cánh tay phải và trước hết cho mọi người uống nước no đủ, sau đó cho đến bất cứ ai bất cứ cái gì cần đến. Khi những người ấy đã được làm thoả mãn bằng nhiều loại đồ ăn và thức uống v.v... Như họ mong ước và hết mệt mỏi do đi đường xa, vị thương nhân Bà la môn ấy, bằng sự suy luận bất chánh, đã suy nghĩ rằng, khi chúng ta đã đi từ đây đến kampija để tìm kiếm của cải, thời chúng ta sẽ làm gì? Nhưng nếu bây giờ chúng ta bắt vị Yakkha này bằng một mưu mẹo nào đó và để vị ấy vào trong xe thời chúng ta mới có thể trở lại chính thành phố của chúng ta". Với ý nghĩ này trong tâm vị ấy nói lên hai câu kệ để cho a.nkura biết mưu kế của vị ấy:

1. Xét thấy rằng chúng ta đi đến Kamposa vì mục đích tầm cầu của cải, nhưng muốn đạt được mục đích phải nhờ vào vị Yakkha hằng ban cho những điều mong ước, sống ở cây đa này; vậy chúng ta hãy đem theo vị yakkha này!

2. Khi chúng ta đã mang được vị Dạ xoa này đi, hoặc là do sự bằng lòng của vị ấy hoặc bằng sự cưỡng bách, và để vị ấy vào trong một cỗ xe, thời chúng ta có thể đi nhanh đến Dvaaraka .

Chú giải:

1. Ở đây, MỤC ĐÍCH MÀ NHỜ ĐÓ (yassa atthaaya): Lý do mà nhờ đó. ĐẾN KAMBOJA (Kamboja.m): đến vương quốc của kamboja . NHỮNG NGƯỜI TẦM CẦU CỦA CẢI (dhanahaaraka) tìm cách để kiếm của cải bằng sự mua bán hàng hoá. HẰNG CHO RA NHỮNG ĐIỀU MONG ƯỚC (kaamadado): Hằng cho ra bất cứ cái gì được ưa thích. YAKKHA (yakkho): Deva putta. Chúng ta hãy đem theo (Niiyaamase = Nayissaama) (Thể văn phạm hoán chuyển).

2. VỚI SỰ BẰNG LÒNG CỦA VỊ ẤY (....): sadhukena (....): Bằng sự nài xin vị ấy. BẰNG ÁP LỰC (Pasayha): Sau khi ép vị ấy bằng cách dùng sức mạnh. TRÊN MỘT CỖ XE (yaana.m): trên một chiếc xe thuận tiện. ĐẾN DVAARAKA (dvaaraka.m): đến thành phố dvaaravatii . Ý nghĩa ở đây là: Chúng ta muốn đi từ đây Kampoja vì một mục đích. Mục đích ấy, sẽ được nhận ra bằng chuyến đi xa ấy, có thể được hoàn thành ngay tại đây. Đây là vị Dạ xoa có thể ban cho mọi điều mong ước. Do đó, chúng ta sẽ nài xin vị Dạ xoa này, và tiến hành bằng sự bằng lòng của vị ấy hay, nếu vị ấy không được thuyết phục, thời chúng ta sẽ đặt vị ấy trong cỗ xe bằng cách dùng sức mạnh, trói vị ấy ở buồng sau trong chiếc xe, và rồi đi nhanh mang theo vị ấy từ đây đến Dvaaravatii .

Tuy nhiên khi vị Bà la môn đã nói vậy, thì A"nkura, kiên cố trong pháp của bậc chân nhân, đã nói lên câu kệ này để phản đối điều đã được nói ra:

3. Người không nên bẻ gãy những nhánh của cây mà người đã ngồi ở dưới bóng mát của nó, vì làm hại một người bạn quả thật là một điều ác.

Chú giải:

3. Ở đây, NGƯỜI KHÔNG NÊN BẺ GÃY (Na bhanjeyya): Người không nên chặt đứt. LÀM HẠI CHO MỘT NGƯỜI BẠN: Mittadubbho = Mittesu dubbhana.m (phối hợp cách), gây tai hại cho chúng. Sẽ là một việc ác (paapako): Làm tổn thương một người bạn sẽ không may mắn. Cây mà bóng mát của nó giúp xua tan cơn mệt của người bị nắng nóng - Người cũng không nên nghĩ xấu cho nó, đối với những chúng sanh hữu tình thì còn tệ hơn biết bao nhiêu nữa? Bấy giờ vị chư Thiên này là một thiện nhân đã có tâm tri ân lớn, đã giúp đỡ chúng ta làm vơi giảm nỗi đau khổ. Người không nên nghĩ sẽ làm điều gì tai hại cho vị ấy. Chắc chắn người ấy nên được tôn kính thì đúng hơn - đây là điều mà vị ấy đã nêu ra.

Khi nghe qua điều này, vị Bà la môn, khi dựa vào quy tắt khéo được thành lập rằng xử dụng hành động đạo đức giả để tiêu diệt là nền tảng của sự thành công, bèn thốt lên câu kệ này khi đặt mình vào vị trí đối lập với A"nkura:

4. Người nên đốn hạ thân của cây mà người đã ngồi hay nằm ở dưới bóng mát của nó, nếu người ấy cần đến nó.

Chú giải:

4. Ở đây, NẾU THÂN CÂY ẤY LÀ NHU CẦU CỦA NGƯỜI (attho ce taadiso siyaa): nếu nhu cầu của người là muốn được đống thân cây ấy, thì người nên đốn hạ ngay cả thân của cây ấy, như thế những nhánh của nó thì sá gì - đây là ý nghĩa.

Khi vị Bà la môn đã nói theo cách này, thì A"nkura nói lên câu kệ này để đề cao pháp của Bậc thiện nhân:

5. Người không nên làm hại những lá của cây mà người đã ngồi hay nằm dưới bóng mát của nó, vì kẻ làm hại một người bạn thì quả thật là người độc ác.

Chú giải:

5. Ở đây, NGƯỜI KHÔNG NÊN LÀM HẠI NHỮNG NGỌN LÁ (na tassa patta.m hi.mseyya): Người không nên làm cho rụng xuống ngay cả một ngọn lá của cây, chớ đừng nói gì những nhánh của nó - đây là ý nghĩa.

Vị Bà la môn lại nói lên một câu kệ để đề cao quan điểm của ông ta:

6. Người nên nhổ lên cây ấy ngay cả với những chồi rễ của nó, nhổ lên cây mà người ấy ngồi hay nằm dưới bóng mát của nó, nếu đó là nhu cầu của vị ấy.

Chú giải:

6. Ở đây, NGƯỜI NÊN NHỔ NÓ LÊN CÙNG VỚI CẢ NHỮNG RỄ CỦA NÓ (samuula.m pi ta.m abbuyha): Người nên nhổ nó lên ở đó, nghĩa là, bứng nó lên, cùng với cả những rễ của nó, kéo theo những rễ của nó:

Khi vị Bà la môn đã nói theo cách này thì A"nkura bèn nói lên ba câu kệ, vì muốn làm cho quan điểm của vị Bà la môn trở nên vô nghĩa:

7. Người không nên mưu tính làm một điều ác ngay cả trong tâm của mình để chống lại người mà mình đã ở lại đêm trong nhà của người kia, và là chỗ mà người ấy đã có được đồ ăn và thức uống - sự tri ân được các Bậc thiện Nhân hằng khen ngợi.

8. Người không nên mưu tính một việc ác ngay cả trong tâm của mình để làm hại người mà người ấy đã ở lại trong nhà của người mà mình đã được tiếp đãi bằng đồ ăn và thức uống - cánh tay không chìu theo điều ác sẽ đốt cháy kẻ làm hại bạn của mình.

9. Người mà trước kia đã được người ta ban cho một điều khả ái và về sau người ấy làm hại ân nhân của mình bằng một việc ác, người ấy là người làm hại kẻ vô tội, người ấy sẽ không thấy điều may mắn.

7. DẦU TRONG MỘT ĐÊM (ekarattimpi): người ấy đã ở lại trong nhà của người kia dầu chỉ trong một đêm rất ngắn ngủi. NƠI MÀ NGƯỜI ẤY ĐÃ ĐƯỢC ĐỒ ĂN VÀ THỨC UỐNG (Yatthi annapaana.m puriso labhetha): trước mặt người ấy, bất cứ ai cũng được đồ ăn và thức uống hay một sự nuôi ăn nào đó. MỘT NGƯỜI KHÔNG NÊN MƯU TÍNH MỘT

VIỆC ÁC NGAY CẢ TRONG TÂM MÌNH ĐỂ LÀM HẠI NGƯỜI KIA (Na tassa paapa.m mamasaa pi cetaye): Một người không nên nghĩ, không nên mong muốn điều xấu hay ác cho ân nhân của mình ngay cả trong tâm của mình, đừng nói gì dùng thân và khẩu để làm hại. Tại sao vậy? SỰ THI ÂN ĐƯỢC CÁC BẬC THIỆN NHÂN HẰNG KHEN NGỢI (Kata~n~nutaa sappurisehi va.n.nitaa) ngươi có sự tri ân quả thật được chư Phật v.v... Tán dương, là người tối thắng nhất trong những bậc chân nhân.

8. ĐÃ ĐƯỢC TIẾP ĐÃI (Upa.t.thito): Được cung cấp bằng đồ ăn và thức uống, đã được hầu hạ bằng những lời "hãy lấy cái này, hãy ăn cái này" CÁNH TAY KHÔNG CHÌU THEO ĐIỀU TỔN HẠI (adubbhapaanii): Cánh tay không quen

hại người, cánh tay được kềm chế. ĐỐT CHÁY KẺ LÀM HẠI MỘT NGƯỜI BẠN (Dahate mitta dubbhi.m): Nó đốt cháy, nó tiêu diệt, kẻ hại một người bạn. Một tội lỗi, đã gieo nên, nhắm đến những người mà có những thiện ý và không lỗi lầm, do bởi một người khác, sẽ đem lại sự suy sụp cho chính người kia, không có sự ngoại lệ nào. Về nội dung thực tiễn của nó, người mà không có lỗi quả thật đốt cháy người kia. Vì lý do này, Đức Thế Tôn nói rằng, "Người mà làm hại kẻ không lỗi lầm, bậc thanh tịnh và không có sự chê trách, thời điều ác ấy sẽ dội ngược lại chính kẻ ngu ấy như bụi tung ngược chiều gió".

9. NGƯỜI MÀ TRƯỚC KIA ĐƯỢC NGƯỜI TA BAN CHO MỘT HÀNH ĐỘNG KHẢ ÁI (Yo pubbe katakalyaano) Người mà đã được người ta đem đến một vài điều tốt, được giúp đỡ bởi một người có giới đức nào đó. VÀ NGƯỜI MÀ VỀ SAU LÀM HẠI ÂN NHÂN CỦA MÌNH BẰNG MỘT VIỆC ÁC (Pacchaapaapena himsati): Và người mà trong một thời điểm tương lai nào đó giáng xuống một hành động ác, sự rủi ro, điều xấu, đến người đã thi ân cho người ấy. LÀ NGƯỜI BỊ BÀN TAY SẠCH TIÊU DIỆT (allapaa.nihato poso): người ấy bị tiêu diệt, người ấy bị giáng xuống, theo cách như đã kể trên, do bởi chính sự thự hành việc thi ân bởi bàn tay sạch, bởi người mà đã thi ân cho người ấy, khi làm như vậy bằng bàn tay sạch, bàn tay đã được rữa sạch, hay nói cách khác chính bàn tay sạch của người ấy đã bị tiêu diệt, rồi nó bị tiêu diệt, vì người ấy đã tấn công kẻ đã thi ân cho mình; người ấy là một kẻ vô ân. Người ấy sẽ không thấy điều may mắn (Na so shadraani passati): Loại người đã được giải rõ như vậy sẽ không thấy, tức là, không tìm thấy, sẽ không có được, hạnh phúc ở trong đời này hay đời sau.

Vị Bà la môn bị đánh bại như vậy bởi A"nkura bằng sự đề cao thiện nhận pháp, chẳng nói thêm một lời nào nữa và nín thinh. Tuy nhiên, khi đã nghe cuộc nói chuyện qua lại này giữa hai người trong bọn họ và, dầu tức giận vị Bà la môn, vị yakka vẫn nghĩ rằng, "Bây giờ cứ để như thế, về sau ta sẽ quyết định điều gì nên làm đối với vị Bà la môn độc ác này", và rồi nói lên câu kệ này để cho thấy phạm vi không thể thắng phục vị ấy bởi bất cứ một người nào khác:

10. Chẳng phải deva hay người hay quyền lực nào khiến ta dễ dàng bị nhiếp phục - ta là một Yakkha, đã đạt đến năng lực thần thông cao tột, quảng đại và có sắc đẹp cùng sức mạnh.

Chú giải:

10. Ở đây, BỞI DEVA (Devena): Bởi bất cứ vị chư Thiên nào. BỞI NGƯỜI (Manussenavaa): Hạng người như thế cũng được áp dụng ở đây. CŨNG CHẲNG PHẢI QUYỀN LỰC NÀO (Issariyenavaa) cũng chẳng phải bằng quyền lực cai trị

chư Thiên hay bằng quyền lực thống trị loài người - sự thống trị các chư Thiên nghĩa là bằng năng lực chư Thiên của bốn vị thiên vương Sakka, Suyaama và những vị khác nữa, trong khi sự thống trị loài người nghĩa là năng lực xuất phát từ những việc phước của một vị chuyển luân vương. Do đó bằng sự thống trị bao gồm những người có đại oai lực ở trong chúng chư Thiên và nhân loại. Ngay cả những vị chư Thiên có đại oai lực cũng không thể chinh phục những người mà đã được nâng đỡ bằng quả của những việc phước của họ và khi không thể bị đánh bại bởi những phương tiện ấy, như vậy thì những người khác làm gì được. Hạm (không dịch được) là tiểu từ không biến đổi, chỉ về sự bất khả năng. KHÔNG DỄ DÀNG NHIẾP PHỤC ĐƯỢC (Na suppasayho): Không thể tiêu diệt được. TA LÀ MỘT YAKKHA ĐÃ ĐẠT ĐẾN NĂNG LỰC THẦN THÔNG CAO TỘT (Yakkho ha.m asmi paramiddhipatto): Bằng chính những việc phước của ta, ta đã đi vào trạng thái của một vị Yakkha. Không có ai mà bằng với một yakkha như ta cả. Hơn nữa, ta đã đạt đến thần thông cao tột. Ta có thần thông tối thượng của một vị yakkha. CÓ SẮC ĐẸP VÀ SỨC MẠNH (Va.n.nabalupapanno): Có được, sở hữu, sắc đẹp và sức mạnh thể xác. Bằng Mantra, gồm ba chữ này vị ấy có thấy tánh chất bất khả thuyết phục chính vị ấy. Toàn hảo về sắc tướng, vị ấy được tôn kính bởi những kẻ khác; bởi vì vi ấy có sắc đẹp ấy nên không bị làm thất bại bởi những kẻ phi thường. Tánh cách sở hữu những tướng tốt ấy được xem là lý do về tánh bất khả thuyết phục của vị ấy.

Từ đây trở đi có một cuộc trao đổi chuyện trò bằng mười sáu câu kệ, giữa A"nkura và vị Devaputta:

11. Bàn tay của ngươi hoàn toàn bằng vàng, là cái chứa đựng của bộ năm, và có mật ong chảy ra, nước trái cây có nhiều hương vị khác nhau - Tôi nghĩ rằng Ngài phải là một Purindada ".

12. "Tôi không phải là Deva hay Gandhabba, cũng chẳng phải là Sakka Purindada ; là một Peta mà Ngài sẽ biết tôi, này A"nkura này người đến đây từ Bheruva "

13. "Hạnh kiểm và tánh nết của Ngài như thế nào trước kia khi Ngài còn ở Bheruva? Điều phước cho kết quả trong bàn tay này là do bởi loại phạm hạnh nào?"

14. "Trước kia tôi là một người thợ may ở trong thành bheruva, lúc bấy giờ tôi chịu khó khăn lớn và sống cuộc đời rất cực khổ. Tôi chẳng có gì để bố thí

15. Nhưng tiệm may của tôi thì ở rất gần Asayha, là người có đức tin và là bậc thầy trong việc bố thí, một người có lương tâm,đã thực hành những việc phước.

16. Những người ăn xin và những người đi đường thuộc nhiều bộ tộc khác nhau thường đi đến đó và họ cũng thường hỏi tôi về chỗ ngụ của Asayha rằng, "Xin chúc lành đến Ngài! Chúng tôi nên đi đâu,những vật thí được cho ra ở đâu?"

17. Khi được hỏi như vậy, tôi thường đưa lên cánh tay phải cuả tôi và chỉ về chỗ ngụ của Asayha cho họ thấy và nói rằng, "Xin chúc lành đến các người! các người nên đến

đó, vật thí được cho ra ở đó tại chỗ ngụ của Asayha".

18. Vì lý do này khiến bàn tay của tôi ban ra những điều mong ước, vì lý do này khiến bàn tay của tôi có mật ong chảy ra, điều phước mà cho kết quả trong bàn tay này là do bởi loại phạm hạnh này".

19. Người ta nói rằng ngài không bố thí vật thực đến ai cả bằng chính tay của ngài nhưng vì ngài hoan hỉ với những vật thí của người khác nên ngài đã đưa lên bàn tay của ngài và chỉ đường.

20. Vì lý do này nên bàn tay của ngài cho ra những điều mong ước, vì lý do này khiến bàn tay của ngài có mật ong chảy ra, do bởi loại phạm hạnh này khiến điều phước cho quả trong bàn tay của ngài.

21. Thưa Ngài, người mộ đạo là người đã cho ra những vật thí bằng chính bàn tay của mình, khi người ấy rời bỏ thân người, sẽ đi về chỗ nào?

22. "Tôi không biết trạng thái đi và đến của A.ngiirasa, người mà chịu đựng điều quá sức chịu đựng, nhưng tôi đã nghe ở trước mặt của Vessavana rằng Asayha đã đi cọng trú với Sakka ".

23. "Thật đầy đủ để làm những việc thiện và cho ra những vật thí thích hợp. Sau khi trông thấy bàn tay cho ra những điều mong ước này, ai mà lại không thực hành những việc phước?

24. Như vậy, khi tôi đã đi từ đây và trở lại Dvaaraka, tôi sẽ bố thí những vật thực để đem lại hạnh phúc cho tôi.

25. Tôi sẽ cho đồ ăn và thức uống, y phục và chỗ ngụ, những chỗ cho nước ở bên vệ đường, những cái giếng và những chiếc cầu ở những chỗ mà khó đi qua.

Chú giải:

11. Ở đây, BÀN TAY CỦA NGÀI (Paanite): Bàn tay phải của Ngài. HOÀN TOÀN BẰNG VÀNG (Sabba so va.n.no) có màu vàng ở khắp cả, VẬT CHỨA ĐỰNG GỒM BỘ NĂM (Pa~ncadhaaro): nó được xem là vật chứa đựng của bộ năm: bởi vì bằng năm ngón tay của nó, nó có những cái mạng đỡ vật mà được mọi người mong ước. CÓ MẬT ONG CHẢY RA (Madhussayo): Có những loại nước cốt ngọt đang chảy ra. Vì lý do này, vị ấy nói rằng, NHỮNG LOẠI NƯỚC CỐT CÓ NHIỀU HƯƠNG VỊ CHẢY RA THÀNH NHỮNG DÒNG NHỎ TỪ ĐÓ (naanaarasaa paggharanti): Nghĩa là nhiều loại nước cốt ngọt chua, hăng v.v... Chảy ra từ nó. Khi bàn tay của một vị Yakka, cho ra những điều mong ước, đang phân phát nhiều loại vật thực cứng và mềm, có chảy ra mật ong, TÔI CHO RẰNG NGÀI PHẢI LÀ Rurindada (Ma~n~ne' han ta.m purindada.m): Tôi nghĩ rằng Ngài phải là Sakka purindada, nghĩa là tôi nghĩ rằng Ngài phải là sakka, vua của chư Thiên, là người có Đại oai lực như vậy.

12. TÔI KHÔNG PHẢI LÀ DEVA (n'amhi devo): Tôi không phải là một Deva như là Vassavana v.v... CŨNG CHẲNG PHẢI LÀ GANDHABBA (na gandhabbo): Tôi cũng chẳng phải là Deva của hội chúng Càn Thát bà. Cũng chẳng phải sakka purindada (na pisakko

purindado) tôi cũng không phải là sakkha, vua của chư Thiên, có cái tên là Purindada vì trong quá khứ (pure) đã cung cấp những vật thí (daanassa) trong một kiếp trước. Như vậy vị ấy là gì? Vị ấy nói rằng, NGÀI NÊN BIẾT TÔI LÀ MỘT PETA, THƯA NGÀI AṆKURA (Peta.m a.nkura jaanaahi): ngài nên biết tôi là một kẻ đã sanh làm một Peta, thưa ngài A"nkura, ngài nên xem tôi là một Peta, có Đại thần thông thực. LÀ NGƯỜI ĐÃ ĐẾN ĐÂY TỪ Bheruva (Bheruvahaa idhaagata.m): là người sau khi mang chung từ Bheruva, đã đến đây bằng sự hoá sanh của tôi trong cây đa này đây, ở giữa khu r?ng hoang này, nghĩa là kẻ sanh lên ở đây.

13. NGÀI CÓ HẠNH KIỂM NÀO. TÁNH NẾT NÀO, KHI NGÀI CÒN Ở BHERUVA? (Ki.msìlo ki.msamaacaaro bheruvasmi.m pure tuva.m): Trước kia, trong một kiếp quá khứ, khi Ngài còn trú ngụ ở trong thành Bheruva, thì Ngài có hạnh kiểm gì, tánh nết gì? sau khi thực hành theo loại hạnh kiểm nào mà có đặc tánh tránh xa những ác nghiệp của Ngài, do bởi tánh nết mà có đặc tánh hướng về sự thực hành những việc phước, nghĩa là Ngài có hạnh kiểm nào thuộc về thiện hạnh như bố thí v.v...? DO BỞI PHẠM HẠNH NÀO KHIẾN ĐIỀU PHƯỚC CHO

QUẢ TRONG BÀN TAY NÀY? (Kena tebrahmacariyena pu~n~na.m paa.nimhi ijjhati): Do bởi loại phạm hạnh thù thắng nào khiến cho có quả phước như thế này bây giờ chín muồi và có hiệu quả trong bàn tay của Ngài, nghĩa là xin hãy nói cho tôi biết điều ấy. Do việc phước, ám chỉ về quả của việc phước, do sự đọc lướt của chữ thứ hai trong chữ kép. Vì hiển nhiên chính điều này nên dược gọi là "phước" ở đoạn kinh,"chính do gieo tạo những thiện nghiệp theo cách này, này các vị Tỳ kheo, nên phước này tăng trưởng v.v..."

14. NGƯỜI THỢ MAY (Tunnavàyo): Người thợ làm kim. TÔI SỐNG MỘT CUỘC SỐNG VẤT VẢ: Sukicchavutti= su.t.thu kiccha vuttiko (Phối hợp cách): tôi có một cuộc sống cực khổ vô cùng, TÔI BỊ KHỔ CỰC LỚN (kapa.no): Tôi nghèo khổ, nghĩa là tôi ở trong một trạng thái khốn khổ. TÔI CHẲNG CÓ GÌ ĐỂ BỐ THÍ (Na me vijjati Daatave): Tôi chẳng có gì xứng đáng để cho ra, chẳng có gì để cho đến những người nghèo khổ, đến những vị Sa môn và những vị Bà la môn, dầu tôi có những ý tưởng muốn bố thí những vật thực - đây là ý nghĩa.

15. XƯỞNG LÀM VIỆC (aavesana.m): Nhà, hay một phòng để làm việc. RẤT GẦN VỚI Asayha (Asayhassa uppantike): Gần nhà của đại thương nhân giàu có asyaha. MỘT NGƯỜI CÓ ĐỨC TIN (saddhassa) có đức tin về quả của các nghiệp. BẬC THẦY TRONG SỰ THỰC HÀNH BỐ THÍ (Daanapatino): về sự thực hành bố thí thì vị ấy là bậc thầy do sự chế ngự tham và do sự thù thắng của việc bố thí mà đã tiếp tục không gián đoạn. LÀ NGƯỜI ĐÃ THỰC HÀNH NHỮNG VIỆC PHƯỚC (Katapu~n~nassa): Là người thực hành những việc thuộc thiện hạnh trong quá khứ. MỘT NGƯỜI CÓ LƯƠNG TÂM (lajjino): một người có tánh nhờm gớm những ác nghiệp.

16. Ở ĐÓ (Tattha): Đến cửa tiệm ấy của tôi. NHỮNG NGƯỜI ĂN XIN THƯỜNG HAY ĐẾN (Yaacanakaayanti): Những kẻ ăn xin thường hay đến vì muốn xin một cái gì đó từ (Asayhase.t.thi). GỒM NHIỀU LOẠI BỘ TỘC (naanaagottaa): Nhiều bộ tộc và nhiều miền

khác nhau. NHỮNG KHÁCH ĐI ĐƯỜNG (Va.n.nibbakaa): những kẻ nói lời khen ngợi người khác, họ là những kẻ lang thang đi đây đó công bố tính chất chính đáng đối với một miếng cơm đáng được ca ngợi v.v... Ca ngợi giới đức, những quả báu và những việc phước của người mà bố thí. VÀ HỌ THƯỜNG HỎI TÔI (Ca ma.m tattha pucchanti): Tattha không được dịch chỉ là một tiểu từ không biến đổi; những người ăn xin ấy và những người khác thường hỏi tôi về chỗ ngụ của Asayha, là vị thương nhân giàu có. XIN CHÚC ÔNG MAY MẮN! CHÚNG TÔI NÊN ĐI ĐÂU? NHỮNG VẬT THÍ ĐƯỢC CHO Ở ĐÂU? (Kattha gacchaama bhadda.m vo kattha daana.m padiiyati): Điều này cho thấy cách mà họ hỏi. Đây là ý nghĩa: xin chúc Ngài may mắn! Chúng tôi đã đến sau khi nghe rằng, "Những vật thí đã được cho ra ở đây, bởi Asayhase.t.thi . Ở đâu những vật thí

được cho ra? Hay chúng tôi sẽ đi đâu- Phải đi đến đâu để chúng tôi có thể kiếm được những vật thí ấy?

17. ĐƯỢC HỎI NHƯ VẬY, TÔI BÈN CHỈ RA (Tesaaha.m pu.t.tho akhaami): Khi được hỏi như thế này bởi những người đi đường ấy về chỗ mà họ, có thể nhận được vật thực bố thí, tôi thường cung kính đưa bàn tay phải của tôi nói cho họ, biết về chỗ ngụ của Asayha khi nghĩ rằng: "Do không làm những việc phước trong quá khứ nên bây giờ tôi không thể cho ra cái gì đến những người như thế này. Tuy nhiên, tôi có thể tạo ra điều phước một cách rất ít ỏi, như hoan hỉ nói cho họ biết về cách để có được những vật thí này bằng cách chỉ cho họ ngôi nhà, nơi mà những vật thí cho ra. Vì lý do này, vị ấy nói rằng, "Tôi đưa lên cánh tay phải của tôi v.v...

18. VÌ LÝ DO NÀY KHIẾN CÁNH TAY CỦA TÔI BAN RA NHỮNG ĐIỀU MONG ƯỚC: (Tena paa.ni kaamadado): vì đã làm cho những người khác biết những vật thí của người khác, vì chỉ có hoan hỉ kèm theo sự tôn kính đối với những vật thí được làm bởi người khác, nên bàn tay của tôi ban ra những ước muốn như cây như ý. Như cây leo (Santaana), nó ban ra những điều mong ước, nghĩa là cho ra bất cứ cái gì người ta cần đến. VÌ LÝ DO NÀY KHIẾN BÀN TAY CỦA TÔI CÓ MẬT CHẢY RA (Tena paa.ni madhussavo): Nó hiện ra để phân phối những điều khả ái.

19. Người ta nói rằng, NGÀI ĐÃ KHÔNG CHO RA NHỮNG VẬT THÍ (na kira tva.m adaa daana.m) "Kira" là một tiểu từ không biến đổi về lời đồn. Tương truyền rằng Ngài đã không bố thí của cải của chính Ngài, rằng ngài đã không bố thí một vật gì đến ai cả, dầu đến Sa môn hay Bà la môn, bằng chính tay của Ngài. NHƯNG NHỜ HOAN HỶ VỚI NHỮNG SỰ BỐ THÍ CỦA KẺ KHÁC (Parassa daana.m anumodamaano): Nhưng ngài có tâm hoan hỉ với những vật thí được làm bởi những người khác và nghĩ rằng, "Ồ, ông đang ban bố những vật thí vĩ đại biết bao!"

20. VÌ LÝ DO NÀY KHIẾN BÀN TAY CỦA NGÀI BAN RA NHỮNG ĐIỀU ƯỚC MUỐN (Tena paa.ni kaamdado): "Vì lý do này mà bàn tay này của Ngài ban ra những điều mong ước theo cách này. Ồ, quả thật là kì diệu về những việc phước!" Đây là ý nghĩa.

21. THƯA NGÀI, NGƯỜI CÓ TÂM ĐẠO LÀ NGƯỜI ĐÃ CHO RA VẬT THÍ BẰNG CHÍNH TAY CỦA MÌNH (Yo so daana.m adaa bhante passanno sakapaa.nihi): bằng sự tôn kính, vị ấy nói với Devaputta là "Thưa Ngài, vì chỉ do sự hoan hỉ với những vật thí được làm

bởi những người khác, thưa Ngài, Đó là quả, đó là oai lực. Cái đó đã đến với Ngài. Nhưng chính Asayha, vị thương nhân

giàu có, là người đã cho ra vật thí vĩ đại ấy và có tâm hoan hỉ vào lúc vị ấy cho ra những vật thí vĩ đại ấy bằng chính tay của vị ấy. "KHI VỊ ẤY TỪ BỎ THÂN NGƯỜI (So hitvaa maanusa.mdeha.m). Khi vị ấy bỏ trạng thái làm người này ở đây. VỊ ẤY ĐÃ ĐI ĐẾN CHỖ NÀO? (Disata.mgato): ở hướng nào đến chỗ nào, vị ấy đã đi; "vị ấy chấm dứt bằng loại số phận nào?"

22. NGƯỜI MÀ CHỊU ĐIỀU QUÁ SỨC CHỊU ĐỰNG (Asayha Saa hino): Vị ấy là người chịu đựng điều quá sức chịu đựng, vì vị ấy, dầu chưa phải bậc chân nhân, nhưng đã có đức tánh chịu đựng cao để làm theo pháp hành của bậc chân nhân về các vấn đề như bố thí v.v... mà không thể nào chịu đựng được bởi những người có tánh bần tiện và tham lam. CỦA A"NGIIRASA (Angiirassa) của người mà từ những chi thể của người ấy sự chói lọi phát ra. Ra sa là một cách nói ẩn dụ về "Sự rực rỡ". Tương truyền rằng khi vị ấy trông thấy những người ăn xin đi đến thì niềm hỉ lạc lớn sanh lên trong vị ấy và sắc tướng của vị ấy trở nên sáng chói. Vị ấy thường nói như vậy khi vị ấy trông thấy chính điều này. SỰ ĐI VÀ SỰ ĐẾN (Gati.m aagati.m vaa): Tôi không biết sự đi, nghĩa làm người ấy đã đi từ đây đến định xứ nào đó, cũng không biết sự đến, nghĩa là, người ấy đã đến đây từ một chỗ đó vào giờ đó, điều này không nằm trong khả năng của tôi. NHƯNG TÔI ĐÃ NGHE NÓI TỪ TRƯỚC MẶT CỦA VESSAVANA (Suta~n ca me Vessavanassa santike): Tuy nhiên tôi đã nghe được điều này ở trước mặt của Đại vương Vessanvana trong khi đang hầu vị ấy. RẰNG ASAYHA ĐÃ CỌNG TRÚ VỚI SAKKA (Sakkassa sahavyata.m gato asayho) : Rằng Asayyhase.t.tthi) đã cọng trú với Sakkha, vua của chư Thiên, nghĩa là vị ấy đã sanh trong cõi trời Ba mươi ba.

23. LÀM NHỮNG VIỆC THIỆN LÀ PHẢI LẼ (Ala.m eva kaatu"m kalyaana.m): Thật thích hợp và hữu lý để làm những việc gọi là khả ái, thiện, và phước. Tuy nhiên để cho thấy rằng về vấn đề này có điều dễ chịu và cởi mở cho tất cả, "và cho những vật thí là thích hợp" được nói đến. Điều thích hợp là cho ra những vật thí theo đúng với khả năng phương tiện của mình. Rồi vị ấy nêu ra lý do: SAU KHI THẤY BÀN TAY NÀY MÀ CHO RA NHỮNG ƯỚC MUỐN (paanikaama.da.da.m disvaa): Bởi vì không những nói cho biết con đường dẫn đến chỗ ngụ của bậc Thầy về việc thực hành bố thí sau khi đã hoan hỉ với những việc phước được làm bởi một người khác, cánh tay này làm công việc ban ra những điều mong ước cũng được trông thấy. Sau khi thấy điều này ai sẽ không làm những việc phước, là sự nâng đỡ trong kiếp sống tương lai? Sau khi đã cho thấy sự đánh giá cao của vị ấy về sự thực hành những việc phước một cách mơ hồ như thế này vị ấy nói lên câu kệ như sau: "Khi tôi đã đi khỏi đây" để cho thấy sự cam kết của vị ấy.

24. TÔI: So = so aha.m ("thể văn phạm hoán chuyển"). Hi (không được dịch) là một tiểu từ dùng để nhấn mạnh. Như vậy (Numa) là một tiểu từ về sự suy quán. KHI TÔI ĐÃ ĐI KHỎI ĐÂY. (Ito gantvaa): khi tôi đã rời khỏi vùng hoang vu này. KHI TÔI TRỞ LẠI DVAARAKA (anuppatvaana dvaaraka.m): và đã trở lại kinh đô Dvaaravati . TÔI SẼ CUNG CẤP (Pa.t.thapayissaami): Tôi sẽ ban ra.

Dạ xoa lấy làm rất hoan hỷ khi nghe A"nkura nguyện rằng vị ấy sẽ bố thí những vật thực, bèn sách tấn vị thương nhân làm những việc phước thí khi nói rằng, "Ngài nên cho ra những vật thí một cách rộng rãi, thưa Ngài. Tôi sẽ giúp ngài bằng cách sắp xếp những công việc bằng cách nào đó để những vật thí của Ngài không bị cạn kiệt". (Khi quay qua vị Bà la môn), vị ấy nói tiếp rằng. "Trong khi ông, này ông thương nhân Bà la môn, không biết khả năng của chính mình mà dám nói rằng ông muốn mang đi một người như ta bằng cách xử dụng sức mạnh", và sau khi khiến cho những hàng hoá của ông ta biến mất, đe doạ ông ta, doạ sẽ hại ông ta bằng sự tấn công của một Dạ xoa. Rồi A"nkura nài nỉ vị ấy bằng nhiều cách, và làm nguôi ngoai vị da xoa bằng cách bảo vị Bà la môn xin lỗi, và nhờ đó khiến cho tất cả hàng hoá của ông ta xuất hiện trở lại. Khi đêm đến, vị ấy để Dạ xoa ra đi và, trong khi tiếp tục đi trên con đường của vị ấy, trông thấy một Ngạ quỉ nọ ở gần trước mặt vị ấy, trông rất kinh khiếp, vị ấy nói lên câu kệ này để dò hỏi về nghiệp mà nó đã tạo;

26. "Vì lý do gì khiến những chi thể của ngươi méo mó và khuôn mặt của ngươi nhăn nhó? Và tại sao hai con mắt ngươi lại chảy giọt? ác nghiệp nào được làm bởi ngươi?"

Chú giải:

26. Ở đây, méo mó (Ku.na aa) khòm, cong queo, không thẳng. NHĂN NHÓ (Ku.naliikata.m): Xấu xí, méo mó, dị tật. CHẢY RÒNG (Paggaharanti): chảy ra những vật bất tịnh.

Rồi Ngạ quỷ nói lên ba câu kệ:

27. Tôi đã trông coi những vật thí trong phước xá của Angiirassa, là vị gia chủ yêu quê hương và là một người có đức tin.

28. Tôi đã trông thấy những người ăn xin ở đó đến trong trạng thái cần vật thực, Tôi bước qua một bên và nhăn mặt.

29. Vì lý do này nên tay chân của tôi bị méo mó và khuôn mặt của tôi bị nhăn nhó; Đây là lý do khiến mắt của tôi rỉ chảy. Đây là ác nghiệp được làm bởi tôi.

Chú giải:

27. Ở đây, CỦA A"NGIRASSA (A"ngirassassa) v.v... Ngạ quỷ dùng những thuộc tính này để khen ngợi Asayhase.t.tthi . Yêu Quê Hương (Chara.m esino): ở tại nhà, trú ngụ ở trong nhà. TRONG PHƯỚC XÁ (Daanavigge): Trong nhà nơi mà những vật thí được cho ra ở chỗ phân phát. TÔI ĐƯỢC GIAO TRÁCH NHIỆM TRÔNG COI NHỮNG VẬT THÍ (Daane adhikato ahu.m): Tôi được đặt vào địa vị trông coi những vật thí, phân phát những vật thí.

28. TÔI BƯỚC QUA MỘT BÊN (Ekamanta.m apakkamma): Khi ông ta trông thấy những người ăn xin đến xin vật thực thì người mà trông nom những vật thí không nên khỏi nhà, nơi mà những vật thí được cho ra. Ông ta ở lại ngay chính chỗ đó và đầy hỉ lạc và có sắc tướng tươi sáng, cho ra những vật thí bằng chính tay của ông ta, và bảo những người khác cho chúng một cách thích hợp. Còn tôi thì chẳng hành động theo cách này,

khi đứng ở đằng xa, tôi trông thấy những người ăn xin đi đến, tôi bèn bước qua một bên và tránh mặt. Khi đã bước qua một bên, tôi nhăn nhó mặt mày, tôi nhăn nhó và cau mặt.

29. VÌ LÝ DO ẤY (Tena): Bởi vì, trong khoảng thời gian mà tôi được ông chủ chỉ định trông coi việc bố thí, tôi đã bị xâm chiếm bởi tánh bần tiện trong lúc đem cho những vật thí và đã rời khỏi nhà, nơi mà những vật thí được cho ra, nên tôi đã đạt đến trạng thái cong queo của bàn chân; Bởi vì tôi đã không cho cái mà đáng lẽ phải được cho bởi chính hai tay của tôi, nên tôi đã đạt đến trạng thái cong queo của bàn tay; Vì tôi không có những đặt tánh tươi vui mà đáng ra tôi cần phải có, nên tôi đã đạt đến trạng thái quạu cọ của mặt mày; Trong khi đó vì tôi không nhìn bằng con mắt từ ái mà đáng ra tôi phải nhìn như thế, nên tôi mới bị sắc tướng mờ tối này. Do đó, những ngón tay và những ngón chân của tôi đã trở nên cong queo, mặt của tôi trở nên méo mó, có hình tướng khó coi và nhăn nhó, và đôi mắt của tôi thì chảy ra những vật bất tịnh, có mùi hôi thối, nhơ nháy - đây là ý nghĩa.

Vì lý do này vị ấy nói rằng:

30. "Vì lý do ấy mà tay chân của tôi bị méo mó và mắt của tôi bị cau có: Đây là lý do khiến mắt tôi bị rỉ chảy, đây là ác nghiệp được làm bởi tôi".

Nghe qua điều này A"nkura thốt lên câu kệ này khi đến gần Ngạ quỷ.

31."Này kẻ khốn khổ, nghiệp đã cư xử đúng với ngươi, khiến mắt ngươi cau có và mắt của ngươi rỉ chảy, bởi vì ngươi đã nhăn mặt khi trông thấy vật thí của người khác".

Chú giải:

31. Ở đây, ĐIỀU ẤY THẬT ĐÚNG VỚI NGƯƠI (Dhammena): Điều đó có nguyên nhân hoàn toàn thích hợp. Ngươi te = tava (thể văn phạm hoán chuyển). NÀY KẺ KHỐN KHỔ (Kaapurisa). Ngươi là con người đáng khinh, BỞI VÌ: Ya.m= Yasmaa (thể văn phạm hoán chuyển). KHI TRÔNG THẤY VẬT THÍ CỦA NGƯỜI KHÁC: Parassa daanassa = Parassa daanasmi.m (thể văn phạm hoán chuyển), hay nói cách khác, đây là cách đọc.

A"nkura lại nói lên một câu kệ để chê trách vị thương nhân ấy, là vị thầy trong việc thực hành bố thí.

32. "Làm sao người ta lại có thể nhờ vào một người khác khi cho ra đồ ăn, thức uống, vật thực cứng, y phục và chỗ ngụ?"

Chú giải:

32. Đây là ý nghĩa: khi cho ra một vật thí, quả thật vậy, làm sao một người có thể nhờ vào một người khác, bảo người khác làm công việc ấy? Chính người ấy nên đích thân trông coi nó và nên cho nó bằng chính tay của mình thí đúng hơn. Người ấy nên tự mình làm điều này. Nói cách khác, thí vật của người ấy có thể đi đến suy sụp trong một chỗ không thích hợp, trong khi những người xứng đáng thọ lãnh những vật cúng dường thì sẽ bị đói một cách đáng tiếc.

Trong khi vị ấy quở trách vị thương nhân như vậy, A"nkura bèn nói lên hai câu kệ để cho thấy cách hành động mà vị ấy sắp thực hiện.

33. "Như vậy, khi tôi đã đi khỏi đây và đã trở lại Dvaaraka, tôi sẽ cung cấp những vật thí mà sẽ đem lại hạnh phúc cho tôi.

34. Tôi sẽ cho đồ ăn và thức uống, y phục và chỗ ngụ, những chỗ chứa nước ở bên vệ đường, những giếng nươc và những chiếc cầu nơi mà người ta khó đi qua".

Ý nghĩa vừa nói được nêu ra rồi.

Khi ấy bốn câu kệ này cũng được lồng vào bởi những vị kiết tập Tam Tạng, để cho thấy cách mà A"nkura hành động.

35. "Khi từ chỗ đó trở về và đã trở lại Daaraka, A"nkura cung cấp những vật thí mà sẽ đem lại hạnh phúc cho vị ấy.

36. Vị ấy cho ra đồ ăn và thức uống, y phục và chỗ ngụ, những chỗ chứa nước ở bên vệ đường, những giếng nước, những chiếc cầu ở nơi mà người ta khó đi qua.

37. "Ai bị đói? và ai bị thiêu đốt? Ai muốn mặc vào những y phục này? Những con bò của ai bị kiệt quệ? - Từ những con bò này người ta có thể thắng vào một con bò thiến. Ai cần dù che? và nước hoa? Ai cần hoa? Ai cần một số giày dép?"

38. Những người thợ cạo, những người nấu bếp và những người bán vật thơm luôn luôn kêu lên như vậy, cả sáng lẫn chiều, ở đó tại chỗ ngụ của A"nkura "

Chú giải:

35. TỪ ĐÓ (Tato): Từ khu rừng hoang ấy. KHI VỊ ẤY ĐÃ QUAY LUI (Nivattitvaa): Khi vị ấy đã quay trở lại. VÀ ĐÃ TRỞ VỀ Dvaaraka (Anuppatvaana dvaaraka.m): Và đã trở lại thành phố Dvaaravatii . A"NKURA CUNG CẤP NHỮNG VẬT THÍ (Daana.m pa.t.thayi ankuro): A"nkura thiết lập một cuộc bố thí gồm mọi thứ cần thiết cho con đường từ nhà kho mà được gìn giữ hoàn toàn đầy đủ bởi Yakkha MÀ SẼ ĐEM HẠNH PHÚC CHO VỊ ẤY (Ya.m ta.m assa sukhaavaha.m): là cái mà sẽ trổ quả hạnh phúc cho vị ấy trong cả hiện tại lẫn tương lai.

37. AI ĐÓI? (Ko chaato) Hãy để bất cứ ai cần ăn đến ăn bất cứ cái gì mà người ấy thích. Đây là ý nghĩa và sẽ được áp dụng trong phần còn lại nữa. BỊ KHÔ CHÁY (Tasito): khát. MUỐN MẶC VÀO (Paridahissati) nghĩa là muốn mặc áo quần. BỊ KIỆT QUỆ (Santaani): ở trong trạng thái mệt lã. NHỮNG CON BÒ (Yoggaani): được kéo bởi những con bò đã được thắng vào những chiếc xe. HỌ CÓ THỂ THẮNG MỘT CON BÒ KÉO TỪ NHỮNG CON BÒ NẦY. (Ito yo jentu vaahana.m): Họ có thể lấy bất cứ con bò kéo nào mà họ thích từ đàn bò này ở đây và thắng nó vào. AI CẦN DÙ? (Ko chatt'icchati): Hãy để bất cứ ai cần dù thuộc loại cần bằng những cây bấc v.v...thì lấy nó - đây là y nghĩa và cũng sẽ được áp dụng cho phần còn lại. HƯƠNG THƠM (Gandha.m): Những loại hương thơm được làm từ bốn mùi hương v.v... NHỮNG BÔNG HOA (Maala.m): Những bông hoa thuộc loại được cột lại với nhau và những bông hoa không được cột như vậy. MỘT SỐ GIÀY DÉP (Upaahana.m): những loại dày dép thuộc loại như có những vật che gót chân

v.v...

38. CŨNG VẬY (Iti su): Su (không được dịch) chỉ là một tiểu từ không biến đổi. Chúng công bố như vậy, nghĩa là "ai đó? và ai bị khát?" v.v... NHỮNG NGƯỜI THỢ CẠO (Kappakaa): Những người tắm thuê. NHỮNG NGƯỜI NẤU BẾP

(Sadaa): Những người sửa soạn những bữa ăn. NHỮNG NGƯỜI BÁN NHỮNG VẬT THƠM (maagadhaa): Những người bán các loại nhang trầm, nước hoa. LUÔN LUÔN (Saada): suốt mọi khi, trong ngày, ngoài ngày, cả sáng lẫn chiều, họ đều rao hò kêu gọi, ở đó tại chỗ ngụ của Ankura - đây là cách nên được hiểu.

Thời gian trôi qua với sự bố thí vĩ đại được ban ra như vậy, ngôi nhà nơi mà những vật thí được cho ra chỉ trở nên thưa thớt và có những người đi đường tình cờ đến viếng vì muốn được thoả mãn. Khi Ankura trông thấy điều này, vị ấy cảm thấy không được mãn nguyện, bởi vì ý định cao cả vị ấy là cho những vật thí, bèn gọi đến người đàn ông trẻ tên là Sindhaka mà vị ấy đã chỉ định liên quan đến sự bố thí của vị ấy và nói lên hai câu kệ:

39. "A"nkura ngủ an vui" - Những người tin vào ta như vậy; nhưng ta khó ngủ, này Sindhaka, bởi vì ta không thấy những người ăn xin.

40. "A"nkura ngủ an vui" - Những người tin vào ta như vậy, Nhưng, này Sindhaka, ta khó ngủ vì những người đi đường quá ít".

Chú giải:

39. Ở đây "AṆKURA NGỦ AN VUI" - NHỮNG NGƯỜI TIN VÀO TA CŨNG VẬY, (Sukha.m supati a"nkuro iti jaanaati ma.m jano): Công tử" A"nkura là người có danh vọng và của cải, là bậc thầy trong sự thực hành bố thí, do vị ấy đã đạt được của cải và sự bố thí thành công nên ngủ được an vui, vị ấy ngủ một cách dễ dàng và thức dậy một cách an vui" - Mọi người đánh giá cao về ta như vậy. Ta ngủ một cách khó khăn, Này Sindhuaka. TẠI SAO? VÌ TA KHÔNG THẤY NHỮNG NGƯỜI ĂN XIN (Ya.m na passaami yaacake): vì ta không thấy những người ăn xin nhận lãnh những vật thí của ta như ta mong ước, nghĩa là chính do bởi điều này.

40. NHỮNG NGƯỜI ĐI ĐƯỜNG QUÁ THƯA THỚT (Appakesu vanibbake): Những khách lữ hành quá thưa thớt, nên ta khó ngủ. - Đây là cách nên được hiểu. Su (không được dịch) chỉ là một tiểu từ không biến đổi, ý nghĩa là khi có rất thưa thớt khách lữ hành.

Khi nghe qua điều này, Sindhaka, muốn rằng vị ấy nên làm sáng tỏ khuynh hướng cao cả của vị ấy đối với sự bố thí, bèn thốt lên câu kệ này:

41. "Nếu Sakka, chúa cõi Ba mươi ba và của tất cả thế giới, mà ban cho Ngài một đặc ân, khi chọn lựa, thì Ngài sẽ chọn đặc ân nào?"

Chú giải:

41. Đây là ý nghĩa: nếu Sakka, chúa chư Thiên trong cõi trời Ba mươi ba và cũng là chúa tất cả thế gian, mà ban cho Ngài một đặc ân khi nói rằng, "Hãy chọn bất cứ ân huệ nào mà tâm của ngươi khao khát, này A"nkura", " Khi chọn lựa, khi mong ước, thì ngài

muốn chọn loại đặc ân nào?"

Rồi Ankura nói lên hai câu kệ thành thực công bố ý định của vị ấy.

42-43. "Nếu Sakka, chúa của cõi Ba mươi ba, mà ban cho ta một đặc ân, thời ta sẽ chọn lấy đặc ân từ Sakka như vầy: Khi ta thức dậy vào lúc mặt trời mọc sẽ xuất hiện những vật thực chư Thiên và những người ăn xin có giới đức, trong khi ta đang bố thí thì chúng sẽ không bị hết, sau khi ta đã bố thí thì ta không cảm thấy hối tiếc và tâm của ta có lòng tịnh tín khi ta bố thí.

Chú giải:

42-43. KHI TÔI THỨC DẬY (Kaalu.t.thitassa me sato): Khi tôi dậy vào lúc sáng sớm, tinh tấn và hăng hái để cúng dường và hầu hạ những bậc xứng đáng thọ lãnh vật cúng dường và đang cần đến. VÀO LÚC MẶT TRỜI LÊN (Suriyuggamana.m papi): Vào lúc mặt trời đến. SẼ CÓ XUẤT HIỆN NHỮNG LOẠI VẬT THỰC CỦA CHƯ THIÊN (Dibbà Bhakkaa Paatubhaveyyu.m): Sẽ có sanh lên vật thực mà thuộc về cõi chư Thiên. TẤT CẢ NHỮNG NGƯỜI ĂN XIN CÓ GIỚI ĐỨC (Sìlavanto ca yaacakaa): và sẽ có những người ăn xin có giới đức và có bản tánh thiện. TRONG KHI TÔI ĐANG BỐ THÍ, CHÚNG SẼ KHÔNG CẠN HẾT (Dadato me na khiiyetha): trong khi tôi đang cho đến những người mới đến thì những vật thí của tôi sẽ không cạn hết, sẽ không khánh tận. Sau khi tôi đã cho, tôi sẽ không cảm thấy hối tiếc khi tôi thấy rằng một người nào đó không xứng đáng thọ lãnh vật thí ấy. TÂM CỦA TÔI SẼ CÓ TỊNH TÍN KHI TÔI CHO (Dada.m citta.m pasaadeyya.m): Tâm của tôi sẽ có tịnh tín trong khi tôi đang cho, tôi chỉ cho trong khi tôi có lòng tịnh tín mà thôi. TÔI SẼ CHỌN ĐẶC ÂN TỪ Sakka (Eva.m Sakkavara.m vare): Tôi sẽ chọn 5. đặc ân đó từ Sakka, chúa của chư Thiên như vầy: Những đặc ân về sức khoẻ, về những vật thí và đặc ân có những người xứng đáng thọ lãnh những vật bố thí. Về điều này câu, "Khi tôi thức dậy" ám chỉ đặc ân về sức khỏe, (Câu sẽ xuất hiện những vật thực của chư Thiên là về những vật thí, và những người ăn xin có giới đức Là những người xứng đáng thọ lãnh vật cúng dường; "và trong khi tôi cho chúng sẽ không thọ cạn hết" là đặc ân về những vật thí vô hạn; và "sau khi tôi đã cho, tôi sẽ không cảm thấy hối tiếc và tâm của tôi có lòng tịnh tín khi tôi cho" là đặc ân được làm người bố thí. Năm điều này được

mong ước để chúng trở thành những đặc ân, nên hiểu những đặc ân ấy là như vậy, vì mục đích của những việc phước ấy bao gồm sự bố thí cao tột.

Khi A"nkura công bố ý định của vị ấy, thì một người đàn ông tên là Sonaka, mà đang ngồi ở đó, là nhười có tánh cẩn thận, bèn nói hai câu kệ khi muốn ngăn cản vị ấy đừng bố thí quá mức.

44. "Người không nên ban bố tất cả những vật sở hữu của mình cho người khác; Người nên vừa cho những vật thí vừa bảo vệ tài sản của mình. Do đó, của cải tốt hơn sự bố thí, những gia đình không tồn tại được do sự bố thí quá mức.

45. Không phải không cho, cũng không phải cho quá mức mà được các bậc trí khen ngợi đâu. Do đó, của cải tốt hơn sự bố thí; người nên thực hiện sự tiết độ. Đây là cách

của những kẻ cương quyết.

Muốn thử vị ấy Sindhaka, sau đó đã nói lên một lần nữa những câu kệ bắt đầu bằng, "Người không nên ban ra tất cả những sở hữu của mình."

Chú giải:

44. Ở đây, tất cả NHỮNG VẬT SỞ HỮU CỦA MÌNH (Sabbavittaani): Tất cả những vật sở hữu và những phương tiện, gồm cả động sản và bất động sản, nghĩa là những loại của cải của mình. ĐẾN MỘT NGƯỜI KHÁC: Pare= Pa ra.mhi (Thể văn phạm hoán chuyển); Nghĩa là đại điện một người khác (parassa). NGƯỜI KHÔNG NÊN BAN RA (Na pavecche) Người không nên bố thí khi nghĩ rằng, "Những người xứng đáng thọ lãnh những vật thí là sẳn có". Và không giữ lại cái gì. Nghĩa là người không nên biến hết tất cả tài sản của mình thành vật bị hy sinh. Người nên vừa CHO NHỮNG VẬT THÍ (Dateyya daana~n ca): Người nên dùng tất cả mọi thứ để làm vật thí; hơn nữa, người khôn nên cho những vật thí theo đúng với phương tiện của mình sau khi định gía lợi tức thu nhập và số chi tiêu. VÀ BẢO VỆ CỦA CẢI CỦA MÌNH (Dhana~n ca rakkhe). Người nên chăm sóc của cải của mình bằng cách kiếm cho được cái chưa kiếm được; hay nói cách khác, người nên bảo vệ tài sản của mình theo cách nầy, đây là nền tảng của sự bố thí vật thực.

"Một phần tư tài sản của người thì người nên hưởng, hai phần tư người nên để vào công việc, trong khi phần thứ tư thì nên đem cất, nếu không người sẽ gặp khó khăn."

Quả thật, vậy ba con đường này cần phải được thực hành theo bằng sự thay đổi qua lại, những người làm luật đã nói như thế. DO ĐÓ, (tasmaa): Bởi vì khi bảo vệ của

cải của một người và khi tạo ra những vật thí, Người ấy đang hành động vì sự lợi ích cho cả hai đời, và bởi vì sự bố thí lệ thuộc vào của cải, do đó của cải thì tốt hơn, thù thắng hơn sự bố thí, và sự bố thí quá mức không nên thực hành - đây là ý nghĩa. Vì lý do này mà vị ấy nói rằng, "Những gia đình không còn tồn tại do bố thí quá mức. (Atippadaanena kulaa na honti). Những gia đình không tồn tại, không còn tiếp tục, nghĩa là chúng bị tiêu diệt mất, do sự thực hành bố thí quá mức khi người không biết phạm vi về của cải của mình mà sự bố thí như vậy lệ thuộc vào. Bây giờ, khi lập nên sự kiện rằng điều này được khen ngợi bởi Bậc trí tuệ, vị ấy nói lên câu kệ rằng: "Không phải không bố thí, cũng không phải bố thí quá mức".

45. Ở đây, KHÔNG PHẢI KHÔNG BỐ THÍ CŨNG KHÔNG PHẢI BỐ THÍ QUÁ MỨC (Adaana.m atidaana~nca): không phải hoàn toàn không bố thí dầu một nắm cơm hay một vá vật thực, cũng không phải bố thí quá mức, là tánh rộng rãi mà trong đó những giới hạn vượt quá mức, làm như vậy được khen ngợi, được tán dương, bởi những bậc trí tuệ có tuệ quán và có trí tuệ đã sanh lên. Do hoàn toàn không bố thí, người ta bị mất đi hạnh phúc trong đời sau, trong khi cho quá mức thì gia đình của người sẽ không thể tiếp tục tồn tại. ĐÂY LÀ CÁCH SỐNG CỦA NHỮNG NGƯỜI KIÊN QUYẾT (Sa dhiiradha.mmo): trong vấn đề bố thí quá mức đã được nói ở trên và sự không bố thí, đây là cách sống của những người kiên quyết, của những người bền chí và những người rành mạch về chánh hạnh và thiện hạnh - vị ấy giải thích rằng đây là con đường

mà những người có trí ấy thực hành theo.

Khi qua điều này, A"nkura bèn công bố phương châm và hành động mà vị ấy sẽ thực hành bằng bốn câu kệ, để cố gắng làm cho người kia thay đổi tâm ý của mình:

46. Thưa ngài, thực ra tôi vẫn muốn tiếp tục bố thí, và nếu điều ấy là đúng thời những người xứng đáng sẽ kết hợp với tôi - như đám mưa làm đầy chỗ đất thấp, tôi sẽ làm thoả mãn tất cả những người đi đường.

47. Khi người trông thấy những người ăn xin thì sắc tướng của người trở nên tươi sáng và khi người đã cho thì thấy vui thích - đây là hạnh phúc dành cho người sống ở nhà.

48. Khi người trông thấy những người ăn xin thì sắc tướng của người sẽ trở nên tươi sáng, và khi người đã cho rồi thì sẽ thấy hoan hỉ - đây là sự thực hành thành công của sự hy sinh.

49. Ngay trước khi bố thí người nên hoan hỷ; khi đang bố thí tâm của mình nên tịnh tín; khi người đã bố thí rồi, thì người cũng được vui thích - đây là lối thực hành thành công của sự hy sinh".

Chú giải:

46. Ở đây, QUẢ THỰC SẼ ĐÚNG HƠN (Aho vata): quả thật nó sẽ tốt đẹp. Thưa ngài (re) là một hình thức xưng hô. Rằng tôi sẽ chỉ tiếp tục bố thí: Aha.m eva da jja.m = aha.m dajja.m eva (thể văn phạm hoán chuyển). Đây là ý nghĩa tóm tắt trong đoạn này, cho dù, như người ta nói, đây là quan điểm của những người rành mạch về chánh pháp, rằng của cải thì tốt hơn bố thí, tôi cũng muốn tiếp tục bố thí.VÀ NHỮNG NGƯỜI XỨNG ĐÁNG SẼ KẾT HỢP VỚI TÔI (Santo ca ma.m sappurisaa bhajeyyu.m): và rằng trong trường hợp mà tôi cho thì những người xứng đáng có giới đức, an tịnh và chân chánh, có thiện hạnh về thân, khẩu và ý sẽ kết hợp với tôi, sẽ đến gần tôi. NHƯ ĐÁM MƯA LÀM ĐẦY VÙNG ĐẤT THẤP (Negho 'va ni.nna.m paripuurayanto) và quả thật đúng hơn là tôi sẽ làm thoả mãn họ, làm cho thành tựu những mong ước của tất cả những người đi đường như một đám mưa lớn trút xuống những vùng đất thấp, trên những chỗ nằm dưới thấp.

47. KHI NGƯỜI TRÔNG THẤY NHỮNG NGƯỜI ĂN XIN (Yassa yaacanake disvaa): Khi người ấy trông thấy những người ăn xin thì sắc tướng của con người yêu quê hương sẽ trở nên tươi sáng, và lòng tịnh tín sẽ sanh lên khi người ấy nghĩ rằng, " Hầu hạ các ngài trong lúc sớm nhất sẽ thật sự là phước điền cho ta", trong khi người ấy cho, thì người ấy sẽ được hoan hỷ tâm; người ấy sẽ được tràn ngập bởi hỷ lạc. Điều này (Ta.m): Cảnh tượng những người ăn xin ở đây, lòng tịnh tín này khi trông thấy nhưng người ăn xin và sự hoan hỷ sau khi đã cho những vật thích hợp.

49. NGAY TRƯỚC KHI BỐ THÍ NGƯỜI NÊN HOAN HỈ (Pubbe 'va daanaa sumano): Ngay trước khi bố thí, từ lúc sửa soạn những vật thí trở đi, người nên hoan hỉ, người nên khởi hỉ tâm với tác ý cho ra những vật thí khi nghĩ rằng, " Ta sẽ để xuống kho của cải mà sẽ theo ta như sự xây dựng vinh quang của ta trong đời sau. KHI BỐ THÍ, TÂM CỦA NGƯỜI NÊN TỊNH TÍN (dada.m citta.m pasaadaye): Khi cho, khi đặt vật thực vào trong

tay của những người xứng đáng thọ lãnh những vật cúng dường, tâm của người nên tịnh tín khi nghĩ rằng, "Từ của cải mà không có giá trị, tôi đang tạo ra một vật thí có giá trị". TRONG KHI NGƯỜI ẤY BỐ THÍ RỒI, THÌ NGƯỜI NÊN VUI THÍCH TIẾP (Datvaa attamano hoti): Trong khi người đã cho ra rồi những vật thí đến những người xứng đáng thọ lãnh những vật cúng dường, thì người nên vui thích, hoan hỷ, đầy hỉ lạc khi nghĩ rằng, " Ta đã thực hiện điều mà được qui định bởi những bậc trí tuệ. ồ, điều này là thiện, điều này là thù thắng": Đây LÀ SỰ THỰC HÀNH THÀNH CÔNG CỦA VIỆC HY SINH (esaa ya~n~nassasampadaa): sự thành tựu trong ba tác ý mà được xem là hoan hỷ và được kết hợp bởi lòng tịnh tín trong quả của các nghiệp - Tác ý trước, đang, và sau khi cho những vật thí - đây là sự thực hành

thành công, sự thành tựu của việc hy sinh; chẳng còn cách nào khác - đây là ý nghĩa.

Khi A"nkura đã công bố như vậy phương châm hành động mà vị ấy sắp thực hiện hằng ngày, vẫn duy trì sự bố thí vĩ đại, ý định của vị ấy về sự bố thí càng ngày càng được gia tăng nhiều hơn. Do bởi điều này khiến cho toàn thể vương quốc lúc bấy giờ phải dẹp qua công việc để nhường chỗ cho những lễ hội. Khi sự bố thí vĩ đại ấy đang tiến hành thì những người mà đã nhận được những phương tiện cần thiết cho cuộc sống đã bỏ mọi công việc làm ăn của họ và đi dạo quanh tuỳ thích. Do bởi điều này khiến những kho báu của hoàng gia trở nên trống rỗng và nhân đó, các vị vua sai sứ giả đến A"nkura, nói lại rằng, "vì những vật bố thí của Ngài, thưa Ngài, nền kinh tế của chúng tôi đã bị suy sụp và những kho báu của chúng tôi đã trở nên trống rỗng. Ngài nên biết giới hạn thích hợp đến chừng mức mà vật thí nên được cho ra".

Khi nghe qua điều này, A"nkura đi đến dakkhinaapatha, và tại vùng tamil sai dựng lên một số lớn những phước xá ở một chỗ không cách xa biển, và duy trì những sự bố thí vĩ đại của vị ấy ở đó trong suốt cuộc đời còn lại của vị ấy. Vào lúc thân hoại mạng chung, vị ấy tái sanh vào cõi ba mươi ba. Những người kiết tập Tam tạng nói những câu kệ này để cho thấy sự vinh quang của những vật thí của vị ấy và sự tái sanh trong thiên giới của vị ấy:

50. Sáu chục ngàn cỗ xe chứa đầy vật thực thường xuyên được cho đến mọi người ở chỗ ngụ của A"nkura, là người có con mắt nhìn về những việc phước.

51. Ba ngàn người nấu bếp, trang sức những bông tai có cẩn ngọc, là những người trông coi những vật thí cho sự dâng hiến, nhờ A"nkura mà họ được sự nuôi mạng.

52. Sáu chục người đàn ông, là những chàng thanh niên trang sức những vòng tai có cẩn châu ngọc, chẻ củi ở chỗ bố thí vật thực vĩ đại của A"nkura .

53. Sáu chục ngàn phụ nữ, tất cả đều trang sức và có mang châu ngọc, sửa soạn nhiều loại gia vị tại chỗ bố thí vĩ đại của A"nkura .

54. Sáu chục ngàn phụ nữ, tất cả đều trang sức và có mang châu ngọc, đứng sẵn sàng với cái vá trong tay tại chỗ bố thí vĩ đại của A"nkura .

55. Vị Sát đế lỵ này đã bố thí dồi dào đến nhiều người, vị ấy đã bố thí trong một thời gian dài, ân cần, bằng sự quan tâm chu đáo và bằng chính tay của vị ấy, nhiều lần,

nhiều lần.

56. A"nkura đã duy trì sự bố thí vĩ đại của vị ấy trong một thời gian dài, trong nhiều nửa tháng, trong nhiều mùa và nhiều năm.

57. Sau khi A"nkura đã thực hành sự bố thí như vậy và hy sinh như vậy trong một thời gian dài như vậy, vị ấy từ bỏ thân xác của con người và đi đến cõi ba mươi ba.

Chú giải:

50. Ở đây, SÁU CHỤC NGÀN CỖ XE (Satthivaa hassaani= vaahaana.m satthisahassaani) (phối hợp cách): Sáu chục ngàn cỗ xe chứa đầy gạo thơm v.v... được cho ra thường xuyên, ngày này qua ngày khác, đến dân chúng, đến những nhóm chúng sanh, ở chỗ ngụ của A"nkura, là người có con mắt nhìn về những việc phước, là người chuyên tâm trong việc bố thí, là người nghiêng về sự bố thí - đây là cách nên được hiểu.

51. BA NGÀN NGƯỜI NẤU BẾP (Tisahassaani sudaa hi) nhiều đến ba ngàn người nấu bếp để sửa soạn những bữa ăn và những điều này được chỉ ra ở đây chỉ là những người đầu bếp trưởng, nên hiểu là mỗi người trong những người đầu bếp này đều có vô số những người đầu bếp khác làm theo lời căn dặn của trưởng bếp. Một số người đọc, là tisahassaani suudaana.m: (thể văn phạm hoán chuyển), TRANG SỨC NHỮNG VÒNG TAI CÓ CẨN NGỌC (aamuttama.niku.n.dalaa): Mang nhiều loại bông tai được trang sức và có cẩn ngọc châu. Nhưng đây chỉ là một ví dụ, vì họ cũng được trang phục, mang những chiếc vòng và dây lưng nữa. HỌ KIẾM SỐNG ĐƯỢC LÀ NHỜ A"NÁKURA (A"nkura.m upajiivanti): Họ sống nhờ vào vị ấy, nghĩa là họ lệ thuộc vào vị ấy về việc kiếm sống của họ. LÀ NGƯỜI TRÔNG COI NHỮNG VẬT THÍ CHO SỰ HY SINH (daane ya~n~nassa vyaava.taa) là người nhiệt tâm trông coi những vật thí, trông coi hành động hy sinh, cho sự hy sinh, cho cái được gọi là sự hy sinh vĩ đại ấy.

52. NHỮNG CHÀNG TRAI CHẺ CỦI (Ka.t.tha.m phaalenti maa.navaa): Những người dân trẻ có ăn mặc gọn gàng và trang sức, chẻ, bửa củi để nấu nhiều loại vật thực cần thiết, gồm cả loại cứng và loại mềm v.v...

53. NHỮNG LOẠI GIA VỊ (Vìdha), những loại gia vị được xem là những thứ thích hợp để thêm vào vật thực. SỬA SOẠN (pi.n.denti): Được trộn bằng cách xay chung với nhau.

54. VỚI CÁI VÁ TRONG TAY (Dabbigaaha): Với cái muỗng lớn trong tay. ĐỨNG SẴN SÀNG (upa.t.thitaa): họ đi và đứng ở những ch? mà bữa ăn được phục vụ.

55. NHIỀU (Bahu.m): một lượng lớn, số nhiều. ĐẾN NHIỀU NGƯỜI (bahuuna.m): đến vô số. CHO (paadaasi): bố thí bằng nhiều cách khác nhau. TRONG MỘT THỜI GIAN DÀI (cira.m). Trong một thời gian lâu; Vị ấy sanh lên khi thọ mạng của con người là hai chục ngàn năm, đã bố thí dồi dào đến nhiều người trong suốt thời gian ấy. Để cho thấy cách mà vị ấy đã bố thí "với sự trông nom chu đáo v.v..." được nói đến. ở đây VỚI SỰ TRÔNG NOM CHU ĐÁO (sakkacca.m): Với sự tôn kính, với điều mà được cần đến và không suy tính. BẰNG CHÍNH TAY CỦA VỊ ẤY sahatthaa= sahatthena (thể văn phạm hoán chuyển): không chỉ bằng mệnh lệnh. CẨN THẬN (citti.m katvaa): Vị ấy cúng dường đến họ bằng những ý nghĩ cho ra của vị ấy có sự tôn kính và xem trọng. TRỞ ĐI

TRỞ LẠI (punappuna.m): Nhiều lần, vị ấy không làm điều ấy một lần hay vài lần mà đã bố thí trong số vô trường hợp, đây là cách nên được hiểu. Bấy giờ để giải rõ đúng cái mà vị ấy đã làm niều lần, các vị kiết tập tam tạng đã nói lên câu kệ bắt đầu: (A"nkura) duy trì sự bố thí vĩ đại của vị ấy trong một thời gian dài, trong nhiều nửa tháng và nhiều tháng.

56. Ở đây, TRONG NHIỀU THÁNG (bahumaase): Trong nhiều và vô số tháng, bắt đầu bằng tháng (Citta). NHỮNG NỬA THÁNG (pakkhe): Trong nhiều nửa tháng, nửa tháng hạ huyền và nửa tháng thượng huyền của tháng. Trong NHIỀU MÙA VÀ NHIỀU NĂM (uttusa.m vaccharaani ca): Trong nhiều mùa như xuân hạ v.v... Và trong nhiều năm, mỗi năm bắt đầu bằng tháng citta; đây là đối cách mang ý nghĩa một thời gian dài liên tục. TRONG MỘT THỜI GIAN DÀI (diigha.m antara.m): Trong một thời gian dài, trong khi đã giải thích rồi rằng, "vị ấy đã bố thí trong một thời gian dài", nói về sự duy trì việc bố thí của vị ấy trong một thời gian dài, câu kệ bắt đầu rằng, "Ankura đã duy trì sự bố thí vĩ đại của vị ấy trong một thời gian dài, trong nhiều nửa tháng và nhiều tháng" được lập lại để nhấn mạnh rằng vị ấy đã duy trì sự bố thí ấy trong một thời gian dài không gián đoạn - Đây là cách nên được hiểu.

57. NHƯ VẬY (eva.m): Theo cách đã giải thích. ĐÃ CHO VÀ ĐÃ THỰC HÀNH SỰ HY SINH (datvaa yaasitvaaca): Những điều này đều giống nhau như một về ý nghĩa: Đã bố thí bằng cách cho ra những vật thí đến những người xứng đáng thọ lãnh những vật cúng dường và, lại nữa, thực hành những sự hy sinh bằng sự hy sinh vĩ đại cho đến tất cả những ai cần đến nhiều như họ mong muốn theo cách đã giải rõ, nghĩa là vị sát đế lỵ này đã cho ra một cách dồi dào đến nhiều người. VỊ ẤY BỎ THÂN XÁC CỦA CON NGƯỜI VÀ ĐI ĐẾN CÕI BA MƯƠI BA (So hitvaa maanusa.m deha.m taavatimsuupago ahu): Vào lúc kết thúc đời sống, A"nkura từ bỏ trạng thái làm người và đi về với thiên chúng trong cõi ba mươi ba bằng sự tái sanh.

Trong khi vị ấy đang thọ hưởng sự vinh quang của chư Thiên sau khi đã sanh vào trong cõi ba mươi ba như vậy, trong thời của Đức Thế Tôn của chúng ta có một chàng trai tên là Indaka, là người với lòng tịnh tín trong tâm, đã cúng dường một muỗng vật thực đến Trưởng lão Anuruddha khi Ngài đang đi khất thực. Đến lúc vị ấy chết, do oai lực của việc phước đã gieo vào phước điền, được tái sanh trong cõi ba mươi ba, làm một vị chư Thiên có oai lực và đại thần thông, chiếu sáng rực rỡ và vượt trội hơn vị chư Thiên A"nkura về mười thuộc tính như tướng mạo chư Thiên v.v... Vì lý do này, có lời nói rằng:

58. Sau khi cho một muỗng vật thực đến anuruddha, Indaka bỏ thân xác của con người và đến cõi ba mươi ba.

59. Về mười cách, Indaka sáng chói hơn A"nkura: Là dung sắc, giọng nói, vị, hương thơm và vật xúc chạm, tất cả đều khả ái với tâm.

60. Về thọ mạng và danh tiếng, nước da, sự hạnh phúc và quyền lực- Như vậy Indaka sáng chói hơn A"nkura .

Chú giải:

59. Ở đây, VỀ TƯỚNG MẠO (ruupe): Về vấn đề liên quan đến hình tướng, nghĩa là về sự thù thắng của hình tướng của vị ấy. GIỌNG NÓI (sadde) v.v... Điều tương tự cũng được áp dụng như vậy vào những chữ nầy.

60. VỀ SỰ TRƯỜNG THỌ (aayunaa): Về thọ mạng. Nhưng không phải rằng thọ mạng của các vị chư Thiên được nói đến là một khoảng thời gian dài có xác định chăng? Điều ấy đúng nhưng chỉ là một quy luật chung vì, quả thật vậy, cái chết đến với một vài vị chư Thiên một cách yểu thọ vì không có những phương tiện v.v... Tuy nhiên, Iídaka sẽ sống đủ ba Ko.ti và sáu chục ngàn năm nữa. Vì lý do này mà có lời nói rằng "Vị ấy vượt trội hơn về sự trường thọ". VỀ DANH VỌNG (yasasaa): sự thù thắng về tuỳ tàng đông đảo của vị ấy. VỀ NƯỚC DA (va.n.nena): Sự thù thắng về sắc thân của vị ấy. VỀ QUYỀN UY (aadhipaccena): Về quyền tối cao.

Khi A"nkura và Indaka thọ hưởng sự vinh quang của chư Thiên sau khi tái sanh trong cõi trời ba mươi ba như vậy thì Đức Thế Tôn của chúng ta, vào hạ thứ bảy sau khi chứng đắc nhất thiết trí, đã thị hiện song thông vào đêm trăng tròn của tháng Aasaalhii, ở dưới gốc cây Ga.ndamba gần cổng của thành Saavatthi . Đúng lúc, Ngài đi bằng ba bước chân, đến cõi ba mươi ba và ngồi trên tảng đá Pa.n.dukambala ở dưới chân của cây San hô, để thuyết giảng Abhidha.mma . Khi chiếu sáng rực rỡ như mặt trời mới mọc ở trên núi Yugandhara, Ngài chiếu ra hào

quang từ chính thân của Ngài, vượt trội ánh sáng của những vị chư Thiên đi chung và những vị Brahma đã hội họp ở đó t? mười ngàn thế giới. Ngài trông thấy Indaka ngồi ở gần bên, và A"nkura ngồi ở cách xa mười hai do tuần, và nói lên câu kệ này với mục dích giải thích tầm quan trọng về pháp thành tựu nơi những bậc xứng đáng thọ lãnh vật cúng dường:

"Một sự bố thí vĩ đại đã được cho bởi ngươi, này A"nkura, trong một thời gian dài. Người lại ngồi quá cách xa - hãy đến trước mặt của Như Lai".

Khi nghe qua điều này, A"nkura bèn bạch rằng, "Bạch Đức Thế Tôn, con đã cho ra nhiều vật thực trong một thời gian dài, và dầu con đã duy trì sự bố thí vĩ đại ấy, nhưng vì không có được những bậc xứng đáng thọ lãnh những lễ vật cúng dường, giống như hạt giống được gieo vào thửa ruộng có đất cằn cỗi, nên không có quả báu dồi dào. Nhưng đối với Indaka, dầu vị ấy chỉ cho một vật thí gồm một muỗng vật thực, bởi vì vị ấy có được người xứng đáng thọ lãnh vật cúng dường, nên có trổ sanh, như hạt giống được gieo trên đám ruộng phì nhiêu, quả phước vô cùng dồi dào này. Những vị kiết tập Tam tạng nói những câu kệ này để minh hoạ quan điểm này:

61. Khi Đức Phật, bậc cao quí nhất trong nhân loại, đang ngụ ở trên núi đá Pa.nduka.mpala ở dưới chân của cây san hô trong cõi ba mươi ba, Những vị chư Thiên từ mười ngàn thế giới đã đến tụ họp và tỏ sự tôn kính đến Đức Phật khi Ngài lưu lại trên đỉnh núi.

63. Chẳng có vị chư Thiên nào vượt trội Đức Phật về sắc tướng - Đức Phật trội hơn tất cả những vị chư Thiên ấy, riêng Ngài chiếu sáng rực rỡ.

64. Vào lúc ấy, A"nkura ở cách xa mười hai do tuần trong khi Indaka, sáng chói hơn Vị ấy, đang ở gần bên Đức Phật.

65. Đức Phật, khi nhìn vào cả Iíkura và Indaka, bèn nói những lời này để đề cao những bậc đáng thọ lãnh vật cúng dường.

66. "Một sự bố thí vĩ đại được cho ra bởi ngươi, này A"nkura, trong một thời gian dài. Vậy mà Ngươi đã ngồi quá cách xa, hãy đến trước mặt Như lai".

67. Bị thúc dục bởi Bậc đã tu chứng, A"nkura bèn đáp lại rằng, "những vật thí ấy có lợi ích gì cho con đâu? Chúng không có được những bậc xứng đáng thọ lãnh vật thí,

68. Trong khi đó, vị yakkha Indaka này đã cho ra một vật thí có phần nhỏ bé, thế mà sáng chói hơn chúng con như mặt trăng sáng trội các vì sao.

69. Cũng như nhiều hạt giống được gieo trên đám ruộng khô cằn, nó không cho kết quả dồi dào cũng không làm hài lòng người gieo.

70. Cũng vậy, nhiều vật thí, khi được đặt vào trong những người có hạnh kiểm nghèo nàn, thì không cho kết quả dồi dào, cũng không làm hài lòng người cho.

71. Và cũng như, khi hạt giống ít mà được gieo trên một đám ruộng phì nhiêu và có những đám mưa thích hợp tưới xuống, thì kết quả làm hài lòng người gieo.

72. Cũng vậy, có quả lớn khi việc phước, dầu nhỏ nhặt nhất, được làm đối với những người có bản tánh như có giới đức và có đức tánh khác..."

Chú giải:

61. Ở đây: Ở CÕI BA MƯƠI BA (taavati.mse): trong cõi Ba mươi ba. Ở TRÊN NÚI ĐÁ PANDUKAMBALA (silaaya.m pa.n.dukampale): Khi Đức Phật, là bậc cao quí nhất trong nhân loại, đang ngụ ở trên chiếc ngai bằng đá tên là Pa.n.duka.mpala - đây là cách nên được hiểu.

62. CÁC VỊ CHƯ THIÊN ĐÃ HỘI HỌP TỪ MƯỜI NGÀN THẾ GIỚI (dasasu lokadhaatuusi sannipatitvaana devataa): Các vị chư Thiên thuộc cõi dục và các vị chư Thiên thuộc cõi Brahmaa đã hội họp cùng với những vị chư Thiên trong mười ngàn cakkavaala (thế giới sa bà) để tỏ sự tôn kính đến Đức Phật, Đức Thế Tôn, và với mục đích để nghe pháp, vì lý do này mà có lời nói rằng "Và tỏ sự tôn kính đến Đức Phật khi Ngài đang lưu trú ở trên đỉnh của ngọn núi". Nghĩa là trên đỉnh của ngọn núi Sineru .

64. LÚC BẤY GIỜ A"NKURA Ở CÁCH XA MƯỜI HAI DO TUẦN (Yojanaani dasa dve A"nkuro' ya.m tadaa ahu): Lúc bấy giờ, vào lúc mà vị ấy xoay mặt về phía Bậc Đạo sư, A"nkura có hạnh kiểm như đã nêu ra ở trên, ở cách xa mười hai do tuần, nghĩa là vị ấy đang ngồi ở một chỗ cách chỗ mà Bậc Đạo sư đang ngồi mười hai do tuần.

67. Bị xúi dục bởi Bậc đã tu chứng (codito bhaavitattena): Bị thôi thúc bởi Đức Phật toàn giác, bởi bậc có tâm tu tập bằng sự trau dồi các thánh đạo và tu tập Mười pháp Ba la mật. Những câu kệ bắt đầu bằng, "Những vật thí ấy có lợi ích gì đối với

con?" Được nói bởi A"nkura để trả lời Bậc Đạo sư. Ở đây, CHÚNG KHÔNG CÓ ĐƯỢC NHỮNG BẬC XỨNG ĐÁNG THỌ LÃNH NHỮNG VẬT CÚNG DƯỜNG (dakkhineyyena su~n~nata.m): "bởi vì những vật thí của con lúc bấy giờ không có được, trống rỗng, thiếu kẻ xứng đáng thọ lãnh những vật cúng dường, do đó những vật thí ấy có lợi ích gì đối với con?" Vị ấy nói, khi coi thường những vật thí của chính vị ấy.

68. YAKKHA (yakkho): Devaputta. ĐÃ CHO Dajjaa=Datvaa (thể văn pham hoán chuyển) SÁNG CHÓI HƠN CHÚNG CON (atirocati a.mhehi) vị ấy chiếu sáng rực rỡ, vượt trội ánh sáng của những kẻ như con: Hi (không được dịch) chỉ là một tiểu từ không biến đổi. Nghĩa là vị ấy chiếu sáng rực rỡ, sáng chói và vượt trội hơn chúng con. Vị ấy đã nói gì? "Như mặt trăng sáng trội hơn các vì sao?"

69. CÓ ĐẤT KHÔ CẰN (Ujjangale): Đó là một mảnh đất cứng; một số nói rằng nó có nghiã là "đất phèn". ĐƯỢC TRỒNG (ropita.m): Được gieo, hay được xới lên rồi trồng lại. KHÔNG LÀM HÀI LÒNG (na pi toseti): Chẳng làm hoan hỷ, hay không có sự hoan hỷ nào được tạo ra do bởi quả thiện của nó.

70. CŨNG VẬY (tath'eva): Nghĩa là cũng như, khi dầu có nhiều hạt giống được trồng trong một thửa ruộng có đất phèn, không cho kết quả dồi dào, không đem lại nhiều kết quả, không làm hài lòng người gieo trồng, dầu cho có nhiều vật thí cũng vậy, khi được đặc vào trong những người có hạnh kiểm nghèo nàn, trong những người không có giới, thì không đem lại nhiều quả báu, cũng không làm hài lòng người bố thí.

71. CŨNG NHƯ, KHI ÍT HẠT GIỐNG DẦU ĐƯỢC TRỒNG TRÊN ĐẤT PHÌ NHIÊU (yathaa pi bhaddake): ý nghĩa nên hiểu là điều trái ngược với đều đã được nói trong hai câu kệ trước - đây là cách nên được hiểu. VÀ NHỮNG ĐÁM MƯA THÍCH HỢP ĐƯỢC BAN XUỐNG (Sammaadhaara.m pavecchante): Và những đám mưa tưới xuống một cách thích hợp, nghĩa là khi trời mưa xuống từng năm, mười hay mười lăm ngày.

72. NHƯ CÓ NHỮNG ĐỨC TÁNH (Gunava.ntesu): Như chuyên tâm vào những đức tánh tốt như các tầng thiền v.v... ĐẾN NHỮNG BẬC CÓ BẢN TÁNH NHƯ VẬY (taadisu): Đến những người đã đạt đến những đặc tính như có tánh chất thiện v.v.. HÀNH ĐỘNG (Kaara.m) được nêu ra với sự méo mó về giống tánh, nghĩa là một sự lợi hành. Vị ấy đã nói về loại lợi hành nào? Một hành động phước.

73. Những vật thí cho ra có sự phân biệt thời cái được cho ra có quả báo lớn. Khi những vật thí được cho ra với sự phân biệt thời những người bố thí sẽ đi đến cõi trời.

74. Bố thí với sự phân biệt được Đức Sugata tán dương. Cái mà được cho đến những Bậc xứng đáng thọ lãnh những vật cúng dường ở đây trong đời này thì có quả báu lớn như hạt giống được gieo trên thửa ruộng màu mỡ.

Chú giải:

73. Ở đây, VỚI SỰ PHÂN BIỆT: Viceyya=Vicinitvaa (thể văn phạm hoán chuyển): Khi một người đã biết chắc bằng trí tuệ rằng người thọ lãnh vật thí được nêu ra là phước điền. Phần còn lại thì tự chúng đã rõ ràng hết rồi.

Khi bắt đầu bằng câu kệ rằng, "Một sự bố thí vĩ đại được cho ra bởi ngươi", Ngạ quỉ sự về A"nkura này được nêu lên bởi Bậc Đạo sư ở cõi ba mươi ba trước mặt các vị chư Thiên trong mười ngàn, nhằm mục đích giải thích tầm quan trọng của việc có được những bậc xứng đáng thọ lãnh những vật cúng dường. Khi Ngài đã thuyết tụng AbhiDhamma ở đó trong ba tháng và đã làm lễ Đại Tự Tứ vị Deva ấy của những vị chư Thiên đã đi xuống từ cõi trời ấy, được vây quanh bởi những hội chúng chư Thiên, đến thành phố Sankassa . Đúng lúc, Ngài đến tại Saavatthi và trong khi đang ngụ ở Jetavana, Ngài giảng giải chi tiết giữa tứ chúng nhằm mục đích giải thích tầm quan trọng của việc có được những bậc xứng đáng thọ lãnh những lễ vật cúng dường, bài pháp bắt đầu từ, "mục đích ấy mà nhờ đó chúng ta đang đi", và đưa giáo pháp đến đỉnh cao bằng thời pháp về tứ đế. Vào lúc kết thúc của thời Pháp ấy, tuệ quán về diệu pháp đã sanh lên trong vô số ngàn Ko.ti chúng sanh.

---o0o---

[2.5]

II.10 UẤT ĐA LA MẪU QUỈ SỰ (UTTARAMAATU PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Một vị Tỳ kheo mà đã đi để nghỉ trưa". Đây là Ngạ quỉ sự về mẹ của Uttara . Đây là phần giải thích về ý nghĩa của nó.

Khi Hội kiết tập tam tạng lần thứ nhất đã được tổ chức tại chỗ nhập Niết bàn của Bậc Đạo sư, Đại Đức Mahaa Kaccaayana đang ngụ cùng với mười hai vị Tỳ kheo trong một khu rừng nọ không cách xa thành Kosa.mbi . Lúc bấy giờ, một vị tư tế quan của vua Udena, là người trước kia đã trông coi những công việc của vị ấy trong thành phố ấy, đã chết. Bởi vậy đức vua cho gọi đứa con trai của ông ta đến, là một chàng thanh niên tên là Uttara, và bổ nhiệm cậu ta vào chức vụ quản đốc khi nói rằng, "Bây giờ ngươi phải trông coi những công việc mà trước kia cha của

ngươi đã trông coi". "Thưa vâng", Cậu ta đáp lại. Vào một hôm nọ, cậu ta đi đến khu rừng, đem theo một số thợ mộc để kiếm một số gỗ về sửa sang thành phố. Trong khi ở tại đó, vị ấy đi đến chỗ ngụ của vị Trưởng lão đáng kính Mahaakacchaayana và trông thấy Trưởng lão đang ngồi một mình ở đó và đang mặc những chiếc y được làm bằng vải vụn từ đống rác. Đầy lòng tịnh tín khi trông thấy riêng oai nghi này của Ngài, vị ấy đảnh lễ Trưởng lão, nói lời chào hỏi thân mật, và rồi ngồi xuống ở một bên. Rồi Trưởng lão thuyết pháp cho vị ấy. Khi đã nghe qua pháp, vị ấy có đầy lòng tịnh tín đối với Tam bảo và, khi đã được an trú trong tam qui, bèn mời Trưởng lão, khi nói rằng, "Bạch Đại Đức, xin Ngài hãy bi mẫn mà nhận lời mời của con đến Ngài và Chư Tăng để đến thọ thực trong ngày hôm sau".

Trưởng lão nhận lời bằng cách im lặng. Rồi vị ấy rời khỏi chỗ ấy, đi đến thành phố và báo tin cho những thiện tín khác biết, khi nói rằng, "Tôi đã mời Trưởng lão trong ngày hôm sau. Các bạn cũng nên đến nhà của tôi nơi mà những vật thí sẽ được cho ra". Vào lúc sáng sớm của ngày hôm sau, vị ấy sai sửa soạn vật thực loại cứng và loại mềm, sai công bố rằng đã đến giờ và rồi đi ra để đón tiếp Trưởng lão khi ngài đang đi đến với mười hai vị Tỳ kheo. Vị ấy đảnh lễ họ và mời họ vào nhà. Khi Trưởng lão và các vị Tỳ

kheo đã ngồi trên những chỗ ngồi đã được soạn sẵn với những đồ trải đắc giá và thích hợp, vị ấy cúng dường đến các Ngài vật thơm, những bông hoa, hương trầm và đèn nến; và làm thoả mãn các Ngài bằng đồ ăn và thức uống thượng vị. Đầy lòng tịnh tín và với hai tay chấp lại trong thái độ tôn kính, vị ấy lắng nghe lời tuỳ hỷ của các Ngài.

Khi Trưởng lão đang đi, sau khi sự phúc chúc cho bửa thọ thực đã được thực hiện, vị ấy cầm lấy bát Trưởng lão và, khi đi theo các Ngài, rời khỏi thành phố. sau khi đã thỉnh Trưởng lão quay lui, vị ấy thỉnh cầu Trưởng lão rằng, "bạch Ngài, Ngài nên viếng thăm nhà con thường xuyên", và rồi trở về sau khi biết được Trưởng lão đã nhận lời mời. Khi hầu hạ Trưởng lão như vậy, vị ấy được an trú trong giáo giới của Trưởng lão và chứng đắc quả thánh Tu đà hườn. Vị ấy sai dựng lên một phước xá, khiến cho tất cả quyến thuộc của vị ấy được tìm thấy đức tin trong giáo pháp. Tuy nhiên, mẹ của vị ấy, có tâm bị che mờ bởi lòng bỏn xẻn và hay chửi mắng vị ấy như vầy, "Cầu cho đồ ăn và thức uống này mà mày đã cho đến các vị Sa môn như vậy, trái nghịch với ước muốn của tao, sẽ biến thành máu nhơ cho ngươi trong kiếp sau!" Tuy nhiên bà ta, đã bỏ ra một cành thoa bằng lông đuôi của con chim công để dâng cúng nó trong ngày đại nhựt của tịnh xá ấy. Khi bà ta chết và tái sanh trong cõi Ngạ quỉ và do quả phước của vật thí bằng cái thoa từ lông đuôi của con chim công nên tóc của bà ta đen, mướt, xoắn ở đuôi tóc, mịn và dài. Khi nữ quỉ đi xuống dòng sông Hằng nghĩ rằng ta sẽ uống nước", thì dòng sông ấy biến thành máu. Trong năm mươi lăm năm nàng đi lang thang, bị đói và khát.

Rồi một hôm nọ nàng trông thấy Trưởng lão Ka.nkhaarevata đang ngồi trên bờ sông để nghỉ trưa. Nữ quỉ đi đến Trưởng lão trong khi che mình bằng mái tóc dài và xin Ngài một ít nước. Liên quan đến điều này, lời nói sau đây được nói đến, hai câu kệ cuối đã được lồng vào ở đây bởi những vị kiết tập Tam tạng:

1. "Con Nữ Ngạ quỉ trông xấu xí và ghê sợ ấy đi đến một vị Tỳ kheo mà đã đi nghĩ trưa và đang ngồi ở trên bờ sông hằng.

2. Tóc của nàng rất dài, xõa xuống đến đất. Được che phủ bởi tóc của nàng, nàng nói với vị Sa môn như vầy.

Chú giải:

1. Ở đây, TRÔNG GHÊ SỢ (Bhiirudassanaa): Trông khủng khiếp, trông rất dữ tợn. Một cách đọc khác là trông như Rudra (Ruddadassanaa), nghĩa là trông ghê tởm và tối.

2. TÓC XỎA XUỐNG ĐẤT: yaava bhummaa valampare= Yaava bhuumitaava alambanti (cách phối hợp trong thể văn pham hoán chuyển) Trước là "vị Tỳ kheo" và sau đó là "vị Sa môn" cả hai chữ đều được nói liên quan đến vị Trưởng lão Ka.nkhaarevata . Nữ Ngạ quỉ ấy đi đến Trưởng lão và để xin vị ấy nước, bèn nói lên câu kệ này:

3. Trong năm mươi lăm năm từ khi tôi chết, tôi không biết là đã ăn hay đã uống nước như thế nào xin hãy cho tôi một ít nước, thưa Ngài tôi bị khô khát vì thiếu nước.

Chú giải:

3. Ở đây, TÔI KHÔNG BIẾT LÀ ĐÃ ĂN (Nàbhijaanaami bhitta.m vaa): Suốt khoảng thời gian dài ấy tôi không biết là đã ăn hay là đã uống nước, nghĩa là tôi chưa hề ăn hay uống. Bị khô khát (Asitaa): bị khát. VÌ THIẾU NƯỚC (Paaniyaaya): "thưa Ngài, xin hãy cho tôi một ít nước, vì tôi đã đi lang thang để tìm kiếm nước". Đây là cách nên được hiểu.

Từ đây trở đi là những câu kệ nói về cuộc vấn đáp qua lại giữa Trưởng lão và nữ Ngạ quỉ:

4. "Nước mát của sông hằng chảy xuống từ Hi mã lạp sơn - ngươi có thể lấy một ít ở đây mà uống. Tại sao lại xin nước ở nơi ta?"

5. "Thưa Ngài, nếu chính tôi lấy nước từ sông hằng thời nó sẽ biến thành máu dành cho tôi. Đó là lý do khiến tôi xin nước".

6. "Ác nghiệp nào được làm bởi ngươi do thân, khẩu hoặc ý? Do kết quả của ác nghiệp nào khiến nước biến thành máu dành cho ngươi?"

7. "Thưa Ngài, con trai của tôi là Uttara, có đức tin và là một Thiện nam đã chống lại ý muốn của tôi, nó ban cho những vị Sa môn những y phục và những vật thực, những vật dụng và những chỗ ngụ.

8. Nhưng tôi, bị khuấy động bởi lòng bỏn sẻn, đã nguyền rủa nó như vầy, "Cầu cho những chiếc y và vật thực bố thí, những vật dụng và những chỗ ngụ mà mày ban đến cho những vị Sa môn, chống lại ý của tao.

9. Cầu cho điều này hãy biến thành máu dành cho ngươi trong kiếp sau, này Uttara!" chính do kết quả của nghiệp ấy khiến cho sông hằng trở thành máu dành cho tôi".

Chú giải:

4. Ở đây, TỪ HIMAALAYA (Himavantato): Từ vua của các núi có tên gọi là Himalaya vì những số lượng tuyết bao la của nó (Himassa). CHẢY XUỐNG (sandati): Đi từ. TỪ ĐÂY (Etto): Từ nơi đây, từ sông hằng vĩ đại này. TẠI SAO? (kim): Vị ấy chỉ ra rằng, vì lý do nào khiến ngươi xin nước từ nơi ta? Hãy đi xuống sông hằng mà uống nhiều chừng nào mà ngươi thích.

5. NÓ BIẾN THÀNH MÁU DÀNH CHO TÔI (Lohita.m me parivattati): Do bởi ác nghiệp khiến nước, khi nó chảy, trở thành máu dành cho tôi, trở thành, hoá thành, biến thành máu. Nước trở thành máu ngay khi nàng chạm tay vào nó.

7. TRÁI NGHỊCH ƯỚC MUỐN CỦA TÔI (mayha.m Akaamaaya): Trái nghịch với những ý thích của tôi. Ban cho (Pavecchati): Bố thí. NHỮNG VẬT DỤNG (Paccaya.m): Những vật dụng dành cho người bệnh.

9. ĐIỀU NÀY (eta.m): "Cầu cho những vật dụng này, như y phục v.v... mà ngươi ban ra, mà ngươi cho đến các vị Sa môn - cầu xin cho điều này trở thành máu dành cho ngươi trong kiếp sau, này Uttara ạ!" Chính do kết quả của điều này, do ác nghiệp được làm bởi lời nguyền rủa này, đây là cách nên được hiểu.

Rồi Đại Đức Revata đã cho một số nước đến Chư Tăng nhân danh nữ ngạ quỉ, đi khất thực và lấy vật thực mà vị ấy đã gom được đem dâng đến chư Tăng. Vị ấy

lượm những miếng vải từ đống rác v.v... rửa sạch chúng rồi kết thành những tấm nệm và tấm thảm, và cho đến các vị Tỳ kheo. và bằng cách này, nữ Ngạ quỉ ấy đạt đến sự vinh quang của chư Thiên. Nàng đi đến Trưởng lão và cho Trưởng lão thấy sự vinh quang của chư Thiên mà nàng đã đạt được. Trưởng lão giải thích vấn đề ấy với tứ chúng mà đã đến trước mặt Trưởng lão và rồi ban ra một thời pháp thoại. Dân chúng, đầy xúc động, nhờ đó được thoát khởi bợn nhơ của lòng ích kỷ và lấy làm hoan hỷ trong những thiện pháp như bố thí v.v...

Quỉ sự này nên được xem là đã được kết thúc trong bản sưu tập này tại hội kiết tập lần thứ hai.

---o0o---

II.11 TƯ NGẠ QUỈ SỰ (SUTTA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Trong quá khứ tôi đã cho một vị Tỳ kheo, một người đã xuất gia", Đây là Ngạ quỉ sự về sợi chỉ. Câu chuyện đã bắt nguồn như thế nào?

Tương truyền rằng, trên bảy trăm năm trước khi Bậc Đạo Sư của chúng ta ra đời, ở trong một ngôi làng nọ không cách xa thành (Savatthi), có một chàng trai nọ đã hộ độ một vị Phật Độc Giác. Khi anh ta đến tuổi Trưởng thành, người mẹ kiếm về cho anh ta một đứa con gái của một gia đình tốt từ dòng dõi có địa vị ngang hàng, nhưng chính ngày mà cậu ta sắp kết hôn thì chàng trai, khi đã đi chung với một số bạn bè để tắm, bị một con rắn cắn chết. Người ta còn nói rằng chính vì cậu ta bị một con dạ xoa nhập vào. Dầu cậu ta đã làm nhiều việc thiện bằng sự hộ độ ấy của cậu ta đến Đức Phật Độc giác, tuy nhiên, vì cậu ta luyến ái với cô gái nên phải sanh làm một Vimaanapeta, nhưng có thần thông và oai lực lớn. Khi muốn đem cô gái vào trong cung điện của mình, vị ấy tự nghĩ rằng. "Bây giờ bằng cách nào để nàng có thể làm một việc phước, để sống và hưởng những khoái lạc của tình yêu với ta ở đây trong chính cuộc sống này? Trong khi vị ấy đang suy xét cách để nàng có thể sống trong sự vinh quang của ái lạc thần tiên thì trông thấy một vị Phật Độc Giác đang làm y. Vị ấy đi đến trong hình tướng của con người và đảnh lễ Ngài, rồi hỏi rằng: "Bạch Ngài, Ngài có cần chỉ không?" "Chúng ta đang làm những chiếc y, này thiện nam", Đức Phật Độc giác đáp lại. Vị ấy chỉ về ngôi nhà của cô gái mà nói rằng, "Thôi được, Ngài nên đi và xin một ít chỉ ở tại chỗ đó". Đức Phật Độc giác đi đến đó và đứng ở cửa nhà.

Khi nàng trông thấy Đức Phật Độc giác đang đứng ở đó, nàng nhận ra rằng Bậc Ứng cúng đang cần một ít chỉ từ nàng và, với lòng tịnh tín trong tâm, đã dâng đến Ngài một cuộn chỉ. Rồi vị chư thiên trong lốt người ấy đi đến nhà của cô gái, xin phép mẹ của nàng và sống với nàng trong vài ngày. Để giúp đỡ mẹ của nàng, vị ấy

bỏ đầy tiền và vàng trong tất cả những cái hũ trong nhà của họ và viết tên của vị ấy ở trên tất cả chúng, khi nói rằng, "Của cải này đã được cho bởi các vị chư thiên thì sẽ không ai có thể lấy được", rồi dẫn cô gái vào trong cung điện của vị ấy. Mẹ của nàng,

khi đã có được nhiều của cải này, bèn cho đến những quyến thuộc của mình, đến những người nghèo khổ và những người vô gia cư v.v... Và chính bà ta cũng dùng nó. Khi bà ta đang lâm chung, bà ta nói với những quyến thuộc rằng, "Nếu con gái của tôi đến thì hãy chỉ cho nó của cải này" Và rồi chết.

Rồi bảy trăm năm sau khi Đức Thế Tôn của chúng ta xuất hiện trong thế gian và lăn bánh xe chánh pháp, và đến đúng lúc đang trú ngụ ở Saavatthi, sự bất mãn sanh đến cho người đàn bà đang sống với vị phi nhân. Nàng nói với vị ấy rằng, "Thưa lang quân, hãy đem em trở lại với căn nhà của chính em", và rồi nói lên những câu kệ này:

1. "Trong quá khứ tôi đã cho đến một vị Tỳ kheo, đến một người xuất gia, số chỉ mà vị ấy đã đến xin tôi. Do kết quả của điều ấy, phước báu dồi dào được thọ lãnh và nhiều Ko.ti y phục đã xuất hiện dành cho tôi.

2. Cung điện của chàng được trải ra bằng những bông hoa và trông khả ái, nó có vô số bức tranh và được hầu hạ bởi những người đàn ông và đàn bà. Tôi xử dụng nó và tự mặc y phục, tuy nhiên nhiều vật sở hữu vẫn không hết.

3. Do kết quả của việc phước ấy, hạnh phúc và khoái lạc được thọ lãnh ở đây. Khi tôi lại đi đến cõi người một lần nữa, tôi sẽ quyết tâm làm những việc phước. Xin hãy đem tôi đi, thưa lang quân".

Chú giải:

1. Ở đây, ĐẾN MỘT VỊ TỲ KHƯU, ĐẾN MỘT NGƯỜI ĐÃ XUẤT GIA (pabbajitassa Bhikkhuno): điều này được nói đến liên quan đến Đức Phật Độc giác. Vị ấy là người xuất gia trong ý nghĩa cao tột, vì vị ấy đã từ bỏ những bợn nhơ của dục trần v. V... trong chính tâm của vị ấy, không dư sót. Vị ấy xứng đáng được gọi là " Tỳ kheo" vì vị ấy đã đoạn trừ những phiền não (Bhinnakilesattaa). SỢI CHỈ (Sutta.m)! chỉ bông gòn. VỊ ẤY ĐÃ ĐẾN (Upagamma): Vị ấy đi đến nhà của tôi. XIN TÔI (Yaacitaa): Vị ấy xin tôi bằng cách đi khất thực, khi xử dụng oai nghi về thân, có thể nhận ra được để gợi cho biết rằng, "Các bậc thánh đứng chỉ biểu lộ rằng đây là sự xin ăn của những bậc Thánh". CỦA CẢI ĐÓ (Tassa): của vật thí về cuốn chỉ ấy. KẾT QUẢ LÀ QUẢ BÁU DỒI DÀO ĐÃ NHẬN ĐƯỢC (Vipaako vipulapha 'upalabbhati): Kết quả là quả phước dồi dào về phước điền cao cả nhất, phước điền vĩ đại nhất, bây giờ đã nhận được. NHIỀU (bahuu): Vô số. Những Koti

y phục: Vattha kotiyo = Vatthaana.m kotiyo (phối hợp cách), nghĩa là vô số trăm ngàn loại y phục khác nhau.

2. NÓ CÓ VÔ SỐ BỨC TRANH (Anekacitta.m): Nó có nhiều loại tác phẩm về tranh hoạ hay nó được trang hoàng bằng vô số châu báu như Ngọc trai, ngọc thạch v.v... ĐƯỢC HẦU HẠ BỞI NHỮNG NGƯỜI ĐÀN ÔNG VÀ ĐÀN BÀ (naranaarii sevita.m) được phục vụ bởi những người đàn ông và đàn bà như là những người hầu. TÔI DÙNG LẤY NÓ (Saaha.m bhu~njaani): Tôi hưởng dụng cung điện này. MẶC VÀO MÌNH (Paarupaami): Mặc vào, mang vào, bất cứ cái gì tôi muốn giữa vô số Koti y phục. NHIỀU CỦA CẢI (bahuutavittaa) nhiều của cải thuộc về những vật dụng cần thiết của đời sống, thuộc về

của cải lớn và tài sản lớn. VẪN KHÔNG HẾT (Na ca taava khiiyati): Tuy nhiên, những của cải ấy, không suy giảm, không kiệt tận.

3. VÌ VẬY, DO KẾT QUẢ CỦA CHÍNH HÀNH ĐỘNG ẤY (Tass'a eva kammassa vipaaka.m anvayaa). Do vậy, do bởi, do chính riêng việc phước của vật thí bằng cuốn chỉ ấy mà hạnh phúc và hỉ lạc đang trổ sanh bao gồm cái đáng ưa thích, đã thọ lãnh được ở đây, trong cung điện này. KHI ĐÃ TRỞ LẠI CÕI NGƯỜI MỘT LẦN NỮA (gantvaa puna-m-eva maanusa.m): khi đã đi đến cõi người lại một lần nữa, "TÔI QUYẾT TÂM LÀM NHỮNG VIỆC PHƯỚC (Kaahaami pu~n~naami): tôi sẽ làm những việc phước mà sẽ đem lại hạnh phúc đặc biệt dành cho tôi, hay những điều mà từ đó sự vinh quang đạt được bởi tôi - đây là ý nghĩa. HÃY ĐEM TÔI ĐI, THƯA LANG QUÂN (Nay'eyyaputta ma.m): Nghĩa là hãy mang tôi đi (Naya= Nehi, thể văn phạm hoán chuyển) đến cõi người, thưa lang quân.

Khi nghe qua điều này, vị phi nhân ấy, không muốn đi vì do lòng ái luyến và cũng thương hại cho nàng, bèn thốt lên câu kệ này:

4. "Đã bảy trăm năm từ khi em đến đây. Em sẽ già và tại đó sẽ bịnh lão, và tất cả những quyến thuộc của em có lẽ đã chết rồi. Em sẽ làm gì khi từ đây em đi đến chỗ đó?

Chú giải:

4. Ở đây, BẢY (Satta): đây là một thuộc ngữ có sự lượt bỏ của biến tố hay một cách nói đặc biệt trong thể công cụ. HẰNG TRĂM NĂM Vassasataa = vassasatato (thể văn phạm hoán chuyển): là trên bảy trăm năm từ khi em đến cung điện này, nghĩa là bảy trăm năm kể từ khi em đến đây. EM SẼ GIÀ VÀ TRỞ NÊN CAO TUỔI (jji.n.naa ca vu.d.dhaa ca tahim bhavissati): em đã giữ gìn hình tướng trẻ trung của em trong suốt bấy lâu nay do năng lực của nghiệp ấy, mà nhờ đó em tồn

tại ở đây bằng vật thực và nhiệt độ của chư Thiên. Nhưng khi em đã đi khỏi đây, do hết nghiệp ấy và do vật thực và nhiệt độ của loài người, em sẽ già và tăng cao tuổi trong cõi ấy. VÀ NHỮNG QUYẾN THUỘC CỦA EM KHI ẤY ĐÃ CHẾT HẾT RỒI (Sabbe ca te kaalakataa 'va ĩaatakaa): Trong đó, m?t thời gian dài như vậy đã trôi qua rồi, tất cả những quyến thuộc của em ắc đã chết hết rồi. Do đó em sẽ làm gì khi em đi đến chỗ ấy, đi đến cõi người ấy, từ đây, từ cõi Devaloka này? hãy lại đây, hãy sống cuộc sống còn lại của em ngay tại đây - đây là ý nghĩa.

Khi vị ấy đã nói như vậy, nàng bèn nói mà không tin điều mà vị ấy đã nói, và thốt lên câu kệ này:

5. "Chỉ có bảy năm kể từ khi đến đây, em có được hạnh phúc thần tiên. Khi em đã trở lại cõi người một lần nữa, em quyết định làm những việc phước. Hãy đem em đi, thưa lang quân.

Chú giải:

5. Ở đây, CHỈ CÓ BẢY NĂM KỂ TỪ KHI EM ĐẾN ĐÂY (Satt'eva vassaani idhaagataaya me) thưa lang quân, xem ra đối với em chỉ có bảy năm đã trôi qua kể từ khi em đến

đây. Nàng nói theo cách này vì nàng không nhận biết rằng nhiều thời gian đã trôi qua.

Khi Nàng đã nói như vậy, vị Vimaanaapeta ấy bèn khuyên nàng bằng nhiều cách, "Em sẽ không sống ở đó trên bảy ngày kể từ bây giờ. Sẽ có một số của cải được cho bởi ta và do mẹ em cất. Hãy cho nửa số của cải này đến các vị sa môn và Bà la môn với ước muốn rằng, em có thể sanh lên ngay tại đây," Khi đã nói điều này, vị ấy bèn nắm lấy tay nàng và đặt nàng ở giữa ngôi làng của nàng, khi nói cho nàng biết rằng nàng nên sách tấn những người khác, mà cũng đến đó, làm những việc phước theo khả năng của họ, và rồi vị ấy ra đi. Vì lý do này mà có lời nói rằng:

6. Vị ấy cầm chắc cánh tay của nàng và dẫn nàng về, sắp già và yếu đuối, khi nói rằng, "Nàng hãy bảo những người khác mà cũng đến đây rằng, "Hãy làm những việc phước, rồi hạnh phúc sẽ nhận được".

Chú giải:

6. Ở đây, VỊ ẤY (So): Vị Vinaamapeta . NÀNG (ta.m): Người đàn bà: NẮM CHẮC CÁNH TAY (gahetvaana pa sayyha baahaaya.m): Nắm chắc cánh tay của nàng tựa như dùng sức. DẪN NÀNG VỀ (Paccaanayitvaana): Lại dẫn nàng đến ngôi làng nơi mà nàng đã sanh ra và đã lớn lên. SẮP GIÀ (Theri.m): Như một người đàn bà sắp già, nghĩa là già và lớn tuổi. YẾU ĐUỐI (Sudubbala.m): yếu

đuối vì tuổi tác và tình trạng lụ khụ của nàng. Người ta nói rằng ngay khi nàng rời khỏi cung điện ấy thì nàng trở nên già cao tuổi, bị chi phối bởi tuổi già, đã sống qua thọ mạng của nàng và đã ở cuối kiếp sống của nàng. NÀNG NÊN NÓI (vajjesi = vaadeyyaasi) (Thể văn phạm hoán chuyển). Để cho nàng thấy điều nào sẽ phải nói, "Những người khác mà cũng đã đến" v.v... Được nói đến. Đây là ý nghĩa: "Này em yêu, em nên làm những việc phước và em nên bảo những người khác, nên sách tấn những người khác mà đã kéo đến đây để thăm em, rằng, "Thưa các bạn kính mến, cho dù cái đầu cuả các bạn và y phục của các bạn bị cháy sáng, các bạn cũng không biết điều này và hãy làm những việc phước, như bố thí v.v... Vì khi những việc phước đã được làm rồi, thì hạnh phúc là quả của chúng chắc chắn sẽ nhận được, đừng sanh tâm nghi ngờ gì về điều này cả!"

Khi vị ấy đã nói lên điều này và đã đi khỏi chỗ đó, người đàn bà đi đến chỗ ngụ của những quyến thuộc của nàng và cho họ biết nàng. Nàng lấy của cải mà họ dâng đến và, khi cho những vật thí đến các vị Sa môn và Bà la môn, bèn sách tấn tất cả mọi người mà đi đến trước mặt nàng, bằng câu kệ này:

7. "Những Peta và những con người cũng vậy đã được tôi trông thấy khi họ đi đến chỗ ưu bi do không làm điều gì tốt đẹp, cũng như các vị chư thiên và nhân loại là giống loại an trú trong hạnh phúc, sau khi làm những việc phước mà quả sẽ được thọ hưởng là hạnh phúc".

Chú giải:

7. Ở đây, DO ĐÃ KHÔNG LÀM (akatena): do đã không tạo ra, do đã không tự thân tích lũy. ĐIỀU GÌ TỐT ĐẸP (Saadhunaa): Những nghiệp thiện. KHI HỌ ĐI ĐẾN ƯU BI

(Viha~n~nanti): Khi họ gặp phải đau khổ. MÀ QUẢ SẼ ĐƯỢC THỌ HƯỞNG LÀ HẠNH PHÚC (Sukhavedaniiya.m): Những việc phước đem lại kết quả hạnh phúc ĐỨNG VỮNG TRONG HẠNH PHÚC (sukhe .thitaa): an trú trong hạnh phúc; một cách đọc khác là: Được nuôi dưỡng trong hạnh phúc". (Sukhedhitaa): Nghĩa là chúng lớn lên và hưng thịnh theo bởi hạnh phúc. Đây là ý nghĩa ở chỗ này: cũng như những Ngạ quỉ, và loài người cũng vậy, được trông thấy bởi tôi là đang đi đến chỗ ưu bi, gặp phải sự khổ của đói và khát v.v... Và chịu sự đau khổ lớn do đã không làm điều gì có tánh chất thiện và do đã làm điều gì có tánh chất bất thiện, cũng vậy loại chúng sanh thuộc về chư thiên và nhân loại được tôi trông thấy, đã được an trú trong hạnh phúc sau khi làm những nghiệp mà quả sẽ được thọ hưởng là hạnh phúc, do đã làm những thiện nghiệp và do không làm nghiệp bất thiện. Điều này được trông thấy bởi tôi bằng chính mắt của tôi. Do đó, hãy chuyên tâm thực hành vào các việc phước, tránh xa những điều ác.

Khi đã sách tấn họ như vậy, nàng tổ chức một cuộc bố thí lớn dành cho các vị Sa môn và Bà la môn, kéo dài trong bảy ngày. Vào ngày thứ bảy, nàng chết và tái sanh trong cõi Ba mươi ba. Các vị Tỳ kheo nêu lên vấn đề với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng chánh pháp cho hội chúng đã hội hợp ở đó. Ngài đã giải thích chi tiết về lợi ích lớn và quả báu lớn của những vật thí được dâng đến... Chư Phật Độc Giác. Khi nghe qua Pháp thoại này, họ được thoát khỏi bợn nhơ của lòng bỏn sẻn và lấy làm thoả thích trong những việc phước như bố thí v.v...

---o0o---

II.12 VÔ NHĨ KHUYỂN CẨU QUỈ SỰ (KA.N.NAMU.N.DA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Những bậc thang của ngươi bằng vàng". Câu chuyện này được nói đến trong khi Bậc Đạo sư đang ngụ ở Saavatthii, liên quan đến nữ Ngạ quỉ Ka.n.na Mu.n.da .

Tương truyền rằng cách đây đã lâu, trong thời kỳ của đức Phật Kassapa, tại kinh đô Kimbilaa có một vị Thiện Nam nọ, là bực thánh Tu đà huờn và có cùng một đức tin với năm trăm vị Thiện Nam khác. Vị ấy siêng năng làm những việc phước như trồng những vườn cây khả ái, đắp đê, làm cầu v.v... Và trong khi đang ngụ ở đó, v? ấy cho dựng lên một Tinh xá dành cho chư Tăng và thỉnh thoảng đi với họ đến tinh xá ấy. Những người vợ của họ cũng là những tín nữ và trong khi, thỉnh thoảng, đi đến đó trong sự hoà hợp với nhau và, mang theo những vật thơm, những tràng hoa và dầu xức... dọc đường họ muốn nghỉ chân ở những khu vườn khả ái và những nhà nghĩ v.v... trước khi tiếp tục đi. Rồi một hôm nọ, một số tên lừa đảo đang ngồi với nhau ở một trong những nhà nghỉ, chú ý đến sắc đẹp của họ khi họ bỏ đi sau khi đã nghỉ ở đó, và đã đem lòng ái luyến những nữ nhân ấy. Khi chúng nhận biết rằng những nữ nhân ấy có giới hạnh, chúng bắt đầu nói chuyện với nhau khi tự hỏi rằng, "Ai có thể làm nứt rạn giới của một người nào đó trong nhóm nữ nhân này?" "Tôi có thể", một người trong bọn chúng nói lên. Chúng đánh cuộc rằng, "Chúng ta đánh cuộc một ngàn đồng. Nếu anh không làm được điều ấy thời anh phải nộp cho chúng tôi một ngàn đồng".

Khi cố gắng bằng vô số cách, do bởi lòng tham được tiền và sợ thua cuộc, anh ta chơi đàn vii.na bảy dây, tạo ra những tiếng nhạc du dương, khi họ đi đến nhà nghỉ. Khi hát những bản nhạc mang tánh chất khiêu dâm với giọng hát ngọt ngào của anh ta, bằng âm thanh của bản nhạc ấy, anh ta đã khiến cho một người đàn bà nọ trong bọn họ làm rạn nứt giới hạnh của nàng, rồi tà dâm với nàng và được một ngàn đồng từ những tên lưu manh ấy. Những người mà thua một ngàn đồng bèn

thuật lại vấn đề ấy với chồng của nàng. Vì không tin họ, nên vị ấy hỏi nàng rằng: "Cô có làm như những người này nói không?" "Tôi không biết điều gì như thế cả", nàng phủ nhận. Thấy anh ta không tin nàng, nàng bèn chỉ về một con chó mà đang đứng gần đó và thề rằng, "nếu em làm một điều gì ác như thế này, thì xin cho con chó bị đứt tai ấy ăn thịt của em ở bất cứ nơi nào mà em sanh ra". Dầu năm trăm nữ nhân ấy biết rằng nàng là một kẻ tà dâm, khi được hỏi rằng, "cô ta đã có phạm một ác nghiệp như thế hay không?" họ nói dối rằng,

"Chúng tôi không biết như thế đâu", và thề rằng, "Nếu chúng tôi biết điều này thời xin cho chúng tôi làm những nô lệ của nàng trong tất cả những kiếp sống mai sau".

Bấy giờ người đàn bà tà dâm trở nên gầy mòn ốm yếu do bị dằn vặt bởi lương tâm cắn rứt và, chẳng bao lâu sau thì chết. Nàng sanh làm một vimaanapetii ? trên bờ hồ Ka.n.namu.n.da, là một trong bảy cái hồ lớn của núi Himaalaaya, chúa của các núi, và ở bên ngoài quanh khắp cung điện của nàng có sanh lên một hồ sen thích hợp để cho nàng hưởng quả của các nghiệp của nàng. Khi năm trăm nữ nhân còn lại chết, họ sanh làm những nô lệ của nàng do bởi lời thề của họ. Do quả của những việc phước được làm trước kia, nàng thọ hưởng sự vinh quang thần tiên ở đó suốt ngày, nhưng vào lúc nửa đêm, bị thúc dục bởi những năng lực của những ác nghiệp của nàng, nàng đứng dậy khỏi chiếc giường của nàng và đi đến bờ của hồ sen. Khi nàng đi đến đó, thì một con chó đen có cỡ bằng con voi trẻ, có hình tướng ghê sợ, hai tai bị đứt, những cái răng nanh dài lồi ra, nhọn và trông dữ tợn, và đôi mắt của nó mở rộng và giống như những cục than cháy đỏ của gỗ Acacia, lưỡi của nó thè ra như một tia chớp không bị đứt đo?n, những cái móng nhọn và trông dữ tợn, và lông bờm xờm, dài một cách dị hợm, nhân đó nó đến và vật nàng xuống đất, hùng hổ xé xác nàng như người bị đói quá mức. Khi nó đã ăn thịt nàng đến chỉ còn một bộ xương, nó dùng những cái nanh của nó tha nàng đi và ném nàng vào trong hồ sen rồi biến mất. Khi bị ném vào trong đó, ngay tức thì nàng trở lại hình tướng bình thường của nàng, và sau khi trèo đến cung điện của nàng. nàng lại nằm trên chiếc giường. Tuy nhiên, những người khác thì phải chịu khổ do phải làm nô lệ cho nàng mà thôi.

Chúng tiếp tục sống ở đó theo cách này cho đến khi năm trăm mươi năm đã trôi qua, nhân đó chúng trở nên bất mãn vì chúng tiếp tục thọ hưởng sự vinh quang của thần tiên như vậy mà không có sự hiện diện của người đàn ông nào. Bấy giờ, ở đó có một con sông chảy ra từ hồ Ka.n.namu.n.da và chảy vào sông Hằng sau khi đi ngang qua một khe núi. Gần chỗ ngụ của họ là một khu rừng giống như một khu vườn khả ái được trang điểm bởi nhiều trái cây của chư Thiên, những cây xoài mít v.v... Chúng suy nghĩ như vầy, "bây giờ, nếu chúng ném những trái xoài này xuống con sông thì chắc chắn sẽ

có một người nào đó trông thấy nó và đi đến do muốn

được những trái như vậy, và rồi chúng ta có thể vui chơi với người đàn ông ấy. Và chúng đã làm đúng điều này. Một số trái xoài mà chúng ném được bắt lấy bởi những vị Đạo sĩ, một số bởi những người thợ rừng và một số dính vào bờ sông. Tuy nhiên có một trái trôi theo dòng nước của Sông Hằng, và đúng lúc đến tại xứ Ba la nại.

Lúc bấy giờ, vua của xứ Ba la nại đang tắm ở trong dòng sông Hằng bên trong vòng đai lưới bằng đồng, và trái ấy, trôi đi theo dòng nước, đúng lúc trôi đến và dính vào cái lưới bằng đồng ấy. Khi những quân hầu của Đức vua trông thấy trái xoài của chư thiên đồ sộ ấy và có đầy màu sắc, hương vị. Họ dâng trái xoài ấy đến Đức vua. Đức vua lấy một phần và để thử nó, bèn cho nó đến một tên cướp đang bị giam ở trong tù, chờ ngày xử trảm, ăn nó. Khi anh ta đã ăn nó rồi, anh ta bèn nói rằng, "Tâu bệ hạ, trước kia chưa bao giờ thần được ăn một trái xoài như vậy; theo thần nghĩ, đây chắc là một trái xoài của chư thiên". Đức vua cho anh ta một lát xoài nữa, và khi anh ta đã ăn nó thì tóc bạc của anh ta và những nét nhăn biến mất, và anh ta trở nên vô cùng hấp dẫn về sắc tướng, giống như người vẫn còn trong thời thơ ấu của mình. Khi đức vua trông thấy điều này, vị ấy đầy ngạc nhiên và tò mò, ăn trái xoài và được tánh thanh lịch về thân. Vị ấy hỏi những quân hầu của mình rằng, "những trái xoài như vậy được tìm thấy ở đâu?" "Người ta đồn rằng nó ở trên núi Himaalaya, là vua của các núi, tâu bệ hạ", quân hầu nói và khi được hỏi, "có thể đi hái chúng đem về được không?" chúng nói rằng, "Những người thợ rừng chắc biết, tâu bệ hạ". Đức vua cho gọi những người thợ rừng đến, nói cho họ biết vấn đề và rồi hỏi ý kiến của họ. Vị ấy cho một ngàn Kahaapana đến một người thợ rừng nghèo khổ và sai anh ta đi khi nói rằng, "Hãy đi nhanh và đem về trái xoài như thế này cho ta".

Anh ta trao một ngàn Kahaapana cho vợ và các con, lấy những thứ dự trữ cho chuyến hành trình và đi ngược dòng sông Hằng, hướng về hồ Ka.n.namu.n.da . Khi anh ta đã đi khỏi những con đường đi của loài người, anh ta trông thấy một đạo sĩ ở một chỗ nằm bên dưới hồ Ka.n.namu.n.da xa sáu chục Do tuần. Khi đi dọc theo con đường được mô tả bởi vị ấy, anh ta lại trông thấy một đạo sĩ ở một chỗ xa hơn ba mươi do tuần. Khi đi dọc theo con đường được mô tả bởi vị đạo sĩ nầy, anh ta lại trông thấy một Đạo sĩ nữa ở một chỗ xa hơn ba mươi do tuần. Khi đi dọc theo con đường được mô tả bởi vị ấy, anh ta lại trông thấy một Đạo sĩ khác ở một chỗ xa mười lăm do tuần và nói cho vị ấy biết lý do về chuyến đi của mình. Đạo sĩ khuyên anh ta rằng: "Từ đây đi tiếp, anh sẽ rời khỏi con sông Hằng to lớn này và đi theo một con sông nhỏ ngược dòng cho đến khi anh trông thấy một khe núi, khi đó anh sẽ cầm một cây củi đang cháy dở và đi vào lúc đêm tối. Khi con sông không chảy vào lúc đêm tối thì đây là thời gian thích hợp để anh đi tiếp. Khi anh đã đi được vài do tuần, anh sẽ trông thấy những trái xoài". Anh ta làm đúng điều này và

khi mặt trời mọc, anh ta đến rừng xoài vô cùng hấp dẫn ấy; ở đó vang dội những bài ca của những đàn chim thuộc nhiều loại và được tô điểm bởi những khóm cây và những nhánh trải ra của chúng oằn xuống dưới thấp do sức nặng của những trái xoài mà chúng mang. Quang cảnh thật lộng lẫy với những chùm hào quang của những loại

ngọc báu.

Khi những thiếu nữ phi nhân ấy trông thấy anh ta đang đi đến ở một khoảng xa, chúng chạy đến anh và nói rằng, "Người đàn ông này thuộc về của tôi!, người đàn ông này thuộc về của tôi!". Tuy nhiên khi anh ta trông thấy họ, thì anh ta lấy làm sợ hãi, vì anh ta không phải là người đã làm những việc phước để được thọ hưởng sự vinh quang của thần tiên ở đó với chúng, và khi kêu to, bèn chạy đi và thuật lại biến cố ấy với Đức vua sau khi anh ta đi đến Ba la nại. Khi đức Vua nghe qua điều này thì vị ấy đầy mong ước được trông thấy mỹ nhân ấy và được ăn những trái xoài ấy. Bởi vậy, vị ấy giao vương quốc cho những vị quan cố vấn đặc biệt của mình, và khi lấy cớ là đi săn, bèn đi theo con đường được chỉ bởi người thợ rừng. Được theo hầu bởi một nhóm tuỳ tùng, vị ấy để quân hầu của mình ở một chỗ cách xa vài do tuần và tiếp tục dẫn người thợ săn đi và. Đến đúng lúc, vị ấy cũng cho anh ta quay lui từ đó và đi vào khu rừng xoài khi mặt trời đang mọc lên.

Khi những thiếu nữ trông thấy vị ấy như một vị chư thiên mới sanh lên, họ bèn đi ra để đón tiếp vị ấy. Rồi khi nhận ra rằng, đó là vua, họ khởi lên tình cảm rạc rào và lòng kính trọng. Họ tắm cho đức vua thật chu đáo và trang điểm cho vị ấy một cách xinh đẹp bằng những y phục, vật trang sức, tràng hoa, vật thơm và dầu xức của chư thiên, rồi dẫn vị ấy lên cung điện của họ. Ở đó, họ cho vị ấy ăn vật thực của chư thiên có những hương vị hảo hạng, hầu hạ vị ấy theo những sở thích của vị ấy.

Rồi sau một trăm năm đã trôi qua, đức vua thức dậy vào lúc nửa đêm và, trong khi đang ngồi, trông thấy nữ Petii bị nghiệp tà dâm ấy đang đi đến bờ của hồ sen. Vị ấy đi theo nàng vì muốn khám phá xem nàng có thể đang đi đâu vào giờ ấy trong đêm, và trông thấy nàng bị ăn thịt bởi con chó khi nàng đi đến đó. Vị ấy suy gẫm vấn đề ấy trong ba ngày mà vẫn không hiểu được chuyện gì, rồi quyết định rằng chắc đó là kẻ thù của nàng và quyết định giết chết con chó, bắn nó bằng một cây tên nhọn. Rồi vị ấy nhận chìm nàng vào trong hồ, khi đó vị ấy trông thấy rằng nàng đã lấy lại hình tướng xưa cũ của nàng, vị ấy bèn hỏi nàng về những biến cố ấy bằng những câu kệ này:

1. "Những bậc thang của ngươi bằng vàng và được rải ra bằng cát vàng; có những hoa súng trắng ở đó thật khả ái, thơm dịu dàng và khiến tâm được vui thích;

2. Được che mát bằng nhiều loại cây và tràn ngập bởi tất cả các loại hương thơm; được che phủ bằng nhiều loại sen, được phủ lên bằng những sen trắng,

3. đầy mê ly, chúng thoảng đưa mùi thơm khả ái khắp quanh khi được quạt bởi làn gió nhẹ; có vang dội những tiếng kêu của loài thiên Nga và cò, vang dội tiếng kêu của những con ngỗng hồng.

4. Có nhiều đàn chim xúm lại và đầy những bản nhạc của những đàn chim ấy; những khóm cây mang nhiều loại trái và những rừng cây mang nhiều loại hoa.

5. Giống như một thành phố như thế này thì không tìm thấy được trong nhân loại. Và nàng có nhiều cung điện được làm bằng bạc và bằng vàng, làm loé mắt, chúng chiếu sáng khắp bốn hướng.

6. Những người này mà là những người hầu của nàng, đó là năm trăm nô lệ của nàng; chúng mang những chiếc vòng tay và vòng đeo cổ, và đầu của chúng được trang sức bởi những tràng hoa đội đầu bằng vàng.

7. Có nhiều chiếc giường của nàng, được làm bằng bạc và bằng vàng, và được phủ lên những tấm da của non sơn Dương, được khéo trưng bày và trải bằng những tấm lông cừu dài.

8. Khi nàng đã đi nghỉ ở trên đó, nàng có dồi dào tất cả gì nàng mong ước, tuy vậy vào lúc nửa đêm đến, nàng thức dậy khỏi chỗ đó và đi ra.

9. Nàng đi đến chỗ khả ái và đứng trên đám cỏ xanh mướt bao quanh toàn thể hồ sen ấy.

10. Nhân đó có một con chó bị mất tai cắn xé từng chi thể của nàng, và khi nó đã ăn thịt nàng, nó khiến cho nàng chỉ còn bộ xương, rồi nàng chìm vào trong hồ sen và thân của nàng lại giống y như trước.

11. Rồi với những chi thể được phục hồi, trông xinh đẹp và diễm kiều, nàng mặc vào y phục và đi đến trước mặt ta.

12. Bây giờ ác nghiệp nào được bởi nàng bằng thân, khẩu, ý? Do kết quả của nghiệp nào khiến cho con chó không có tai ăn thịt các chi thể của nàng?"

Chú giải:

1. Ở đây, NHỮNG BẬC THANG CUẢ NÀNG BẰNG VÀNG (Sova.n.nasopanaphalakaa): Những bậc thang của nàng được làm bằng vàng. VÀ ĐƯỢC TRẢI BẰNG CÁT VÀNG (Sova.n.navaalukasanthataa): Được trải khắp quanh bằng cát, được làm bằng vàng. Ở ĐÓ (Tattha): ở hồ sen ấy. NHỮNG HOA SÚNG TRẮNG Boga.n .dhivaa= soga.n.dhikaa (thể văn phạm hoán chuyển) YÊU KIỀU (Vagguu), xinh đẹp, lấp lánh. HƯƠNG THƠM NGỌT NGÀO (Suciga.ndhaa): Với mùi hương khả ái.

2. TRÀN NGẬP BỞI TẤT CẢ NHỮNG LOẠI HƯƠNG THƠM (Naanaagandhasamiiritaa): tỏa khắp bởi những làn gió thơm, do bởi nhiều loại hương thơm say đắm. ĐƯỢC TRẢI LÊN BẰNG NHỮNG SEN TRẮNG (Pu.n.dariikasamotataa): được phủ lên bằng những sen trắng.

3. LÀM SAY ĐẮM, CHÚNG THOẢNG ĐƯA HƯƠNG THƠM KHẮP QUANH (Surabhisampavaayanti): khắp hồ sen có toả ra mùi hương khả ái - đây là ý nghĩa. VANG DỘI NHỮNG TIẾNG KÊU CỦA LOÀI THIÊN NGA VÀ CÒ (Ha.msakoïcàbhirudaa): Đầy những tiếng kêu của con thiên nga và cò.

4. ĐƯỢC KÉO ĐẾN BỞI NHỮNG ĐÀN GỒM NHIỀU LOẠI CHIM (Naanaadijaga.naaki.n.naa): Đầy những đàn chim đủ loại; VÀ ĐẦY NHỮNG BẢN NHẠC CỦA ĐÀN CHIM ẤY (Naanaasaraganaayutaa): và đầy sự cộng hưởng cuả nhiều loại chim khác nhau. NHỮNG CÂY MANG NHIỀU LOẠI TRÁI (naanaaphaladharaa): Mang nhiều loại trái cây, có những nhánh bị oằn cong liên tục bởi sức nặng của nhiều trái. VÀ NHIỀU RỪNG CÂY MANG NHIỀU LOẠI HOA (Naanaapubbhadharaavanaa) nghĩa là

nhiều rừng cây mà cho nhiều loại hoa đẹp mê say, "những rừng cây" (yanaa) được nêu ra với sự méo mó về giống tánh.

5. CÁI GIỐNG NHƯ MỘT THÀNH PHỐ THÌ KHÔNG CÓ TRONG NHÂN LOẠI (na manussesu iidisa.m nagara.m): cái giống một thành phố như thành phố này của nàng thì không được tìm thấy trong nhân loại, nghĩa là nó không được biết đến trong cõi người. ĐƯỢC LÀM BẰNG BẠC (ruupiyaamayaa): được làm bằng loại đồng xu bằng bạc. CHÓI LỌI (daddalhamaanaa): Vô cùng rực rỡ, CHÚNG CHIẾU SÁNG (aabhenti): chúng chiếu sáng ra khắp cả bốn hướng: sama~ntà caturo disaa= samantato catasso pi disaa (thể văn phạm hoán chuyển).

6. NHỮNG NGƯỜI NÀY LÀ CỦA NÀNG: yaa temaa = yaa te imaa (phối hợp cách). Những nữ hầu (paricaarikaa): Những người làm công việc phục vụ. CHÚNG (tà): Những nữ hầu ấy MANG NHỮNG VÒNG XUYẾN VÀ NHỮNG VÒNG ĐEO CỔ (kambukaa yuradharaa): được trang sức bởi những vòng đeo tay và những cái vòng bằng vỏ xa cừ. ĐẦU CỦA CHÚNG ĐƯỢC TRANG SỨC

BẰNG NHỮNG VÒNG HOA BẰNG VÀNG (ka~ncanaa velabhusitaa): Những búi tóc của chúng được trang sức bằng những sợi dây thòng bằng vàng.

7. ĐƯỢC CHE PHỦ BẰNG DA CỦA CON SƠN DƯƠNG KADALÌ (kadalinigasa~nchannaa): Được trải lên trên bằng tấm trải làm bằng da của con sơn dương kadalii . ĐƯỢC KHÉO SỬA SOẠN: sajjaa=sajjitaa (thể văn phạm hoán chuyển): Thích hợp để nằm ngủ . ĐƯỢC TRẢI BẰNG LỚP LÔNG CỪU DÀI (co.nakasanthakaa): được trải bằng tấm thảm lông cừu dài.

8. Ở TRÊN ĐÓ (yattha): ở trên chiếc giường ấy. KHI NÀNG ĐÃ ĐI NGHỈ: Vaasuupagataa=vaasa.mupagataa (Phối hợp cách) nghĩa là khi nàng đã nằm xuống để ngủ. KHI NỬA ĐÊM ĐẾN (Sampattaaya a.d.dharattaaya): Khi nửa đêm đã đến. Từ đó (tato) từ chiếc giường ấy.

9. HỒ SEN ẤY: pakkhara~n~naa = pokkharaniyaa (thể văn phạm hoán chuyển). LỤC (harite) Xanh lục. Có đầy cỏ (Saddale): được phủ bằng cỏ non. TƯƠI SÁNG (subhe): Sạch sẽ hay nói cách khác đó là cách để xưng hô với nàng, "hỡi nàng rực rỡ của ta" Nàng đi và đứng, và lưu lại, này cưng, trên bờ cỏ xanh mà hoàn toàn bao quanh hồ sen ấy - đây là cách nên được hiểu.

10. KHÔNG CÓ TAI (ka.n.namu.n.do): Có tai bị rách, có tai bị đứt. NÓ ĐÃ ĂN THỊT NÀNG: Khaayitaa aasi= Khaaditaa ahosi (thể văn phạm hoán chuyển). BIẾN NÀNG THÀNH MỘT BỘ XƯƠNG (a.t.thisa.nkhalikaa kataa) biến nàng thành chỉ còn bộ xương mà thôi. GIỐNG Y NHƯ TRƯỚC (yathaa pure): Giống như trước khi nàng bị con chó ăn thịt.

11. Khi ấy (tato): Sau khi nhận chìm vào trong hồ sen. VỚI CÁC CHI THỂ ĐƯỢC PHỤC HỒI (angapacca"ngaa): được phục hồi hoàn toàn trong tất cả các chi thể. ĐẸP (sucaaruu): rất khả ái. Trông kiều diễm (piyadassanaa): trông dễ thương (ĐI ĐẾN) (yaasi): Đến.

Khi được hỏi như vậy bởi đức vua, Petii ?y bèn thốt lên năm câu kệ để kể lại câu chuyện về nàng cho vị ấy nghe từ đầu:

13. Tại Kimbilaa có một gia chủ, là một Thiện nam có đức tin; thiếp là vợ của vị ấy, nhưng lại có ác hạnh và ngoại tình.

14. Chồng của thiếp nói điều này với thiếp trong khi thiếp thông dâm như vậy, "Điều này không thích hợp cũng không hay". Đó là chuyện nàng đã gian dâm phản bội lại ta bằng cách ấy".

15. Thiếp đã nói một lời dối trá kinh khủng khi thiếp thề rằng, "Em đã không ngoại tình chống lại anh bằng thân hoặc bởi ý".

16. Nếu em ngoại tình chống lại anh hoặc bằng thân hoặc bằng ý, thì xin cho con chó không có tai ấy ăn thịt các chi thể của em".

17. Chính do kết quả của ác nghiệp ấy và do bởi sự kiện rằng thiếp đã nói dối, nên đã bảy trăm năm qua thiếp bị ăn thịt từng chi thể bởi con chó không có tai ấy.

Chú giải:

13. Ở ĐÂY TẠI Kimbilaa (Kimbilaaya.m): Trong thành phố có cùng tên ấy. NGOẠI TÌNH (aticaarinii): Khi một người vợ đã phạm tội đối với chồng của nàng thì người đàn bà ấy được gọi là ngoại tình do bởi tánh hạnh của nàng.

14. CHỒNG CỦA TÔI NÓI ĐIỀU NÀY VỚI TÔI TRONG KHI TÔI ĐANG NGOẠI TÌNH (Đây là cách nên được hiểu) "Điều này không thích hợp" v.v... Cho thấy cách mà vị ấy nói ra. Ở ĐÂY, ĐIỀU NÀY KHÔNG THÍCH HỢP (N'eta.m channa.m): Điều này không hợp pháp, ĐIỀU NÀY KHÔNG NHƯ THẾ (n'eta.m patiruupa.m) chỉ là hình thức đồng nghĩa với điều này. Bằng cách này (ya.m): bằng hành động ngoại tình ấy. NGOẠI TÌNH (aticaaraasi= aticarasi) (thể văn phạm hoán chuyển): Hay nói cách khác, riêng chữ sau mới đọc mà thôi, nghĩa là nàng đã ngoại tình chống lại ta theo cách này, sự tà dâm của nàng trong trường hợp ấy - điều này không thích hợp cũng không hợp lý.

15. KINH KHỦNG (ghora.m): ghê tởm. LỜI THỀ (sapatha.m): Lời thề. THỀ abhaasissa.m = abhaasim (thể văn phạm hoán chuyển).

17. CỦA NGHIỆP ẤY (tassa kammassa): Của ác nghiệp ấy, của nghiệp về ác hạnh ấy, VÀ DO BỞI SỰ KIỆN RẰNG TÔI ĐÃ NÓI DỐI (musaavaadassa ca): Và do sự kiện rằng tôi đã nói dối rằng "Tôi đã không ngoại tình". CẢ HAI (ubhaya.m) do kết quả của cả hai. TÔI ĐÃ CHỊU (anubhuuta.m): nghĩa là tôi đã chịu khổ cho đến bây giờ. TỪ KHI (yato): Từ khi tôi làm ác nghiệp ấy.

16. NẾU TÔI: Sacaaha.m=sace aha.m (phối hợp cách) CHỐNG LẠI ANH ta.m= tva.m (thể văn phạm hoán chuyển).

Khi nàng đã nói như vậy, nàng bèn nói lên hai câu kệ để tán dương sự phục vụ mà vị ấy đã đem đến cho nàng:

18. Và Ngài, tâu bệ hạ, đã đến đây vì thiếp và đã giúp đỡ nhiều; thiếp đã được thoát khỏi con chó không tai ấy và không còn sầu khổ; chẳng có gì để sợ từ bất cứ hướng nào.

19. Thiếp xin cúi mình trước bệ hạ, tâu bệ hạ, và chúc bệ hạ. Mãi thọ hưởng tất cả những dục lạc của phi nhân, tâu bệ hạ, hãy vui chơi với thiếp".

Chú giải:

19. Ở đây TÂU BỆ HẠ (deva): nàng đang xưng hô với đức vua. KHỎI CON CHÓ KHÔNG CÓ TAI: ka.n.namu.n.dassa= ka.n.namu.n.dato (thể văn phạm hoán chuyển) Đây là sở hữu cách mang ý nghĩa về cách công cụ.

Rồi đức vua chán cuộc sống ở đó và cho biết ý định muốn ra đi của vị ấy. Khi nghe qua điều này petì ấy, do bởi sự luyến ái của nàng với đức vua, bèn nói lên câu kệ bắt đầu rằng,: "Thiếp xin cúi mình trước Ngài, tâu bệ hạ", Và nài nỉ hãy ở lại ngay tại đây. Nhưng đức vua, quyết chí ra đi, bèn nói câu kệ kết thúc, để công bố ý định của vị ấy:

20. Ta đã thọ hưởng những dục lạc này của phi nhân và đã vui chơi với nàng. Hỡi con người may mắn của ta, ta xin nàng, hãy nhanh chóng đem ta trở lại.

Chú giải:

20. Ở đây, TA XIN NÀNG (taaha.m= ta.m aha.m) (phối hợp cách). HỠI CON NGƯỜI MAY MẮN CỦA TA (subhage): Nàng là người có quan hệ đến sự may mắn. HÃY ĐEM TA VỀ (patinayaahima.m): Xin hãy đem ta trở lại kinh đô của ta. Phần còn lại hoàn toàn rõ ràng

Khi Vimaanapetii ấy đã nghe qua những lời mà đức vua đã phải nói thì nàng không thể chịu sự chia ly của họ. Với tâm bối rối và đau đớn vì sầu khổ, thân của nàng run rẩy, cho dù nàng đã nài xin bằng nhiều cách, nàng cũng không thể thuyết phục Đức vua ở lại đó. Nàng đưa đức vua đến kinh đô, mang theo nhiều châu báu có giá trị và dẫn vị ấy lên cung điện và, sau khi nàng khóc lóc và ta thán, nàng bèn trở lại chỗ ngụ riêng của nàng. Bấy giờ đức vua, đã trông thấy điều này, đầy xúc động, vị ấy thực hành những việc phước như bố thí v.v.. Và được sanh về thiên giới. Rồi khi Đức Thế Tôn của chúng ta đã xuất hiện trong thế gian và lăn bánh xe chánh pháp và đến lúc đang trú ngụ ở Saavatthi, Đại Đức Moggallaana, vào một hôm nọ khi đi rảo quanh trên những ngọn núi, trông thấy người đàn bà ấy với tuỳ tùng của nàng và hỏi nàng về nghiệp mà nàng đã tạo. Nàng bèn kể lại mọi chuyện với Trưởng lão kể từ đầu. Trưởng lão nêu lên vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Ngài lấy

vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó. Mọi người, sau khi có được sự xúc động này, bèn từ bỏ những ác nghiệp và thực hành những việc phước như bố thí v.v... Thoả thích trong chánh pháp và được sanh về Thiên giới.

---o0o---

II.13 UẤT BA LỢI QUỈ SỰ (UBBARII PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Này Brammaadatta, có một vị vua". Bậc Đạo sư, trong khi đang ngụ ở Jetavana, đã kể lại quỉ sự Ubbarii này, liên quan đến một vị Thiện nam nọ.

Tương truyền rằng tại Saavatthi, có một người chồng của tín nữ nọ đã chết và nàng, sầu muộn vì nỗi khổ chia ly giữa hai vợ chồng, thường đi đến chỗ thiêu xác của người chồng và khóc lóc ta thán cho vị ấy. Khi Đức Thế Tôn trông thấy rằng nàng có đủ duyên lành để chứng đắc quả thánh Tu Đà Huờn, tâm của Ngài bị kích thích bởi lòng bi mẫn, bèn đi đến nhà của nàng và ngồi ở chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Nàng tín nữ đi đến Đức Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống ở một bên. Rồi Bậc Đạo sư hỏi nàng rằng, "Này tín nữ, có phải nàng đang than khóc đó không?" Khi nàng nói rằng, "Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn, con khóc than vì phải chia ly với người con yêu dấu", Ngài bèn kể lại một biến cố trong quá khứ, khi muốn diệt trừ ưu bi cho nàng:

Cách đây đã lâu, tại kinh đô Kapila trong Vương quốc Pa~ncaala, có một vị vua tên là Cu.lani- brahmadatta . Vị ấy từ bỏ những lối sống lầm lạc và chuyên tâm làm việc vì lợi ích cho mọi người trong xứ sở, cai trị vương quốc mà không vi phạm mười pháp của một vị vua. Vào một dịp nọ, khi muốn nghe điều gì đang được nói ở trong vương quốc của mình, vị ấy giả dạng làm một người thợ may, rời khỏi kinh đô mà không có ai đi theo và đi dạo quanh từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, từ châu quận này đến châu quận khác. Khi vị ấy trông thấy rằng toàn thể Vương quốc được thoát khỏi những tên đạo tặc và không bị cưỡng bách, và mọi người đang sống trong những thời kỳ thân ái - Quả thật vậy, đến nổi họ để những cánh cửa nhà của họ mở tung - vị ấy trở về một cách vui sướng.

Khi vị ấy đang đi đến kinh đô, vị ấy đi vào nhà của một thiếu phụ mà đã sống một kiếp sống đau khổ trong một ngôi làng nọ. Khi nàng trông thấy vị ấy, nàng bèn nói rằng, "Này ông là ai, thưa ông, và ông từ đâu đến?" "Tôi là một người thợ may, thưa bà, và tôi đang đi rảo quanh để làm những công việc may vá, để kiếm tiền công. Nếu bà có công việc may vá nào thời hãy cho tôi một tí vật thực và một ít tiền thù lao, rồi tôi sẽ làm những công việc ấy cho bà. "Chúng tôi không có công việc nào cần làm cả, cũng không có vật thực và tiền thù lao. Ông sẽ phải làm việc

cho một người khác, thưa ông". Bà ta nói. Trong khi đang sống ở đó trong một vài ngày, vị ấy trông thấy đứa con gái của bà ta mà có tướng may mắn trong tương lai và có phước, và hỏi mẹ của nàng, "Đứa con gái này đã lấy ai chưa hay vẫn còn độc thân? Nếu nàng chưa kết hôn với ai thời hãy gả nàng cho tôi, vì tôi có thể cung cấp cho bà mọi phương tiện của một đời sống thoải mái". "Tốt lắm, thưa ông", Bà ta đáp lại và gả đứa con gái của bà ta cho vị ấy. Vị ấy sống với nàng trong vài ngày và rồi cho nàng một ngàn Kahaapana, khi nói rằng, "Anh sẽ trở lại chỉ trong vài ngày, này cưng; đừng tuyệt vọng", và đi về kinh đô.

Đức vua sai san bằng và trang hoàng con đường giữa kinh đô dến ngôi làng và rồi đi đến đó trong vẻ uy nghi vĩ đại của một vị vua. Vị ấy đặt cô con gái trên đống Kahaapana, tắm cho nàng bằng nước Vàng và bạc, ban cho nàng cái tên là Ubbarii và đặt nàng vào địa vị Chánh hậu. Vị ấy cho ngôi làng đến những quyến thuộc của nàng

và dẫn nàng về kinh đô bằng vẻ uy nghi long trọng của vua chúa. Khi thọ hưởng những khoái lạc tình yêu với nàng vị ấy trải qua một triều đại thanh nhàn chừng nào vị ấy còn sống, và rồi khi hết thọ mạng thì băng hà. Khi đức vua chết và những nghi thức mai táng vị ấy đã được cử hành, tâm của Hoàng hậu bị đâm thủng bởi mũi tên của ưu bi, vì sự chia ly của họ, bèn đi đến chỗ thiêu xác của vị ấy; ở đó, nàng cúng dường trong nhiều ngày bằng những vật thơm và những bông hoa v.v... Tán dương những ân đức của Đức vua và sau đó đi vòng quanh hoả đài của vị ấy theo chiều bên phải, khóc lóc và ta thán như người bị điên:

Bấy giờ vào thời ấy, Đức Thế Tôn của chúng ta là bồ tát và vị ấy đã xuất gia, sống cuộc đời của một ẩn sĩ và chứng đắc các thiền chứng và các thắng trí. Trong khi đang cư ngụ trong một khu rừng nọ ở một vùng lân cận của Himaalaya, bằng thiên nhãn của đạo sĩ, đạo sĩ trông thấy ubbarii đang bị đâm thủng bởi mũi tên của ưu bi. Đạo sĩ đi xuyên qua hư không và rồi, khi làm cho mọi người trông thấy mình, đạo sĩ đứng trong hư không và hỏi mọi người mà đang đứng rãi rác ở chỗ này chỗ nọ, "đây là hoả đài của ai? và vì ai mà người đàn bà này khóc, ta thán rằng, "Hỡi Bramadatta, hỡi Brammmmadatta?" Khi nghe qua điều này, những người dân bèn nói rằng, "Thưa Ngài, đây là ubbarii, là vợ của Brahmaadatta, là người mà, từ khi vị ấy băng hà, đã đi đến hoả đài của vị ấy, khóc than, ta thán và gọi tên của vị ấy "Brahmaadatta ".

1. Có một vị Vua tên là Brahmadatta, là chúa của những người đánh xe Pa~ncaala . Rồi sau nhiều ngày và nhiều đêm, vị vua ấy đã chết.

2. Người vợ Ubbarii của vị ấy đi đến hoả đài của vị ấy và khóc lóc; vì không còn trông thấy brahmaadatta ở đâu nữa, nàng khóc than rằng, "Hỡi brahmaadatta "

3. Bấy giờ có một ẩn sĩ nọ đi đến đó, là một hiền trí có giới hạnh vẹn toàn, và ở đó vị ấy hỏi những người mà được gặp ở đó, rằng,

4. "Đây là hoả đài của ai mà tràn ngập tất cả những loại hương thơm như vậy? Đây là vợ của ai mà khóc cho một người chồng đã đi xa khỏi đây, là người, khi không còn trông thấy brahmadatta ở đâu nữa, khóc lóc rằng, "Hỡi Brahmaddatta?"

5. Và những người mà có mặt ở đó, những người mà được gặp ở đó, bèn giải thích rằng, "Thưa bậc hữu phúc, đó là vợ của Brahmadatta, thưa Ngài."

6. Hoả đài này là của vị ấy, đang tràn ngập tất cả những loại hương thơm; và đây là vợ của vị ấy đang khóc lóc cho một người chồng mà đã đi xa khỏi đây, là người mà không còn trông thấy Brahmadatta ở đâu nữa, đang khóc lóc rằng, "Hỡi Brahmadatta "

Chú giải:

1. Ở đây CÓ (Ahu = Ahosi; thể văn phạm hoán chuyển). CỦA NHỮNG NGƯỜI PA~NCÀLA (pa~ncaalaana.m): Của những dân cư của vương quốc Pa~ncaala; hay chỉ là của vương quốc Pa~ncaala vì dầu đó chỉ là một nước, nó được chỉ rõ bởi cách nói số nhiều "của những người Pa~ncaala " vì nó mang tên của những vị hoàng tử thuộc nước ấy. CON BÒ CHÚA CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐÁNH XE (rathesabho): Như một con bò chúa trong những người đánh xe, nghĩa là người đánh xe vĩ đại:

2. ĐẾN HOẢ ĐÀI CỦA VỊ ẤY (tassa aa.laahana.m): đến chỗ mà xác của Đức vua đã được hoả táng.

3. ẨN S~N (isi): Vị ấy là một ẩn sĩ do vì vị ấy đã cố gắng (esanaa) để đạt được những pháp chứng như các tầng thiền v.v... Ở ĐÓ (tattha): đến chỗ mà Ubbarii đang đứng, nghĩa là đến chỗ thiêu xác, ĐI ĐẾN: aagacchi= agamaasu (thể văn phạm hoán chuyển). CÓ GIỚI ĐỨC VẸN TOÀN (sampannacara.no): nghĩa là vị ấy vẹn toàn về giới đức, vị ấy có và hoàn hảo về mười lăm pháp chứng này mà được phân loại là thuộc giới hạnh: Vị ấy đã được thành tựu về giới đức, đã kiểm soát các căn cuả vị ấy, biết tiết độ trong sự ăn uống, chuyên cần trong pháp tinh tấn, có bảy pháp thù thắng và có thể chứng đắc bốn tầng thiền sắc giới. MỘT HIỀN TRÍ (muni): hiền trí là người thông minh (munaati), là người biết rõ điều gì đem lại lợi ích cho chính mình và cho những kẻ khác. VÀ Ở ĐÓ VỊ ẤY HỎI NHỮNG NGƯỜI ẤY (te ca tattha apucchittha): Vị ấy hỏi những người ở tại chỗ ấy. LÀ NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC GẶP Ở ĐÓ (ye tattha susamaagataa): Những

người đã đến ở chỗ này chỗ kia trong nghĩa trang ấy. Su (không được dịch) chỉ là một tiểu từ không biến đổi. Một cách đọc hoán chuyển là; "Những người mà được gặp ở đó" (ye tatthaasu"m samaagataa), LÀ NƠI: aasuô= ahesu.m (văn thể hoán chuyển).

4. TRÀN NGẬP CÁC LOÀI HƯƠNG THƠM (Naanaagandhamerita.m): mà được tràn ngập khắp nơi và thơm ngát nhiều loại hương. TỪ ĐÂY (ito): Từ cõi người. ĐÃ ĐI XA (Duuragata.m): Vị ấy ám chỉ về sự kiện rằng vị ấy đã đi sang thế giới bên kia rồi. KHÓC THAN RẰNG, "HỠI BRAHMAADATTA " (brahmadattaa kandati): Nàng cầu khẩn vị ấy bằng cách kêu than và công bố tên của vị ấy như vậy: "Hỡi Brahmadatta".

5. LÀ BRAHMADATTA, THƯA BẬC HỮU PHƯỚC, LÀ CỦA BRAHMADATTA, THƯA NGÀI (brahmadattassa bhaddante brahmadattassa maarisa): Hỡi bậc Đại hiền trí có thân và tâm tuyệt hảo, đây là hoả đài của vua Brahmadatta và đây là vợ của vị vua brahmadatta ấy: Cầu xin cho brahmadatta nhận được phước của Ngài, hỡi bậc hữu phước, vì chính do sự quan tâm đến những hạnh phúc của họ từ những vị Đại ẩn sĩ như Ngài mà có hạnh phúc và lợi ích cho những người ở thế giới bên kia - Đây là ý nghĩa.

Khi Đạo sĩ nghe qua những lời của họ, do lòng bi mẫn, vị ấy bỏ đi đến trước mặt Ubbarii và nói lên câu kệ này với mục đích diệt trừ ưu bi của nàng:

7. "Tám mươi sáu ngàn người mang tên Brahmadatta đã được thiêu ở chỗ thiêu xác này. Vì ai trong những người này mà nàng khóc than vậy?".

Chú giải:

7. Ở đây, TÁM MƯƠI SÁU NGÀN cha.laasiitisahassaani: Về số lượng có tám chục cộng thêm sáu ngàn nữa: CÓ TÊN BRAHMADATTA (Brahmadattassa naamakaa): có tên Brahmadatta ấy. VÌ NGƯỜI NÀO TRONG NHỮNG NGƯỜI NÀY KHIẾN NGƯƠI KHÓC? (tesa.m ka.m anusocasi): Vị ấy hỏi, "vì vị Brahmadatta nào trong tám mươi sáu ngàn vị Brahmadatta khiến ngươi khóc than? vì người nào khiến ưu bi của ngươi sanh lên?"

Khi nàng đã được hỏi như vậy bởi vị ẩn sĩ, Ubbarii bèn nói lên câu kệ nầy để chỉ rõ vị Brahmadatta mà nàng ám chỉ về:

8. Vị vua mà là con trai của Cuu.laani, là con bò chúa trong những vị Pa~ncaala vương. Chính vì vị ấy khiến tôi khóc than, thưa Ngài, chồng của tôi là người đã ban cho tôi tất cả mọi điều mong ước của tôi.

Chú giải:

8. Ở đây, ĐỨA CON TRAI CỦA CUU.LANI (cuu.laniputto): Đứa con trai của vị vua có tên ấy: LÀ NGƯỜI ĐÃ BAN CHO TẤT CẢ MỌI ĐIỀU MONG ƯỚC CỦA TÔI (SABBAKAAMADA.M): là người cho tôi tất cả cái gì mà tôi muốn; hay nói một cách hoán chuyển, là người mà hằng cho tất cả chúng sanh điều gì mà họ muốn.

Khi Ubbarii đã nói như vậy, vị ẩn sĩ lại nói lên hai câu kệ:

9. Tất cả các vị vua đều có cái tên là Brahmadatta ; tất cả đều là con trai của cù.lani và là chúa của những người Pa~ncaala vương.

10. Ngươi đã làm chánh hậu lần lượt của tất cả; tại sao ngươi bỏ những người trong quá khứ ấy mà chỉ khóc than cho người cuối cùng này thôi vậy?

Chú giải:

9. Ở đây, TẤT CẢ ĐỀU LÀ (sabbe'va'hesu.m): Tất cả những người, mà có số lượng đến tám mươi sáu ngàn, đều là những vị vua có cùng tên brahmadatta, là những đứa con trai của cù.lani và là những vị chúa trong số những vị vua Pa~ncaala ; Những điều kiện sanh làm một vị Vua này đây v.v... trong họ chẳng có gì khác biệt cả, ngay cả trên một quan điểm.

10. NGƯƠI ĐÃ LÀM CHÁNH HẬU (Mehesita.m akaarayi): và đối với tất cả họ, ngươi đã lần lượt giữ địa vị chánh hậu và hoàng hậu, nghĩa là ngươi đã đạt đến địa vị ấy. TẠI SAO? (kasmaa): Vị ấy hỏi, trong tất cả những người ấy, không có người nào trong họ có điểm khác biệt về vai trò làm chồng của họ hay về những đặc tánh cá nhân của họ, tại sao, vì lý do gì, ngươi lại bỏ những vị vua quá khứ ấy, và chỉ khóc than cho vị vua cuối cùng này thôi?

Khi nghe qua điều này, Ubbarii đầy xúc động, một lần nữa lại nói lên câu kệ này với vị ẩn sĩ ấy:

11. Thưa Ngài, có phải chính tôi là người đàn bà trong thời gian lâu dài ấy? Tôi là người mà Ngài nói đến là đã làm người đàn bà thường xuyên trong luân hồi chăng?

Chú giải:

11. Ở đây, CHÍNH TÔI: aatume = attani (thể văn phạm hoán chuyển). CÓ PHẢI TÔI LÀ NGƯỜI ĐÀN BÀ? (itthibhuutaaya): Có phải tôi đã đi vào kiếp sống làm một người đàn bà chăng? TRONG THỜI GIAN LÂU DÀI ẤY: Diigharattaaya= diigharatta.m (thể văn phạm hoán chuyển). Đây là ý nghĩa có phải chính tôi là người đàn bà, có phải chỉ tôi là người đàn bà trong suốt thời gian ấy hay có phải tôi đã đi vào kiếp sống làm một người

đàn ông chăng? TÔI MÀ NGÀI ĐÃ NÓI VỀ LÀ ĐÃ LÀM MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ: yassà me itthibhuutaaya = yassaa mayha.m itthibhuutaaya (thể văn phạm hoán chuyển); Tôi là một người mà Ngài đã nói về, nghĩa là, Ngài kể lại, thưa Đại hiền trí, là đã làm một người đàn bà như vậy, là đã làm chánh hậu thường xuyên trong vòng luân hồi. Một cách đọc hoán chuyển là "ồ, chính tôi nhớ lại rằng tôi là một người đàn baa (Aamo ittbibhuutaaya). Ở đây, TÔI NHỚ RA (aa) là một tiểu từ chỉ về sự hồi tưởng. CHÍNH TÔI (tumo): Do chính tôi (saya.m); Điều này được nhớ lại, được biết đến bởi tôi. RẰNG TÔI LÀ MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ (itthibhuutaaya): Rằng tôi đã đi vào kiếp sống sanh làm một người đàn bà - có sự sanh lên liên tục như vậy trong một thời gian quá khứ. Tại sao? bởi vì chính tôi là người mà Ngài nói về, Thưa đại hiền trí, là đã làm một người đàn bà thường xuyên trong vòng luân hồi Khi nói rằng, đối với lần lượt tất cả, ngươi đã làm một chánh hậu- Đây là cách nên được hiểu.

Khi nghe qua những lời này, Đạo sĩ bèn nói lên câu kệ này, để cho thấy rằng trong luân hồi không có định luật nào như vậy rằng một người đàn bà chỉ là một người đàn bà mà thôi và một người đàn ông chỉ là một người đàn ông mà thôi:

12. Nàng đã làm một người đàn bà, nàng đã làm một người đàn ông, Nàng cũng sẽ đi vào bào thai của loài thú. Giới hạn của quá khứ lâu dài này sẽ không được trông thấy như vậy.

Chú giải:

12. Ở đây, NÀNG ĐÃ LÀM MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ, NÀNG ĐÃ LÀM MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG (ahu itthi ahu puriso): Đôi khi nàng là một người đàn bà và đôi khi nàng cũng là một người đàn ông. Nhưng đó không tuyệt đối là một vấn đề chỉ là một người đàn bà hay đàn ông không thôi, hơn nữa, bởi nàng cũng đã từng đi vào bào thai của loài thú, đôi khi nàng cũng sanh làm cầm thú và nàng cũng đi vào bào thai của những con thú khác. GIỚI HẠN CỦA QUÁ KHỨ LÂU DÀI NẦY KHÔNG ĐƯỢC TRÔNG THẤY NHƯ VẬY (eva.m eta.m atiitaana.m pariyanto na dissati: Giới hạn của quá khứ lâu dài của những kiếp sống - Có kiếp nàng sanh làm đàn ông, có kiếp làm đàn bà, có kiếp nàng làm thú - không thấy như vậy được, (cho dù) đối với những người cố gắng hết sức để nhìn bằng con mắt của trí tuệ. Nhưng điều này không áp dụng riêng cho ngươi đâu: Quả thật vậy, giới hạn

của các kiếp sống của những chúng sanh đã trôi lăn trong vòng luân hồi thì không được trông thấy, không được lột trần ra được. Vì lý do này mà Đức Thế Tôn nói rằng, "Này các Tỳ kheo, không thể nhận biết được đâu là khởi điểm của vòng luân hồi; Điểm đầu tiên nhất không được tỏ lộ về sự trôi lăn, về vòng luân hồi, về những chúng sanh bị che mờ bởi vô minh và bị trói buộc bởi ái dục".

Khi nàng đã nghe thời pháp như vậy, được giảng dạy bởi vị Đạo Sĩ ấy, mà trong đó vị ấy làm sáng tỏ ảnh hưởng của những nghiệp và sự vắng mặt của bất cứ giới hạn nào của vòng luân hồi, đầy xúc động trong tâm của nàng khi nghe nói về vòng luân hồi và với lòng tịnh tín trong tâm của nàng đối với pháp, mũi tên ưu bi của nàng biến mất và nàng nói lên những câu kệ này để cho biết lòng tịnh tín của nàng và cõi lòng không ưu

bi của nàng:

13. Tôi quả thật bị cháy nóng, giống như ngọn lửa được châm bằng thục tô; nhưng bây giờ, tất cả mọi sầu khổ của tôi đã được dập tắt, tựa như tôi đã được tưới lên người bởi nước.

14. Quả thật vậy, mũi tên là ưu bi cho người chồng của tôi mà đã tràn ngập cõi lòng của tôi.

15. Với mũi tên đã được rút ra, tôi trở nên an tịnh và mát mẻ; Từ khi nghe Ngài, thưa Đại hiền trí, tôi không còn ưu bi hay than khóc nữa.

Ý nghĩa của những câu này cũng giống như ý nghĩa đã được nêu ra ở trên. Rồi Bậc Đạo sư nói lên bốn câu kệ để cho thấy cách cư xử của Ubbarii, là người mà (bấy) giờ đã có sự xúc động trong tâm của nàng:

16. Khi nàng đã nghe qua những lời này của vị ấy, lời nói khéo thuyết của vị Sa môn ấy, nàng mang y và bát rồi ra đi sống cuộc đời không nhà.

17. Và nàng, là người từ đời sống gia đình, ra đi sống đời không nhà, trau dồi tâm từ ái dẫn đến tái sanh trong cõi phạm thiên.

18. Khi đi lang thang từ làng này đến làng nọ, qua các phố chợ và các kinh đô; Uruvelaa là tên của ngôi làng mà nàng đã chết.

19. Sau khi đã trau dồi tâm bác ái để được sanh vào cõi phạm thiên và sau khi loại trừ những ý nghĩ của một nhữ nhân, nàng đi đến cõi Brahmaloka (Phạm thiên giới).

Chú giải:

16. Ở đây, CỦA VỊ ẤY (tassa): Của đạo sĩ ấy. Lời nói khéo thuyết giảng subhaasita.m (thiện ngôn) = Su.t.thu bhaasita.m (phối hợp cách), nghĩa là giáo Pháp.

17. NGƯỜI ĐÃ XUẤT GIA (pabbajitaa): Người khoác vào đời sống của kẻ không nhà. TÂM TỪ ÁI (metta citta.m): Tâm câu hữu với từ. Ngài nói về các tầng thiền được chứng đắc do bởi tâm từ. ĐỂ ĐƯỢC SANH VÀO CÕI Brahmaloka (Brahmalok uupapittiyaa): Và trong việc trau dồi tâm từ ái, nàng đã làm như vậy để được sanh vào cõi phạm thiên, không nhằm mục đích thành lập nền tảng cho tuệ quán. Quả thật vậy, trước khi Đức Phật xuất hiện, những vị Đạo sĩ và những người xuất gia mà trau dồi các tâm brahmavihaara (tứ vô lượng tâm) v.v.. Đã làm như vậy chỉ trong chừng mức đạt đến sự ưu việt của kiếp sống mà thôi.

18. TỪ LÀNG NÀY ĐẾN LÀNG NỌ (gaamaa gaama.m): Từ ngôi làng này đến ngôi làng khác.

19. SAU KHI ĐÃ TRAU DỒI (aabhaavetvaa): Sau khi đã phát triển, sau khi đã làm cho sanh lên; một số người đọc là Abhaavetvaa, tiếp đầu ngữ A chỉ là một tiểu từ không biến đổi đối với chúng mà thôi. SAU KHI LOẠI BỎ NHỮNG TƯ TƯỞNG CỦA NỮ NHÂN (itthicitta.m viraajetvaa): Sau khi đoạn trừ những tư tưởng, những khuynh hướng và những ước muốn của phái nữ, tâm của nàng xa lìa trạng thái của nữ tánh. NÀNG ĐI

ĐẾN CÕI BRAHMALOKA (brahmaalokuupagaa): Nàng là người đã đến cõi Brahmaloka do sự tái sanh. Phần còn lại tự nó rất rõ ràng vì đã được giải thích ở trên rồi.

Khi Bậc Đạo sư đã kể lại Pháp thoại này và đã diệt trừ ưu bi cho nàng tín nữ ấy, sau đó Ngài thuyết pháp cho nàng về Tứ đế, và vào lúc kết thúc của thời pháp ấy, nàng tín nữ được an trú trong quả Thánh Tu-đà-hườn. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho hội chúng đã hội họp ở đó.

Phần trình bày về quả sự Ubbarii đã kết thúc - Như vậy phần trình bày ý nghĩa của phẩm thứ hai, Uất-ba-lợi phẩm mà được tô điểm bởi mười ba câu chuyện trong những chuyện Ngạ quỉ này của bộ Khuddaka Nikaaya đã kết thúc.

---o0o---

[3.1]

CHƯƠNG III : TIỂU PHẨM (CUU.LAVAGGA)

III.01 BẤT ĐÁNG QUỈ SỰ (ABHIJJAAMANA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Mà không làm rẽ nước". Pháp thoại này được thuyết giảng trong khi Bậc Đạo sư đang trú ngụ ở Ve.luvana, liên quan đến một Ngạ quỉ nọ mà đã từng làm một người thợ săn.

Tương truyền rằng: ở bên kia sông Hằng, về phía tây của thành Ba la nại, khi bạn đi tới ngôi làng Vaasabha thì tại đó có một người thợ săn nọ ở trong ngôi làng tên là Culda.tthila . Anh ta thường giết Nai trong rừng, ăn phần thịt ngon nhất mà anh ta đã nướng trên lửa than, rồi bỏ phần còn lại trong một cái giỏ lá và mang khối thịt này trên một cái sào, rồi trở về làng. Khi những đứa trẻ nhỏ trông thấy anh ta ở cổng làng thì chúng chạy đến anh ta với hai bàn tay xoè ra mà nói rằng, "hãy cho con thịt! hãy cho con thịt!". Mỗi lần như thế anh ta cho chúng một ít thịt. Rồi một hôm nọ, anh ta không kiếm được thịt. Anh ta bèn trang sức vào người bằng những bông hoa uddaala, và cũng mang nhiều bông hoa trong tay anh ta đi đến ngôi làng.

Khi những đứa trẻ nhỏ trông thấy anh ta ở cổng làng, chúng chạy đến anh ta với những bàn tay xoè ra mà nói rằng. "Hãy cho con thịt, hãy cho con thịt!" Anh ta cho mỗi đứa trong bọn chúng một nhánh hoa. Đến đúng lúc, anh ta chết và sanh vào cõi ngạ qủi, bị trần truồng, xấu xí và trông khủng khiếp vì không biết đến đố ăn hay thức uống, ngay cả trong những giấc mơ của anh ta cũng không, và với những bó hoa uddaala được buộc vào đầu, anh ta đi bộ ngược dòng sông Hằng mà không làm rẽ nước, khi nghĩ rằng, "Ta sẽ kiếm một cái gì đó trước mặt những quyến thuộc của ta ở Cunda.t.tthila ". Lúc bấy giờ, vị quan đại thần của vua Bimbisaara, tên là Koliya, đang trở về sau khi dẹp yên cuộc dấy loạn ở vùng biên giới; sau khi đã truyền lịnh cho đoàn Tượng binh và mã binh v.v... đi trên đường bộ, chính trị ấy đi bằng thuyền xuôi dòng sông Hằng; khi vị ấy trông thấy con Ngạ quỉ ấy đang đi đến trong trạng thái ấy, bèn nói lên câu kệ này để dò hỏi:

1. "Ngươi đang đi ở đây mà không làm rẽ nước của sông Hằng; Người trần truồng, tuy nhiên nửa phần trước của ngươi thì không giống một Peta, có trang sức, mang những

tràng hoa. Này Peta, ngươi đang đi đâu, và chỗ ngụ của ngươi sẽ ở nơi đâu?"

Chú giải:

1. Ở đây, MÀ KHÔNG LÀM RẼ NƯỚC (abhijjamaane), làm cho liền lạc với nhau mà không làm rẽ ra ở chỗ để bàn chân xuống. NƯỚC CỦA SÔNG HẰNG (Vaarimhi ga"ngaaya): nước của con sông Hằng. Ở ĐÂY (Idha): Tại chỗ này, TUY NHIÊN PHẦN TRƯỚC CỦA NGƯƠI THÌ KHÔNG GIỐNG NHƯ PETA .

(pubbaddhapeto'va): nửa phần trước của người thì không giống như con Ngạ quỉ - Nó giống như của một chư thiên không thuộc cõi Ngạ quỉ, tại sao? CÓ TRANG SỨC, MANG NHỮNG TRÀNG HOA (maalaadhaarii ala"nkato): (Đỉnh đầu) của ngươi có trang sức, được trang sức bằng những tràng hoa. CHỖ NGỤ CỦA NGƯƠI SẼ NẰM NƠI ĐÂU? (Kattha vaaso bhavissati): ở ngôi làng nào hay nơi nào sẽ là chỗ ngụ của ngươi, nghĩa là hãy nói cho ta biết rõ điều này.

Bấy giờ, để cho thấy điều được nói ra vào lúc bấy giờ bởi Ngạ quỉ và bởi Koliya, những người kiết tập Tam Tạng đã nói lên những câu kệ này:

2.... "Tôi đang đi đến Cunda.t.tthila ", Ngạ quỉ nói, "ở chính giữa của ngôi làng Vaasabha, trong vùng lân cận của Ba la nại".

3. Và khi trông thấy nó, vị quan đại thần, là vị Koliya nổi tiếng, bèn cho Peta một bữa cơm lúa mạch, vật thực cùng một bộ y phục màu vàng.

4. Khi chiếc thuyền của vị ấy dừng lại, vị ấy bèn bảo người cho những thứ ấy đến người thợ cạo; khi chúng đã được cho đến người thợ cạo ngay tức thì chúng ta được trông thấy ở trên thân của ngạ qủi.

5. Nhân đó, nó được mặc vào những y phục tốt, được trang sức, và mang những tràng hoa; khi đã tin chắc rằng vật thí có lợi ích cho Ngạ quỉ ấy, do vậy người nên cho ra nhiều lần vì lòng thương tưởng đến những Ngạ quỉ".

Chú giải:

2. Ở đây, đến Cunda.t.thila (Cunda.t.thila.m): đến ngôi làng có tên ấy. Ở CHÍNH GIỮA CỦA NGÔI LÀNG VAASABHA . TRONG VÙNG LÂN CẬN CỦA BA LA NẠI (antare vaasabha gaa.ma.m baaraanasiyaa santike): nằm nửa đường giữa ngôi làng Vaasabha và Ba la Nại.

3. VỊ KOLIYA NỔI TIẾNG (Koliya iti vissuto): bằng cái tên Koliya nổi tiếng. BỮA ĂN BẰNG LÚA MẠCH VÀ VẬT THỰC: Sattu bhatta~nca= Sattu~n c'eva bhatta~n ca (phối hợp cách). CHO.... VÀ MỘT CẶP MÀU VÀNG(Piitaka~nca yuga.m adaa): và một cặp áo quần vàng, có màu sắc vàng kim. Trong trường hợp ấy nó nên được hỏi là, " Vị ấy đã cho cái này vào lúc nào?"

4. KHI CHIẾC THUYỀN CỦA VỊ ẤY DỪNG LẠI, VỊ ẤY SAI CHO CHÚNG ĐẾN MƯỜI THỢ CẠO (Naavaaya ti.t.thamaanaaya kappakassa adaapayi): Vị ấy cho dừng lại chiếc thuyền đang di chuyển của vị ấy và tại đó vị ấy đã trang điểm cho người hầu lo việc tắm rữa, là một Thiện Nam; Khi bộ áo quần đã được cho ra -

đây là cách nên được hiểu. NGAY TỨC THÌ .Thaane = .thaanaso (thể văn phạm hoán chuyển), Ngay chính lúc ấy. CHÚNG ĐƯỢC TRÔNG THẤY THUỘC VỀ NGẠ QUỈ ẤY (petaassa dissa.tha): chúng được nhận biết là ở trên thân của Ngạ quỉ. Chiếc khố ở dưới và chiếc áo khoác hiện ra cho nó. Vì lý do này mà vị ấy nói rằng:

5. NHÂN ĐÓ, NÓ ĐƯỢC MẶC VÀO NHỮNG Y PHỤC TỐT ĐẸP, ĐƯỢC TRANG SỨC, MANG NHỮNG TRÀNG HOA (Tato suva.t.thavasanomaalaadhaarii ala~nkato): Được mặc vào những y phục tốt đẹp và được trang sức xinh đẹp bằng những tràng hoa mà vị ấy mang. ĐỨNG TRONG ĐỊAVỊ CHO THẤY VẬT THÍ CÓ LỢI ÍCH CHO NGẠ QUỈ ẤY (.thaane .thitassa petassa dakkhi.naa upakappatha): tuy nhiên vật thí ấy ở trong vị trí của người xứng đáng thọ lãnh những vật thí, bởi vì nó đem lại lợi ích cho Ngạ quỉ ấy, bởi vì nó sanh đến cho Ngạ quỉ dùng. DO ĐÓ, NGƯỜI NÊN CHO RA VỚI LÒNG BI MẪN DÀNH CHO NHỮNG NGẠ QUỈ THƯỜNG XUYÊN (Tasmaa dajjetha petaana.m anuka.mpakaa punappuna.m): Nghĩa là người nên cho những vật thí do lòng bị mẫn đối với những Ngạ quỉ, nhân danh những Ngạ quỉ, cho nhiều lần lập đi lập lại.

Bấy giờ vị quan đại thần Koliya, khi cảm thấy thương hại cho Ngạ quỉ ấy, đã tạo ra hình thức bố thí ấy và rồi đi xuống dòng sông và đến Ba la nại vào lúc mặt mọc. Đức Thế Tôn, khi đã đi xuyên qua hư không để tiếp độ cho họ, đang đứng ở trên bờ sông Hằng. Vị quan đại thần Koliya xuống thuyền và, rất vui sướng, thỉnh mời đức Thế Tôn khi nói rằng: "Bạch Đức Thế Tôn cầu xin đức Thế Tôn vì lòng bi mẫn mà nhận lời mời của con để thọ thực ngày hôm nay. Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Ngay tức thì vị ấy dựng lên ở một chỗ đất khả ái một nhà mát bằng những cành cây, có trang hoàng ở bên trên và có nhiều màu sắc,và rồi dâng đến đức Thế Tôn chỗ ngồi mà vị ấy đã sửa soạn ở trong đó. Đức Thế Tôn ngồi vào chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Rồi vị quan đại thần đi đến đức Thế Tôn, cúng dường ngài những vật thơm và những bông hoa v.v..., đảnh lễ ngài và ngồi xuống ở một bên, kể lại với đức Thế Tôn những điều mà vị ấy đã nói và câu đáp lại của Ngạ quỉ như đã được nêu ra ở trên. Đức Thế Tôn chú nguyện rằng, "chúng Tỳ kheo hãy đến đây!" Ngay khi ngài chú nguyện câu này thì chúng Tỳ kheo, bị thúc dục bởi oai lực của Đức Phật, đến vây quanh vị Pháp vương, như một đàn thiên Nga vàng vây quanh thiên Nga chúa Dhata ratha là chúa của những thiên Nga vàng. Ngay tức thì dân chúng kéo đến vì nghĩ rằng, "sắp có một thời thuyết pháp lớn". Khi trông thấy cảnh này, vị quan đại thần, với lòng tịnh tín trong tâm, làm thoả mãn chúng Tỳ kheo, có đức Phật dẫn đầu, bằng thức uống và những đồ ăn gồm cả loại cứng và loại mềm. Khi Ngài đã thọ thực xong thì đức Phật, vì lòng bi mẫn đối với dân chúng, bèn tập trung vào ý nghĩ "Hãy để những ai trú ngụ trong vùng gần Ba la nại đến hội họp ở

đậy". Và tất cả các hạng người ấy, do sức mạnh về năng lực thần thông của Ngài đã kéo đến đó.

Rồi ngài khiến cho số lượng đông đảo những Ngạ quỉ hiện ra, và dân chúng nhận biết chúng bằng chính mắt của họ. Một số trong bọn chúng thì mang những tấm vải rách rưới và bị xé thành những mảnh rất nhỏ; một số thì có cái gọi là xấu hổ, được che phủ chỉ bằng tóc của chính chúng mà thôi; trong khi một số khác thì trần truồng như ngày chúng sanh ra, bị đói và khát, với da và những tấm thân của chúng teo tóp đến nỗi chỉ

còn xương, đi vất vưởng chỗ này chỗ kia. Rồi đức Thế Tôn thị hiện những năng lực thần thông của Ngài để tất cả Ngạ quỉ hội họp trong cùng một chỗ, và công bố với dân chúng những ác nghiệp mà chúng tạo nên:

Những vị kiết tập Tam Tạng nói lên câu kệ này để giải thích vấn đề:

6. "Những Ngạ quỉ, một số mặc những giẻ rách, số khác che người bằng tóc của chúng, khi đi khắp để kiếm thực phẩm, ra đi các hướng.

7. Một số chạy đi cách xa nhưng đã quay lại vì không kiếm được gì, đói, một lả, bước đi lảo đảo và chìm xuống trong đất.

8. Và một số mà ngã quỵ xuống ở đó, khi chìm xuống trong đất, bị hành hạ tựa như bởi ngọn lửa vì đã không làm việc phước nào trong quá khứ, chúng nói rằng:

9. "Trong quá khứ, chúng ta là những người vợ và những người mẹ trong những gia đình tốt, nhưng lại có tánh ác; dầu những vật thí ở trong tầm tay, nhưng chúng ta đã không làm chỗ nương tựa cho chính chúng ta.

10. Dầu có nhiều đồ ăn và thức uống, nhiều đến nỗi nó bị quăng đi, tuy nhiên chúng ta chẳng cho gì đến những người mà đã chứng đạt Pháp cao tột, đến những bậc đã xuất gia.

11. Chỉ muốn làm điều gì mà không nên làm, lười biếng, muốn những cái ngọt ngào và tham ăn, chúng ta là những người cho những miếng, những cục và mắng nhiếc những người thọ lãnh.

12. Những căn nhà, những người hầu ấy và những vật trang sức ấy của chúng ta - bây giờ những thứ này được thọ hưởng bởi những người khác, trong khi số phận của chúng ta là đau khổ".

13. Họ sẽ là những người làm thúng mà bị coi khinh và những người làm xe quỉ quyệt, họ sẽ là những chiên đà la chịu khó khăn lớn, và thỉnh thoảng làm những người hầu tắm.

14. Bất cứ gia đình nào thấp kém và chịu khó khăn lớn - chỉ riêng trong số những người này họ sẽ sanh vào, đây là số phận của những người bỏn sẻn.

15. Trong khi những người bố thí, không bỏn sẻn, trong quá khứ đã làm những việc thiện, sẽ làm sung mãn thiên giới và làm sáng rực Nandana.

16. Khi họ đã vui chơi trong cung điện Vejayanta và làm hài lòng tất cả những ước muốn của họ, họ sẽ sanh lên có địa vị cao trong những gia đình giàu có khi họ mạng chung ở cõi ấy.

17. Trong căn nhà có tháp nhọn và trong các cung điện, trên chiếc giường được trải bằng lông cừu dài, với những chi thể của họ được quạt bởi những người cầm chiếc quạt bằng lông của con chim công, họ sanh đến một gia đình như vậy, biết rõ tất cả những tiện nghi của họ.

18. Được trang điểm, họ sống trong vòng tay của nhiều người, mang những tràng hoa; những vú nuôi hầu hạ họ vào buổi sáng và buổi chiều, cố gắng làm cho họ thư thái.

19. Nandana thanh bình và hấp dẫn này là khu vườn lớn của cõi Ba mươi ba, chỉ dành riêng cho những người đã làm những việc phước, không phải dành cho những người mà chưa làm những việc phước.

20. Đối với những người mà chưa làm những việc phước thì không có hạnh phúc trong đời này và đời sau; trong khi đó, đối với những người mà đã làm những việc phước thí thì có hạnh phúc ngay tại đây và cả mai sau nữa.

21. Nhiều việc thiện nên làm đối với những người muốn thân cận với họ, vì những người làm những việc phước sẽ được của cải và sự vui sướng trong cõi chư thiên.

Chú giải:

6. MẶC VÀO NHỮNG MẢNH VẢI RÁCH (Saahundavaasino): Mặc vào những miếng giẻ rách và sờn. MỘT SỐ: (Eke = ekacce) (thể văn phạm hoán chuyển). CHE PHỦ BẰNG TÓC CỦA HỌ (Kesanivaasino): che lên cái gọilà xấu hổ chỉ bằng tóc của họ. ĐI TÌM KIẾM VẬT THỰC (Bhattaaya gacchanti): Bất cứ chỗ

nào mà chúng đi đến, chúng đều bỏ đi để tìm kiếm vật thực khi nghĩ rằng, "Có lẽ khi chúng đã đi khỏi đây thời chúng ta có thể kiếm ở chỗ này hay chỗ kia một ít vật thực mà đã được quăng đi hay mửa ra, hay những vật bất tịnh dính theo lúc sanh con v.v.... TẢN ĐI KHẮP CÁC HƯỚNG (pakkamanti diso disa.m): tản đi từ hướng này đến hướng khác, đến một chỗ tại khoảng giữa của vô số do tuần.

7. CÁCH XA (Duure): Đến một chỗ ở cách xa. MỘT SỐ (Eke): Một số Ngạ quỉ. CHẠY (Padhaavitvaa): Chạy để tìm kiếm vật thực. NHƯNG LẠI QUAY LẠI VÌ KHÔNG TÌM ĐƯỢC CÁI GÌ (Aladdhaa ca nivattare): Nhưng quay lại mà không kiếm được hoặc là đồ ăn hay thức uống. MỆT LẢ (Pamucchitaa): Chúng ở trong tình trạng mệt lả do bởi khổ đói và khổ khát v.v.... LẢO ĐẢO (Bhantaa): Quay cuồng lảo đảo. CHÌM XUỐNG ĐẤT (Bhuumiya.m patisumbhitaa): Chúng đứng lên trong trạng thái mệt lả ấy và té xuống đất bị héo khô như cục đất sét bị quăng bỏ.

8. Ở ĐÓ (Tattha): Chỗ mà chúng đã đi. CHÌM XUỐNG ĐẤT (Bhaamiya.m pa.tisumbhitaa): chúng té xuống đất tựa như đang rơi xuống một vực sâu vì không thể đứng được do bởi nổi khổ đói v.v... Nói cách khác ý nghĩa là chúng thất vọng, do vì chúng không kiếm được đồ ăn v.v.... Ở đó, tại chỗ mà chúng đã đi đ?n, và chúng té (pa.tisumbhitaa) xuống đất tựa như có một người đối nghịch nào đó (patimukha.m) đã đá chúng ngã xuống (Sumbhitaa), đánh ngã chúng, DO ĐÃ KHÔNG LÀM NHỮNG VIỆC THIỆN NÀO TRONG QUÁ KHỨ(pubbe akatalyaanaa): Do không làm những việc thiện nào trong kiếp quá khứ. BỊ HÀNH HẠ TỰA NHƯ BỊ THIÊU ĐỐT BỞI NGỌN LỬA (Aggidaddhaa vaa aatape): Tựa như bị thiêu đốt ngọn lửa ở một chỗ nào đó, bị hành hạ bởi mặt trời của mùa hạ, nghĩa là chúng chịu đau khổ lớn vì bị thiêu đốt bởi ngọn lửa đói và khát.

9. TRONG QUÁ KHỨ (pubbe): trong đời sống quá khứ. CÓ TÁNH ÁC (paapadhammaa): có tánh ti tiện hèn hạ do ganh tỵ và bần tiện. NHỮNG VỢ NHÀ (Gharanii): Nữ gia chủ. NHỮNG NGƯỜI MẸ CỦA GIA ĐÌNH TỐT (Kulamaataro): Những người mẹ của những đứa con trong gia đình tốt, hay những người mẹ của những người thuộc gia đình tốt. CHỖ NƯƠNG TỰA (diipa.m): chỗ chống đỡ, nghĩa là những việc phước. Chúng được gọi là chỗ nâng đỡ vì là chỗ nâng đỡ cho chúng sanh trong những cõi hạnh phúc. CHÚNG TA ĐÃ KHÔNG LÀM (Naakamha= na karimha)(thể văn phạm hoán chuyển).

10. NHIỀU (Pahuuta.m): nhiều. Đồ ăn và thức uống: annapaanam pi = anna~n ca paana~n ca (phối hợp cách), rất nhiều đến nỗi nó bị quăng đi (api ssu avakiriyati) ssu (không được dịch) chỉ là một tiểu từ không biến đổi. Rất nhiều đến nỗi nó bị quăng đi (Api avikariiyati): dư thừa đến nỗi phải quăng đi: nghĩa là nó bị bỏ đi.

ĐẾN NHỮNG NGƯỜI MÀ ĐÃ ĐẠT ĐẾN ĐỈNH CAO NHẤT (Sammaggate): đến những người mà đã bước lên một cách chân chánh, ĐẾN NHỮNG NGƯỜI MÀ ĐÃ ĐI XUẤT GIA: Pabbajite = pabba jitaaya . Đây là vị trí cách trong tặng cách; Hay nói cách khác, nếu là vị trí cách thực sự thì ý nghĩa sẽ là "Dầu những người mà đã đạt đến đỉnh cao, những người mà đã xuất gia, ở trong tầm tay, có sẵn. TUY NHIÊN CHÚNG TA CHẲNG CHO CÁI GÌ (Na ki~nci adamhase): Bị chế ngự bởi lòng ân hận hối tiếc nên chúng nói rằng chúng đã không cho cái gì ngay một vật thí nào.

11. MUỐN LÀM ĐIỀU KHÔNG NÊN LÀM (Akammakaamaa): Muốn làm điều gì không nên làm là muốn làm những điều ác mà không nên làm bởi những người có giới đ?c, nghĩa là không có sự cố gắng chân chánh đối với các thiện pháp. THAM ĂN (Mahagghasaa): ăn nhiều. Cả hai câu nói đều chỉ cho thấy rằng dầu chúng có được vật thực thù thắng và ngọt ngào, chúng cũng chẳng cho gì đến những người cần đến và riêng mình chúng thọ hưởng nó. CHÚNG TA LÀ NHỮNG NGƯỜI CHO NHỮNG MIẾNG VÀ NHỮNG CỤC (aalopapi.n.dadaataaro): chúng ta là những người mà cho ra những cục cơm không lớn hơn một miếng. NHỮNG NGƯỜI THỌ LÃNH (patiggahe): Những người thọ lãnh nó. MẮNG NHIẾC (parivaasimhase) Chúng ta nói để cho thấy lòng sân hận, nghĩa là chúng ta gièm pha và nhạo báng.

12. NHỮNG CĂN NHÀ ẤY (Te gharaa): Nơi mà trước kia chúng ta làm chủ khi nghĩ rằng, "Căn nhà này là của chúng ta", những căn nhà ấy tiếp tục đứng y như cũ, nhưng bây giờ chúng không có lợi ích cho chúng ta chút nào nữa - Đây là ý nghĩa. VÀ NHỮNG NGƯỜI HẦU ẤY VÀ NHỮNG VẬT TRANG SỨC ẤY CỦA TA (taa ca daasiyo taan'evabha ranaani no) điều như thế sẽ được áp dụng ở đây. Ở đây chúng ta: No = a.mhaaka.m (thể văn phạm hoán chuyển); NHỮNG THỨ NÀY (Te): Những căn nhà này v.v... BÂY GIỜ ĐƯỢC HƯỞNG BỞI NHỮNG NGƯỜI KHÁC (a~n~ne paricaarenti) nghĩa là đang được thọ hưởng v.v... TRONG KHI SỐ PHẬN CỦA CHÚNG TA LÀ ĐAU KHỔ (maya.m dukkhassa - bhaagino): chúng nói bằng tự chê trách mình, khi nói rằng, "Trước kia chúng ta hoàn toàn quen thói đeo đuổi theo những trò chơi, vì không biết rằng những của cải ấy phải bị bỏ lại khi đi tiếp qua một cuộc sống mới và chúng ta sẽ làm điều mà sẽ đi theo chúng ta ở trong kiếp sau; Và bây giờ số phận của chúng ta là nỗi khổ v.v... Bây giờ bởi vì chúng sanh, dầu tái sanh trong nhân loại Sau khi mạng chung ở cõi Ngạ

quỉ, theo qui luật thì, thuộc dòng thấp kém và sống một cuộc đời rất khổ nhọc do bởi dư báo nghiệp cũ ấy. Hai câu kệ bắt đầu bằng: "chúng sẽ là những người làm thúng giỏ" được nói như vậy để chứng minh vấn đề ấy.

13. Ở đây, NHỮNG NGƯỜI ĐAN GIỎ MÀ (Venii vaa): Những người đan giỏ do sự sanh, nghĩa là chúng sẽ làm những người đan tre, những người làm trúc sậy. Chữ mà (vaa) có ý nghĩa về liên hệ đại danh từ. BỊ XEM THƯỜNG (Ava~n~naa): Đáng bị xem thường, ý nghĩa là đê tiện, một cách đọc là Đáng khinh (Va.m bhanaa), nghĩa là những người mà bị ép uổng bởi những người khác. NHỮNG NGƯỜI LÀM XE (ratthakaarii): Những người làm yên cương và áo giáp. QUỈ QUYỆT (Dubbhikaa): quỉ quyệt đối với bạn bè của chúng, là những người đi ép uổng bạn bè của chúng CHIÊN ĐÀ LÀ (Ca.n.daalii): sanh làm những người Chiên Đà la: CHỊU VẤT VÃ LỚN (Kapa.naa) nghèo khổ, là những người đạt đến trạng thái cực kì bi thương. NHỮNG NGƯỜI HẦU TẮM (Nahaamilii): sanh làm những người thợ cạo; Chúng sẽ làm như vậy nhiều lần lập đi lập lại trong tất cả các chỗ. Đây là cách nên được hiểu; nghĩa là chúng sẽ sanh vào trong những gia đình thấp hèn trong những kiếp liên tục.

14. CHỈ RIÊNG TRONG NHỮNG NGƯỜI NÀY CHÚNG SẼ SANH VÀO (Tesu tesveva jaayanti): Bất cứ gia đình nào khác, như là những người thợ săn và những người hốt rác v.v... Mà chịu sự vất vả lớn, và bị khinh rẻ thậm tệ, là những số phận thống khổ vô cùng, chính trong những gia đình thấp hèn này, chúng, là những kẻ mà đã sanh trong cõi Ngạ quỉ do bởi bợn nhơ của lòng bỏn sẻn, phải sanh vào khi chung mạng chung ở đó. Vì lý do này mà vị ấy nói rằng, "Đây là số phận của những kẻ bỏn sẻn,", số phận của những người mà đã không làm những việc phước sau khi đã được cho thấy như vậy, bảy câu kệ bắt đầu bằng, "Trong khi những người bố thí không có lòng bỏn sẻn, là những người trong quá khứ đã làm những việc thiện". Được nói đến để cho thấy số phận của những người mà đã làm những việc phước.

15. Ở đây, SẼ LÀM SUNG MÃN THIÊN GIỚI (Saggan te paripuurenti): những người bố thí ấy là những người mà trong quá khứ, trong kiếp sống quá khứ của họ, đã làm những việc thiện, thoả thích trong những việc phước như bố thí v.v... Sẽ làm đầy, sẽ làm sung mãn thiên giới, cõi Devaloka, có sự thù thắng về sắc đẹp của họ, và có sự thù thắng về tuỳ tùng của họ. VÀ LÀM SÁNG RỰC Nandana (Obhaasenti ca Nandana.m) tuy nhiên họ không hoàn toàn làm đầy hết thảy nó vì có cây như ý v.v... Cũng chiếu sáng bằng hào quang riêng của chúng; nhưng chúng sáng chói hơn và lấn áp hào quang này bởi sự rực rỡ về y phục và những vật trang sức của chúng và do bởi hào quang từ chính thân của chúng, và làm sáng chói khu rừng Nandana .

16. LÀM HÀI LÒNG NHỮNG MONG ƯỚC CỦA CHÚNG (kaamakaamino): tự chúng thọ hưởng đ?n thoả thích trong các dục lạc theo sự chọn lựa của riêng chúng. TRONG NHỮNG GIA ĐÌNH CÓ ĐỊAVỊ CAO (Uccaakukesu): trong

những gia đình có địa vị cao như sát đế lỵ v.v... GIÀU CÓ (Sabhoge su): có của cải lớn. KHI CHÚNG MẠNG CHUNG TỪ ĐÓ (tato cutaa): Khi chúng mạng chung từ cõi ấy, từ cõi chư thiên ấy.

17. TRONG MỘT NGÔI NHÀ CÓ THÁP NHỌN VÀ TRONG CUNG ĐIỆN (Kuu.taagaare ca paasaade): cả trong ngôi nhà có tháp nhọn và trong cung điện nữa. VỚI CÁC CHỖ TRÊN THÂN CỦA CHÚNG ĐƯỢC QUẠT (Viijita"ngaa): Với những tấm thân của chúng được quạt. BỞI NHỮNG NGƯỜI CẦM QUẠT BẰNG LÔNG ĐUÔI CỦA CON CHIM CÔNG. (Marohatthehi): Bởi những người cầm những chiếc quạt được trang sức bằng lông đuôi của con chim công. KHI BIẾT TẤT CẢ NHỮNG TIỆN NGHI CỦA ĐỜI SỐNG (Yasassino): có những đoàn tuỳ tùng, chúng vui chơi thoả thích - đây là ý nghĩa.

18. CHÚNG ĐI TỪ VÒNG TAY NÀY ĐẾN VÒNG TAY KHÁC (A"nkato a"nka.m gacchanti): Ngay trong thời thơ ấu của chúng được bồng ẫm từ vòng tay này đến vòng tay khác của những quyến thuộc và những vú nuôi của chúng, không phải bò lết trên mặt đất - đây là ý nghĩa. HẦU HẠ CHÚNG (upatitthanti); Chăm sóc chúng. CỐ GẮNG CHÌU THEO NHỮNG TIỆN NGHI CỦA CHÚNG (Sukhesino): muốn cho chúng được thanh nhàn; họ hầu hạ chúng; che chở cho chúng tránh khỏi những điều bất tiện nhỏ nhặt nhất, khi tự hỏi, "có phải quá lạnh không? có phải quá nóng không? - Đây là ý nghĩa.

19. KHÔNG PHẢI DÀNH CHO NHỮNG NGƯỜI MÀ CHƯA LÀM NHỮNG VIỆC PHƯỚC (Nay ida.m akatapu~n~naana.m): Không có những điều gây ra sự sầu muộn, khu rừng Nandana này, thảnh thơi, hấp dẫn và khả ái, là một công viên lớn của cõi Ba mươi ba, của những vị chư thiên trong cõi Ba mươi ba, thường xuyên dành cho những người mà đã làm những việc phước, không phải dành cho những người mà chưa làm những việc phước, nghĩa là nó không thể có được bởi chúng.

20. Ở ĐÂY (idha): Điều này được nói đến liên quan đến sự kiện rằng, đặc biệt trong cõi người mới có thể làm những việc phước, hay nói cách khác, ở đây (idha) trong chính đời sống này, SAU NÀY (Parattha): trong kiếp sống kế tiếp.

21. CỦA CHÚNG (Tesa.m): với những vị chư thiên đã được nêu ra ở trên. CỦA NHỮNG NGƯỜI THÍCH KẾT HỢP (Sahayakaamaana.m): Bởi những người muốn sống chung với họ. ĐƯỢC CUNG CẤP BỞI NHỮNG CỦA CẢI (Bhoga sama"ngimo): có những của cải, nghĩa là chúng vui thích với năm dục lạc chư thiên của chúng, là của cải của chúng.

Phần còn lại tự nó đã rõ ràng.

Khi những Ngạ quỉ ấy đã cho biết chung chung như vậy về số phận của những nghiệp được làm bởi chúng và số phận của những việc phước, đức Thế Tôn bèn thuyết pháp một cách chi tiết, thích hợp với những căn tánh của những người đã hội họp ở đó, dẫn đầu là vị quan đại thần Koliya, có tâm đã được làm xúc động nhờ thời pháp ấy. Vào lúc kết thúc của thời pháp này, tuệ quán sanh lên trong Tám mươi bốn ngàn chúng sanh.

---o0o---

III.02 QUỈ SỰ VỀ SAANUVAASI (SAANUVAASI PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Vị Trưởng lão của thành phố Ku.n.di ". Pháp thoại này được thuyết giảng khi Bậc Đạo sư đang ngụ ở Ve.luvana, liên quan đến những quyến thuộc quá vãng của Trưởng lão đáng kính Saanuvaasi

Tương truyền rằng đã lâu trong quá khứ, tại Ba la nại, đứa con trai của vua Kitava đang trở về sau khi vui chơi ở một chỗ vui chơi nọ trong vườn ngự uyển, khi ấy vị ấy trông thấy vị Phật Độc Giác Sunetta đang rời khỏi thành phố sau khi đã khất thực trở về. Say sưa với ngã mạn về uy quyền và bị ô nhiễm trong tâm, vị ấy suy nghĩ, "làm sao mà tên đầu trọc ấy dám đi qua mà không chào ta!" Hoàng tử xuống khỏi lưng voi và, khi vị ấy nói với Ngài rằng, "Ta tự hỏi không biết ngươi có kiếm vật thực gì không?" Vị ấy giựt cái bát khỏi tay của ngài, ném nó xuống đất và làm vỡ nó. Rồi trêu chọc Ngài khi Ngài đứng như thế nhìn với lòng thanh tịnh, mắt nhìn xuống, thanh thoát, an nhàn và tràn ngập lòng bi mẫn, không bị nhiễu loạn vì đã đạt đến pháp chứng như thực trong tất c? mọi tình huống. Hắn bỏ đi và nói lời hiểm độc do tánh độc ác được đặt không đúng chỗ của hắn, "cái gì ngươi không biết rằng ta là con trai của vua Kitava chăng? Ngươi có thể làm gì đến ta mà chỉ đứng nhìn như thế?" Nhưng ngay khi hắn đang bỏ đi thì một sức nóng mãnh liệt phát lên trong người của hắn giống như sức nóng của ngọn lửa địa ngục. Với thân bị hành hạ dữ dội, bị những cảm thọ đau đớn cùng cực, hắn chết và sanh trong Đại Địa ngục Aviiji . Ở đó, hắn bị luộc trong tám mươi bốn ngàn năm khi hắn đứng quay quanh trong nhiều cách, khi thì xoay bên phải, khi thì xoay về bên trái, khi thì ngẩn mặt lên và cúi mặt xuống. Rồi khi hắn mạng chung ở cõi đó, hắn lại chịu khổ đói và khát v.v... trong thời gian vô hạn định ở cõi Ngạ quỉ. Khi hắn mạng chung từ cõi ấy, hắn lại tái sanh trong ngôi làng của những người chài lưới gần thành phố Ku.n.di trong suốt thời gian của đức Phật này. Có sanh đến cho hắn khả năng nhớ lại những kiếp quá khứ. Khi nhớ lại bằng phương tiện này về nỗi thống khổ mà trước kia hắn đã chịu trong quá khứ thì hắn thường không đi, do sợ những ác nghiệp là bắt cá chung với những quyến thuộc của hắn, cho dù hắn đã trưởng

thành. Khi họ đang đi thì hắn lại trốn vì không muốn giết cá. Trong khi hắn đi thì hắn làm hư những cái lưới hoặc nắm lấy những con cá còn sống và thả chúng xuống nước. Những quyến thuộc của hắn, không tán thành những hành động của hắn, đã tống cổ hắn ra khỏi nhà của họ. Tuy nhiên, một người anh của hắn lại đem lòng thương hại hắn. Bấy giờ vào thời ấy, Đại Đức aananda đang ngụ ở trên núi Saanuvaasin gần thành phố Ku.n.di và đứa con trai của người chài lưới ấy mà đã bị phủ nhận bởi những quyến thuộc của anh ta, đang đi rảo quanh ở chỗ này chỗ nọ, rồi đến tại chỗ ấy và đi đến Trưởng lão vào lúc Ngài đang thọ thực. Khi Trưởng lão hỏi anh ta, thì Ngài nhận ra rằng anh ta cần vật thực, bèn cho anh ta một bữa ăn và, khi bữa ăn đã xong, Trưởng lão biết ra toàn thể vấn đề. Khi Trưởng lão biết rằng, chỉ cần một thời Pháp mà anh ta đã có lòng tịnh tín trong tâm, bèn hỏi rằng, "anh có muốn xuất gia không, này anh bạn?" Anh ta bèn đáp lại rằng, "Vâng, thưa Ngài, con muốn xuất gia". Khi Trưởng lão đã cho anh ta xuất gia thì Ngài đi với anh ta đến trước mặt Bậc Đạo sư. Rồi Bậc Đạo sư nói với Trưởng lão rằng: "Này Ànanda, ngươi có lòng thương tưởng đối với vị sadi này". Bởi vì vị sadi chưa làm việc thiện nào nên vị ấy sẽ nhận được ít ỏi vật thực; bởi vậy, Bậc Đạo sư, để giúp đỡ anh ta, bèn khuyên anh ta hãy châm đầy những hũ nước để chư Tăng dùng. Khi trông thấy điều này thì thiện tín bèn cung cấp thường xuyên cho anh ta nhiều vật thực. Đến đúng lúc anh ta thọ Đại giới và chứng đắc đạo quả A la hán và sau khi trở thành một vị Trưởng lão, trú ngụ ở trên núi Saanuvaasim cùng với mười hai vị

Tỳ kheo. Dầu có đến năm trăm quyến thuộc của anh ta, do không tích lũy những thiện nghiệp và chỉ tích lũy những ác nghiệp như lòng bỏn sẻn v.v..., họ đã chết và tái sanh trong cõi Ngạ quỉ. Tuy nhiên, mẹ và cha của anh ta lại không chịu đi đến trưởng lão, bởi vì họ lúng túng khi nghĩ rằng, "Đây là người mà trước kia chúng ta đã quăng ra khỏi nhà của chúng ta", bèn sai người anh đi - là người mà đã có lòng thương tưởng saanuvaasin . Người kia hiện ra cho thấy khi Trưởng lão đi vào làng khất thực; khi quì bằng đầu gối phải ở trên đất và chấp tay đảnh lễ, Ngạ quỉ nói những câu kệ bắt đầu bằng, "Bạch Ngài, cha mẹ của Ngài". Tuy nhiên năm câu kệ bắt đầu bằng "vị Trưởng lão của thành phố Ku.n.di v.v..." được lồng vào bởi những vị kiết tập Tam tạng, với mục đích cho thấy văn cảnh của chúng:

1. "Vị Trưởng lão của thành phố Ku.n.di, là người sống ở trên núi Saanuvasin tên là Po.t.thapaada là một vị Sa môn, các căn đã được tu tập.

2. Mẹ, cha và anh của vị ấy đã đi đến kiếp sống đau khổ trong cõi Yama (Diêm vương). Khi đã làm những ác nghiệp, họ đi từ đây đến cõi Ngạ quỉ.

3. Rơi vào kiếp sống đau khổ, bị kim chích vào mình, mệt mỏi, trần truồng và gầy ốm, kinh sợ, ở trong tình trạng khiếp đảm lớn và có bàn tay dính đầy máu, chúng thường không để lộ chính mình.

4. Người anh của vị ấy, sửng sờ, trần truồng và một mình ở trong một con hẻm, cong xuống đất ở cả bốn chỗ, lộ hình ra ở trước mặt của Trưởng lão.

5. Nhưng Trưởng lão không quan tâm và đi qua trong im lặng; bởi vậy, nó báo cho Trưởng lão biết rằng, "Tôi là anh của Ngài, đã sanh làm một Ngạ quỉ.

6. Thưa Ngài, mẹ và cha của Ngài đã đi vào kiếp sống đau khổ của yama . Khi đã làm những ác nghiệp, họ đã đi khỏi đây và đến cõi của những Ngạ quỉ.

7. Khi đã đi đến kiếp sống đau khổ, bị kim chích mệt mỏi, trần truồng và gầy ốm, kinh sợ, bị kinh hãi lớn và có bàn tay dính máu, họ không chịu hiện ra.

8. Ngài có lòng thương xót, hãy thương xót. Khi Ngài đã bố thí, hãy hồi hướng cho chúng tôi; vì chính do những vật thí đã được cho ra bởi Ngài mà những bàn dính máu được nuôi sống".

Chú giải:

1. Ở đây VỊ TRƯỞNG LÃO CỦA THÀNH PHỐ Ku.n.di (Ku.n.dinagariyo thero): Vì Trưởng lão đã sanh ra và lớn lên trong thành phố có cùng tên ấy. Một cách đọc khác là Ku.n.dikanaagaro thero, nhưng nó có nghĩa tương tự. LÀ NGƯỜI TRÚ NGỤ Ở TRÊN NÚI SAANUVAASI.N (SAANUVASINIVASINO): là người ngụ ở núi mang tên ấy. TÊN LÀ PO.T.THAPAADA (PO.T.THAPAADO TI NAMENA): Được biết đến bởi cái tên Po.t.thapaada . MỘT VỊ SA MÔN (Sama.no): đã làm vắng lặng tất cả điều ác. VỚI CÁC CĂN ĐÃ ĐƯỢC PHÁT TRIỂN (Bhaavitindriyo). với các căn như Tín căn v.v... đã được tu tập qua sự trao đổi bằng thánh đạo, nghĩa là một vị A la hán.

2. CỦA VỊ ẤY (Tassa): của Trưởng lão Saanuvaasi.n ấy. ĐÃ ĐI ĐẾN KIẾP SỐNG ĐAU KHỔ (Duggataa): đã đi đến một trạng thái đau khổ.

3. BỊ KIM CHÍCH (suucik'a.t.taa): bị đau đớn, bị hành hạ bởi những tấm thân thối tha, xấu xí. Một cách đọc khác là đã đi đến cây kim" (Sucigataa): Chúng bị giáng xuống, bị bức bách bởi cơn đói và cơn khát khiến có cái tên là "Cây kim" (Suucikaa), mang ý nghĩa rằng chúng bị đâm chích. Một số người khác đọc là "có cuống họng như cây kim" (suucika.n.thaa), nghĩa là miệng của chúng mở ra như những cái lỗ xâu kim. MỆT MỎI (Kilantaa): Mệt mỏi về thân và tâm. TRẦN TRUỒNG (Naggino): không mặc quần áo, hình tướng trần truồng. GẦY ỐM (Kisaa): với những tấm thân gầy ốm, bởi vì chúng mang những tấm thân chỉ còn da và xương mà thôi. BỊ KHIẾP ĐẢM (uttasantaa) do bởi nỗi sợ hãi bị chê trách, khi nghĩ rằng, "Vị Sa môn này là con trai của chúng ta". TRONG NỖI SỢ HÃI LỚN

(Mahaataasaa): chúng đầy sợ hãi bởi vì những nghiệp được làm bởi chúng trong quá khứ. CHẲNG DÁM ĐỂ LỘ RA (Na dassenti) chúng không dám để lộ chính mình, không dám đi và đối diện với vị ấy. CÓ BÀN TAY MÁU (Kuruurino): có hành động tàn bạo.

4. ANH CỦA VỊ ẤY (Tassabhaataa) Anh của Trưởng lão Saanuvaasi.n . SỮNG SỜ: Vitaritvaa = Viti.n.no (thể văn phạm hoán chuyển), nghĩa là đầy nỗi sợ hãi và run rẩy vì nỗi sợ bị chê trách. Một cách đọc hoán chuyển là vội vã (viturítvaa): trong sự vội vã, nghĩa là đang vội vã. TRÊN MỘT CON HẺM (Ekapathe): Trên một con đường nhỏ vắng. MỘT MÌNH (Ekako): một mình, không có ai đi chung. CONG XUỐNG Ở BỐN CHỖ (catuku.n.diko bhaavitvaana): vị ấy di chuyển thân mình quanh quẩn bằng tứ chi được cong xuống. - tựa và đi ngang ở trên hai bàn tay và hai đầu gối, nghĩa là khi đã trở thành như thế, nó hành động theo cách này để cho cái đáng xấu hổ được che phủ từ đằng trước. HIỆN HÌNH CHO TRƯỞNG LÃO TRÔNG THẤY (Therassa dassayii'tuma.m): làm cho chính hắn có thể trông thấy được, để cho người hắn được trông thấy, đối với Trưởng lão.

5. CHẲNG QUAN TÂM (Amanasikatvaa): không chú ý (amanasikaritvaa, thể văn phạm hoán chuyển), không chú ý, xem kẻ kia như thế nào. Bởi vậy nó (So ca): Bởi vậy con Ngạ quỉ ấy. TÔI LÀ ANH CỦA NGÀI, ĐÃ SANH LÀM MỘT NGẠ QUỈ (bhaataa petaagato aha.m) Hắn báo tin cho Trưởng lão biết rằng, "tôi là anh của Ngài, trong kiếp quá khứ. Bây giờ tôi đến đây là một Ngạ quỉ rồi." Đây là cách nên được hiểu. Ba câu kệ bắt đầu bằng "mẹ và cha của Ngài" Được nói đến để cho thấy cách mà hắn báo cho Trưởng lão biết về điều này.

6. Ở đây MẸ VÀ CHA CỦA NGÀI: Maataa pitaa ca te = tava maataa pitaa ca (thể văn phạm hoán chuyển).

8. XIN HÃY NHỦ LÒNG BI MẪN (Anukampasssu): Xin hãy giúp đỡ chúng con, xin hãy ân cần đến. HỒI HƯỚNG PHƯỚC ẤY CHO (anvaadisaahi): Chuyển phước ấy. Đến chúng tôi: No = a.mhaaka.m (thể văn phạm hoán chuyển). ĐƯỢC CHO BỞI NGÀI: Tava dinnena= tayaa dinnena (thể văn phạm hoán chuyển).

Rồi những vị kiết tập Tam Tạng đọc những câu kệ này để cho thấy cách hành động được thực hiện bởi Trưởng lão, khi vị ấy nghe qua điều này:

9. "Khi Trưởng lão và mười hai vị Tỳ kheo đã đi khất thực, họ hội họp ở cùng một chỗ với mục đích san sẽ bữa ăn.

10. Trưởng lão nói với tất cả họ rằng, "Hãy cho đến tôi cái đã được thọ lãnh; tôi sẽ đổi nó thành bữa ăn cho chư Tăng vì lòng bi mẫn đối với quyến thuộc của tôi."

11. Họ trao nó cho Trưởng lão và Trưởng lão mời chư Tăng. Khi đã cho ra, Trưởng lão bèn hồi hướng phước thí ấy đến cho mẹ, cha và anh của Ngài khi nói rằng, "xin cho phước thí nầy dành cho những quyến thuộc của tôi, xin những quyến thuộc của tôi được hạnh phúc".

12. Ngay khi vị ấy hồi hướng phước thí này thì vật thực hiện ra, sạch sẽ, hảo hạng, được khéo sửa soạn, và được thêm gia vị bằng nhiều loại hương vị, nhân đó người anh của vị ấy hiện ra, đẹp trai, mạnh khoẻ và an vui, khi nói rằng, "vật thực này có nhiều, thưa ngài, nhưng xem ra chúng tôi vẫn còn trần truồng. Thưa Ngài, xin hãy tự mình cố gắng bằng cách nào đó để chúng tôi có thể có được những y phục".

14. Trưởng lão lượm về tất cả những miếng vải từ những đống rác. Khi vị ấy đã biến những miếng vải thành một chiếc y, vị ấy cho nó đến chư Tăng từ bốn phương.

15. Khi đã cho rồi, Trưởng lão bèn hồi hướng nó cho mẹ, cha anh của Trưởng lão, khi nói rằng, "Xin cho phước thí này thấu đến những quyến thuộc của tôi. Xin cho những quyến thuộc của tôi được hạnh phúc."

16. Ngay khi vị ấy hồi hướng những phước thí này thì những y phục hiện ra, nhân đó người anh của vị ấy, ăn mặc những y phục xinh đẹp, hiện ra trước mặt Trưởng lão. Khi nói rằng:

17. "Nhiều y phục như ở trong toàn cõi của Vua Nanda - Còn nhiều hơn thế nữa thưa Ngài, là những y phục và những đồ trải của chúng tôi.

18. Bằng vải lụa và vải len, vải lanh và vải chỉ. Chúng có nhiều và đắt giá, chúng còn thòng xuống từ trên trời.

19. Và chúng tôi chỉ mặc vào cái chúng tôi ưa thích. Xin hãy tự cố gắng, thưa Ngài, bằng cách nào đó để chúng tôi có thể có được nhà ở.

20. Khi Trưởng lão đã dựng lên một thảo am, vị ấy dâng nó đến tứ phương Tăng. Khi đã cho rồi, Trưởng lão hồi hướng phước ấy cho mẹ, cha và anh của Ngài khi nói rằng: "Xin cho những phước thí này thấuu đến những quyến thuộc của tôi. Xin cho những quyến thuộc của tôi được hạnh phúc!"

21. "Ngay khi vị ấy hồi hướng phước thí này thì những căn nhà hiện ra - những nhà ở có tháp nhọn được chia ra thành những ngăn đều nhau.

22. Cái giống như những căn nhà của chúng tôi ở đây thì không được tìm thấy trong nhân loại; những căn nhà như của chúng tôi ở đây giống như những căn nhà được tìm

thấy trong cõi chư thiên.

23. Chói lọi, chúng chiếu sáng khắp bốn hướng. Xin hãy tự mình cố gắng, thưa Ngài, bằng cách nào đó để chúng tôi có thể có được nước".

24. Khi Trưởng lão đã chăm đầy một lu nước, Ngài cho nó đến Tứ phương Tăng. Khi đã cho rồi, Trưởng lão bèn hồi hướng nó đến mẹ, cha và anh của Ngài khi nói rằng "Xin cho phước thí này thấu đến quyến thuộc của tôi! Xin cho những quyến thuộc của tôi được hạnh phúc!"

25. Ngay khi vị ấy hồi hướng phước thí này, thì nước hiện ra - những hồ sen khéo hiện bày sâu và có bốn góc, khéo hiện bày

26. Với nước trong vắc và những bờ hồ xinh đẹp, mát và thơm ngát, được che phủ bằng hoa sen và hoa súng, nước có đầy những phấn sen.

27. Khi họ đã tắm và uống nước trong đó, họ lại hiện ra trước mặt của Trưởng lão, khi nói rằng, "Nước này có nhiều, thưa Ngài, nhưng những bàn chân của chúng tôi bị nứt nẻ đau đớn.

28. Khi dạo đi đây đó, chúng tôi đi khập khiểng trên sỏi và trên cỏ Kusa có gai nhọn. Xin hãy tự mình cố gắng, thưa Ngài, bằng cách nào đó để chúng tôi có thể có đủ phương tiện đi lại".

29. Khi Trưởng lão đã có được một đôi giày, vị ấy bèn dâng nó đến Tứ phương Tăng. Khi đã cho rồi, Trưởng lão bèn hồi hướng phước thí này đến cha mẹ và anh của vị ấy khi nói rằng, "Xin cho phước thí này đến những quyến thuộc của tôi! Xin cho những quyến thuộc của tôi được hạnh phúc!"

30. Ngay khi vị ấy hồi hướng phước thí này thì những Ngạ quỉ đi đến bằng xe kéo, khi nói rằng, "Thưa Ngài, Ngài đã thể hiện lòng bi mẫn bằng vật thực và y phục này,

31. Nhà này và vật thí về nước uống - cả những cái này và vật thí về xe này. Thưa Ngài, chúng tôi đã đến để đảnh lễ bậc hiền trí có lòng bi mẫn đối với Thế gian".

Chú giải:

9. Ở đây KHI TRƯỞNG LÃO ĐÃ KHẤT THỰC RỒI (Thero caritvaa pi.n.daaya): Trưởng lão đã đi khất thực. VÀ MƯỜI HAI VỊ TỲ KHƯU KHÁC (Bhikkhuu A~n~ne, ca dvaadasa): và mười hai vị Tỳ kheo khác mà đang sống chung với Trưởng lão, hội họp lại trong cùng một chỗ. Nếu Có người hỏi rằng, "Với mục đích gì?" Với mục đích ăn chung. (Bhattavissaggakaara.naa): Với mục đích độ thực, để ăn vật thực.

10. ĐẾN HỌ (te): Đến những vị Tỳ kheo ấy. KHI ĐÃ ĐƯỢC THỌ LÃNH (Yathaa laddha.m): bất cứ cái gì thọ lãnh được. HÃY CHO: dadaadha = dedha (thể văn phạm hoán chuyển).

11. HỌ TRAO ĐẾN (Niiyaatayi.msu): Họ cho. THỈNH MỜI CHƯ TĂNG (Sa.ngha.m nimantayi): Mời mười hai vị Tỳ kheo để cho vật thực ấy bằng lối phân biệt nó là dành cho Chư Tăng. HỒI HƯỚNG (anvaadisi): chỉ định; chỉ đến người mà vị ấy hồi hướng

phước thí ấy trong trường hợp ấy, Đến me, cha và anh của vị ấy khi nói rằng, "Xin cho cái này thấu đến những quyến thuộc của tôi! Xin cho những quyến thuộc của tôi được hạnh phúc" Được nói đến.

12. NGAY KHI VỊ ẤY ĐÃ HỒI HƯỚNG CÁI NÀY: Samanantaraanuddi.t.the= Uddi.t.tha samanantara.m eva (phối hợp cách): VẬT THỰC HIỆN RA (Bhojana.m uppajjhatha) Vật thực hiện ra dành cho những Ngạ quỉ ấy. Thuộc loại nào? Chúng nói, "Sạch sẽ" v.v... ĐƯỢC GIA THÊM NHIỀU HƯƠNG VỊ (Ane Karasaya~njana.m): Được sửa soạn bằng những món cà ri có nhiều loại hương vị; hay nói cách khác, có nhiều hương vị và có nhiều món cà ri. NHÂN ĐÓ (tato): sau khi thọ lãnh được vật thực. ANH CỦA VỊ ẤY HIỆN RÕ RA (Uddassayii bhaataa): Ngạ quỉ mà đã từng làm anh của vị ấy hiện ra trước mặt Trưởng lão. ĐẸP TRAI, MẠNH KHOẺ VÀ AN VUI (Va.n.navaabalavaa sukhii): Nhờ nhận được vật thực ấy bằng cách ấy, ngay tức thì nó trở nên có sắc đẹp, có sức mạnh và hạnh phúc.

13. NHIỀU VẬT THỰC, THƯA NGÀI (Pahuuta.m bhojana.m bhante): Do oai lực về vật thí của Ngài, thưa Ngài, nhiều vật thực được thọ lãnh bởi chúng tôi. NHƯNG HÃY XEM CHÚNG TÔI VẪN CÒN TRẦN TRUỒNG (passa naggaamhase ): Tuy nhiên, hãy quan sát rằng chúng tôi vẫn còn trần truồng. DO ĐÓ THƯA NGÀI, XIN NGÀI HÃY TỰ MÌNH CỐ GẮNG HÀNH ĐỘNG BẰNG CÁCH NÀO ĐÓ ĐỂ CHÚNG TÔI CÓ THỂ ĐÓ ĐƯỢC NHỮNG Y PHỤC. (Yaathaa vattha.m labhaamhase): Hãy tự mình cố gắng hành động như thế nào để chúng tôi có thể có được những y phục, nghĩa là xin hãy nhiệt tâm theo cách này.

14. TỪ ĐỐNG RÁC (Sa.nkaarakuu.tato): từ đống rác này và đống rác nọ. LƯỢM (Uccinitvaana): Đi tìm lượm. NHỮNG MIẾNG GIẺ (Nantake): Những mảnh giẻ bị quăng bỏ mà đã bị rách ở các viền; Chúng được gọi là những mảnh giẻ bởi vì chúng bao gồm những miếng nhỏ. Bấy giờ, Trưởng lão làm một chiếc y bằng những thứ này và cho nó đến chư Tăng. Vì lý do này mà người ta nói rằng, "Khi vị ấy đã biến những miếng giẻ thành một chiếc y, vị ấy cho đến tứ phương Tăng". Ở ĐÂY VỊ ẤY CHO NÓ ĐẾN TỨ PHƯƠNG TĂNG (sa"nghe catuddise adaa); vị ấy cho nó đến hàng chư tăng từ bốn hướng đến. Đây là vị trí cách trong ý nghĩa của tặng cách.

17. CHÚNG LÀ NHỮNG Y PHỤC (Pa.ticchadaa) Bởi vì trong trường hợp này Ngạ quỉ đã mặc vào người (pa.ticcchaadayati) những y phục ấy.

21. NHỮNG CHỖ NGỤ LÀ NHÀ CÓ NÓC NHỌN (Ku.taagaarani vesana): Những chỗ ngụ là những căn nhà có tháp nhọn và những căn nhà mà khác với những căn nhà này được biết đến là những chỗ ngụ. Điều này được nêu ra với sự méo mó về giống tánh. ĐƯỢC CHIA RA (vibhattaa): chia thành những hình thể có tính chất đều đặn, hình chữ nhật, dài, đường vòng v.v... THÀNH NHỮNG PHẦN BẰNG NHAU (Bhaagaso mitaa): Thành những phần đã được đo sẵn.

22. Của chúng tôi: No = A.mhaaka.m (thể văn phạm hoán chuyển. + Ở ĐÂY (idha): trong cõi của Ngạ quỉ này. TRONG SỐ NHỮNG VỊ CHƯ THIÊN (apidibbesu): Api (Không được dịch) chỉ là một tiểu từ không biến đổi. Trong những lãnh thổ của những vị chư Thiên, nghĩa là trong những cõi chư Thiên.

24. CÁI LU NƯỚC (Karaka.m) Một cái lu bình thường. ĐỔ ĐẦY (puuretvaa): Đổ đầy nước.

26. NƯỚC ĐẦY NHỮNG PHẤN SEN (Vaariki~njakkhapuuritaa) Đầy trên mặt nước ấy được phủ đầy khắp bằng những sợi tơ nhụy của những hoa sen và những bông hoa súng v.v....

27. Bị Nứt Nẻ (phalanti): chúng loét ra, nghĩa là những mé của những gót chân của chúng bị nứt ra.

28. ĐI LANG THANG ĐÂY ĐÓ (aahi.n.damaanaa): đi lang thang đây đó. CHÚNG TÔI ĐI KHẬP KHIỂNG (Kha~njaama): chúng tôi đi trong dáng điệu cà nhót ở chỗ này chỗ kia. TRÊN SỎI VÀ TRÊN CỎ KUSA CÓ GAI NHỌN (Sakkhare kusalanthake): trên những mảnh đất đầy những viên sỏi và cỏ Kusa có gai nhọn, nghĩa là giẫm lên sỏi và cỏ kusa có gai nhọn. MỘT CHIẾC XE (yaana.m): bất cứ loại phương tiện chuyên chở nào như xe kéo hay kiệu võng v.v...

29. Một chiếc giày (Sipaa.tika.m): Một chiếc giày một đế.

30. ĐI ĐẾN BẰNG XE KÉO (Rathena - m - aagamu"m = Rathena aagacchi.msu (thể văn phạm hoán chuyển); Những chữ đọc nối tiếp cho xuôi tai bởi chữ ma.

31. CẢ HAI (ubhaya.m): Bởi cả hai vật thí - Bởi vật thí bằng bốn món vật dụng gồm vật thực v.v... Và bởi cùng vật thí này gồm xe thuyền. Vật thí gồm những loại thuốc chữa bệnh cũng bao gồm trong vật thí về nước ở đây. Phần còn lại hoàn toàn tự rõ ràng rồi vì nó đã được nêu ra ở trên rồi.

Trưởng lão nêu lên vấn đề ấy với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên khi nói rằng, "cũng giống như những Ngạ quỉ ở đây, cũng vậy trong kiếp sống ngay trước của ngươi, ngươi cũng đã làm một Ngạ quỉ chịu nhiều thống khổ", và khi được thỉnh cầu bởi Trưởng lão, Ngài bèn kể lại quỉ sự sợi chỉ và thuyết giảng chánh pháp cho hội chúng đã hội họp ở đó. Khi đã nghe qua thời pháp này, dân chúng, đầy xúc động, trở nên có những xu hướng về những việc phước như bố thí v.v...

---o0o---

[3.2]

III.03 TẠO XA QUỈ SỰ (RATHAKAARA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Có cột bằng ngọc bích, rực rỡ, chiếu sáng". Pháp thoại này được thuyết giảng trong khi Bậc Đạo sư đang ngụ ở Savatthi, liên quan đến một nữ Ngạ quỉ nọ.

Tương truyền rằng cách đây đã lâu, trong thời của đức Thế Tôn Kassapa, có một người đàn bà nọ có hạnh kiểm tốt và tìm thấy đức tin trong giáo Pháp do sự thân cận với bạn lành. Nàng dựng lên một chỗ ngụ, trông rất khả ái, được khéo làm cân đối bằng những bức vách có trang hoàng, những cột trụ, những bậc thang và nền nhà. Nàng thỉnh các vị Tỳ kheo ngồi ở đó, dâng cúng vật thực thượng vị đến các Ngài và dâng thảo am đó đến chúng Tỳ kheo. Đúng lúc nàng chết và, do bởi nghiệp ác khác biệt, nàng sanh làm

một vimaanapetii gần hồ rathakaa ra trên vùng Himaalaya, chúa của các núi. Do năng lực của thiện nghiệp về việc bố thí ấy đến chư Tăng nên có sanh lên, ở giữa hồ ao, và được trang sức bởi khu rừng như Nandana, một cung điện cao vút được làm toàn bằng những báu vật, và ở tất cả các mặt thì cực kỳ hấp dẫn, mê ly và khả ái, trong khi chính nàng thì có nước da màu vàng ròng, trông xinh đẹp khả ái và hấp dẫn lạ thường. Nàng sống ở trong đó, hưởng sự vinh quang của chư thiên, nhưng cô đơn chẳng có người nam nào. Bất mãn sanh lên trong nàng vì sống mà không có người đàn ông nào trong trong thời

gian lâu dài ấy. Nàng trở nên bất mãn và suy nghĩ rằng, "Ta sẽ bày một mẹo!", Nàng thả vào trong con sông một số xoài chín của chư thiên. Mọi chuyện nên được hiểu theo cùng cách như đã được kể lại trong quỉ sự Ka.n.nnamu.n.da . Tuy nhiên ở đây, một chàng trai là dân cư của thành Ba la Nại, trông thấy một trong những trái xoài ấy ở trong sông Hằng. Đến đúng lúc, anh ta lên đường để tìm kiếm xem nó từ đâu đến, và trông thấy con sông ấy; và bằng cách đi theo con sông này, đã đến tại chỗ ngụ của nàng. Khi nàng trông thấy anh ta nàng bèn dẫn anh ta vào trong chỗ ngụ của nàng, đón chào anh ta và mời anh ta ngồi. Khi trông thấy sự thù thắng của nàng, anh ta bèn nói lên những câu kệ này để dò hỏi về nó:

1. "Có cột bằng ngọc bích, lấp lánh, rực rỡ và có vô số những bức tranh, đó là cung điện mà nàng đã ngự lên và nàng nghỉ ở đó, hỡi Devii có đại oại lực, trông như ánh trăng rằm.

2. Và nước da của nàng giống như vàng tan chảy, tướng mạo chói sáng của nàng trông vô cùng khả ái, nhưng nàng lại ngồi một mình trên chiếc giường vinh quang vô song của nàng, xem ra nàng không có chồng.

3. Và nàng có những hồ sen này ở khắp bốn hướng, có nhiều hoa, với nhiều hoa sen và hoàn toàn được trải lên bằng bụi vàng; bùn và bèo tấm thì không được biết đến ở đó.

4. Những con thiên nga trông khả ái và dễ thương, lội quanh ở trên mặt nước luôn khi và kéo đàn với nhau, tất cả chúng đều duyên dáng, hót với giọng thanh tao như những tiếng trống định âm.

5. Chói sáng, lộng lẫy trong sự vinh quang của nàng, nàng nghỉ khi tựa chiếc thuyền của nàng, với đôi mi rậm, vui vẻ và giọng nói khả ái; tay chân nỏn nà, nàng vô cùng rực rỡ.

6. Cung điện này không có tỳ vết và đứng ngang bằng; có những công viên làm tăng thêm sự vui thích và khoái lạc của nàng. Hỡi công nương có sắc đẹp tột bậc, ta ước rằng ta có thể vui hưởng với nàng ở đây giữa khoái lạc nầy".

Chú giải:

1. Ở đây, Ở ĐÓ (tattha): trong cung điện ấy. NÀNG NGHỈ (acchasi): Nàng ngồi, nàng trú ngụ, bất cứ lúc nào nàng muốn. HỠI DEVII (devii): vị ấy xưng hô với nàng. CÓ OAI LỰC LỚN (mahaanubhaave): có oai lực lớn của chư thiên, ĐANG TRONG ĐÀ CHẠY NHANH (pathaddhani): đang đi trên quỉ đạo của chính nó, nghĩa là trên con đường xuyên qua

các khoảng rộng của những bầu trời. NHƯ

TRĂNG RẰM (pannarase va cando) nghĩa là chiếu sáng như vầng sáng bao quanh của mặt trăng trong đêm rằm.

2. VÀ NƯỚC DA CỦA NÀNG GIỐNG NHƯ VÀNG TAN CHẢY. (Va.n.no ca te kanakassa sannibho) Nước da của nàng vô cùng hấp dẫn, giống như vàng tan chảy. Vì lý do này mà vị ấy nói rằng, "Hình tướng chói sáng của nàng trông rất diễm kiều". VÔ SONG (atula) có giá trị lớn; nói cách khác, chúng ta nên đọc rằng hỡi con người vô song (atula), đó là cách xưng hô của anh ta với nàng Devataa, nghĩa là, "Hỡi người có sắc đẹp vô song", Nàng không có chồng: N'atthi ca tuyha.m saamiko = Saamiko ca tuyha.m n'atthi (thể văn phạm hoán chuyển).

3. NHIỀU HOA (bahuutamalyaa): chúng có nhiều loại hoa khác nhau như hoa sen và hoa súng xanh v.v... VỚI NHỮNG BỤI VÀNG (Suva.n.nacu.n.nehi): với những cát vàng. Ở ĐÓ (tattha): ở trong những hồ sen ấy. BÙN VÀ BÈO TẤM (pa"nko pa.n.nako ca): chẳng có bùn nào hay chút rong rêu nào được biết đến.

4. NHỮNG CON THIÊN NGA NÀY TRÔNG KHẢ ÁI VÀ DUYÊN DÁNG (Ha.msaa pi ma dassaniiyaa manoramaa): Những con chim thiên Nga này, trông khả ái và đẹp. LƯỚT QUANH (anupariyanti): lội tới lội lui. TRONG MỌI KHI (sabbadaa): trong tất cả các mùa. KÉO LẠI VỚI NHAU (Samayya): đi đến với nhau. XINH ĐẸP (Vaggu): ngọt ngào. Hát ra (upanadanti): gáy. NHƯ TIẾNG CỦA NHỮNG CÁI TRỐNG ĐỊNH ÂM (Dundubhiina.m va ghosa): nghĩa là do bởi tính chất về giọng đầy ấm và ngọt ngào của chúng, tiếng của những con chim thiên Nga ở trên hồ sen của nàng giống như tiếng của những cái trống định âm.

5. CHÓI SÁNG (Daddaơhamaanaa): chiếu sáng rực rỡ. TRONG SỰ VINH QUANG CỦA NÀNG (yasasaa): với năng lực thần thông của một vị chư Thiên. TRONG CHIẾC THUYỀN CỦA NÀNG (naanaaya): trong chiếc thuyền của nàng; vị ấy nói điều này khi trông thấy petii đang thọ hư?ng như vậy ở trên nước khi đang ngồi trên chiếc giường quí báu bằng vàng, chiếc thuyền giống như hoa sen ở trong hồ sen. KHI ĐANG TỰA avala.mba= ola.mbitvaa (thể văn phạm hoán chuyển): tựa vào để chống đỡ. NÀNG NGHỈ (ti.t.thasi): đây là một cách nói đối lập với chuyển động, ám chỉ về sự dừng lại của chuyển động trong chữ "đang nghỉ". Một cách đọc khác là Nisajjasi, ý nghĩa của nó nên được xem giống như là nàng "đang ngồi". VỚI ĐÔI MI RẬM (aalaarapa.mhe): đôi lông mi cong, đen, dài, VUI TƯƠI (hasite): đầy s? tươi sáng, với khuôn mặt vui tươi. NÓI KHẢ ÁI (piya.mvade): Nói chuyện nghe khả ái, TỨ CHI DIỄM KIỀU (sabba"ngaka"nyaa.ni): có các chỗ trên thân đều xinh đẹp, nghĩa là xinh đẹp ở mọi chỗ trên thân, cả lớn lẫn nhỏ. NÀNG CHÓI SÁNG (Virocasi): Nàng chiếu sáng.

6. KHÔNG TỲ VẾT (viraja.m): không khuyết điểm, không lỗi lầm, ĐỨNG NGANG BẰNG (Same.thita.m) đứng trên một chỗ đất bằng, (samabhuumnibhaage): Hay nói cách khác, vì vẻ đẹp của nó ở khắp bốn mặt, nó đứng trong tư thế ngang bằng (samabhaage): nghĩa là hoàn hảo ở khắp quanh. LÀM TĂNG TRƯỞNG SỰ MÊ THÍCH VÀ KHOÁI LẠC (Ratinandiva.d.dhana.m): "nó làm tăng thêm sự mê thích và khoái lạc của

nàng", vì nó làm tăng sự vui thích và khoái lạc, nghĩa là khiến cho hạnh phúc và hỉ lạc của nàng tăng trưởng. HỠI CÔNG NƯƠNG (Naari) đây là cách xưng hô của anh ta với nàng. CÓ SẮC ĐẸP TỘT BẬC (anomadassane): trông không chê vào đâu được do sự hoàn hảo ở các chỗ trên thân cả lớn lẫn nhỏ. GIỮA KHOÁI LẠC NÀY (Nandane): giữa cái tạo ra khoái lạc: Ở ĐÂY (idha): ở trong khu rừng Nandana này, hay trong cung điện của nàng. ĐỂ TÔI CÓ THỂ VUI CHƠI (moditu.m): ta muốn rằng ta có thể đắm chìm trong những khóai lạc của tình yêu - đây là cách nên được hiểu.

Khi chàng trai đã nói như vậy, thì nàng Vimaanadevataa, để trả lời vị ấy, bèn nói câu kệ này:

7. "Hãy làm một công việc để được thọ hưởng ở đây và hãy khiến cho tâm của chàng thiêng về đây, khi chàng đã làm một việc để được ở đây như vậy, chàng sẽ được xem là người làm thoả mãn tất cả mọi ước muốn của chàng.

Chú giải:

7. Ở đây LÀM MỘT CÔNG VIỆC ĐỂ ĐƯỢC SỐNG HƯỞNG Ở ĐÂY (karohi kamma.m idha vedaniya.m): Hãy thực hành, chàng nên đeo đuổi một việc thiện mà sẽ chín mùi và cho kết quả của nó ở đây trong chỗ thần tiên này. HƯỚNG TÂM ĐẾN ĐÂY (idha nata.m) thiêng về chỗ này; một cách đọc hoán chuy?n là lướt đến đây (idhaninịa.m): hãy để cho tâm của chàng, hãy cho phép tâm của chàng lướt nghiêng về chỗ này.

Khi chàng trai đã nghe điều mà vimaanaapeti đã phải nói ra, vị ấy bèn rời khỏi chỗ ấy, đến những con đường nhân loại, vị ấy giữ tâm chuyên chú vào chỗ ấy và thực hành những việc phước thích hợp và chẳng bao lâu sau, khi mạng chung, tái sanh ở đó, cọng trú với Petii ấy. Những vị Kiết tập Tam Tạng đã nói lên câu kệ kết thúc để giải thích vấn đề.

8. Vị ấy đã đồng ý với nàng khi nói rằng: "Tốt lắm" và làm một nghiệp để sống ở đó; khi đã làm một nghiệp để sống ở đó, chàng trai tái sanh cọng trú với nàng.

Chú giải:

8. Ở đây TỐT LẮM (Saadhu): đây là một tiểu từ chỉ sự đồng ý. VỚI NÀNG (tassaa) với Vimaamapetii ấy. VỊ ẤY ĐÃ ĐỒNG Ý (pa.tisu.nitvaa): vị ấy đồng ý với điều mà nàng phải nói ra. ĐỂ ĐƯỢC SỐNG Ở ĐÓ (tahi.m vedaniiya.m): một nghiệp thiện đem lại kết quả hạnh phúc, tức là được sống với nàng trong cung điện ấy - Đây là cách nên được hiểu.

Khi họ đã hưởng sự vinh quang của chư Thiên ở tại đó trong một thời gian dài, vị Thiện Nam chết do hết phước của nghiệp ấy, nhưng nàng tiên nữ thì vẫn còn sống ở đó trong một trung gian Phật thời do phước của nàng đã gieo vào mảnh ruộng đó. Rồi khi đức Thế Tôn của chúng ta đã xuất hiện trong thế gian và đã lăn bánh xe chánh pháp, và đến đúng lúc đang trú ngụ ở Jetavana, Đại Đức Moggallana vào một hôm nọ, khi đang đi trên những ngọn núi, trông thấy cung điện của nàng Vimaanapetii ấy và hỏi nàng những câu kệ bắt đầu bằng: "có một trụ bằng ngọc bích, lấp lánh, rực rỡ..." Nàng bèn thuật lại biến cố ấy với Ngài ngay từ đầu, và khi đã nghe qua điều này, Trưởng lão bèn

đi đến Saavatthi và nêu lên vấn đề ấy với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng chánh Pháp cho hội chúng đã tụ họp ở đó. Khi đã nghe qua Pháp thoại này, dân chúng đã thực hành những việc phước như bố thí v.v... Và trở nên có sự ưa thích với chánh Pháp.

---o0o---

III.04 QUỈ SỰ VỀ TRẤU (BHUSAPETVATTHU)

"Một người thì sáng kiến trong khi lại một người khác". Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Saavatthi, liên quan đến bốn Ngạ quỉ.

Tương truyền rằng tại một ngôi làng nọ không cách xa thành Saavatthi, có một người thương buôn bất lương nọ, kiếm sống bằng nghề đong lường gian dối v.v... Ông ta thường lấy một ít võ trấu, trộn thêm đất sét nâu để làm tăng thêm trọng lượng và rồi trộn cái này với lúa đỏ mà ông ta bán ra khi ấy. Đứa con trai của ông ta trở nên tức giận khi nghĩ rằng, "ông ta đã không hành động một cách đáng kính đối với những bạn bè của ta và những người tốt bụng của ta khi họ đi đến nhà". Và chộp lấy miếng da lót cái ách đánh một cái vào đầu mẹ của anh ta. Đứa con dâu của ông thì ăn bằng cách lấy trộm thịt được dự định cho tất cả và khi được gọi đến một lần nữa bởi họ, để giải thích sự kiện, chính nàng đã thề rằng, "nếu thịt ấy được ăn bởi tôi, thì xin cho tôi ăn thịt sau khi móc ra từ cái lưng của tôi kiếp nầy đến kiếp khác". Vợ của ông ta nói với những người đến xin những phương tiện kiếm

sống rằng không có gì cả, và khi bị nài ép bởi họ, bà ta thề bằng cách nói dối rằng, "Nếu có một cái gì đó mà tôi lại nói là không có gì thì xin cho tôi kiếm ăn bằng phẩn ở bất cứ chỗ nào mà tôi sanh ra!"

Đến đúng lúc, bốn người này chết và sanh làm Ngạ quỉ trong khu rừng Vi~njha . Ở đó, người thương buôn bất lương, do quả của những ác nghiệp của ông ta, thường cầm trấu cháy đỏ ở cả hai tay và rải nó ở trên đầu của ông ta và do vậy phải chịu đau khổ lớn. Đứa con trai của ông ta thường tự làm bể cái đầu của chính mình bằng những cái búa sắt và chịu đau đớn không xiết kể. Nàng dâu của ông ta, do quả những ác nghiệp của nàng, chịu đau đớn vô hạn vì phải ăn lấy thịt mà nàng móc ra liên tục từ cái lưng của nàng bằng móng tay lớn, rất dài và bén của nàng; Trong khi đó, ngay sau khi bữa ăn bằng cơm sạch và thơm mà những hạt gạo đen đã được lấy đi từ đó, được dâng đến cho vợ của ông ta thì nó trở thành phẩn có mùi hôi thối và ghê tởm; bị làm thủng lỗ chỗ bởi nhiều loại sâu, bà ta thường nắm chắc phẩn ấy bằng hai bàn tay và cảm thọ đau khổ lớn khi ăn lấy nó.

Bấy giờ, khi bốn người này đã sanh trong cõi Ngạ quỉ và đang chịu đau khổ lớn thì Đại Đức Moggallaana, khi đang đi dạo quanh những ngọn núi vào một ngày nọ, đi đến tại chỗ ấy và trông thấy chúng. Trưởng lão dò hỏi những nghiệp mà chúng đã tạo bằng câu kệ này:

1. "Một người thì cầm trấu trong tay trong khi có người nữa; và người đàn bà này thì ăn thịt và máu của chính mình; còn ngươi thì ăn phẩn dơ dáy và gớm ghiếc - đây là kết

quả của nghiệp nào?"

Chú giải:

1. Ở đây TRẤU (bhusaani) những vỏ lúa. MỘT (eko) một mình. Của lúa: Saalim = saalino; đây là đối cách với sức mạnh của sở hữu cách: Hắn thường rải những vỏ trấu cháy đỏ trên đầu của hắn - Đây là ý nghĩa. LẠI MỘT NGƯỜI KHÁC: punaaparo = puna aparo (phối hợp cách); hắn là người đã đánh vào đầu của mẹ nên bị lãnh quả bằng cái đầu bị nứt ra sau khi đánh vào đầu của hắn bằng cái búa sắt - Chính liên quan đến điều này khiến vị ấy nói. THỊT VÀ MÁU CỦA CHÍNH NÀNG (sakama.msalohita.m): nàng ăn thịt và máu từ cái lưng của chính nàng. - Đây là cách nên được hiểu. NHỜM GỚM (akanmtika.m) khó chịu, không đáng ưa thích, nhờm gớm. ĐÂY LÀ KẾT QUẢ CỦA NGHIỆP GÌ? (Kissa aya.m vipaako): ý nghĩa rằng đây là kết quả của ác nghiệp nào khiến bây giờ người đang chịu?

Khi Trưởng lão đã dò hỏi như vậy về những ác nghiệp mà chúng đã làm, người vợ của vị thương nhân bất lương khi ấy bèn nói những câu kệ này để giải thích những nghiệp được làm bởi tất cả họ:

2. Người này trong quá khứ đã làm hại mẹ của mình, trong khi người này là một vị thương nhân bất lương; Người này ăn thịt và dối gạt bằng sự nói dối.

3. Khi tôi còn làm người ở trong cõi người, tôi là một người vợ nhà và là nữ gia chủ của toàn thể gia đình; Dầu ở trong tầm tay, tôi đã giấu cái này và chẳng cho đến một ai một miếng nào của cái này, tự che đậy mình bằng cách nói dối rằng, " không có cái gì trong ngôi nhà này cả; nếu có mà tôi đã đem giấu thời xin cho vật thực của tôi sẽ là phẩn!".

4. Chính do kết quả của nghiệp ấy và do bởi sự kiện rằng tôi đã nói dối nên bữa ăn bằng gạo thơm này biến thành phẩn dành cho tôi.

5. Các nghiệp không phải không có quả, cũng chẳng có nghiệp nào tiêu diệt, vì tôi phải ăn và uống phẩn có những con dòi và có mùi hôi thối này.

Chú giải:

2. Ở đây NGƯỜI NÀY (aya.m): Bà ta nói khi chỉ về đứa con trai của Bà ta. LÀM HẠI (hi.msati): nó tấn công bằng bạo lực, nghĩa là nó đánh bằng một cái búa. VỊ THƯƠNG NHÂN BẤT LƯƠNG (Kuu.tavà.nijo): một tên thương nhân vô lại, nghĩa là người mà hành nghề bằng sự gian dối. ĐÃ ĂN THỊT (ma.msaani khaaditvaa): đã ăn, bởi chính nàng, món thịt được cung cấp để dùng dành cho những người khác và dối gạt bằng sự nói dối, khi nói rằng nàng đã không ăn nó.

3. MỘT NGƯỜI VỢ NHÀ (aagaari.nii): nữ gia chủ. DẦU Ở TRONG TẦM TAY (santesu): dầu có sẵn phương tiện sống và người khác đang ngã tay xin. TÔI ĐÃ GIẤU CÁI NÀY (pariguuhaami): tôi đã che dậy cái này, điều này được nói với sự méo mó về thời gian. TỰ CHE MÌNH (chaademi): Nàng che mình bằng sự nói dối. "Chẳng có cái nào ở nhà của tôi cả".

4. BIẾN THÀNH PHẦN DÀNH CHO TÔI (guutha.m me parivattati): bữa ăn bằng gạo thơm này biến thành, chuyển thành phần vì nghiệp ấy của tôi.

5. KHÔNG PHẢI KHÔNG CÓ KẾT QUẢ (aava~njhaani): không phải vô ích, không phải không có kết quả. CŨNG CHẲNG CÓ NGHIỆP NÀO TIÊU DIỆT CẢ. (na hi kamma.m vinassati) chẳng có nghiệp nào tiêu diệt cả khi đã được gieo tạo rồi mà lại không trổ quả. CÓ NHỮNG CON GIỜI (kimiina.m) có những con giời, đầy những họ hàng nhà sâu bọ. PHẦN (miơha.m): Phần. Phần còn lại hoàn toàn tự rõ ràng, bởi vì nó được nêu ra ở trên rồi.

Khi Trưởng lão đã nghe qua điều mà petii ấy đã phải nói ra, vị ấy nêu lên vấn đề ấy với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy nó làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết Pháp cho hội chúng đã hội họp ở đó. Thời Pháp đó đem lại lợi ích cho những người ấy.

---o0o---

III.05 TIỂU NHI QUỈ SỰ (KUMAARA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Trí tuệ của đấng Thiện Thệ thật vi diệu". Đây là Tiểu nhi quỉ sự. Câu chuyện ấy xuất phát như thế nào?

Tương truyền rằng tại thành Saavatthi có nhiều thiện tín tự tổ chức thành một nhóm Phật tử và đã dựng lên ở trong thành phố ấy một Phước xá lớn và trang hoàng nó bằng những tấm vải có đủ màu sắc. Vào lúc sáng sớm, họ thỉnh Bậc Đạo sư và chư Tăng đến và thỉnh chư Tăng có đức Phật dẫn đầu ngồi trên những chỗ ngồi được trải bằng những tấm khăn trải đắc giá, có phẩm chất cao nhất, cúng dường các Ngài những vật thơm và những bông hoa v.v... và tổ chức một cuộc lễ cúng dường long trọng. Khi trông thấy cảnh này thì một người đàn ông nọ, có tâm bị che ám bởi bợn nhơ của lòng bỏn sẻn, không thể chịu đựng sự cúng dường như vậy, bèn nói rằng, "Thật tốt hơn tất cả nếu những thứ này được mang vào trong đống rác còn hơn là cho đến những tên đầu trọc nầy". Khi nghe qua điều này thì những thiện tín, tâm của họ bị xúc động, bèn suy xét rằng, "Quả thật trầm trọng thay ác nghiệp đã sanh lên trong người đàn ông bằng điều mà ông ta xúc phạm đến chư Tăng có đức Phật dẫn đầu". Họ thuật lại vấn đề ấy với mẹ của anh ta và nói rằng, "Bà nên đi và sám hối đức Thế Tôn và những thinh văn đệ tử của Ngài". "Tốt lắm", Bà ta đồng ý và khi đã quở trách đứa con trai của bà ta, đe doạ hắn, bà đi đến đức Thế Tôn và chúng Tỳ kheo và sám hối, thú nhận điều lầm lỗi mà con trai của bà đã vị phạm, và cúng dường đức Thế Tôn và chư Tăng trong bảy ngày bằng những vật thí có món cơm dẻo.

Chẳng bao lâu sau, đứa con trai của bà ta chết và sanh vào trong bào thai của một cô gái điếm sống bằng những việc làm nhơ bẩn. Bấy giờ nàng nhận ra rằng nó là một đứa con trai ngay khi nó vừa sanh ra và sai người bỏ nó trong bãi tha ma. Nó nằm ở đó, được bảo vệ bởi năng lực của những việc phước của nó và, không bị quấy rầy bởi ai cả, ngủ an vui tựa như trong lòng mẹ của hắn. Người ta nói rằng những những vị chư Thiên đã bảo vệ hắn. Rồi khi đến rạng sáng, đức Thế Tôn đã xuất khỏi đại bi định và đang dò xét thế gian bằng Phật nhãn của Ngài, Ngài trông thấy đứa bé bị bỏ hoang trong bãi tha ma và vào lúc mặt trời mọc, đi đến bãi tha ma ấy. Dân chúng kéo đến khi

nói rằng, " Bậc Đạo sư đã đến đây; chắc Ngài có

mục đích nào đó ở đây". Đức Thế Tôn nói với hội chúng đã hội hợp ở đó rằng, "đứa bé này không nên bị coi thường; cho dù bây giờ nó bị bỏ trong bãi tha ma này trong trạng thái bơ vơ, nhưng trong tương lai nó sẽ được sự thù thắng cao tột cả trong đời sống này và cả trong đời sống mai sau". Được hỏi bởi những người ấy, "Bạch đức Thế Tôn, nó đã làm nghiệp gì trong kiếp quá khứ"; Ngài bèn giải thích nghiệp mà đứa bé đã làm và sự vinh quang mà nó sẽ đạt được trong tương lai, bằng những câu kệ bắt đầu rằng:

"Vinh dự cao tột đang được thể hiện bởi dân chúng đến chư Tăng có đức Phật dẫn đầu trong khi người kia thì có sự lầm lẫn trong tâm và có lời nói lời thô lỗ, những lời nói khiếm nhã".

Ngài thuyết giảng chánh pháp thích hợp với những căn tánh của chúng sanh đang hội họp ở đó và sau đó thuyết diệu pháp mà chính chư Phật đã giác ngộ (khổ, tập, diệt, đạo). Vào lúc kết thúc của thời Pháp ấy, tuệ quá sanh lên trong tám mươi bốn ngàn chúng sanh. Và trước mặt đức Thế Tôn một người đàn ông giàu có, có đến tám mươi ko.ti, đã nhận nuôi đứa bé khi nói rằng, "Nó sẽ là con của tôi." Đức Thế Tôn nói rằng, "Đứa bé này được bảo vệ bởi tài sản lớn như vậy và được sự giúp đỡ của mọi người". Và Ngài đi về tinh xá, và đúng lúc, khi người đàn ông giàu có chết, cậu ta kế thừa tài sản được để lại bằng di chúc của ông ta và khi tổ chức công việc trong gia đình, cậu ta trở thành một gia chủ có tài sản lớn trong cùng thành phố ấy và hăng say làm những việc phước như bố thí v.v... Rồi một hôm nọ, các vị Tỳ kheo bắt đầu bàn luận với nhau trong giảng đường chánh Pháp rằng, "Quả thật kỳ diệu thay về lòng bi mẫn của Bậc Đạo sư đối với chúng sanh; Đúng vậy, ngay cả đứa bé ấy là kẻ mà lúc bấy giờ đang ở trong trạng thái bơ vơ nay lại thọ hưởng sự vinh quang vĩ đại và đang thực hành những việc phước cao cả".

Khi nghe qua điều này, Bậc Đạo sư trả lời rằng, "Này các Tỳ kheo, đây không phải là toàn thể chừng mức của sự vinh quang của cậu ta; vì quả thật vậy, vào lúc thân hoại mạng chung, vị ấy sẽ tái sanh làm con của Sakka, vua của chư thiên, trong cõi ba mươi ba và được sự vinh quang lớn của chư Thiên.". Khi nghe qua điều này, các vị Tỳ kheo và dân chúng bèn tán dương trí tuệ vô song của Bậc Đạo sư, người ta nói rằng, "khi đức Thế Tôn toàn tri trông thấy điều cần được làm thì Ngài đi đến đó, giúp đỡ người mà đã bị bỏ đi trong bãi tha ma hôi hám ấy ngay khi cậu ta mới sanh ra", và nói về biến cố liên quan đến người ấy trong suốt cuộc đời của họ. Những vị kết tập Tam tạng nói những câu kệ để giải thích vấn đề này:

1. "Trí tuệ của đức Thiện Thệ thật vị diệu; Bậc Đạo sư đã trả lời theo cá nhân: Dầu có tràn đầy phước báu nhưng có người trở thành hạ sanh, trong khi dầu có phước báu giới hạn nhưng có người lại trở nên cao quí.

2. Đứa bé này bị bỏ rơi trong bãi tha ma, vẫn sống suốt đêm bằng sự ẩm ướt của ngón tay cái: Chẳng phải những quỉ Doạ Xoa hay những loài bò sát mà có thể quấy rầy đứa bé, là một người đã làm những việc phước rồi.

3. Tuy nhiên, những con chó liếm chân của nó trong khi những con quạ và những con giả can thì vây quanh nó; những đàn chim lấy đi những thứ nhơ uế của sự sanh con, trong khi những con quạ thì lấy đi ghèn từ con mắt của nó.

4. Không ai đem đến cho nó sự bảo vệ, cũng chẳng cho nó thuốc men hay sự hun khói bằng hạt cải, họ cũng chẳng chú ý những sự liên kết của các vì sao hay thậm chí rải ra tất cả những hạt ngũ cốc.

5. Bị rơi vào trong trạng thái khốn khổ như bị mang đi vào lúc ban đêm và bị bỏ rơi trong bãi tha ma và, run rẫy như khúc bơ tươi, đời sống không chắc chắn, tuy nhiên vẫn tồn tại.

6. Người được chư Thiên cung kính và loài người trông thấy vị ấy; vừa khi trông thấy nó, Bậc vô thượng tri bèn công bố rằng, "Đứa bé này sẽ thành người thuộc gia đình cao cả nhất của thành phố này do bởi tài sản của nó".

7. "Nó đã thọ trì điều gì, bấy giờ phạm hạnh của nó là gì? do kết quả của thiện hạnh nào khiến sau khi đi đến cảnh ngộ như vậy, nó lại có thể tiếp tục hưởng một tiềm năng như thế này?"

Chú giải:

1. Ở đây VI DIỆU (Accheraruupa.m): có bản chất thù diệu. TRÍ TUỆ CỦA ĐỨC SUGATA (sugatassa ïàja.m): Trí tuệ của Đức Chánh biến Tri không được san sẽ bởi những người khác - người ta nói về sự toàn giác của Ngài như trí tuệ biết về những khuynh hướng hay những căn tánh của một người v.v.. làm sao mà trí tuệ này không ở trong tâm của những người khác? Có người nói rằng, "Bậc Đạo sư trả lời theo cá nhân", Điều này chỉ cho thấy rằng Duy chỉ qua giáo Pháp của Ngài mà bản tánh kỳ diệu về trí tuệ của Ngài trở nên sáng tỏ. Rồi để chứng minh phương Pháp trả lời này, người ta nói rằng, "dầu có đầy đủ phước báu nhưng vẫn tại trở thành hạ sanh, dầu có phước giới hạn nhưng vẫn có người trở thành cao quí". Đây là ý nghĩa: Dầu có đầy những thiện Pháp, một số cá nhân ở đây trở thành thấp hèn về dòng dõi v.v... Do bởi một ác nghiệp thuộc loại đã được duy trì, đã tiềm ẩn trong tâm, trong khi dầu có phước trong giới hạn, dầu có ít phước hơn, nhưng một số chúng sanh, do gặp được mảnh ruộng phì nhiêu v.v... nên đã trở thành cao quí do bởi oai lực của phước ấy.

2. TRONG BÃI THA MA (Sìvathikaa ya): trong nghĩa trang. BẰNG SỰ ẨM ƯỚT CỦA NGÓN TAY (A"ngu.t.thasnehena): Bằng sự ẩm ướt mà đến từ ngón tay, nghĩa là bằng sửa mà chảy ra từ ngón tay của vị Devataa, CHẲNG PHẢI QUỈ DOẠ XOA HAY LOÀI BÒ SÁT (na yakkhabhuutaa na sirimsapaa vaa): chẳng phải những loài quỉ Pisaaca hay những loại quỉ dạ xoa hay những loài bò sát hay bất cứ loài nào mà bò khi di chuyển chỗ này chỗ kia. CÓ THỂ QUẤY RẦY (na vihe.thayeyyu.m): có thể đàn áp tấn công.

3. LIẾM HAI BÀN CHÂN CỦA NÓ (palihi.msu paade): liếm hai bàn chân của nó bằng những cái lưỡi của chúng. NHỮNG CON QUẠ (Dha"nkaa): NHỮNG CON QUẠ (Kaakaa): NHỮNG CON GIẢ CAN VÂY QUANH NÓ (si.ngaalaa parivattayanti): vây quanh nó một cách liên tục để bảo vệ nó, để duy trì trạng thái về sức khỏe của nó, khi nghĩ rằng,

"Đừng để ai làm hại đứa bé này!" NHỮNG VẬT BẤT TỊNH CỦA SỰ SANH ĐẺ (Gabbhaasaya.m): những chất nhơ của sự sinh đẻ. NHỮNG ĐÀN CHIM (pakkhiga.naa): Những đàn chim như kênh kênh, diều hâu v.v... LẤY ĐI (haranti): tha đi. CHẤT TỪ HAI CON MẮT CỦA NÓ (Akkhi mala.m): chất dơ được tiết ra từ hai con mắt của nó.

4. KHÔNG AI (Keci): không ai thuộc về loài người, vì những vị phi nhân đã bảo vệ. THUỐC MEN (Osadha.m): thuốc giải độc đem lại sức khỏe cho cả lúc ấy và trong tương lai. HAY SỰ HUN KHÓI BẰNG HẠT CẢI (Saasapadhuupana.m vaa): sự hun khói mà người ta làm bằng hạt cải để bảo vệ trong lúc đứa bé mới sanh ra; Người ta giải thích rằng không có việc nào được làm ngay cả điều này dành cho nó. NGƯỜI TA THẬM CHÍ CŨNG KHÔNG CHÚ Ý ĐẾN SỰ GIAO HỘI CỦA CÁC VÌ SAO: Nakkhattayoga.m pina uggahesu"m = nakkhattayutta.m pi na ugga.nhi.msu (thể văn phạm hoán chuyển), nghĩa là không ai ném số tử vi của cậu bé dầu bằng cách như là, người này sanh ra dưới một dấu hiệu của hoàng đạo, dưới một ngôi sao đó đó, vào một ngày âm lịch đó đó và vào thời gian chính xác này" HAY NGAY CẢ RẢI RA TẤT CẢ HẠT NGŨ CỐC (Na sabbadha~n~naani pi aakiri.msu). Người ta rải ngũ cốc như lúa v.v... được trộn chung với dầu hạt cải để tạo nên một hành động may mắn, như một loại thuốc giải độc đối với bịnh tật, nghĩa là họ không làm điều này cho cậu ta.

5. NHƯ VẬY (Etaadisa.m) như thế. BỊ BỎ RƠI VÀO TRONG TÌNH TRẠNG KHỐN KHỔ HOÀN TOÀN (Uttamakicchapatta.m). Gặp phải tình trạng khốn khổ khốc liệt, rơi vào cảnh đau đớn cùng cực. NHƯ BỊ MANG ĐI VÀO LÚC BAN ĐÊM: Rattaa bhata.m = rattiya.m àbhata.m (phối hợp cách). NHƯ CỤC BƠ TƯƠI (noniitapi.n.da.m viya): giống như cục bơ tươi. Run rẫy (Pavedhamaana.m): run rẫy vì tình trạng còn yếu của nó. Không chắc chắn (sasa.msaya.m) đầy hoài nghi do bởi tánh không chắc chắn rằng liệu cậu bé có sống hay không. TUY VẬY VẪN

CÓ ĐỜI SỐNG TỒN TẠI (jiivitasaavasesa.m) tuy vậy, với chỉ mạng sống mỏng manh nhất vẫn đang tồn tại do bởi sự vắng mặt của những vật chất mà đối với chúng sanh là phương tiện để duy trì mạng sống.

6. SẼ TRỞ THÀNH NGƯỜI TRONG GIA ĐÌNH CAO CẢ NHẤT DO TÀI SẢN CỦA VỊ ẤY (aggakuliko bhavissati bhogato): nghĩa là cậu ta sẽ trở thành người trong gia đình cao cả nhất, trong gia đình tốt nhất, do bởi tài sản của vị ấy, do bởi của cải của vị ấy. Câu kệ bắt đầu bằng: "Sự thọ trì nào là của vị ấy" được nói đến bởi những thiện tín, về nghiệp làm bởi cậu ta, được hỏi bởi những người ở trong bãi tha ma ấy - đây là cách nên được hiểu.

7. Ở đây CÁI GÌ LÀ CỦA VỊ ẤY: ki'ssa = kim assa (phối hợp cách). Sự thọ trì (vata.m) thực hiện một phận sự. Lại một lần nữa về cái gì? (Kissa) thuộc loại thiện hạnh nào, phận sự và phạm hạnh nào?- đây là cách nên được hiểu, sự biến cách của nó đã bị hoán chuyển. NHƯ VẬY (etaadisa.m): như sanh vào trong bào thai của một cô gái điếm và bị bỏ rơi trong bải tha ma. MỘT CẢNH NGỘ (vyasana.m ): sự rủi ro. NHƯ VẬY (taadisa.m): rất to lớn, nghĩa là, được tồn tại suốt cả đêm bằng sự ẩm ướt của ngón tay v.v.... Cũng như cậu bé này sẽ được trở thành người trong gia đình cao cả nhất trong thành phố

này v.v... TIỀM LỰC (iddhi.m) chỉ về sự vinh quang của chư thiên, về năng lực thần thông của một vị chư thiên.

Bấy giờ đức Thế Tôn, khi được hỏi theo cách ấy bởi những thiện tín ấy, bèn trả lời theo đó; những vị kiết tập tam tạng nói lên bốn câu kệ để chứng minh điều này.

8. Vinh dự cao tột đang được thể hiện bởi những người dâng đến chư Tăng có đức Phật dẫn đầu, trong khi cậu ta thì có sự lầm lạc trong tâm và nói những lời thô lỗ, khiếm nhã.

9. Khi cậu ta đã loại trừ ý nghĩ ấy và sau đó có được sự hoan hỉ và lòng tịnh tín, cậu ta đã hầu hạ Đức Tathaagata mà đang ngụ ở Jetavana, trong bảy ngày, bằng món cơm dẻo.

10. Đó là sự thực hành của cậu ta, đó là phạm hạnh của cậu ta, đây là kết quả của thiện hạnh ấy, sau khi đã đi đến một cảnh ngộ như vậy, cậu ta có thể đi tiếp để hưởng một tiềm lực như thế này.

11. Sau khi tồn tại ngay ở đây trong một trăm năm, được cung cấp bằng tất cả mọi điều mong muốn mà vị ấy muốn, vào lúc thân hoại mạng chung, ra đi cọng trú với vaasava trong cuộc sống kế tiếp".

Chú giải:

8. Ở đây BỞI NHỮNG NGƯỜI DÂN (sanataa): Bởi tập thể những người hình thành nhóm thiện tín ấy - Đây là ý nghĩa. KHI (tatta): Vào lúc tỏ sự tôn kính. Vị ấy (tassa): cậu bé ấy CÓ SỰ LẦM LẠC TRONG TÂM (cittassa ahu a~n~nathata.m: trong kiếp trước tâm của cậu ấy có bản chất lầm lạc và cậu ta thiếu sự tôn kính và sự tin tưởng. KHIẾM NHÃ (asabbhi.m): cậu ta nói thô lỗ và không đáng được nghe giữa những người có giới đức.

9. NGƯỜI ẤY (so): Người này (vừa mới được nêu ra). Ý nghĩ ấy (ta.m vitakka.m): ý nghĩ ác. ĐÃ LOẠI TRỪ (pativinodiyitvaa): Đã làm tiêu tan do bởi sự khuyên can từ mẹ của cậu ta. ĐÃ LẤY ĐƯỢC SỰ HOAN HỶ VÀ LÒNG TỊNH TÍN (patipasaada.m patiladdhaa) cậu ta đã dành được, cậu ta đã làm cho sanh lên, hoan hỉ và lòng tịnh tín. CẬU TA HẦU HẠ BẰNG MÓN CƠM DẺO (yaaguyaaupa.t.thaasi): cậu ta hầu hạ bằng những vật thí gồm các món cháo. TRONG BẢY NGÀY (sattaratta.m): trong bảy ngày.

10. ĐÓ LÀ SỰ THỌ TRÌ CỦA CẬU TA, ĐÓ LÀ PHẠM HẠNH CỦA CẬU TA (ta'ssà vata.m ta.m pana brahmacariya.m): Lòng tịnh tín trong tâm và vật thí ấy theo cách đã được giải rõ bởi tôi ở trên là sự thọ trì của người này cùng với phạm hạnh của vị ấy, nghĩa là chẳng có gì khác ngoài điều này.

11. SAU KHI TỒN TẠI (thatvaana): Sau khi vị ấy đã tồn tại ngay ở đây; trong cõi người cho đến cuối cuộc đời của vị ấy. TRONG ĐỜI SỐNG KẾ TIẾP (abhisa.mparaaya.m) trong kiếp sống kế tiếp của vị ấy. VỊ ẤY SẼ RA ĐI CỘNG TRÚ VỚI VAASAVA (sahavyata.m gacchati vaasavassa): vị ấy sẽ từ giã cõi đời và sống chung với sakha, chúa của chư thiên, làm con trai của vị ấy; đây là câu nói ở thì hiện tại mang ý nghĩa của thì tương lai. Phần còn lại đã tự rõ ràng.

---o0o---

III.06 QUỈ SỰ SERINII (SERINII PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Ngươi trần truồng và có hình tướng xấu xí". Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Jetavana, liên quan đến nữ Ngạ quỉ Serinii .

Tương truyền rằng tại Hatthinipura, trong vương quốc của những người kuru, có một cô gái điếm tên là Serinii . Bấy giờ có những vị Tỳ kheo từ chỗ này chỗ nọ kéo đến đó với mục đích làm lễ Uposatha và trở thành một hội chúng đông đảo những vị Tỳ kheo. Khi trông thấy cảnh này, những người dân sửa soạn những vật thí như mè, gạo v.v.... thục tô, bơ tươi và mật ong v.v... và tổ chức một buổi lễ cúng dường lớn. Bấy giờ vào thời ấy, cô gái điếm ấy chẳng có đức tin hay lòng tịnh tín, và tâm

của nàng bị che ám bởi bợn nhơ của lòng bỏn sẻn. Mặc dù dân chúng đã ra sức thuyết phục nàng khi nói rằng, "Hãy đến và tỏ lòng tuỳ hỷ của cô với sự bố thí vật thực này!" Nhưng nàng vẫn tỏ ra hoàn toàn không có lòng tịnh tín khi nói rằng, "Có lợi ích gì trong việc bố thí đến những vị Sa môn trọc đầu này? Tại sao tôi phải cho đi dầu chỉ một vật nhỏ nhặt?" Đúng lúc nàng chết và tái sanh làm một petii trong một hào rãnh của một thị trấn của biên giới nọ. Bấy giờ, một Thiện Nam nọ của vùng Hatthinipura đã đi đến thành phố ấy để buôn bán và trải qua suốt đêm, lúc gần sáng, anh ta đi đến cái hào ấy để làm một công việc nọ. Khi nàng trông thấy anh ta ở đó, nàng bèn nhận ra anh ta và, khi đứng không cách xa, tự hiện ra trần truồng với thân chỉ có da và xương còn lại mà thôi, một cảnh tượng nhòm gớm vô cùng. Khi anh ta trông thấy nàng, anh ta bèn hỏi nàng câu kệ này:

1. "Nàng trần truồng và có hình tướng xấu xí, gầy ốm với những đường gân lộ ra, này kẻ gầy ốm với những sườn lộ ra, bây giờ ngươi là ai mà đứng ở đây?"

Nàng cũng nói cho anh ta biết về mình về bằng câu kệ này:

2. "Thưa ông, tôi là một nữ Ngạ quỉ, đã đi đến kiếp sống đau khổ trong cõi Yama . sau khi đã tạo ác nghiệp, tôi đã ra đi từ đây đến cõi Ngạ quỉ".

Anh ta bèn hỏi nàng một lần nữa về nghiệp mà nàng đã tạo bằng câu kệ này:

3. "Bây giờ ác nghiệp nào được làm bởi nàng, bằng thân, khẩu hoặc ý? do kết quả của nghiệp nào khiến nàng đi từ đây đến cõi Ngạ quỉ?"

Và rồi nàng bèn kể cho anh ta nghe về nghiệp mà nàng đã tạo và, thêm nữa, điều cần được làm bởi anh ta để đem lại lợi ích cho nàng, bằng sáu câu kệ này:

4. "Tôi đã kiếm những đồng tiền ở những nơi tắm công cộng; dầu những vật thí ở trong tầm tay nhưng tôi đã không làm chỗ nương tựa cho tôi.

5. Bị khát bỏng, tôi đi đến con sông, nhưng nó trở nên trống rỗng; giữa sức nóng tôi đi đến bóng mát nhưng nó trở nên bị thiêu đốt bởi mặt trời.

6. Và một cơn gió như ngọn lửa thổi lên người tôi, đốt cháy tôi, nhưng tôi đáng bị như thế này, thưa ông. Và sự đau khổ khác còn khinh khủng hơn thế này.

7. Khi ông đi đến Hatthinipura, ông nên nói với mẹ tôi rằng: "tôi đã trông thấy con gái của bà đã đi đến kiếp sống đau khổ trong thế giới của Yama . Sau khi đã làm ác nghiệp, nàng đã đi từ đây đến cõi Ngạ quỉ.

8. Ở đây có cái được để dành nhưng không được công bố bởi tôi. Khoảng bốn trăm ngàn ở dưới chiếc giường.

9. Từ món tiền này, bà nên bố thí giùm cho tôi; bà cũng có thể dùng một phần số tiền ấy để cung cấp cho sự nuôi mạng của bà, nhưng khi bà đã cho những vật thí thì mẹ của tôi nên hồi hướng phước thí ấy cho tôi; thời tôi sẽ hạnh phúc và có được dồi dào những điều mà tôi muốn."

Chú giải:

4. Ở đây TẠI NHỮNG CHỖ TẮM CÔNG CỘNG (aanva.tesu titthesu): tại những chỗ tắm như những con sông hay những hồ nước v.v... Mà không được kiểm soát bởi ai cả, tại những chỗ như vậy là những chỗ mà người ta tắm rửa thân mình: TÔI TÌM KIẾM NHỮNG ĐỒNG TIỀN NHỎ (vicini adhamaasaka.m): bị chế ngự bởi lòng tham lam, tôi tìm kiếm Dầu những đồng tiền nhỏ nhặt nhất khi nghĩ rằng, "ở đây có lẽ ta có thể kiếm một cái gì đó mà mọi người đã để xuống và rồi đã quên." Hay nói cách khác, NHỮNG CHỖ TẮM CÔNG CỘNG (anaavatesu titthesu): Nơi mà những vị Sa-môn và những Bà-la-môn được tìm thấy - "Những chỗ tắm ấy" không được kiểm soát bởi sự đi đến của bất ai và là chỗ cung cấp nhưng phương tiện để làm thanh tịnh hạnh kiểm và làm thanh tịnh những khuynh hướng của chúng sanh. TÔI TÌM KIẾM NHỮNG ĐỒNG TIỀN NHỎ (vicini addhamaasaka.m): Với tâm bị chế ngự bởi bợn nhơ của lòng bỏn sẻn và không cho cái gì đến ai cả, đặc biệt tôi tìm kiếm ngay cả những đồng tiền nhỏ và không tích lũy điều phước nào. Vì lý do này mà nàng nói rằng, "dầu những vật thí ở trong tầm tay, nhưng tôi vẫn không làm chỗ nương tựa cho tôi".

5. BỊ KHÁT BỎNG (tasitaa): Bị khát. Trống rỗng (rittakaa); Dầu một con sông đang chảy đầy đến tràn ra để một con quạ có thể uống nước từ đó, nó lại trở nên trống rỗng và không có nước, trở nên chỉ có cát, vì ác nghiệp của tôi. GIỮA SỨC NÓNG (u.nhesu): Trong những lúc mà trời nóng. NÓ TRỞ NÊN BỊ THIÊU ĐỐT BỞI MẶT TRỜI (aatapo parivattati): Một chỗ có bóng mát, khi tôi đi đến thì nơi ấy trở nên bị thiêu đốt bởi sức nóng của mặt trời.

6. NHƯ NGỌN LỬA (Aggiva.n.no): Chạm vào như ngọn lửa. Vì lý do này mà nàng nói rằng nói rằng, 'thổi vào người của tôi khi thiêu đốt tôi'. NHƯNG TÔI ĐÁNG BỊ ĐIỀU NÀY, THƯA ÔNG (eta~n ca bhante arahaami): Nàng nói với vị thiện nam ấy một cách cung kính khi xưng hô với vị thiện nam ấy là 'thưa ông, nhưng tôi đáng bị đau khổ này như dã kể trên về sự đói khát v.v... Thưa Ngài, và nỗi khổ khác còn kinh khủng hơn thế nữa, còn khốc liệt hơn thế nữa, vì đã làm một ác nghiệp như vậy - đây là ý nghĩa.

7. Ông nên nói: vajjesi = vadeyyaasi (thể văn phạm hoán chuyển).

8. Ở ĐÂY CÁI ĐƯỢC ĐỂ DÀNH (NHƯNG) KHÔNG ĐƯỢC CÔNG BỐ (ettha nikkhita.m anakhaata.m): chừng mức của cái được để dành không được nói đến. Rồi nàng nói

rằng, 'chừng bốn trăm ngàn ở dưới gầm giường,' chỉ về số lượng và chỗ mà nó đã được để vào. Ở đây, GIƯỜNG (palla~nkassa): Chiếc giường mà trước kia nàng đã nằm ở trên đó.

9. TỪ CÁI NÀY (tato): Hãy lấy một phần từ của cải để dành ấy và cho những vật thí đại diện cho tôi. CỦA BÀ TA (tassaa): Mẹ của tôi.

Khi Petii ấy đã nói như vậy, vị thiện nam liền đồng ý với điều mà nàng đã nói. vị ấy làm xong công việc của mình ở đó, đi đến Hatthinipura và thuật lại vấn đề với mẹ của nàng. Để giải rõ sự kiện này, những vị kiết tập Tam Tạng nói rằng:

10. "Tốt lắm," Vị ấy đồng ý và đi đến hatthinipura, nói với mẹ của nàng rằng: "Tôi đã trông thấy con gái của bà đã đi đến kiếp sống đau khổ trong thế giới của Yama. Sau khi đã làm ác nghiệp, nàng đã ra đi từ đây đến cõi của những ngạ quỉ.

11. Khi ấy nàng ra sức thuyết phục tôi khi nói rằng, "ông nên nói với mẹ của tôi rằng, Tôi đã trông thấy con gái của bà đã đi đến kiếp sống đau khổ trong thế giới của Yama. Sau khi đã làm ác nghiệp nàng đã ra đi từ đây đến cõi của những Ngạ quỉ.

Ở đây có cái được để lại nhưng không được công bố bởi tôi - Chừng bốn trăm ngàn ở dưới gầm giường.

13. Từ món tiền này, bà nên bố thí vật thực giùm cho tôi, số tiền ấy cũng có thể nuôi mạng cho bà. Và khi bà đã cho ra những vật thí, mẹ của tôi nên hồi hướng phước thí ấy đến cho tôi - Rồi tôi sẽ được hạnh phúc và có dồi dào những gì mà tôi mong ước.

14. Nhân đó bà ta cho ra những vật thí và hồi hướng phước thí ấy đến cho nàng - và Petii ấy được hạnh phúc và có thân trông xinh đẹp.

Chú giải:

Những lời này có thể được hiểu dễ dàng.

Khi đã nghe qua điều này, mẹ của nàng bèn cho ra những vật thí đến chúng tăng và hồi hướng những vật thí này đến cho nàng. Được an trú trong sự thù thắng về những phương tiện kiếm sống mà nàng đã thọ lãnh theo cách này, nàng hiện ra trước mặt của mẹ nàng và giải thích nguyên nhân của nó. Mẹ của nàng báo tin cho các vị Tỳ kheo biết và các vị Tỳ kheo nêu lên vấn đề ấy với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy là nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã tụ họp ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho hội chúng ở đó.

---o0o---

[3.3]

III.07 LIỆP LỘC QUỈ SỰ (MIGALUDDA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Ngươi còn trẻ và được tôn kính bởi những người nam và những người nữ". Pháp thoại này được thuyết giảng trong khi Đức Thế Tôn đang ngụ ở Ve.luvana, liên quan đến một Ngạ quỉ mà trước kia là người săn Nai.

Tương truyền rằng, tại thành Vương-xá, có một người thợ săn nọ kiếm sống bằng nghề bắn và giết nai. Anh ta có một người bạn là một thiện nam, là người mà, vì không thể thuyết phục anh ta từ bỏ những ác nghiệp luôn khi, bèn thức tỉnh anh ta làm những việc phước vào lúc ban đêm khi nói rằng, "này bạn, hãy từ bỏ sát sanh vào lúc ban đêm đi." Anh ta thường không làm điều này vào lúc ban đêm và thường giết chúng sanh chỉ trong ban ngày mà thôi. Đúng lúc, anh ta chết và sanh làm một Vimaanapeta ở gần Raajagaha, chịu nhiều thống khổ suốt ngày, nhưng thường làm hài lòng cho chính mình, có và được cung cấp những khoái lạc của ngũ dục vào lúc ban đêm. Khi trông thấy anh ta, thì Trưởng lão đáng kính Naarada bèn hỏi anh ta bằng câu kệ này:

1. "Ngươi còn trẻ và được tôn kính bởi những nam nhân và những nữ nhân; ngươi trông rất đẹp nhờ những dục lạc, nhưng vào lúc ban ngày thì ngươi lại bị lãnh quả khổ - Ngươi đã làm gì trong kiếp quá khứ của ngươi?"

Chú giải:

1. ĐƯỢC TÔN KÍNH BỞI NHỮNG NGƯỜI ĐÀN ÔNG VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ (Naranaaripurakkhato): Được tôn kính bởi, được hầu hạ bởi những vị Devaputta và những vị Devadhiitaa, là những người hầu. NGƯƠI TRÔNG RẤT ĐẸP (sobhasi): ngươi chiếu sáng rực rỡ vào lúc ban đêm do nhờ ngươi được cung cấp bởi những thứ này - Đây là ý nghĩa. Vì lý do này vị ấy nói rằng, "NHƯNG VÀO LÚC BAN NGÀY NGƯƠI QUẢ THẬT ĐÃ CHỊU KHỔ" (divasa.m

anubhosi kaara.na.m): Nhưng vào lúc ban ngày ngươi lại chịu nhiều cực hình, sự tiêu diệt. Hay nói cách khác (chúng ta nên đọc là) Vào lúc ban đêm (rajinii): Vào lúc ban đêm (rattiisu), Ye là một bất biến từ. NGƯƠI ĐÃ LÀM GÌ TRONG KIẾP QUÁ KHỨ? (kim akaasi purimaaya jaatiyaa): Ngươi đã làm nghiệp gì trong kiếp quá khứ của ngươi khiến xảy đến hạnh phúc và đau khổ này, nghĩa là hãy nói cho ta biết điều này.

Khi nghe qua điều này, Ngạ quỉ nói những câu kệ này để cho Trưởng lão biết những nghiệp mà nó đã làm:

2. Trong quá khứ, ở thành Raajagaha xinh đẹp, ở giribbaja khả ái ấy, tôi đã làm một người thợ săn độc ác và có bàn tay dính máu.

3. Bị ô nhiễm trong tâm, tôi sống không có sự thu thúc, luôn luôn hướng đến sự làm hại những kẻ khác, vô cùng độc ác đối với những chúng sanh vô tội, là những sanh vật ở khắp nơi.

4. Tôi có một người bạn có tâm từ ái, là một thiện nam có đức tin, và người ấy khi cảm thấy thương hại, đã nhiều lần khuyên tôi khi nói rằng:

5. "Đừng làm những ác nghiệp, này bạn, đừng đi đến trạng thái đau khổ, nếu bạn muốn được hạnh phúc sau khi chết, hãy tránh xa sự sát sanh một cách bừa bãi này".

6. Tôi lắng nghe những lời này của vị ấy đang muốn cho tôi được hạnh phúc, và mong mỏi cho tôi được hạnh phúc tuy nhiên tôi, vì đã lâu quen với những ác nghiệp mà thiếu trí suy xét, đã không làm theo đầy đủ lời khuyên của anh ta.

7. Một lần nữa, con người rất có trí tuệ ấy, do lòng bi mẫn, đã khuyên tôi tỏ sự thu thúc khi nói rằng, "Nếu ban ngày bạn phải sát sanh, thời hãy thu thúc vào lúc ban đêm."

8. Bởi vậy tôi chỉ giết chúng sanh vào lúc ban ngày mà thôi, nhưng thu thúc vào lúc ban đêm, không làm những điều ấy - và nay, vào ban đêm tôi tự làm thoả mãn chính mình nhưng vào lúc ban ngày tôi có một kiếp sống đau khổ và bị ăn thịt.

9. Do bởi thiện nghiệp ấy nên vào lúc ban đêm tôi hưởng những dục lạc của Chư thiên, trong khi đó vào lúc ban ngày thì ngừng con chó săn hùng hổ sông vào tôi từ khắp các hướng để ăn thịt tôi.

10. Bấy giờ những người mà tiếp tục đặt mình vào, và thường xuyên chuyên tâm vào lời dạy của Đức Sugala - thiết nghĩ, riêng những người này sẽ đạt đến trạng thái bất tử là vô vi.

Chú giải:

2. Ở đây NGƯỜI THỢ SĂN (Luddho): Người mà độc ác. CÓ BÀN TAY DÍNH MÁU (Lohitapaa.ni): có hai bàn tay mà đã bị dính máu do sự giết thú nhiều lần - ĐỘC ÁC (daaruno): người độc ác, nghĩa là người làm hại những sanh vật.

3. VÔ HẠI avirodhakaresu = avirodha.m karontesu (phối hợp cách): Như là những con nai hay chim v.v...

5. BUÔNG THẢ (asa.myama.m): Không được kiểm soát, có bản tánh ác.

6. LỜI KHUYÊN CỦA VỊ ẤY (sakalaanusaasani.m): Toàn thể lời khuyên của vị ấy, nghĩa là sự từ bỏ những ác nghiệp luôn khi. ĐÃ LÂU QUEN VỚI ĐIỀU ÁC (cirapaapaabhirato): Quen với điều ác trong một thời gian dài.

7. SỰ THU THÚC (sa.myame): Hạnh kiểm tốt. KHUYÊN BẢO: nivesayi = nivesesi (thể văn phạm hoán chuyển). NẾU BAN NGÀY BẠN PHẢI GIẾT NHỮNG CHÚNG SANH THỜI BAN ĐÊM BẠN HÃY TỎ SỰ TỰ CHẾ (sace divaa hanasi paa.nino atha te ratti.m bhavatu sa.myamo): Điều này cho thấy cách mà anh ta được khuyên. Người ta nói rằng vào lúc ban đêm anh ta cũng chuyên tâm vào việc sát sanh, trong đó anh ta đặt những cái cọc và những cái bẫy v.v...

8. VÀO BAN NGÀY TÔI CÓ MỘT KIẾP SỐNG ĐAU KHỔ VÀ BỊ ĂN THỊT (divaa khajjaami duggato): Bây giờ tôi đã đi đến cõi khổ, đã đi đến chỗ đau khổ lớn, và tôi bị ăn thịt vào ban ngày. Người ta nói rằng quả nghiệp này của anh ta đã theo đúng với nghiệp của anh ta, là nghiệp mà anh ta đã sai những con chó xé xác những con nai vào ban ngày - như vậy, suốt thời gian của ban ngày những con chó to lớn thường xông vào anh ta và làm cho thân của anh ta tan nát chẳng còn gì ngoài xương mà thôi, trong khi vào lúc đêm đến, anh ta thường lấy lại trạng thái như trước của mình và hưởng sự vinh quang của Chư thiên. Vì lý do này khiến người ta nói rằng, 'vì thiện nghiệp ấy, nên vào ban đêm tôi hưởng những dục lạc của chư thiên, trong khi vào lúc ban ngày thì những con chó săn tàn bạo nhẩy xổ vào tôi từ khắp các hướng và ăn thịt của tôi.'

9. Ở đây HUNG HĂNG (pa.tihataa): Trong trạng thái hung hăng tựa như cú nhảy tiêu diệt. TỪ KHẮP CÁC HƯỚNG ĐỂ ĂN THỊT TÔI (sama~ntà kaaditu.m): Chúng rơi vào tôi từ khắp các hướng để xé xác của tôi. điều này được nói đến liên

quan đến suốt thời gian mà chúng đến khiến cho anh ta vô cùng sợ hãi. Khi chúng đã xông vào anh ta và khiến cho anh ta chỉ còn xương, thì chúng lại tiếp tục bỏ đi.

Khi nó đã nói như vậy thì Trưởng lão bèn nêu lên vấn đề ấy với Bậc Đạo sư. Bậc Đạo sư lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó. Mọi chuyện đều giống y như đã được nêu ra ở trên.

---o0o---

III.08 ĐỆ NHỊ LIỆP LỘC QUỈ SỰ

"Trong ngôi nhà có tháp nhọn và trong cung điện." Pháp thoại này được thuyết giảng trong khi Bậc Đạo sư đang ngụ ở Ve.luvana, liên quan đến một Ngạ quỉ khác mà trước kia cũng là một thợ săn nai.

Tương truyền rằng tại Raajagaha, có một người thợ săn nai trẻ nọ, do có tài săn bắn, đã từ bỏ những tiện nghi về của cải của anh ta và ngày đêm đi đây đó để săn nai. Một vị thiện nam nọ là bạn hữu của anh ta, do lòng bi mẫn, cho anh ta lời khuyên này, "này bạn, hãy từ bỏ sát sanh, e rằng sẽ có đau khổ dành cho bạn trong một thời gian dài". Nhưng anh ta chẳng quan tâm. Rồi vị thiện nam ấy thỉnh một vị Trưởng lão nọ mà đã có tâm tu tiến và đã đoạn trừ các lậu hoặc, khi nói rằng, "Bạch Ngài, xin Ngài hãy thuyết pháp đến một người đàn ông đó đó bằng cách nào đó để anh ta từ bỏ sự sat sanh." Bởi vậy vào một hôm nọ, vị Trưởng lão ấy, trong khi đang đi quanh thành Raajagaha để khất thực, đứng tại cửa nhà của anh ta. Khi trông thấy Ngài, thì người săn nai, đầy tôn kính, đi ra để đón Ngài, mời Trưởng lão vào nhà và dâng chỗ ngồi đến Trưởng lão. Trưởng lão ngồi xuống trên chỗ ngồi đã định sẵn. Khi anh ta đi đến Trưởng lão, anh ta cũng ngồi xuống. Trưởng lão nói cho anh ta biết về những quả dữ của sự sát sanh và rồi giải thích những lợi ích của sự kiêng tránh, nhưng khi anh ta nghe qua đi?u này thì anh ta không muốn từ bỏ nó. Rồi Trưởng lão nói với anh ta rằng, "Này bạn, nếu bạn không thể từ bỏ hoàn toàn được, thì tối thiểu cũng hãy từ bỏ nó vào lúc ban đêm". "Tốt lắm, thưa Ngài, con sẽ tránh xa". Phần còn lại tương tự như câu chuyện ở ngay trước, ngoại trừ rằng ở chỗ mà những câu kệ có liên quan đến thì Trưởng lão hỏi anh ta bằng ba câu kệ này:

1. Trong ngôi nhà có tháp nhọn và trong cung điện, ở trên chiếc giường được trải bằng lông cừu dài, ngươi vui thích với âm thanh ngọt ngào của năm loại nhạc.

2. Rồi vào lúc tàn đêm, đến khi mặt trời mọc, ngươi lại đi đến bãi tha ma, ở đó ngươi chịu nhiều thống khổ.

3. Bây giờ ác nghiệp nào được làm bởi ngươi do thân khẩu, hoặc ý? do kết quả của nghiệp nào khiến ngươi chịu sự thống khổ này?"

Rồi Ngạ quỉ ấy giải thích vấn đề với Trưởng lão:

4. "Trong thành Raajagaha khả ái, ở Giribbaja xinh đẹp ấy, trong quá khứ con là thợ săn nai, con là người độc ác, không tự chế.

5. Con có một người bạn có tâm từ ái, là một vị thiện nam có đức tin và, một vị Sa-môn, một vị Saavaka của đức Gotam, thường sống nhờ vào gia đình của anh thiện nam bằng sự để bát; dầu vị ấy, có lòng thương hại đến con, khuyên can con nhiều lần. Khi nói rằng:

6. "Đừng làm những ác nghiệp, này bạn, đừng đi đến trạng thái đau khổ; Nếu bạn muốn được hạnh phúc sau khi chết; thời hãy tránh xa sự sát sanh này."

7. Con lắng nghe những lời này của vị ấy, là người muốn cho con được hành phúc và mong mỏi cho con được lợi ích, tuy nhiên con, vì quá lâu đã quen với điều ác và thiếu tuệ quán, nên không làm theo lời khuyên của vị ấy.

8. Lại một lần nữa con người có trí tuệ vô cùng ấy, do lòng bi mẫn, khuyên con hãy tỏ sự tự chế, khi nói rằng, "Nếu ban ngày bạn phải giết những chúng sanh thời hãy tỏ sự tự chế vào lúc ban đêm."

9. Bởi vậy con chỉ sát sanh vào lúc ban ngày, nhưng tự chế vào lúc ban đêm không làm điều ấy - và vào lúc ban đêm con làm hài lòng chính mình, nhưng ban ngày con có một kiếp sống đau khổ và bị ăn thịt.

10. Vì thiện nghiệp ấy nên vào lúc ban đêm con hưởng những dục lạc của chư thiên, trong khi ban ngày thì những con chó hung hăng rơi vào con từ khắp các hướng để ăn thịt con.

11. Bấy giờ những người mà tiếp tục chuyên tâm, thường xuyên chuyên chú vào giáo pháp của đấng Sugata - riêng những người này, xét nghĩ, sẽ đạt đến trạng thái bất tử, là chỗ vô vi."

Chú giải:

Ý nghĩa của những câu này cũng giống như ý nghĩa của những câu đã được nêu ra ở trên rồi.

---o0o---

III.09 TRÁ KHI QUỈ SỰ (KUUTAVINICCHAYIKA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Mang tràng hoa, đội mão và đeo vòng tai". Pháp thoại này được thuyết giảng trong khi Bậc Đạo sư đã ngụ ở Ve.luvana, liên quan đến một Ngạ quỉ đã từng chấp theo tà kiến.

Bấy giờ, Đại vương Bimbisaara thường thọ trì Bát Quan Trai sáu ngày trong một tháng, và noi theo gương của vị ấy, nhiều người khác cũng thọ trì Bát Quan Trai giới. Đức vua thường hỏi những người mà đến yết kiến vị ấy rằng, "Nào nào, ngươi có thọ trì Bát Quan Trai giới hay không?" Rồi một người đàn ông, được bổ nhiệm vào triều đình của vị ấy, là người có lời nói đâm thọc, gian lận, quen ăn hối lộ và làm những hành động bạo quyền đã nói rằng, "Tâu bệ hạ, thần có thọ trì nó." Vì sợ phải nói ra rằng ông ta đã không thọ trì nó. Rồi khi ông ta đang rời khỏi tầm nhìn của đức vua, thì một người bạn

nói với ông ta rằng, "nào nào, này bạn, bạn có thọ trì nó ngày hôm nay không?". "Này bạn, tôi nói như vậy là do sợ hãi đó thôi khi mặt đối mặt với Đức vua, nhưng tôi chẳng có thọ trì nó," Sau đó người bạn này nói với ông ta rằng, "Dầu vậy, bạn vẫn còn có thể thọ trì nửa ngày Bát Quan Trai giới cho ngày hôm nay, vậy hãy nguyện thọ trì Bát Quan Trai giới đi." "Tốt lắm", ông ta nói và đồng ý với điều mà người bạn nói, rồi đi về nhà, chẳng ăn gì, súc miệng và thọ trì Bát Quan Trai giới.

Đêm hôm ấy, khi đã đi đến giường, thì những cơn đau khốc liệt, dữ dội, gây ra bởi cơn gió mạnh sanh lên, do bụng trống, đã đoản mạng của ông ta và, ngay sau khi chết ông ta sanh làm một vimaanapeta ở một chỗ sâu hút trong một ngọn núi. Do thọ trì chỉ một đêm của ngày Bát Quan Trai giới mà ông ta nhận được một cung điện với tuỳ tùng gồm mười ngàn tiên nữ, và hưởng sự vinh quang thần tiên vĩ đại; Nhưng vì sự nói dối và nói đâm thọc của ông ta, nên ông ta phải ăn thịt sau khi đã móc ra từ chính lưng của ông ta. Đại Đức Naarada, khi đi xuống từ núi Kỳ-xà-quật, trông thấy vị ấy và Trưởng lão hỏi vị ấy bằng bốn câu kệ, sau đó vị ấy trả lời vấn đề cũng bằng bốn câu kệ:

1. "Ngươi có đeo tràng hoa, đội mão và đeo vòng, và khắp người của ngươi được phủ bằng trầm hương; nét mặt cuả ngươi rạng rỡ và ngươi chiếu sáng như mặt trời.

2. Những người hầu này của ngươi, những vị phi nhân này trong hội chúng của ngươi, và đây là những nữ hầu của ngươi, mười ngàn thiếu nữ này.

3. Chúng mang những vòng xuyến và những vòng đeo tay, và đầu của chúng được trang sức bằng những vòng hoa đội đầu bằng vàng - Ngươi có oai lực lớn và tướng mạo của ngươi làm dựng tóc.

4. Tuy nhiên ngươi lại ăn thịt mà chính ngươi đã móc ra từ lưng của ngươi: bây giờ ác nghiệp nào được làm bởi ngươi do thân khẩu hay ý? do kết quả của nghiệp nào khiến ngươi ăn thịt từ lưng của ngươi?"

5. "Ở trong thế giới hữu tình, tôi đã làm suy sụp chính tôi bằng những lời nói dối và đâm thọc, bằng sự gian trá và lường gạt.

6. Khi tôi đã đi đến một hội chúng ở đó và đến lúc để nói ra sự thật thì tôi lại không nói đúng sự thật và không nói những điều đem lại lợi ích cho tôi, lại còn đi theo con đường sái quấy.

7. Cũng như tôi ngày hôm nay ăn thịt từ chính lưng của tôi, cũng vậy người nào mà làm người nói xấu sau lưng cũng phải ăn thịt của chính mình.

8. Chính Ngài đã trông thấy điều này, thưa Ngài Naarada . Những người mà có lòng bi mẫn và có thiện tâm thường nói rằng, "Đừng nói đâm thọc cũng đừng nói dối và đừng làm người nói xấu sau lưng!"

Chú giải:

1. Ở đây CÓ ĐEO TRÀNG HOA (maalii): Mang những tràng hoa, trang sức những bông hoa của chư thiên - đây là ý nghĩa. CÓ ĐỘI MÃO (kirii.tii): Đầu có vấn khăn. Có đeo vòng (Kaayuurii): Có những chiếc vòng, nghĩa là những cánh tay của người được trang

sức. CÁC CHI THỂ CỦA NGƯƠI (gattaa): Những phần trên thân của ngươi. ĐƯỢC PHỦ BẰNG TRẦM HƯƠNG (ca.n.danussadaa): Được xức bằng dầu của gỗ trầm hương. NGƯƠI CHIẾU SÁNG NHƯ MẶT TRỜI (suriyava.n.no vasobhati): Ngươi rực rỡ, mang tướng mạo sáng chói y như mặt trời mới mọc. Hay nói cách khác, kinh tạng nói rằng, 'Ngươi đẹp như mặt trời ban mai' (arunasadisava.n.navaa); MẶT TRỜI BAN MAI (aru.na.m): Về tướng mạo giống như những vị chư thiên Araniya, nghĩa là có tướng mạo cao qúy.

2. NHỮNG NGƯỜI TRONG HỘI CHÚNG CỦA NGƯƠI (Paarisajjaa): Những người thuộc hội chúng của vị ấy, nghĩa là những người hầu riêng của vị ấy.

3. Ngươi: tuva.m = tva.m: (thể văn phạm hoán chuyển). Sắc tướng của ngươi làm dựng tóc (Lomaha.msanaruupavaa): Sắc tướng của ngươi đáng làm dựng tóc đối

với những người trông thấy ngươi: điều này được nói đến vì oai lực vĩ đại và uy quyền của vị ấy.

4. NGƯƠI ĐÃ MÓC Ukkantvaa= Ukkantitvaa: thể văn phạm hoán chuyển; nghĩa là ngươi đã cắt xẻo.

5. TÔI HÀNH ĐỘNG: aacaarisa.m = aciri.m (thể văn phạm hoán chuyển): tôi khoác vào lối hành động. BẰNG SỰ NÓI DỐI VÀ ĐÂM THỌC: (Pesu~n~na musaavaadena = Pesu~n~nnena Musaavaadena ca (phối hợp cách). VÀ BẰNG SỰ GIAN DỐI, LƯỜNG GẠT: Nikativa~ncanaaya ca = Nikatiyaa va~ncanaaya ca (phối hợp cách), bằng mưu mô và sự dối gạt mà xem ra chơn thật đối với những người khác.

6. KHI ĐẾN LÚC ĐỂ NÓI RA SỰ THẬT (Saccakaale): Khi đến lúc thích hợp để nói sự thật NHỮNG ĐIỀU NẰM TRONG LỢI ÍCH CỦA TÔI (attha.m): Những cách nói mà có lợi trong cuộc sống này v.v... ĐIỀU ĐÚNG PHÁP (Dhamma.m): Hạnh kiểm đúng chánh đáng của tôi. TÔI PHỦ NHẬN (Nira~nkatvaa): Tôi tách rời khỏi chính tôi, tôi từ bỏ.

7. VỊ ẤY (So): Kẻ mà hành động đâm thọc v.v...

Tất cả phần còn lại đều được nêu ra như ở trên.

---o0o---

III.10 GIỚI BẤT KỈNH THẤP QUỈ SỰ (DHAATUVIVA.N.NA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Khi đứng trong không trung". Đây là quỉ sự về sự coi thường. Khi Đức Thế Tôn đã nhập Niết-bàn giữa hai cây Saala trong rừng cây Saala Upattana của những người Malla tại Kusinaaraa và những Xá-lợi của Ngài đã được phân chia, vua Ajaatasattu lấy phần Xá-lợi của mình và, khi hồi tưởng những ân đức của Đức Phật, bèn tổ chức một buổi lễ lớn để cúng dường Ngài kéo dài trong bảy năm, bảy tháng, và bảy ngày, trong suốt thời gian ấy có vô số người sanh tâm tịnh tín và đạt đến thiên giới. Tuy nhiên, có đến Tám mươi sáu ngàn người bị ô nhiễm vì đã từ lâu không có đức tin, chấp theo tà kiến và, dầu ở trong những điều kiện có thể làm khởi sanh lòng tịnh tín, vẫn bị ô nhiễm trong tâm và bị tái sanh trong cõi Ngạ quỉ. Cũng trong thành Raajagaha ấy, một người vợ, đứa con gái và con dâu của một vị phú hộ nọ, là người có của cải, với lòng tịnh tín

trong tâm, họ đã suy nghĩ rằng, "Chúng ta hãy cúng dường đến Xá-lợi", và mang một ít vật thơm và những bông hoa v.v... Rồi lên đường đi đến chỗ mà Xá-lợi được tôn trí. Người đàn ông giàu có

ấy tỏ thái độ coi thường của ông ta về sự tôn kính Xá-lợi và phỉ báng Xá-lợi khi nghĩ rằng, "Có lợi ích gì mà tôn kính những khúc xương?" họ chẳng quan tâm đến lời mà ông ta nói và đi đến chỗ ấy, cúng dường đến Xá-lợi và, khi đã trở về nhà, họ bị phát bệnh đến nỗi chẳng bao lâu sau họ chết, tái sanh trong cõi Devaloka do nhờ việc phước ấy. Tuy nhiên, về phần ông phú hộ, bị che ám bởi lòng sân hận và chẳng bao âu sau cũng chết, tái sanh trong cõi Ngạ quỉ do bởi ác nghiệp ấy. Rồi một hôm nọ, Đại Đức Mahaakassapa, do lòng bi mẫn đối với chúng sanh, thị hiện những năng lực thần thông của Ngài bằng cách nào đó để dân chúng có thể trông thấy cả những Ngạ quỉ và những vị chư thiên. Khi Ngài đã làm điều này, đứng trong khuôn viên của Bảo tháp ấy và hỏi ba câu kệ đến con Ngạ quỉ mà xưa kia đã tỏ thái độ khinh thường Xá-lợi, và rồi Ngạ quỉ đáp lại:

1. "Khi đứng trong không trung, ngươi toả ra mùi xú uế, hôi hám, và những con dòi rúc r.ta cái miệng hôi thối của ngươi - Ngươi đã làm nghiệp gì trong quá khứ?

2. Nhân đó, có những kẻ khác cầm những con dao của họ và khoét vào thịt của ngươi nhiều lần lập đi lập lại; chúng phun vào ngươi chất kiềm và rồi lại khoét ngươi nhiều lần lập đi lập lại.

3. Bây giờ ác nghiệp nào được làm bởi ngươi do thân, khẩu hoặc ý? Do kết quả của nghiệp nào khiến ngươi phải chịu sự thống khổ như thế này?"

4. "Trong thành Raajagaha xinh đẹp, là thành Giribbaja khả ái ấy, thưa Ngài, tôi là chủ của rất nhiều của cải và ngũ cốc.

5. Tôi đã ra sức ngăn cản người vợ này, đứa con gái và nàng dâu của tôi khi họ đang mang những bông hoa tamaala, những hoa sen xanh và những dầu xức đắt giá đi đến bảo tháp - Đây là ác nghiệp được làm bởi tôi.

6. Chúng tôi đang lãnh chịu tám mươi sáu ngàn loại khổ thọ; sau khi đã tỏ thái độ coi thường về sự tôn kính Xá-lợi, chúng tôi đã bị nấu sôi cùng cực trong địa ngục.

7. Ngài hãy tách rời những người mà mở miệng nói lời bất lợi ra khỏi hội chúng đang cử hành đại lễ cúng dường Xá-lợi của bậc A-la-hán.

8. Hãy xem những người này đang đi đến, mang những tràng hoa và có trang sức, họ đang thọ hưởng kết quả của những bông hoa - họ rực rỡ và vinh hoa.

9. Và khi đã trông thấy sự kiện kì diệu làm ngạc nhiên và làm tóc dựng đứng này, những bậc trí tuệ sẽ tán dương và đảnh lễ Ngài, thưa đại hiền trí.

10. Bây giờ khi đã ra đi khỏi đây và lại được tái sanh trong cõi người, tôi sẽ nghiêm trang cúng dường ở bảo tháp nhiều lần lập đi lập lại.

Chú giải:

1. Ở đây MÙI HÔI THỐI (duggandho): Mùi khó chịu; nghĩa là mùi thối của xác chết bị thối rữa. Vì lý do này khiến vị ấy nói rằng, "Ngươi toả ra mùi hôi thối"

2. NHÂN ĐÓ (tato): Sau khi toả ra mùi hôi thối ấy và bị rúc r.ta bởi những con giòi. CHÚNG CẦM NHỮNG CON DAO CỦA CHÚNG VÀ KHOÉT NGƯƠI NHIỀU LẦN LẬP ĐI LẬP LẠI (sattha.m gahetvaana okantanti punappuna.m): Những chúng sanh bị kéo đi bởi nghiệp đang cầm những con dao có lưỡi bén và khoét vào miệng của ngươi nhiều lần lập đi lập lại. CHÚNG PHUN VÀO NGƯƠI CHẤT KIỀM RỒI KHOÉT VÀO NGƯƠI NHIỀU LẦN LẬP ĐI VÀ LẬP LẠI (Khaarena paripphositvaa Okantanti punappuna.m): Chúng phun chất cường toan vào những chỗ mà chúng sẽ khoét ngươi và rồi khoét ngươi nhiều lần lập đi lập lại.

4. TÔI LÀ CHỦ CỦA RẤT NHIỀU CỦA CẢI VÀ NGŨ CỐC (issaro dhanadha~n~nassa supahuutassa): Tôi là chúa của, là chủ nhân của rất nhiều của cải, của vô số của cải và ngũ cốc, nghĩa là tôi rất giàu có.

5. NGƯỜI VỢ NÀY VÀ CON GÁI VÀ NÀNG DÂU CỦA TÔI (tassaaya.m me bhariyaa ca dhiitaa ca su.nisaa ca): Người vợ này của tôi trong kiếp sống quá khứ của tôi, đứa con gái này, nàng dâu này; vị ấy noi khi chỉ về những vị chư thiên đang đứng ở trong bầu trời. ĐẮT GIÁ (paccaggha.m): tươi tắn. TÔI RA SỨC NGĂN CẢN... LÀ NHỮNG NGƯỜI ĐANG CẦM... ĐẾN BẢO THÁP (thuupa.m harantiyo vaasesi.m): Khi tỏ thái độ khinh khi Xá-lợi, tôi chống lại... Mà đang mang đi... Để tôn kính bảo tháp. ĐÂY LÀ ÁC NGHIỆP ĐƯỢC LÀM BỞI TÔI (ta.m paapa.m pakata.m mayaa): Vị ấy nói bằng sự ân hận khi nói rằng, "ác nghiệp về việc khinh khi Xá-lợi được làm bởi tôi".

6. TÁM MƯƠI SÁU NGÀN (cha.laasiitisahassaani): ngoài ra, còn nhiều hơn tám mươi sáu ngàn. CHÚNG TÔI (Maya.m): vị ấy nói khi bao gồm những Ngạ quỉ ấy chung với ông ta. ĐANG CHỊU CÁC LOẠI KHỔ THỌ (paccattavedanaa): Điều này chỉ cho thấy rằng sự cảm thọ nỗi thống khổ lớn đang bị thọ lãnh riêng nhau, theo riêng từng cá nhân của mỗi người. TRONG ĐỊA NGỤC (niraye): Vị ấy nói điều này, khi so sánh cõi Ngạ quỉ giống như địa ngục do bởi tánh chất đau khổ dữ dội của nó.

7. NHỮNG NGƯỜI MÀ... KHI ĐẠI LỄ TÔN KÍNH BẢO THÁP CỦA BẬC A- LA-HÁN ĐANG TIẾN HÀNH (ye ca kho thuupapuujaaya vattante arahato mahe): Vị ấy giải rõ nỗi mất mát to lớn của mình bằng tánh chất phúng dụ khi nói rằng, "ngài nên tách, Ngài nên xem như những người đứng ngoài, ra khỏi đó, khỏi phước nghiệp ấy, những người mà, như tôi, nói ra những điều bất lợi, nói những điều không tốt về sự tôn kính bảo tháp khi đại lễ tôn kính đối với bảo tháp của bậc A-la- hán, của đức Phật toàn giác, đang tiến hành."

8. KHI ĐI ĐẾN (aayantiyo): Khi đi đến xuyên qua hư không. KẾT QUẢ CỦA NHỮNG BÔNG HOA (maalaavipaaka.m): Kết quả, quả báu, của việc tôn kính bằng những bôn hoa nơi bảo tháp. rực rỡ (samiddhaa): rực tỡ bằng sự vinh quang của Chư thiên. họ vinh hoa (taa yasassiniyo): Họ có tuỳ tùng.

9. VÀ KHI HỌ ĐÃ TRÔNG THẤY ĐIỀU NÀY (ta~n ca disvaana): Khi họ đã trông thấy kết quả phi thường, tuyệt hảo, kỳ diệu, làm dựng đứng tóc, của việc phước, có giới hạn tột

bực của sự tôn kính. NHỮNG BẬC TRÍ TUỆ SẼ TÁN DƯƠNG VÀ TÔN KÍNH NGÀI VÀ, ĐẢNH LỄ NGÀI THƯA ĐẠI HIỀN TRÍ (namo karonti sappa~n~nà vadanti ta.m mahaamuni): Những người đàn bà này, thưa Ngài Kassapa, sẽ đảnh lễ, sẽ sụp mình trước Ngài, là phước điền vô thượng, nghĩa là họ sẽ tán dương, sẽ tôn kính Ngài.

Rồi Ngạ quỉ ấy, tâm của nó bị xúc động, bèn thốt lên câu kệ bắt đầu bằng, "Xét thấy rằng khi tôi", cho thấy điều mà nó định làm trong tương lai phù hợp với sự xúc động ấy. Ý nghĩa của điều này tự nó hoàn toàn rõ ràng rồi.

Đại Đức Mahaakassapa lấy vấn đề mà được nói như vậy bởi Ngạ quỉ làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó.

Quỉ sự về sự coi thường đã kết thúc - như vậy phần trình bày về ý nghĩa của chương ba, Tiểu phẩm, được tô điểm bởi mười câu chuyện trong những câu chuyện Ngạ quỉ của bộ Khuddhaka Nikaaya đã kết thúc.

---o0o---

[4.1]

CHƯƠNG IV : ĐẠI PHẨM (MAHAAVAGGA)

IV.01 QUỈ SỰ AMBASAKKHARA (AMBASAKKHARA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Có một thành phố của người Vajji tên là Vesaali ". Đây là quỉ sự Ambasakkhara . Câu chuyện bắt nguồn như thế nào?

Khi Đức Thế Tôn đang ngụ ở Jetavana thì một vị vua Licchavi tên là Ambasakkhara, là người có tà kiến và chấp theo học thuyết Natthika, cai trị ở Vesaali . Lúc bấy giờ, ở trong thành Vesaali, có một quãng đường lầy lội ở gần cửa tiệm của một vị thương nhân nọ, làm trắc trở cho nhiều người đi qua ở đó, khiến người ta phải nhảy qua nó, một số thì làm văng bùn. Khi trông thấy điều này, thì vị thương nhân kia suy nghĩ rằng, "Những người này không cần phải đi bộ qua bùn", và sai đặt xuống chỗ lầy lội ấy một cái đầu lâu của một con bò mà không còn mùi hôi thối và có màu giống như xà cừ. Về bản tánh, ông ta là người có giới đức, không nóng giận, có lời nói nhỏ nhẹ và thường khen ngợi ân đức của những người khác về điều mà họ có. Rồi một hôm nọ, khi người bạn của ông ta đang tắm và thiếu đề phòng cẩn mật, ông ta giấu áo quần của người kia cho vui, chỉ cho lại chúng sau khi ông ta làm cho người kia phải chịu khổ sở. Tuy nhiên, đứa cháu trai của ông ta mang về những đồ ăn cắp được từ những nhà khác và gởi chúng vào trong cửa tiệm của ông ta. Những chủ nhân của những đồ vật ấy sau khi đã khám phá ra những đồ vật của họ, bèn đem nộp ông ta và đứa cháu trai của ông ta cùng với những thứ bị mất cắp ấy trước mặt đức vua. Đức vua truyền lịnh rằng, "hãy cắt đầu người này, nhưng đâm xuyên đứa cháu trai của ông ta" và những người của đức vua làm y như lịnh truyền.

Khi ông ta chết, ông ta sanh vào cõi của những vị chư thiên địa cầu, có được một con Bạch mã của chư thiên, chạy nhanh như tâm ý, vì kiếp trước ông đã làm chiếc cầu ấy bằng cái đầu của con bò và mùi hương của chư thiên toát ra thừ thân của vị ấy do bởi

những lời nhận xét của ông ta để khen ngợi những người có giới đức, nhưng ông ta bị trần truồng vì đã đem giấu y phục. Chính do kết quả của việc nhìn lại những nghiệp này mà ông ta đã làm trong quá khứ nên ông ta trông thấy đứa cháu trai của ông ta bị đâm xuyên. Tâm của vị ấy bị rung động bởi lòng thương xót, vị ấy liền cỡi trên con Bạch mã chạy nhanh như tâm ý và đi vào lúc nửa đêm đến chỗ mà đứa cháu trai của vị ấy bị đâm xuyên và, khi đứng không cách xa, mỗi ngày mỗi nói rằng, "Này bạn, hãy cố gắng, vì còn sống thì tốt hơn".

Lúc bấy giờ vua Ambasakkhara đang đi vòng quanh thành phố theo chiều phải, cỡi trên lưng của con voi kiết tường, vị ấy trông thấy một người đàn bà đã mở cánh cửa sổ ở trong một ngôi nhà nọ và đang xem vẻ uy nghi của vua. Đức vua đem lòng yêu thương nàng và ra hiệu cho một người đàn ông ngồi ở gần đó tựa như muốn nói rằng, "Ngươi hãy xem ngôi nhà ấy và người đàn bà ấy", và đúng lúc đi vào chỗ ngụ trong hoàng cung và sai người đàn ông ấy đi khi nói rằng, "ta truyền lịnh rằng ngươi hãy đi và tìm hiểu xem liệu người đàn bà ấy đã có chồng hay

chưa? "Người kia đi và khi ông ta thấy rằng nàng đã có một người chồng, bèn báo tin cho đức vua biết. Đức vua khi nghĩ về một cách nào đó mà nhờ đó vị ấy có thể lấy nàng làm vợ, bèn cho mời người chồng của nàng đến và nói rằng, "Ta truyền lịnh ngươi hãy đến và phục vụ cho ta". Vì sợ hãi, anh ta miễn cưỡng hầu hạ đức vua, khi nghĩ rằng, nếu vị ấy không làm điều mà đức vua ban truyền, thời đức vua sẽ trừng phạt vị ấy; và hằng ngày đi hầu đức vua. Đức vua sai cho anh ta vật thực và tiền công. Khi vài ngày đã trôi qua, đức vua nói với anh ta khi anh ta đến hầu vua vào lúc sáng sớm, "Ta truyền lịnh ngươi hãy đi đến nơi mà có hồ sen và kiếm về từ đó một ít đất sét đỏ và hoa súng đỏ; Nếu ngươi không trở về trong chính ngày hôm nay thời ngươi sẽ mất mạng", và khi anh ta đã đi rồi, thì bảo người giữ cửa rằng, 'Tất cả các cổng đều phải được đóng lại ngay khi mặt trời vừa lặn."

Bấy giờ hồ sen ấy cách thành Vesaali tối thiểu là ba do tuần, nhưng cho dù người đàn ông ấy, vội vã đi vì nỗi sợ chết, đã đi đến hồ sen với sức nhanh của gió trước lúc đứng bóng. Bởi vì anh ta đã nghe trước rằng hồ sen ấy có vị phi nhân thường lui tới, nên anh ta sợ hãi đi quanh hồ khi tự hỏi rằng, "có nguy hiểm nào ở đây không?" Khi trông thấy anh ta thì một vị thần bảo vệ hồ sen ấy đem lòng thương hại cho anh ta và đi đến anh ta trong hình tướng của loài người mà nói rằng, "anh đến đây với mục đích gì, hỡi ông bạn?" Anh ta bèn kể lại toàn thể câu chuyện của anh ta cho vị ấy nghe. "Nếu sự thể là như vậy thời ngươi hãy lấy bất cứ cái gì mà ngươi cần đến". Vị ấy nói và biến mất sau khi cho thấy tướng mạo chư thiên của vị ấy. Anh ta lấy một ít đất sét và hoa súng đỏ ở đó và đi đến cổng thành ngay trước khi mặt trời lặn. Người giữ cổng trông thấy anh ta và đóng cổng lại, anh ta bèn gọi người đàn ông bị đâm xuyên ở gần cổng ấy làm nhân chứng cho anh ta khi nói rằng, "Khi tôi đến ngay trước khi mặt trời lặn thì họ lại đóng cổng ngay khi tôi đang gọi đến. Ông hãy biết rằng tôi đã đến thật đúng lúc và về phần tôi chẳng có lỗi lầm nào cả". Khi người kia nghe điều này thì nói rằng, "Tôi đang đối diện với cái chết, đang bị hành hình bằng sự đâm xuyên. Làm sao tôi có thể làm nhân chứng cho ông được. Tuy nhiên, có một vị Peta có đại thần thông lực sắp đi đến gần tôi.

Ông hãy nhờ vị ấy làm chứng cho ông".

"Nhưng làm sao tôi có thể trông thấy vị ấy?" "Nếu ông nán lại ngay tại chỗ này thời chính ông sẽ trông thấy vị ấy". Anh ta đứng chờ ở đó và trông thấy vị Peta ấy vào canh giữa của đêm và nhờ vị ấy làm chứng cho anh ta. Vào lúc rạng sáng, khi đức vua truyền lịnh rằng, "ngươi đã đi ngược mệnh lệnh của ta - là một vị vua, do đó ta phải trừng phạt ngươi." Anh ta bèn nói rằng, "Tâu bệ hạ, thần đã không làm trái lệnh của Bệ hạ; Thần đã đến đây trước khi mặt trời lặn". Vậy ai làm chứng cho ngươi? ÀAnh ta bèn chỉ cho thấy rằng người làm chứng cho anh ta là một Peta trần truồng mà đã đến trước mặt người đàn ông bị đâm xuyên và, khi vua nói rằng, "Làm sao chúng ta tin vào điều này được?" Anh ta nói rằng, "Trong đêm nay, hãy

gởi theo thần một người đàn ông mà bệ hạ tin cậy". Khi nghe qua điều này thì chính đức vua đi theo cùng anh ta và đứng ở chỗ ấy. Khi vị Peta đi đến và nói rằng, "Hãy rán sống, này bạn, vì sống thì tốt hơn", vua bèn hỏi vị ấy bằng năm câu kệ và câu kệ đầu, "Có một thành phố của dân Bạt Kỳ tên là Vesaali ", được lồng vào bởi những vị kiết tập Tam tạng với mục đích cho thấy nội dung của chúng:

1. "Có một thành phố của người Bạt kỳ tên là Vesaali ; chính tại đó có vị Licchavi Ambasakkhara, sau khi đã trông thấy vị Peta ở ngoài thành phố, bèn hỏi vị ấy ngay tại đó, vì muốn biết nguyên nhân của vị ấy."

2. "Đối với hắn, không có việc nằm ngồi hay bước tới bước lui; Đối với hắn cũng chẳng có khoái lạc về việc thọ hưởng y phục và vật thực để ăn, uống hay nhai.

3. Trong quá khứ, những người đã là những quyến thuộc của hắn, những người tốt bụng của hắn, có lòng bi mẫn, được người ta trông thấy và được nghe là đã ở chung với hắn. Bây giờ những người này cũng không thể trông thấy được hắn, tình cảnh của hắn là tình cảnh bị bỏ đi bởi những người ấy.

4. Những người mà mạng chung rồi thì không có bạn bè - những bạn bè đã bỏ ngươi khi họ biết về sự thiếu thốn của ngươi; Trong khi đó họ chỉ vây quanh ngươi khi nào họ thấy sự vinh quanh thịnh vượng của ngươi - những người thịnh vượng mới có nhiều bạn bè.

5. Khi đã mất tất cả những tài sản của mình, buồn khổ, bị lấm lem và thân bị tan rã như giọt sương đang lơ lửng, sự chấm dứt mạng sống của người ấy sẽ đến ngày hôm nay hoặc mai.

6. Khi đã bị đi đến cảnh đau khổ hoàn toàn như bị đâm xuyên trên một cái cọc bằng gỗ Nimba - Như vậy, này Yakkha, bằng dấu hiệu nào, khiến ngươi có thể nói rằng, "Hãy sống, này bạn, vì sống thì tốt hơn cả?"

Chú giải:

1. TẠI ĐÓ (tattha): Trong thành Vesaali ấy, Ở BÊN NGOÀI CỦA THÀNH PHỐ (nagarassa baahira.m): Là người ở bên ngoài của thành phố; Nó xảy ra ngay ở bên ngoài của thành phố Vesaali . NGAY TẠI ĐÓ (tatth'eva): Ngay tại đó, ở chỗ mà vua trông thấy vị

ấy. VỊ ẤY (ta.m): Vị Peta ấy. KHI MUỐN BIẾT NGUYÊN DO CỦA VỊ ẤY (kaara.natthiko): Khi muốn biết nguyên do tại sao vị ấy nói như vậy rằng, 'Hãy, sống vì sống, này bạn, thì tốt hơn'.

2. ĐỐI VỚI HẮN KHÔNG CÓ VIỆC NẰM HAY NGỒI (seyyaa nisajjaa nayimassa attthi): Đối với người mà bị đâm xuyên thì không có việc nằm nghỉ, tánh chất đặc biệt của nó được xem là căng ra ở trên lưng của một người, cũng không có việc ngồi mà tánh chất nổi bật của nó là ngồi xếp bàn v.v... CŨNG KHÔNG CÓ VIỆC BƯỚC TỚI HAY BƯỚC LUI (abhikkamo n'atthi pa.tikamo vaa): Đối với hắn cũng không có một sự di động nhỏ nhặt nhất mà trong đó tánh chất đặc biệt là đi tới. NGAY CẢ KHOÁI LẠC (paricaarikaa sà pi): Đối với hắn cũng chẳng có khoái lạc của các dục, đặc tánh của khóai lạc ấy là hưởng dụng y phục và vật thực mà được ăn uống và nhai v.v...

3. NHỮNG NGƯỜI MÀ TRONG QUÁ KHỨ LÀ NHỮNG NGƯỜI TỐT BỤNG CỦA HẮN, CÓ LÒNG THƯƠNG TƯỞNG, MÀ ĐÃ ĐƯỢC TRÔNG THẤY VÀ NGHE Ở CHÚNG VỚI HẮN (di.t.thasutaa sahajjaa anukapakaa yassa ahesu"m pubbe): Những người mà trong quá khứ là những người bạn tốt bụng của hắn, cả những người mà đã được trông thấy ở chung với hắn và những người bạn mà không được trông thấy như vậy. NGAY CẢ TRÔNG THẤY (datthu"m pi): Nghĩa là những người này thậm chí cũng không thể trông thấy hắn, chớ nói chi là ở chung với hắn. hoàn cảnh của hắn là hoàn cảnh bị bỏ đi (viraajitatto): TÌNH TRẠNG CỦA HẮN LÀ TÌNH TRẠNG BỊ PHỦ NHẬN. BỞI NHỮNG NGƯỜI ẤY (janana tena): Bởi những người đã là những quyến thuộc của hắn v.v...

4. NHỮNG NGƯỜI MÀ ĐÃ MẠNG CHUNG THÌ KHÔNG CÓ BẠN BÈ (na oggatassa bhavanti mittaa): Những người mà đã chết, những người mà tâm thức của họ đã ra đi, quả thật không có những người bạn, bởi vì chúng đã đi sang bên kia của chặng đường, nơi mà không có cái gì được làm bởi những người bạn của họ. NHỮNG NGƯỜI BẠN ĐÃ BỎ NGƯƠI KHI HỌ BIẾT VỀ SỰ THIẾU THỐN CỦA NGƯƠI (jahanti mittà vikala.m viditvaa): Những người bạn bỏ ngươi khi nghĩ rằng, 'Không có cái gì được kiếm ra từ người này', khi họ biết rằng một người không có của cải ngay cả khi người ấy còn đang sống, chớ đừng nói chi người mà đã chết rồi. TRONG KHI ĐÓ HỌ VÂY QUANH NGƯƠI KHI HỌ THẤY SỰ THỊNH VƯỢNG CỦA NGƯƠI (attha~n ca disvà parivaarayanti): Nhưng họ vây quanh ngươi với lời nói chan chứa tình cảm và nhìn chăm chăm vào ngươi khi họ trông thấy của cải của ngươi, sự thịnh vượng và tài sản. NHỮNG NGƯỜI MÀ HƯNG THỊNH THÌ CÓ NHIỀU BẠN BÈ (bahù mittà Uggattassa honti): Những người mà có của cải, tánh chất của người ấy là hưng thịnh và thành công, thì có nhiều bạn bè, có nghĩa đây là lối sống ở thế gian.

5. SAU KHI ĐÃ MẤT TẤT CẢ CỦA CẢI CỦA MÌNH (nihiinattho sabbabhogehi): Sau khi đã trở nên thiếu thốn tất cả của cải, cả lớn lẫn nhỏ. TRONG CẢNH KHỐN CÙNG (kiccho): Trong sự đau khổ. BỊ LẤM LEM

(Sammakkhitto): Thân bị lấm lem bởi máu. THÂN HOÀN TOÀN BỊ TAN RÃ (samparibhinnagato): Có thân bị nát ở bên trong bởi cây cọc. GIỐNG NHƯ GIỌT SƯƠNG ĐANG TREO LƠ LỬNG (Ussaavabindu va palimpamaano): giống như giọt sương ở trên

đầu của ngọn cỏ. NGÀY HÔM NAY HAY NGÀY MAI (ajja suve): Sự kết thúc, hoặc sự chấm dứt mạng sống của người này quả thật sẽ đến vào ngày hôm nay hoặc ngày mai, nghĩa là sau đó nó sẽ không còn tiếp tục nữa.

6. BỊ ĐÂM XUYÊN (uttaasita.m): Bị đặt vào, bị trói vào. TRÊN MỘT CÁI CỌC BẰNG GỖ CỦA CÂY NIMBA (picumandassa suule): Trên một cái cọc làm bằng thân của cây Nimba. BẰNG DẤU HIỆU NÀO? (kena va.n.nena): Vì lý do gì? NÀY BẠN, HÃY SỐNG CÒN, VÌ SỐNG CÒN THÌ TỐT HƠN (jiivabho jiivita.m eva seyyo): Hãy sống còn này bạn. Tại sao? Vì được sống là phần ngươi, cho dù bị đâm xuyên ở đây dầu một trăm lần, một ngàn lần, vẫn tốt hơn là sự sống khác mà đang chờ ngươi khi ngươi mạng chung ở đây.

Khi được hỏi như vậy bởi đức vua, vị Peta ấy bèn nói bốn câu kệ để giải thích cho vị ấy rõ điều mà vị ấy muốn nói:

7. "Người ấy là quyến thuộc máu mủ của tôi. Tôi đã nhớ đến trong kiếp sống quá khứ. Khi tôi trông thấy nó, tôi có lòng thương hại cho nó vì nghĩ rằng, "đừng để kẻ ác ấy phải rơi vào địa ngục."

8. Khi nó rời khỏi đây, hỡi Licchavi, thì người này, người đã làm những ác nghiệp này, sẽ sanh trong địa ngục có đông tội đồ và kinh khủng, vô cùng nóng nực, kinh khủng và đáng sợ.

9. Cái cọc này tốt hơn vô số lần địa ngục ấy; đừng để nó phải rơi vào địa ngục vô cùng đau đớn, đau khổ, đáng sợ và khắc nghiệt ấy;

10. Bây giờ nếu nó chịu nghe những lời của tôi thời nó sẽ bị đau khổ và có thể trút hơi tàn của nó. Do đó, tôi không nói trước mặt của nó, e rằng sự chấm dứt mạng sống của nó sẽ đến do bởi riêng tôi."

Chú giải:

7. Ở đây QUYẾN THUỘC MÁU MỦ (Saalohito): Có cùng giòng máu, có quan hệ về dòng dõi. TRONG KIẾP QUÁ KHỨ CỦA TÔI (purimaaya jaatiyaa): Trong kiếp sống quá khứ của tôi, ĐỪNG ĐỂ KẺ ÁC ẤY PHẢI RƠI VÀO ĐỊA NGỤC (maa paapadhammo niraya.m pataaya.m): Khi tôi trông thấy nó, tôi có lòng bi mẫn đối với nó vì nghĩ rằng, "đừng để người đàn ông có tánh ác này phải rơi vào trong địa ngục, đừng để nó sanh vào trong địa ngục - đây là cách nên được hiểu.

8. CÓ ĐÔNG (sattussada.m): Có đông đảo những chúng sanh mà đã từng là những kẻ tạo ra những ác nghiệp. Hay nói chách khác, nó có nghĩa là có đông, được chất chồng lần lượt với bảy cách làm khổ đau đớn, bắt đầu bằng năm loại bánh răng nhỏ, nghĩa là bị đổ nước đồng cháy đỏ vào trong miệng, bị đặt trên núi than cháy đỏ, bị quăng xuống cái vạc dầu bằng sắt, bị khiến cho đi vào khu rừng có những ngọn lá dao, đi xuống trong con sông vetara.nii, và rồi bị quăng trở lại trong đại địa ngục. CỰC KỲ NÓNG BỎNG (Mahaabhitaapa.m): Bị đốt nóng một cách khổ sở bởi ngọn lửa lớn. MÃNH LIỆT (ka.tuka.m): Khó chịu. ĐÁNG SỢ (bhayaanaka.m): khiến phải kinh sợ.

9. VÔ SỐ LẦN (anekabhaayena gunena): Vô số lần nhiều hơn đối với lợi ích của ngươi. CÁI CỌC NÀY... HƠN ĐỊA NGỤC ẤY (aya.m eva suulo nirayena tena): Cái cọc này tốt hơn địa ngục, là chỗ mà nó phải sanh vào sau đó . Đây là công cụ cách trong ý nghĩa công cụ. VÔ CÙNG ĐAU ĐỚN (ekantatipapa.m): nghĩa là có sự đau khổ cùng cực và gay gắt, có sự đau khổ tuyệt đối ngút ngàn.

10. BÂY GIỜ NẾU NÓ PHẢI NGHE NHỮNG LỜI NÀY CỦA TÔI (ina~n ca sutvaa vacana.m ma.m'eso): điều mà vị ấy đã nói bắt đầu bằng, "Khi nó rời khỏi đây," Nếu nó phải nghe những lời này của tôi thời nó sẽ bị đau khổ; là phải chịu nỗi đau khổ của địa ngục do bởi những lời của tôi. có thể trút hơi tàn của nó (vijaheyya paana.m): Có thể từ bỏ mạng sống của nó. do đó (tasmaa): vì lý do ấy. E RẰNG DO BỞI RIÊNG TÔI (maa m' ekato): Tôi không nói những lời này trước mặt nó, e rằng sự kết thúc mạng sống của người đàn ông này sẽ đến do bởi riêng tôi. Đúng hơn tôi chỉ nói rằng, 'Hãy sống còn, này bạn, vì sống còn thì tốt hơn' - đây là ý nghĩa.

Khi vị Peta ấy đã giải thích như vậy điều mà vị ấy muốn nói thì đức vua thốt lên câu kệ này để xin phép hỏi vị Peta một lần nữa về vấn đề ấy:

11. "Nhưng sự kiện về người đàn ông này đã được biết đến rồi; Chúng tôi muốn hỏi luôn Ngài về những điều khác nữa. Nếu Ngài cho phép chúng tôi, thời chúng tôi sẽ hỏi Ngài, nhưng Ngài không được giận chúng tôi."

12. "Chắc chắn tôi đã đồng ý rồi - không có sự bàn bạc với người mà không được tin cậy. Khi miễn cưỡng cho rằng bệ hạ là người có lời nói có thể được tin cậy, khi hành động như vậy, bệ hạ có thể hỏi tôi điều nào bệ hạ muốn và nếu có thể được thời tôi sẽ trả lời."

Những câu kệ này là cuộc nói chuyện qua lại giữa vị peta và đức vua.

Chú giải:

11. Ở đây ĐƯỢC BIẾT ĐẾN (a~n~naato): Được hiểu. CHÚNG TÔI MUỐN icchaamase = icchaama: (thể văn phạm hoán chuyển). CHÚNG TÔI: no = a.mhaaka.m (thể văn phạm hoán chuyển). NHƯNG NGÀI KHÔNG ĐƯỢC GIẬN (na ca kujjhitabba.m): Nhưng Ngài không được giận khi nghĩ rằng, "Bất cứ điều gì mà những người này đang hỏi?"

12. CHẮC VẬY (addhaa): chắc chắn. TÔI ĐÃ ĐỒNG Ý (pati~n~naa me): Tôi đã đồng ý khi nói rằng, Ngài hỏi về tin tức, nghĩa là tôi đã cho phép. KHI ẤY (tadaa ahu): vào lúc mà tôi trông thấy bệ hạ đầu tiên. KHÔNG CÓ SỰ BÀN BẠC VỚI NHỮNG NGƯỜI MÀ KHÔNG CÓ SỰ TIN CẬY (naacikkhanaa appasanassa hoti): Không có sự nói chuyện với người mà không được tin cậy. Những người trọng chữ tín sẽ chỉ nói chuyện về bất cứ điều gì với những người mà họ tin cậy. Tuy nhiên, bệ hạ không có sự tin cậy trong tôi thời tôi cũng không có sự tin cậy trong bệ hạ. Vì lý do này, khi miễn cưỡng cho rằng bệ hạ là người có những lời nói có thể tin được, rất miễn cưỡng khi cho rằng điều mà bệ hạ nói sẽ được tin. KHI HÀNH ĐỘNG NHƯ VẬY (iti katvaa): Vì lý do này. BỆ HẠ CÓ THỂ HỎI TÔI ĐIỀU GÌ MÀ BỆ HẠ MUỐN VÀ NẾU CÓ THỂ ĐƯỢC (pucchassu ma.m kaama.m yathaa visayha.m): Bệ hạ có thể hỏi tôi về bất cứ điều gì mà bệ hạ muốn hỏi và nếu có

thể được, nếu tôi có khả năng thời tôi sẽ trả lời theo đúng phạm vi hiểu biết của tôi - đây là ý nghĩa.

Khi đã được vị Peta cho phép như vậy, đức vua bèn nói lên câu kệ này:

13. Bất cứ điều gì mà trẫm có thể trông thấy bằng chính mắt của trẫm - thời trẫm có thể tin tất cả điều ấy. Nếu trẫm trông thấy một điều gì đó mà trẫm vẫn không tin thời Ngài nên giúp đỡ trẫm, thưa Yakkha."

Chú giải:

13. Đây là ý nghĩa: Bất cứ điều gì mà trẫm được trông thấy bằng mắt của trẫm thời trẫm có thể tin, trẫm có thể chấp nhận, tất cả điều ấy đúng như thế. Tuy nhiên, nếu trẫm trông thấy một điều gì đó mà trẫm không tin về điều mà ngài nói thời ngài nên giúp đỡ trẫm, hỡi Yakkha, Ngài nên quở trách trẫm hay nói bằng cách nào đó. BẤT CỨ ĐIỀU GÌ MÀ TRẪM TRÔNG THẤY BẰNG CHÍNH MẮT CỦA TRẪM (ya.m ki~ncaaha.m cakkhumaa passisaami): Bất cứ điều gì mà trẫm có thể thấy bằng chính mắt của trẫm vì nó ở ngoài tầm thấy của một người khác. THỜI TRẪM CÓ THỂ TIN VÀO TẤT CẢ ĐIỀU ẤY (sabba.m pi taaha.m abhisaddaheyya.m): Thời trẫm có thể tin vào điều mà trẫm trông thấy, nghe hay biết, vì đó là sự tin cậy của trẫm đối với ngài - đây là ý nghĩa. Tuy nhiên, ý nghĩa của hai đoạn cuối cùng đúng như đã được gi?i thích.

Khi nghe qua diều này, vị Peta ấy bèn nói lên hai câu kệ này:

14. "Hãy cho ta có được lời hứa của bệ hạ rằng sau khi nghe pháp, bệ hạ sẽ có được lòng tịnh tín thích hợp, vì bệ hạ mong mỏi được biết và tâm của bệ hạ không bị ô nhiễm nên ta sẽ công bố tất cả giáo pháp đúng như đã được phân giải, dầu bệ hạ đã nghe hay chưa nghe."

Từ đây trở đi là những câu kệ trong cuộc nói chuyện giữa hai người trong bọn họ.

15. "Trên một con ngựa trắng có trang sức, ngài đi đến với người mà đã bị đâm xuyên; con ngựa này thật kỳ diệu và trông khả ái - Đây là kết quả của nghiệp nào?"

16. "Ở trung tâm của thành phố Vesaali có một cái vũng nước trên con đường lầy lội; Với lòng tịnh tín trong tâm của tôi, tôi đã lấy một cái đầu lâu màu trắng của một con bò và đặt nó xuống trong vũng bùn ấy.

17. Nhờ đặt bàn chân của chúng tôi trên cái đầu lâu này, nên cả chúng tôi và những người khác có thể đi qua được; Con ngựa này, kỳ diệu và trông khả ái - là kết quả của nghiệp ấy."

18. "Bây giờ sắc của ngài sáng rực trong tất cả các hướng và mùi hương của ngài làm tràn ngập khắp các hướng; Ngài có oai lực lớn và đã đạt được năng lực thần thông này của một vị Yakkha. Tuy nhiên, Ngài lại trần truồng - Đây là kết quả của nghiệp gì?"

19. "Tâm của tôi không sân hận và thường xuyên có lòng tịnh tín, tôi đi đến mọi người với giọng nói nhỏ nhẹ; Sắc tướng chư thiên của tôi thường xuyên chiếu sáng - đây là kết quả của nghiệp ấy.

20. Khi tôi thấy danh vọng và tiếng tăm của những người được an trú trong pháp thì tôi công bố họ với lòng tịnh tín trong tâm của tôi; mùi hương chư thiên của tôi toả ra liên tục - đây là kết quả của nghiệp ấy.

21. Trong khi những người bạn của tôi đang tắm ở chỗ tắm thì tôi vui đùa không có sự ô nhiễm trong tâm, đã lấy y phục của họ và giấu chúng ở một chỗ đất cao - Vì lý do này khiến tôi trần truồng và sống một cuộc đời phiền toái".

22. "Đối với người mà làm điều ác để vui đùa, thì đó là kết quả về nghiệp của vị ấy. "Nhưng đối với người mà làm điều ấy không phải để vui đùa, thì người ta sẽ nói gì là quả nghiệp của người ấy?"

23. "Những người mà có mục đích đồi bại và có tâm bị ô nhiễm và có thân khẩu bất tịnh thời số phận của họ vào lúc thân hoại mạng chung là, không nghi ngờ gì, họ phải rơi vào địa ngục.

24. Nhưng những ai mà, khao khát một kiếp sống hạnh phúc, thoả thích trong sự bố thí và có tánh thương người thì số phận của họ vào lúc thân hoại mạng chung, không nghi ngờ gì, là họ sẽ được đi đến nhàn cảnh."

Chú giải:

14. HÃY CHO TÔI CÓ ĐƯỢC LỜI HỨA LONG TRỌNG CỦA NGÀI (saccappa.ti~n~naa tava me saa hontu): Hãy cho lời hứa này của bệ hạ đến tôi, là một lời hứa trang trọng. RẰNG SAU KHI ĐÃ NGHE PHÁP, NGÀI SẼ CÓ ĐƯỢC LÒNG TỊNH TÍN THÍCH HỢP (sutvaana dhamma.m labha suppasaada.m): rằng sau khi nghe pháp thoại này mà tôi nói về, ngài sẽ có được lòng tịnh tín chơn thật. MONG MỎI ĐƯỢC BIẾT (a~n~natthiko): Mong mỏi sự hiểu biết. ĐÚNG NHƯ ĐÃ ĐƯỢC PHÂN GIẢI (Yathaa pajjaana.m): Đúng như người khác cũng giải nó; hay nói cách khác đúng như đã được phân biệt rõ (yathaa pajaana.m): nghĩa là đúng như sự hiểu biết của tôi.

15. ĐÂY LÀ KẾT QUẢ CỦA NGHIỆP NÀO? (kiss'eta.m kammassa aya.m vipaako): Đây là kết quả của điều gì, quả thật đây là kết quả của điều gì? Đây là kết quả của nghiệp gì? Hay nói cách khác, ta.m (không được dịch) chỉ là một bất biến từ, của nghiệp gì - đây là cách nên hiểu. Một số người đọc là Kissa te (ý nghĩa vẫn không thay đổi).

16. TRONG MỘT CON ĐƯỜNG CÓ BÙN (Cikkhallamagge): Trong một con đường có đầy bùn. MỘT CHỖ TRŨNG (naraka.m): Một cái hố. TÔI ĐÃ LẤY ekaaha.m = eha.m aha.m: (phối hợp cách). ĐẶT NÓ XUỐNG TRONG CÁI LỖ TRŨNG ẤY (Narakasmi.m nikkhipin): Đặt nó xuống trong cái lỗ trũng có bùn ấy để người ta không phải giẫm lên nó.

20. VỀ NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC AN TRÚ TRONG PHÁP (dhammo .thitaana.m): Về những người mà sống trong pháp, TÔI CÔNG BỐ (manteni): Tôi nói về.

21. CÓ TÁNH CÁCH VUI ĐÙA (khi.d.datthiko): Có ý định xem nó như một trò đùa. KHÔNG CÓ SỰ Ô NHIỄM TRONG TÂM (no ca padu.t.thacitto): Không có tánh hiểm độc trong tâm đối với chủ nhân của chiếc áo, nghĩa là không có ý định ăn cắp hay gây ra sự mất mát nào.

22. CHẲNG PHẢI ĐỂ VUI ĐÙA (akaa.lamaano): Không có ý định vui đùa, với tánh hiểm độc trong tâm do bởi tham lam v.v... HỌ SẼ NÓI ĐIỀU GÌ LÀ KẾT QUẢ VỀ NGHIỆP CỦA VỊ ẤY? (kim tassa kammassa vipaaka.m aahu): Những bậc trí tuệ nói về sự cho quả khổ của nghiệp được làm của người ấy sẽ to lớn như thế nào?

23. CÓ MỤC ĐÍCH VÀ TÂM ĐỐI BẠI (Du.t.thasa.m kappamanaa): Với những ý nghĩ có tánh chất hiểm độc do bởi những mục đích có liên hệ đến các dục v.v... Bằng cách này, vị ấy nói về ác hạnh trong tâm. VÀ THÂN KHẨU BẤT TỊNH (kaayena vaacaaya ca sa"nkili.t.thaa): bị ô nhiễm về thân và khẩu như sát sanh v.v...

24. KHAO KHÁT ĐƯỢC (aasamaanaa): Hy vọng, mong muốn được

Khi những quả nghiệp đã được giải thích bằng sự phân tích tóm tắt do bởi vị Peta ấy thì đức vua nói lên câu kệ này, vì không tin điều mà vị ấy đã nghe!

25. "Làm sao trẫm có thể biết chắc điều này, rằng đây là quả của những nghiệp thiện và ác? Hay trẫm sẽ tin vào điều gì mà trẫm đã trông thấy? Hay, ai có thể làm cho trẫm tin vào điều này?"

Chú giải:

25. LÀM SAO TA CÓ THỂ BIẾT CHẮC ĐIỀU NÀY ĐƯỢC (ta.m kim ti Jaaneyya.m aha.m avecca) làm sao, nhờ vào nguyên do gì, ta có thể tin chắc điều này được, mà không phải nhờ vào những người khác, kết quả này của những thiện nghiệp và ác nghiệp được nói đến và được phân tích bởi Ngài bằng câu, "Những người có mục đích và tâm đối bại và có thân khẩu bất tịnh v.v..., và câu "những người khác nào, mà mong mỏi được sanh vào cõi an vui v.v..". Hay tôi đã trông thấy điều gì để tôi tin? (ki.m và'ha.m disvà abhisaddaheyya.m): Hay loại bằng chứng nào mà ta đã trông thấy để ta đồng ý? HAY DẦU VẬY, AI CÓ THỂ LÀM CHO TA TIN VÀO ĐIỀU NÀY (ko và pi ma.m saddahaapeyy eta.m): Hay bậc đa văn nào, bậc trí tuệ nào, có thể làm cho ta tin vào vấn đề này, nghĩa là hãy nói cho ta biết rõ điều này.

Khi đã nghe qua điều này, vị Peta bèn nói những câu kệ này để giải thích cho đức vua rõ vấn đề một cách hợp lý:

26. "Khi bệ hạ đã thấy và đã nghe, bệ hạ phải tin rằng đây là kết quả của những thiện nghiệp và ác nghiệp; Nếu cả thiện nghiệp và ác nghiệpkhông tồn tại thì làm sao những chúng sanh có được kiếp sống hạnh phúc hay đau khổ?

27. Và nếu những kẻ còn sanh tử không làm những nghiệp ở đây, là những nghiệp thiện và bất thiện trong thế giới của loài người, thời sẽ không có những chúng sanh có được những kiếp sống hạnh phúc hay đau khổ, chẳng có ai cao và thấp trong cõi người.

28. Nhưng vì chúng sanh còn sanh tử, còn làm những nghiệp, là thiện nghiệp và ác nghiệp trong cõi người, do đó có những chúng sanh có được kiếp sống hạnh phúc và đau khổ, là những kẻ cao quý và thấp hèn trong cõi người.

29. Trong hiện tại, người ta nói rằng kết quả của nghiệp có hai: Những nghiệp sẽ được thọ lãnh là hạnh phúc và những nghiệp phải bị thọ lãnh là đau khổ; Những vị chư

thiên thì làm cho chính mình được vui sướng, trong khi những kẻ ngu thì không thấy tánh hai mặt nên bị nấu đốt.

Chú giải:

26. Ở đây KHI BỆ HẠ ĐÃ TRÔNG THẤY (disvaa): Khi bệ hạ cũng đã thấy bằng chính mắt của bệ hạ. ĐÃ NGHE (sutvaa): Khi bệ hạ đã nghe pháp thời bệ hạ có thể rút ra kết luận của chính mình, phân giải theo đúng với nó. CỦA NHỮNG THIỆN NGHIỆP VÀ ÁC NGHIỆP: Kalyaa.napaapassa = kalyaa.nassa paapassa (phối hợp cách). Bệ hạ phải tin rằng sự hạnh phúc này và đau khổ này là kết quả của những thiện nghiệp và bất thiện nghiệp. NẾU CẢ HAI ĐỀU KHÔNG TỒN TẠI (ubhaye asante): Nếu hai loại nghiệp này, thiện nghiệp và bất thiện nghiệp, không được biết đến. LÀM SAO CHÚNG SANH CÓ THỂ CÓ ĐƯỢC NHỮNG HẠNH PHÚC HAY ĐAU KHỔ? (siyaa nu sattaa sugataa duggataa vaa): Làm sao có sự kiện rằng những chúng sanh này đã đi đến cõi hạnh phúc hoặc đến cõi khổ đau, và những người nghèo thì ở trong trạng thái đau khổ, còn những người giàu thì ở trong trạng thái an vui? Bấy giờ vị ấy giải thích theo đúng vấn đề, đúng với điều mà được nói rồi bằng hai câu kệ bắt đầu là: "Và nếu những kẻ còn sanh tử không làm những nghiệp ở đây", "Nhưng vì những kẻ còn sanh tử có làm các nghiệp."

29. TRONG HIỆN TẠI NGƯỜI TA NÓI RẰNG: QUẢ CỦA NGHIỆP CÓ HAI PHẦN (dvaaya' ajja ka.mmaana.m vipaaka.m aahu): Trong hiện tại, bây giờ, người ta nói về, người ta bàn về quả nghiệp của những hành động thiện và bất thiện có hai, có hai loại. Hai loại ấy là gì? Vị ấy nói rằng, NHỮNG QUẢ NGHIỆP SẼ ĐƯỢC THỌ HƯỞNG LÀ HẠNH PHÚC VÀ NHỮNG NGHIỆP PHẢI LÃNH CHỊU LÀ ĐAU KHỔ (sukhassa dukkhassa ca vedaniiya.m): Những người đáng thọ lãnh cái gì khả ái và cái gì không khả ái. NHỮNG VỊ CHƯ THIÊN TỰ LÀM CHO CHÍNH HỌ ĐƯỢC VUI SƯỚNG (taa devataayo paricaarayanti): những người, mà do giới đức về tánh siêu việt của họ, thâu gặt được kết quả để được thọ

lãnh là hạnh phúc, trở thành những vị Devataa trong cõi Devaloka và, có được hạnh phúc của chư thiên, làm thoả mãn các căn của họ. TRONG KHI NHỮNG KẺ NGU VÌ KHÔNG THẤY TÁNH HAI MẶT BỊ NẤU SÔI (pacanti baalaa dvayata.m apassino): Trong khi những kẻ ngu mà, vì không tin hai phương diện của nghiệp và quả của nghiệp, đeo đuổi theo những ác nghiệp và, do bởi những nghiệp ấy, họ bị nấu sôi, đối diện với đau khổ trong các địa ngục v.v... để thọ lãnh những kết quả phải được thọ lãnh là đau khổ.

Liên quan đến câu hỏi của đức vua, "Nhưng tại sao, khi tin vào quả của các nghiệp, Ngài lại chịu đau khổ như vậy. Rồi vị ấy nói lên câu kệ này:

30."Không có những nghiệp của tôi được làm bởi chính tôi; ngay cả cũng không có người nào, mà sau khi đã cho y phục, giường nằm, đồ ăn và thức uống, chịu hồi hướng cho tôi" - Vì lý do này mà tôi phải bị trần truồng và sống một cuộc sống phiền toái."

Chú giải:

30. Ở đây KHÔNG CÓ NHỮNG NGHIỆP CỦA TÔI ĐƯỢC LÀM BỞI CHÍNH TÔI (na m'atthi ka.mmaani saya.m kataani): Vì không có những việc phước của tôi, vì không có cái gì

được biết đến,được làm trong quá khứ bởi chính tôi mà nhờ đó để bây giờ tôi có được y phục v.v... THẬM CHÍ CŨNG KHÔNG CÓ NGƯỜI NÀO MÀ, SAU KHI ĐÃ BỐ THÍ, CHỊU HỒI HƯỚNG ĐẾN CHO TÔI (datvaa pi me n'atthi so aadiseyya): Cũng không có người nào mà, sau khi đã cúng dường vật thí đến các vị Sa-môn và Bà-la-môn, chịu hồi hướng phước ấy đến cho tôi khi nói rằng, 'Xin cho phước thí này thấu đến Peta đặc biệt ấy'. VÌ LÝ DO NÀY MÀ TÔI PHẢI CHỊU TRẦN TRUỒNG VÀ SỐNG MỘT CUỘC SỐNG PHIỀN TOÁI . (ten'amhi nagga karisaa ca vutti): Vì hai lý do này mà bây giờ tôi bị trần truồng, và sống một cuộc sống phiền toái và đau khổ.

Khi nghe qua điều này đức vua, khi muốn cho vị ấy có được y phục v.v... bèn nói lên câu kệ này:

31. Có thể nào để có một cách nào đó, hỡi Yakkha, mà nhờ đó Ngài có thể có được y phục không? hãy nói cho trẫm biết xem có phương tiện nào để chúng tôi lắng nghe một câu nói nào đó về những điều hiện mà có thể tin được."

Chú giải:

31. Ở đây MÀ NHỜ ĐÓ (yena): Nghĩa là có thể nào có được một cách nào để mà nhờ đó Ngài có thể có được y phục không? LIỆU CÓ: Yadatthi =yadi atthi (phối hợp cách).

Rồi vị Peta ấy nói lên những câu kệ này để cho đức vua biết cách:

32. "Ở đây có một vị Tỳ kheo tên là Kappitaka, là một vị thiền sư, có giới hạnh tốt, một vị A-la-hán, đã giải thoát và đã khéo hộ phòng các căn, là phước điền, có thu thúc trong những điều luật của Paatimokkha, là người đã trở nên mát lạnh và đã đạt đến tri kiến rốt ráo rồi;

33. Nói hiền hòa, nhã nhặn, khéo thuyết, có gương mặt hiền từ, rành mạch và là người nói rất từ ái, là phước điền, là người sống trong sự thanh bình và là người sống đáng thọ lãnh sự cúng dường của chư thiên và nhơn loại.

34. An tịnh, thiểu dục, không bị phiền não, không tham muốn, đã giải thoát, không buồn rầu, không vị kỷ, chánh trực, không còn cội rễ, là người mà đã đoạn trừ tất cả các chướng ngại, là người đã chứng đắc ba loại trí tuệ, chiếu sáng;

35. Không được biết đến và không dễ nhận ra được ngay khi đã trông thấy, giữa những người bạn bè người ta gọi vị ấy là "Bậc hiền trí"; Các vị Yakkha biết vị ấy là đã thoát khỏi ái dục, rảo đi trong thế gian với bản tánh thiện.

36. Nếu bệ hạ cho vị ấy một đôi hay hai cái, khi hồi hướng phước thí này cho tôi, và những vật thí này được thọ lãnh, thời bệ hạ sẽ trông thấy tôi được mặc những y phục".

Chú giải:

32. Ở đây CÓ TÊN LÀ KAPPITAKA (kappitako naama): Vị ấy nói về thầy Hoà thượng của Trưởng lão đáng kính Upaali, người mà có một thời là vị lãnh đạo của một ngàn vị Đạo sĩ tóc búi. Ở ĐÂY (idha): ở gần thành Vesaali này. MỘT VỊ THIỀN SƯ (jhàyii): Một vị thiền sư do bởi thiện kết hợp với quả cao tột. LÀ NGƯỜI ĐÃ TRỞ NÊN MÁT LẠNH (siitibhuuto): người đã đạt đến trạng thái mát lạnh do đã dập tắt sầu khổ nóng cháy của

tất cả các loại ô nhiễm. ĐÃ ĐẠT ĐẾN TRI KIẾN TỘT BẬC (uttamadi.t.thi patto): đã đạt đến quả tột bậc, là Chánh Tri kiến.

33. NÓI LỜI TỪ HOÀ (Sakhilo): nhỏ nhẹ. KHÉO THUYẾT (suvaco): Hiền lành, RÀNH MẠCH (savaagamo): người mà chánh pháp đã được truyền lại một cách

đúng pháp đến cho vị ấy. NGƯỜI ĂN NÓI RẤT TỪ ÁI (suppa.timuttako ca): Người mà có giọng nói rất từ ái, nghĩa là người nói một cách từ tốn. NGƯỜI SỐNG TRONG SỰ THANH BÌNH (ara.mavihaarii): người sống bằng tâm từ.

34. AN TỊNH (santo): đã vắng lặng các phiền não. không bị phiền não (aniigho): đã hết đau khổ. Không có khói (vidhuumo): không còn xông lên những làn khói tà tư duy. GIẢI THOÁT (mutto): không có tất cả các hữu trong tương lai. Không có mũi tên (visallo): KHÔNG CÓ MŨI TÊN của tham ái v.v... KHÔNG VỊ KỶ (amamo): Không có cố chấp về cái ta. CHÁNH TRỰC (ava"nko): đã loại trừ những lối sống lòn cúi như những nghiệp cong queo về thân v.v... KHÔNG CÓ NỀN MÓNG (nirupadhi): người mà đã từ bỏ nền móng như các ô nhiễm và những nghiệp tích lũy v.v... NGƯỜI MÀ ĐÃ ĐOẠN TRỪ TẤT CẢ NHỮNG CHƯỚNG NGẠI (sabbapapa~ncakhii.no): Người mà đã hết những chướng ngại như ái dục v.v... CHIẾU SÁNG (jutimaa): Chiếu sáng bằng ánh sáng vô song của trí tuệ.

35. Không được biết đến (appa~n~naato): Không biết rõ được do bởi tánh thiểu dục của vị ấy và những giới đức tiềm ấn của Ngài. KHÔNG DỄ DÀNG NHẬN RA ĐƯỢC (Sujaano): Do bởi bản tánh sâu sắc của Ngài, người ta không dễ gì biết chắc rằng Ngài có giới đức như vậy, có bản tánh và trí tuệ như vậy, ngay cả khi được trông thấy bằng mắt. NHỮNG VỊ DẠ XOA BIẾT NGÀI LÀ ĐÃ THOÁT KHỎI ÁI DỤC (jaananti ta.m Yakkha bhuutaa aneja.m): Và những vị Dạ xoa biết Ngài là không còn ái dục, và biết ngài là một vị A-la-hán. CÓ BẢN TÁNH THIỆN (Kalyaanadhammaa): có những đức tánh tốt về giới v.v...

36. ĐẾN VỊ ẤY (tassa): Đến vị Trưởng lão cao hạ Kappitaka ấy. MỘT CẶP (eka.myuga.m): Một cặp y phục. hoặc hai cái (duve vaa) hoặc hai cặp y phục. HỒI HƯỚNG CÁI NÀY ĐẾN CHO TÔI: Ma.m uddisitvaana = mama.m uddisitvaa (thể văn phạm hoán chuyển). VÀ NHỮNG CÁI NÀY NẾU ĐƯỢC THỌ LÃNH (Patiggahitaani ca taani c' assu): Nếu những cặp y này sẽ được thọ lãnh bởi vị ấy. ĐƯỢC TRANG BỊ BẰNG NHỮNG Y PHỤC (sannaddhadussa.m): Việc mặc những y phục của tôi được làm xong, nghĩa là mặc vào hoặc khoác vào những y phục, bằng những y phục mà vị ấy đã thọ lãnh.

Rồi đức vua dò hỏi về chỗ ngụ của Trưởng lão:

37. "Vị Sa-môn ấy trú ngụ ở chỗ nào để bây giờ chúng tôi có thể đến thăm vị ấy, là người mà ngày hôm nay có thể đoạn trừ giùm cho ta những hoài nghi về điều không đoan chắc, là sự luồn lách của tà kiến này?"

Chú giải:

37. Ở đây TẠI CHỖ NÀO (Kasmi.m padese): ở chỗ nào.

Vị Peta nói rằng: "Vị ấy đang ngôi ở Kapinaccanaa, được vây quanh bởi nhiều vị Devataa; Người xứng danh ấy đang thuyết pháp, chuyên tâm vào những lời dạy của Bậc Đạo sư".

38. Ở đây TẠI KAPINACCANAA (Kapinaccanaaya.m): Tại chỗ mà thường được biết qua cái tên Kapinaccanaa vì là tên của những con khỉ (kapiina.m), của những kẻ ở rừng, đang nhảy múa (naccanena). NGƯỜI CÓ TÊN CHƠN CHÁNH, (saccanaamo) có tên đúng với những đức tánh tên của mình là một thiền sư, có giới hạnh tốt, một vị A-la-hán, giải thoát v.v...

Khi vị Peta ấy đã nói điều này, thì đức vua bèn nói lên câu kệ này khi muốn đi thăm vị Trưởng lão ấy ngay:

39. "Bây giờ trẫm sẽ đi và làm điều mà ngài đề nghị, trẫm sẽ khoác vào vị Sa- môn ấy một cặp y và nếu những thứ này được thọ lãnh rồi thời chúng ta sẽ trông thấy ngài có mang những y phục trên thân".

Chú giải:

39. TRẪM SẼ ĐI BÂY GIỜ: Kassaami = Karissaami (thể văn phạm hoán chuyển);

Rồi vị Peta ấy nói lên câu kệ này để cho thấy rằng, bởi vì Trưởng lão đang thuyết pháp đến những vị chư thiên, do đó chưa phải lúc để đi đến với Ngài:

40. Đừng đi đến người đã xuất gia khi chưa đúng lúc - Hỡi đấng Licchavi, đây không phải tục lệ dành cho bệ hạ. Hãy đi đến vị ấy sau, vào thời gian thích hợp, và thăm vị ấy ngay tại đó khi Ngài đang ngồi một mình."

Chú giải:

40. Ở đây LÀNH THAY (saadhu): Là một tiểu từ về sự khẩn khoản. HỠI ĐẤNG LICCHAVI, ĐÓ KHÔNG PHẢI LÀ TỤC LỆ DÀNH CHO NGÀI (vo Licchavi n'esa dhammo): Hỡi vua Licchavi, đây không phải là tục lệ dành các vị vua như ngài, khi đi đến vào thời gian không thích hợp. NGAY TẠI ĐÓ (tatth'eva): Ngay tại chỗ ấy.

Khi vị Peta đã nói điều này thì đức vua đồng ý nói rằng, "Lành thay", và trở về chỗ ngụ của vị ấy. Khi thời gian thích hợp lại đến, đức vua đi đến Trưởng lão, sai mang theo tám bộ y phục. Khi đã ngồi xuống ở một bên, vị ấy nói lời chào hỏi thân mật

với Trưởng lão và nói rằng, "Bạch Ngài, xin hãy nhận lãnh tám bộ y phục này". Khi nghe qua điều này thì Trưởng lão, để bắt đầu cuộc nói chuyện với đức vua, bèn hỏi rằng, "Tâu Đại Vương, trước kia Đại vương không có đức tánh bố thí và đàn áp các vị Sa-môn và Bà-la-môn. Làm sao mà bây giờ bệ hạ lại muốn cho những y phục thù thắng này? Khi nghe qua điều này, đức vua bèn kể cho Trưởng lão nghe qua lý do, thuật lại cho Trưởng lão nghe về cuộc gặp mặt của mình với vị Peta và tất cả những điều mà mỗi người trong họ đã nói, và rồi dâng đến Trưởng lão những y phục và hồi hướng phước thí kia đến cho Peta ấy. Do bởi điều này khiến Peta hiện ra trước mặt Trưởng lão và đức vua, đang mặc y phục và có trang sức, mang những y phục của chư thiên và cỡi trên con ngựa. Khi trông thấy vị ấy, đức vua rất hoan hỉ, vui sướng và đầy hỉ lạc và nói

rằng, "Ta chắc chắn đã trông thấy bằng chính mắt của ta quả của các nghiệp. Bây giờ ta sẽ không làm những ác nghiệp, ta sẽ làm những việc phước mà thôi." Và nhờ vị Peta ấy làm chứng cho lời nói của mình. Vị Peta nói rằng, "Hỡi vua Licchavi, nếu bệ hạ từ nay trở đi từ bỏ những lối sống bất chánh và sống đúng với pháp thời chỉ tôi sẽ là kẻ chứng nhận cho ngài và đi đến trước mặt của bệ hạ. Hãy thả nhanh người bị đâm xuyên ra khỏi chiếc cọc. Sau khi đã lấy lại mạng sống của vị ấy như vậy và ăn ở theo đúng với Pháp vị ấy còn có thể thoát khỏi đau khổ đang chờ vị ấy. Thỉnh thoảng hãy đi đến Trưởng lão và lắng nghe pháp, hãy làm những việc phước", và rồi vị Peta ấy sau đó ra đi.

Đức vua đảnh lễ Trưởng lão và ra đi trở lại kinh đô. Vị ấy gấp rút triệu tập tất cả những người Licchavi lại, và với sự đồng ý của họ, giải thoát người đàn ông ra khỏi chiếc cọc và truyền lịnh cho những y sĩ của mình làm cho người ấy khoẻ mạnh trở lại. Vị ấy đi đến Trưởng lão và hỏi rằng, "đối với một người mà đã làm một nghiệp sẽ dẫn người ấy đến địa ngục, bạch ngài, có thể nào vẫn có con đường để người ấy thoát khỏi địa ngục không?" "Có thể được, tâu Đại vương. Nếu người ấy làm những việc phước cao cả, thời người ấy có thể thoát khỏi được." Trưởng lão đáp lại và rồi an trú cho đức vua vào trong Tam qui và Ngũ giới. Khi được an trú ở trong đó và trú vững chắc trong lời khuyến giáo của Trưởng lão, vị ấy trở thành một vị Sotaapanna (Tu-đà-huờn) . Tuy nhiên, người bị đâm xuyên thì trở nên khoẻ mạnh trở lại, đầy xúc động, bèn xuất gia theo các vị Tỳ kheo, và chẳng bao lâu sau chứng đắc đạo quả A-la-hán. Những vị kiết tập Tam Tạng đọc lên những câu kệ này để chứng minh sự kiện này:

41. "Khi nói rằng, "Hãy làm như vậy", vị ấy rời khỏi chỗ ấy, và được vây quanh bởi một nhóm gồm những nô lệ, vị Licchavi ấy đi đến thành phố và đi đến giường nằm trong chỗ ngụ của chính vị ấy.

42. Rồi vào buổi sáng, khi đức vua đã chăm lo những phận sự trong nhà của mình, vị ấy tắm và uống nước; Khi thời gian thích hợp đến, đức vua chọn tám bộ y phục từ một cái rương và vị Licchavi ấy sai nhóm nô lệ đem chúng đi theo.

43. vị ấy đi đến chỗ ấy và trông thấy vị Sa-môn mà đã trở nên mát lạnh ngồi với tâm an tịnh dưới một cội cây, đã trở về sau khi đã đi khất thực.

44. Đức vua đi đến Trưởng lão và nói điều này với Trưởng lão khi hỏi thăm sức khoẻ và sự an vui của Trưởng lão, "Tôi là một vị Licchavi ở Vesaali, thưa ngài, người ta biết tôi là vị Licchavi Ambasakkhara .

45. Bạch Ngài, xin Ngài hãy hoan hỉ nhận lãnh tám bộ y xinh đẹp này của trẫm; trẫm xin dâng chúng đến Ngài - Chính riêng mục đích này khiến trẫm đã đến đây và trẫm sẽ được vui sướng nếu Ngài hoan hỉ thọ lãnh."

46. "Các vị Sa-môn và Bà-la-môn tránh xa chỗ ngụ của bệ hạ; Trong chỗ ngụ của bệ hạ, những cái bát của họ thường bị đập vỡ và ngay cả y phục của họ cũng bị xé rách.

47. Hơn nữa, các vị Sa-môn bị lột trần và bị làm cho té nhào - đó là sự quấy rầy do bệ hạ gây nên đến các vị Sa-môn và những người xuất gia.

48. Bệ hạ chẳng cho gì dầu một cọng cỏ cũng không, bệ hạ cũng không chỉ đường cho những người bị lạc, chính bệ hạ cũng thường giựt lấy cây gậy từ tay một người mù, bệ hạ quả thật rất keo kiệt và không thu thúc. Bây giờ vì lý do gì, chính điều gì bệ hạ đã trông thấy khiến bây giờ bệ hạ chia những cái này cho chúng tôi.

49. "Trẫm thừa nhận điều mà Ngài nói, bạch Ngài; Trẫm đã quấy rầy các vị Sa-môn và Bà-la-môn. Tuy nhiên, ngay cả ác nghiệp này của trẫm được làm chỉ có tánh cách vui đùa và không có sự ô nhiễm trong tâm.

50. Một vị Yakkha, sau khi đã làm những ác nghiệp trong cuộc chơi, thọ lãnh đau khổ, sự thọ hưởng của vị ấy không được hoàn toàn. Vị ấy có tánh chất trẻ trung, nhưng trạng thái trần truồng là số phận của vị ấy - bây giờ đối với vị Yakkha ấy có sự đau khổ nào hơn thế nữa!

51. Khi trẫm trông thấy vị ấy thì trẫm đầy xúc động, bạch Ngài, - đó là lý do khiến trẫm dâng cúng vật thí này. Xin hãy nhận lãnh tám bộ y này, bạch Ngài, và xin cho phước thí này thấu đến vị dạ xoa ấy.

52. "Chắc chắn sự bố thí sẽ được người ta tán dương bằng nhiều cách; Bây giờ cầu xin cho điều này hằng không bị cạn hết đối với bệ hạ, là người đã bố thí nó. Tôi nhận lãnh tám bộ y này của bệ hạ - mong rằng phước thí này thấu đến vị Yakkha ấy."

53. Rồi vị Licchavi làm lễ sám hối và dâng đến Trưởng lão tám bộ y khi nói rằng, "Xin hãy thọ lãnh những thứ này". Nhân đó Trưởng lão nói rằng, "Bây giờ hãy xem vị Yakkha, đã được khoác lên người những y phục"

54. Vị ấy trông thấy Yakkha, có xức bằng dầu gỗ trầm thượng hạng, cưỡi trên một con ngựa thuần chủng, với nước da tuyệt hảo, trang sức lộng lẫy, mặc những y phục đáng kính nể, có tuy tùng vây quanh, có năng lực thần thông vĩ đại của một dạ xoa.

55. Khi đức vua trông thấy vị ấy thì rất vui sướng, phấn chấn, tâm của vị ấy rộn lên niềm hoan hỉ, khuôn mặt rạng rỡ; vị ấy trông thấy nghiệp của mình và kết quả vĩ đại và thực có của nó bằng chính mắt của vị ấy, đã trông thấy điều này bằng chính mắt của vị ấy.

56. Vị ấy đi đến dạ xoa và nói điều này với dạ xoa, "Trẫm sẽ cho ra những vật thí đến các vị Sa-môn và Bà-la-môn vì không có cái gì của trẫm mà trẫm không cho ra. Ngài đã đem đến cho trẫm một sự giúp đỡ lớn, thưa Yakkha ."

57. "Và bệ hạ đã cho những vật thí cục bộ dành cho tôi, hỡi đấng Licchavi, điều này không phải vô ích; Tôi sẽ làm nhân chứng của bệ hạ, một vị phi nhân làm chứng cho một con người."

58. "Ngài là định mạng, là quyến thuộc, là chỗ nương tựa và là bạn của trẫm, và hơn nữa là vị Devataa của trẫm. Thưa Yakkha, vì trẫm mong được thấy lại ngài, vậy trẫm xin chấp tay cung kính cầu xin Ngài."

59. "Nếu bệ hạ trở thành người không có đức tin, tỏ ra bỏn sẻn và có tâm tội lỗi thời bệ hạ sẽ không được trông thấy tôi chút nào cả, trong khi đó cho dù tôi có trông thấy bệ

hạ, tôi cũng sẽ không nói với bệ hạ.

60. Nhưng nếu bệ hạ phát triển lòng tôn kính đối với pháp bảo, thoả thích trong việc bố thí, có bản tánh thương người và trở thành một con suối phun nước cho các vị Sa-môn và Bà-la-môn, thời bằng cách này bệ hạ sẽ được trông thấy tôi; và khi tôi trông thấy bệ hạ, tôi sẽ nói chuyện với bệ hạ, tâu bệ hạ.

61. Bây giờ hãy nhanh chân phóng thích người đàn ông này ra khỏi chiếc cọc, vì nhờ người ấy mà tôi trở thành nhân chứng của bệ hạ; Tôi thiết nghĩ, chính do bởi người bị đâm xuyên mà chúng ta trở thành nhân chứng của nhau.

62. Và nếu người đàn ông này được phóng thích nhanh ra khỏi chiếc cọc, thời người ấy vẫn còn có thể chuyên tâm trong các thiện pháp một cách chính đáng, thoát khỏi địa ngục và thoát khỏi nghiệp ấy, trở thành người được thọ hưởng ở một chỗ khác.

63. Khi đã đi đến vị Kappitaka trong thời gian thích hợp và chia phần với vị ấy cái gì mà bệ hạ có, hãy ngồi xuống gần và hỏi thẳng vị ấy, và vị ấy sẽ công bố về đề tài này.

64. Chỉ đi đến vị Tỳ kheo ấy và hỏi vị Tỳ kheo ấy. Vì bệ hạ mong mỏi được biết và khi tâm của bệ hạ không bị ô nhiễm, vị ấy sẽ công bố tất cả về giáo pháp đúng như đã được phân tích, dầu bệ hạ đã nghe hay chưa nghe."

65. Khi đức vua đã nói chuyện riêng ở đó với vị Phi nhân ấy và đã khiến vị ấy làm nhân chứng cho mình, đức vua ra đi và trước mặt các vị Licchavi, vị ấy nói với hội chúng mà đang ngồi với nhau rằng."

66. "Hãy lắng nghe, thưa quí vị, chỉ một lời của trẫm mà thôi - trẫm xin quí vị một ân huệ mà nhờ đó trẫm sẽ được lợi ích. Người đàn ông ấy có những hành động ác, đã bị đâm xuyên, đã thọ lãnh hành phạt rồi, đã có hình tướng của người gánh chịu sự thọ hình của vua ban.

67. Đã hai mươi ngày gánh chịu hậu quả khiến người bị đâm xuyên ấy bây giờ chẳng hoàn toàn sống cũng chẳng hoàn toàn chết. Bây giờ trẫm muốn thả người ấy ra - xin chúng dân hãy cho phép trẫm hành động như trẫm nghĩ là thích hợp. "

68. "Hãy nhanh chóng phóng thích người này và những người khác - ai dám nói lời chống lại bệ hạ khi hành động theo cách ấy? Bệ hạ nên làm điều gì người nghĩ là cần thiết - chúng dân cho phép bệ hạ hành động như bệ hạ thấy là thích hợp.

69. Vị ấy vội vàng đi đến chỗ ấy và phóng thích cho người bị đâm xuyên; 'Đừng sợ, này bạn' Đức vua nói với tội nhân và sai những vị y sĩ săn sóc cho vị ấy.

70. Rồi đức vua đi đến Kappitaka trong thời gian thích hợp và chia phần cho Trưởng lão cái mà vị ấy có; Khi ngồi xuống ở gần kề, vị Licchavi bèn hỏi vị Trưởng lão ngay tại chỗ ấy, mặt đối mặt, mong mỏi một phương cách nào đó.

71. "Người đàn ông có những ác nghiệp ấy bị đâm xuyên rồi và đã bị trừng phạt rồi và xem ra đã gánh chịu điều này đến hai mươi ngày. Kết quả là người đàn ông bị đâm xuyên ấy phải sống dở chết dở.

72. Nhưng, bạch Ngài, bây giờ con đã đi và phóng thích cho người ấy rồi, vì đây là lời của vị Yakkha ấy. Có thể có cách nào mà nhờ đó vị ấy không đi địa ngục chăng?

73. Bạch Ngài, hãy nói cho con biết xem có điều kiện nào không, vì chúng con muốn lắng nghe một câu nói về những điều kiện mà có thể tin được. Phải chăng không thể có sự tiêu diệt những ác nghiệp ấy, không thể có sự chấm dứt những ác nghiệp ấy ở đây mà không phải bị thọ lãnh chăng?"

74. "Nếu người ấy chuyên tâm đúng mức trong các thiện pháp với sự siêng năng cả ngày lẫn đêm, người ấy vẫn có thể thoát khỏi địa ngục và nghiệp ấy sẽ trở thành nghiệp mà sẽ được thọ lãnh ở một nơi khác."

75. "Những sự kiện về người đàn ông này đã được biết đến. Bạch Ngài, bây giờ xin hãy rủ lòng lân mẫn đến con. Hãy khuyên con, hãy sách tấn con, hỡi bậc trí tuệ cao cả, bằng cách nào đó để con có thể không đi vào địa ngục."

76. "Bệ hạ nên qui y Phật trong chính ngày hôm nay, qui y Pháp và Tăng với lòng tịnh tín trong tâm của bệ hạ, dường thế ấy, bệ hạ nên thọ trì ngũ giới, không bị sứt mẻ và trọn vẹn.

77. Và bệ hạ nên tránh xa ngay việc sát sanh và tránh xa cái gì không được cho đến trong đời này; bệ hạ không nên làm người uống những chất say và bệ hạ cũng không nên nói dối, trong khi đó bệ hạ nên vừa lòng với chính vợ của bệ hạ.

78. Và bệ hạ nên thọ trì những thiện nghiệp này dẫn đến hạnh phúc mà thuộc về của bậc Thánh và những thiện nghiệp ấy được làm cho viên mãn bởi tám điều học.

79. Với lòng tịnh tín, bệ hạ nên bố thí đến những bậc chánh trực những y phục và vật thực; những vật dụng và chỗ ngụ, đồ ăn và thức uống, vật thực cứng, vải vóc và chỗ ngụ.

80. Bệ hạ nên làm thoả mãn bằng đồ ăn và thức uống cho các vị Sa-môn có giới đức, không tham ái và đa văn - phước sẽ tiếp tục sanh lên.

81. Khi chuyên tâm đúng mức như vậy trong các thiện pháp, với sự tinh tấn cả ngày lẫn đêm, bệ hạ vẫn có thể thoát khỏi địa ngục và nghiệp ấy trở thành nghiệp sẽ được thọ lãnh ở một nơi khác."

82. "Chính ngày hôm nay con sẽ qui y Phật, Pháp, Tăng, với lòng tịnh tín trong tâm của con; dường thế ấy con cũng sẽ thọ trì ngũ giới, không sứt mẻ và trọn vẹn.

83. Con sẽ tránh xa ngay sự sát sanh và tránh không lấy cái gì không được cho đến ở trong đời này; Con sẽ không làm người uống những chất say, con cũng sẽ không nói dối, trong khi đó con sẽ vừa lòng với chính vợ của con.

84. Con sẽ thọ trì những thiện pháp dẫn đến hạnh phúc, được thành tựu bởi tám thánh Pháp.

85. Những y phục và vật thực cúng dường, những vật dụng và chỗ ngụ, đồ ăn và thức uống, vật thực cứng, vải vóc và chỗ ngụ con sẽ cho ra, không ngập ngừng và nhiệt tâm

với giáo pháp của chư Phật, đến các vị Tỳ kheo có giới đức, đã thoát khỏi tham ái và đa văn học rộng."

86. Con người như vậy là Licchavi Ambasakkhara - một vị thiện nam ở thành Vesaali có đức tin, là người hiền lành và hữu dụng, và là người mà bây giờ nuôi dưỡng Chư Tăng bằng sự chăm sóc chu đáo.

87. Và người bị đâm xuyên thì trở nên khoẻ mạnh trở lại và vui sướng tự ý đi vào trạng thái không nhà; Do nhờ Kappitaka, là vị Tỳ kheo cao quí nhất, cả hai người kia đều đã chứng đạt các quả do kết quả từ đời sống phạm hạnh của một vị ẩn sĩ.

88. Kết hợp với những bậc Ứng cúng sáng suốt và thánh thiện đem lại quả báu lớn đến nỗi người bị đâm xuyên đạt đến quả báu cao nhất, trong khi Ambasakkhara thì đạt đến quả thánh thấp hơn."

Chú giải:

41. Ở đây ĐI ĐẾN GIƯỜNG vas' upaga~ncittha = vaasam upaga~nchi: phối hợp cách trong thể văn phạm hoán chuyển).

42. NHỮNG PHẬN SỰ TRONG NHÀ CỦA VỊ ẤY (gihikiccaani): Những phận sự liên quan đến tài sản trong gia dình và những của cải mà phải được trông coi bởi người đang ngụ ở trong nhà. VỊ ẤY CHỌN RA (viceyya): Vị ấy chọn lựa để lấy ra những y phục tốt nhất.

43. TRỞ VỀ (patikkanta.m): Trở về sau khi đi khất thực. Vì lý do này mà vị ấy nói rằng, 'Trở về sau khi vị ấy đã đi khất thực.'

44. NÓI (avoca) nói rằng, 'Bạch Ngài, tôi là một vị Licchavi từ Vesaali đến', v.v...

46. XÉ RÁCH: Vipaatayanti = Viphaalayanti (thể văn phạm hoán chuyển).

47. LÀM CHO TÉ NGÃ (Paatayanti): Khiến cho ngã xuống.

48. BẰNG MỘT CỌNG CỎ (ti.nena): Ngay cả bằng đầu mút của cọng cỏ cũng không. BỆ HẠ CŨNG KHÔNG CHỈ ĐƯỜNG CHO NHỮNG NGƯỜI ĐI LẠC (muu.lhassa magga.m pi na paavadaasi): Bệ hạ cũng không chỉ đường cho những người mà đã bị lạc nhưng lại nghĩ rằng, 'cứ để cho người ấy đi lang thang chỗ này chỗ kia.', Vị vua này quả thật không thể nhờ cậy được. CHÍNH NGÀI THƯỜNG CHỘP LẤY (saya.m aadiyaasi): Chính bệ hạ thường giật lấy chiếc gậy chính từ tay những người mù. BÂY GIỜ BỆ HẠ CHIA PHẦN (sa.mvibhaaga.m karosi): Bây giờ bệ hạ lại chia phần, cho ra một số trong những thứ được dành riêng cho bệ hạ dùng xài.

49. BẠCH NGÀI, TRẪM THỪA NHẬN VỚI LỜI MÀ NGÀI NÓI (pacceni bhante ya.m tva.m vadesi): Trẫm đồng ý với điều mà Ngài nói như là 'trong chỗ ngụ của bệ hạ những cái bát của họ bị đập vỡ.' v.v... Vị ấy chỉ ra rằng tất cả những điều ấy được làm hay khiến cho được làm bởi vị ấy. TUY VẬY NGAY CẢ ĐIỀU NÀY (eta.m pi): tuy vậy ngay cả điều này được làm, ám chỉ rằng để vui chơi mà thôi.

50. TRONG CUỘC CHƠI: Khi.d.daa = Khi.d.daaya (thể văn phạm hoán chuyển). SAU KHI ĐÃ ĐEO ĐUỔI (pasavitvaa): Sau khi đã tích lũy. THỌ LÃNH (vedeti): lãnh chịu. SỰ THỌ

HƯỞNG CỦA VỊ ẤY KHÔNG HOÀN TOÀN (asamattabhogii): Sự thọ hưởng của vị ấy không có sự thành tựu viên mãn; để cho thấy sự bất toàn trong sự thọ hưởng của vị ấy, 'Vị ấy có trạng thái trẻ trung' v.v... Được nói đến. TÁNH CHẤT TRẦN TRUỒNG CỦA CHÍNH VỊ ẤY (nagganiyassa): Trạng thái trần truồng của vị ấy. bây giờ có điều gì đau khổ dành cho vị ấy nhiều hơn thế? (kim su tato dukkhatar' assa hoti): Bây giờ quả thật vậy, điều gì có thể làm cho vị Peta ấy đau khổ nhiều hơn trạng thái trần truồng ấy.

51. CẦU XIN CHO PHƯỚC THÍ NÀY THẤU ĐẾN VỊ Yakkha ấy (Yakkhass'i.m'aagacchantu dakkhi.naayo): Cầu xin cho phước thí về những y phục này đây mà tôi đang bố thí đem lại lợi ích cho Peta ấy.

52. ĐƯỢC TÁN DƯƠNG BẰNG NHIỀU CÁCH (bahudhaa pasa.t.tha.m): được khen ngợi bằng nhiều cách bởi chư Phật v.v... CẦU XIN CHO ĐIỀU NÀY CÓ TÁNH CHẤT KHÔNG CẠN KIỆT (akkhaya dhamma.m atthu): Xin cho điều này có bản tánh không bị hoại diệt.

53. LÀM LỄ SÁM HỐI (aacamayitvaa): Súc miệng, sau khi đã rửa tay chân trước rồi.

54. XỨC DẦU BẰNG GỖ TRẦM HẢO HẠNG (candanasaaralitta.m): Xức bằng chất của gỗ trầm. CÓ NƯỚC DA TUYỆT ĐẸP (U.laarava.n.na.m): Có sắc tướng thù thắng. ĐƯỢC VÂY QUANH (parivaarita.m): Được vây quanh bởi những tuỳ tùng có tác phong khả ái. ĐÃ ĐẠT ĐẾN THẦN THÔNG LỰC QUẢNG ĐẠI CỦA MỘT VỊ YAKKHA (Yakkhamahiddhipatta.m): đang đứng sau khi đã đạt được thần thông lực quảng đại của một vị Yakkha, là thần thông lực quảng đại của một vị Deva.

56. Nói điều này với vị ấy: tamenamavoca = ta.m ema.m avoca (phối hợp cách.)

57. BỆ HẠ ĐÃ CHO NHỮNG VẬT THÍ CỤC BỘ (ekadesa.m adaasi): Vị ấy nói liên quan đến vật thí về y phục, là một trong bốn món vật dụng. NHÂN CHỨNG (sakkhi.m): Có tánh chất của một nhân chứng.

58. LÀ VỊ DEVATÀ CỦA TÔI (devataa me): Ngài là vị devataa của trẫm - đây là cách nên được hiểu.

59. CÓ TÂM LẦM LỖI (vippa.tipannacitto): có tâm xu hướng theo những tà kiến, nghĩa là đi theo con đường sái quấy sau khi từ bỏ con đường chân chánh.

61. CHIA CHO (sa.mvibhajitvaa): Chia phần làm vật thí. NGỒI GẦN KỀ VÀ HỎI VỊ ẤY MẶT GIÁP MẶT (saya.m mukhena upanisajja puccha): Không cử những người khác đi giùm, ngồi ở gần và chỉ hỏi vị ấy ở trước mặt.

65. NGỒI VỚI NHAU (sannisiuna.m): Ngồi sau khi đi đến với nhau.

66. TÔI SẼ LÃNH ĐƯỢC LỢI ÍCH (Labhissaami attha.m): Tôi sẽ lãnh được lợi ích mà tôi muốn. ĐÃ SAI ÁP DỤNG HÌNH PHẠT RỒI (pai"nhitada.n.do): Đã sai đem đến hình phạt về thân. ĐÃ CÓ HÌNH THỨC CỦA NGƯỜI MÀ ĐÃ GÁNH

CHỊU (anupattaruupo): đã ở trong trạng thái của người mà đã gánh chịu án truyền của đức vua.

67. CÓ ĐẾN HAI MƯƠI NGÀY (Viisatirattimattaa): nghĩa là đã có đến hai mươi ngày trôi qua rồi. TÔI... VỊ ẤY: taaha.m = ta.m aha.m (phối hợp cách). NHƯ TRẪM NGH~N LÀ THÍCH HỢP (Yathaa mati.m): Đúng như nó làm cho trẫm hoan hỉ.

68. NGƯỜI NÀY VÀ NHỮNG NGƯỜI KHÁC (eta~n ca a~n~na.m ca): Người đàn ông bị đâm xuyên này và những người khác mà đối với họ hình phạt của đức vua đã được áp dụng. HÃY TRẢ TỰ DO NHANH (lahu"m pamu~nca): Hãy phóng thích ngay thức thì. AI SẼ NÓI LỜI CHỐNG LẠI BỆ HẠ? (ko ta.m vadetha): Ai trong vương quốc Bạt kỳ này có thể nói rằng, 'đừng trả tự do cho hắn,' đối với người đang hành động theo đúng cách như thế, nghĩa là không ai được phép nói như thế này.

69. VÀ ĐÃ SAI NHỮNG Y S~N CỦA VỊ ẤY: tikicchakaana~n ca = tikicchake ca (thể văn phạm hoán chuyển).

72. ĐÂY LÀ LỜI CỦA VỊ YAKKHA ẤY (yakkhassa vaco): Đây là điều mà vị Peta ấy đã phải nói ra. Đức vua chỉ cho thấy rằng 'Tôi hành động như vậy, theo đúng với điều mà vị Peta ấy đã phải nói ra, thưa Ngài.'

74. NHỮNG THIỆN PHÁP (dhammaani): Những pháp tạo phước có thể thắng phục những ác nghiệp đã được làm trước kia. NGHIỆP ẤY TRỞ THÀNH NGHIỆP SẼ CHO QUẢ Ở MỘT NƠI KHÁC (Kamma.m siyaa a~n~natra vedaniiya.m): Ác nghiệp mà sẽ được thọ lãnh bằng một cách khác nào đó trở thành nghiệp mà quả của nó sẽ được thọ lãnh ở một nơi khác, bằng một cách khác nào đó, nghĩa là chỉ khi nào Sa.msaara tiếp tục trôi lăn đối với người ấy.

78. VÀ... NHỮNG ĐIỀU NÀY (ima~n ca): Điều này được nói đến liên quan đến điều ở gần hay ở trong tầm thấy do vì nó được nói bởi chính vị ấy. MÀ THUỘC VỀ TRÍ TUỆ CỦA BẬC THÁNH VÀ ĐƯỢC THÀNH TỰU BỞI TÁM PHÁP (ariya.m a.t.ttha"ngavaren'upeta.m): Những điều học của Uposatha cao tột mà đã được thành tựu, được chuyên tâm vào, do bởi Bát Giới gồm có sự tránh xa sát sanh v.v... Và thuộc về Bậc Thánh trong ý nghĩa rằng chúng thanh tịnh. NHỮNG THIỆN NGHIỆP (Kusala.m): Những nghiệp vô tội. DẪN ĐẾN HẠNH PHÚC (sukhundriya.m): Cho kết quả hạnh phúc.

80. PHƯỚC TIẾP TỤC TĂNG TRƯỞNG (sadaa pu~n~na.m pava.d.dhati): Khi người đã làm một việc phước chỉ trong một lần, người ấy sẽ không được thoả mãn

hoàn toàn khi nghĩ rằng, 'Nó đủ tới chừng mức ấy', và trong khi người đang thực hành viên mãn thiện hạnh lập đi lập lại thì phước của người đang gia tăng luôn khi. Nói cách khác, ý nghĩa là trong khi người đang thực hành viên mãn thiện hạnh nhiều lần lập đi lập lại, thì những quả phước của người, cái được gọi là phước, mọc lên, được thêm vào phước này nối tiếp phước khác.

Khi Trưởng lão nói như vậy rồi thì đức vua sanh tâm ghê sợ đau khổ trong những khổ cảnh và với lòng tịnh tín đang gia tăng trong Tam bảo và trong những việc phước, vị ấy nói rằng, 'chính ngày hôm nay trẫm sẽ qui y noi đức Phật v.v...' Từ đó trởi đi thọ trì Tam qui và ngũ giới.

86. Ở đây MỘT NGƯỜI NHƯ VẬY (etaadiso): Như loại người đã được nói ở trên. MỘT VỊ THIỆN NAM Ở TRONG THÀNH VESAALI (vesaaliya.m a~n~nataro upaasako): Vị ấy trở thành một thiện nam trong vô số ngàn người trong thành Vesaali . LÀ NGƯỜI CÓ ĐỨC TIN (saddho): v.v... Điều này được nói đến để chỉ sự khác biệt với bản tánh trước kia của vị ấy, trong đó vị ấy bây giờ đang ngồi chung với bạn lành v.v... Vì trước kia vị ấy không có niềm tin, thô lỗ và lăng mạ các vị Tỳ kheo và không hộ độ Chư Tăng; trong khi đó, bây giờ vị ấy có niềm tin và hiền lành, và bây giờ thì nuôi dưỡng chúng Tỷ kheo với sự chăm sóc chu đáo. Liên quan đến điều này, HỮU ÍCH (Kaarakaro): Người mà đem lại sự giúp đỡ.

87. CẢ HAI (Ubho pi): Hai người, người bị đâm xuyên và đức vua ĐÃ ĐẠT ĐẾN CÁC QUẢ LÀ HẬU QUẢ CỦA ĐỜI SỐNG CỦA MỘT ẨN SĨ (saama~n~naphalaani ajjhagu.m): Đạt đến các quả là kết quả của đời sống của một vị Sa môn theo đúng với sự xứng đáng của chúng; để cho thấy điều này theo đúng với sự xứng đáng của họ là ÀNgười bị đâm xuyên đã đạt đến kết quả cao tột trong khi Ambasakkhara thì đạt đến quả thấp hơn, được nói đến.

88. Ở đây QUẢ THẤP HƠN (phala.m kani.t.tha.m): Vị ấy nói lên liên quan đến quả thánh Tu đà hườn.

Điều mà ở đây không được phân tích về ý nghĩa bởi vì quá rõ ràng rồi.

Đại Đức Mahaakappitaka đi đến Saavatthi, đảnh lễ Bậc Đạo sư và nêu vấn đề với Đức Thế Tôn về điều đã được nói như vậy giữa đức vua, vị Peta và chính Trưởng lão, Bậc Đạo sư lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết Pháp cho hội chúng đã tụ họp ở đó. Thời Pháp ấy đem lại lợi ích cho hội chúng ấy.

---o0o---

IV.02 QUỶ SỰ SERISSAKA (SERISSAKA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

'Hãy lắng nghe ở chỗ mà cuộc gặp gỡ giữa vị Yakkha và các tiên nhân.' Đây là Quỉ sự Serissaka.

Bởi vì không có sự khác biệt giữa câu chuyện này và thiên cung sự Serissaka, nên điều gì sẽ được nói đến ở đây về nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và những câu kệ cũng giống như đã được nêu ra trong phần trình bày về những câu chuyện thiên cung trong phần giải thích này về ý nghĩa bên trong. Do vậy nó cũng nên được hiểu đúng như đã được nêu ra ở trong đó.

---o0o---

[4.2]

IV.03 NAN ĐÀ QUỈ SỰ (NANDAKA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Vị vua tên là Pi"ngalaka ". Đây là Quỉ sự Nandaka . Câu chuyện bắt nguồn như thế nào?

Sau một thời gian hai trăm năm từ khi Bậc Đạo sư nhập Niết-bàn, ở trong vương quốc sura.t.tha, có một vị vua tên là Pi"ngala . Tướng quân của vị ấy tên là Nandaka, có tà kiến và quan điểm đồi bại, và thường đi quanh công bố quan niệm sai lạc rằng, 'Không có điều gì là bố thí cả...' v.v... Đứa con gái của ông ta tên là Uttaraa, là một tín nữ và đã được gả cho một gia đình thích hợp. Bấy giờ khi Nandaka chết, ông ta tái sanh làm một vị Vimaanapeta trong một cây đa to trong khu rừng Vi~njha . Vào lúc ông ta chết, Uttaraa cúng dường đến một vị Trưởng lão đã đoạn trừ các lậu hoặc một đĩa đựng đầy bánh, có hương vị thơm ngon, được làm bằng sữa đông, và một bình nước được đổ đầy nước sạch, mát và thơm và hồi hướng chúng khi nói rằng, "Xin cho phước thí này đem lại lợi ích cho cha của tôi." Do nhờ phước thí ấy, có hiện ra cho ông ta nước của Chư thiên và vô số bánh. Khi ông ta trông thấy những thứ này, ông ta suy nghĩ rằng, "chắc chắn ta đã làm một ác nghiệp trong việc khiến cho mọi người chấp theo quan kiến sai lầm rằng "Không có cái gì là bố thí cả.." v.v... Tuy nhiên, bây giờ vua Pi"ngalaka đã đi và khuyên vua Dhammaasoka và sẽ trở về khi vị ấy đã cho lời khuyên này đến vị Vua kia. thôi được, tốt hơn ta nên đoạn trừ tà kiến ấy đi .

Chẳng bao lâu sau, khi vua Pi"ngalaka đang đi dọc theo con đường, trở về sau khi đã cho lời khuyên đến vua Dhammaasoka, vị Peta khiến cho con đường dẫn đến chỗ ngụ của vị ấy. Đức vua đi dọc theo con đường ấy trong khoảng thời gian giữa trưa. Khi vị ấy đi dọc theo con đường thì đằng trước của vị ấy có thể được trông thấy, nhưng ở đằng sau của vị ấy thì biến mất. Khi người đàn ông mà ở sau cùng hết trông thấy con đường mà đã biến mất thì ông ta hoảng sợ và, khi kêu lên trong đau khổ, chạy đến báo tin cho đức vua. Khi nghe qua điều này thì đức vua, hoảng sợ và tâm bị giao động, đứng ở trên lưng con voi của vị ấy dò xét ở bốn hướng. Khi vị ấy trông thấy chỗ ngụ là cây đa của vị Peta, vị ấy đi đến đó, được tháp tùng bởi bốn đội binh . Khi đã đến lúc đức vua đi đến chỗ ấy thì vị Peta, ăn mặc rực rỡ, đi đến đức vua và nói lời chào hỏi thân mật với vị ấy, sai đem nước và bánh đến mời vị ấy. Đức vua và những quân hầu tắm, ăn bánh và uống nước, và khi cơn mệt của vị ấy do đi đường xa đã lắng dịu, đức vua hỏi vị Peta rằng, "Ngài có phải là một Devataa, một Gandhabba không?" v.v...

Khi vị Peta đã nói cho đức vua nghe câu chuyện của mình ngay từ đầu và đã đoạn trừ tà kiến cho đức vua, bèn an trú cho đức vua trong tam qui và ngũ giới. Để chứng minh điều này những vị kiết tập Tam Tạng đã nói lên những câu kệ này:

1. Đức vua tên là Pi"ngalaka, là người cai trị của dân tộc sura.t.tha, đang trở về lại Sura.t.tha sau khi đã đi hầu những vị Moriya.

2. Vào lúc ban trưa nóng cháy, đức vua đến ở một bãi lầy và trông thấy một con đường khả ái, là con đường cát của vị Peta ấy.

3. Đức vua nói với người đánh xe ngựa rằng, "con đường này thật là khả ái, an lành, an toàn và báo điềm tốt. - Này xa phu, chúng ta hãy đi dọc theo con đường này từ đây đến vùng lân cận của nước Suta.t.tha ."

4. Vị Sura.t.tha khởi sự đi cùng với bốn đội binh của vị ấy: Một người đàn ông mà xem ra bối rối nói điều này với Sura.t.tha.

5. "Chúng ta đã đi sai con đường, là con đường đáng sợ và làm tóc dựng đứng - ở đằng trước con đường có thể được trông thấy, nhưng ở đằng sau nó không được trông thấy.

6. Chúng ta đã đi sai con đường để vào cộng trú với những người của Yama; mùi hôi thối của phi nhân thổi ra và những tiếng kêu than hãi hùng sẽ được nghe".

7. Vua Sura.t.tha, bị giao động, nói điều này với người đánh xe "chúng ta đã đi sai vào con đường đáng sợ và làm dựng tóc - ở đằng trước con đường có thể được trông thấy, nhưng ở đằng sau thì không được trông thấy.

8. Chúng ta đã đi sai con đường dẫn đến cộng trú với thần dân của Yama; mùi hôi thối của phi nhân thổi ra và những tiếng kêu rùng rợn sẽ được nghe".

9. Vị ấy trèo lên trên lưng voi và, khi quan sát ở bốn hướng, trông thấy một cây đa, "Kẻ uống nước từ cái chân", có đầy bóng mát, về hình thể thì giống như một đám mây đen, giống như sự hùng vĩ của một trận mưa giông.

10. Đức vua nói với người đánh xe của vị ấy rằng, "Cái vật đồ sộ mà được trông thấy là cái gì, nó giống như một đám mây đen, giống như vẻ hùng vĩ của một trận mưa giông."

11. "Tâu Đại vương, đó là một cây đa, là kẻ uống nước từ cẳng chân, là cây có đầy bóng mát, giống như sự hùng vĩ của một trận mưa giông".

12. Sora.t.tha lên đường đi về hướng mà cái vật được trông thấy, giống như một đám mây đen, giống như sự hùng vĩ của một trận mưa giông.

13. Đức vua xuống khỏi lưng voi và đi đến cây ấy, rồi ngồi xuống ở gốc cây cùng với vị Tư tế quan và những tuỳ tùng của vị ấy, và trông thấy một lu nước đầy và một số bánh thơm ngon.

14. Người đàn ông có tướng mạo của một vị Chư thiên, khắp thân hình có trang sức, và trang phục lộng lẫy, đi đến và nói điều này với vua Sora.t.tha,

15. "Tâu Đại vương, ngài cứ tự nhiên, ngài thật sự không phải đi đến chỗ xấu; Hãy uống nước, tâu đức vua, hãy ăn những cái bánh, hỡi bậc chiến thắng kẻ thù".

16. Đức vua cùng với những vị Tư tế quan và những tuỳ tùng của vị ấy uống nước và ăn những cái bánh; Sau khi uống nước, Sora.t.tha nói điều này,

17. "Ngài là một Devataa, một Gandabba hay là Sakkapuri.n.dada? Vì không nhận ra ngài nên chúng tôi hỏi ngài "làm sao chúng tôi có thể nhận ra ngài?"

18. "Tôi không phải là Deva, hay Gandhabba hay ngay cả Sakka Puri.n.dada, tâu đại vương, tôi là một Peta đã đến đây từ Sura.t.tha ."

20. "Ngài đã có hạnh kiểm gì, hạnh nghiệp gì, trước kia khi còn ở Sura.t.tha - Do bởi phạm hạnh nào khiến oai lực này của ngài hiện ra?"

21. "Tâu Đại vương, tôi là người của Sura.t.tha, và là một người có tâm ác, có tà kiến và cư xử xấu xa, bỏn sẻn và hay mắng nhiếc.

22. "Tôi có thói quen ngăn cản nhiều người mà đang bố thí và đang thực hành các thiện sự; trong khi những người khác đang bố thí thì tôi hành động như một vật chướng ngại.

23. Khi nói rằng, "Không có kết quả từ sự bố thí; Từ đâu có quả của sự tự chế? Quả thật không có Đạo sư, như vậy ai sẽ điều phục những người chưa được điều phục?

24. Tất cả chúng sanh đều giống như nhau - thế thì tại sao cúng dường những bậc trưởng thượng? Không có năng lực hay sự tinh tấn; vậy sự tinh tấn của người có lợi ích gì?

25. Quả thật không có kết quả từ sự bố thí - Người mang hận thì không thể được tẩy sạch; Kẻ phàm phu nhận lãnh cái gì phải lãnh của người ấy qua sự thăng trầm của số phận.

26. Không có mẹ, cha hay anh em; Không có thế giới bên kia. Không có cái gì được cho ra, không có sự cúng dường hi sinh - Không có sự để dành được biết đến.

27. Nếu người đi giết chết một người hay cắt đầu một người khác, thì đó không phải là người giết người - cây kiếm chỉ đi vào bên trong giữa bảy nguyên chất đó thôi.

28. Cái gọi là linh hồn thì không thể hoại diệt hay chia chẻ được; nó có hình tám cạnh, hay hình cầu như trái banh, và cao năm trăm do tuần - Như vậy ai có thể tiêu diệt linh hồn được.

29. Cũng như cuộn chỉ khi được quăng đi thì chạy tiếp và tự nó nhả chỉ ra, cũng vậy trong cùng cách ấy linh hồn tiếp tục chạy, tự nó trải ra.

30. Cũng như người rời bỏ một ngôi làng và đi vào một ngôi làng khác, dường thế ấy, linh hồn cũng đi vào một thân khác.

31. Cũng như người rời bỏ một ngôi nhà và đi vào một ngôi nhà khác, dường thế ấy, linh hồn cũng đi vào một thân khác.

32. Trong tám mươi bốn ngàn Đại kiếp, những người ngu và những kẻ trí đều phải bị trôi lăn trong vòng luân hồi trước khi họ chấm dứt đau khổ.

33. Hạnh phúc và đau khổ đều được đong lường bằng cái thùng Dona và cái thúng; Đấng trị vì biết rõ tất cả, trong khi những người dân khác thì lúng túng.

34. Trong quá khứ, tôi đã có tri kiến như vậy; Tôi lúng túng và bị che phủ bởi vô minh, đầy những tà kiến và đã cư xử tệ bạc, bỏn sẻn và hay chê bai.

35. Cái chết của tôi sẽ đến trong sáu tháng nữa,và tôi sẽ rơi xuống địa ngục kinh khủng dữ dội.

36. Có bốn góc và bốn cổng, nó được chia thành những phần bằng nhau, được bao quanh bởi một bức tường sắt với mái bằng sắt ở bên trên.

37. Cái nền nóng sáng của nó được làm bằng sắt chảy đỏ; Nó trải rộng khắp quanh một trăm do tuần, đứng mãi mãi như thế.

38. Sau một trăm ngàn năm, có một âm thanh sẽ được nghe - Đây là Lakkha, tâu Đại vương, sau năm thứ một trăm của một Ko.ti (10.000.000) năm.

39. Trong một trăm ngàn Ko.ti, người mà có những tà kiến, là những người sống ác và là những người hay phỉ báng những bậc Thánh, bị nấu sôi trong địa ngục.

40. Ở đó trong một thời gian dài, tôi sẽ thọ lãnh những cảm thọ đau đớn, là những ác nghiệp của tôi - Vì lý do này tôi vô cùng sầu khổ.

41. Hãy lắng nghe điều này, tâu Đại vương, hỡi đấng chinh phục những kẻ thù và đấng mở rộng bờ cõi, xin chúc lành đến Đại vương. Tôi có một đứa con gái tên Uttaraa, tâu Đại vương,

42. Là người làm những thiện nghiệp và là người tha thiết với ngũ giới và Bát Quan Trai giới, có tự chế, bàn tay mở rộng, nhã nhặn và không bỏn sẻn.

43. Nàng là người thọ trì ngũ giới không bị sức mẻ và là một nàng dâu đối với những người trong một gia đình khác. Nàng là một tín nữ của bậc hiền trí Sakya, của đức Phật, Đức Thế Tôn.

44. Một vị Sa-môn có giới đức, có đôi mắt nhìn xuống, có chánh niệm, các căn của vị ấy được hộ phòng, khéo kiểm soát, đi vào làng để khất thực theo từng nhà và đã đến chỗ ngụ của nàng.

45. Xin chúc lành đến Bệ hạ, tâu đại vương. Khi Uttaraa trông thấy vị ấy, nàng đã cúng dường đến vị ấy một bình nước và một số bánh ngon khi nói rằng, "Cha của con đã chết, bạch Ngài, xin cho phước thí này đem lại lợi ích cho vị ấy."

46. Ngay khi nàng hồi hướng phước thí này thì kết quả hiện ra - Tôi hưởng thụ bất cứ dục lạc nào mà tôi thích giống như vua Vessavana .

47. Hãy nghe đây, tâu Đại vương, hỡi bậc chiến thắng kẻ thù và kẻ mở rộng lãnh thổ. Hỡi bậc chiến thắng kẻ thù, bệ hạ và gia đình của bệ hạ hãy qui y Phật, Đức Phật là bậc được công bố trong thế gian này cùng với chư Thiên của nó là vô thượng.

48. Hỡi đấng chiến thắng những kẻ thù, bệ hạ và gia đình của bệ hạ nên qui y Pháp, là Bát chánh đạo mà nhờ đó người ta đạt đến trạng thái bất tử.

49. Hỡi Đấng chiến thắng những kẻ thù, Bệ hạ và gia đình của bệ hạ nên qui y Tăng, có bốn bậc, là những người đã đi vào các đạo và bốn bậc là những người đứng trong các quả, đây là Tăng gồm những Bậc chánh trực, là những bậc đã an trú trong giới đức và tuệ quán.

50. Bệ hạ nên từ bỏ ngay sự sát sanh và hãy tránh xa trong đời này cái gì không được cho đến; Bệ hạ không nên làm người uống những chất say, bệ hạ cũng không nên nói dối, trong khi đó bệ hạ nên vừa lòng với chính vợ của bệ hạ".

51. "Hỡi Yakkha, ngài muốn cho tôi được tốt đẹp, ngài muốn cho tôi được lợi ích, Hỡi Devataa ; Tôi sẽ làm điều gì mà ngài nói - ngài là thầy của tôi.

52. Tôi sẽ qui y đức Phật, Đức Pháp, và tôi cũng sẽ qui y Tăng, vô thượng đối với Chư thiên và nhân loại.

53. Tôi sẽ tránh xa ngay sự sát sanh và tránh xa trong đời này cái gì không được cho; Tôi sẽ không làm người uống chất say, tôi cũng sẽ không nói dối và tôi sẽ vừa lòng với chính vợ của tôi.

54. Tôi sẽ rủ bỏ như bỏ vào một cơn gió mạnh hay trong một dòng nước đang chảy nhanh, tôi sẽ từ bỏ ác kiến ấy, sẽ nhiệt tâm với giáo Pháp của chư Phật".

55. Khi Sora.t.tha đã nói điều này, vị ấy từ bỏ ác kiến của mình, tỏ sự tôn kính đến Đức Thế Tôn, và rồi bước lên chiếc long xa xoay mặt về hướng đông."

Chú giải:

1. Ở đây VỊ VUA CÓ TÊN LÀ PI"NGALAKA, LÀ NGƯỜI TRỊ VÌ CỦA DÂN TỘC SURA.T.THA (raajaa pi"ngalako naama sura.t.thaana.m adhipati ahu): Đức vua là chúa của vùng Sura.t.tha, được biết chung chung bởi cái tên là Si.ngala do bởi màu đỏ (Pi"ngala) Nơi hai con mắt của vị ấy. CÁC VỊ MORIYA (moriyaana.m): Ở các vị vua Moraya; Nó được nói đến liên quan đến Dhammasoka. ĐANG TRỞ LẠI SURA.T.THA (sura.t.tha.m pwnar aagamaa): Vị ấy đang trở về trên con đường dẫn đến Sura.t.tha, về hướng của xứ sở Sura.t.tha .

2. MỘT VŨNG SÌNH (Pu"nka.m): Chỗ đất mềm. CON ĐƯỜNG CÁT (va.n.nupatha.m): Con đường mà vị Peta tạo ra ở trên chỗ đất mềm ấy.

3. AN LÀNH (khemo): Không nguy hiểm. AN TOÀN (sovatthiko): đem lại một trạng thái an toàn. CÓ ĐIỀM TỐT (sivo): không rủi ro. TỪ ĐÂY ĐẾN VÙNG LÂN CẬN CỦA NHỮNG NGƯỜI SURA.T.THA (sura.t.thaana.m santike ito): Đi theo con này, chúng ta sẽ đến rất gần với xứ sở Sura.t.tha .

4. VỊ SORA.T.THA (sora.t.tho): Người trị vì của xứ Sura.t.tha . LÀ NGƯỜI MÀ XEM RA BỐI RỐI (ubbiggaruupo): là người ở trong trạng thái hoảng sợ.

5. ĐÁNG SỢ (bhi.msana.m) Khiến cho sợ hãi. LÀM DỰNG TÓC (lomaha.msana.m): Khiến cho tóc dựng đứng lên do bởi tánh chất đáng sợ của nó.

6. CỌNG TRÚ VỚI NHỮNG NGƯỜI CỦA YAMA (yamapurisaana.m santike): Chúng ta đang đi giữa những vị Peta. MỘT MÙI HÔI CỦA PHI NHÂN THỔI RA (Aamaanuso vaayati gandho): mùi hôi nơi thân của những vị Peta thổi ra. MỘT TIẾNG KÊU LA GHÊ SỢ SẼ ĐƯỢC NGHE (ghoso suuyati daaru.no): Một âm thanh kinh sợ nhiều hơn sẽ được nghe từ những kẻ mà đang bị hành hạ trong những địa ngục khác nhau.

9. KẺ UỐNG NƯỚC BẰNG CÁI CHÂN (paadapa.m): Cây này có tên là kẻ uống nước bằng cái chân do vì nó uống nước bằng những sợi trong những cái rễ giống như những cái chân. CÓ ĐẦY BÓNG MÁT: chaayasampanna.m = sampanna.m chaaya.m: (phối hợp cách). VỀ HÌNH TƯỚNG GIỐNG NHƯ MỘT ĐÁM MÂY ĐEN (meghava.n.nasirii nibha.m): Xem ra đã mang hình tướng và màu sắc của một đám mây.

13. MỘT LU NƯỚC ĐẦY (Puura.m paaniyakaraka.m): Một bình nước đã được châm đầy . MỘT SỐ BÁNH (pùve): một số vật thực cứng. ngon (citte): Vị ấy trông thấy một số bánh khả ái, ngọt và đáng ưa thích được bày ra, và đang làm đầy những cái đĩa mà có ở khắp nơi.

15. NGÀI QUẢ THẬT CHẲNG XA LẠ (atho te aduraagata.m): 'thực sự' (atho) ở đây là một bất biến từ hay được dùng để nhấn mạnh. Chúng tôi thừa nhận rằng, tâu đại vương, Ngài không phải xa lạ, hơn nữa ngài hoàn toàn được tiếp đón - đây là ý nghĩa. HỠI ĐẤNG CHIẾN THẮNG KẺ THÙ (arindama): Ngài là người có bản tánh nhiếp phục những kẻ thù của Ngài.

20. NHỮNG VỊ QUAN CỐ VẤN VÀ NHỮNG TUỲ TÙNG CỦA BỆ HẠ (amaccaa paarisajjaa): xin các vị quan cố vấn và những tuỳ tùng của bệ hạ hãy lắng nghe điều mà tôi phải nói ra, và xin vị Bà la môn của bệ hạ, là vị tư tế quan ấy, cũng hãy nghe điều ấy - Đây là cách nên được hiểu.

21. TÔI LÀ NGƯỜI CỦA XỨ SURA.T.THA (sura.t.tha.mhaa aha.m): Tôi là người của vùng Sura.t.tha . TÂU BỆ HẠ (deva): vị ấy đang xưng hô với đức vua. CÓ NHỮNG TÀ KIẾN (micchaadi.t.thii): quan điểm của vị ấy bị làm hư hỏng bởi tà kiến Natthika. ÁC GIỚI (dussiilo): Không có đạo đức. BỎN SẺN (kadariyo): Vô cùng bần tiện. HAY CHỬI MẮNG (paribhaasako): Lăng mạ các vị Sa-môn và Bà-la-môn.

22. TÔI CÓ THÓI QUEN NGĂN CẢN: vaarayissa.m=vaaremi (thể văn phạm hoán chuyển). TÔI HÀNH ĐỘNG NHƯ MỘT VẬT CHƯỚNG NGẠI (antaraayakaro aha.m): Tôi hành động như một vật chướng ngại đối với những người mà đang cho ra vật thí và đang làm những công việc giúp ích, và trong khi những người khác đang cho ra những vật thí dành cho kẻ khác thì tôi có thói quen ngăn cản nhiều người đang làm những việc phước ấy mà bao gồm sự bố thí - đây là cách nên được hiểu. "Không có kết quả từ sự bố thí v.v..." là sự định rõ hình thức về sự cản trở của vị ấy.

23. Ở đây KHÔNG CÓ KẾT QUẢ TỪ SỰ BỐ THÍ (vipaako n'atthi daanassa): vị ấy phủ nhận mọi kết quả khi kết luận rằng, "Không có kết quả dành cho người do

bởi việc cho ra những vật thí ấy, không có kết quả có thể dành được trong tương lai. KẾT QUẢ CỦA SỰ TỰ CHẾ TỪ ĐÂU ĐẾN (sa.myamassa kuto phala.m): Bây giờ quả thật không có người được gọi là đạo sư đang truyền những điều học về hạnh kiểm và hạnh nghiệp, vì chúng sanh đã điều phục hay chưa điều phục tuỳ theo bản tánh riêng của họ - đây là ý nghĩa.

Vì lý do này khiến vị ấy nói rằng, "Vậy ai sẽ điều phục kẻ chưa được điều phục?".

24. TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU NHƯ NHAU (samatulyaani bhuutaani): những chúng sanh này đều hoàn toàn ngang bằng nhau. Do đó, không có người nào là cao cả, thế thì tại sao tôn kính những người cao thượng của mình? quả thật không có phước từ sự tôn kính những người cao cả - đây là ý nghĩa. KHÔNG CÓ SỨC MẠNH (n'atthi bala.m): vị ấy phủ nhận sự cố gắng về khả năng của những chúng sanh mà, nhờ vào khả năng của chính họ, tạo ra sự cố gắng và đem lại điều gì đó từ sự thịnh vượng thuộc về thế gian

v.v... Đến sự chứng đạt pháp tối ưu của đạo quả A-la-hán. Không có khả năng hay sự cố gắng. NHƯ VẬY SỰ NỖ LỰC CỦA MỘT NGƯỜI CÓ LỢI ÍCH GÌ? (kuto u.t.thaana posirsa.m): Nó không đem lại kết quả do sự cố gắng của con người, điều này được nói đến như vậy để phủ nhận học thuyết về nhân quả.

25. Quả thật không có kết quả của sự bố thí, nghĩa là cho đi những lễ vật cúng dường thì không có kết quả tựa như người đã ném chúng vào trong đống tro tàn. người mang sự thù nghịch không thể tẩy sạch được (na visodheti verina.m): ở đây NGƯỜI MANG SỰ THÙ NGHỊCH: Verina.m = veravanta.m (thể văn phạm hoán chuyển); Người mà đã tạo ra ác nghiệp do sự thù oán bằng cách giết chết những chúng sanh v.v... Không thể tẩy sạch được, không bao giờ được làm cho trong sạch, bằng những sự thọ trì như bố thí và trì giới v.v... "Không có kết quả từ sự bố thí" v.v... Nên được xem là sự định rõ cách mà trong đó vị ấy ngăn cản những người khác trong việc cho ra những vật thí v.v..., trong khi đó, "quả thật không có kết quả từ sự bố thí" v.v... Là sự định rõ về sự đeo níu vào những tà kiến của vị ấy. cái gì là của người ấy để cho có được: Laddheyya.m = laddhabba.m (thể văn phạm hoán chuyển): Nhưng làm sao người ấy kiếm được cái gì phải kiếm được của người ấy? Vị ấy nói rằng, QUA NHỮNG SỰ THĂNG TRẦM CỦA SỐ PHẬN (Niyati pari.naamaja.m) chúng sanh mà được hạnh phúc hay đau khổ, được điều này chỉ qua sự thay đổi trong số phận của người ấy mà thôi, chứ không phải do người ấy đã làm một nghiệp nào đó cũng không phải do đấng thần linh tối cao v.v... đây là ý nghĩa.

26. KHÔNG CÓ MẸ HAY CHA HAY ANH EM (na'atthi maataa pitaa bhaataa): Vị ấy nói liên quan đến sự vắng mặt của quả từ chánh hạnh hay ác hạnh đối với

người mẹ v.v.. KHÔNG CÓ THẾ GIỚI BÊN KIA (loko n'atthi ito para.m): Quả thật không có điều gì là thế giới bên kia cả, bên kia của thế giới này đây. Chúng sanh phải bị tiêu diệt ngay ta.n đó - đây là ý nghĩa. ĐƯỢC BỐ THÍ (dinna.m): Một sự bố thí vật thực lớn. SỰ CÚNG DƯỜNG vật thí (huta.m): Sự cúng tế bằng vật thí, bằng đồ ăn; vị ấy phủ nhận cả hai khi nói rằng, "không có" liên quan đến sự vắng mặt kết quả của chúng, 'được khéo để dành: Sunihita.m = su.d.thu nihita.m (phối hợp cách). KHÔNG CÓ GÌ ĐƯỢC BIẾT ĐẾN (na vijjati): Những vật thí ấy dành cho các vị Sa-môn và Bà-la-môn mà người ta gọi là "Cái mà sẽ đi theo người như là một chỗ đứng trong thế giới bên kia' thì không được biết đến" Nó chỉ là hình thái tu từ của ngôn ngữ đó thôi - đây là ý nghĩa.

27. ĐÓ KHÔNG PHẢI LÀ TRƯỜNG HỢP CỦA NGƯỜI NÀO ĐÓ GIẾT CHẾT NGƯỜI NÀO ĐÓ (na koci ki~nci hanati): Nếu một người giết chết một người khác, cắt đầu của một người khác, thì trong ý nghĩa cùng tột, đó không phải là trường hợp của người nào đó giết chết của người nào dó - Nó chỉ trông giống như sự giết chết do bởi sự hiện hữu của những khoảng hở giữa bảy nguyên chất đó thôi. Nhưng còn sự đánh chém bằng cây kiếm thì sao?' Vị ấy nói rằng, ĐI VÀO KHOẢNG GIỮA CỦA BẢY NGUYÊN CHẤT (sattanna.m vivara.m antare): Cây kiếm đi vào khoảng hở, nghĩa là khoảng giữa, giữa bảy nguyên chất như đất, nước v.v... Vì lý do này mà nó trông giống như chúng sanh bị chém bằng những cây kiếm v.v... Như linh hồn là phần còn lại của bảy nguyên chất cũng không thể bị tiêu diệt vì tánh chất trường tồn vĩnh cửu của nó - đây là ý nghĩa.

28. KHÔNG THỂ HOẠI DIỆT HAY CHIA CHẺ LÀ LINH HỒN (acchejjabhejjojiivo): Linh hồn của chúng sanh không bị tiêu diệt bởi những cây kiếm v.v... Vì tánh chất trường tồn của nó. NÓ CÓ HÌNH TÁM CẠNH HAY HÌNH CẦU NHƯ TRÁI BANH (a.t.tha.mso gu.laparima.n.dalo): Linh hồn đôi khi có hình tám cạnh, đôi khi có hình cầu như trái banh. VÀ CAO NĂM TRĂM DO TUẦN (yojanaani sataa pa~nca): Khi đạt đến trạng thái hoàn thành đầy đủ thì nó cao năm trăm do tuần. NHƯ VẬY AI CÓ THỂ TIÊU DIỆT ĐƯỢC LINH HỒN (Ko jiiva.m chetu"m arahati): Quả thật vậy ai có khả năng tiêu diệt bằng những cây kiếm v.v... một linh hồn trường cửu và không thể thay đổi được. Vị ấy nói rằng nó không thể bị hại bất cứ ai.

29. MỘT CUỘN CHỈ (suttagu.le): một cuộn chỉ được làm khi nó được cuốn lại. KHI ĐƯỢC TUNG RA (khitte): Khi được tung ra bằng cách tháo nó ra. CHẠY ĐI KHI TỰ NÓ THÁO RA (nibbe.thenta.m): một cuộn chỉ được quăng ra, khi tự nó tháo ra, từ một ngọn núi hay đọt cây, tự nó gỡ ra và lăn đi, không đi tiếp khi nào cuốn chỉ ấy đã đi hết. DƯỜNG THẾ ẤY (eva.m eva.m): cũng như cuộn chỉ lăn đi khi tự nó tháo ra, ngừng không đi nữa khi nào nó đi hết, cũng vậy trong cùng cách

ấy linh hồn chạy đi, tiếp tục, tự nó mở ra cuốn chỉ luân hồi đúng thời gian đã được giải rõ, trong tám mươi bốn ngàn đại kiếp, và sau đó ngưng không đi tiếp nữa.

30. CŨNG VẬY TRONG CÙNG CÁCH, ẤY LINH HỒN CŨNG (eva.m eva ca so jiivo): Cũng như một người nào đó rời bỏ ngôi làng mà người ấy sống và rồi đi vào một ngôi làng khác do bởi một điều gì đó mà người ấy phải làm, cũng vậy theo cùng cách ấy, linh hồn cũng rời bỏ thân này và đi vào một thân khác theo đúng số phận của nó - Đây là ý nghĩa. THÂN bondi.m = kaaya.m (chữ đồng nghĩa).

32. TÁM MƯƠI BỐN Cuu.laasiiti = catuuraasiiti (thể văn phạm hoán chuyển): ĐẠI KIẾP: Mahaa kappino = Mahaakappaana.m (thể văn phạm hoán chuyển); liên quan đến điều này, hễ mỗi lần trong mỗi một trăm năm có một giọt nước được lấy đi bằng đầu của cọng cỏ Kusa từ một cái hồ nước lớn như hồ anotatta v.v... Và cứ làm theo cách này cho đến khi cái hồ ấy được làm cho hết nước của nó trên bảy lần của thời gian như vậy được gọi là một Đại kiếp. Khi đã nói điều này, vị ấy nói rằng giới hạn của sự trôi lăn của linh hồn trong vòng luân hồi là tám mươi bốn trăm ngàn đại kiếp như vậy. CẢ NHỮNG KẺ NGU VÀ NHỮNG NGƯỜI TRÍ (ye balaa ye pa.n.ditaa): cả những người mà bị che ám bởi ngu si và những người có trí tuệ - ngay cả tất cả những người này. BỊ NÉM ĐI CHỖ NÀY CHỖ NỌ TRONG VÒNG LUÂN HỒI (sa.msaara.m khepayitvaana): bị ném đi chỗ này chỗ nọ trong vòng luân hồi, khi sanh lên trở đi trở lại trong khoảng thời gian đã được nói ở trên. TRƯỚC KHI CHÚNG CHẤM DỨT ĐAU KHỔ (dukkhass'anta.m karissare): Trước khi kết thúc nỗi khổ đau này, trải qua hết chu kỳ đau khổ của luân hồi, ngay cả những người có trí cũng không thể được hoàn thành trong suốt thời gian này và ngay cả những người ngu cũng không còn tiếp tục sau đó - đây là tà kiến của vị ấy.

33. HẠNH PHÚC VÀ ĐAU KHỔ ĐỀU ĐƯỢC ĐONG BẰNG CÁI DO.NA VÀ CÁI THÚNG (mitaani sukhadukkhaani do.nehi pi.takehi ca): Những sự thăng trầm của số phận

được phân chia ra từng phần đối với chúng sanh này và chúng sanh nọ, chúng được phân chia riêng nhau, trong suốt khoảng thời gian nói trên, tựa như hạnh phúc và đau khổ của chúng sanh quả thật được đong bằng cái do.na, cái thúng và cái hũ chứa tâm ý. Đấng thống trị thì biết tất cả điều này, người mà đứng ở trên bờ cõi của đấng thống trị thì biết nó trong tính toàn diện của nó, bởi vì người ấy đã vượt qua vòng luân hồi, trong khi những người khác thì bối rối và đi lang thang trong vòng luân hồi.

34. TRONG QUÁ KHỨ TÔI ĐÃ CÓ TRI KIẾN NHƯ VẬY (eva.m di.t.thi pure aasi.m): Trước kia tôi đã có tri kiến (Natthika) như vậy. TÔI BỊ LÚNG TÚNG, BỊ CHE MỜ BỞI NGU SI (samuu.lho mohapaaruto): Tôi lúng túng bởi sự ngu si, được gây ra bởi tà kiến nói trên và bị che mờ bởi ngu si sanh lên trong thời ấy. Hạt

giống của thiện Pháp bị che đậy - đây là ý nghĩa. Khi vị ấy đã giải thích như vậy ác nghiệp được làm bởi vị ấy do bởi ác kiến mà đã xảy đến với vị ấy trong quá khứ, rồi vị ấy nói lên những câu kệ bắt đầu bằng: "Trong vòng sáu tháng này ",để giải thích quả của nó mà vị ấy phải nhận lãnh trong tương lai.

38. Ở đây SAU MỘT TRĂM NGÀN NĂM: vassasatasahassaani = vassaana.m satasahassaani (phối hợp cách); 'đã trôi qua.' là những chữ còn lại. Hay nói cách khác, đây là đối cách với sức mạnh của địa điểm cách, nghĩa là khi một trăm ngàn năm đã trôi qua rồi. MỘT ÂM THANH ĐƯỢC NGHE NGAY TỨC THÌ (ghoso suuyati taavade): Sau một thời gian dài như vậy đã trôi qua thì một lời công bố ngay tức thì, vào thời ấy, được nghe trong địa ngục ấy rằng "Giới hạn của thời gian mà đã trôi qua trong khi đó các ngươi đã bị nấu sôi ở đây, thưa các Ngài, là một trăm ngàn năm." TÂU ĐẠI VƯƠNG, ĐÂY LÀ LAKKHA, SAU LẦN THỨ MỘT TRĂM CỦA KO.TI NĂM (nghĩa là sau 1 trăm ngàn ko.ti năm) (lakkho eso mahaaraaja satabhaagavassako.tiyo): Đây là lakkha, nghĩa là sự định giới hạn của khoảng thời gian mà những chúng sanh đã bị nấu sôi trong địa ngục, tâu Đại vương, sau lần thứ một trăm, sau phần thứ một trăm, của một ko.ti năm (đã trôi qua). Đây là điều được nói đến: Mười lần mười là một trăm, mười trăm là một ngàn, mười lần mười ngàn là một trăm ngàn và một trăm lần một trăm ngàn là một ko.ti . Bằng cách tính những ko.ti này, một trăm ngàn ko.ti năm đã trôi qua sau lần thứ một trăm của một ko.ti năm, những điều này phải được hiểu như là một phương tiện và cách đếm năm của những người ấy ở trong địa ngục thôi, chứ không phải của loài người hay chư thiên. Thọ mạng của những người ở trong địa ngục là vô số như hàng trăm ngàn ko.ti năm. Vì lý do này người ta nói rằng "Trong một trăm ngàn ko.ti, những kẻ ấy bị nấu trong địa ngục." Bằng sự chứng minh để chỉ cho thấy những loại ác nghiệp mà chúng sanh phải bị nấu sôi trong các địa ngục như vậy, "Ai có những tà kiến, ai cư xử xấu xa và ai lăng mạ những bậc thánh" được nói đến.

40. TÔI SẼ THỌ LÃNH (vedissa.m): Tôi sẽ lãnh chịu. Sau khi đã giải quả của những ác nghiệp của vị ấy rằng vị ấy sẽ phải lãnh chịu trong tương lai, và sau khi đã giải thích vấn đề mà đức vua đã dò hỏi, đó là "Bằng loại phạm hạnh nào mà oai lực này của ngài hiện ra?" Rồi vị ấy nói lên những câu kệ này bắt đầu bằng: "Hãy nghe điều này, tâu đại vương", khi muốn an trú đức vua trong tam qui và ngũ giới.

42. LÀ NGƯỜI THA THIẾT VỚI NGŨ GIỚI VÀ BÁT QUAN TRAI GIỚI (siilesuposathe rataa): là người thoả thích trong những giới mà thường xuyên kết lại với nhau và những giới phụ được thọ trì trong những ngày bố tát.

45. ĐÃ CHO VỊ ẤY: adaa=adaasi (thể văn phạm hoán chuyển).

48. PHÁP ẤY (ta.m dhamma.m): Bát chánh đạo và pháp bất tử.

Được thức tỉnh bởi Peta ấy để đi vào sự thọ trì Tam qui và ngũ giới, đức vua với lòng tịnh tín trong tâm, tán dương vị ấy vì sự giúp đỡ mà vị ấy đã đem đến cho đức vua và khi được an trú trong Tam qui v.v... bèn nói ba câu kệ bắt đầu bằng. "Tôi sẽ trừ bỏ", để công bố sự từ bỏ ác kiến mà đức vua đã chấp thủ trước kia.

54. Ở đây TÔI SẼ RỦ BỎ NHƯ BỎ VÀO TRONG CƠN GIÓ MẠNH (odhunaami mahaavaate): Tôi sẽ rủ bỏ, tôi sẽ quăng bỏ ác kiến ấy vào trong cơn gió của sự thuyết giảng chánh pháp của Ngài, hỡi Yakkha, như cọng rơm gặp cơn gió mạnh đang thổi. HAY VÀO DÒNG NƯỚC ĐANG CHẢY XIẾT (nadiyaa vaa siigha.m gaamiyaa): Hay tôi sẽ làm cho ác kiến ấy bị quét đi như cỏ, như những nhánh lá và những ngọn lá rơi bị cuốn đi trong dòng nước chảy nhanh của một con sông lớn - Đây là ý nghĩa. TÔI SẼ PHỦ NHẬN ÁC KIẾN ẤY (vamaami paapaka.m di.t.thim): Tôi sẽ quăng bỏ ác kiến mà đã có mặt trước kia trong tâm của tôi. Vị ấy đã nêu ra lý do của mình đối với điều ấy: KHI THA THIẾT VỚI GIÁO PHÁP CỦA CHƯ PHẬT (buddhaana.m saasane rato): Bởi vì tôi tha thiết với giáo pháp của chư Phật, của các Đấng Thế Tôn, mà chắc chắn sẽ đưa người đến chỗ bất tử, do đó tôi sẽ từ bỏ thứ độc hại này mà được biết đến là ác kiến - đây là cách nên được hiểu. Khi ấy những vị kiết tập Tam Tạng đã lồng vào câu kệ kết thúc bắt đầu bằng: "Khi Sora.t.tha đã nói điều này":

55. Ở ĐÂY QUAY MẶT VỀ HƯỚNG ĐÔNG (Paamokkho): Xoay đầu về hướng đông. BƯỚC LÊN CỖ XE CỦA VỊ ẤY (ra.tha.m aaruyhi): Đức vua bước lên chiếc xe của vị ấy mà đã sẵn sàng để ra đi. Vị ấy trèo lên chiếc xe ấy, và bằng oai lực của vị Yakkha ấy, đức vua đã đến kinh đô ấy trong chính ngày hôm ấy và đi vào hoàng cung của mình.

Đến đúng lúc vị ấy nêu lên các vấn đề ấy với các vị Tỳ kheo và đến lượt các vị Tỳ kheo nêu lên vấn đề ấy đến các vị Trưởng lão. Các vị Trưởng lão đưa nó vào một trong những bài kiết tập ở Hội Kiết tập Tam Tạng lần thứ ba.

---o0o---

IV.04 QUỈ SỰ REVATII (REVATII PETAVATTHUVA.N.NANAA)

'Hãy dậy, này Revatii, này kẻ có tánh rất ác.' Đây là quỉ sự Revatii .

Bởi vì không có sự khác biệt nào giữa câu chuyện này với thiên cung sự Revatii, do đó điều gì được nói đến ở đây về nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và về những câu kệ, tất cả phải được hiểu đúng như đã được nêu ra trong bộ chú giải Thiên

cung sự. Câu chuyện này được xem là được bao gồm trong bài kinh của bộ thiên cung sự. Bởi vì Devaputta Na.n.diya là một vị chư Thiên và cũng được bao gồm trong bài kinh này như là quỉ sự Revatii vì những câu kệ có liên quan đến Revatii (một nữ ngạ

quỉ).

---o0o---

IV.05 CAM GIÁ QUỈ SỰ (UCCHU PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Khu vườn mía lớn này của tôi". Đây là quỉ sự về cây mía. Chuyện bắt nguồn như thế nào?

Khi Đức Thế Tôn đang ngụ ở Ve.luvana thì có một người đàn ông nọ đặt một bó mía trên vai của ông ta và vừa đi vừa nhai một cây mía. Bấy giờ một thiện tín nọ có giới đức và có tánh thiện đang đi sát sau anh ta với đứa con nhỏ của người ấy. Đứa bé trông thấy cây mía và kêu lên rằng, "Hãy cho con một ít!" Vị thiện nam trông thấy đứa bé đang khóc và, khi đuổi kịp người đàn ông kia, ra sức bắt chuyện với ông ta. Nhưng người đàn ông không nói chuyện với anh chút nào cả. Ông ta cũng không cho đứa bé ngay cả một miếng mía do bởi ác ý của ông ta. Vị Thiện nam chỉ về đứa con của anh ta và nói rằng, "đứa bé này đang khóc quá đỗi. Xin làm ơn cho nó một miếng mía. Khi nghe qua điều này người đàn ông, không thể chịu được điều này, tỏ vẻ khinh bỉ và với tánh cách làm nhục quăng một cây mía ở đằng sau ông ta. Đến đúng lúc ông ta chết và tái sanh trong cõi Ngạ quỉ vì đã lâu ông ta bị nhiễm tánh tham lam rồi. Quả của điều này quả thật theo đúng với nghiệp ấy, vì có sanh lên cho ông ta một khu rừng mía mà được che phủ dày đặc bởi những cây mía đen huyền có cỡ bằng cái chày và trải ra che khắp một vùng đến tám mẫu. Nhưng ngay khi ông ta đi đến vườn mía ấy vì muốn nhai một ít, bèn nghĩ rằng, "Ta sẽ lấy một ít mía." thì cây mía ấy lại đánh vào đầu của ngạ quỉ, vì thế mà ông ta té xuống và ngất xỉu. Rồi vào một hôm nọ, khi Đại Đức Mahaa Moggallaana đang đi đến thành Raajagaha để khất thực, ngài trông thấy Ngạ quỉ ấy trên đường đi. Khi nó trông thấy Trưởng lão, nó bèn hỏi Ngài về nghiệp mà nó đã làm và theo sau đó là cuộc trao đổi đàm thoại bằng câu kệ giữa Peta và Trưởng lão.

1. Khu rừng mía lớn này của con sanh lên là quả của những việc phước không nhỏ, nhưng bây giờ nó không có ích gì cho con - Bạch Ngài, hãy nói cho con rõ rằng đây là kết quả của điều gì?

2. Con đã đến trạng thái khổ ưu và con bị băm xác khi con cố gắng, khi con tha thiết muốn ăn một ít mía. Sức mạnh của con đã mất và khi chịu sự khó khăn lớn, con kêu khóc - đây là kết quả của điều gì?

3. Trong nỗi thất vọng, con nằm sấp trên đất và quằn quại trong sức nóng như kẻ sống trong nước; nước mắt của con chảy xuống khi con khóc - Bạch Ngài, hãy nói cho con biết đây là kết quả của điều gì?

4. Con bị đói, mệt và khát nước; con bị khô cháy và không tìm ra sự thoải mái hay an nhàn nào. Con hỏi Ngài về vấn đề này, bạch Ngài, làm sao con có thể dùng được cây mía này?"

5. "Trong quá khứ, chính ngươi đã tạo ra một nghiệp - trong một kiếp quá khứ trong khi còn ở trong cõi người. Bây giờ ta sẽ nói cho ngươi biết vấn đề này - nếu ngươi lắng nghe, ngươi sẽ hiểu vấn đề này.

6. Ngươi đã khởi sự lên đường, đang nhai một cây mía, khi ấy một người đàn ông đi đến đằng sau ngươi, ông ta nói với người bằng sự mong mỏi nhưng ngươi không chịu nói chuyện với ông ta một chút nào cả.

7. Và trước con người khinh khỉnh nín lặng của ngươi, ông ta đã nài xin rằng, "Thưa Ngài, xin vui lòng cho một ít mía". ông ta đã nói với ngươi. Ngươi cho ông ta một ít mía từ sau lưng của ngươi - đây chính là kết quả của nghiệp ấy.

8. Hãy nhìn đây, ngươi có thể lấy một ít mía từ đằng sau, khi ngươi đã lấy một ít rồi ngươi có thể nhai nó đến chừng nào ngươi thích - bằng cách này ngươi sẽ trở nên hoan hỉ, vui sướng, phấn khởi và được thoả mãn".

9. Ngạ quỉ đến lấy một ít mía từ đằng sau, khi đã lấy một ít mía rồi, ngạ quỉ nhai số mía ấy đến thoả thích, bằng cách này, nó trở nên hoan hỉ, vui sướng, phấn chấn và được thoả mãn.

Chú giải:

1. Ở đây CỦA CÁI GÌ (kissa): của loại nghiệp nào - đây là ý nghĩa.

2. TÔI ĐÃ ĐI ĐẾN ƯU BI (viha~n~naami): Tôi đã bị bức bách, nghĩa là đặc biệt tôi bị nghiền nát. Tôi bị băm xác: khajjaami=khaadiyaami (thể văn phạm hoán chuyển); nghĩa là tôi bị cắt bởi những ngọn lá của cây mía tựa như tôi bị xé nát bởi những ngọn lá dao sắc bén. KHI TÔI CỐ GẮNG (vaayanaami): Khi tôi ra sức để ăn cây mía. KHI TÔI THA THIẾT (parivakkaami): Khi tôi dốc sức. ĐỂ TIÊU

THỤ (paribhu~njitu.m) để tiêu thụ nước của cây mía, nghĩa là để nhai. SỨC MẠNH CỦA TÔI ĐÃ MẤT (chinnathaamo): Sự chịu đựng của tôi đã hết, sức mạnh của tôi đã bị tước đi, nghĩa là sức mạnh của tôi hoàn toàn bị kiệt quệ. VÀ ĐANG CHỊU KHÓ KHĂN LỚN (Kapa.no): Trong một trạng thái khốn đốn. CON KÊU KHÓC (laalapaami): con ta thán vì bị nỗi đau khổ cùng cực giáng xuống.

3. ĐẦY KHỔ LUỴ (vighaato): Đầy khổ lụy hay sức mạnh của vị ấy bị suy kiệt. CON NẰM SẤP TRÊN ĐẤT (Paripataami chamaaya.m): Vì không thể đứng được nên con ngã xuống đất. QUẦN QUẠI (parivattaami): lăn lộn. NHƯ KẺ SỐNG Ở TRONG NƯỚC (varicaro va): như con cá. TRONG SỨC NÓNG (ghamme): Trên đất khô mà bị thiêu đốt bởi sức nóng.

4. CON BỊ KHÔ CHÁY (santassito): rất khát vì đôi môi, vòng miệng và cuống họng đã trở nên khô, SỰ THOẢI MÁI HAY AN NHÀN (saatasukha.m): một trạng thái đầy đủ tiện nghi hay an nhàn, CON KHÔNG TÌM THẤY (na vinde): con không kiếm được. NGÀI: ta.m = tuva.m (thể văn phạm hoán chuyển).

5. NGƯƠI SẼ HIỂU: vijaana = vijaanaahii (thể văn phạm hoán chuyển).

6. ĐÃ LÊN ĐƯỜNG (payaato): đã bắt đầu đi. ĐI ĐẾN (anvagacchi): đi theo. TRONG SỰ MONG MỎI: paccaasanto = paccaasi.msamaano (thể văn phạm hoán chuyển).

7. ĐÓ LÀ CỦA NGHIỆP ẤY (tass'eta.m kammassa): Ở đây eta.m (không được dịch) chỉ là một tiểu từ; nó có nghĩa rằng đó là của nghiệp ấy.

8. CÓ THỂ LẤY MỘT ÍT TỪ ĐẰNG SAU (pi.t.thito ga.nheyyaasi) có thể lấy một ít mía chỉ từ đằng sau lưng của ngươi mà thôi. ĐƯỢC THOẢ MÃN: Pamodito=pamudito (thể văn phạm hoán chuyển).

9. KHI VỊ ẤY ĐÃ LẤY MỘT ÍT VỊ ẤY NHAI NÓ NHIỀU ĐẾN THOẢ THÍCH (gahetvaana ta.m khaadi yaava d attha.m): Khi nó đã lấy một ít mía theo cách đã được chỉ bày bởi Trưởng lão và đã nhai ăn nhiều đến thoả thích, nó lấy một bó lớn mía và dâng nó đến Trưởng lão. Để giúp đỡ nó, Trưởng lão bảo nó hãy đem bó mía ấy đi đến Ve.luvana và Trưởng lão dâng bó mía ấy đến Bậc Đạo sư. Đức Thế Tôn cùng với chúng Tỳ kheo khi ấy ăn nó và nói lời phúc chúc. Vị Peta ấy với lòng tịnh tín ấy trong tâm, đảnh lễ Đức Thế Tôn và ra đi. Từ đó trở đi nó ăn mía thoả thích thoải mái. Đến đúng lúc nó chết và sanh trong cõi Ba mươi ba.

Tuy nhiên biến cố liên quan đến Ngạ quỉ này được biết rõ trong cõi nhân loại. Dân chúng đi đến Bậc Đạo sư và hỏi ngài về biến cố ấy. Bậc Đạo sư giải thích đầy đủ

chi tiết vấn đề ấy và rồi thuyết giảng chánh Pháp. Khi họ đã nghe qua Pháp thoại này thì hội chúng ấy bèn từ bỏ bợn nhơ của lòng bỏn sẻn.

---o0o---

IV.06 TIỂU NHI QUỈ SỰ (KUMAARA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Thành phố có tên là Saavatthi ". Bậc Đạo sư khi đang ngụ ở jetavana, đã kể lại quỉ sự này, liên quan đến hai con Ngạ quỉ.

Tương truyền rằng tại Saavatthi, có hai đứa con trai của vua Kosala, cả hai đều đẹp trai và đang ở trong thời kỳ thanh xuân của cuộc đời, nhưng lại say mê với sự ngã mạn về tuổi trẻ, chúng đi đến với những người vợ của những người đàn ông khác. Khi chúng chết, chúng tái sanh làm những con Ngạ quỉ trong cái hào, và vào lúc ban đêm, chúng thường kêu than bằng tiếng kêu khủng khiếp. Khi dân chúng nghe tiếng này, họ bị khiếp đảm. Họ bố thí vật thực đến Chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu với ý nghĩ rằng, "khi đã hành động như vậy, điều xấu này có thể bị vơi dịu đi", và nêu lên vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói rằng, "Này các Thiện tín, không có tai hoạ nào có thể đến với các ngươi do nghe tiếng kêu ấy". Và rồi Ngài nói lên những câu kệ này để giải thích nguyên nhân của nó và để thuyết pháp cho họ:

1. Thành phố mang tên là Saavatthi nằm ở bên sườn của dãy núi Himaalaya. Ta đã nghe rằng ở đó có hai cậu con trai của vua.

2. Say mê trong sự quyến rủ và đang tìm khoái lạc trong sự thoả mãn các căn của chúng, chúng thèm khát hạnh phúc hiện tại và không quan tâm đến tương lai.

3. Và, khi lìa bỏ kiếp người, chúng đi từ đây đến thế giới bên kia, bây giờ không được trông thấy, chúng than phiền về điều ác mà chúng đã làm trong quá khứ khi nói rằng,

4. "Dầu vật tặng và những vật thí cúng dường có nhiều, đã được sửa soạn rồi, nhưng chúng ta đã không thể làm ngay cả đến một chừng mức có giới hạn để đem lại hạnh phúc cho chúng ta.

5. Điều ác nào có thể lớn hơn điều ác này - khiến chúng ta rơi khỏi gia đình của vua và sanh trong cõi Ngạ quỉ, chịu đói và khát?"

6. Sau khi đã làm những người cai trị ở chỗ này, chúng không còn là những người cai trị ở chỗ kia nữa- chúng đi lang thang trong sự đói khát; Trong khi còn làm người, chúng đã từng có địa vị cao tột. Bây giờ chúng ở địa vị thấp nhất.

7. Khi sự bất lợi bắt nguồn từ sự say mê với quyền lực được nhận ra và sự say mê quyền lực này được từ bỏ, thì con người đi về thiên giới; Vào lúc thân hoại mạng chung, con người có trí tuệ như vậy sẽ sanh trong cõi Chư thiên.

Chú giải:

1. Ở đây TA ĐÃ NGHE RẰNG (iti me suta.m): Nghĩa là không những ta đã trông thấy điều này bằng chính tuệ nhãn của ta, mà ta cũng đã nghe rằng nó đúng như vậy qua sự hiểu biết chung của nó trong thế gian.

2. KHI TÌM KIẾM KHOÁI LẠC TRONG SỰ THOẢ MÃN NHỮNG DỤC TRẦN (kaamassaadaabhinandino) Có tánh tìm kiếm khoái lạc bằng sự thoả mãn trong những khoái lạc của các căn. CHÚNG THÈM MUỐN HẠNH PHÚC HIỆN TẠI CỦA CHÚNG (paccuppannasukhe giddhaa): Chúng khao khát, thèm muốn, chỉ hạnh phúc tạm bợ. KHÔNG QUAN TÂM ĐẾN TƯƠNG LAI (na te pasi.msu naagata.m): Chúng không nghĩ về hạnh phúc sẽ có được trong cõi Chư thiên và cõi người trong tương lai, trong thời gian sắp đến, bằng cách từ bỏ ác hạnh và thực hành thiện hạnh.

3. BÂY GIỜ CHÚNG KHÔNG ĐƯỢC TRÔNG THẤY ĐANG KÊU THAN (te' dha ghosentyadissantaa): Những Ngạ quỉ ấy mà trước kia là những đứa con trai của Đức vua bây giờ kêu than không thể trông thấy được, chúng đang khóc than về điều gì? Ngài nói rằng. "Điều ác mà chúng đã làm trong quá khứ. Rồi để cho thấy bằng lối phân tích những từ về nhân và quả, lý do về sự than khóc này của chúng, những câu kệ bắt đầu bằng: "Dầu vật tặng có nhiều", được nói đến.

4. Ở đây DẦU CHO HIỆN HỮU NHIỀU (Bahuusu vata santesu) Dầu có nhiều bậc xứng đáng thọ lãnh những vật thí sẽ được tìm thấy. VÀ NHỮNG VẬT CÚNG DƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC SOẠN SẴN (deyyadhamme upa.t.thite): Và của cải của riêng chúng mà đáng được bố thí, là những vật cúng dường đang ở trong tâm tay, nghĩa là nó có sẵn. NGAY CẢ ĐẾN MỘT CHỪNG MỰC CÓ GIỚI HẠN MÀ SẼ ĐEM LẠI HẠNH PHÚC CHO CHÚNG TA (paritta.m sukhaavaha.m): Than ôi! chúng ta đã không thể hành động để đem lại sự an toàn cho chính chúng ta, sau khi đã không làm ngay cả một việc phước nhỏ nhặt nhất mà sẽ đem lại hạnh phúc cho chúng ta trong tương lai - đây là cách nên được hiểu.

5. CÓ ÁC NGHIỆP NÀO LỚN HƠN ÁC NGHIỆP NÀY (ki.m tato paapaka.m assa): Điều gì khác có thể đáng khinh hơn ác nghiệp này? RẰNG CHÚNG TA ĐÁNG PHẢI RƠI KHỎI GIA ĐÌNH CỦA VUA (yan no raajakulaa cutaa): nghĩa là chúng ta đáng phải rơi khỏi gia đình của hoàng gia do bởi những ác nghiệp ấy, và bây giờ sanh trong cõi Ngạ quỉ và đi lang thang đây đó, bị đói khát và vùi dập.

6. SAU KHI ĐÃ LÀM NHỮNG NGƯỜI CAI TRỊ Ở ĐÂY (Saamino idha hutvaana): Chúng đi lang thang ở đây trong thế gian này, trong chính chỗ này, nơi mà trước kia chúng là những người cai trị, nhưng chúng không còn là những người cai trị ở đó nữa, trong chính chỗ ấy. CÓ ĐỊAVỊ CAO CẢ TRONG KHI CÒN LÀM NGƯỜI, BÂY GIỜ CHÚNG CÓ ĐỊAVỊ THẤP NHỨT (manussaa unnatonataa): Dầu chúng là những người cai trị trong lúc chúng làm người, nhưng bây giờ, sau khi chết, chúng có địa vị thấp nhất và đi lang thang trong sự đói khát do bởi những ác nghiệp của chúng - hãy xem tánh chất của luân hồi đã được giải rõ.

7. KHI ĐIỀU BẤT LỢI BẮT NGUỒN TỪ SỰ SAY MÊ VỚI QUYỀN LỰC ĐƯỢC NHẬN RA (eta.m aadiinava.m ~natvaa issaramadasambhava.m): Khi điều bất lợi, sự lỗi lầm, mà bắt nguồn từ sự say mê với quyền thế, nghĩa là khi sanh trong cõi khổ được nhận ra và sự say mê với quyền uy này được từ bỏ, những việc phước sẽ được thực hiện đến cùng. NGƯỜI TA ĐI VỀ THIÊN GIỚI (bhave saggagato naro): Vị ấy sẽ đi đến cõi trời mà thôi, đến cõi devaloka .

Khi Bậc Đạo sư đã giải thích như vậy vấn đề về các Ngạ quỉ ấy, và khiến cho sự bố thí vật thực mà những người ấy đã làm đem hồi hướng đến những Ngạ quỉ ấy, Ngài thuyết giảng chánh pháp thích hợp với những căn tánh của hội chúng đã tụ họp ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho những người ấy.

---o0o---

[4.3]

IV.07 VƯƠNG NHI QUỈ SỰ (RAAJAPUTTA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Những ác nghiệp được làm trong quá khứ". Bậc Đạo sư khi đang ngụ ở Jetavana, đã kể lại quỉ sự này, liên quan đến một Peta mà đã từng làm con trai của một vị vua.

Liên quan đến điều này, ngạ quỉ kia là kẻ mà đã lâu là con trai của một vị vua tên là Kitava và cách đây đã lâu nó cũng đã xúc phạm đến một vị Phật Độc Giác, nên

phải tái sanh trong cõi Ngạ quỉ như là một dư báo của chính nghiệp ấy; do bởi nghiệp ấy, nó đã bị nấu sôi trong địa ngục trong nhiều ngàn năm rồi, và chính nó là kẻ được nêu ra ở đầy bằng câu kệ "Vị peta ấy là kẻ đã từng làm con trai của Đức vua.

Câu chuyện về Ngạ quỉ này đúng như câu chuyện đã được nêu ra đầy đủ chi tiết trong quỉ sự Saanuvaasi.m và do đó câu chuyên ấy nên được xem theo cùng cách như nó đã được nêu ra ở đó. Khi Trưởng lão đang giải thích vấn đề về những quyến thuộc Ngạ quỉ của vị ấy thì Bậc Đạo sư nói rằng, "đây không chỉ là trường hợp đối với quyến thuộc của ngươi, vì ngươi cũng từng làm một Peta trong kiếp ngay trước của ngươi và đã chịu đau khổ lớn", và theo lời thỉnh cầu của vị ấy, Bậc Đạo sư kể lại Vương nhi quỉ sự.

1. Kết quả của những nghiệp được làm trong quá khứ thường làm nhiễu loạn tâm; đó là sắc, thinh, hương, vị, và xúc, tất cả đều làm cho tâm hoan hỉ.

2. Khi vị ấy đã hưởng sự nhảy múa, ca hát, khoái lạc và sự vui chơi đến một giới hạn không nhỏ, vị ấy vui chơi trong vườn Ngự uyển. Khi vị ấy đi vào Gibibbaja,

3. Vị ấy trông thấy ẩn sĩ Sunetta, bậc đã nhiếp phục tự ngã và đã tập trung, thiểu dục, có sự độ lượng và thoả thích trong bất cứ cái gì phát sanh đến trong bát khất thực của Ngài.

4. Hoàng tử đi xuống khỏi lưng voi và nói rằng, "Thưa Ngài, Ngài có kiếm được cái gì không?" Khi ấy vị Sát đế lỵ giựt lấy cái bát của Ngài và đưa nó lên.

5. Rồi đập vỡ cái bát xuống đất cứng và rồi vừa đi vừa cười to, khi nói rằng, "ta là con trai của vua Kitava . Ngươi có thể làm gì được ta, hỡi con người ăn xin như ngươi?" kết quả của ác nghiệp ấy mà đứa con trai của đức vua phải lãnh chịu trong khi bị giam hãm trong địa ngục thật ác liệt.

7. Trong bốn lần tám mươi bốn Nahuta năm, kẻ làm ác ấy chịu đau đớn dữ dội trong địa ngục.

8. Nó bị nấu sôi khi nằm ngưỡng mặt lên và úp mặt xuống dưới, ở bên trái và bên phải; hai chân bị treo ngược và chỉ đứng, kẻ ngu ấy bị nấu trong một thời gian dài.

9. Trong nhiều Nahuta và trong nhiều ngàn năm nữa, kẻ làm ác ấy chịu đau khổ mãnh liệt trong địa ngục.

10. Đó là tính khốc liệt dành cho những kẻ làm hại những kẻ vô tội. những người làm những ác nghiệp như lăng mạ một vị ẩn sĩ có tâm đạo nhiệt thành, thì phải bị nấu sôi.

11. Nó lãnh chịu nhiều đau khổ ở đó trong nhiều năm và khi nó rơi khỏi đó, nó làm một ngạ quỉ thực sự bị đói và khát.

12. Khi điều bất lợi bắt nguồn từ sự say mê với quyền lực được nhận ra và sự say mê với quyền lực này được từ bỏ, thì người ta sẽ hành động bằng cách khiêm nhường.

13. Người mà có đầy sự tôn kính đối với chư Phật thì trong chính đời sống này sẽ được khen ngợi; và vào lúc thân hoại mạng chung, con người có trí tuệ này sẽ sanh lên trong thiên giới.

Chú giải:

1. Ở đây, KẾT QUẢ NHỮNG NGHIỆP ĐƯỢC LÀM TRONG QUÁ KHỨ THƯỜNG CHE MỜ TÂM TRÍ (pubbe kataana.m kammaana.m vipaako matthaye mana.m): khi quả của những bất thiện nghiệp được làm trong những kiếp quá khứ sanh lên và quả của nó được thực hiện bằng thân thường làm nhiễu loạn, nó thường tràn ngập tâm của những người mà bị che mờ bởi ngu si; Chúng thường đẩy mạnh những điều may mắn của riêng chúng để lấn áp và gây ra sự rủi ro tai hoạ cho những kẻ khác - đây là ý nghĩa. Bây giờ để chứng minh sự nhiễu loạn của tâm trí này, "về sắc, thinh v.v.." Được nói đến. Ở đây VỀ SẮC (ruupe): nghĩa là trong vấn đề thuộc sự thấy, nghĩa là về sự đạt được như được mong muốn, về những cảnh sắc khả ái. VỀ THINH (sadde): cách giải thích như thế cũng được áp dụng đối với những cảnh này. Rồi bằng những chữ đặc biệt, Ngài giải thích vấn đề mà trong đó ngài chỉ nói một chừng mức bằng những từ chung và nói lên những câu kệ đầu bằng, "khi vị ấy đã hưởng sự múa, hát". Để chứng minh điều này.

2. Ở đây KHOÁI LẠC (rati.m): Dục lạc. SỰ VUI CHƠI (khidda.m): Vui chơi với những người bạn của mình v.v... Giribaja (giribbaja.m): Raajagaha

3. ẨN S~N (isi.m): vị ấy là một ẩn sĩ, bởi vì vị ấy đã nỗ lực hành theo những giới phần v.v... Và các pháp khác của những bậc trí tuệ. SUNETTA (Sunetta.m): Đức Phật Độc Giác có tên ấy. ĐÃ NHIẾP PHỤC TỰ NGÃ (attadanta.m): có tâm được nhiếp phục bởi pháp nhiếp phục cao tột. ĐÃ TẬP TRUNG (saamaahita.m): đã tập

trung bằng định của quả vị A la hán. THOẢ THÍCH TRONG CÁI GÌ MÀ ĐI VÀO TRONG CÁI BÁT KHẤT THỰC CỦA VỊ ẤY (u~nche pattagate rata.m): thoả thích trong, bằng lòng với, bất cứ vật thực nào mà đi vào trong cái bát khất thực của Ngài, cái mà được đặt vào trong bát của Ngài, cái được thọ lãnh khi đi khất thực để nuôi mạng.

4. VÀ NÓI RẰNG, "NGÀI CÓ KIẾM ĐƯỢC CÁI GÌ KHÔNG, THƯA NGÀI?" (laddhaa bhante ti c'abravi): vị ấy nói với mục đích đoan chắc rằng, "Ngài không kiếm được gì phải không, thưa Ngài?" ĐƯA NÓ LÊN TRÊN (ucca.m paggcayha ): đưa nó lên cao, đưa cái bát lên.

5. VÀ ĐẬP BỂ CÁI BÁT XUỐNG ĐẤT CỨNG (tha.ndile patta.m bhinditvaa): và làm bễ cái bát bằng cách ném nó xuống ở phần có đá trên mặt đất. BỎ ĐI (apakkami): bỏ đi cách một khoảng đường ngắn và khi đang đi thì nói với Đức Phật Độc Giác - là người đứng nhìn với tâm bi mẫn khi nghĩ rằng, "bị che mờ bởi sự ngu si, người ấy đã tạo ra một sự bất hạnh lớn cho chính mình một cách vô cớ" - Khi nói rằng, "Ta là con trai của Đức vua Kitava ngươi có thể làm gì được ta, hỡi người ăn xin như ngươi?"

6. ĐỘC ÁC (bharusassa): không biết thương hại. DỮ DỘI (Ka.tuko): khó chịu. Cái mà (ya.m), là kết quả mà . BỊ GIAM HÃM (Samappito): bị dính vào.

7. TRONG SÁU LẦN TÁM MƯƠI BỐN NAHUTA CỦA NĂM (chao eva caturaasiiti vassaani nahutaani ca): Nằm ngưỡng mặt lên trong tám mươi bốn ngàn năm; trong tự úp mặt xuống, về bên trái của vị ấy, về bên phải của vị ấy, treo chổng chân lên trời và đứng như vậy qua sáu thời kỳ mỗi thời kỳ có tám mươi bốn ngàn năm vì lý do này Ngài nói rằng, "Nó bị nấu sôi khi nằm ngưỡng mặt lên và úp mặt xuống, về bên trái và bên phải của nó, chân chổng ngược đứng như thế kẻ ngu ấy bị nấu sôi trong một thời gian dài".

9. Những năm ấy, tuy nhiên, là những Nuhuta, bởi vì về số thì chúng có nhiều do đó Ngài nói, "Nahuta " CHỊU ĐAU ĐỚN MÃNH LIỆT (bhusa.m dukkha.m nigaccit.tho): gặp phải đau đớn cùng cực. NHIỀU (puugaami): sự tập hợp của những năm. Cả nhóm từ này ở đây và nhóm từ ở trong câu kệ trước sẽ được xem là đối cách trong ý nghĩa của một thời gian liên tục.

10. NHƯ VẬY (etaadisa.m): có hình thức như vậy. TÍNH KHỐC LIỆT (ka.tuka.m): Đau khổ cùng cực, sự mô tả này ở trung tánh cũng giống như câu "Vị ấy ngồi xuống ở một bên". (Ekamanta.m nisiidi) v.v... Có hình thức như vậy là tánh khốc liệt, là đau khổ cùng cực, dành cho những người mà làm hại những kẻ

vô tội; những người làm những ác nghiệp như lăng mạ, xúc phạm một vị ẩn sĩ chân chánh thì bị nấu sôi - Đây là nên được hiểu.

11. NÓ (so): con Ngạ quỉ mà đã từng làm con trai của đức vua. Ở ĐÓ (tattha): Trong địa ngục. THỌ LÃNH (vedayitvaa): chịu. THẬT SỰ (naama): vì rõ ràng và dễ thấy. KHI NÓ CHẾT Ở ĐÓ (tato cuto): khi nó mạng chung ở địa ngục. Phần còn lại cũng y như đã được nêu ra rồi.

Như vậy bằng bài pháp thoại này, liên quan đến Ngạ quỉ mà đã từng là con trai của một vị vua, Đức Thế Tôn đã làm xúc động những người đã hội họp ở đó, và sau đó giảng giải tứ đế và vào lúc kết thúc của thời Pháp ấy, nhiều người chứng đắc quả thánh Tu-đà-huờn v.v...

---o0o---

IV.08 PHẨN THỰC QUỶ SỰ (GUUTHAKHAADAKA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Sau khi đứng dậy khỏi nhà xí". Bậc Đạo sư khi đang ngụ tại Jetavana, đã kể lại quỉ sự này liên quan đến một Ngạ quỉ ăn phẩn.

Tương truyền rằng trong một ngôi làng nọ không cách xa thành Saavatthi, một người đàn ông giàu có đã sai dựng lên một tịnh xá dành cho một vị Tỳ kheo mà sống nhờ vào vật thí trong gia đình của ông ta. Các vị Tỳ kheo từ nhiều vùng khác nhau thường đến và trú ngụ ở đó. Khi trông thấy các Ngài thì dân chúng, với lòng tịnh tín trong tâm, bèn dâng cúng đến các Ngài bốn món vật dụng tốt nhất. Bấy giờ vị Tỳ kheo mà sống nhờ vào vật thí của gia đình ấy không thể chịu đựng điều này và, bị chế ngự bởi lòng ganh tỵ, bèn chọc tức vị gia chủ giàu có ấy bằng cách nói cho vị gia chủ biết những lỗi lầm của những vị Tỳ kheo mà sống nhờ vào vật thí trong gia đình của ông ta, lăng mạ họ.

Rồi vị Tỳ kheo sống nhờ vào vật thí của gia đình chết và tái sanh làm một Ngạ quỉ trong nhà xí của chính tịnh xá ấy, trong khi người đàn ông giàu có chết, ông ta tái sanh làm một Ngạ quỉ ở ngay trên đầu của con ngạ quỉ kia. Khi Đại Đức Mahaamoggallaana trông thấy nó, Ngài bèn hỏi nó bằng câu kệ này:

1. "Ai mà đứng trong trạng thái khốn khổ sau khi đứng dậy khỏi nhà xí? Không nghi ngờ gì, ngươi là một kẻ làm ác - tại sao ngươi tạo ra tiếng ồn ấy".

Khi nghe qua điều này, Ngạ quỉ ấy bèn để lộ chơn tướng của mình bằng câu kệ này:

2. "Bạch Ngài, con là một Ngạ quỉ đã đi đến kiếp sống đau khổ trong thế giới của Yama . Sau khi đã làm ác nghiệp, con đã ra đi từ đây đến thế giới của những Ngạ quỉ".

Rồi Trưởng lão hỏi nó về nghiệp mà nó đã làm bằng câu kệ này:

3. "Vậy ác nghiệp nào được làm bởi ngươi bằng thân, khẩu hoặc ý? Do kết quả của ác nghiệp nào khiến ngươi bây giờ phải chịu đau khổ này?"

Rồi Ngạ quỉ ấy nói cho Trưởng lão biết về nghiệp mà nó đã làm bằng hai câu kệ này:

4. "Con đã từng cúng dường một người thường trú, là người có tánh ganh tỵ và bỏn sẻn, ở quanh gia đình của con; vị ấy luyến ái với gia đình của con, là người bần tiện và hay

lăng mạ.

5. Khi con đã nghe điều mà vị ấy đã phải nói ra, con lăng mạ các vị Tỳ kheo - chính do kết quả của nghiệp ấy khiến con đã từ đây đến thế giới của những Ngạ quỉ".

Chú giải:

4. Ở đây CON ĐÃ CÓ MỘT NGƯỜI THƯỜNG TRÚ (ahu aavaasiko mayha.m): Con có một vị Tỳ kheo thường trú, trú ngụ thường xuyên trong tịnh xá mà con đã xây dựng trong chỗ ngụ của con. VỊ ẤY LUYẾN ÁI VỚI NHÀ CỦA CON (Ajjho sito mayha.m ghare): Do vì vị ấy lệ thuộc vào gia đình của con về vật thực nên vị ấy bám chắc vào nhà của con bằng sự đeo níu của ái dục.

5. VỊ ẤY (tassa): Vị Tỳ kheo mà sống nhờ vào gia đình của con về vật thí: NHỮNG VỊ TỲ KHƯU Bhikkavo = Bhikkhuu (Thể văn phạm hoán chuyển): Con chửi mắng (Paribhaasina.m): Con lăng mạ. CON ĐÃ ĐI TỪ ĐÂY ĐẾN THẾ GIỚI CỦA NHỮNG NGẠ QUỈ (petaloka.m ito gato): Bằng cách này, con đi đến cõi Ngạ quỉ con trở thành một Ngạ quỉ.

Khi nghe qua điều này, Trưởng lão bèn nói lên câu kệ này để hỏi về số phận của vị Tỳ kheo kia:

6. Người mà sống nhờ vào gia đình của ngươi về vật thực, là một kẻ thù mang lốt một người bạn. Con người ngu si ấy đã đi đến sanh thú nào khi thân hoại mạng chung?

Chú giải:

6. Ở đây TRONG LỐT CỦA MỘT NGƯỜI BẠN (Mitta va.n.nena): Bằng tướng mạo của một người bạn, cải trang làm một người bạn.

Ngạ quỉ ấy lại giải thích vấn đề ấy với Trưởng lão:

7. Con đang đứng ở trên đầu, ở trên đỉnh đầu của chính người làm ác nghiệp ấy. Vị ấy đã đi đến cõi kia và làm một người hầu cho riêng con.

8. Bạch Ngài, cái gì mà những người khác thải ra thì cái đó trở thành vật thực của con; Trong khi đó cái gì chính con thải ra thì Ngạ quỉ hầu ấy phải sống bằng cái đó".

Chú giải:

7. Ở đây CỦA CHÍNH NGƯỜI ẤY (tass'eva): Của con Ngạ quỉ mà trước kia là vị Tỳ kheo sống nhờ vào gia đình của con về vật thực. LÀ NGƯỜI ĐÃ LÀM ÁC NGHIỆP ẤY (paapakammassa): Là người có ác hạnh. CON ĐANG ĐỨNG Ở TRÊN ĐẦU, Ở TRÊN ĐỈNH (Siise ti.t.thaami matthake): Con đang đứng ở trên đầu, và bằng cách đứng như vậy, con đang đứng ngay trên chính đỉnh đầu, nghĩa là không phải ở bên trong cái đầu của hắn. ĐÃ ĐI ĐẾN CÕI BÊN KIA (paravisaya.m patto): Đã đi đến cõi Ngạ quỉ, là cõi bên kia so với cõi người.

8. CÁI GÌ NGƯỜI KHÁC THẢI RA, BẠCH NGÀI, (ya.m bhadante hanant'a~n~ne): Cái gì những người khác thải ra ở trong nhà xí, là phẩn mà họ thải ra, bạch Ngài, thưa Đức Ứng Cúng Mahaamoggallaana . CÁI ẤY TRỞ THÀNH VẬT THỰC CỦA CON (eta.m me

hoti bhojana.m): Phẩn ấy trở thành vật thực của con ngày này qua ngày khác. CÁI GÌ CHÍNH CON THẢI RA (ya.m haanamii): Phẩn mà con cũng đã thải ra sau khi ăn phẩn trước. HẮN ĐÃ SỐNG BẰNG THỨ ẤY (eta.m so upajiivati): Ngạ quỉ trước kia là vị Tỳ kheo sống nhờ vào gia đình của con về vật thí, đã sống ngày này qua ngày khác bằng cách ăn phẩn ấy của con, nghĩa là hắn nuôi dưỡng kiếp sống của hắn bằng cách này, trong hai người này, thì người đàn ông giàu có đã lăng mạ các vị Tỳ kheo, là những bậc có hạnh kiểm tốt, khi nói rằng, "tôi hy vọng rằng, các ông phải ăn phẩn là loại vật thực mà các ông thọ hưởng"; nhưng người mà sống nhờ vào gia đình của ông ta về vật thực thì đã xúi dục người đàn ông giàu có ấy để nói theo cách ấy, do đó chính hắn nên được xem là đã lăng mạ các vị Tỳ kheo bằng cách ấy, vì lý do này nên đời sống của hắn còn tệ hơn của người kia.

Đại Đức Mahaamoggallaana nêu lên vấn đề với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đè ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và, sau khi chỉ ra những qủa khổ của sự nói lăng mạ, bèn thuyết pháp đến hội chúng đã tụ họp ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho những người ấy.

---o0o---

IV.09 THỰC PHẨN QUỈ SỰ (GUUDHAKAADAKA PETAVATTHU VA.N.NANAA):

"Sau khi đứng dậy khỏi nhà xí". Quỉ sự này được nói đến khi Bậc Đạo sư đang ngụ tại Jetavana, liên quan đến một nữ Ngạ quỉ ăn phẩn.

Câu chuyện của nàng tương tự như câu chuyện trước. Ở đó, vì tịnh xá được dựng lên bởi nàng tín nữ ấy, nên nó đã được kể lại liên quan đến tín nữ ấy. Tuy nhiên ở đây, đó là một tín nữ - đây là sự khác biệt duy nhất. Trong phần còn lại của câu chuyện này và những câu kệ thì không có cái gì mà không có ở trong câu chuyện trước.

---o0o---

IV.10 QUẦN TẬP QUỈ SỰ (GA.NA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Các ngươi trần truồng và có hình tướng xấu xí". Quỉ sự này được kể lại trong khi Bậc Đạo sư đang ngụ ở Jetavana, liên quan đến một số đông những Ngạ quỉ.

Tương truyền rằng, tại Saavatthi có một số đông những người nọ làm thành một nhóm người không có đức tin cũng không có lòng tịnh tín, tâm của họ bị ám ảnh bởi bợn nhơ của lòng bỏn sẻn và chống lại các thiện hạnh như bố thí v.v... Chúng sống một thời gian dài và vào lúc thân hoại mạng chung, chúng tái sanh vào trong cõi Ngạ quỉ, ở gần với thành phố ấy. Bấy giờ vào một hôm nọ, khi Đại Đức Mahaamoggallaana đang đi đến Saavatthi để khất thực, Ngài trông thấy những Ngạ quỉ ấy trên đường đi của Ngài và hỏi chúng bằng câu kệ này:

1. Các ngươi trần truồng và có hình tướng thô xấu, gầy ốm với những đường gân lộ ra. Các ngươi là những người ốm yếu với những xương sườn lồi ra, bây giờ các ngươi là ai, thưa các ngài?

Chú giải:

1. Ở đây CÁC NGƯƠI CÓ HÌNH TƯỚNG THÔ XẤU, (dubba.n.naruupaa'tha): Các ngươi có thân hình xấu xí. Bây giờ CÁC NGƯƠI LÀ AI? (ke nu tumhe'tha): Bây giờ quả thật các ngươi có thể là ai. THƯA CÁC NGÀI (maarisaa): Ngài xưng hô với chúng như là những người ngang hàng với Ngài:

Khi chúng nghe qua điều này, thì những ngạ quỉ ấy bèn nói câu kệ này để cho biết rằng chúng là những Ngạ quỉ.

2. Bạch Ngài, chúng con là những ngạ quỉ, đã đi đến kiếp sống đau khổ trong thế giới của Yama. Sau khi đã làm những ác nghiệp, chúng con đã đi từ đây đến thế giới của những ngạ quỉ.

Trưởng lão lại hỏi một lần nữa về nghiệp mà chúng đã làm bằng câu kệ này:

3. "Vậy ác nghiệp nào được làm bởi các người bằng thân khẩu hay ý? Do quả của ác nghiệp nào khiến các ngươi phải đi từ đây đến thế giới của những Ngạ quỉ?"

Rồi chúng giải thích nghiệp mà chúng đã làm:

4. Ở những chỗ tắm công cộng, chúng con tìm kiếm những đồng tiền nhỏ; dầu những thí vật ở trong tầm tay nhưng chúng con không làm làm nơi nương tựa cho chính chúng con.

5. Chúng con đi đến con sông, cổ họng bị khô cháy, nhưng nó lại trở nên trống rỗng; giữa sức nóng, chúng con đi đến bóng mát nhưng nó trở nên bị thiêu đốt bởi mặt trời.

6. Và một làn gió như lửa thổi vào chúng con, đốt cháy chúng con, nhưng chúng con đáng bị điều này, bạch Ngài, và đau khổ khác còn kinh khủng hơn thế này.

7. Hơn nữa, chúng con đi dài những do tuần, bị đói và muốn vật thực, nhưng lại quay lui mà không kiếm được gì cả - phước của chúng con thật là mỏng manh.

8. Bị đói, mệt lả, lảo đảo và chìm xuống đất, chúng con nằm ngửa xoài người ra hay chúng con té ngã úp mặt xuống đất.

9. Khi chúng con té ngay chỗ ấy, lịm người xuống đất, chúng con đánh rầm những cái đầu và ngực của chúng con - quả thật phước của chúng con thật là mỏng manh.

10. nhưng chúng con đáng bị điều này, bạch Ngài, và đau khổ khác còn kinh khủng hơn thế này, vì dầu thí vật ở trong tầm tay, nhưng chúng con không làm chỗ nương tựa cho chính chúng con.

11. Rồi sau đó, khi chúng con đã ra đi khỏi đây và có được kiếp người trở lại, chúng con sẽ niềm nở, có giới đức và quyết tâm làm nhiều thiện nghiệp.

Chú giải:

7. Ở đây HƠN NỮA, CHÚNG CON ĐI NHIỀU DO TUẦN (api yojanaani gacchaama): Chúng con đi nhiều do tuần. Đi trong trạng thái như thế nào? BỊ ĐÓI VÀ MUỐN VẬT THỰC (chaataa aahaaragiddhino): Trong một thời gian dài chúng con bị đói, chúng con thèm muốn vật thực, khao khát nó, tuy nhiên dầu chúng con đã đi như thế, chúng con

đã phải quay lại mà không kiếm được một ít vật thực nào. PHƯỚC CỦA CHÚNG CON THẬT MỎNG MANH (appapu~n~nataa): Về phước, chúng con không có, chúng con đã không làm thiện nghiệp nào.

8. CHÚNG CON NẰM NGỮA SẢI NGƯỜI RA (uttaanaa pa.tikiraama): Đôi khi chúng con kết thúc bằng sự nằm ngửa mà xem ra tựa như tất cả tay chân của chúng con đã bị rã rời. CHÚNG CON TÉ SẤP (avakujjaa pataamase): Đôi khi chúng con té sấp.

9. CHÚNG CON (te ca): Những người ấy trong chúng con. CHÚNG CON ĐÁNH VÀO NHAU ĐẦU VÀ NGỰC CỦA CHÚNG CON (ura.m siisa~n ca gha.t.tema) Sau khi đã té xuống, kết thúc bằng sự úp mặt và không thể đứng dậy được, chúng con chỉ đánh đầu và ngực của nhau khi chúng con quằn quại đau đớn.

Phần còn lại cũng như đã được giải thích ở trên.

Trưởng lão nêu lên vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó. Khi nghe qua pháp thoại này mọi người đều từ bỏ bợn nhơ của lòng bỏn sẻn và thiên về thiện hạnh, thực hành những việc phước như bố thí v.v...

---o0o---

IV.11 HOA TỬ QUỈ SỰ (PAA.TALIPUTTA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Ngươi đã trông thấy những địa ngục và cõi súc sanh". Quỉ sự này được kể lại khi Bậc Đạo sư đang ngụ tại Jetavana, liên quan đến một Vimaanapeta nọ.

Tương truyền rằng nhiều thương nhân mà là những dân cư của thành Saavatthi và thành Paa.taliputa đang đi bằng những chiếc thuyền đến Suva.n.nabhumi khi ấy một vị thiện nam nọ, luyến ái với một người đàn bà, bị ngã bệnh và chết. Dầu anh ta đã làm những thiện nghiệp nhưng anh ta không sanh trong cõi Devaloka mà lại sanh làm một vị Vimaanapeta ở dưới đại dương, do bởi lòng luyến ái của anh ta với người đàn bà ấy. Người đàn bà mà anh ta đã luyến ái đang trên đường đi trong chiếc thuyền đến Suv.n.nabhuumi . Bấy giờ, vị peta vì muốn bắt người đàn bà ấy, bèn ngăn chặn không cho chiếc thuyền di chuyển. Rồi những thương nhân ấy khi tự hỏi lý do gì có thể khiến cho chiếc thuyền không di chuyển, bèn chuyền quanh cái thăm mà có điềm xấu và, do bởi năng lực thần thông của phi nhân, cái thăm đến nằm với người đàn bà không dưới ba lần, chính người đàn bà mà vị ấy ái luyến. Khi trông thấy điều này thì những thương nhân thả xuống một bó tre trong biển và để người đàn bà xuống ở trên bó tre ấy, và ngay khi người đàn bà đã được để xuống thì chiếc thuyền di chuyền đi nhanh đến Suva.n.nabhuumi . Vị phi nhân dẫn người dẫn người đàn bà lên đến cung điện của vị ấy và hưởng những thú vui tình ái với nàng. Khi nàng đã trải qua một năm ở đó, nàng trở nên bất mãn và xin vị peta ấy khi nói rằng, "Chừng nào em còn sống ở đây thì em không thể hành động cho lợi ích của em ở thế giới sau. Xin hãy đưa em đến Paa.taliputta, thưa Ngài"; Khi bị nài xin như vậy bởi nàng, vị ấy bèn nói lên câu kệ này:

1. Nàng đã trông thấy địa ngục và cõi súc sanh, những Ngạ quỉ, những vị A tu la, cũng như người và Chư thiên; Chính nàng đã trông thấy những quả nghiệp của một người

rồi. Ta sẽ đưa nàng an toàn đến Paa.taliputta . Khi nàng đã đi đến đó rồi, nàng phải làm những việc thiện.

Chú giải:

1. Ở đây NÀNG ĐÃ TRÔNG THẤY NHỮNG ĐỊA NGỤC (di.t.thaa tayaa nirayaa): Nàng đã trông thấy ngay cả những địa ngục riêng biệt. CÕI SÚC SANH (Tiracchaanayonii): Nàng cũng đã trông thấy những con thú có thần lực lớn như rồng và kim xí điểu v.v.. Đây là cách nên được hiểu. NHỮNG VỊ ASURA (Asuraa): loại kaalaka~njaka của Asuraa . NHỮNG VỊ CHƯ THIÊN (devaa): Một số Chư thiên thuộc cõi của bốn vị thiên vương.: Tương truyền rằng vị ấy thường dẫn nàng đi theo vị ấy thỉnh thoảng bằng oai lực của vị ấy và đi quanh chỉ cho nàng trông thấy những địa ngục riêng biệt v.v... Vì lý do này nên vị ấy nói rằng,

"Chính nàng đã trông thấy quả nghiệp của một người . Nàng đã đi đến địa ngục khác nhau v.v.. Và khi nhìn quanh nàng đã trông thấy, nàng có trông thấy, đối với chính nàng, với chính mắt của nàng, những kết quả của các nghiệp được làm bởi một người. "TA SẼ ĐƯA NÀNG AN TOÀN ĐẾN PAA.TALIPUTTA (nessaami ta.m paa.taliputta.m akkhata.m): Bây giờ ta sẽ đưa nàng đi, mà không bị làm hại, không bị làm tổn thương, đến Paataliputta trong hình tướng của con người nhưng khi nàng đi đến đó rồi, nàng phải làm những thiện nghiệp, nghĩa là vì nàng đã trông thấy bằng chính mắt của nàng những kết quả của các nghiệp thì nàng nên chuyên tâm vào thoả thích trong việc thực hành những việc phước.

Khi người đàn bà đã nghe điều mà vị ấy đã phải nói ra, nàng lấy làm hoan hỉ và nói lên câu kệ này:

2. ngài muốn cho tôi được tốt, hỡi yakkha, Ngài muốn cho tôi được lợi ích, Hỡi Devataa ; tôi sẽ làm điều gì mà ngài nói, Ngài là thầy của tôi. Tôi đã trông thấy những địa ngục và cõi súc sanh, những vị Peta, những vị Asura cũng như loài người và Chư thiên; Chính tôi đã trông thấy những quả nghiệp của một người. Những việc phước mà tôi quyết định sẽ làm không phải nhỏ.

Rồi vị Peta ấy dẫn người đàn bà đi xuyên qua hư không và đặt nàng ở giữa thành phố Paa.taliputta rồi ra đi. Khi những người bạn và những quyến thuộc v.v.. của nàng trông thấy nàng, thì họ vui mừng nghĩ rằng, dầu họ đã nghe trước kia rằng nàng đã bị thả vào trong biển và đã chết, tuy nhiên bây giờ nàng được trông thấy và, đầy biết ơn, đã trở về an toàn. Và họ tụ họp và hỏi nàng về biến cố. Nàng đã kể cho họ nghe mọi chuyện mà nàng đã thấy và đã trải qua, ngay từ đầu. Hơn nữa, những thương nhân mà là những dân cư của thành Saavatthi đúng lúc đã đến tại Saavatthi . Họ đi đến Bậc Đạo sư trong thời gian thích hợp, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống ở một bên, nêu lên vấn đề với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng Chánh Pháp cho tứ chúng. Dân chúng, đầy xúc động, trở nên thiên về những thiện nghiệp như bố thí v.v...

---o0o---

[4.4]

IV.12 ÂM-BA QUỈ SỰ (AMBA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Hồ sen này của ngươi thật vô cùng khả ái". Quỉ sự này được Bậc Đạo sư kể lại khi Ngài đang ngụ ở Saavatthi, liên quan đến một Ambapeta .

Tương truyền rằng, tại Saavatthi có một gia chủ nọ có của cải đã trở nên cạn hết. Vợ của ông ta đã chết và ông ta có một đứa con gái duy nhất, là người mà ông ta bỏ lại ở nhà của một người bạn và rồi, khi mang hàng hoá mà ông ta đã mua với số tiền vay một trăm Kahaapana, ông ta lên đường với một đoàn thương nhân để buôn bán, và chẳng bao lâu quay về nhà với đoàn thương nhân sau khi đã kiếm được một món tiền lời gồm năm trăm Kahaapana, phụ thêm với số tiền vốn. Trên đường đi, những tên cướp đi đến đoàn thương nhân và bao vây họ, và những người trong đoàn thương buôn bỏ chạy tứ tán. Tuy nhiên, vị gia chủ, để những đồng Kahaapana trong một cái bị và giấu gần đó, nhưng những tên cướp lại bắt và giết ông ta. Vì lòng tham lam của cải nên ông ta phải tái sanh làm một peta trong chính chỗ ấy.

Khi những vị thương nhân trở lại Saavatthi, họ thuật lại biến cố ấy với đứa con gái của ông ta, nàng đầy bất an và khóc than thảm thiết cho cả cái chết của cha nàng và khóc vì lòng mong mỏi phương tiện kiếm sống của chính nàng. Một người đàn ông giàu có mà đã từng là bạn của cha nàng khi ấy an ủi nàng, nói rằng, "cũng như những cái nồi của người thợ gốm, tất cả đều có sự hoại diệt khi chúng kết thúc; Do đó đời sống của chúng sanh cũng có sự hoại diệt vì sự kết thúc, cũng vậy đời sống của chúng sanh cũng có sự hoại diệt vì sự kết thúc của nó. Cái chết là thông thường đối với tất cả và không có loại thuốc chữa trị nào. Bởi vậy, con đừng nên ưu bi và ta thán quá mức cho cha của con. Ta sẽ làm cha của con và con sẽ là con gái của ta. Ta sẽ làm điều gì phải được làm cho cha của con. Con có thể sống hạnh phúc trong ngôi nhà này, không lo lắng, cũng như nó là nhà của cha con vậy". Nỗi sầu khổ của nàng được lắng dịu khi nghe những lời dạy này của ông ta và nàng trở nên có đầy sự tôn kính và tôn trọng đối với ông ta, tựa như ông ta chính là cha của nàng vậy; và do những hoàn cảnh khốn khổ của nàng, nàng trở thành người giữ nhà cho ông ta.

Khi thời gian trôi qua, nàng muốn tổ chức những lễ cúng cho người chết đến cha của nàng. Nàng nấu một ít cháo và trong một cái bát bằng đồng, nàng đặt một số trái xoài ngọt và đã chín lụng và có màu đỏ của chất tỳ sương, nàng sai người tớ gái mang cháo, những trái xoài đi theo nàng đến tịnh xá, vào đảnh lễ Bậc Đạo sư và rồi nói như vầy, "Cầu xin Bậc Đạo sư rũ lòng bi mẫn mà thọ nhận vật thí này của con". Bậc Đạo sư, tâm của Ngài bị rung động bởi lòng đại bi, khi làm cho ước muốn của nàng được thành tựu viên mãn, bèn tỏ ý muốn rằng Ngài sắp ngồi xuống. Quá vui sướng,nàng trải ra một tấm vải sạch và mới mà nàng đã đem theo, và sửa soạn một chỗ ngồi cho đức Phật cao quí, rồi dâng cúng chỗ ngồi này. Đức Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ ngồi đã được sửa soạn. Rồi nàng dâng món cháo đến Đức Thế Tôn và Đức Thế Tôn nhận lãnh món cháo. Rồi nàng cũng dâng cháo đến Chư Tăng, dành cho Chư Tăng. Sau khi nàng đã bố thí món cháo, một lần nữa với hai tay sạch sẽ, nàng dâng đến Đức Thế Tôn những trái xoài

và rồi Đức Thế Tôn

thọ thực. Nàng đảnh lễ Đức Thế Tôn và tác bạch như vầy, "Bạch Đức Thế Tôn, sự bố thí này mà con đã làm bằng vật thí gồm cái toạ cụ được trải ra, món cháo và những trái xoài, cầu xin cho vật thí ấy thấu đến cha của con"; Đức Thế Tôn nói rằng, "chúc thành tựu như ý" Và ban lời phúc chúc. Nàng đảnh lễ Đức Thế Tôn, đi vòng quanh Ngài và hướng về hướng phải rồi ra đi.

Ngay khi nàng hồi hướng phước thí ấy thì vị Peta ấy có được một rừng xoài, một công viên, một lâu đài, một cây như ý và một hồ sen như là sự vinh quang của Chư thiên. Rồi vào một dịp khác nọ, khi những thương nhân ấy đang đi để buôn bán, họ đi đến chính con đường ấy và cắm trại qua đêm ở chỗ mà họ đã ngụ lúc trước. Khi trông thấy họ, vị Vimaanapeta hiện ra trước mặt họ cùng với công viên lâu đài v.v... của vị ấy. Khi trông thấy vị peta ấy, những vị thương nhân bèn nói lên hai câu kệ này để hỏi về sự vinh quang mà vị ấy đã nhận được:

1. Hồ sen này của ngài thật vô cùng khả ái. Những bờ hồ xinh đẹp của nó bằng phẳng và nó có nhiều nước. Nó có nhiều hoa và lấm tấm khắp nơi những đàn ong - Làm sao ngài sanh ra mà có được cái hồ khả ái này?

2. Và khu rừng xoài này của ngài thật vô cùng khả ái và có trái suốt bốn mùa. Nó đang nở hoa và lấm tấm khắp nơi những đàn ong, làm sao Ngài sanh ra mà có được lâu đài này?

Chú giải:

1. Ở đây VÔ CÙNG KHẢ ÁI: Surammaa= su.t.thu rama.niiyaa (phối hợp cách). BẰNG PHẲNG (samaa): Có những bề mặt ngang bằng. NHỮNG BỜ HỒ XINH ĐẸP (Supatitthaa): Những chỗ tắm xinh đẹp do bởi những chiếc cầu thang của chúng được làm bằng châu báu. NÓ CÓ NHIỀU NƯỚC (mahodakaa): Hồ sen ấy có nhiều nước

2. TRONG TẤT CẢ CÁC MÙA (sabbotuka.m): Nó tạo ra sự hạnh phúc do bởi những cây của nó v.v... đầy những bông hoa và mang những trái trong khắp các mùa. Vì lý do này người ta nói rằng, "và mang những trái" NÓ ĐANG NỞ ĐẦY HOA (Supupphita.m): Vườn xoài nở hoa thường xuyên.

Khi nghe qua điều này, vị Peta bèn nói lên câu kệ này để giải thích cái gì là nguyên nhân khiến vị ấy có được hồ sen ấy v.v...:

3. Một vật thí bằng những trái xoài chín, nước và cháo, được cho ra bởi con gái của tôi - chính do bởi điều này khiến cho tôi nhận được bóng che mát mẻ và khả ái này ở đây.

Chú giải:

3. Ở đây CHÍNH DO BỞI ĐIỀU NÀY... ĐƯỢC NHẬN LÃNH BỞI TÔI Ở ĐÂY (tena me idha labhati): Bởi vì vật thí ấy gồm những trái xoài chín, nước và cháo được cho ra bởi con gái tôi đến Đức Thế Tôn và các vị Tỳ kheo, được cho ra bởi nàng dành cho tôi, chính do bởi vật thí này được cho ra bởi con gái của tôi nên những trái xoài chín được nhận lãnh bởi tôi ở đây trong rừng xoài Chư thiên này, trong tất cả các mùa, và cũng có được

nước Chư thiên trong cái hồ sen Chư thiên khả ái nầy; Trong khi đó, chính do vật thí nầy gồm món cháo và tấm vải được trải ra nên bóng mát khả ái và mát mẻ này được tìm thấy trong công viên này, cung điện này và cây như ý này v.v... Được nhận lãnh ở đây, nghĩa là được thành tựu.

Khi đã nói như vậy, vị Peta dẫn những thương nhân đi và chỉ cho họ thấy năm trăm Kahaapana khi nói rằng, "Các người có thể lấy một nửa của số tiền này và cho nửa kia đến con gái của tôi, bảo nàng hãy làm sạch món nợ của tôi và sống thanh thản".

Đến đúng lúc, những thương nhân đi đến Saavatthi kể cho đứa con gái của ông ta biết và cho nàng mọi thứ bao gồm phần tiền mà ông ta đã trao cho họ. Nàng trả một trăm Kahaapana đến những chủ nợ của ông ta và cho phần còn lại đến người đàn ông giàu có mà đã là bạn của cha nàng và, đối với chính nàng, vẫn ở lại làm người giữ nhà cho ông ta. Nhưng ông ta cho lại nàng món tiền ấy khi nói rằng, "Tất cả món tiền này là của riêng con". Và cho nàng làm nữ chủ trong ngôi nhà của đứa con trai đầu lòng của ông ta. thời gian sau, nàng có một đứa con trai và nàng thường nói câu kệ này khi nàng chăm sóc nó:

4. Hãy xem kết quả, ngay trong đời sống này, của sự bố thí, của sự thu thúc và tự chế. Tôi là một nữ nô lệ trong gia đình của chủ tôi, và bây giờ là nàng dâu của ông ta cũng là nữ gia chủ.

Rồi một hôm nọ Bậc Đạo sư, sau khi đã xem kỹ sự chín muồi trong tâm của nàng, bèn phóng ra hào quang của Ngài và hiện ra tựa như đang đứng đối diện với nàng, và rồi nói lên câu kệ này:

5. Người mà không siêng năng, bị chinh phục bởi sắc khả ái của những kẻ không khả ái, bởi sắc tướng dễ thương của những kẻ không dễ thương và bởi sắc tướng khả ái của cái đem lại đau khổ.

Nghĩa là: Những người nào mà không siêng năng và chánh niệm không hiện hữu trong họ, thì bị ngự trị, bị chiến thắng và bị che mờ bởi sắc tướng hảo huyền của ba cái này.

Vào lúc kết thúc của câu kệ này, nàng được an trú trong quả Thánh Tu- Đà- hườn; và ngày hôm sau, nàng bố thí vật thực đến Chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu, và rồi nêu lên vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã tụ họp ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho những người ấy.

---o0o---

IV.13 MỘC TRỤC QUỈ SỰ (AKKHARUKKHA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Khi một người cho ra thì không phải ngay ở đó". Đây là quỉ sự về người bố thí một cái trục xe. Câu chuyện bắt nguồn như thế nào?

Khi Đức Thế Tôn đang ngụ ở Saavatthi, thì có một vị Thiện nam nọ, là dân cư của thành Saavatthi chất đầy hàng hoá vào một số cỗ xe và đi đến videha để buôn bán. Ông ta bán hàng hoá của ông ta ở đó và chất đầy những hàng hoá mà ông ta đã mua lại, cho

vào trong những cỗ xe của ông và rồi đi vào con đường dẫn đến Saavatthi . Khi ông đang đi dọc theo con đường ấy ở trong khu rừng thì cái trục xe của một trong những chiếc xe của ông bị gãy. Bấy giờ có một người đàn ông nọ mà sau khi đã rời khỏi ngôi làng của ông ta và đang cho người mang theo cái rìu và búa để đốn cây đem về, đang lang thang trong rừng và đi đến chỗ ấy. Ông ta trông thấy tâm trạng chán nản của vị thiện nam do vì cái trục xe bị gãy ấy, bèn nghĩ rằng, "Vị thương nhân này đang sầu khổ ở trong rừng do vì cái trục xe bị gãy ấy". Và khi đem lòng thương hại vị thương nhân ấy, ông ta đốn hạ một cây, làm một cái trục xe cứng cáp, tặng nó cho vị thương nhân và gắn nó vào cỗ xe. Đến đúng lúc, ông ta chết và sanh làm một vị Chư thiên địa cầu trong cùng chỗ ấy ở trong khu rừng.

Khi đã quán xét về những nghiệp của mình vào lúc ban đêm, ông ta đi đến nhà của vị thiện nam ấy và nói lên câu kệ này khi đứng ở cửa nhà:

1. Khi người bố thí thì nó không phải chỉ nằm ở đó thôi đâu - người nên cho ra những vật thí đi; Khi người đã bố thí rồi thì người sẽ vượt qua cả hai, người đi đến cả hai bằng phương tiện này. Hãy giác tỉnh! Đừng dễ duôi!

Chú giải:

1. Ở đây KHI NGƯỜI CHO RA THÌ NÓ KHÔNG PHẢI CHỈ Ở ĐÓ (Ya.m dadaati na ta.m hoti) khi người cho ra một thí vật thì nó không phải chỉ nằm ở đó, mà trong thế giới bên kia, quả của vật thí cũng sẽ hiện ra nữa vì có nhiều quả khả ái và đầy hoan hỷ nữa. DO ĐÓ NGƯỜI NÊN TINH TẤN CHO RA NHỮNG VẬT

THÍ (deth'eva daana.m): Người cũng nên cho ra những vật thí thích hợp. Rồi vị ấy giải thích lý do: KHI NGƯỜI ĐÃ CHO, NGƯỜI SẼ VƯỢT QUA CẢ HAI (datvaa ubhaya.m tarati): Khi người đã cho những vật thí thì người sẽ vượt qua đau khổ và rủi ro cả trong đời này và trong đời sau nữa. NGƯỜI SẼ ĐI ĐẾN CẢ HAI BẰNG PHƯƠNG TIỆN NÀY (ubhaya.m tena gacchati): Người sẽ đến, người sẽ đạt đến, cả hạnh phúc trong đời này và trong đời sau bằng phương tiện của những vật thí này. Hơn nữa ý nghĩa nên được hiểu là, lợi ích và hạnh phúc dành cho cả chính mình và những người khác nữa. HÃY CẢNH GIÁC! ĐỪNG DỄ DUÔI! (jaagaratha mà pajjaha): Nghĩa là hãy tỉnh táo tìm kiếm những vật thí mà sẽ trổ sanh cả hai loại lợi ích và sự xua tan cả hai loại khổ đau bằng cách này. Hãy sửa soạn những món đồ vật để làm những vật thí và hãy siêng năng ở trong đó. Điều này được nói đến bằng cách lập lại ở đây để cho thấy sự tôn kính.

Khi vị thương nhân đã làm xong điều gì ông ta cần phải làm, ông ta quay về và đúng lúc đến tại Saavatthi vào ngày hôm sau. Ông ta đi đến Bậc Đạo sư, đảnh lễ Ngài, và khi ngồi xuống ở một bên, ông ta nêu lên vấn đề với Đức Thế Tôn. Bậc Đạo sư lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã tụ họp ở đó. Thời pháp đã đem lại lợi ích cho những người đã tụ họp ở đó.

---o0o---

IV.14 SÚC TÀI QUỈ SỰ (BHOGASA.MHARA.NA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Chúng ta tích lũy của cải". Đây là quỉ sự về sự tích lũy. Nó bắt nguồn như thế nào?

Tương truyền rằng khi Đức Thế Tôn đang ngụ tại Ve.luvana, có bốn người đàn bà ở thành Raajagaha đang bận rộn trong việc buôn bán thục tô, mật ong, dầu và ngũ cốc v.v... kiếm lợi một cách phi pháp bằng sự đong lường gian dối và bằng những mánh khóe bịp bợm khác. Vào lúc thân hoại mạng chung sau khi chết, họ sanh làm những nữ Ngạ quỉ trong một cái hào ở bên ngoài thành phố. Vào lúc ban đêm, họ bị hành hạ bởi nỗi đau khổ và đi lang thang phát ra tiếng kêu to lớn và kinh khủng khi gào lên rằng:

1. "Chúng ta tích lũy của cải đúng pháp và phi pháp. Bây giờ của cải này được hưởng bởi những người khác, trong khi số phận của chúng ta là đau khổ".

Dân chúng lấy làm khiếp đảm khi họ nghe tiếng gào la này; và khi trời hừng sáng, họ tổ chức một cuộc bố thí vật thực lớn đến Chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu và khi thỉnh Bậc Đạo sư và Tăng chúng đến, họ phục vụ các Ngài bằng vật thực thượng vị loại cứng loại mềm. Khi Đức Thế Tôn đã thọ thực xong và tay rời khỏi bát, họ ngồi xuống ở gần kề và kể lại biến cố ấy. Đức Thế Tôn nói rằng, "Nầy chư thiện tín, không có tai hoạ nào đến với các ngươi trong tiếng ấy cả. Đó chỉ là bốn nữ Ngạ quỉ bị hành hạ đau khổ, đang ta thán kêu to trong nỗi thất vọng của chúng sau khi nói về ác nghiệp mà chúng đã làm, chúng đã nói câu kệ này:

2. Chúng ta tích lũy của cải đúng Pháp và không đúng pháp. Bây giờ của cải này được hưởng bởi những người khác, trong khi đó số phần của chúng ta là đau khổ".

Chú giải:

2. Ở đây CỦA CẢI (Bhoge): Những của cải và phương tiện đặc biệt như y phục và những vật trang sức v.v... Mà được biết đến là "của cải" (Bhoga), bởi vì những của cải ấy có thể được người ta hưởng dụng (paribhu~njitabbatthena): CHÚNG TA TÍCH LUỸ (Sa.mharimha) với tâm của chúng ta bị ngự trị bởi bợn nhơ của lòng bỏn sẻn, chúng ta chất lên, mà không cho đến một ai cả. ĐÚNG PHÁP VÀ KHÔNG ĐÚNG PHÁP (Samenavisamena ca): Phải đạo và sái quấy, nhưng có vẻ hợp pháp. TRONG KHI ĐÓ PHẦN CỦA CHÚNG TA LÀ ĐAU KHỔ (maya.m dukkhassa bhaaginii): Do chúng ta không có thiện hạnh đối với bất cứ ai và do bởi ác hạnh của chúng ta khiến bây giờ chúng ta phải lãnh lấy số phần đau khổ to lớn này ở trong cõi Ngạ quỉ, nghĩa là chúng ta đang chịu đau khổ lớn.

Khi Đức Thế Tôn đã nói câu kệ như vậy mà được thốt lên bởi những Ngạ quỉ và kể lại biến cố ấy, Ngài lấy đó làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã tụ họp ở đó. Sau khi giải thích bốn chân lý cao thượng và sau khi kết thúc thời pháp ấy, nhiều người chứng đắc quả thánh Tu-Đà-hườn v.v...

---o0o---

IV.15 THƯƠNG TỬ QUỈ SỰ (SE.T.THIPUTTA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Trong sáu chục ngàn năm". Đây là quỉ sự về những đứa con trai của vị phú thương. Câu chuyện bắt nguồn như thế nào?

Đức Thế Tôn đang ngụ ở Jetavana, tại Saavatthii . Lúc bấy giờ vua nước Kosala là Paasenadi, đang đi quanh thành phố trong uy quyền vĩ đại của vua, trong sự rực rỡ

vĩ đại của vua, trang phục oai phong và cỡi trên con voi kiết tường nhất. Vị ấy trông thấy một người đàn bà có sắc đẹp giống như một nữ thần, nàng mở các cửa sổ ở gác trên của một ngôi nhà nọ và đang nhìn xuống xem sự vinh quang của vua. Với tâm bị ngự trị bởi sự tấn công dồn dập của những ô nhiễm đã nhanh chóng sanh lên trước một cảnh sắc mà vị ấy chưa hề trông thấy trước kia và dầu vị ấy đã có một hậu cung mà ở trong đó những cung nữ có những đặc tánh nổi bật như gia đình quí phái, sắc đẹp và thiện hạnh v.v.. Tuy nhiên đức vua vẫn đem lòng yêu thương người đàn bà ấy vì tâm của vị ấy phù phiếm và khó nhiếp phục. Đức vua ra hiệu cho người đàn ông ngồi ở gần tựa như muốn nói rằng, "Ngươi hãy để ý chỗ ngụ có tầng gác ấy và người đàn bà ấy", và rồi đi vào hoàng cung. Mọi điều khác sẽ được hiểu như đã giải thích ở trước rồi trong quỉ sự Ambasakkhara nhưng có sự khác biệt này. Ở đây người đàn ông đi đến ngay trước khi mặt trời lặn, khi cổng thành bị đóng lại, và treo đất sét đỏ và những hoa súng mà anh ta đã mang về ở trên cột của cái cổng, và rồi đi đến jetavana để ngủ. Trong khi đó đức vua, là người đã đi ngủ trong phòng ngủ của vua, vào canh giữa nghe bốn tiếng, "Du, sa, na, so", tựa như được thốt ra trong nỗi thất vọng từ cuống họng.

Tương truyền rằng đây là những chữ đầu của những câu kệ được thốt ra bởi bốn đứa con trai của vị phú thương mà đã lâu là những dân cư của thành Saavatthi, và là những người mà trong thời thanh xuân của chúng đã say mê với sự ngã mạn về của cải và đi chung với vợ của những người đàn ông khác, nên đã gây ra nhiều tội lỗi. Về sau chúng chết và sanh ra trong một cái vạc sắt gần chính thành phố ấy. Khi chúng đang bị nấu sôi, chúng thường nổi lên ở bờ miệng của cái vạc sắt, mỗi người nói lên một câu kệ, nhưng ngay khi chúng thốt ra chữ đầu thì chúng bị những cảm thọ đau đớn giáng xuống và chìm vào cái vạc sắt.

Khi Đức vua nghe tiếng ồn ào ấy, vị ấy đầy kinh hãi, bị giao động và tóc dựng đứng. Vị ấy trải qua phần còn lại của đêm trong đau khổ, và vào lúc trời rạng sáng sai gọi vị Tư Tế quan đến và kể cho ông ta nghe biến cố ấy. Khi vị Tư tế quan ấy biết được sự sợ hãi của đức vua, thì vị ấy, vì tham lam lợi lộc, suy nghĩ rằng, "một cách kiếm lợi dành cho ta và những Bà la môn đã sanh lên", Và nói rằng, "Tâu đại vương, một tai hoạ lớn chắc chắn đã sanh lên. Ngài phải cúng tế bốn cái của mỗi loài sinh vật". Khi nghe qua lời đáp lại này, đức vua bèn truyền lịnh cho những vị quan cố vấn đặc biệt rằng, "hãy sai sửa soạn bất cứ cái gì cần thiết cho cuộc cúng tế bốn vật của mỗi loại": Khi nghe qua lệnh truyền này, hoàng hậu Ma.llikaa nói với đức vua rằng, "Tâu đại vương, tại sao ngài lắng nghe những lời của những vị Bà la môn ấy và bây giờ muốn tổ chức những buổi lễ mà trong đó vô số chúng sanh sẽ phải bị giết hại? chắc chắn chính Đức Thế Tôn là người vận dụng trí tuệ vô ngại trong tất cả các pháp, là người nên được hỏi đến và sau đó bệ hạ nên hành động đúng theo lời đáp lại của Đức Thế Tôn".

Khi đức vua nghe qua điều mà nàng đã phải nói ra, vị ấy đi đến yết kiến Bậc Đạo sư và nên lên vấn đề với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói rằng, "Tâu đại vương, không có tai hoạ nào đến với với bệ hạ dù bất cứ điều gì từ nguyên nhân ấy". Và rồi giải thích vấn

đề ngay từ đầu về những chúng sanh mà đã sanh trong địa ngục vạc dầu bằng sắt. Rồi Ngài làm cho đầy đủ những câu kệ mà mỗi chúng sanh ấy bắt đầu nói ra, khi nói rằng:

1. Cả thảy chúng ta đều bị nấu sôi trong địa ngục đủ sáu chục ngàn năm - khi nào mới hết bị như thế này?

2. Sẽ không có sự chấm dứt - Tại sao có sự chấm dứt? không có sự chấm dứt ấy được vì đó là cách mà những ác nghiệp được làm bởi các bạn và tôi, thưa các Ngài.

3. Chúng ta đã sống một cuộc sống ác; dầu ở trong tầm tay nhưng chúng ta đã không bố thí từ đó - Dầu những vật thí ở trong tầm tay nhưng chúng ta không làm chỗ nương tựa cho chính chúng ta.

4. Như vậy, khi chúng ta đã đi khỏi đây và được sanh trong cõi người, tôi sẽ tỏ ra cởi mở, có giới đức và quyết tâm làm nhiều việc thiện.

Chú giải:

1. Ở đây TRONG SÁU CHỤC NGÀN NĂM: Sa.t.thi vassasahassaaani = vassaana.m sa.t.thisahassaani (phối hợp cách). Tương truyền rằng hễ chúng sanh nào sanh trong cái vạc sắt địa ngục sẽ đi xuống trong ba chục ngàn năm cho đến khi hắn đi đến mức thấp nhất, nhân đó hắn đi lên lại cũng trong ba chục ngàn năm cho đến khi hắn đến chỗ ở bờ miệng của nó. Để làm cho chúng ta nhận biết điều này, nó muốn nói lên câu kệ bắt đầu bằng: "Cả thảy chúng ta đã bị nấu sôi trong địa ngục trong sáu chục ngàn năm", Nhưng sau khi nói "sa" Nó bị rơi xuống bởi những cảm thọ đau đớn và chìm lại xuống dưới. Tuy nhiên, Đức Thế Tôn đã làm cho nó đầy đủ và kể lại nó cho đức vua nghe. Phần này cũng sẽ được áp dụng trong những câu kệ còn lại. Ở đây KHI NÀO SẼ CÓ SỰ CHẤM DỨT NỖI KHỔ NÀY (kadaa anto bhavissati): Khi nào sẽ có sự chấm dứt, có sự kết thúc nỗi đau khổ này là bị nấu sôi trong địa ngục vạc dầu bằng sắt?

2. Vì đó là cách mà (tathaa hi): Cũng như sẽ không có sự chấm dứt có thể thấy được về nỗi khổ này của các anh và tôi, đó là cách mà những ác nghiệp được làm bởi các anh và tôi - Nó sẽ được xem như vậy bằng sự thay đổi của biến tố.

3. MỘT ĐỜI SỐNG ÁC (dujjiivita.m): Một đời sống đáng bị chê trách bởi những bậc trí tuệ. DẦU Ở TRONG TẦM TAY (Ye sante): Dầu những vật thí ấy ở trong tầm tay, có sẵn đối với chúng ta. CHÚNG TA ĐÃ KHÔNG BỐ THÍ na dada.mhase = na dadamha (thể văn phạm hoán chuyển): Để làm cho sáng tỏ ý nghĩa của điều mà hắn đã nói, khi ấy Ngài nói rằng, "Dầu những vật thí ở trong tầm tay, nhưng chúng ta không làm chỗ nương tựa cho chính chúng ta".

4. TÔI=so 'ha.m= So aha.m (phối hợp cách): Khi ấy (nuna): là một bất biến từ về sự suy xét điều được nói ra. TỪ ĐÂY (ito): Từ địa ngục vạc sắt này. ĐÃ ĐI (gantvaa): Đã ra đi. ĐƯỢC VÀO CÕI NGƯỜI (yoni.m laddhaana maanusi.m): Có được cõi người, kiếp sống trong cõi người. CỞI MỞ (vada~n~nuu): có tánh rộng rãi hay tử tế với những người ăn xin. CÓ GIỚI ĐỨC (siilasampanno): Có giới hạnh. VÀ QUYẾT TÂM LÀM NHIỀU VIỆC THIỆN (kaahaami kusala.mbahu.m) Không rơi vào trong sự dễ duôi như trước kia chúng ta đã làm, ta quyết tâm làm nhiều việc thiện, nhiều việc phước, nghĩa là chúng

ta sẽ tích lũy chúng.

Khi Bậc Đạo sư đã nói những câu kệ này, Ngài thuyết giảng chánh pháp đầy đủ những chi tiết. Vào lúc kết thúc của thời pháp ấy, người đàn ông mà đã kiếm về đất sét đỏ được an trú trong quả thánh Tu- Đà- hườn. Đức vua đầy xúc động, bèn từ bỏ sự tham luyến vợ của người đàn ông khác và thoả mãn với vợ của chính mình.

---o0o---

IV.16 QUỈ SỰ VỀ SÁU CHỤC NGÀN CÁI BÚA (SA.T.THIKUU.TA SAHASSA PETAVATTHUVA.N.NANAA)

"Tại sao ngươi, như một người điên?" Quỉ sự này được kể lại trong khi Bậc Đạo sư đang ngụ ở Ve.luvana, liên quan đến một Ngạ quỉ nọ.

Tương truyền rằng, cách đây đã lâu ở trong thành phố Ba la nại, có một người què nọ có tài trong việc búng sỏi. Khi ông ta đã đạt đến sự toàn hảo như vậy về nghệ thuật búng sỏi, ông ta thường ngồi ở gốc của một cây đa ở cổng thành và bằng cách bắn vào những ngọn là của cây đa bằng những viên sỏi, ông ta thường tạo ra những mẫu hình về những con voi, những con ngựa, chiếc xe, người, những ngôi nhà tháp nhọn với những lá cờ, những cái lu đầy nước v.v... khiến cho chúng hiện ra trên những ngọn lá ấy. Những đứa trẻ của thành phố ấy thường trả công cho ông ta bằng những đồng tiền bỏ túi của chúng và bảo ông ta trổ tài theo ý thích của chúng. Rồi một hôm nọ, khi đức vua của thành Ba la nại rời khỏi thành phố, vị ấy đi đến gốc của cây đa ấy. Đức vua trông thấy nhiều hình thức và mẫu mã khác nhau như

hình của con voi v.v... dính vào những ngọn lá của cây đa ấy và hỏi mọi người rằng, "ai đã tạo ra những hình thể và những mẫu mã khác nhau bằng cách này trên những ngọn lá đa này?" Dân chúng chỉ về người què mà nói rằng, "Tâu bệ hạ, chúng được làm bởi người đàn ông ấy". Đức vua gọi người đàn ông ấy đến và nói rằng, "Hãy nhìn đây, có thể nào để ngươi làm đầy bụng một người đàn ông bằng những viên phân dê trong khi ông ta đang nói chuyện, mà không để cho ông ta biết, nếu ta chỉ cho thấy ông ta?" "Tâu bệ hạ, điều ấy có thể được". Ông ta đáp lại.

Đức vua dẫn ông ta đi đến hoàng cung và, chán nghe những lời lãi nhãi của vị tư tế quan, đã cho gọi vị tư tế quan ấy đến. Đức vua ngồi chung với vị Tư tế quan trong một chỗ cách biệt được bao quanh bởi một vách màng, và trong khi tham khảo ý kiến với vị Tư tế quan, bèn cho gọi người què đến. Người què đi đến mang theo một ống tre chứa đầy những viên phân dê, khi lưu ý chỗ ngồi của đức vua, ngồi xuống xoay mặt về phía vị Tư tế quan, và khi miệng của vị Tư tế quan hả ra thì ông ta bắn vào những viên phân dê xuyên qua một lỗ hở trên bức màng, viên này đến viên khác, đến đầy cuống họng của vị Tư tế quan. Do xấu hổ, không thể nôn ra trước mặt của đức vua, vị Tư tế quan đành phải nuốt hết tất cả những viên phân dê. Khi cái bao tử của vị Tư tế quan đã chứa đầy phân dê thì đức vua cho vị ấy ra về khi nói rằng, "Hãy đi, này ông Bà la môn, ông đã nhận lãnh kết quả của sự nói lảm nhảm của ông rồi đó. Khi ông đã uống thứ nước được làm từ trái cây được nghiền nát và những loại lá v.v.... Của cây Piya"ngu thì ông sẽ nôn ra. Bằng cách này ông sẽ hoàn toàn khỏe lại", và, thoả thích với điều mà người

què kia đã làm, bèn cho ông ta mười bốn ngôi làng.

Sau khi có được những ngôi làng này, chính ông ta được hạnh phúc và vui sướng luôn. Ông ta sống đầy đủ tiện nghi, nhưng không quên lãng những điều lợi ích trong cả đời sống này và thế giới bên kia và ông ta thường cho bất cứ cái gì cần thiết đến mọi người như những vị sa môn và những vị Bà la môn; trong khi đó ông ta cho vật thực và sự hưởng công đến những người mà đã đến với ông ta khi họ rèn luyện nghệ thuật của ông ta. Rồi một người đàn ông nọ, đi đến với ông ta và nói như vầy, "Xin hãy làm thầy của con và dạy cho con về môn này, nhưng con không dùng gì đến vật thực của thầy gọi là sự trả công". Ông ta dạy cho người đàn ông ấy về môn búng sỏi của mình. Sau khi trở thành lão luyện trong nghệ thuật búng sỏi bằng cách bắn sỏi vào người, anh ta đã làm bể đầu của Đức Phật Độc Giác Sunetta khi ngài đang ngồi trên bờ sông và Đức Phật Độc Giác nhập Niết bàn ngay tại đó ở trên bờ sông. Khi dân chúng nghe tin về biến cố này, họ đánh anh ta ngay tại đó bằng những cục đất và những cây gậy v.v... Và đã giết chết anh ta.

Khi anh ta chết, anh ta tái sanh trong đại địa ngục Aviici và bị nấu sôi trong nhiều ngàn năm trong địa ngục ấy. Trong suốt thời kỳ của Đức Phật này anh ta sanh lên,

do bởi dư báo của nghiệp ấy, làm một Ngạ quỉ không cách xa thành vương xá. Vì kết quả phải theo đúng với nghiệp, sáu chục ngàn cái búa được đưa lên vào buổi sáng, trưa và tối do bởi lực thôi thúc của nghiệp ấy và rồi giáng xuống trên đầu của hắn; nhân đó, cái đầu của hắn bị đánh và bị bể ra khiến hắn phải lãnh chịu những cảm thọ đau đớn cùng cực. Hắn thường té xuống đất, nhưng ngay khi những cái búa đã đi khỏi rồi thì hắn đứng dậy với cái đầu của hắn trở lại như cũ. Rồi một hôm nọ, Đại Đức Mahaamoggallaana đi xuống từ núi Kỳ xà quật, trông thấy hắn và hỏi hắn bằng câu kệ này:

1. Tại sao ngươi, như một người điên, lao đi chỗ này chỗ kia như một con nai bị khiếp đảm vậy? Không nghi ngờ gì ngươi là một kẻ làm ác - tại sao ngươi tạo ra tiếng ồn ấy?

Chú giải:

1. Ở đây NHƯ MỘT NGƯỜI ĐIÊN (Ummattaruupo va): Như người mà có tánh điên, như người bị phát điên. LAO ĐI CHỖ NÀY CHỖ KIA NHƯ MỘT CON NAI BỊ KHIẾP ĐẢM (Migobhanto va dhaavasi): lao đi chỗ này chỗ kia như một con nai bị hốt hoảng. Vì không thấy chỗ tránh né nào khi những cái búa sắt đang giáng xuống khiến hắn phải lao đi chỗ này chỗ kia hy vọng rằng, có lẻ nó sẽ không đánh ta ở chỗ này. Nhưng bị đưa lên bởi lực thôi thúc của nghiệp ấy chúng rơi xuống ngay trên đỉnh đầu của hắn ở bất cứ chỗ nào mà hắn đang đứng. TẠI SAO NGƯƠI TẠO RA TIẾNG ỒN ẤY (ki.m nu saddaayase tuva.m): Tại sao ngươi tạo ra âm thanh ấy, tại sao ngươi đi chỗ này chỗ kia tạo ra tiếng gào rất tuyệt vọng ấy?

Khi nghe qua điều này, Ngạ quỉ bèn đáp lại bằng hai câu kệ này:

2. Bạch Ngài, con là một Ngạ quỉ đã đi đến kiếp sống đau khổ của Yamma. Sau khi đã làm ác nghiệp, con đã đi từ đây đến thế giới của những Ngạ quỉ.

3. Cả thảy đủ sáu chục ngàn cái búa rơi xuống trên dầu của con và những cái búa này đập vỡ cái đầu của con.

Chú giải:

3. Ở đây SÁU CHỤC NGÀN CÁI BÚA (Sa.t.thikuu.ta sahassaani): Đến sáu chục ngàn cái búa bằng sắt. CẢ THẢY (Sabbaso): Tổng số, tương truyền rằng cái đầu của hắn có cỡ bằng cái đỉnh núi, đủ lớn để sáu chục ngàn cái búa giáng xuống. Những cái búa đang giáng xuống ấy làm bể cái đầu của hắn đến mức độ mà ngay cả một chỗ để đầu của cọng tóc có thể xuyên qua cũng không có. Vì lý do này hắn tạo ra tiếng kêu đau đớn; vì lý do này khiến hắn nói rằng, "Cả thảy đủ sáu chục

ngàn cái búa, rơi xuống trên đầu của con và những cái búa này đập bể cái đầu của con".

Rồi Trưởng lão dò hỏi về nghiệp mà hắn đã làm bằng hai câu kệ:

4. Bây giờ ác nghiệp nào được làm bởi ngươi do thân, khẩu hoặc ý? do kết quả của nghiệp nào khiến ngươi đã đi từ đây đến thế giới của những Ngạ quỉ?

5. Tại sao đủ cả thảy sáu chục ngàn cái búa rơi xuống trên đầu của ngươi, và tại sao những cái búa này đập bể cái đầu của ngươi?

Ngạ quỉ ấy nói lên ba câu kệ để giải thích nghiệp mà hắn đã làm:

6. Con đã trông thấy Đức Phật Sunetta, là người mà trong đó các căn đã được tu tập, đang ngồi dưới một cội cây, đang thiền quán và không sợ gì từ bất cứ hướng nào.

7. Do một cú búng những viên sỏi của con, con đã làm bể cái đầu của Ngài - chính do kết quả của nghiệp ấy khiến con phải chịu đau khổ.

8. Đủ cả thảy sáu chục ngàn cái búa rơi xuống trên đầu của con và những cái búa này đập bể cái đầu của con.

Chú giải:

6. Ở đấy ĐỨC PHẬT (Sambuddha.m): đức Phật Độc Giác. SUNETTA (sunetta.m): người có tên ấy. NGƯỜI MÀ TRONG ĐÓ CÁC CĂN ĐÃ ĐƯỢC TU TẬP (bhaaviti~ndriya.m): Người mà trong đó các căn như tín căn v.v.. đã được tu tập bằng sự tu tiến của thánh Đạo.

7. Do một cú búng những viên sỏi (saalittakappahaarena): Do sự đánh bằng cách búng đi những viên sỏi theo cách như sau: Sự thực hành về việc búng sỏi bằng những ngón tay hay một cái ná nhỏ. Một cách đọc khác là, Bằng sự đánh qua việc búng đi những viên sỏi (Saalittakappahaga.nena): CON LÀM VỠ: Bhindissa.m = bhindi.m (thể văn phạm hoán chuyển).

Khi nghe qua điều này Trưởng lão bèn nói lên câu kệ kết thúc, để cho thấy rằng quả của nghiệp trước mà bây giờ hắn đang nhận lãnh thật hoàn toàn đúng với việc mà hắn đã làm:

9. Thật đáng đời cho ngươi, một kẻ hèn hạ như ngươi, rằng cả thảy đủ sáu chục ngàn cái búa giáng xuống trên đầu của ngươi và những cái búa này đập bể cái đầu của ngươi.

Chú giải:

9. Ở đây ĐÁNG ĐỜI CHO NGƯƠI (dhammena): Nó đúng với nhân của nó (Ngươi, te = tava; thể văn phạm hoán chuyển). Quả này mà đến với ngươi thật hoàn toàn thích hợp với ác nghiệp mà ngươi đã làm trong việc xúc phạm vị Phật Độc Giác ấy. Do đó Trưởng lão chỉ cho thấy rằng điều này không thể được tránh né bởi bất cứ ai, dầu là Chư thiên hay ma vương hay Phạm thiên, hơn nữa ngay cả Đức Phật Toàn giác.

Bấy giờ, khi Trưởng lão đã nói như vậy, ngài bèn đi từ đó đến thành phố để khất thực và khi ngài đã thọ thực xong, Ngài đi đến Bậc Đạo sư vào buổi chiều và nêu lên vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và, trong khi thuyết giảng Pháp đến tứ chúng, cho biết những đức tánh kỳ diệu của Chư Phật Độc Giác và tánh cách mà các nghiệp không bị vô hiệu. Mọi người đầy xúc động, đầy niềm tin; Họ từ bỏ những ác nghiệp và thiên về những việc phước như bố thí v.v...

Phần trình bày quỉ sự về sáu chục ngàn cái búa đã kết thúc- Như vậy phần trình bày về ý nghĩa của phẩm thứ tư, Đại phẩm, mà được tôi điểm bởi mười sáu câu chuyện trong những câu chuyện Ngạ quỉ này của bộ Khuddaka Nikaaya đã kết thúc.

---o0o---

NHỮNG LỜI NHẬN XÉT ĐỂ KẾT LUẬN

Như vậy:

1. Những kẻ mà đã sanh trong cõi Ngạ quỉ tất cả đều là những người đã làm ác nghiệp; Do bởi những ác nghiệp ấy, quả dành cho chúng là xấu và khốc liệt.

2. Sự chứng minh và giải thích điều này bằng lối vấn đáp là giáo lý cần thiết, khiến cho chúng sanh phải kinh cảm.

3. Bộ Ngạ quỉ ấy hình thành một thiện luận sự và được khéo thành lập trên một sự hiểu biết toàn diện về đề tài, nghĩa là, những quỉ sự mà đã được kiết tập bởi những bậc thầy vĩ đại.

4. Khi dựa vào trên đó, theo cách của bộ chú giải cổ xưa của chúng, để làm trong sáng ý nghĩa của chúng, tôi đã thực hiện phần trình bày này về ý nghĩa của chúng.

5. Nghĩa là, phần giải thích về ý nghĩa bên trong, làm sáng tỏ một cách đúng đắn những ý nghĩa bên trong ở nhiều chỗ trong đó.

6. Sự phân tích có thứ lớp này về những ý nghĩa vi tế mà bao gồm đến mười lăm phần tụng đọc về kinh bây giờ đã đến chỗ kết thúc rồi.

7-8. Do nhờ oai lực của bất cứ phước báu nào mà tôi đã làm được qua sự biên soạn bộ chú giải bằng cách này, cầu mong tất cả chúng sanh đều được thấm nhuần giáo pháp của đấng cứu rỗi thế gian và cầu mong tất cả chúng sanh được nếm hương vị giải thoát

qua hạnh kiểm thanh tịnh và giới đức đầy đủ v.v...

9. Cầu mong cho giáo pháp của Đức Phật toàn giác được trường tồn trong thế gian và cầu mong cho tất cả chúng sanh luôn luôn có lòng kính mộ giáo pháp ấy.

10. Cầu mong thần mưa cũng rơi xuống thích hợp và đúng lúc, và cầu mong chúa của quả đất sùng mộ giáo pháp chân chánh và trị vì thế gian theo đúng với chánh pháp.

Như vậy phần trình bày về ý nghĩa của những quỉ sự được thực hiện bởi Đại Đức Aacariya Dhammapaala, là vị Tỳ kheo và là bậc hiền trí cao quí và cũng là vị Sa môn trú ngụ trong tịnh xá Badaratittha, đã kết thúc.

- Kết thúc bộ Chú giải Ngạ quỉ sự -

---o0o---

Hết

*Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.*